

TUYỂN TẬP KHUYẾN TU TỊNH ĐỘ



Biên soạn và kết tập
Nguyễn Long, Pháp danh Minh Tâm

Phật lịch 2556 – 2012

Mục Lục

PHÁP MÔN MỘT ĐỜI THÀNH TỰU	7
VÌ SAO PHẢI CẦU SANH TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC ?	19
KHÔNG PHÁT TÂM BỒ ĐỀ KHÔNG THỂ VẮNG SANH	26
BA MÓN TƯ LƯƠNG: TÍN, NGUYỆN, HẠNH.....	29
LƯỢC LUẬN AN LẠC TỊNH ĐỘ NGHĨA	35
CHÂN THẬT NIỆM PHẬT	51
TÍN NGUYỆN HẠNH VÀ CÁCH THỨC NIỆM PHẬT	55
TỪ TÁN TÂM NIỆM PHẬT ĐI ĐẾN ĐỊNH TÂM NIỆM PHẬT	59
TẠI SAO CÓ CẢNH GIỚI MA ?	64
TẤT CẢ CHÚNG SANH VỐN DĨ LÀ PHẬT	65
NGƯỜI NIỆM PHẬT PHẢI ĐOẠN CỘI GỐC ÁI DỤC	72
TỨ HOẰNG THỆ NGUYỆN.....	74
PHÁP MÔN NIỆM PHẬT LÀ PHƯƠNG TIỆN THỪ THẮNG CỦA NHƯ LAI.....	87
SANH TỬ LÀ VIỆC ĐẠI TRỌNG.....	96
SỰ THỪ THẮNG CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ.....	105
NHỮNG PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT	127
PHÁT BỒ ĐỀ TÂM, MỘT LÒNG CHUYỀN NIỆM	155
LÀM THẾ NÀO ĐỂ THÀNH MÃN BỒ ĐỀ TÂM.....	158
TỊNH ĐỘ NGHI LUẬN	167
PHƯƠNG THUỐC VI DIỆU TRỊ TÂM BỆNH.....	194
HÓA GIẢI VÌ CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC TRÊN BÌNH DIỆN TOÀN CẦU	195
BÀI PHÁP LỤC HÒA.....	211
ƯU ĐÀM ĐẠI SỰ KHAI THỊ	224
TU TÂM THANH TỊNH.....	226
CHO NGƯỜI GIÀ BỆNH.....	230
NIỆM PHẬT CÁCH NÀO GỌI LÀ LÃO THẬT NIỆM PHẬT ?	243
THẾ NÀO LÀ NIỆM PHẬT TAM MUỘI?.....	246

NHỮNG NĂNG LỰC VÀ CẢM GIÁC CỦA NGƯỜI LÚC LÂM CHUNG	248
KHUYẾN TÂN HUYNH ĐỆ ĐỒNG TU NIỆM PHẬT CẦU SANH TÂY PHƯƠNG.....	257
TIN LỜI PHẬT DẠY	261
TÂM NGẢ MẠN.....	268
TÂM PHAN DUYÊN.....	274
TÂM SÂN GIẬN.....	278
NGẢ CHẤP VÀ NGẢ SỞ CHẤP	283
TÂM TỪ BI	290
Y PHÁP BẤT Y NHÂN	302
PHẠM SỞ HỮU TƯỚNG GIAI THỊ HƯ VỌNG	309
ĐÔN LUÂN TÂN PHẬN, NHÀN TÀ TỒN THÀNH, LÃO THẬT NIỆM PHẬT, CẦU SANH TỊNH ĐỘ	313
KHAI THỊ SÁM HỐI CHO CHÚNG SANH.....	317
CÁCH GIẢI TRỪ OÁN THÙ VỚI OAN GIA TRÁI CHỦ	319
PHÁT NGUYỆN ĐÁNH LỄ PHẬT A DI ĐÀ	324
PHÁT NGUYỆN VẮNG SANH TÂY PHƯƠNG.....	327
PHƯƠNG PHÁP NIỆM 10 DANH HIỆU A DI ĐÀ PHẬT	330
NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI TỊNH TỌA NIỆM PHẬT	331
MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM.....	337
Ý NGHĨA VÀ CÁCH THỨC LẠY PHẬT	339
ĂN CHAY	343
TẠI SAO CHÚNG TA PHẢI PHÓNG SANH?.....	355
HỎI ĐÁP TRỢ NIỆM KHI LÂM CHUNG	357
NHIỀU NGƯỜI VẮNG SANH CÙNG LÚC THÌ LÀM SAO PHẬT A DI ĐÀ ĐẾN TIẾP DÀN HẾT ĐƯỢC?	615
TRI ÂN BÁO ÂN	617
TÂM THƯ	621
TÁC GIẢ KHÔNG GIỮ BẢN QUYỀN	623
LỜI CẢM TẠ VÀ HỜI HƯỚNG	624
DANH SÁCH AN TỔNG	625

Đôi lời bày tỏ,

Chúng tôi xin mạn phép dùng một phần lời tựa của Pháp Sư Diệu Chơn viết trong sách ‘Sức Chung Tu Tri’, vừa để giới thiệu về Pháp Môn Tịnh Độ và cũng thay lời mở bày của chúng tôi về mục đích của quyển “Tuyển tập Khuyến Tu Tịnh Độ” này.

Phật tử Nguyễn Long, Pháp danh Minh Tâm

Nam Mô A Di Đà Phật.

---o0o---

Như Lai vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời nhằm mở bày cho chúng sinh ngộ vào tri kiến Phật. Tuy nhiên, muốn mở bày để ngộ vào tri kiến hẳn phải có phương tiện – Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa – Thế nên mới có ba tạng giáo điển và mười hai bộ kinh, gồm thấu tám vạn bốn ngàn pháp môn. Lễ cùng cực ấy đều vì mở bày ngộ vào tri kiến Phật và đều vì một đại sự nhân duyên này vậy!

Pháp môn Tịnh Độ gọi là phương tiện thứ nhất trong các phương tiện, là vô thượng liễu nghĩa trong các pháp liễu nghĩa, viên đốn đến cùng cực trong các pháp viên đốn.

Đại sư Ngẫu Ích nói: “Chư Phật vì thương xót chúng sanh mê mờ nên theo căn cơ mà giáo hóa, tuy nẻo về không hai nhưng phương tiện có nhiều môn. Song trong tất cả các phương tiện, nếu tìm pháp môn rất vắng tắt, rất viên đốn thì chẳng gì bằng “**niệm Phật để cầu sanh Tịnh Độ**”. Thế nên pháp môn Tịnh Độ là phương tiện và cũng là chân thật.

Tổ sư Ấn Quang đã từng dạy: “Nếu chúng sanh trong chín cõi lìa bỏ pháp này thì trên không lấy đâu mà thành Phật đạo, còn mười phương chư Phật nếu bỏ pháp này thì dưới không thể độ khắp chúng sanh”. Vì pháp môn Tịnh Độ có công dụng như thế, nên mười phương chư Phật đều khen ngợi, chín cõi đồng về, ngàn kinh đều xiển bày và muôn luận thầy thầy tuyên vậy! ...

Pháp sư Diệu Chơn

Tháng 10 Âm lịch, năm Giáp Ngọ tại Hoằng Hóa Xã – Thượng Hải.



Nhật Dạ Hiền Giả



*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng
Quá khứ đã đoạn tận
Tương lai lại chưa đến
Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây
Không động, không rung chuyển
Biết vậy, nên tu tập
Hôm nay nhiệt tâm làm
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được
Vội đại quân thân chết
Trú như vậy nhiệt tâm
Đêm ngày không mệt mỏi
Xứng gọi Nhật Dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

PHÁP MÔN MỘT ĐỜI THÀNH TỰU

Trích trong Liên Trì Cảnh Sách

Viết dịch: Thích Quảng Ảnh

---o0o---

Chỉ nương pháp niệm Phật sẽ qua được biển sanh tử.

Kinh Đại Tập nói rằng: “Thời đại mạt pháp hàng trăm triệu người tu hành, ít có một người đắc đạo, chỉ nương niệm Phật sẽ qua được biển sanh tử”. Thời đại mạt pháp, căn khí chúng sinh ngu si yếu đuối. Không nương tựa vào sức đại từ, đại nguyện của đức Phật A Di Đà mà có thể đời này thành tựu sự giải thoát sanh tử, trong ức ức vạn người khó có một. Vậy hãy cẩn thận tuân theo lời chỉ dạy của đức Phật. Xin khuyến các vị hãy thành thật niệm Phật, một cửa thâm nhập, bằng không thì khó lo xong việc lớn sanh tử!

Chẳng biết tốt xấu

Thời mạt pháp nếu bỏ đi pháp môn niệm Phật thì không có bất cứ pháp môn nào có thể giải thoát được sanh tử. Bạn chẳng biết được tốt xấu, chẳng biết mình là phạm phu ngã mạn, trí tuệ mờ tối, chướng sâu, phước mỏng, nghiệp dày. Không chịu căn cứ vào lời dạy của đức Phật, thành thật tu hành nương nhờ sức Phật cứu giúp. Pháp môn niệm Phật không thể nghĩ bàn. Lại theo ý riêng tu hành các pháp môn khác thì không có cách gì đạt được lợi ích và thọ dụng chân thật, lại không thể giải thoát khổ đau sanh tử trong đời này!

Nguyên nhân Như Lai ra đời

Đại sư Thiện Đạo nói rằng: “Nguyên nhân Như Lai ra đời chỉ nói bản nguyện của Phật A Di Đà”. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại đời ác năm trước nói pháp 49 năm, điều quan trọng nhất là dạy chúng ta niệm Phật một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, giới thiệu cho chúng ta pháp môn Tịnh Độ thù thắng, có thể một đời thành tựu việc giải thoát sanh tử.

Người niệm Phật có đại phước báo

Người có thể nghe và tin đến được một câu Nam Mô A Di Đà Phật này, họ đã nhiều đời nhiều kiếp đến nay tích lũy bao nhiêu nhân duyên căn lành phước đức, mới có thể đời nay gặp nghe và thọ trì pháp môn Tịnh Độ. Vì thế, người tín thọ niệm Phật đều có phước báo lớn.

Phước báo trời, người

Đời nay nếu không niệm Phật cầu vãng sinh, tất cả sự nỗ lực chỉ là phước báo nhân thiên, không có cách gì một đời này thoát khỏi sanh tử, vẫn phải trở lại luân hồi nơi sáu đường, quả thật đáng tiếc!

Thiền thâm diệu vô thượng

Kinh Đại Tập nói rằng: “Người tu hành chỉ niệm A Di Đà Phật, đó gọi là thiền thâm diệu vô thượng. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật chính là thiền, thiền này lại là thiền thâm sâu vô cùng thù thắng”.

Thần chú thật đơn giản và chân thật

Một câu Nam Mô A Di Đà Phật chính là mật. Sáu chữ hồng danh này y theo phạn văn, chưa phiên dịch một chữ, nên sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật là thần chú rất đơn giản và chân thật.

Niệm Phật bằng với việc tụng hết thầy Kinh

Trọn bộ kinh Đại Bát Nhã cô đọng lại chính là một câu Nam Mô A Di Đà Phật. Lại còn nói thêm rằng: “Tam tạng mười hai bộ kinh gói gọn trong một câu Nam Mô A Di Đà Phật”. Vì thế, niệm Phật một câu liền bằng với tụng hết Tam Tạng kinh điển.

Niệm Phật không thể nghĩ bàn

Một câu Nam Mô A Di Đà Phật đã là thiên, là mật rồi, lại còn là tổng quát hết cả Tam Tạng kinh điển. Nên pháp môn niệm Phật thật không thể nghĩ bàn.

Niệm Phật là chánh hạnh

Kinh Di Đà nói rằng: “Không thể dùng chút ít nhân duyên thiện căn phước đức mà được sinh về cõi Cực Lạc”. Nên người niệm Phật phải thường tinh tấn niệm Phật, lấy việc này làm chánh hạnh và lấy sáu độ và vạn hạnh làm trợ hạnh. Không nên để tâm phan duyên, đối với các duyên xấu cần phải hết sức tránh xa, đối với các duyên tốt cần phải nỗ lực tùy duyên mà làm. Luôn cần phải chùng mực và có trí tuệ cân nhắc, không nên bỏ gốc theo ngọn mà tu các chánh hạnh và trợ hạnh lộn xộn. Rồi chỉ đuổi theo phước báu trời người mà quên mất việc lớn là giải thoát sanh tử của chính mình.

Một môn thâm nhập

Thời đại mạt pháp, người học Phật nên dùng tâm chân thật thành kính làm phép tắc để niệm Phật. Duy chỉ dùng một môn trì danh niệm Phật để thâm nhập. Khởi phát cũng chẳng cần phải dính dáng tới quán tưởng hay quán tượng Phật. Nhân vì chúng sinh thời mạt pháp căn cơ chậm lụt, nên việc quán tưởng và quán tượng chẳng phải người thượng căn thì không thể thành tựu. Chỉ hết lòng chân thật mà tụng một câu Thánh hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật” sẽ vô cùng bảo đảm.

Niềm tin sâu

Chúng ta là những người tu học theo pháp môn Tịnh Độ. Đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà và pháp trì danh hiệu Phật cần phải có niềm tin thật sâu và không nghi hối việc sẽ được vãng sanh. Dù cho bất cứ sự cản trở phỉ báng nào, cũng không để dao động đến tín tâm và việc cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta. Được vậy mới gọi là người có niềm tin sâu.

Nguyện cấp thiết

Chúng ta đã tin sâu lòng đại từ đại bi không bờ bến của đức Phật A Di Đà. Chúng ta nên phát nguyện cầu sanh về thế giới Cực Lạc. ***Không chỉ là nguyện suông thôi, mà phải là nguyện cấp thiết.*** Trong tâm phải luôn luôn hết lòng thiết thực chán lìa cái kịch khổ của thế giới Ta Bà, vui mừng cầu cái vui vô cực của thế giới Cực Lạc. Lập nên nguyện rộng lớn, cầu sanh về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Dầu cho tiếng tăm, lợi dưỡng hoặc bệnh khổ hành hạ cũng đều không thay đổi được

tâm nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Được vậy mới gọi là người có nguyện tha thiết.

Tự hỏi lương tâm

Người đời nay vì sao cũng niệm Phật mà không được vãng sanh? Đây là do tuy tu học pháp môn Tịnh Độ nhưng niềm tin không được sâu, có nguyện nhưng nguyện không thiết, có thực hành nhưng thực hành không đủ sức. Vẫn quỵên luyện cõi Ta Bà, đối với danh lợi thế tục, tình duyên con cái nhiều thứ ràng buộc, vẫn còn vạn duyên không chịu buông xuống. Đối với việc cầu sanh thế giới Cực Lạc, ba món tư lương “Tín, Nguyện và Hạnh” làm đầy đủ được bao nhiêu? Đối với danh lợi trần duyên của thế giới Ta Bà, buông bỏ được bao nhiêu?

Thành thật niệm Phật

Chân thật niệm Phật chính là thành thật đem một câu A Di Đà Phật làm “bồn mạng nguyên thần” của chính mình. Cần phải trì niệm sao cho rành mạch, rõ ràng, miên mật. Tuyệt đối tín tâm không nên để bị dao động vì bất cứ phương pháp nào được cho là huyền bí hay thần kỳ.

Sống chuyển thành chín, chín chuyển thành sống

Người hành trì pháp môn niệm Phật cần phải thực hành hai nguyên tắc lớn “chỗ sống chuyển thành chín, chỗ chín chuyển thành sống,” nghĩa là phải đem một câu Nam Mô A Di Đà Phật niệm cho thật nhiều và tương tục. Trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, phải luôn thúc giục chính mình chỉ niệm một câu Phật hiệu, lâu ngày dài tháng sẽ thành thói quen tốt cho

việc niệm Phật. Đến khi lâm chung, Phật hiệu tự nhiên vẫn có thể đề khởi được, lúc này nguyện vãng sanh coi như đã có phần nắm chắc trong tay.

Một tức ba, ba tức một

Niệm Phật chính là tịnh, là thiên, là mật. Một tức ba, ba tức một. Tức một câu Nam Mô A Di Đà Phật bao gồm tất cả những tinh hoa mà đức Thế Tôn thuyết pháp trong 49 năm. Pháp niệm Phật đích thực là không thể nghĩ bàn! Hãy hết lòng thành thật, đem một câu Nam Mô A Di Đà mà niệm liên tục đều đặn vì tất cả tinh túy của Phật giáo đều nằm trọn ở trong đó.

Nương vào tự lực hay nương vào Phật lực?

Học thiên, mật sở dĩ khó thành tựu là do nương tựa vào chính sức của mình, nên chỉ bậc thượng căn mới có thể thành tựu. Còn niệm Phật dễ thành tựu là nhờ nương vào lòng đại từ, đại bi của Đức Phật A Di Đà gia trì. Chúng ta hãy nương vào bốn nguyện tiếp dẫn chúng sanh và sự gia hộ của Ngài, thì hết thấy bậc thượng, trung, hay hạ căn đều được nhiếp thọ, một đời thành tựu vượt phàm vào thánh, cắt ngang dòng sanh tử nhọc nhằn.

Bí quyết niệm Phật

Cần nuôi dưỡng thói quen niệm Phật sao cho thuần thực và tương tục.

Niệm Phật lớn tiếng

Khi niệm Phật nếu vọng niệm đầy khởi, tâm thức tạp loạn, không thể chuyên chú, ắt cần phải niệm lớn tiếng để nhiếp tâm. Dùng tai lắng nghe để có thể trừ được vọng niệm. Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói rằng: “*Niệm Phật lớn tiếng có 12 thứ công đức. Một, có thể trừ bệnh ngủ gật. Hai, thiên ma kinh sợ. Ba, tiếng vang biến khắp mười phương. Bốn, dứt khổ trong ba đường ác. Năm, âm thanh bên ngoài không lọt vào tai. Sáu, tâm chẳng tán loạn. Bảy, tinh tấn dững mãi. Tám, Chư Phật hoan hỷ. Chín, Tam Muội¹ hiện tiền. Mười, vãng sinh Tịnh Độ*”.

Cách hành trì của người học Phật

Trong cách hành trì của người học Phật, điều tối quan trọng là cần phải thâm nhập một môn. Chân thành chấp trì Thánh hiệu A Di Đà Phật, dầu cho biên động, núi tan hoặc phải trải qua thời gian lâu dài, ý chí tuyệt cũng không hề thay đổi.

Mọi hành vi trong cuộc sống, nên lấy việc không sát sinh, ăn chay làm đầu cho hạnh đoạn các điều ác; Lấy việc chuộc mạng phóng sinh làm đầu cho hạnh hành các điều thiện.

Tự thanh tịnh ý mình

Với người niệm Phật muốn thanh tịnh được ý mình, phải có tâm bền vững trụ chắc vào một câu Nam Mô A Di Đà Phật. Dùng nhất tâm niệm Phật để chặt đứt và hàng phục muôn vàn

¹ **Tam muội:** Còn gọi là Tam Ma Đề hoặc Tam Ma Địa. Trung Hoa dịch là Chánh Định, tức là lìa các tà niệm, tâm trụ một chỗ không các tà niệm

vọng niệm, từ tâm thanh tịnh. Nếu giữ việc niệm Phật không gián đoạn, thì tánh Phật xưa nay có sẵn nơi mỗi chúng ta dần cũng sẽ hiển lộ.

Chỉ và quán

Có người nói rằng: Thế nào gọi là Chỉ và Quán? Quả thật chỉ niệm một câu A Di Đà Phật chính là chỉ và quán rồi. Có thể chuyên niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật đến khi không còn khởi vọng niệm, vọng niệm khi không còn sinh gọi là chỉ. Khi niệm danh hiệu Phật thường biết từng niệm, từng niệm rõ ràng đều đặn gọi là quán. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông chương dạy: “*Thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm liên tục*”, nên chân thật và tương tục chấp trì danh hiệu Phật chính là Chỉ và Quán vậy.

Tức tâm Tịnh Độ

Dù bạn dốc sức nghiên cứu các pháp môn Chỉ Quán, có thể nơi giáo chỉ tông Thiên Thai mà dung hội và quán thông, thậm chí còn có thể tụng thuộc lâu lâu Tam tạng kinh điển, nhưng tất cả cũng đều không có chỗ dụng, vẫn chỉ là kẻ phàm phu vì còn bị trói buộc trong vòng luân hồi sanh tử. Duy chỉ có pháp môn niệm Phật là thật không thể nghĩ bàn. Xin khuyên tất cả Phật tử hãy biết tâm mình là cõi Tịnh Độ, nên an tâm niệm Phật chớ để thời gian luống qua, vì mạng người có hạn!

Thời mạt pháp niệm Phật dễ thành tựu

Đức Phật là bậc thông suốt Tam Giới. Ngài dạy rằng: “*Thời đại chánh pháp giải thoát thành tựu. Thời đại tượng*

pháp thiên định thành tựu. Thời đại mạt pháp niệm Phật thành tựu”. Đối với lời dạy này chúng ta nên hiểu biết rõ ràng, thời đại mạt pháp Thánh nhân ngày càng xa cách, vận mạng pháp môn ngày càng suy giảm, căn cơ chúng sanh càng chậm lụt, phước báo mong manh, trí tuệ thô thiển, tội nghiệp sâu nặng. Nên chỉ còn cách nương tựa vào nguyện lực đại từ đại bi của đức Phật A Di Đà. Nương tựa vào một câu Thánh hiệu thù thắng nhưng hết sức đơn giản này, mới mong có thể vượt thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Đệ tử Phật chân chánh

Tất cả việc tu hành không nên xa rời pháp niệm Phật, tất cả sự hành trì không nên trái với sự thành thật. Không niệm Phật, tu hành không thể thành tựu; không thành thật, tu hành không thể được đắc lực. Nhớ kỹ lời giáo huấn để lại của Đại sư Liên Trì là: **“Thành thật niệm Phật!”**

Đầy đủ lòng tin và tâm nguyện

Đại sư Ngẫu Ích trong “A Di Đà Yếu Giải” giảng rất rõ ràng: “Được sinh Cực Lạc hay không, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do nơi niệm Phật sâu hay cạn”. Người niệm Phật chỉ cần đầy đủ niềm tin và tâm nguyện, khiến khi lâm chung mười niệm khởi được cũng quyết được vãng sanh. Nhưng sao hiện nay người niệm Phật rất nhiều mà người vãng sanh lại rất ít? – Then chốt chính là niềm tin, tâm nguyện không khẩn thiết, và sự tu hành quá thô thiển chậm lụt, không cố gắng tới cùng.

Niệm Phật chính là Giới, Định, Tuệ

Giải thích và phát huy hết ý nghĩa của ba tạng kinh điển chẳng qua cũng chỉ trong ba chữ Giới, Định, Tuệ mà thôi. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật đã đầy đủ viên mãn phước đức và trí tuệ.

Nói hết tất cả lời tốt trong thiên hạ, chẳng bằng không nói một lời mà chỉ thàm niệm một câu A Di Đà Phật!

Làm hết tất cả việc tốt trong thiên hạ, chẳng bằng không làm gì mà chỉ chuyên niệm một câu A Di Đà Phật!

Học hết tất cả học vấn của thế gian, chẳng bằng không biết một chữ mà chỉ chuyên niệm một câu A Di Đà Phật!

Đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền thảy đều niệm Phật

- Trong kinh Quán Phật Tam muội, ngài Bồ Tát Văn Thù nói kệ rằng:

*Nguyện tôi khi mạng chung,
Diệt hết các chướng ngại.
Đối diện Phật Di Đà,
Sinh về nước Cực Lạc.*

- Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện kinh Hoa Nghiêm, ngài Bồ Tát Phổ Hiền nói kệ:

*Nguyện cho tôi khi sắp lâm chung
Trừ sạch tất cả các chướng ngại.
Mắt thấy rõ đức Phật Di Đà,*

Tức được sinh về nước Cực Lạc.

Đến như những bậc đại Bồ Tát như Ngài Văn Thù, Phổ Hiền còn niệm Phật, cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Vậy mà ngày nay, không ít người coi thường việc niệm Phật phát nguyện vãng sanh. Thật đáng tiếc! Đáng thương thay! Bạn tự cho mình là hạng người gì? Đức Phật chỉ dạy, khuyên bảo chúng sanh cầu sanh về cõi Cực Lạc Phương Tây, bạn lại không chịu nghe lời Phật dạy. Dem “giá trị liên thành” vô giá đổi một văn tiền có giá trị vứt bỏ bên đồng rác. Đáng trách bạn không biết tốt hay xấu. Có mắt không trông, nên nhìn không thấy Thái Sơn, nghiệp chướng quá nặng, phước báu lại mong manh!

Pháp môn đặc biệt

Tổ sư Ấn Quang đã từng dạy: “*Nếu chúng sanh trong chín cõi lìa bỏ pháp này thì trên không lấy đâu mà thành Phật đạo, còn mười phương chư Phật nếu bỏ pháp này thì dưới không thể độ khắp chúng sanh.*” Niệm Phật là pháp môn đặc biệt. Đức Phật một đời chỉ dạy, căn cơ thượng, trung và hạ đều được lợi ích. Tất cả chúng sinh trong pháp giới đều nên tu tập. Trên đến Bồ Tát Đẳng Giác, dưới đến kẻ buôn bán nhỏ, hạng đầy tớ thấp hèn, chỉ cần chịu niệm Phật đều giống nhau, thừa cơ nương vào sức Phật cứu độ, chót vót vượt phàm vào Thánh thoát khỏi sanh tử. Niệm Phật là pháp môn vô thượng, rất cao siêu, huyền diệu không thể nghĩ bàn, chỉ trong một đời là thành tựu.

Bình thường rất cao, thành thật rất diệu

Tâm bình thường thì đạo càng cao, lòng thành thật thì pháp Phật màu nhiệm. Pháp môn tu hành cao siêu, màu nhiệm chính là giữ tâm rất bình thường. Tu hành và học Phật được thành tựu là do sự thành kính và chân thật. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật rất bình thường nhưng cũng rất cao siêu và thù thắng. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật rất đơn giản nhưng cũng rất uyên áo. ***Từ thủy đến chung, vĩnh viễn không thay đổi***, không rời câu niệm Phật, chính là hạng người bậc nhất trong số người tu tập Phật pháp.

Hãy nhanh quay về niệm Phật

Bao nhiêu thí dụ về sự tu hành của các chư vị cổ đức trong quá khứ là những tấm gương để cảnh tỉnh chúng ta. Hiện nay, người trí giả rất thích tham thiền và nghiên cứu giáo lý, thường coi rẻ việc niệm Phật, xem việc niệm Phật là cạn cợt, là pháp môn của kẻ nam nữ ngu si. Xin những người này hãy tự hỏi lại chính mình. Trí tuệ của quý vị có sánh được với Thiền sư Bách Trượng, Đại sư Liên Trì, Triệt Ngộ hay không? Sự tu hành của quý vị có tinh tấn vượt trội như các chư vị cổ đức này hay không? Chư vị cổ đức với nghị lực, hạnh kiểm và trí tuệ hơn người, cũng đã tiêu phí tâm huyết hơn mấy mươi năm rồi cũng không có cách gì ở trong tham thiền mà đạt được thành tựu. Vậy quý vị tự cho mình là hạng người gì, còn lớn tiếng không biết thẹn thùng là chỉ muốn tham thiền, không nguyện niệm Phật? Có thể nói rõ hơn với quý vị là cho dù quý vị dốc tất cả nỗ lực cũng chỉ phí tổn tâm huyết mà thôi, tuyệt không có cách gì thành công được. Hãy nhanh quay về niệm Phật đi, chớ nên coi thường việc này. Mong thay! Mong thay!

---o0o---

VÌ SAO PHẢI CẦU SANH TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC ?

*Trích trong Tịnh Độ Hoặc Vấn
do Thiên Như Duy Tắc Thiên Sư thuật,
Hòa Thượng Thích Thiên Tâm chuyển ngữ.*

---o0o---

Hỏi: Sở dĩ Phật, Tổ ra đời vì độ chúng sanh; học giả chỉ lo việc lớn chưa xong, nếu đã phát minh đại sự (tức ngộ đạo), nên theo gương đấng Đại Giác hiện thân vào nơi khốn khổ, không hiềm đường sanh tử, mà độ khắp hàm linh. Nếu bậc đã ngộ đạt mà còn cầu sanh Tịnh Độ, đó chẳng qua là tâm niệm chán khổ tìm vui, không đoái đến kẻ đang ở trong vòng chìm đắm? Tôi dù ngu hèn, vẫn không thích làm như vậy!

Đáp: Thấy chiếc trứng mà muốn cho nó nở liền, tâm niệm ấy sao đà vội gấp! Ông cho rằng sau một phen tỏ ngộ, thì nghiệp tập đã dứt sạch, được ngay vị bất thối chuyển ư? Và cũng không còn học khắp Phật Pháp, không cần phải tu hành thêm để chứng những quả vị từ thấp đến cao ư? Hay là ông lại nghĩ: sau một phen ngộ đạo, tất đã đồng hàng với chư Phật, có thể vào sanh ra tử không bị chướng duyên nhiều loạn ư? Nếu quả như thế thì chư Đại Bồ Tát trải qua hằng hà sa kiếp tu sáu độ muôn hạnh, cũng đều phải hổ thẹn với ông vậy!

Cổ giáo đã có lời răn nhắc: “Hàng Thanh Văn còn muội lúc ra thai, bậc Bồ Tát còn mê khi cách âm!” Hai hạng ấy mà còn như thế, huống chi người ngộ giải non kém, tự cứu chưa xong giữa đời nay ư? Dù cho chỗ tỏ ngộ có sâu xa, trí thông hiểu có cao sáng, hạnh cùng giải hợp nhau, chí quyết muốn độ người; nhưng vì chưa lên hàng bất thối, lực dụng chưa đầy đủ, mà muốn ở cõi đời ác này hóa độ kẻ cương cứng, điều ấy bậc Tiên Thánh cũng chưa hứa nhận. Ví như đem chiếc thuyền đóng trám chưa kỹ, để vớt người nơi biển dậy ba đào, cái họa trầm溺 cả đoàn tất không tránh khỏi.

Cho nên Luận Vãng Sanh nói: “Muốn du hành nơi địa ngục, muốn cứu độ chúng hữu tình mê khổ, trước phải cầu sanh về cõi kia, đợi khi chúng được Vô Sanh Nhẫn rồi sẽ trở lại đường sanh tử mà thật hành bản nguyện. Do nhân duyên ấy nên người tu mới cầu về Tịnh Độ.” Lại Tiên Thánh cũng đã bảo: “Chưa được vị Bất Thối Chuyển, chưa chứng Vô Sanh Nhẫn, cần phải thường không rời Phật. Ví như trẻ thơ không nên xa mẹ, như chim non chỉ có thể bay chuyền theo cành cây.”

Nay ở cõi Ta Bà này Đức Thích Ca đã diệt, Phật Di Lặc chưa sanh. Huống nữa, bốn đường khổ thú, nhân quả dây dưa, trăm mối ngoại tà, thị phi rối loạn; sắc tốt tiếng dâm hằng quyến dụ, cảnh hư duyên ác mãi vây quanh. Trong hiện trạng ấy, đã không có Phật để nương nhờ, lại bị cảnh duyên làm khuấy động, hàng sơ tâm ngộ đạo hỏi mấy ai không bị thối lui? Cho nên Đấng Thế Tôn ân cần chỉ về Cực Lạc là bởi lý do ấy. Phương chi ở cõi kia, Đức A Di Đà hiện đang nói pháp, cảnh diệu độ muôn thứ thuận duyên; đã nương nhờ hải chúng, nhẫn lực mau thành, lại gần Đấng Pháp Vương, Phật Thừa dễ đạt.

Chừng ấy muốn ra ứng hoá độ sanh, còn chi trở ngại? Cũng vì lẽ ấy, nên bậc thượng căn lợi trí còn nguyện thác sanh, huống chi ông là hạng trung hạ mới được đôi chút giải ngộ đó ư?

Ông há không thấy trong kinh Quán Phật Tam Muội, Ngài Văn Thù tự bày tỏ túc nhân, bảo mình đã chứng môn Niệm Phật Tam Muội, thường sanh ở Tịnh Độ ư? Do bởi đó, Đức Thế Tôn mới thọ ký cho ngài rằng: “Ông sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc.”

Lại chẳng thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài Đồng Tử và đại chúng nơi hải hội, nên dùng công đức đó cầu sanh về Cực Lạc ư? Trong ấy có đoạn nói: “Tôi nguyện khi đến lúc lâm chung. Dứt trừ tất cả điều chướng ngại. Diện kiến Đức Phật A Di Đà, liền được sanh về cõi Cực Lạc.”

Lại chẳng thấy trong Kinh Lăng Già, Đức Thế Tôn đã huyền ký: “Sau xứ Nam Thiên Trúc, có danh đức Tỳ Khưu, tôn hiệu là Long Thọ. Hay phá hữu, vô tông. Trong thế gian hiển ngã. Pháp Vô Thượng đại thừa. Chứng Sơ Hoan Hỷ Địa. Sanh về cõi Cực Lạc” ư?

Và chẳng thấy trong Luận Khởi Tín, Mã Minh Bồ Tát, khen ngợi sự vãng sanh; trong Kinh Đại Bảo Tích, Phật hứa khả cho Tịnh Phạn Vương và bảy muôn Thích chủng đồng về An Dưỡng; trong Kinh Thập Lục Quán, Đức Thế Tôn chỉ dạy phương pháp cho bà Vi Đề Hy cùng năm trăm thị nữ được lễ căn Đức A Di Đà ư?

Trong mấy vị trên, như Vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy hiện tiền đều đã chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ở Tây Trúc những hạng ấy cầu vãng sanh rất nhiều. Bên đông độ thì có Viễn Công ở Lô Sơn cùng các bậc cao nhân trong Liên Xã, những vị tôn túc ở hai tông Thiên Thai, Hiền Thủ, tất cả đều dùng môn niệm Phật tự tu và độ người khuyến hóa hàng tăng tục đồng cầu sanh về Tịnh Độ. Nói chung những bậc cao đức tu tịnh nghiệp số lượng không biết bao nhiêu mà kể!

Đến như hai ngài Văn Thù, Phổ Hiền là bậc Đại Bồ Tát, Thiện Tài Đồng Tử và hải chúng Hoa Tạng đều là bậc đại nhân trong bốn mươi một vị. Mã Minh, Long Thọ là hàng Bồ Tát mà cũng là bậc Đại Tổ Sư. Những thánh nhân ấy chỗ ngộ và chứng siêu xuất hơn người ngộ đạt ngày nay như trời với vực, mà còn nguyện sanh về Tây Phương, ông bảo rằng đã tỏ ngộ không cầu về Cực Lạc, lại bác sự cầu sanh, thì các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chắc là không bằng ông rồi! Ông thử tự lượng xem chỗ tu chứng có bằng hai bậc Đại Sĩ, và hai vị Tổ Sư; sự tham ngộ có bằng ngài Thiện Tài cùng hải chúng, cảnh giới sở đắc và được Phật hứa khả có bằng vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy chăng? Và Tịnh Phạn Vương là thân sanh của Phật, bảy muôn Thích chủng là tộc thuộc của Ngài, nếu sự về Tịnh Độ không có lợi ích thì Đức Thế Tôn đâu nỡ khiến phụ vương và hàng thân thuộc cầu vãng sanh? Trước kia đã nói bậc chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn có thể vào tục độ sanh, nay vua Tịnh Phạn và người thân thuộc của Phật đã đắc quả ấy mà Đức Như Lai còn khuyên và thọ ký cho vãng sanh, thì tấm lòng hộ trì bảo dưỡng của Ngài há chẳng là thân thiết và sâu xa ư?

Tôi thấy hàng thiên giả đời nay phần nhiều không xét liễu nghĩa của Như Lai, chẳng rõ huyền cơ của Đạt Ma, bụng rộng lòng cao, tập quen thành bệnh cuồng vọng. Khi thấy người tu Tịnh Độ, họ khinh thường và cười bảo: “Đó là việc làm thấp kém của hàng ngu phu ngu phụ!” Tôi thường cho đó không phải khinh hạng ngu phụ ngu phụ, mà chính là khinh các Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; đó chẳng những tự mê chánh đạo, tự làm mất căn lành mà còn tự bỏ quên huệ thân và tự để tiêu Phật chúng. Đó cũng là tự gây ra tội báng Chánh Pháp, tự kết thành nghiệp khinh Thánh Tăng. Chư Phật, Tổ xem những kẻ ấy là hạng người đáng thương xót! Vì lẽ ấy nên Ngài Vĩnh Minh động mỗi bi tâm đem hết tâm can chủ trương Tịnh Độ, đã tự tu lại khuyến đời. Nên khi lâm chung, Đại Sư biết trước ngày giờ, có các điềm lành ứng hiện; lúc trà tỳ xá lợi tuôn ra vô số. Về sau có một vị tăng ở Phủ Châu thường cung kính đi nhiễu xung quanh tháp của Ngài, nhiều người hỏi lý do thì vị tăng ấy đáp: “Nhân lúc tôi bị bệnh nặng thân thức đi vào minh giới, Diêm Vương xét thấy thọ số chưa mãn, cho đưa trở về. Khi ấy tôi thấy bên phía tả đại điện có thiết bàn thờ di tượng một vị Đại Đức, Diêm Vương lễ bái ân cần. Hỏi ra thì Quan Chủ lại bảo đó là chân dung của Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư, vì ngài tu hành tinh tấn, được sanh về Thượng Phẩm ở Cực Lạc, nên Diêm Vương họa tượng để thờ.” Vĩnh Minh Đại Sư là bậc đã ngộ suốt môn thiền trực chỉ của tổ Đạt Ma, mà lại gọi chắt nơi phẩm sen thượng thượng bên trời An Dưỡng; những sự kiện ấy đủ giải thích mối tình chấp của người tu thiền, còn làm duyên khuyến tấn cho chúng sanh đời mạt pháp. Cho nên tôi nói Ngài rất có công đối với bên tông cũng như bên giáo là ở điềm này.

Song chẳng những chỉ có Vĩnh Minh Đại Sư mới như thế mà thôi. Ngoài ra, còn có Tử Tâm Tân Thiên Sư đã ngộ bên Thiên, lại khuyên tu bên Tịnh. Ngài đã bảo: “Di Đà rất dễ niệm, Tịnh Độ rất dễ sanh.” Người tham thiền niệm Phật rất tốt. Nếu kẻ căn cơ hơi kém, sợ e đời nay chưa được đại ngộ, kiếp sau dễ lạc bến mê, thì nên nhờ sức bi nguyện của Đức A Di Đà để sớm vãng sanh về Cực Lạc. Nếu vị nào chí tâm niệm Phật mà không được sanh về Tịnh Độ, lão tăng xin chịu đọa vào địa ngục Bạt Thiệt (ngục rút lưỡi).

Lại như Chân Yết Liễu Thiên Sư, trong bài văn khuyên tu Tịnh Độ, có nói: “Tại sao người trong tông Tào Động, ngoài sự tập thiền, còn mật tu Tịnh Độ? Sở dĩ có việc ấy, vì pháp môn niệm Phật là con đường tắt trong các lối tu hành. Xét trong Đại Tạng môn này ngoài sự tiếp dẫn bậc thượng thượng căn còn thấu nhiếp hạng người trung hạ... Bậc đại tượng trong tông môn đã ngộ pháp phi không phi hữu, lại chăm chú tu tịnh nghiệp, có phải sự thấy Phật của Tịnh Độ còn giản dị hơn tông môn chẳng? Cho nên dù Phật dù Tổ, hoặc Giáo hoặc Thiên, đều do nơi cửa Tịnh Độ đồng về nơi chân nguyên. Vào được môn này, tức có thể vào được vô lượng pháp môn khác...”

Đến như các ngài: Thiên Y Hoài Thiên Sư, Viên Chiếu Bản Thiên Sư, Từ Thọ Thâm Thiên Sư, Nam Nhạc Tư Thiên Sư, Pháp Chiếu Thiên Sư, Tịnh Yết Thiên Sư, Tịnh Từ Đại Thông Thiên Sư, Thiên Thai Hoài Ngọc Thiên Sư, Lương Đạo Trân Thiên Sư, Đường Đạo Xước Thiên Sư, Tỳ Lăng Pháp Chân Thiên Sư, Cô Tô Thủ Nạp Thiên Sư, Bắc Nhân Giản Thiên Sư, Thiên Mục Lễ Thiên Sư, những đại lão ấy là bậc tông tượng trong thiền môn, song xét ra chỗ mật tu và hiển hóa đều

phát dương ý chỉ Tịnh Độ, tuy không ước hẹn mà ngẫu nhiên đồng đường.

Chẳng những các vị đại lão ấy như thế mà thôi, tôi lại thường nghe một vị kỳ túc bên tông môn nói: “Hầu hết ngũ gia tông phái và những thiền tăng trong thiên hạ, đã tỏ ngộ cùng chưa tỏ ngộ, đều quy hướng về Tịnh Độ.” Hỏi lý do thì vị đó đáp: “Ngài Bá Trượng Trí Hải Thiền Sư là đích tử của Giang Tây Mã Tổ, những tông lâm trong thiên hạ đều y theo cách thức của ngài mà kiến lập và thanh quy ở khắp thiên môn đều y theo pháp chế của ngài mà cử hành. Từ xưa đến nay không ai dám có lời thị phi và trái với pháp chế ấy.

- Theo thanh quy của ngài, thì nghi thức tụng cầu cho những vị tăng bệnh nặng có lời văn như sau: “Phải nhóm chúng lại, tất cả đồng tụng bài kệ tán Phật A Di Đà, rồi cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc trăm câu, ngàn câu. Khi niệm xong, hồi hướng phục nguyện rằng: “Nếu các duyên chưa mãn, sớm được an lành. Như hạn lớn đến kỳ, sanh về An Dưỡng.” Đó chẳng phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao?

- Lại trong nghi thức đưa những vị tăng đã tịch có đoạn nói: “Đại chúng đồng niệm A Di Đà Phật hồi hướng phục nguyện rằng: Thân siêu cõi tịnh, nghiệp dứt đường trần, thượng phẩm sen nở hiện kim thân, nhứt sanh Phật trao phần quả ký.” Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao?

- Đến như lúc trà tỳ, trong thanh quy lại dạy: Vị Duy Na chỉ dẫn khánh niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật mười lần, đại chúng đồng xưng

họa theo. Khi xướng xong, lại hồi hướng rằng: “Trước đây xưng dương mười niệm, phụ giúp vãng sanh...” Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao?

Cho nên lão tăng nói: “Các thiền gia trong thiên hạ đều quy hướng Tịnh Độ, là bởi nguyên nhân đó.” Tôi nghe những lời dẫn chứng của vị kỳ túc ấy đều có y cứ, nên không biện bác ra sao được. Nhân đó tôi lại chợt hiểu chỗ lập pháp của ngài Bá Trượng tất có thâm ý nhiệm màu.

Nay ông ở tòng lâm, thân đã đưa không biết bao nhiêu vị tăng quy tịch, tai cùng miệng đã nghe và xướng không biết bao nhiêu lần mười niệm, ý đã chuyên chú hồi hướng về Tịnh Độ lại không biết bao nhiêu lần nữa! Thế mà ông đã không hiểu ý Tổ Sư, đã không phát lòng thức tỉnh, lại lầm bảo: những bậc ngộ đạt không nguyện vãng sanh. Quả thật cái bệnh chấp thiền trong thiên hạ, không còn ai hơn ông được!

---o0o---

KHÔNG PHÁT TÂM BỒ ĐỀ KHÔNG THẺ VÃNG SANH

Tĩnh Am Đại Sư khai thị

---o0o---

Niệm Phật mà không phát lòng Bồ Đề, thì không tương ứng với bốn nguyện của Đức A Di Đà Phật, tất khó được vãng sanh, thành tựu sở nguyện. Lòng Bồ Đề là tâm lợi mình, lợi

người, trên cầu thành quả Phật, dưới nguyện độ chúng sanh “thượng cầu hạ hoá”, tế khổ quần mê.

Tuy phát lòng Bồ Đề mà không chuyên trì niệm Phật, không thành nhất phiến, thì không được vãng sanh. Nên các liên hữu cần phải lấy sự phát lòng Bồ Đề làm chánh nhân, niệm danh hiệu Phật làm trợ duyên, rồi sau mới cầu sanh Tịnh Độ. Người tu tịnh nghiệp (tu pháp niệm Phật) cần phải hiểu biết điều này thật sâu rộng, cần thiết phải vừa tu niệm vừa nghiên cứu nghiêm tâm giáo lý pháp môn tu càng thêm hiệu quả.

Trong đời mạt pháp, người phát tâm tu niệm Phật, vẫn có nghiệp trần dấy động, ma sự nhiễu dương, nguyên do bởi ba nguyên nhân: không rõ giáo lý, ít học kinh điển, nhất là pháp môn tu; không nhất tâm tìm cầu, phát tâm tu cho lấy lệ, để được ca tụng tán thán là Đại Sư Tịnh Độ, chỉ nghiên cứu xem chừng năm ba câu pháp, vội cho là người tu của pháp môn niệm Phật, do ngã mạn, nên không gặp thầy lành bạn sáng; thiếu tự tin, xem lại những hành động không tốt của mình, hay thích nói lỗi người, khoe khoang điều tốt của mình, hay chê Tông phái này khen Tông phái nọ, rốt cuộc mình không tu được ở đâu, ai nói hay cũng được, nói quấy cũng xong; họ có tu hành gì đâu mà nói hay nói quấy, biết gì mà nhận định, cuộc đời tu của họ không lúc nào tự soi xét lại chính mình, xem mình đã làm được gì, tu được gì, làm được gì cho Thầy Tổ, cho pháp môn, cho Phật pháp?

Với ba điều trên, sự tự xét chỗ sai lầm của chính mình là điều mà người liên hữu Tịnh Độ rất cần thiết trong lúc thực tập, hành pháp. Đại để muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới,

không phải dùng chút ít phước lành, chút ít công đức lơ là được; muốn thoát sự khổ sống chết luân hồi trong muôn vạn kiếp, không phải dùng tâm dần dà, hèn hò, hứ khả, rồi lo rong chơi du hí, không lo tự cảnh tỉnh, trở về với cuộc sống hiện thực để có cơ hội tìm cầu giải thoát, vãng sanh Tây Phương theo sở nguyện ban đầu! Họ đâu rõ chiếc bóng vô thường cô liêu lặng lẽ, mới sớm mai hiện đó, rồi hoàng hôn xuống phủ mát đó, đâu nên không siêng năng lo dự phòng giữ tịnh tâm, gìn chánh niệm trước ư?

Còn e sức chí nguyện không thắng nổi sức tình ái trong tam giới buộc ràng. Lúc bấy giờ tâm niệm Phật không hơn nổi tâm dục trần, như những kẻ niệm Phật, tu nhân hạnh kém, lơ là biếng trễ, nửa tin nửa nghi ngờ pháp Phật, thì ta cũng đành không biết làm sao vậy.

Đại Sư có bài kệ khuyến tấn:

*Nam Mô A Di Đà,
Người nào không biết niệm?
Tuy niệm, chẳng tương ưng
Mẹ con khó hội kiến
Khi đi đứng ngồi nằm
Đem tâm này thúc liễm
Mỗi niệm nối tiếp nhau
Niệm lâu thành nhứt phiến
Như thế, niệm Di Đà
Di Đà tự nhiên hiện
Quyết định sanh Tây Phương
Trọn đời không thối chuyển*

Niệm Phật cần phải có niềm tin sâu nguyện thiết, như Đại Sư Tịnh Am từng khuyến tấn: đi đứng nằm ngồi luôn gìn chánh niệm, hoặc kiết thất thực tập thúc liễm thân tâm, hoặc kinh hành vào đại định, lực Phật gia trì thành nhất phiến, như Kim Cang bền chắc, một đời không thôi chuyển, niềm tin yêu pháp môn, lực độ vạn hạnh ảnh hiện, lợi ích khắp mười phương, chúng sanh nương nhờ oai đức, làm bạn thánh hiền, dự hội hải chúng liên trì nơi thế giới Tây Phương mâu nhiệm.

---o0o---

BA MÓN TƯ LƯƠNG: TÍN, NGUYỆN, HẠNH

Hòa Thượng Tuyên Hóa

---o0o---

Tín, Nguyện, Hạnh, chính là ba món tư lương của người tu pháp môn Tịnh độ. Sao gọi là tư lương? “Tư lương” là hành trang cần thiết mang theo khi bạn muốn đi du lịch đến một nơi nào đó, bạn phải chuẩn bị những thứ nhu yếu cần thiết làm hành trang như thức ăn gọi là “Lương”, đem theo một ít tiền gọi là “Tư”. Đến thế giới Cực Lạc cũng vậy, bạn cũng cần ba món hành trang là: Tín, Nguyện, Hạnh. Điều quan trọng trước tiên phải là Tín, nếu bạn không có tín tâm, nghĩa là bạn không muốn có tương giao cùng Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc, ngược lại nếu bạn có tín tâm nghĩa là bạn đã có duyên với Ngài rồi. Cho nên niềm tin chính là điều hết sức quan trọng cho bất cứ hành giả nào muốn tu tập bất cứ pháp môn nào của Phật pháp. Bạn tin chính mình là tự tín, tin có thế giới Cực Lạc tức tín tha, bạn cần hiểu rõ tín nhân, tín quả, và hiểu tín lý, tín sự nữa.

Sao phải tin chính mình? Bạn phải tin rằng chính bạn nhất định sẽ về được thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn có đầy đủ tư cách đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bạn không nên xem thường mình và nói rằng: “Chao ôi! Tôi gây tạo quá nhiều tội nghiệp, làm sao tôi có đủ tư cách để được về thế giới Tây Phương Cực Lạc”. Vậy là bạn không có đủ tự tín rồi.

Bạn tạo rất nhiều tội nghiệp phải không? Nhưng hôm nay bạn lại gặp cơ hội tốt. Cơ hội tốt là như thế nào? Là bạn có thể đở nghiệp vãng sanh. Đở nghiệp vãng sanh nghĩa là mang theo nghiệp cũ, tức là nghiệp vẫn còn ẩn tàng mà bạn đã tạo trong quá khứ mang theo về thế giới Cực Lạc, chứ không phải bạn mang theo nghiệp mới. Do trước khi chưa học Phật không biết tội phước là gì, nay đã biết Phật pháp, biết niệm Phật, thì chỉ mang được cái nghiệp quá khứ đó về cõi Phật, còn nghiệp mới thì gọi là tội nghiệp tương lai. Lúc trước bạn đã gây tạo những hành vi tội lỗi bất thiện, không luận là nặng hay nhẹ, nhưng bây giờ bạn hiểu và tự mình đã chân thành ăn năn sám hối, bỏ ác mà hướng thiện, thì những tội nghiệp quá khứ này có thể mang theo về Cực Lạc gọi là “đở nghiệp vãng sanh.” Phải nhớ rằng chỉ mang theo túc nghiệp, không mang theo tội nghiệp tương lai.

Tín tha nghĩa là bạn tin đích thật có thế giới Tây Phương Cực Lạc. Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc. Khi xưa lúc chưa thành Phật, vị Tỳ kheo Pháp Tạng, Ngài từng phát nguyện tương lai sẽ tạo thành một thế giới Cực Lạc, mong muốn mười phương tất cả chúng sanh đều sanh về cõi nước của Ngài. Không cần điều kiện gì, chỉ cần chúng sanh chân thật chấp trì danh hiệu của Ngài, thì

được sanh về thế giới đó. Pháp tu này vừa dễ vừa đơn giản, vừa phương tiện lại viên dung, không phí tiền phí sức, nên mới gọi là pháp môn thù thắng. Chỉ cần chấp trì danh hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật” quyết định sẽ thành tựu trong đời này, được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây chính là tín tha.

Vì sao phải thâm tín nhân quả? Bạn phải tin chính bạn trong quá khứ đã có căn lành nên nay mới gặp được pháp môn này. Nếu bạn không có căn lành đó thì không thể gặp được pháp môn niệm Phật, cũng như không thể gặp được các pháp môn của Phật ngày nay. Bạn có căn lành tức trong quá khứ bạn đã gieo trồng nhân lành nên nay gặp được pháp môn Tịnh độ, mới có thể có đầy đủ Tín, Nguyện. Nếu bạn chẳng tiếp tục vun bồi phát triển căn lành này thì tương lai bạn chẳng thể có cơ hội để thành tựu quả vị Phật. Cho nên điều cần yếu là bạn phải tin nhân, tin quả, và bạn phải tin chính bạn ở trong đời quá khứ cũng đã gieo trồng “nhân Bồ Đề”, tương lai nhất định sẽ kết “quả Bồ Đề”. Giống như làm ruộng vườn, khi gieo giống xuống cần phải chăm bón thì cây mới đơm hoa kết trái ra được.

Vì sao phải tin sự, tin lý? Bạn phải biết đức Phật A Di Đà có nhân duyên rất lớn với chúng ta, Ngài nhất định trợ giúp chúng ta thành Phật đây là sự. Tin lý, tại sao chúng ta và Phật A Di Đà lại có nhân duyên rất lớn? Nên biết nếu không có nhân duyên này thì chúng ta chẳng thể gặp được pháp môn Tịnh Độ. Vì Phật A Di Đà chính là tất cả chúng sanh, chúng sanh cũng chính là Phật A Di Đà. A Di Đà Phật do niệm Phật mà thành A Di Đà Phật, thì chúng ta cùng với tất cả chúng sanh nếu tinh tấn niệm Phật tất cũng có thể thành Phật A Di Đà, đây là lý.

Khi đã tỏ lý rõ sự như thế rồi thì phải nương vào đó mà tinh tấn tu hành, như trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói: “Sự vô ngại pháp giới, lý vô ngại pháp giới, lý sự vô ngại pháp giới, sự sự vô ngại pháp giới”. Đứng về phương diện tự tánh mà nói thì tự tánh của chúng sanh và tự tánh của đức Phật A Di Đà chỉ là một, cho nên chúng sanh cũng có đủ tư cách để thành Phật như Phật A Di Đà.

A Di Đà Phật là Phật ở ngay trong bản tâm của chúng sanh, cho nên chúng sanh nào cũng có tâm của Phật A Di Đà, cho thấy nội tại trong lý tánh và nội tại trong bản tánh – lý sự đều viên dung. Đạo lý này bạn hiểu rồi thì cần phải tin sâu và tinh tấn thực hành, đừng làm biếng giải đãi nữa. Niệm Phật ngày hôm nay phải tinh tấn hơn ngày hôm qua, không phải ngày hôm nay lại kém hơn ngày hôm qua.

“Tín” đã giảng xong, nay chúng ta sẽ bàn về “Nguyện”. Sao gọi là nguyện? Nguyện chính là ý nguyện, khi ý nguyện hay ý niệm của bạn khí phách kiên định hướng về một điều gì đó thì gọi là phát nguyện, nếu ý nguyện của bạn thiết tha tin tưởng như thế thì nguyện ắt thành. Nguyện này chính là tứ hoằng thệ nguyện:

*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*

Chư Phật trong quá khứ và các bậc Bồ-tát đều dựa vào “tứ hoằng hệ nguyện” mà chứng quả vị vô thượng chánh đẳng

chánh giác. Chư Phật và chư Bồ-tát hiện tại và vị lai cũng đều dựa vào tứ hoằng thệ nguyện mà tu hành chứng quả. Nhưng trước khi phát nguyện:

- Đầu tiên bạn phải có tín tâm sâu rằng “có thế giới Cực Lạc.”
- Thứ hai tin “có Phật A Di Đà.”
- Thứ ba tin sâu rằng “ta và Phật A Di Đà nhất định phải có nhân duyên rất lớn, ta nhất định sẽ sanh về thế giới Cực Lạc.”

Khi đã có đủ ba đức tin đó thì phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, “Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung”. Phải chính ta tự ý có ước nguyện muốn sanh về thế giới Cực Lạc, không phải do bởi ai quyết định dùm, cũng chẳng phải hỏi người khác đến nắm tay ta mà dắt đi.

Tuy nói Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ta, nhưng cái chính yếu là ý nguyện chính mình có muốn thân cận với Phật A Di Đà hay không? Ý nguyện có muốn sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc gặp Phật để nghe pháp và tu hành hay không? Muốn thành tựu được “Nguyện” này tiếp theo cần phải có “Hành”. Hành là gì? Tức trì danh hiệu Phật “Nam Mô A Di Đà Phật”, “Nam Mô A Di Đà Phật” ... đó! Giống như lửa cháy đến đầu phải chạy cho mau, có người muốn hại cái đầu của ta thì phải mau vội vã tìm cách mà bảo vệ cái đầu, chẳng nên giải đãi.

Tịnh Độ tông lấy Tín-Nguyện-Hạnh làm cơ sở, bạn niệm Phật tức là bạn thực hành Tín, Nguyện, Hạnh, đó chính là lộ phí

tư lương để đi đến thế giới Cực Lạc. Đi đến thế giới Cực Lạc cũng như bạn đi du lịch vậy, bạn cũng cần phải có tư lương lộ phí như ngân phiếu tiền để chi dụng...đi đường, thì ba món tư lương “Tín, Nguyện, Hạnh” cũng giống như những ngân phiếu đó.

Nay bạn đã biết rõ về thế giới Ta Bà này, vạn sự vạn vật đều không thể tồn tại nhất định, nó luôn biến chuyển không ngừng. Nếu bạn nói thế giới này là cố định, bất biến thì chuyện đó sai hoàn toàn, bởi thế giới này là vô thường không bền chắc. Do không thông hiểu điều này nên xưa nay ta không thể đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nay hiểu ra rồi thì ngay bây giờ chỉ cần bạn niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, thế là bạn và mọi người ai ai cũng có đủ tư cách để về thế giới Tây Phương Cực Lạc cả. Điều quan trọng là bạn có niệm hay không niệm, nếu bạn có niệm thì hiện tại dù có khó khăn, chướng ngại, bạn cũng phải quyết tâm làm bằng được; khi việc rất khó làm này mà bạn vẫn làm được, thì ngay đó thế giới Tây Phương đã rất gần với bạn. Còn nếu bạn không niệm, thì chẳng thể đến cõi ấy được. Bạn nhất tâm niệm Phật thì hợp với sanh, bạn không niệm thì hợp với tử, chẳng thể có thành tựu nào khác được. Phải biết rằng tất cả mọi sự vật trên thế gian này đều như huyễn không thật, chẳng phải là thường hằng bất biến.

Trong Kinh Kim Cang nói: “Không có định pháp gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Đây là nói đến chỗ Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chính ta phải phát đại tâm đồng mãnh, chẳng sợ khổ, sợ khó, mỏi mệt, đói khát, đồng mãnh mà hướng tới trước, nhanh chóng về thế giới Tây Phương Cực Lạc mới thôi. Chúng ta phải niệm “Nam Mô A Di Đà

Phật” đây mới là chân thật, niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” mới giúp chúng ta liễu thoát sanh tử.

---o0o---

LƯỢC LUẬN AN LẠC TỊNH ĐỘ NGHĨA

*Đàm Loan Đại Sư soạn
Thượng Tọa Thích Nhất Chân dịch*

---o0o---

Hỏi rằng: Nước An Lạc, ở trong ba cõi, là do cõi nào nhiếp?

Đáp rằng: Như Thích Luận nói: “*Như Tịnh Độ ấy chẳng phải do ba cõi nhiếp*”. Do có gì? Vì không có dục, nên chẳng phải do dục nhiếp. Vì sống trên đất, nên chẳng phải cõi Sắc nhiếp. Vì có hình sắc, nên chẳng phải cõi Vô Sắc nhiếp. Phật A Di Đà khi hành căn bản đạo Bồ Tát, làm Tỳ Kheo tên gọi Pháp Tạng, theo nơi Phật Thế Tụ Tại Vương thưa hỏi về hạnh thuộc Tịnh Độ của chư Phật, nào người trời thiện ác ra sao, nào cõi nước tịnh thô thế nào, trọn đều hiện ra cho thấy. Lúc ấy Bồ Tát Pháp Tạng ở ngay trước Phật, phát thệ rộng nguyện lớn, giữ lấy các cõi Phật. Rồi trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, như lời phát nguyện, hành các Ba La Mật, đến mức vạn thiện viên mãn, thành đạo vô thượng. Như thế cõi An Lạc này là do nghiệp riêng của Pháp Tạng Bồ Tát mà có được, nên chẳng phải ba cõi vậy.

---o0o---

Hỏi rằng: Nước An Lạc có mấy loại trang nghiêm mà gọi là Tịnh Độ?

Đáp rằng: Nếu y theo kinh, căn cứ theo nghĩa của Kinh thì bốn mươi tám nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng chính là sự thể này. Xem bài tán thì đủ rõ, không cần phải nói lại nữa. Nếu y theo luận Vô Lượng Thọ, thì do hai loại thanh tịnh, nhiếp hai mươi chín loại trang nghiêm được thành tựu. Hai loại thanh tịnh này là: một là thanh tịnh thuộc khí thể gian, hai là thanh tịnh thuộc chúng sinh thể gian.

* Thanh tịnh thuộc khí thể gian có mười bảy loại trang nghiêm được thành tựu:

- Một là tướng của cõi nước kia hơn hẳn đường ba cõi.
- Hai là nước này rộng lớn, lượng như hư không không có giới hạn.
- Ba là do từ chính đạo đại từ bi và thiện căn xuất thế của Bồ Tát mà khởi lên.
- Bốn là trang nghiêm bằng quang minh thanh tịnh, và viên mãn.
- Năm là sẵn đủ tính chất trân bảo hạng nhất, có đủ bảo vật kỳ diệu.
- Sáu là quang minh trong sạch thường chiếu thể gian.
- Bảy là bảo vật ở nước kia mềm mại, người chạm vào thích thú.
- Tám là ngàn vạn hoa báu trang nghiêm ao hồ; điện báu, lầu gác báu, đủ loại cây báu, với quang minh đủ màu, hiện ảnh thế giới; vô lượng võng báu che hư không; chuông treo bốn mặt thường ngân âm pháp.

- Chín là ở trong hư không tự nhiên thường mưa xuống hoa trời, áo trời, hương trời huân ướp khắp mà trang nghiêm.
- Mười là quang minh của trí huệ Phật chiếu trừ si ám.
- Mười một là phạm thanh khai ngộ nghe xa khắp mười phương.
- Mười hai là thiện lực của Phật A Di Đà, pháp vương vô thượng, trụ trì.
- Mười ba là do từ tịnh hoa của Như Lai mà hóa sinh.
- Mười bốn là yêu thích vị Phật pháp, thiền tam-muội là món ăn.
- Mười lăm là vĩnh viễn lìa các khổ thuộc thân, tâm, thọ lạc không gián đoạn.
- Mười sáu là cho đến danh từ hai thừa, người nữ và căn khuyết, cũng không hề nghe đến.
- Mười bảy là chúng sinh nếu có các thích muốn nào, đều tùy tâm như ý, không thứ nào không đủ.

* Thanh tịnh thuộc chúng sinh thế gian có mười hai loại trang nghiêm được thành tựu:

- Một là đài hoa bằng vô lượng trân bảo vương lớn và vi diệu dùng làm Phật tòa.
- Hai là vô lượng tướng tốt, vô lượng quang minh trang nghiêm thân Phật.
- Ba là Phật với biện tài vô lượng tương ứng với cơ mà nói pháp, đầy đủ rõ ràng, khiến người thích nghe, mà người nghe ắt tỏ ngộ, lời lẽ không nói xuông.
- Bốn là trí huệ chân như của Phật ví như hư không, chiếu rõ tổng tướng và biệt tướng của các pháp, tâm không phân biệt.

- Năm là do chúng người, trời bất động mà trang nghiêm rộng lớn, ví như núi Tu Di hiển chiếu giữa bốn biển lớn, tướng pháp vương gồm đủ.
- Sáu là thành tựu quả vô thượng, bằng còn không ai bằng được hưởng gì là hơn.
- Bảy là bậc thầy điều ngự của người trời trượng phu, đại chúng cung kính vây quanh như chúa sư tử với sư tử vây quanh.
- Tám là các công đức do bốn nguyện lực của Phật trang nghiêm và gia trì, ai gặp sẽ không luống qua, mà khiến được mau đầy đủ tất cả biển công đức. Bồ Tát chưa chứng tịnh tâm rốt cuộc được chứng pháp thân bình đẳng, cùng với Bồ Tát tịnh tâm, và Bồ Tát địa tiền, rốt cuộc cùng được tịch diệt bình đẳng.
- Chín là các chúng Bồ Tát của nước An Lạc, thân không động đậy mà đến khắp mười phương, ứng hóa đủ loại, tu hành như thật, thường làm Phật sự.
- Mười là thân ứng hóa như thể của Bồ Tát trong tất cả mọi thời không trước không sau, mỗi tâm mỗi niệm phóng quang minh lớn, trọn đến khắp được thế giới mười phương, giáo hóa chúng sinh bằng đủ loại phương tiện, do tu hành mà thành tựu, diệt trừ khổ não cho tất cả chúng sinh.
- Mười một là các Bồ Tát này nơi tất cả các thế giới chiếu không sót một đại hội nào của chư Phật, cúng dường, cung kính, tán thán vô lượng rộng lớn không sót một công đức nào của chư Phật Như Lai.
- Mười hai là các Bồ Tát này ở nơi các chỗ không có Tam Bảo trong tất cả các thế giới ở mười phương sẽ trụ trì và trang nghiêm bằng biển lớn công đức Phật Pháp Tăng bảo,

hiện bày khắp chỗ khiến thấu hiểu, để tu hành như thật. Những thứ ấy gồm tám loại công đức trang nghiêm thuộc Pháp Vương được thành tựu, và như thế là bốn loại công đức trang nghiêm thuộc Bồ Tát được thành tựu. Đó gọi là thanh tịnh thuộc chúng sinh thế gian. Cõi nước An Lạc đủ hai mươi chín loại công đức trang nghiêm như thế được thành tựu, nên gọi là Tịnh Độ.

---o0o---

Hỏi rằng: Sinh về cõi An Lạc thông thường có bao nhiêu phẩm hạng, có bao nhiêu nhân duyên?

Đáp rằng: Trong kinh Vô Lượng Thọ duy có ba hạng Thượng, Trung, Hạ. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ lại phân làm chín phẩm. Nay y theo kinh Vô Lượng Thọ làm phụ trợ để làm bài văn tán. Cứ dựa theo ba phẩm kinh này đưa ra mà luận, thì những người sinh thuộc hạng thượng có năm nhân duyên:

- Một là bỏ nhà lìa dục để làm sa môn.
- Hai là phát tâm Bồ Đề vô thượng.
- Ba là một mực chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ.
- Bốn là tu các công đức.
- Năm là nguyện sinh nước An Lạc.

Đủ các nhân duyên này, vào lúc lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật cùng với đại chúng hiện ra trước người ấy, người ấy tức thì sẽ theo Phật mà vãng sinh vào An Lạc, ngay trong hoa bảy báu, tự nhiên mà hóa sinh, trụ không thối chuyển, trí huệ dững mãi, thần thông tự tại.

Người sinh thuộc hạng trung có bảy nhân duyên:

- Một là phát tâm Bồ Đề vô thượng.
- Hai là một mực chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ.
- Ba là có tu thiện ít nhiều, phụng trì trai giới.
- Bốn là dựng lập tháp tượng Phật.
- Năm là thiết sa-môn cơm ăn.
- Sáu là treo tranh, thắp đèn, rải hoa, đốt hương để cúng dường.
- Bảy là hồi hướng nguyện sinh về An Lạc.

Người này vào lúc lâm chung, mộng thấy Phật Vô Lượng Thọ, cũng được vãng sinh. Trí huệ công đức đứng sau hạng trung.

Lại có một loại vãng sinh về An Lạc mà không thuộc vào ba hạng. Đó là dùng tâm nghi hoặc mà tu các công đức, cũng nguyện sinh An Lạc. Không hiểu rõ về Phật trí là trí không thể suy lường, trí không thể sánh bằng, trí Đại thừa, trí không gì bằng, không gì sánh, tối thượng thắng hết. Đối với các trí ấy nghi hoặc không tin, song vẫn còn tin tội phúc và tu tập gốc thiện. Người này khi sinh An Lạc, sẽ sinh vào cung điện bảy báu của nước An Lạc, hoặc rộng lớn trăm do tuần, hoặc năm trăm do tuần. Mỗi vị ở trong ấy hưởng thọ các khoái lạc như trời Đao Lợi. Và trong khoảng năm trăm năm không được cúng dường Phật, không được nghe kinh pháp, không thấy thánh chúng Bồ Tát Thanh Văn. Cõi nước An Lạc gọi đó là biên địa, cũng nói những người này là thai sinh. Biên địa là vì nói họ trong năm trăm năm không thấy hay nghe đến Tam bảo, nghĩa này cũng đồng với nạn biên địa, hoặc cũng là do ở tại biên giới

tối cùng của cõi nước An Lạc. Thai sinh là ví như người do thai sinh, lúc mới sơ sinh chưa thành nên pháp cách con người. Biên địa là nói cho nạn của người ấy, thai sinh là nói cho sự tối ám của người ấy. Hai tên này đều là mượn cái này so sánh với cái kia vậy, chứ không phải là biên địa thuộc tám nạn, cũng không phải là thai sinh thuộc bào thai. Do đâu mà biết? Bởi cõi nước An Lạc duy chỉ có hóa sinh mà thôi, nên biết đó không phải thật là thai sinh. Bởi năm trăm năm sau vẫn được nghe thấy Tam Bảo, nên biết biên địa không phải là thuộc tám nạn vậy.

---o0o---

Hỏi rằng: Người thai sinh kia ở cung điện bảy báu có hưởng thụ khoái lạc không? Lại nhớ tưởng được những gì?

Đáp rằng: Kinh ví dụ rằng: Ví như con của vua Chuyển Luân đắc tội với vua, cho vào trong hậu cung, dùng khóa vàng gài lại. Tất cả mọi thứ cung cấp không thiếu thứ gì, cũng y như vua. Vương tử lúc ấy tuy có đủ các loại đồ dùng tuyệt hảo để tự vui thú, song tâm không thọ lạc mà chỉ tưởng nghĩ tìm các phương tiện mong sao được ra khỏi. Người thai sinh kia cũng y như vậy. Tuy ở nơi cung điện bảy báu có sắc, hương, vị, xúc tốt đẹp, song không lấy đây làm lạc, vì trong năm trăm năm không chỉ không thấy Tam Bảo, mà không được cúng dường tu các gốc thiện, nên lấy đó làm khổ. Nếu rõ được do tội trước của mình, hết lòng tự hối trách, cầu lìa chốn kia, liền được như ý, lại đồng với ba hạng sinh kia.

---o0o---

Hỏi rằng: Do tâm nghi hoặc vãng sinh An Lạc thì gọi là thai sinh. Tại sao lại khởi nghi?

Đáp rằng: Trong kinh chỉ nói nghi hoặc không tin, chứ không đưa ra tại sao lại có ý nghi. Xét theo chỗ hiểu rõ năm câu, thời dám lấy nghĩa đối trị để mà nói. Không rõ trí Phật (Phật trí) nghĩa là không thể tin hiểu trí biết tất cả chủng loại của Phật. Do không biết nên khởi nghi. Một câu này trình bày tóm mọi điều nghi. Bốn câu sau mỗi câu đối trị các điều nghi. Nghi có bốn ý:

- Một là nghi rằng chỉ niệm tượng Phật A Di Đà chưa chắc được vãng sinh An Lạc. Tại sao nghi như vậy? Kinh có nói: Nghiệp đạo như bàn cân, cái nặng kéo trước. Tại sao mà một đời hoặc trăm năm, hoặc mười năm, hoặc một tháng, không ác nào không làm, mà chỉ do mười niệm tượng tục lại được vãng sinh, nhập ngay vào chánh định tụ, rốt cuộc không thối chuyển, vĩnh viễn cách xa các khổ của ba nẻo được? Nếu quả thật như thế, thì cái nghĩa cân nặng kéo trước còn gì đáng tin nữa? Lại bao kiếp đến nay đều tạo các pháp hữu lậu thuộc hành, hệ thuộc vào ba cõi, mà chỉ cứ dùng một thời gian niệm Phật A Di Đà là ra khỏi ba cõi được? Ý nghĩa nghiệp trói buộc tại sao phải cần nữa. Do đối trị ý nghi này nên mới nói trí không thể suy lường (bất tư nghị trí). Trí không thể suy lường nghĩa là trí lực của Phật có thể lấy ít làm nhiều, lấy nhiều làm ít, lấy gần làm xa, lấy xa làm gần, lấy nhẹ làm nặng, lấy nặng làm nhẹ, lấy dài làm ngắn, lấy ngắn làm dài. Do như thế Phật trí vô lượng vô biên không thể suy lường. Ví như trăm người phu trong trăm năm chất củi chứa cao đến ngàn nhận, đóm lửa bằng hạt đậu đốt trong nửa ngày là tận. Không lẽ có thể nói được rằng củi chứa

trong trăm năm đốt nửa ngày không tận sao? Lại như người đi bộ quá giang thuyền người khác, nhân thế lực của gió buồm, một ngày đi đến ngàn dặm, không lẽ có thể nói được rằng người đi bộ kia tại sao một ngày mà đi đến ngàn dặm chẳng? Lại như người hạ tiện bần cùng được một vật quý đem cống hiến chủ. Chủ cũng mừng được vật quý, thêm phần trọng thưởng. Kẻ bần cùng kia chỉ cần chốc lát phú quý tràn đầy. Không lẽ lại nói được rằng do có thể mấy chục năm mà người ta chịu đủ mọi siêng khổ, và người nào người nấy còn chưa thành đạt vinh quy rồi có thể nói kẻ bần cùng kia mà mau lẹ trở thành phú quý, không thể có chuyện như thế được? Lại như kẻ yếu tự leo lên lưng lừa còn chưa nổi, nhưng đi theo vua Chuyển Luân liền cười hư không mà bay bổng tự nhiên, lại có thể do kẻ yếu leo lừa không nổi rồi cho rằng chắc chắn kẻ ấy không thể cười hư không mà bay hay sao? Lại như dây tơ mười ngàn người cũng không làm gì nổi, đứa bé con vung kiếm nháy mắt thành hai phần. Không lẽ có thể nói được là sức một đứa bé không thể cắt đứt dây tơ hay sao? Lại như chim Trâm nhào vào nước, cá sò đều vì vậy mà chết, sừng tê giác chạm vào bùn lầy, các loài bị chết kia đều sống dậy. Không lẽ có thể nói được là tính mệnh đã đoạn không thể sống lại hay sao? Lại như Hoàng Hộc gọi “Tử An”, Tử An sống lại. Không lẽ có thể nói được là dưới một ngàn năm chắc chắn không thể sống lại được sao?

Tất cả vạn pháp đều có tự lực, tha lực, tự nhiếp, tha nhiếp, ngàn mở vạn đóng vô lượng vô biên. Làm sao lại đem cái thức có ngại ra mà nghi pháp vô ngại kia được sao? Lại trong năm cái không thể suy lường, Phật pháp là không thể suy lường hơn hết, mà xem cái ác trăm năm làm trọng, nghi mười niệm niệm

Phật cho là nhẹ, không thể được vãng sinh An Lạc nhập tụ chánh định, điều nghi này quả thật không đúng.

Hai là nghi trí Phật so với người không phải là thâm tuyệt. Tại sao nghi như vậy? Thường thì tất cả danh tự do đối đãi với nhau mà sinh. Giác trí do không giác mà sinh, như thế mê hướng do nhớ hướng mà sinh. Nếu cứ mê là tuyệt hẳn không mê, thì mê rốt cuộc phải là không tỏ. Mê nếu có thể tỏ, ắt là người mê tỏ, và cũng có thể nói ngược lại là người tỏ mê. Mê và tỏ, tỏ và mê như bàn tay ngửa úp vậy. Thế mới có thể nói sáng trí tối trí khác nhau, và cũng vì thế nên siêu nhiên thế nào được đây? Do khởi lên nghi này, nên đối với trí huệ Phật sinh nghi không tin. Đối trị nỗi nghi này nên nói trí không thể sánh bằng (bất khả xứng trí). Trí không thể sánh bằng là nói trí Phật tuyệt hết mọi so sánh giảng nói, chẳng phải do hình tướng mà đối đãi được. Do đâu mà nói vậy? Nếu pháp là có, ắt phải có cái trí biết có. Pháp nếu là không có, cũng phải có cái trí biết không có. Nay các pháp lìa khỏi có và không có. Cho nên Phật thâm khế các pháp, ắt trí của Ngài dứt hết đối đãi với nhau. Ông đưa tỏ mê ra ví dụ, vẫn là thêm một lẽ mê nữa mà thôi, chứ không thành được lẽ mê tỏ. Cũng như trong mộng giúp người khác giải mộng, tuy nói là giải mộng mà chẳng phải là không có mộng. Lấy cái biết để cho đó là Phật thì không thể nói là biết Phật được. Lấy cái không biết để cho đó là Phật cũng không phải là biết Phật. Lấy cái không phải biết cũng không phải là không biết cũng không phải là không biết để cho đó là Phật, cũng không phải là biết Phật. Trí Phật lìa bốn câu này, nếu muốn duyên vào trí Phật thời tâm hành lại diệt, nếu muốn loại

bỏ trí Phật thời ngôn ngữ lại đoạn. Do ý nghĩa ấy, Thích Luận nói rằng: “*Nếu người nào thấy là có Bát Nhã, như thế cũng là bị ràng buộc, nếu không thấy Bát Nhã, như thế cũng là bị ràng buộc. Nếu người nào thấy Bát Nhã, như thế ắt là giải thoát, nếu không thấy Bát Nhã, như thế cũng là giải thoát*”. Điều này trong kệ có nói: Không lia bốn cú ấy là ràng buộc, lia bốn câu ấy là giải thoát. Ông nghi trí Phật so với trí con người không phải là thâm tuyệt, điều nghi ấy không đúng.

Ba là nghi Phật thật sự không thể độ hết tất cả chúng sinh. Tại sao nghi như vậy? Trong đời quá khứ đã có vô lượng A-tăng-kỳ hằng sa chư Phật, hiện tại trong các thế giới ở khắp mười phương cũng có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ hằng sa chư Phật. Nếu giả sử Phật thật sự có thể độ hết tất cả chúng sinh, ắt phải không còn có ba cõi từ lâu rồi. Vị Phật thứ hai ắt không phải vì chúng sinh mà phát tâm Bồ Đề, trọn tu Tịnh Độ nhiếp thọ chúng sinh. Song thật có các Phật thứ hai nhiếp thọ chúng sinh, cho đến thật có vô lượng chư Phật trong ba đời mười phương nhiếp thọ chúng sinh. Cho nên đủ biết Phật thật sự không thể độ hết tất cả chúng sinh. Do khởi lên nghi ấy, nên đối với Phật A Di Đà có tư tưởng cho là Phật có lượng. Vì đối trị nỗi nghi này nên nói trí Đại Thừa rộng lớn (Đại Thừa quảng trí). Trí Đại Thừa rộng lớn là nói Phật không pháp nào không biết, không phiền não nào không đoạn, không thiện nào không có đủ, không chúng sinh nào không độ.

Lý do có ba đời mười phương các vị Phật là do có năm nghĩa:

- Một là nếu quả là không có Phật thứ hai, cho đến không có A-tăng-kỳ hằng sa chư Phật, thì Phật mới thật là không thể độ hết tất cả chúng sinh. Do Phật thật sự có thể độ hết tất cả chúng sinh nên ắt là có mười phương vô lượng chư Phật. Vô lượng chư Phật chính là các chúng sinh do Phật trước độ.

- Hai là nếu một Phật mà độ tận tất cả chúng sinh thì cũng không cần sau còn có Phật nữa. Tại sao vậy? Do không còn có ý nghĩa giác ngộ cho kẻ khác thì y vào nghĩa nào nữa để nói có ba đời chư Phật vậy? Do y vào nghĩa giác ngộ người khác nên nói Phật này Phật khác đều độ hết tất cả chúng sinh.

- Ba là Phật sau mà có thể độ được chúng sinh thì vẫn còn là cái sức có thể của Phật trước. Tại sao vậy? Vì do Phật trước mới có Phật sau. Ví như áo giáp của đế vương được truyền cho vua sau khoác, tức chính là do sức có thể của vua trước.

- Bốn là lực của Phật tuy có thể độ tất cả chúng sinh, song cần phải có nhân duyên. Nếu chúng sinh với Phật trước không có nhân duyên thì lại phải cần tới Phật sau. Như thế các chúng sinh không có duyên thì thẳng qua trăm ngàn vạn Phật mà cũng không nghe không thấy, không phải do lực Phật yếu kém vậy. Ví như nhật nguyệt xoay quanh bốn thiên hạ phá các tối ám, song người mù lại không thấy, không phải mặt trời không sáng vậy. Sấm nổ rung tai mà kẻ điếc không nghe, không phải là âm thanh không dữ dội vậy. Giác ngộ các lý nhân duyên, thì được gọi là Phật, nếu do tình thức cưỡng ép vi phạm lý nhân duyên thì không phải là chánh giác vậy. Cho nên chúng sinh vô lượng, thì Phật cũng vô lượng. Đã nói đến Phật thì đừng có hỏi có

duyên hay không có duyên tại sao không độ hết tất cả chúng sinh. Hỏi thế là lời nói phi lý vậy.

- Năm là chúng sinh nếu độ tận, thế gian sẽ đọa vào bên có (hữu biên).

Do ý nghĩa ấy ắt có vô lượng Phật độ tất cả chúng sinh.

---o0o---

Hỏi rằng: Nếu chúng sinh không thể độ tận thì thế gian phải là đọa vào không có (vô biên). Do bên không có (vô biên) ắt Phật thực sự không thể độ hết chúng sinh.

Đáp rằng: Thế gian chẳng phải bên có (hữu biên), chẳng phải bên không có (vô biên), và cũng tuyệt hẳn bốn câu. Phật làm cho chúng sinh lìa bốn câu này, thì gọi là độ. Thật ra không phải độ cũng không phải không độ, không phải tận cũng không phải không tận. Ví như mộng vượt qua biên lớn, gặp các nạn sóng gió, người nằm mộng kia sợ hãi, kêu ra thành tiếng, người bên ngoài gọi dậy thời bình thân hết lo sợ, song đó chỉ là vượt qua mộng chứ không phải vượt qua sông biển.

---o0o---

Hỏi rằng: Dù nói độ hay không độ đều đọa vào biên kiến. Cớ sao chỉ nói độ tất cả chúng sinh là trí Đại thừa rộng lớn mà không nói là không độ chúng sinh là trí Đại thừa rộng lớn?

Đáp rằng: Chúng sinh không ai không chán khổ cầu sướng, sợ trôi buộc cầu thoát, nên nghe có độ sẽ quy hướng về đó. Nếu nghe không độ thì vì không biết có gì không độ, sẽ cho là Phật

không phải đại từ bi, ắt không chịu quy hướng về Phật. Do không quy hướng nên thiếp mãi trong mộng dài, không cách gì ngưng dứt. Vì những người ấy nên hay nói độ chứ không nói không độ. Lại nữa Chư Pháp Vô Hành Kinh cũng nói: “*Phật không đắc Phật đạo, cũng không độ chúng sinh*”. Phạm phu khăng khăng phân biệt nào là Phật, nào là độ chúng sinh. Nói độ chúng sinh là đối trị tất đàn, nói không độ chúng sinh là đệ nhất nghĩa tất đàn. Hai cách nói đều có lý lẽ riêng, không mâu thuẫn với nhau.

Hỏi rằng: Như mộng dứt được, đó không phải là độ sao? Nếu giấc mộng của tất cả chúng sinh đều dứt, thế gian không lẽ không tận sao?

Đáp rằng: Nói mộng là thế gian, nếu mộng dứt ắt không có người mộng. Nếu không có người mộng thì cũng không nói có người được độ nữa. Như thế thời biết thế gian tức là xuất thế gian. Tuy độ vô lượng chúng sinh mà sẽ không đọa vào điên đảo.

Bốn là nghi Phật không có trí biết tất cả chủng loại (nhất thiết chủng trí). Tại sao nghi như vậy? Vì nếu có thể biết khắp các pháp, thì các pháp lại đọa vào bên có (hữu biên). Vì nếu không thể biết được khắp, ắt không phải là trí biết tất cả chủng loại. Do đối trị nghi này nên nói trí không gì bằng không gì sánh là tối thượng trên hết (vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí). Trí không gì bằng không gì sánh tối thượng trên hết là trí phạm phu hư vọng, so với trí Phật như thật. Hư và thật khác rất sâu xa, về lý không bằng nhau được nên nói không gì bằng. Thanh Văn, Bích Chi Phật muốn có cái biết này phải nhập định

mới biết, ra khỏi định là vẫn không biết. Lại biết của Thanh Văn, Bích Chi cũng có hạn. Phật đặc tam muội như thật, thường ở nơi định thâm sâu, song lại chiếu biết khắp các pháp là hai và không có hai. Pháp thâm sâu không gì sánh tầy, nên nói không gì sánh. Bồ Tát từ địa thứ tám trở lên tuy đặc báo sinh tam muội dụng công không cần phải ra vào, song tập khí tích tập nhỏ nhiệm nên tam muội không cực sáng sạch. Dem so sánh với trí Phật vẫn còn là có cái trên nữa. Trí Phật đoạn gồm đủ như pháp mà chiếu. Do pháp vô lượng, chiếu cũng vô lượng. Ví như hộp lớn thì nắp đậy cũng lớn. Nên nói là tối thượng. Ba câu này cũng có thể tuần tự theo nhau mà thành. Do vì trí Phật không gì bằng, cho nên không gì sánh. Do không gì sánh nên tối thượng thắng hết. Cũng có thể tối thượng thắng hết nên không gì bằng. Do không gì bằng nên không gì sánh. Chỉ cần nói không gì bằng (vô đẳng) là đủ rồi, cần gì phải đến hai câu dưới nữa? Như trí của Tu Đà Hoàn không bằng được với trí của A La Hán, các kiểu nói như thế. Địa ban đầu đến địa thứ mười cũng như vậy, trí tuy không bằng, song không phải là không sánh được. Tại sao như vậy? Do không phải là tối thượng. Ông biết đem bên có, bên không có ra vặn hỏi, mà còn nghi Phật là không phải bậc biết tất cả (nhất thiết trí), sự thể (nghi ngờ) này không đúng vậy.

---o0o---

Hỏi rằng: Trong hạng Hạ sinh, nói là mười niệm tương tục là được vãng sinh. Thế nào gọi là mười niệm tương tục?

Đáp rằng: Ví như có người, trong đồng trống quay về gặp giặc cướp, tuốt đao hung hăng, xông lại muốn giết. Người này ra sức chạy, thấy có con sông phải qua. Nếu qua được con sông

thì đầu cô mới toàn. Lúc ấy chỉ tưởng phương tiện qua sông “ta đến bờ sông để áo mà qua hay cởi áo mà qua? Nếu để nguyên áo sợ không qua được, nếu cởi áo ra sợ không kịp giờ”. Chỉ có niệm ấy không duyên gì hết. Một niệm sao để sang sông, chính là một niệm ở đây vậy. Cứ như thế tâm không tạp, thì gọi là mười niệm tương tục. Hành giả cũng vậy, niệm Phật A Di Đà như người kia niệm qua sông, trải qua mười niệm, hoặc niệm danh tự của Phật, hoặc niệm tướng tốt của Phật, hoặc niệm trí tuệ của Phật, hoặc niệm bốn nguyện của Phật, không có tâm khác xen vào, tâm tâm tiếp nối cho đến mười niệm, gọi là mười niệm tương tục. Thoạt nói mười niệm tương tục tựa như không có gì khó. Song phàm phu tâm như ngựa đồng (dã mã), thức quá khi vượn, đuổi bắt sáu trần, không tạm ngừng nghỉ. Cần phải đốc tìn tâm tự cố khắc niệm, sẽ tích tập thành tính, nhờ thế thiện căn kiên cố vậy. Như Phật bảo vua Tần Bà Sa La, con người tích chứa thiện hạnh, đến chết không có niệm ác, như cây ngả về hướng Tây, ắt đổ tùy khúc. Nếu lại gặp gió đao mà đến thời trăm khổ đổ về thân. Nếu nghiệp tập trước không có đó thì nói gì đến nhớ niệm. Lại cần phải năm ba vị đồng chí hướng cùng tóm kết cái ngôn yếu của đạo. Ngay lúc bạn lâm chung, thay phiên giảng rõ cho, rồi vì người sắp chết đó mà xưng danh hiệu Phật A Di Đà, nguyện sinh An Lạc, tiếng tiếng tiếp nối, làm thành mười niệm vậy. Ví như ấn các ấn bằng sáp vào bùa, ấn hư mà vẫn thành. Khi mạng người này mất chính là lúc sinh về An Lạc, một phen vào chính định thì còn âu lo gì nữa vậy.

---o0o---

CHÂN THẬT NIỆM PHẬT

Hòa Thượng Tuyên Hóa

---o0o---

Chúng ta không được may mắn, sanh nhầm vào thời mạt pháp cách Phật khá xa, pháp nhược mà cường, nhưng trong cái không may mắn đó lại gặp pháp môn niệm Phật. Pháp môn niệm Phật đã không tốn công lại chẳng phí sức, rất dễ dàng và tiện lợi cho sự hành trì tu tập, bởi chỉ niệm Phật mà thành Phật. Vì sao niệm Phật lại thành Phật? Vì trong vô lượng kiếp trước đức Phật A Di Đà đã phát ra 48 lời nguyện, trong 48 lời nguyện đó có một nguyện: *“Khi con thành Phật, chúng sanh mười phương, nghe danh hiệu con, chí tâm tin ưa, thiện căn có được, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh cõi con, dầu chỉ mười niệm, nếu không được sanh, thì không thành Chánh Giác.”*

Phật A Di Đà đã phát ra nguyện lực này, mỗi nguyện mỗi nguyện đều nhiếp thọ chúng sanh vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Với điều kiện là họ phải có lòng tin mãnh liệt, tin có đức Phật A Di Đà, tin thật có quốc độ Tây Phương Cực Lạc, và nguyện vãng sanh về đó làm đệ tử của đức Phật A Di Đà. Tha thiết một lòng xưng niệm danh hiệu Ngài, và lấy ba món tư lương: Tín, Hạnh, Nguyện làm căn bản cho việc vãng sanh.

Quốc độ Tây Phương Cực Lạc có đủ các thứ an vui, thanh tịnh; không có các thứ nghịch ác, phiền não; không có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Chỉ có các loại chim Bạch Hạc, Không Tước, Anh Võ, Ca Lăng Tần Già, Cộng

Mạng, những loại chim đó đều là do thần lực của Phật A Di Đà biến hóa ra để diễn hát pháp âm, chứ chẳng phải là loài súc sanh thật. Thế giới Cực Lạc không có các thứ ác duyên phiền não, khổ đau như thế giới Ta Bà. Nơi đó ngày đêm sáu thời diễn nói diệu pháp: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Vì vậy chúng ta muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thì phải chân thành niệm Phật. Chân thành niệm Phật nghĩa là tâm của mình phải chuyên nhất với câu Phật hiệu, lấy thanh tịnh làm nhân, tâm không phiền não, buông xả hết thầy mọi việc, chỉ còn “thanh tịnh ý mình” để niệm Phật mà thôi. Niệm Phật thì niệm sao cho chuyên nhất, đến khi bạn lâm chung nhất định đức Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn bạn về thế giới của Ngài và tương lai bạn nhất định sẽ thành Phật.

Vì sao người phàm phu như chúng ta mà được Phật A Di Đà đến tiếp dẫn? Lời nói này thật rất khó tin, hay nói là pháp khó tin nhận. Chính vì thế cho nên kinh A Di Đà là kinh không do vị nào thừa thỉnh mà chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni tự thuyết, chỉ vì không có người hiểu và cũng khó có thể tin nhận với pháp môn dễ thực hành này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì lòng từ bi, thương xót chúng sanh trong thời mạt pháp, nên đã chỉ ra con đường ngắn nhất, nói ra kinh pháp khó tin này mà dạy bảo chúng sanh tu hành.

Chân thành niệm Phật chính là miệng niệm Phật, tâm niệm Phật, đi đứng nằm ngồi đều niệm Phật. Trong tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, toàn thân hành trì A Di Đà Phật. Sao lại gọi là hành? Giống như chúng ta bây giờ đến đây tham dự khóa tu niệm Phật. Cho dù là bận trăm công ngàn việc, gia duyên bận rộn bộn bề..., khi vào tu thì buông xả xuống hết, làm

thế nào khi đến đây tham gia khóa tu này phải phát tâm tu tập thật tha thiết, phát tâm niệm Phật cho đến nhất tâm bất loạn.

Muốn nhất tâm bất loạn thì phải trì niệm liên tục, chẳng phải niệm một chút thấy hơi vất vả thì đi tìm chỗ nghỉ, đó là dụng tâm giải đãi chỉ muốn tìm sự an nhàn theo pháp thế gian. Cứ như vậy thì không thể đắc “niệm Phật tam muội”. Vì sao? Vì tâm không chân thành niệm Phật. Người chân thành niệm Phật là nhất tâm nhất ý niệm Phật; ngay cả khi ăn cơm, uống nước, mặc áo, đi ngủ cũng không quên.

Xưa nay việc sinh hoạt thường tình của con người là ăn, uống, ngủ, nghỉ không thể thiếu được. Riêng người tu niệm Phật lại khác, khác ở điều gì? Khi vào tu có những việc cần phải buông xuống là không cần để ý tới việc thích ăn ngon, mặc đẹp, đói khát, ngủ nghỉ... đây mới chính là chân thành niệm Phật. Mới công phu một chút lại nghĩ về cái ăn cái uống, đó chẳng phải chân thành niệm Phật; hoặc lạnh một chút thì vội đi tìm áo mặc cho ấm thân, đó cũng chẳng phải là chân thành niệm Phật; hoặc sợ thiếu ngủ thì đi tìm chỗ ngủ tiếp, cũng chẳng phải là chân thành niệm Phật. Người chân thành niệm Phật tức không luận là đi đứng nằm ngồi hoặc làm bất cứ việc gì, trong tâm chỉ biết câu hồng danh sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật”.

Bạn chăm chỉ trì niệm liên tục như thế lâu ngày, sẽ kết thành một phiến, muốn được điều này bạn phải trì niệm liên tục không dứt đoạn, đến nước chảy cũng nghe niệm câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, gió thổi cũng nghe niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, tiếng chim kêu cũng thành tiếng “Nam Mô A Di Đà Phật”. Câu niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” phải hòa cùng tâm

bạn, không thể tách rời. Niệm câu “Nam Mô A Di Đà Phật” không phải một mình ta; ta là yếu tố chính, là năng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, còn câu “Nam Mô A Di Đà Phật” là sở niệm. Năng sở cả hai hòa lại thành một. Đến gió thổi cũng chẳng lay, mưa to cũng chẳng động, đó là đạt đến niệm Phật tam muội; nước chảy, gió động đều như diễn nói diệu pháp niệm “Nam Mô A Di Đà Phật,” như thế mới đúng thật là chân thành niệm Phật.

Giả như nghe nước chảy, gió động mà tâm cũng bao chao trông Đông, ngoái Tây, rồi phân biệt động tĩnh như thế nào, đó không phải là chân thành niệm Phật. Hoặc miệng niệm Phật, mắt nhìn trước ngó sau như trộm đồ, thế cũng chẳng phải là chân thành niệm Phật.

Chân thành niệm Phật chính là tâm thiết tha với câu Phật hiệu, tâm thanh tịnh chẳng xen tạp một vọng tưởng tạp nhập nào vào. Nếu như lúc thì niệm, lúc thì nghĩ đến chuyện ăn cơm uống nước, đúng sai, được mất thì không phải là chân thật niệm Phật. Tất cả các thứ ấy phải buông bỏ xuống hết, như thế mới là chân thành niệm Phật.

Niệm Phật không có bí quyết gì cả, bạn niệm ở đâu thì chú tâm ở đó, niệm Phật thì tâm đặt nơi Phật, tâm chính là Phật, chẳng cần quét dọn vọng tưởng, đây chính là chân thành niệm Phật. Nếu tâm bạn tán loạn, đây những niệm tà, không thể rõ ràng thì đó chẳng phải chân thành niệm Phật. Chân thành niệm Phật, lợi ích thật vi diệu không thể nói, chỉ khi công tu bạn chặt chẽ đặc dụng thì khi ấy bạn mới có nhận biết mà thôi; khi ấy

bạn lại càng đại tự tại, không nhân, không ngã, không chúng sanh, không thọ giả, chỉ có Nam Mô A Di Đà Phật.

Nói là pháp, hành là đạo, “Hành Giải Tương Ứng”, không chỉ nói mà không hành, cũng như miệng nói đến những đồ ăn ngon mà trong bụng lại đói, không có chút thức ăn. Hôm nay tôi nói về đạo lý này mong các vị phải hiểu rõ: *“Điều chính yếu là phải chân thành thiết tha niệm Phật, chân thành mà tu niệm Phật. Thời gian và sanh mạng của chúng ta quý báu vô cùng, nhớ đừng lãng bỏ qua.”* Hy vọng mọi người luôn ghi nhớ ba điều này trước khi bước vào tu tập **“Kiên Trì, Thành Thật, Hằng Ghi”**.

---o0o---

TÍN NGUYỆN HẠNH VÀ CÁCH THỨC NIỆM PHẬT

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

---o0o---

Niệm từ buổi mai khi mới thức dậy, cho đến buổi tối, cả ngày niệm không xen hở. Khi gần đi ngủ, ngồi xếp bằng, bán già, hay kiết già, chấp tay mà nguyện rằng: *Con tin lời của Đức Phật A Di Đà, giữ một lòng niệm danh hiệu Phật, nguyện đời này bao nhiêu tội chướng thấy đều tiêu sạch, đến khi lâm chung được Phật và các vị Bồ-Tát, đến tiếp dẫn chúng con về Cực-Lạc.*

Muốn được vãng sanh phải đủ 3 yếu tố: Tín, Hạnh, Nguyện như đánh 3 chân thiếu 1 tất ngã.

Tín: Là tin có: tự, tha, nhân, quả, sự và lý.

Hạnh: Là chấp trì danh hiệu Phật cho được “nhất tâm bất loạn”.

Nguyện: Là quyết muốn thoát khỏi cõi Ta Bà, cầu sanh về nước Cực-Lạc.

Dưới đây là đại khái 6 lối tin về Tịnh-Độ:

1. Tin tự: Tin chắc rằng mình có Phật tánh sáng suốt, đủ vô lượng công đức. Nếu mình cố công lo niệm Phật thì quyết có thể chứng ngộ được.
2. Tin tha: Công nhận rằng lời dạy của Đức Phật Thích-Ca không luống dối; Đức Phật A Di Đà luôn luôn nhiếp thọ tùy theo cơ cảm của mình mà ứng.
3. Tin nhân: Định ninh công hạnh niệm Phật hiện tại của mình có năng lực giải thoát.
4. Tin quả: Tin chắc ở chín phẩm sen vàng là nơi sẽ về của ta sau này. Về được đó thì dù hạng nào cũng không thối chuyển.
5. Tin sự: Xác nhận ngoài cõi Ta Bà có một cõi Cực Lạc đúng như lời Phật nói.
6. Tin lý: Tin tự tâm ta cũng tức là Tịnh Độ, nếu một khi nó đã được trong sạch. Sự và lý viên dung không tách biệt. Tóm lại, không tin thì thôi, nếu có tin cần phải tin sâu, tin chắc, và tin rồi phải thực hành.

Hạnh: là thực hành, phải cho kiên nhẫn và đúng pháp.

Kể đây là bài dịch ý của mấy vần thơ mà Tổ Đức Nhuận đã bàn về sự niệm Phật để giúp vào một phần nào cho sự thực hành ấy được đúng.

*Xét ra niệm Phật dễ mà không
Ý, khẩu buông lung giữ chẳng đồng
Miệng niệm Di Đà tâm toán loạn
Dẫu cho bề cổ vẫn là không*

Ấy đó, niệm Phật cốt phải giữ tâm và miệng đi đôi, nghĩa là miệng niệm thì tai phải nghe, tâm phải chú ý nghĩ nhớ Phật và nhất là tâm ý phải không tán loạn, không nghĩ xằng xiêng mới có hiệu quả. Đây là bước thứ nhất của sự niệm Phật, nếu ai chưa được mà vội trách móc, vội ngã lòng rằng sao niệm hoài mà không thấy gì hết, rằng sao càng niệm chừng nào càng rối rắm chừng nấy v.v... thì thiệt là một điều oan uổng và đáng tiếc!

Để giúp sự niệm Phật được dễ dàng tôi xin nêu ra đây những bí quyết thành công của Ngài Giác Minh Diệu Hạnh đã dạy, mà Thượng Tọa Trí Tịnh đã lược giải trong quyển “Đường về Cực Lạc”:

1. Điều kiện thứ nhất, trong lúc niệm, phải rành rõ rõ ràng.
2. Rành rõ là chữ câu rành rõ không lộn lạo, mù mờ. Rõ ràng, là tiếng nói rõ ràng, không trại tiếng.

3. Điều kiện thứ hai, tiếng phải hiệp với tâm, tâm phải duyên theo tiếng, tâm và tiếng hiệp khắn với nhau.
4. Điều kiện thứ ba, phải chí thành tha thiết, với đức Từ Phụ lòng ta như con thơ nhớ mẹ, với cõi Cực Lạc lòng ta như viễn khách tưởng nhớ cố hương.
5. Điều kiện thứ tư, không cho xen lộn một mảy tướng niệm thế sự; nghĩa là phải luôn nhiếp tâm trụ nơi tiếng niệm Phật, không xao lãng. Nếu lỡ xao lãng phải liền nhiếp tâm lại.

Với trường hợp đây, chú tâm nhận chắc lấy tiếng của mình niệm là công hiệu nhất.

Trong quyển Niệm Phật Luận ngài Đàm Hư Đại lão Pháp sư đã nói: Một khi niệm câu A Di Đà Phật được tương ứng, liền đó hành giả được 6 căn thanh tịnh. Vì:

1. Mắt thường nhìn Phật thì nhãn căn thanh tịnh.
2. Tai nghe tiếng niệm của mình và của đại chúng thì nhĩ căn thanh tịnh.
3. Mũi nghe biết hương thơm của nhang trầm thì tỷ căn thanh tịnh.
4. Lưỡi cử động để niệm Phật thì thiệt căn thanh tịnh.
5. Thân ở trong đạo tràng mà lạy Phật thì thân căn thanh tịnh.
6. Trong khi niệm, lạy, tâm thường tưởng Phật thì ý căn thanh tịnh.

Nguyện: Nguyện phải cho thiết tha, cho quyết định.

Chúng ta có thể lựa một trong các bài văn phát nguyện² rồi học thuộc lòng, để trước khi lên giường ngồi xếp bằng hướng về Tây Phương phát nguyện xong sẽ nằm ngủ. Hoặc những vị kém trí nhớ hằng ngày phát nguyện TRÍ DANH NIỆM PHẬT. Niệm “Nam-mô A Di Đà Phật”, đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm, ăn cũng niệm, làm việc cũng niệm, cho đến những chỗ không sạch sẽ cũng đều niệm được cả (nhớ những lúc này niệm thâm, vì niệm lớn sanh tội bất kính).

---o0o---

TỪ TÁN TÂM NIỆM PHẬT ĐI ĐẾN ĐỊNH TÂM NIỆM PHẬT

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

---o0o---

Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, hoặc trụ nơi câu niệm Phật, gọi là Định Tâm Niệm Phật. Miệng niệm Phật, tâm không nhớ Phật mà suy nghĩ mông lung việc khác, đó là Tán Tâm Niệm Phật.

Tán tâm mà niệm, hiệu lực so với định tâm yếu kém rất nhiều. Vì lẽ ấy, từ xưa đến nay các bậc thiện tri thức đều khuyên người cố gắng định tâm trì niệm, đừng để tán tâm. Cho nên tán tâm niệm Phật không đủ làm gương mẫu.

² Bài văn phát nguyện – xem trang 343

Tuy nhiên, mỗi tác động bên ngoài đều liên quan đến tiềm thức, tức là thức thứ tám ở bên trong. Nếu tán tâm niệm Phật hoàn toàn không công hiệu, thì sáu chữ hồng danh kia từ đâu phát hiện? Đã có sáu chữ hiện thành, tất phải có hai chuyển lực: Một là, do chúng tử, từ tiềm thức phát hiện ra ngoài. Hai là, sức tác động từ ngoài lại huân tập trở vào bên trong.

Cho nên chẳng thể nói tán tâm niệm Phật hoàn toàn không công hiệu, bất quá so với định tâm nó yếu kém hơn nhiều mà thôi. Lối niệm tán tâm từ xưa đến nay không được đề xướng, nhưng hàm ý và công dụng của nó cũng không thể phủ nhận.

Vì thế cô nơn có lưu một bài kệ rằng:

*Di Đà sáu chữ pháp trung vương,
Tạo niệm phân vân chớ ngại màng!
Muôn dặm phù vân che ánh nhật.
Nhân hoàn khắp xứ ửng dương quang.*

Bài kệ này suy ra có điều xác đáng. Bởi hạt giống³ niệm Phật nơi thức thứ tám khi thành thực, tất dẫn phát thức thứ sáu khiến cho sanh khởi tịnh niệm. Rồi từ thức thứ sáu lại cử động ra năm thức trước để thành hiện hành. Nhưng vì lúc chúng tử niệm Phật trải qua thức thứ sáu, bởi trần nhiễm của chúng sanh sâu dày, nên bị các niệm khác lấn cướp, tuy có lọt khỏi vòng vây song ảnh hưởng còn lại chẳng bao nhiêu. Ví như ánh mặt

³ **Hạt giống:** là mầm sống, hạt mầm, cũng có nghĩa là năng lực.

trời tuy rực rỡ, nhưng vì bị nhiều lớp mây che, nên khi lọt xuống nhân gian, chỉ còn vẻ ửng sáng. Nhưng ánh sáng thừa ấy sở dĩ có, cũng do công năng ảnh hưởng của mặt trời.

Biết được lẽ này, người tu Tịnh Độ đừng quá ngại màng đến tạp tưởng phân vân, chỉ liên tiếp niệm hết câu này sang đến câu khác, chánh niệm còn được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Niệm như thế một lúc lâu, tự nhiên ngựa ý sẽ quay về tào, vượn lòng lần lần vào động. Niệm một lúc lâu nữa, thì chánh niệm hiển lộ rõ ràng, không cần gạn bỏ điều nhiếp, mà tự nhiên thành tựu. Hiểu được lẽ này thì chỉ quý niệm nhiều, đừng ngại tán tâm.

Như nước tuy bọt đục, lóng mãi tất sẽ thành trong. Người tuy tạp niệm nhiều, niệm Phật lâu tất sẽ thành chánh niệm. Nên biết cố đức khi đi đứng nằm ngồi và tất cả hành động đều niệm Phật. Nếu các vị ấy hoàn toàn dùng định tâm mà niệm, thì lúc đi đường tất phải vấp chạm, hoặc khi tả kinh hay làm việc cũng không thể thành công.

Cho nên người xưa cũng có lúc phải phân tâm mà niệm, nhưng vẫn không rời câu niệm Phật, bởi dù có tán tâm vẫn không mất phần ảnh hưởng.

Đến đây, xin thuật một câu chuyện. Lúc nọ, có người đến hỏi một Thượng Tọa: “Thưa thật với thầy, tôi niệm Phật đã hơn mười năm nay mà vọng niệm vẫn còn nhiều, không biết cách chi trừ diệt. Tôi có đi nhiều nơi cầu hỏi phương pháp với những bậc đã tu trước mình. Vị này đưa kinh nghiệm này, vị kia dạy

cách khác, có một đại đức lại khuyên tôi nên nín hơi niệm luôn hai mươi một câu rồi nuốt một cái. Tôi đã áp dụng qua đủ mọi phương thức, nhưng chỉ định tâm được lúc đầu, rồi sau có lẽ vì lờn quen nên vọng niệm trở lại như cũ. Không biết thầy có phương pháp nào hữu hiệu để dạy tôi chăng?”

Vị Thượng Tọa đáp: “Điểm thất bại đó do ông không bền lòng, mà cứ thay đổi đường lối. Nên biết phàm phu chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay gây tạo nghiệp nhiễm vọng quá nhiều đâu thể nhứt thời mà thanh tịnh được! Chỗ cốt yếu là phải dụng tâm cho bền lâu.

Tôi xin đưa ra đây hai thí dụ: Ví như một bình nước hôi như dầy dầy, ông đem nước thơm sạch đổ vào. Vì nước dơ đã dầy, nước sạch tất phải dội ra ngoài, song ít nhứt nó cũng lưu lại trong bình một vài giọt. Nếu ông cứ bền tâm đổ vào mãi, ngày kia bình nước hôi sẽ hóa ra nước sạch thơm. Lại ví như ông đau bệnh dạ dày, uống thuốc chi cũng đều ói mửa ra. Ông cứ bền lòng dùng ngay thuốc trị bệnh dạ dày mà uống, đừng thay đổi thuốc chi khác. Mỗi phen uống tuy có bị ói mửa, nhưng chất thuốc cũng lưu lại ít nhiều, lần lần bệnh của ông sẽ dứt.

Bệnh phiền não vọng tưởng của chúng sanh cũng thế, dùng thuốc niệm Phật điều trị tự nhiên là thích đáng, nếu thay đổi mãi làm sao thành công? Như có người dùng phèn lóng nước, nó chưa kịp trong, lại nóng nẩy vôi quậy lên đổ muối vào, đổ muối chưa kịp trong, lại quậy lên đổ vôi bột vào. Cứ thay đổi mãi như thế, làm sao nước trong cho được? Thế nên vấn đề dứt vọng niệm, không phải do nơi thay đổi nhiều

phương pháp, mà ở nơi lựa một phương pháp thích hợp rồi thật hành cho bền lâu là thành tựu.” Vị ấy nghe xong gật đầu cho là hữu lý.

Như đã nói, muốn được định tâm, điểm căn bản là phải dụng công cho bền lâu. Tuy nhiên nếu sợ niệm lực tán loạn, cần có phương tiện để tâm dễ yên tịnh, thì nên áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số đã trình bày ở trước.

Phép này do dùng hết tâm lực ghi nhớ từ một đến mười câu, nên dễ vào tịnh định. Nếu tâm còn rối loạn và không thể dùng phép Thập Niệm Ký Số⁴, thì trong mỗi câu niệm chỉ cần chú tâm ghi giữ cho chắc một chữ "A". Khi chữ A còn thì mấy chữ khác đều còn, nếu mê mờ để cho nó mất, tất năm chữ kia cũng mất. Lại chữ A cũng chính là chữ căn bản, và là mẹ của tất cả chữ. Chú tâm vừa niệm vừa ghi chắc chữ A, lâu lâu tự nhiên tâm và cảnh đều tiêu tan dung hợp thành một khối, lượng rộng lớn dường hư không, Phật và mình cũng đều mất. Lúc bấy giờ đương nhiên chữ A cũng không còn. Nhưng lúc trước nó mất là do bởi tâm xao động rối loạn, lúc này nó không còn chính thuộc về trạng thái dung hóa của thường định. Đây là hiện tượng tâm cảnh đều không, điểm sơ khởi để đi vào Niệm Phật Tam Muội.

⁴ **Thập Niệm Ký Số:** là vừa niệm vừa đếm đủ 10 câu “Nam-mô A Di Đà Phật” mới lần qua 1 hạt chuỗi. Như vậy được điểm lợi rất mau định tâm, vì vừa niệm Phật lại còn phải nhớ đếm, nếu quên thì sai lạc. Tuy nhiên phương pháp này đối với những bậc tuổi tác mới biết niệm Phật, hay những vị mới phát tâm niệm Phật rất khó thực hành.

---o0o---

TẠI SAO CÓ CẢNH GIỚI MA ?

Trích Kinh Diệu Yếu

– Khai Thị Tuyển Tập của Hòa thượng Tuyên Hóa

---o0o---

Người tu đạo nhất định phải hiểu rõ đạo lý này một cách đúng đắn, mới không đến nỗi phải sa hầm sập hố.

Tại sao xuất hiện cảnh giới ma? Chính vì quý vị tu hành, quý vị siêng năng nó mới có. Nếu quý vị không siêng năng thì quý vị muốn tìm cảnh giới ma này cũng chẳng cách nào tìm được, nó không thèm đoái hoài gì đến quý vị. Tại sao thế? Bởi quý vị là kẻ nghèo, dù nó có đến cũng chẳng được ích lợi gì. Bây giờ quý vị tu hành, tu đến có được bảo bối, vì quý vị có bảo bối trong tay, cho nên nó mới tìm đến để cướp lấy bảo bối của quý vị.

Vậy khi nó đến, quý vị phải làm sao? Quý vị phải như như bất động, tỏ rõ sáng suốt; đừng nên chấp tướng, đừng khởi bất kỳ một tâm chấp trước nào, cũng không nên nghĩ: “À! Cảnh giới này thật tuyệt! Hãy xuất hiện lại lần nữa đi!” Đừng hoan nghênh nó, cũng đừng ruồng rẫy nó, cứ giống như không có chuyện gì vậy, vì đây không phải cảnh giới của sự chứng quả; nếu quý vị không mong khởi ý tưởng chứng quả này thì không sao, còn giả như tự cho mình đã chứng thánh, nói rằng: “A! Bây giờ ta đã siêu xuất rồi, ngay cả vi trùng sán trong thân ta, ta

cũng lôi ra được”. Với quan niệm này tức cho rằng mình đã đắc thần thông tự tại, vậy là sai lầm rồi! Quý vị chỉ cần dấy một niệm công cao ngã mạn thì ma liền xuất hiện, nó bám theo tâm công cao này mà chui vào trong tâm quý vị. Nó chui vào tâm quý vị rồi thế nào? Nó sẽ chi phối làm cho quý vị bị chao đảo, không đạt được định lực.

Cho nên người tu đạo, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này một cách đúng đắn, mới không đến nỗi phải sa hầm sụp hố, mới không đến nỗi phải lạc bước lầm đường. Nếu quý vị không hiểu Phật Pháp thì dễ dàng bước vào đường sai lầm. Quý vị không có công phu, thì chẳng thành vấn đề; nhưng khi có công phu rồi thì ma vương giờ giờ khắc khắc đều đến rình rập quý vị, thừa dịp sơ hở của quý vị để quấy nhiễu.

---o0o---

TẤT CẢ CHÚNG SANH VÓN DĨ LÀ PHẬT

Hòa Thượng Tịnh Không

---o0o---

Mấy ngày trước, có một đồng tu đến kể với tôi rằng ông gặp một câu hỏi khó như sau: “*Các vị là người học Phật, vậy chân thật có Phật hay không? Anh đã bao giờ thấy Phật chưa?*”

Ông không thể trả lời, liền trở về hiệp hội hỏi tôi, để về sau nếu gặp câu hỏi này thì nên trả lời như thế nào? Tôi nói với ông ấy, giả như về sau lại có người hỏi như thế thì ông nên nói với họ: “*Thật có Phật, tôi đã thấy qua rất nhiều*”. Họ sẽ hỏi ở

đâu. Lúc đó chúng ta có thể nói: “*Bạn chính là Phật, tôi cũng vậy, tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều là Phật*”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật*”, hiện tại vẫn là Phật. Chẳng qua hiện tại, bạn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên biến thành như vậy. Nếu buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bạn cùng Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật Như Lai, Tỳ Lô Giá Na Phật,... không hề khác nhau; nghĩa là trí tuệ, đức năng, tài nghệ, tướng hảo hoàn toàn bình đẳng. Vị đồng tu ấy nghe rồi cũng vẫn rất nghi hoặc. Đương nhiên, vì nếu không nghi thì ông đã có thể trả lời được. Ông không thể trả lời do bản thân không tin tưởng ông chính là Phật.

Chúng ta đã được phác họa bằng một biểu đồ gọi là “*Phàm thánh mê ngộ thị ý đồ*”. Biểu đồ cũng đã phát hành nhiều lần. Nhiều đồng tu sau khi xem thấy liền đến hỏi tôi: “*Rốt cuộc vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nghĩa là gì?*”. Chúng ta không thể đem đề tài “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*” nghiên cứu trong thời gian vài giờ đồng hồ. Nhất định không đủ, thậm chí 20 ngày, 20 năm, hay 200 năm cũng không đủ. Vì ba loại vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này vô lượng vô biên.

Trong lúc dạy học, Thế Tôn dùng pháp phương tiện, đem vô lượng vô biên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quy nạp lại, phân loại, đề cương khế lĩnh trong kinh điển nhằm dạy bảo, giúp chúng ta hiểu rõ đại khái. Muốn chân thật hiểu rõ thì phải thực hành. Chính mình không chịu thân chứng thì sự việc này vĩnh viễn không cách gì lý giải, nhất là vọng tưởng của chúng ta đã quen rồi, khởi tâm động niệm thì gọi là vọng tưởng.

Đôi lập với vọng là chân thật. Vọng chính là không thật. Cho nên trong Phật pháp nói “*Bất đương u thật viết vọng*”, không tương đương với sự thật, đó là vọng. “*Thật*” là gì? – Việc này không dễ hiểu. Nếu bạn hiểu chữ “*Thật*” thì bạn chính là pháp thân Bồ tát. “*Thật*” là thật tướng các pháp mà Đại Thừa giáo nói. Thông thường trong lúc giảng giải, chúng ta dùng lời nói rõ ràng cho mọi người dễ hiểu. Tôi hay nói “*Chân tướng của vũ trụ nhân sanh*”, câu nói này cũng rất chung chung. Nếu tỷ mỉ hơn một chút là “*Bản thể của vũ trụ*”, “*Hiện tượng của vũ trụ*”, “*Tác dụng của vũ trụ*”, đó là từ trên “*thể - tướng - dụng*” mà nói.

Kinh Hoa Nghiêm ghi rõ: “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai”

Đức là đức năng, ngôn ngữ hiện tại gọi là năng lực, tài nghệ. Tướng hảo ý nói đến phước báu của mỗi chúng sanh. Xem qua Tịnh Độ ba kinh, phước báu của Phật A Di Đà thế giới Tây Phương Cực Lạc, thân Ngài có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, không chỉ 32 tướng 80 vẻ đẹp, như vậy vẫn còn quá ít. Báo thân Như Lai có 32 tướng, 80 vẻ đẹp là do Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu, để chúng ta liền biết đó là chính mình. Thiền sư Trung Phong nói rất hay “*Tâm ta tức Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta*”, vì sao? Phật A Di Đà do tâm ta biến hiện, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”.

Kinh thường nói “*Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm*”. Bạn phải hiểu hai câu nói này, thế giới nhỏ, thế giới lớn, biến pháp giới, hư không giới cũng giống như cảnh giới trong mộng. Mỗi một đồng tu chúng ta đều có kinh nghiệm

nằm mộng. Sau khi nằm mộng tỉnh lại, bạn cố gắng nghĩ về cảnh giới trong mộng vừa rồi, nó từ đâu mà có. Thực ra, nó do chính tâm bạn biến hiện ra. Khi tâm bạn nằm mộng, tâm của bạn chính là mộng, hiện ra cảnh mộng. Như vậy, cả thấy cảnh trong mộng chính là tâm của bạn.

Đại sư Vĩnh Gia nói “*Trong mộng rõ ràng có sáu cõi, tỉnh mộng rồi trống không cả đại thiên*”. Thiền sư Trung Phong nói “*Tâm ta tức là Phật A Di Đà, tâm ta chính là thế giới Cực Lạc*”, tác mộng, Phật A Di Đà chính là tâm ta, thế giới Cực Lạc cũng chính là tâm ta. Tâm ta biến hiện ra, vậy hiện tại địa cầu này của chúng ta, thái dương hệ này của chúng ta, hệ ngân hà này của chúng ta, xem thấy xum la vạn tượng. Nếu sau khi giác ngộ, bạn sẽ biết đó là chính ta, do tâm ta biến hiện. Chân tâm hiện, vọng tâm biến, bao gồm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tâm hiện thức biến, bạn bỗng chốc ngộ ra không. Khi vừa tỉnh ngộ thì cả thấy vũ trụ là chính mình, vô số chúng sanh là chính mình, cả thấy trên địa cầu bao gồm tất cả người, sự vật, tất cả sinh vật cùng đồng một thể sinh mạng với ta. Sau khi ngộ, bạn sẽ có cách nhìn khác đối với tất cả chúng sanh, sẽ rất thân thiết. Tâm từ bi tự nhiên liền sẽ phát sanh, “*Từ bi biến pháp giới, thiện ý khắp nhân gian*”. Chân thật sau khi ngộ ra, cảnh giới của bạn so với khi còn mê hoặc hoàn toàn không như nhau, vậy có phải đã phá được vô minh chưa? Chưa. Làm gì đơn giản như vậy! Vô minh, phân biệt, chấp trước mới chỉ giảm nhẹ đi một chút.

Các vị phải biết, phân biệt cùng vọng tưởng thuộc về pháp chấp. Chấp trước thuộc về ngã chấp. Ngã chấp là phiền não chướng, pháp chấp là sở tri chướng. Hai loại chướng ngại

làm cho trí tuệ, đức năng, tướng hảo của chúng ta thấy đều bị chướng ngại theo. Cho nên Phật dạy chúng ta tu hành là tu cái gì, là phá hai loại chấp trước này.

Có rất nhiều kinh điển, bạn phải tỳ mĩ lãnh hội, làm gì không có chỗ ngộ. Mỗi bộ kinh bạn vừa lật ra, nếu chân thật khế nhập thì thấy đều có chỗ ngộ. Hiện tại vì sao không có chỗ ngộ? Vì khi bạn đọc kinh, hàm hồ lướt qua, sơ sài qua loa, không tỳ mĩ quan sát, thể hội. Trong Tàng Kinh Lầu thấy được “*Đại bốn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mười đại thiên thế giới vi trần kệ, một bốn thiên hạ vi trần phẩm*”. Lời nói này của Bồ tát Long Thọ là thật, bạn phải nghe hiểu. “*Mười đại thiên thế giới vi trần kệ*” không phải là chữ số. Hoa Nghiêm dùng mười để biểu thị, đại biểu đại viên mãn; có nghĩa biến pháp giới hư không giới, tánh, tướng, lý, sự, nhân quả, có thứ nào không phải là kinh Hoa Nghiêm? Kinh Hoa Nghiêm sống ngay trước mặt chúng ta. Thiện Tài Đồng tử may mắn gặp được 53 vị thiện tri thức, còn chúng ta thì sao? Từ sớm đến tối không hề kém Thiện Tài, nhưng vì sao không khai ngộ? Vì tâm bạn không phải tâm của Thiện Tài, nếu là tâm của Thiện Tài thì bạn đã sớm khai ngộ. Cho nên phiền não của chúng ta là thật, chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quá nặng.

Vọng tưởng, thông thường trong Đại Thừa giáo đã nói, “*vô minh phiền não*”, “*trần sa phiền não*”, “*kiến tư phiền não*”. Thiên Thai tông cũng nói, vô minh phiền não chính là vọng tưởng trong kinh Hoa Nghiêm. Trần sa phiền não chính là phân biệt. Kiến tư phiền não chính là chấp trước. Ở đây có phiền não, có sở tri chướng, chỉ là nặng nhẹ không như nhau. Trong vô minh, sở tri chướng nhiều, phiền não chướng ít. Trong phân

biệt, sở tri chướng cùng phiền não chướng có thể bằng nhau. Trong chấp trước, sở tri chướng nhẹ, phiền não chướng nặng.

Cho nên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều có sở tri chướng, đều có phiền não chướng, vô minh. Trên kinh Hoa Nghiêm, vọng tưởng thuộc về căn bản vô minh. Đại kinh nói, “*một niệm bất giác mà có vô minh*”, đó là nói ban đầu, vì sao bạn bị mê? Vấn đề này trong Đại thừa giáo gọi là “*căn bản Đại vấn*”. Ta vốn dĩ là Phật, nhưng vì sao ta khởi một niệm vô minh, lúc nào khởi lên một niệm vô minh, và nguyên nhân gì khởi lên nó?

Khi chúng tôi mới học Phật có gặp vấn đề này, tôi liền hỏi lão sư Lý. Lão sư Lý nghe rồi mỉm cười không trả lời cho chúng tôi, vì sao? Trả lời cũng không hiểu, vẫn không bằng không trả lời. Ông bảo chúng tôi xem kinh Lăng Nghiêm. Ô! Trong quyển thứ tư của kinh Lăng Nghiêm, thì ra Phú Lô Na tôn giả cũng có vấn đề tương tự, ngài hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni vì sao hay khởi lên niệm này, và bao lâu mới khởi lên một niệm. Kinh Lăng Nghiêm có một đoạn kinh văn rất dài, rất nhiều người đọc kinh Lăng Nghiêm nhưng có mấy người hiểu được. Nếu thật hiểu thì bạn liền thành Phật, còn chưa thật hiểu thì vẫn là phàm phu.

Trước tiên bạn phải nhận biết đó là vọng, vọng là giả, “*một niệm bất giác*” là hư vọng. Cái niệm này sau khi bất giác, bạn vẫn cho là thật, đó là mê. Nếu bạn hỏi mê từ lúc nào, kinh Hoa Nghiêm nói thời gian: “*Niệm kiếp viên dung*,” – niệm là một niệm, thời gian của một niệm rất ngắn; kiếp là đơn vị thời gian rất dài. Một niệm cùng vô lượng kiếp không khác biệt, vì

một niệm là vọng, vô lượng kiếp cũng là vọng. Một niệm bằng như không, vô lượng kiếp cũng bằng như không. Không cùng không phải chẳng đều vọng? Sau khi hiểu rõ, chúng ta hơi có chút thể hội. Thì ra sự việc này không có trước sau, không có xa gần, ngay nơi đó một niệm bất giác cũng giống như trong mộng tỉnh lại. Khi tỉnh lại thì gọi là thành Phật. Vốn dĩ là Phật, vừa vào mộng, trong mộng liền rơi vào mười pháp giới. Bạn ở trong mộng làm Bồ Tát, làm Phật là pháp giới bốn thánh; bạn ở trong mộng làm trời làm người là pháp giới trời người; bạn ở trong mộng gặp được nga quý, súc sanh, địa ngục thì là pháp giới ba đường, không rơi ngay trong một niệm. Đó là chân tướng sự thật, thế nhưng ngày trước thầy giáo không nói ra, vì sao?

Vì sau khi nói sẽ làm cho cửa ngộ của bạn bị bít mắt. Đó là cách dạy học rất tàn khốc!

Cho nên Thiên tông nhất định không nói, mà khuyên bảo bạn chính mình ngộ chứng. Chính bạn sau khi ngộ sẽ đem cảnh giới này nói lại với lão sư. Lúc đó lão sư gật đầu ấn chứng cho bạn. Còn khi bạn chưa vào được cảnh giới này thì tuyệt đối không nói ra. Điểm này đặc biệt không giống Giáo Hạ. Giáo Hạ luôn nói ra, sau khi nói thì bạn chính mình phải chứng thật. Nếu không chứng thật, như vậy bạn vẫn đang ở trong mộng, chưa tỉnh ra được. Cho nên, bạn cần phải thân chứng, vậy thân chứng bằng cách nào? ***Hãy buông xả tất cả!***

---o0o---

NGƯỜI NIỆM PHẬT PHẢI ĐOẠN CỘI GỐC ÁI DỤC

*Trích trong “Những lời khai thị của Đại Sư Hám Sơn –
Đường Mây Trong Cõi Mộng” do thầy Thích Hằng Đạt và
Nguyễn Phong phóng tác*

---o0o---

Pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh cõi Tây phương Cực Lạc, vốn là đại sự cắt đứt dòng sanh tử. Vì vậy bảo rằng chỉ cần xưng niệm danh hiệu Phật là có thể cắt đứt sanh tử. Do đó, ngày nay mới phát tâm niệm Phật.

Song, nếu không biết cội gốc của sanh tử, mà cứ niệm Phật mãi thì cuối cùng sẽ đi về đâu? Nếu niệm Phật mà không đoạn được cội gốc của sanh tử thì làm sao cắt đứt dòng sanh tử? Cội gốc của sanh tử là gì? Cổ nhân nói: “Nghiệp bất trọng bất sanh Ta Bà. Ái bất đoạn bất sanh Tịnh Độ”. Thế nên, biết rõ ái dục là cội gốc của sanh tử. Khiến tất cả chúng sanh thọ khổ trong sanh tử đều do ái dục. Cội gốc ái dục này không phải chỉ hiện hữu trong một, hoặc hai, ba, bốn đời, mà nó đã tự có sẵn từ đời vô thủy cho đến ngày nay. Sanh sanh thế thế, xả thân thọ thân, đều do lưu chuyển theo ái dục.

Ngày nay, suy nghĩ nhìn lại, xem coi lúc nào có một niệm tạm rời cội gốc ái dục này đâu! Hạt giống ái căn bao kiếp tích lũy sâu dày, nên khiến sanh tử không cùng tận. Hiện tại, vừa phát tâm niệm Phật, nếu chỉ vọng không cầu sanh Tây phương mà danh tự ái dục (tức cội gốc của sanh tử) lại không biết đến, thì khi nào mới có niệm đoạn được nó? Không biết cội

gốc của sanh tử, nên một bên niệm Phật, một bên cội gốc sanh tử lại càng tăng trưởng nhiều hơn. Cả hai việc niệm Phật và cội gốc sanh tử chẳng quan hệ với nhau. Dẫn niệm cách nào đi nữa, đến lúc lâm chung quý vị chỉ thấy sanh tử ái căn hiện tiền. Khi đó lại cho rằng Phật hoàn toàn không có thần lực, nên liền oán trách niệm Phật không linh nghiệm, dẫn sau này có hối hận cũng không kịp.

Vì vậy, khuyên người niệm Phật thời nay, đầu tiên phải biết ái dục là cội gốc của sanh tử. Ngày nay dốt lòng niệm Phật, thì niệm niệm phải đoạn ái căn này. Trong cuộc sống hằng ngày, ở nhà niệm Phật, mắt thấy vợ con cháu chắt, gia duyên tài sản, đều không nên đắm trước ái nhiễm, làm việc nào và niệm nào cũng đều vì sự sanh tử và cảm giác như toàn thân đang đứng trong hầm lửa.

Lúc chưa biết cách chân chánh niệm Phật thì niệm ái dục trong tâm chưa có thể xả bỏ. Vì niệm không thiết tha và chẳng biết ái dục là chủ tử, nên chỉ niệm Phật ngoài da. Nếu như thế thì Phật chỉ nghe niệm, còn ái dục thì lại tăng thêm. Lúc cảnh tình của vợ con hiển hiện, phải xoay nhìn vào tâm. Một danh hiệu Phật có thể đối địch với ái dục, thì sẽ cắt đoạn được ái căn. Không cắt được ái dục thì làm sao đoạn được sanh tử. Do tập khí của duyên ái trong bao đời đã chín mùi mà nay chỉ mới bắt đầu niệm Phật, lại không thiết thật niệm Phật, thì không thể niệm Phật được đặc lực được. Nếu trước mắt không thể kèm chế được ái cảnh thì khi lâm chung quyết không thể tự làm chủ được.

Do đó, khuyên người niệm Phật, việc trước nhất là phải biết vì sanh tử mà thiết tha niệm Phật, tức là phải có tâm thiết tha cắt đoạn sanh tử, và phải dùng niệm niệm mà đốn đoạn cội gốc sanh tử. Lúc niệm niệm đều dứt được sanh tử thì cần gì đợi đến ngày ba mươi tháng Chạp! Đợi đến lúc đó thì đã trễ lắm rồi! Thế nên, bảo rằng trước mắt luôn nghĩ đến sanh tử đại sự. Trước mắt liễu được sanh tử vốn không. Niệm niệm thiết thật, thì đao đao đều chặt đứt. Dụng tâm như thế, nếu không vượt khỏi sanh tử thì chư Phật bị đọa vì tội vọng ngữ! Do đó, người xuất gia, kẻ tại gia, biết rõ tâm sanh tử tức là biết rõ thời tiết xuất ly sanh tử, sao còn diệu pháp nào khác nữa!

---o0o---

TỨ HOÀNG THỆ NGUYỆN

Hòa Thượng Tịnh Không

---o0o---

*Giảng tại Viện Giáo Dục thị xã Đài Đông năm 1998
Vọng Tây cư sĩ biên dịch - Giác Minh Duyên biên tập*

***Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành***

Cổ nhân nói: “ruộng dâu hóa biển”, “vạn pháp vô thường”, người học Phật chúng ta không thể không thấu rõ. Kinh điển dạy rất nhiều, đức Phật là bậc trí tuệ viên mãn đã chỉ

dạy, cương lĩnh đơn giản nhất cũng chính là nguyên tắc quan trọng nhất mà chúng ta thường niệm, “**tứ hoằng thệ nguyện**”, chính là phương pháp tu hành. Chỉ có bốn câu dễ nhớ nhưng người học Phật lại luôn xem thường, miệng niệm hằng ngày, biến thành câu cửa miệng tâm thường nhưng không hề tư duy ý nghĩa của nó, cũng không hề nghĩ mình phải làm thế nào cho đúng. Sai lầm này là do chúng ta, không phải Phật Bồ Tát.

Câu thứ nhất của tứ hoằng thệ nguyện dạy phát tâm, chúng ta học Phật nhưng đã phát tâm chưa? Mấy mươi năm chúng tôi đi qua rất nhiều vùng và nhiều nước, gặp không biết bao nhiêu bạn đồng tu, nhưng người phát tâm chân chính quả thật hiếm thấy. Một vạn người, không có được một người phát tâm. Họ đều biết niệm “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ” nhưng trên thực tế lại không có tâm độ chúng sanh, khởi tâm động niệm vẫn vì chính bản thân mình. Hay nói cách khác, vẫn là tự tư tự lợi, không hề nghĩ đến chúng sanh. Ngày nào cũng niệm câu này, nhưng đó chỉ là niệm suông.

Nếu lấy “tứ hoằng thệ nguyện” làm tiêu chuẩn suy xét, chúng ta sẽ thấy rõ ràng chư Phật Bồ tát, các Tổ Sư đại đức khởi tâm động niệm đều vì chúng sinh tận hư không, khắp pháp giới. Chúng ta muốn phát nguyện độ chúng sinh ở một phương, nguyện này rất nhỏ. Độ chúng sinh ở giới hạn một khu vực mình đang sống, thậm chí hành tinh mình đang tồn tại, tâm lượng đó vẫn nhỏ hẹp, trong khi thái hư không là vô lượng vô biên. Mới độ chúng sanh trên một quả đất thì có đáng gì so với lời Phật dạy “**chúng sanh vô biên thệ nguyện độ**”.

Nhưng “độ” như thế nào?

Chúng sinh tận hư không khắp pháp giới, chúng ta đều phải độ. Vậy chữ “độ” này có ý nghĩa gì? Nếu dùng ngôn ngữ hiện đại, thì “độ” là quan tâm, yêu quý, dốc lòng dốc sức giúp đỡ. Có bao giờ chúng ta thật sự phát tâm là quan tâm giúp đỡ mọi người trong xã hội chưa? Người học Phật phải dựa vào lương tâm để tự chất vấn điều này. Được mấy người đã từng phát tâm quan tâm? Không cần bàn đến việc quan tâm tận hư không khắp pháp giới, mà chỉ cần quan tâm ngay thế giới này, quan tâm đến một quốc gia, một vùng, một thành phố. Vậy có được mấy người khởi tâm động niệm quan tâm đến xã hội, quan tâm cho người khác? Nếu không phát tâm như vậy, người đó vẫn là phàm phu, chưa học Phật, còn mê chưa tỉnh và dĩ nhiên chưa giác ngộ.

Người giác ngộ thì mỗi niệm đều vì chúng sinh, vì xã hội, trong khi người mê thường chỉ nghĩ cho bản thân. Người xuất gia nếu mỗi niệm đều vì chùa nhỏ của mình thì cũng không khác gì người tại gia chỉ nghĩ cho bản thân, gia đình mình. Tâm trạng như vậy mà học Phật, tu vô lượng kiếp vẫn là phàm phu, vẫn đi vào trong sáu nẻo luân hồi, không thể ra khỏi ba cõi.

Tu hành như thế nào?

Muốn tu hành công phu tiến bộ, muốn có thể giảm bớt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cổ đức đã dạy: “***nhiệm vụ tu hành, phát nguyện là đầu***”. Việc trước tiên là phải phát nguyện, phát tâm, và học Phật. Chư Phật Bồ Tát mỗi niệm vì tất cả chúng sinh hư không pháp giới, không phải chỉ vì một cõi nước của Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni không chỉ phát tâm vì thế

giới Ta Bà. Chúng ta học Phật cũng cần phải bắt đầu học từ chỗ này, thì công phu sẽ tiến bộ.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam thường dạy bảo chúng ta phải “*chuyển tâm*”. “*Chuyển tâm*” là *thay đổi quan niệm, thay đổi cách nghĩ, cách nhìn*. Một số người sẽ hoang mang, chẳng lẽ từ nay về sau không nghĩ đến bản thân mà chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến xã hội, vậy có hoàn toàn nên không? Ngạn ngữ rằng: “người không vì mình, trời tru đất diệt!” vậy người không vì bản thân thì có lỗi gì?

Vì sao đức Phật nhất định không cho phép chúng ta vì mình? Kinh Bát Nhã nói “thực tướng các pháp”, nếu dùng ngôn ngữ hiện đại thì “thực tướng các pháp” là chân tướng của vũ trụ nhân sinh, người thông thường gọi là chân lý. Đức Phật căn cứ vào chân lý chân tướng sự thật mà nói, chúng ta chắc chắn có thể tin, có thể tiếp nhận. Vậy chân tướng của sự thật là gì? sáu đường không thật, mười pháp giới cũng không thật. Trong kinh Kim Cang có câu: “*những thứ có hình tướng đều là hư dối,*” lại nói: “*tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn, bèo bọt*”.

Vậy cái gì là pháp hữu vi? Quyển Bách Pháp Minh Môn Luận có giải thích rất rõ về “nhất thiết hữu vi pháp”.

Bồ Tát Thiên Thân đại từ đại bi lấy 660 pháp trong Du Già Sư Địa Luận do Bồ Tát Di Lặc thuyết. Bồ tát Thiên Thân đem tất cả vạn pháp vũ trụ nhân sinh quy nạp thành 660 loại, thuận tiện giảng giải giới thiệu cho mọi người. Tuy nhiên, người mới học Phật sẽ tiếp nhận một cách khó khăn. Cho nên Bồ Tát đem 660 pháp quy nạp tiếp thành một trăm loại, gọi là bách pháp. Một trăm loại này khi triển khai chính là tất cả pháp

vũ trụ, nên gọi là vạn pháp. Nói cách khác, tuy là một trăm loại nhưng trên thực tế là vô lượng vô biên. Trong một trăm loại lại chia thành năm loại lớn:

- Thứ nhất là “tâm pháp”, chúng ta thường nói tám tâm vương.
- Thứ hai là “tâm sở pháp”, nói tác dụng tâm lý.
- Thứ ba là “sắc pháp”, chỉ vật chất.
- Thứ tư là “tâm bất tương ưng hành pháp”, nếu dùng cách nói hiện đại thì đó là khái niệm trừu tượng, tuy giả nhưng có những sự tương không thể không thừa nhận.
- Thứ năm là “vô vi pháp”.

Bốn loại đầu gồm tổng cộng 94 pháp, đều gọi “pháp hữu vi”. Ý nghĩa “hữu vi” là có sinh có diệt mà nhà Phật dạy là không thật, tức giả dối hư huyền. Cái chân thật phải là không sinh không diệt. Sáu cõi luân hồi có sinh có diệt. Mười pháp giới gồm Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật cũng có sinh có diệt. Phật của mười pháp giới vẫn có sinh có diệt, cũng không phải là thật. Vậy chỗ nào mới là không sinh không diệt? Đó chính là “**nhất chân pháp giới**”. Vậy “nhất chân pháp giới” ở đâu?

* Kinh Hoa Nghiêm chỉ cho chúng ta thế giới Hoa Tạng của Phật Tỳ Lô Giá Na là “nhất chân pháp giới”. Phật lại bảo, “**Thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng là nhất chân pháp giới**”.

* Kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà cũng nói, người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, **ai ai cũng đều thọ vô lượng, không có sinh diệt**. Chúng ta vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc, không phải từ nhỏ dần dần trưởng thành người lớn. Nếu từ

nhỏ dần dần lớn lên, đó là có sinh có diệt. Người thế giới Tây Phương là hóa thân, thân hình không khác với từ phụ A Di Đà, cao lớn, trang nghiêm đồng như nhau. Thế giới đó rất kỳ lạ, đó là không sinh không diệt, là nhất chân pháp giới.

Thế giới này của chúng ta là hư dối. Đã giả thì phải vứt bỏ, phải buông bỏ thôi. Vứt bỏ và buông bỏ không phải trên việc làm mà *bỏ ngay ở trong tâm*. Trong tâm dứt khoát không dính mắc, tức là không phân biệt, không nắm giữ, được đại tự tại trong tất cả pháp. “Nhìn thấu” đối với những chân tướng sự thật này, sáng tỏ thật sự, hiểu rõ thật sự, sau đó y chánh trang nghiêm mười pháp giới. Cần nhớ kỹ, trong mười pháp giới bao gồm cả lục đạo luân hồi y chánh trang nghiêm, sự lý nhân quả đều phải sáng tỏ, đều hiểu rõ.

“Buông xả” là không còn phân biệt, cũng không nắm giữ. Vào được cảnh giới này thì chính bản thân chúng ta được đại tự tại. Thân thể tuy ở trong thế gian nhưng có thể hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, tùy duyên du hý thần thông, sống đời sống của Phật Bồ Tát, không còn đời sống của phàm phu. Đời sống phàm phu rất khổ não trong khi đời sống của Phật Bồ Tát tự tại, vui vẻ dường nào. Nhà Phật thường nói: “Phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui”. Tất cả khổ đều do không hiểu rõ chân tướng sự thật, không biết nhân quả, chỗ phát sinh ra những sự lý này. Khi đã thông suốt thì tự tại vô cùng, khổ não được nhỏ sạch đến tận gốc rễ. Những lời này tuy nói rất dễ, nghe cũng rất rõ nhưng hầu như chưa ai trong chúng ta thực hiện được. Vì nếu lãnh hội triệt để, thì đâu có chuyện không nhìn thấy thấu!

Kinh Phật mô tả, thời ấy Thế Tôn thuyết pháp, trong hàng đệ tử của Ngài thậm chí chưa nghe xong một bộ kinh đã có người khai ngộ, có người chứng quả. Chúng tôi giảng ở nơi đây mấy phút như vậy, nếu ai đó nghe hiểu sẽ liền khai ngộ, và khi thật sự đã buông xả thì liền chứng quả. Pháp hội này so với Phật Thích Ca Mâu Ni ngày ấy không có gì khác. Nghe giảng rồi vẫn chưa làm được, điều đó chứng tỏ chúng ta còn chưa thấu hiểu, cho nên cần phải nghe nhiều. Chúng tôi thường nhắc nhở các bạn đồng tu, nếu muốn thành tựu đích thực ngay trong đời này, thì phải biết một bí quyết, đó là “*một môn thâm nhập, huân tu lâu dài*”. Việc học, đáng sợ nhất là học quá nhiều, quá tạp, khi ấy muốn thành tựu cũng khó hy vọng.

***Dựa vào cương lĩnh Giới-Định-Tuệ và
chuyên trì danh hiệu Phật***

Đức Phật dạy bảo chúng ta tu hành có ba cương lĩnh lớn, đó là tam học Giới, Định, Tuệ. Do giới được định. Giới là phương pháp, thủ pháp, tuân thủ phương pháp của Phật mà tu gọi là giữ giới, trì giới. Tuân thủ phương pháp tu học thì sẽ dễ dàng được định. Định lâu sau sẽ khai trí tuệ. Thử nghĩ, tu một pháp môn dễ dàng được định hay tu thật nhiều pháp môn dễ được định? Nhiều bạn đồng tu dụng công rất nhiều, rất nỗ lực hành thời khóa sớm tối, tụng rất nhiều bộ kinh, thuộc nhiều bài chú và biết bao nghi thức quy tắc khác, nói chung bận bịu tíu tít trong hai giờ như không thể nào bận hơn được. Tu hành như vậy mấy mươi năm, thành thật mà nói, vẫn không bằng người niệm một câu A Di Đà Phật miên mật chỉ trong vài tháng! ***Chuyên tâm niệm một câu A Di Đà Phật, không nghi ngờ, không xen tạp, không gián đoạn, chỉ cần ba tháng là tâm tự***

tại thanh tịnh. Còn hơn người mỗi ngày niệm mấy mươi bộ kinh chú, niệm tất cả các danh hiệu chư Phật Bồ Tát suốt mấy mươi năm, nhưng tâm vẫn loạn động như thường.

Chúng tôi đã khuyên nhiều vị đồng tu niệm một vị Phật A Di Đà, họ không dám tiếp nhận vì băn khoăn rằng: “*Tôi niệm biết bao nhiêu Phật Bồ Tát trong nhiều năm, bây giờ không niệm các Ngài, các Ngài sẽ trách!*” Như vậy là do họ sợ đắc tội, quan niệm này *hoàn toàn sai lầm!* Nghĩ như vậy là chúng ta dùng tâm phàm phu mà đo lường Phật Bồ Tát, cho rằng Phật Bồ Tát không khác gì so với chúng ta. Chúng ta không niệm các Ngài, các Ngài sẽ trách, chúng ta sẽ đắc tội với các Ngài! Nếu tâm lượng của Phật Bồ Tát như vậy, các Ngài sao lại có thể thành Phật? Nghĩ như vậy là xem thường Phật Bồ Tát. Chính tâm đó mới là tạo tội nghiệp, là đại bất kính đối với Phật Bồ Tát.

Thậm chí không cần nói đến Phật, Bồ Tát mà chỉ cần nói đến các A La Hán vốn đã kiến tư phiền não đoạn. Dù chúng ta làm nhục hay sát hại A La Hán, A La Hán cũng tuyệt đối không giận, mà vẫn cứ yêu quý chúng ta, như vậy mới gọi là A La Hán. Nếu sân giận thì gọi là yêu ma quỷ quái rồi. Phật Bồ Tát, A La Hán tuyệt đối không giận nếu chúng sanh đắc tội với các Ngài. Do đó cho rằng, trước đây niệm nhiều danh hiệu Phật Bồ Tát, bây giờ không niệm nữa, Phật Bồ Tát sẽ quở trách, giáng họa. Nghĩ vậy có khác nào xem Phật Bồ Tát là yêu ma quỷ quái, thử nói xem tội chúng ta lớn cỡ nào? Nếu như vậy thì công phu tu hành cũng không làm sao tiến bộ được!

Học Phật việc trước tiên phải rõ lý, làm sáng tỏ chân tướng sự thật. Chư Phật Bồ Tát đều khuyên niệm Phật A Di Đà. Phật Thích Ca Mâu Ni trong kinh Vô Lượng Thọ xưng tán Phật A Di Đà là “Quang trung cực tôn. Phật trung chi vương”. Thế Tôn khen như vậy là thay mặt cho mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai mà khen ngợi. Không phải chỉ một mình Ngài khen ngợi, mà tất cả chư Phật Như Lai, tất cả Bồ Tát, đều khuyên chúng ta niệm Phật A Di Đà. Cho nên niệm Phật A Di Đà thì tất cả chư Phật Như Lai đều hoan hỷ, tất cả Bồ Tát đều tán thán, vỗ tay chúc mừng. Chân tướng sự thật là như vậy, đáng tiếc nhiều người chẳng hiểu thấu!

Cho nên, một pháp môn thì dễ dàng được định, định có thể khai huệ, huệ có thể trừ phiền não, việc tu học mới có thể thành tựu. Sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ không có bất kỳ pháp môn nào sánh bằng! Thế Tôn dạy trong rất nhiều kinh điển, phàm phu từ lúc mới phát tâm tu hành mãi đến thành Phật, cần bao nhiêu thời gian? Ai cũng biết là ba đại A Tăng kỳ kiếp, nhưng người chân thật nghe hiểu được không nhiều. Ba đại A tăng kỳ kiếp bắt đầu tính từ lúc nào? Tính từ khi mới phát tâm. Ngày nay chúng ta tu hành có tính không? – không tính! Vì sao? Vì chúng ta chưa phát tâm, khởi tâm động niệm vẫn là tự tư tự lợi, chưa phát tâm. Phát tâm là phát tâm Bồ Đề! Khi tâm Bồ Đề vừa phát là đạt quả vị viên giáo sơ trụ Bồ Tát.

A La Hán, Bích Chi Phật còn chưa phát tâm Bồ Đề. Quyền giáo Bồ Tát, bốn giáo của tông Thiên Thai dạy chúng ta, Phật của Tạng giáo, Phật Bồ Tát của thông giáo còn chưa phát tâm Bồ Đề. Vậy tâm Bồ đề đích thực được phát bởi hạng người nào? Đó là viên giáo sơ trụ Bồ Tát. Phát tâm Bồ Đề mới vượt

qua mười pháp giới, đến pháp giới nhất chân. Từ đó cho thấy, ba đại A Tăng Kỳ kiếp chỉ viên giáo sơ trụ Bồ Tát là đối tượng chính. Họ sơ phát tâm, cho nên sơ trụ gọi là phát tâm trụ. Đọc kinh Hoa Nghiêm phải nên đọc đến phát tâm trụ. Bồ Tát sơ trụ đến quả vị Phật, tổng cộng bốn mươi hai cấp bậc, qua ba đại A Tăng kỳ kiếp mới có thể hoàn thành. Điều này đức Phật đã nói rất rõ ràng.

- A tăng Kỳ Kiếp thứ nhất là hoàn thành ba mươi cấp bậc gồm: thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, còn gọi là Tam Hiền.
- A tăng kỳ kiếp thứ hai là tu bảy cấp bậc: từ sơ địa đến thất địa.
- A tăng kỳ kiếp thứ ba là tu ba cấp bậc: Bát địa, Cửu địa và Thập địa.

Tu hành như trên chứng quả không thể dễ dàng. Những gì chúng ta đã tu ngày nay không có tính, nếu tính từ phạm phu trong lục đạo, mười pháp giới thì thời gian tu hành tổng cộng là vô lượng kiếp như kinh Hoa Nghiêm đã nói, làm sao có thể nói chỉ cần có ba A tăng kỳ kiếp? Cho dù tu vô lượng vô biên pháp môn cũng không ngoại lệ! Hiểu rõ hết những điều này, chúng ta mới nhận thấy sự thù thắng của Tịnh Độ, mới biết mình trong đời này gặp được pháp môn Tịnh Độ là rất hy hữu, quý báu vô cùng.

Pháp môn Tịnh Độ

Pháp môn Tịnh Độ được mang theo túc nghiệp mà vãng sanh. Chúng ta sống trong thế gian có vô lượng nghiệp chướng, chùng tử tập nghiệp, muôn vượt qua sáu đường, vượt qua mười pháp giới cũng không nên gấp gáp mà có thể mang theo cả

nghiệp, có thể không cần dứt phiền não, chỉ cần chuyên tâm niệm Phật A Di Đà. Được sự gia trì theo bốn nguyện của Ngài, chúng ta có thể vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là nơi Phạm thánh đồng cư, Hạ Hạ phẩm vãng sanh, không những nhờ sự gia trì của Phật lực mà còn nhờ “mười hai kiếp hoa khai kiến Phật” của chúng ta.

Quán Kinh nói “mười hai kiếp hoa khai kiến Phật”, hoa khai kiến Phật là quả vị Viên Sơ Trụ, tức quả vị của phát tâm Bồ Đề. Chỉ cần mười hai kiếp là tâm Bồ Đề của chúng ta đã phát. Nếu không đến thế giới Tây Phương Cực Lạc mà ở thế giới này, thì vô lượng kiếp tâm Bồ Đề cũng không thể phát được. Đến chỗ Ngài mười hai kiếp là có thể phát tâm Bồ Đề. Sự chênh lệch quá lớn nếu đưa ra so sánh, đó là chưa kể sự gia trì của Phật lực.

Tu hành trong môi trường Tây Phương Cực Lạc hiệu quả thù thắng như vậy, từ vô lượng kiếp rút ngắn còn mười hai kiếp. Nhưng trên thực tế không có người nào vãng sanh mà không được uy thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Khi có Phật lực gia trì, không cần tới mười hai kiếp. Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta liền làm Phật, tướng mạo dung nhan giống như Phật. Nguyện thứ 3, 4, 5 nói rất rõ: “*thân tướng thuần sắc vàng ròng, đủ ba mươi hai tướng tốt, đủ tướng đại trượng phu. Đoan nghiêm, chánh trực, thanh tịnh, tinh khiết, tất cả đồng một dung nhan,*” tướng mạo, thể chất đều giống như Phật A Di Đà. Không thành Phật, tướng mạo chúng ta làm sao có thể giống như Ngài được?

Đức Phật A Di Đà đã phát 48 đại nguyện, nếu có một nguyện chưa thành tựu thì Ngài không thể thành Phật. Thế Tôn dạy chúng ta, Phật A Di Đà thành Phật ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đến nay đã mười kiếp. Hay nói cách khác là 48 đại nguyện mà Ngài đã phát, mỗi nguyện đều đã thành tựu. Chúng ta niệm Phật tu học Tịnh Độ phải lấy bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà làm căn bản. Nếu tương ứng với bản nguyện, chúng ta nhất định phải tin. Còn không tương ứng với bản nguyện, chúng ta có thể không tin. Nếu đọc thật kỹ kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối, sẽ suy thấy mỗi câu mỗi chữ đều không rời bốn mươi tám nguyện. Hay nói cách khác, kinh Vô Lượng Thọ là thuyết minh bốn mươi tám nguyện. Chúng ta có thể tin được vì đây là pháp môn hy hữu khó gặp nên phải thực tập tu hành đến không nghi ngờ, không xen tạp.

Thế gian tu hành sợ nhất là xen tạp, quyển Tây Phương Xác Chi, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói, Ngài dạy người tu hành kiêng kỵ nhất là xen tạp. Tụng kinh xen tạp, niệm chú xen tạp. Nếu tu Tịnh Độ, khóa tụng mỗi ngày đọc kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, rồi đọc kinh Quán Vô Lượng Thọ,... như vậy là xen tạp, thực tế chỉ cần một loại là đủ. Kinh điển của Tịnh Độ còn không nên xen tạp, huống hồ những kinh điển khác càng thêm hư việc. Tụng kinh Kim Cang còn muốn tụng thêm kinh Địa Tạng, Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đọc chú Lăng Nghiêm, niệm Đại Bi Thập Tiểu Chú, v.v... xen tạp nhiều như vậy, phỏng đến khi nào mới được thành tựu?

Nhiều ý kiến cho rằng, đây là khóa tụng gốc của Tổ Sư đặt ra. Không sai! Khóa tụng gốc của Tổ Sư đặt, nhưng có phải Tổ Sư đặt cho chúng ta không? Tổ Sư không đặt cho chúng ta,

mà đặt cho người khác; cũng giống như thầy thuốc kê toa thuốc của người khác, khi chúng ta bị bệnh liệu vậy có dám dùng toa của bệnh nhân khác mà lấy thuốc uống không? Tổ sư là người của thời đại nào? Trong bối cảnh nào khi các Ngài đặt ra khóa tụng này? Chúng ta phải hiểu được, pháp là thuốc trị bệnh cho tất cả chúng sinh. Chúng ta phải xem kỹ càng phương pháp nào hợp với khế cơ không, tức có thể trị được bệnh của mình không và bệnh của mình là bệnh gì? Bệnh chúng ta là vọng tưởng, tạp niệm, phiền não, nếu phương pháp này có thật hiệu quả, phiền não dứt sạch, trí tuệ khai mở thì cứ giữ khóa tụng gốc. Còn tụng niệm nhiều năm mà phiền não mỗi ngày vẫn tăng trưởng, trí tuệ không mở, không được giác ngộ; giống như bị bệnh lâu năm uống thuốc mà không hiệu quả, thì phải xem xét lại phương pháp tu học của mình. Hãy thử quan sát thật tỷ mỉ, một bà cụ chỉ niệm thật thà chân thành một câu A Di Đà Phật, liên tục trong khoảng năm năm, bà cụ đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, biết được giờ chết, lại không bị bệnh, đó là hiệu quả thật. Chúng ta niệm nhiều năm nhưng còn vẫn kém xa họ!

Người ta sanh tử tự tại, còn chúng ta có cầm chắc đối với chuyện sanh tử không? Hiện tại vẫn chưa chắc chắn. Điều này cho thấy phương pháp mà nhiều người trong chúng ta đã tu học chẳng có chút hiệu quả, tức vẫn không giác ngộ. Cho nên khoá tụng càng đơn giản càng tốt, càng đơn giản mới là pháp môn chân thật, pháp môn vi diệu. Kinh điển chỉ một bộ là đủ, chỉ một bộ vẫn có thể thành Phật. Càng nhiều bộ chỉ e gây chướng ngại cho việc vãng sanh, điều này không thể không biết. Tỉnh thoảng chúng ta xem một chút thì được, có thể giúp đỡ bản thân đoạn trừ nghi hoặc. Còn việc tu chính của mình dứt khoát chỉ là một bộ kinh, một pháp môn, quyết không xen tạp, không gián

đoạn, thì công phu mới được đặc lực, mới có hiệu quả; hơn nữa hiệu quả vô cùng rõ rệt, tự mình biết, không cần phải hỏi người khác.

Khi vọng niệm ít, tâm phân biệt giảm, chấp trước cũng nhạt nhòa đi, đây mới đúng là tu hành tiến bộ; khi ấy tâm địa của chúng ta trở nên tương đối bình tĩnh, tương đối ung dung, cũng tương đối có trí tuệ. Trước đây với người, với việc, với vật, cứ lộn xộn rối tung, bây giờ dần dần rõ ràng, không mơ hồ như trước, đó là dấu hiệu của tiến bộ. Trước đây đọc kinh không hiểu ý nghĩa, thấy người ta chú giải, thì luôn cho ý người ta giải sai, hiểu sai, bây giờ đọc kinh hiểu ý nghĩa, đọc chú giải của đại đức xưa cũng hiểu được ý của họ, đó là hiện tượng của sự tiến bộ. Trước đây nhìn người không biết phân biệt người tốt người xấu, bây giờ dần dần phân biệt được. Trước đây tiếp xúc những sự việc tốt, hoặc giả không tốt, không thấy được, qua mấy năm, nhân quả của những sự việc này liền được tỏ bày, có thể nhìn ra, đây đều là hiệu quả hiện tiền tu học của chúng ta. Cho nên tu học Phật pháp phải như vậy mới là có hiệu quả.

---o0o---

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT LÀ PHƯƠNG TIỆN THÙ THẮNG CỦA NHƯ LẠI

Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

---o0o---

Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ, đức tướng như Phật không khác. Chỉ vì trái giác tánh theo trần lao, nên toàn

thể trí đức chuyển thành vô minh phiền não. Rồi thuận theo phiền não gây tạo những nghiệp hữu lậu, kết thành quả báo sanh tử trong Tam giới. Từ quả báo sanh tử sanh phiền não, rồi lại gây nghiệp hữu lậu... Vì có ấy, nên chúng sanh từ vô thủy đến nay, trải vô lượng vô biên kiếp mãi chịu khổ trong vòng sanh tử luân hồi.

Vì lòng đại bi, đức Phật xuất thế thuyết pháp độ sanh. Nguyên bản tâm của Phật chỉ muốn tất cả chúng sanh đều thoát hẳn sanh tử luân hồi, chứng viên mãn Phật đạo mà thôi. Song, vì chúng sanh căn tánh lợi độn không đồng, trí ngu sai khác nên đức Phật phải chiều theo cơ nghi mà giáo hóa. Do đó, pháp môn của Phật có nhiều đến vô lượng.

Với chúng sanh hạng lợi căn đại trí, thời đức Phật dạy Phật thừa để đặng liền viên Phật quả, như Thiện Tài trong pháp hội Hoa Nghiêm, Long Nữ nơi đạo tràng Diệu Pháp...

Với chúng sanh hạng căn trí kém, thời đức Phật giảng Bồ Tát thừa, Duyên Giác thừa và Thanh Văn thừa, để cho hạng ấy lần lượt tu tập, tuần tự chứng quả.

Với chúng sanh trình độ quá thấp, thời đức Phật nói Thập thiện, Ngũ giới, Thiên thừa và Nhân thừa cho hạng ấy nương theo để khỏi sa đọa vào ác đạo, đặng còn thân nhân thiên mà vun bồi thiện căn lần lần. Tương lai nương nơi căn lành ấy mà tấn tu Thánh đạo. Hoặc học Bồ tát thừa tu Lục độ vạn hạnh mà chứng Pháp thân, hoặc y theo Duyên giác thừa hay Thanh văn thừa ngộ duyên sanh cùng Tứ đế mà đặng đoạn phiền não chứng Niết bàn.

Tất cả những pháp môn ấy, bất luận là Tiểu thừa hay Đại thừa, Tiệm giáo hay Đốn giáo, nơi hành giả đều phải tự lực tu tập cho đến đoạn tận hết phiền não mới ra khỏi vòng sanh tử. Nếu kiến hoặc, tư hoặc còn chùng mảy tơ thời cội gốc sanh tử vẫn chưa dứt hẳn. Như Tam quả Thánh nhơn (A-na-hàm), sau khi sanh lên Bất Hườn Thiên, còn phải trải qua nhiều thời gian mới chứng quả A-la-hán. Chứng A-la-hán rồi mới thật dứt hẳn cội gốc sanh tử.

Nhưng A-la-hán chỉ là bậc Thánh Tiểu thừa, còn cần phải hồi tâm tu Đại thừa mà cầu Phật đạo. Rèn bi nguyện hiện thân trong lục đạo, tu hành Lục độ vạn hạnh, trên cầu thành Phật, dưới cứu khổ mọi loài, lần lượt chứng các bậc: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hương, Thập địa và Đẳng giác Bồ tát. Bậc Đẳng giác lại phải dùng Kim Cang Trí phá một phần phẩm sanh tướng vô minh, mới viên mãn Chứng trí mà chứng Phật quả (Diệu giác).

Giáo pháp của đức Phật chỉ dạy, từng bậc tu chứng từ phàm lên Thánh, từ Thánh đến Phật, quyết không thể vượt ngoài tuần thứ kể trên.

Đức Bổn sư của chúng ta biết rằng: “Nếu chúng sanh chỉ dùng tự lực để liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh thời rất khó đặng”. Nên ngoài vô lượng pháp môn chỉ thuộc tự lực, Ngài dạy một pháp môn tự lực nương tha lực rất viên đốn, rất huyền diệu, dễ thực hành mà thành công cao, dùng sức ít mà mau có hiệu quả, tất cả căn cơ đều hạp, tất cả Thánh phàm đồng tu. Chính là pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật cầu vãng sanh vậy.

Đức Phật A Di Đà có thể nguyện nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật. Nên người dùng tín nguyện mà niệm Phật (tự lực) thời cảm thông với nguyện lực của Phật. Nương nguyện lực của Phật nhiếp thủ (tha lực), liền đặng siêu thoát sanh tử luân hồi mà sanh về Cực Lạc Tịnh Độ. Đã được vãng sanh tức là cao thăng vào bậc Thánh lưu Bất thối, nên gọi là rất viên đốn, rất huyền diệu và thành công cao.

Nơi pháp môn này, phương pháp thực hành rất giản tiện, mọi người đều có thể tùy phần tùy sức mà hành đạo. Chỉ cần chỗ tu cho đúng pháp thì chắc chắn sẽ thành tựu, nên gọi là dùng sức ít, dễ thực hành và mau có hiệu quả. Tổ Thiệu Đạo cho rằng, nghìn người tu không sót một. Vĩnh Minh đại sư công nhận là mười người tu, được cả mười...

Với pháp môn Tịnh Độ này, không luận là trí hay ngu, không luận là Tăng hay tục, không luận là giàu sang hay nghèo hèn, không luận là già trẻ nam nữ, không luận là sĩ, nông, công, thương... tất cả các giới trong xã hội đều có thể tu tập và thành tựu.

Văn-thù Bồ-tát nói: “Các môn tu hành không môn nào qua môn niệm Phật. Niệm Phật là vua trong các pháp môn”.

Đức Quán Thế Âm bảo: “Tịnh Độ pháp môn hơn tất cả hạnh khác”.

Mã Minh đại sĩ bảo rằng: “Chuyên tâm niệm Phật là phương tiện siêu thắng của đức Như Lai”.

Long Thọ tôn giả nói: “Niệm Phật Tam-muội có đại trí huệ, đại phước đức, hay đoạn trừ tất cả phiền não, hay độ được tất cả chúng sanh. Niệm Phật Tam-muội hay sanh vô lượng Tam-muội, cho đến Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội”.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát nói: “Pháp môn niệm Phật là tâm tông của chư Phật, là con đường giải thoát tất nhất của mọi loài”.

Ấn Quang đại sư từng nói: “Vì nương Phật lực nên tất cả mọi người, không kể là nghiệp hoặc nhiều hay ít, cũng không kể công phu hành đạo cạn hay sâu, miễn tin cho chắc, nguyện cho thiết, thời quyết muôn người tu muôn người vãng sanh không sót một. Còn nếu là bậc đã đoạn hoặc chứng chơn mà cầu vãng sanh, thời đốn siêu Thập địa; bậc Thập địa mà cầu sanh thời mau viên Phật quả. Vì thế, nên Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v... các đại Bồ tát đều nguyện vãng sanh. Đến như những kẻ tạo ác cả đời sắp đọa địa ngục, hồi tâm niệm Phật cũng được giải thoát, như các ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Húc, Hùng Thuần, Duy Cung v.v...”

Hạng người phạm tội ác ấy mà còn thành tựu được thay, huống là những người chưa quá ác, huống là những người lành!

Do đây nên thấy rằng, pháp môn Tịnh Độ này nhiếp cả Thánh phàm, nhiếp cả thiện ác, nhiếp cả chúng sanh, như biển lớn gồm thâu muôn dòng vậy.

Vì pháp môn Tịnh Độ với chúng sanh có sự lợi ích rộng lớn như thế, nên muôn kinh vạn luận luôn luôn nhắc đến, chư

Thánh chú Hiền đều nguyện cùng về. Thật là: “Cửu giới chúng sanh rời pháp môn này thời chẳng thể viên thành Phật quả. Thập phương chư Phật bỏ pháp môn này quyết không thể độ khắp quần sanh”.

Trong kinh Đại Tập, đức Phật có lời huyền ký: “Thời mạt pháp, muôn ức người tu hành, khó có một người được giải thoát. Chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”.

Đó là Phật bảo chúng ta phải tín hướng và thực hành theo pháp môn Tịnh Độ này vậy. Chúng ta há chẳng phải là người thời mạt pháp đó ư!

Vì những lẽ như trên mà biết rằng: Ngoài môn niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, quyết định chúng ta hiện đời không thể siêu sanh thoát tử được. Còn đúng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh này mà tu, chắc chắn một đời này chúng ta đặng vãng sanh Cực Lạc, và đảm bảo trên đường thành Phật.

Thế nào là tu đúng pháp?

Tổng quát rằng: “Thật vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng tin sâu và nguyện thiết mà chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật”. Đây là tông thú chủ chánh của pháp môn Tịnh Độ này. Tâm hạnh đúng theo đây gọi là tu đúng pháp.

Khi được nghe giáo pháp của đức Phật dạy về pháp môn Tịnh Độ, chúng ta tự nghĩ rằng: “Cõi Ta-bà là chốn ngũ trược

ác thế, Tam giới như là lửa, cõi Dục mà chúng ta hiện ở đây khác nào một cái hồ sâu đầy sinh. Ta và mọi người cho đến muôn loại, hiện tại cũng như dĩ vãng, nhiều đời nhiều kiếp mang lấy không biết bao nhiêu là sự thống khổ trong vòng sanh tử luân hồi. Ngày nay, ta được thân người, lại được nghe biết pháp môn giải thoát mau tắt siêu thắng, ta phải kíp quyết chí y pháp tu hành, để mình và mọi người đồng thoát ly sanh tử khổ, đồng chứng chân thường lạc”. Đây là thật vì sanh tử mà phát Bồ-đề vậy.

Rồi ta tự nhận rằng: “Thân cùng cảnh ở Ta-bà này đủ điều chướng đạo, như dễ sanh phiền não, dễ đắm nhiễm, dễ gây ác nghiệp. Nội những sự già, bệnh, chết, vô thường thiên biến cũng đủ ngăn trở con đường giải thoát của ta. Còn thân cùng cảnh ở Cực Lạc rất là lợi đạo, thường được thấy Phật, luôn nghe pháp âm, nên tâm thanh tịnh và định huệ thành; ở chung với chư đại Bồ Tát thượng thiện nhân thời Thánh nghiệp ngày tăng, chánh hạnh ngày tấn; không già, không bệnh, thọ mạng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên nội một đời, một thân thăng lên đến bậc Đăng giác Bồ xứ thành Phật”.

Ta lại nhận định: “Nguyện lực của đức Từ phụ A Di Đà rộng lớn bất tư nghị. Nay ta đứng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ mà tu, quyết đặng Phật niết thọ, quyết đặng vãng sanh. Đã đặng vãng sanh tức là trụ bậc Bất thoái, mau thành Phật đạo. Chỉ có nguyện lực của Phật là chiếc thuyền từ có thể đưa ta ra khỏi biển khổ trôi. Chỉ có cõi Cực Lạc là Đại học đường có thể đem ta đến bờ Đại giác”.

Tự nhận như thế rồi, bèn chặt một lòng nguyện thoát ly Ta Bà ác trước, như người tù muốn ra khỏi ngục tối không chút quyến luyến; nguyện về Cực Lạc thanh tịnh, dường như trẻ thơ đi lạc mong mỗi được về nhà không chút dằn dả.

Nhận định như vậy, lập nguyện như vậy, đó là “Tin sâu cùng nguyện thiết”.

Bắt đầu từ đây cho đến trọn đời, tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh, tùy sức tùy phần, chí tâm trì niệm sáu chữ hồng danh Nam mô A Di Đà Phật, coi đó như một công vụ hết sức khẩn yếu phải tận lực mà làm. Nếu là người rảnh rang vô sự thì ngày cũng như đêm, lúc đi đứng cũng như lúc ngồi nằm, giữ chặt chánh niệm. Phật không rời tâm, tâm không rời Phật. Hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, nhiếp cả sáu căn, Phật hiệu nối liền. Đây là tương tục chấp trì. Niệm như vậy lâu ngày sẽ tự chứng Tam muội: Hiện tiền thấy Phật thọ ký, lâm chung cao thăng Thượng phẩm. Còn nếu là người đa đoan công việc, như việc nước, việc nhà v.v... không nhiều giờ rảnh, thời nên tối và sáng sớm, thực hành phương pháp “Thập niệm”, giữ mãi trọn đời không sót, không bỏ cũng được vãng sanh. Vì đức Từ phụ có bốn nguyện: *“Khi tôi thành Phật, chúng sanh mười phương, nghe danh hiệu tôi, chí tâm tin ưa, thiện căn có được, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh cõi tôi, dầu chỉ mười niệm, nếu không được sanh, thì không thành Chánh Giác.”*

Ngoài ra, những người nào ở vào trường hợp chặng giữa, thời châm chước phân thời định khóa mà thọ trì. Tất cả đều phải cung kính, chí tâm, kỹ chắc trong lúc trì niệm, là điều kiện

khẩn yếu. Hành trì như vậy gọi là chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật, và đây là chánh hạnh.

Người niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc còn cần phải làm những điều lành, như có lòng từ bi, giới sát hộ sanh, bố thí cứu tế, trì trai, giữ giới, hiếu thảo cha mẹ, kính thờ sư trưởng, phò trì Tam bảo, lợi mình lợi người, dẹp lòng ngã mạn tham sân, thêm lớn hòa vui nhân nhục, tin sâu nhân quả, mở mang chánh kiến... dùng đây làm trợ hạnh.

Tín Nguyện đã có, chánh trợ đã đủ, đến lúc lâm chung, chắc chắn được đức Từ phụ cùng Thánh chúng thừa bốn nguyện lực, đích thân đến tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Tín, Nguyện và Hạnh phải được cả ba mới được vãng sanh, như cái đánh ba chân, thiếu một thời ngã. Nhưng nên hiểu thêm rằng: “Được vãng sanh là do lòng tin sâu chắc, chí nguyện tha thiết để cảm thông với nguyện lực của Phật”. Còn nơi công hạnh ít thời quả thấp, nhiều thời phẩm cao. Do vì công hạnh không hạn cuộc mà chú trọng nơi tín và nguyện như vậy, nên đoạn trước có nói, tất cả người trong tất cả các giới ở xã hội đều có thể thực hành và đều có thể thành tựu được cả. Vì tin sâu và nguyện thiết, hạnh người nào cũng có thể lập được; thập niệm niệm Phật, ở trường hợp nào cũng đều thực hành được.

---o0o---

SANH TỬ LÀ VIỆC ĐẠI TRỌNG

Hòa Thượng Tịnh Không

---000---

Phật pháp thường nói “*Mạng người vô thường, cõi nước rủi ro*”, “Thân người khó được Phật pháp khó nghe,” lại nói “Sanh tử việc lớn, vô thường mau chóng.” Những lời cảnh tỉnh này, Thế Tôn đã hết lời khuyên bảo, từng giây từng phút nhắc nhở chúng ta đều là muốn chúng ta phải nhận rõ chân tướng sự thật, nắm chặt cơ duyên hy hữu khó gặp này, ở ngay trong một đời này hiểu rõ việc lớn. Kinh Pháp Hoa nói rằng: “Phật vì một nhân duyên lớn mà xuất hiện ở đời”. Vì sao gọi là việc lớn? Sanh tử là việc lớn, có thể nói việc này ngoài đức Thế Tôn ra, không người nào có thể làm được. Những nhân sĩ thông minh tài trí thế gian, họ có năng lực sanh đến trời Sắc giới, trời Vô Sắc giới, nhưng không cách gì vượt qua ba cõi, liễu thoát sanh tử. Cho nên Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, giúp đỡ chúng sanh giải quyết việc lớn này.

Liễu thoát luân hồi, siêu việt mười pháp giới, làm Phật làm tổ, mỗi người đều có thể làm được, vấn đề là chính mình có chịu làm hay không? Như nhà Nho đã nói “người người đều có thể làm Nghiêu Thuấn”. Nghiêu Thuấn là đại thánh đại hiền của Trung Hoa, mọi người đều có thể làm được. Phật pháp cũng như vậy, người người đều có thể làm Phật, làm Bồ Tát, vấn đề là bạn có chịu làm hay không, then chốt quan trọng chính ngay chỗ này. Nếu như bạn bằng lòng làm, liền có thể làm được; bạn không chịu làm, chư Phật Như Lai cũng không thể giúp được. Thế nào gọi là làm được? “*Thánh mất niệm thành công, công*

khắc chế được niệm bèn thành thánh.” Hay nói cách khác, nếu bạn có thể khắc phục được vọng niệm, bạn chính là Phật, bạn chính là Bồ Tát.

Ở trong Phật pháp nói: vọng tưởng chấp trước đều là vọng niệm. Vọng niệm vi tế gọi là vô minh, vọng tưởng. Vọng niệm thô trọng gọi là chấp trước. Vọng tức không phải là thật.

Khởi Tín Luận nói rằng: “Chân tâm vốn có,” vốn có thì nhất định có thể hồi phục; “Vọng tâm vốn không,” vốn không thì đương nhiên có thể đoạn trừ, buông bỏ. Còn chúng ta, cái đáng nên đoạn thì không đoạn, cái đáng nên buông bỏ thì không chịu buông bỏ, vậy thì không còn cách nào. Phật đã nhiều lần, dùng ngàn vạn lời giáo huấn, chính là nhắc nhở chúng ta phải giác ngộ, giúp cho chúng ta nhận rõ cái chân tướng sự thật, hy vọng chúng ta ở ngay trong một đời này, thoát ly khổ ải sanh tử, viên thành Phật đạo. Đây cũng là bốn nguyện của tất cả chư Phật, ngoài việc này ra, Phật không mong cầu thứ gì.

Thế Tôn dạy bảo đệ tử, phải chọn nơi “A Lan Nhã” mà tu hành mới có thể thành tựu được đạo nghiệp. “A Lan Nhã” là tiếng phạn, ý nghĩa chính là chỗ tịch tịnh. Đạo tràng tu hành thời xưa, đều là xây dựng nơi núi sâu không có dấu chân người. Bởi vì phàm phu đều bị ảnh hưởng hoàn cảnh, hoặc nếu không bị hoàn cảnh ảnh hưởng thì không phải là phàm phu. Do đó, chọn lựa hoàn cảnh tu hành rất là quan trọng!

Tôi nói lời thành thật, người hiện tại tu phước báo nhân thiên thì dễ, nhưng muốn liễu thoát sanh tử, ra khỏi ba cõi thì rất khó. Hiện tại hoàn cảnh bên ngoài mê hoặc đối với chúng ta

hơn gấp ngàn lần vạn lần so với người xưa, lại thêm phiền não tập khí sâu nặng của chúng ta nữa, thì không khỏi bị mê hoặc, nếu muốn thành tựu đích thực là rất khó. Cho dù tu hành ở núi sâu, ngày nay giao thông thuận tiện cũng đã biến thành nơi du lịch, du khách lui tới rất đông. Tôi lần đầu thăm viếng cung Ung Hòa Bắc Kinh, vị trụ trì nói với tôi: “Bình quân mỗi ngày có 5 ngàn người đến thăm viếng, Chủ Nhật hay ngày nghỉ lễ có đến hai vạn người,” vào những ngày này tất cả mọi người xuất gia đều phải ra ngoài tiếp đãi, sức cùng lực kiệt, nếu có chút thời gian thì vội vàng nghỉ ngơi một lát, ngay đến thời gian tu hành cũng không có. Đây là đạo tràng của thời hiện đại, chúng ta cần phải nhận biết cho rõ ràng.

Các đồng tu có thể học giáo, giảng kinh hoằng pháp, cũng là phước báo trời người. Nhưng giả như không giữ tốt giới luật, phước báo này sẽ đến đường súc sanh hay đường ngạ quỷ mà hưởng. Nếu ở ngay trong hoàn cảnh này mà có thể khắc phục vọng niệm của chính mình, công phu của bạn sẽ vượt xa người xưa, những sự lý này chúng ta đều phải thông hiểu.

Phật pháp thường nói: “Cảnh tùy tâm chuyển”, “Tâm tương sự thành”, chân thật đem việc liễu thoát sanh tử thành một việc lớn ngay trong đời này, Phật Bồ Tát nhất định sẽ giúp đỡ chúng ta, vì chúng ta làm tăng thượng duyên. “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”, then chốt vẫn là ở chính mình, nên gọi là cảm ứng thông nhau, chính mình có cảm, Phật Bồ Tát liền có ứng, sự thật, phương pháp lý luận của cảm ứng chúng ta phải thấu triệt, hơn nữa còn phải giới thiệu cho nhiều người khác. Hãy vì đại chúng rộng lớn trong xã hội mà nói, chưa chắc họ có ý niệm liễu thoát sanh tử, nhưng đối với việc cầu phước báo trời

người, cầu phước báo hiện tiền thì rất có hứng thú. Chúng ta có trí tuệ, có năng lực, phải nên giúp đỡ tất cả chúng sanh đạt đến chỗ mong cầu. Phật độ chúng sanh ứng cơ nói pháp, chúng ta phải có năng lực quán cơ, cũng phải có năng lực ứng cơ.

Chúng ta sống ở thế gian này là vì tất cả chúng sanh, không phải vì chính mình. Nếu như nói vì chính mình chính là hy vọng ngay trong một đời này thoát khỏi sanh tử thành Phật đạo. Nếu muốn thoát sanh tử thành Phật đạo bao gồm tất cả thế xuất thế gian pháp cần phải buông bỏ. *Buông bỏ không phải là không làm gì cả, mà là buông bỏ vọng tưởng ở trong tâm, hồi phục lại tâm thanh tịnh của tự tánh, đây mới là Chân Đế của sự buông bỏ, quyết không thể hiểu sai chân thật nghĩa của Như Lai.*

Mọi việc phải tùy duyên, có duyên thì giúp đỡ chúng sanh, không duyên thì đừng phan duyên, duyên chín rồi thì tận tâm tận lực vì chúng sanh phục vụ, chính là bố thí cúng dường. Nội tài, ngoại tài đều phải bố thí; nội tài chính là dùng năng, lực trí tuệ, chuyên cần của chính mình vì tất cả chúng sanh phục vụ.

Khi duyên chưa đủ, quyết không cưỡng cầu, nhưng nhất định phải có đại nguyện độ chúng sanh, cũng chính là nói nhất định phải có nguyện: vì chúng sanh phục vụ. Chúng sanh nơi đây có thể tiếp nhận, chính là duyên đã chín rồi, chúng ta phục vụ trước; nơi nào chưa được thì đợi duyên chín mùi hãy nói. Nhất định phải tận tâm tận lực, phước huệ song tu. Phật Bồ Tát xem thấy chúng ta thật có tâm ý như vậy, có lẽ sẽ giúp chúng ta xây đạo tràng, thành tựu đạo nghiệp.

Làm thế nào để cảm ứng với Phật Bồ Tát, tâm bức thiết vì sanh tử, kỳ vọng ngay trong một đời này thoát sanh tử, ra khỏi ba cõi, thì liền cảm ứng Phật Bồ Tát đến giúp đỡ. Chỉ có tâm chân thật vì sanh tử, duyên chín muồi rồi, Phật Bồ Tát mới đến giúp đỡ, thật gọi là “Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”. Còn chân thật vì thoát sanh tử, ra khỏi ba cõi, quyết định quyết tâm thành tựu chính mình, thành tựu Phật pháp, lợi ích chúng sanh, bạn hữu đồng tu không cần nhiều. Năm xưa Thế Tôn sau khi thị hiện thành đạo, độ 5 anh em Kiều Trần Như ở vườn Nai, sáu người hiệp thành một tăng đoàn thì có thể thành tựu rồi.

Chúng ta ở Âu Châu xem thấy một Tăng đoàn Tiểu Thừa, chỉ có mười mấy pháp sư, có người Âu Châu, có người Thái, người Pháp, người Anh, người Việt Nam, đến từ rất nhiều quốc gia khu vực khác, cùng tu hành với nhau. Đạo tràng này khiến cho tôi nghĩ đến câu nói “chăm chỉ làm đạo,” cho nên tinh thần của họ khiến tôi bội phục không thôi. Họ chính mình khai sơn, mở lộ, tạo phòng ốc, mỗi người một gian thất bằng gỗ, làm một gian nhà lớn để thờ Phật, hoàn toàn do chính họ tự làm, không có thuê người. Trên núi có nước, có điện, không có điện thoại, báo chí, tạp chí, hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài, chân thật là mỗi ngày thiên hạ đều thái bình, xã hội mỗi ngày đều an định.

Chúng ta chính mình phải nỗ lực, muốn cầu cảm ứng thì nhất định phải vì thoát sanh tử, nếu không thì đời này sẽ luống uổng qua. Khi hưởng phước, không tránh khỏi tạo nghiệp, tạo nghiệp rồi nhất định đọa vào ba đường ác. Do đó người chân thật có Trí Tuệ, không cầu phước báo trời người, nhất định cầu vắng sanh.

Lần trước chúng ta thăm viếng giáo hội Hồi giáo, họ có sự chia sẻ rất tốt. Vậy thì do đây mà biết, mọi người trong xã hội không phân chủng tộc, không phân quốc gia, không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, mọi người đều khát vọng xã hội an định phồn vinh, thế giới hòa bình. Việc này chứng minh cho cách nghĩ cách làm của chúng ta là chính xác, vì vậy phải càng tinh tấn nỗ lực hơn, đem đa nguyên văn hóa, tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, hợp tác lẫn nhau, nỗ lực mà thúc đẩy cùng sống trong sự nghiệp vinh quang.

Những việc này chính là Phật sự, Phật sự là sự nghiệp giác ngộ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Những gì chúng ta đã làm chính là giúp đỡ tất cả chúng sanh mở rộng tâm lượng, yêu chính mình thì càng yêu người khác hơn, yêu gia đình của chính mình thì càng thương yêu xã hội hơn, tiêu trừ tất cả hiểu lầm, mâu thuẫn, xung đột vị kỷ, để đạt đến mục tiêu cùng tồn tại hòa bình. Chúng ta thúc đẩy làm việc này, nhất định phải xây dựng trên nền tảng “tâm chân thành, tâm bình đẳng, tâm chánh giác”, đây mới là Phật sự, mới là sự nghiệp của Bồ Tát.

Đối với bản thân chúng ta mà nói thì cần phải có cảnh tỉnh cao độ. Bà Quán trưởng Hàn từ lúc sanh bệnh đến vãng sanh, thần trí rõ ràng, việc này rất khó được. Bà hiện thân nói pháp, nói cho chúng ta biết, con người khi lúc lâm chung, ngay đến trở mình cũng không còn có sức, cũng cần phải có người khác giúp. Việc này khiến chúng ta suy nghĩ xa hơn, người phước báo nơi thế gian dầu có địa vị rất lớn, quyền thế rất cao nhưng khi lâm chung vẫn phải bị người khác xếp đặt, không cách gì thoát khỏi “hiểm cảnh.” Phật nói với chúng ta, lúc này là thời

khắc then chốt quan trọng nhất, vì khi lâm chung là thời điểm quyết định cho việc siêu thăng hay đọa lạc của một đời người.

Duyên của bà Quán trưởng Hàn thù thắng, có hơn 30 vị xuất gia, dùng tâm chân thành thanh tịnh niệm Phật mà hộ niệm cho bà, cho nên từ lúc bà bị bệnh cho đến lúc vãng sanh, chúng ta xem thấy rất nhiều điềm lạ. Thứ nhất Kinh Địa Tạng nói, khi người sắp mạng chung, sẽ nhìn thấy thân bằng quyến thuộc thời quá khứ, những thân bằng quyến thuộc này không phải là thật, đều là oan gia trái chủ của mình, biến hiện giống như người thân thích trong nhà để mê hoặc chúng ta, để báo thù chúng ta, việc như vậy thì rất nhiều. Còn bà Quán trưởng Hàn từ lúc bị bệnh đến khi vãng sanh không có loại hiện tượng này, đó cũng nhờ tác dụng việc hộ niệm của chúng ta. Thứ hai, bà hai lần thấy Phật A Di Đà, một lần thấy Liên Trì Hải Hội, cho nên khẳng định bà vãng sanh Tịnh Độ. Thị hiện của bà chính là nhắc nhở cho chúng ta, bà có phước báo, khi lâm chung bà có được sự chăm sóc như lý như pháp, chánh tín như vậy, đây là quả hồi báo của 30 năm bà đã hộ trì chánh pháp. Sau đó, mỗi lần tôi giảng kinh đều hồi hướng cho bà, tôi mỗi niệm đều không quên cái ân đức năm xưa bà đã chăm sóc để thành tựu cho tôi.

Chúng ta quay đầu nhìn lại chính mình, cái ngày đó cũng sắp đến gần, đến lúc đó nếu chính mình không có duyên phận phước báo như thế này, thì phải làm sao? Đây là một việc lớn duy nhất trong đời của chúng ta, ta có thể dự bị lo liệu trước được hay không? Từ xưa đến nay có không ít người niệm Phật đã làm mô phạm cho chúng ta, đã vì chúng ta làm ra mẫu mực điển hình, cho thấy khi lâm chung không có bệnh khổ, không

cần người chăm sóc, biết trước giờ ra đi, tự tại mà vãng sanh, chúng ta phải quyết định đi theo con đường đáng tin cậy này mới an toàn.

Trong ‘Cảnh Trần Hồi Ưc Lục’ ghi chép rằng: pháp sư Đế Nhân có một người học trò niệm Phật vãng sanh, trước khi xuất gia là một thợ vá nôi. Người này cả một đời rất là khổ cực, trung niên xuất gia, không biết chữ, cũng chưa nghe qua kinh điển, cái gì cũng không biết. Pháp sư Đế Nhân cũng chỉ dạy ông một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, nói với ông rằng: “ông cứ như thế mà niệm, niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp, niệm lâu sau sẽ tốt”, ông là người dân quê chất phác, không có vọng tưởng tạp niệm nên rất nghe lời, cứ như thế mà niệm. Niệm như vậy được ba bốn năm ông đã thành công, không có bệnh khổ, biết trước giờ chết, sau khi vãng sanh còn đứng ba ngày đợi pháp sư Đế Nhân đến lo hậu sự cho ông. Pháp sư Đế Nhân khen ngợi ông rằng: “Xem như việc xuất gia của ông đã không uổng phí, ông làm được như vậy thì ngay đến đại pháp sư giảng kinh nói pháp, phương trượng trụ trì, đại lão Hòa Thượng đều cũng không thể bằng ông,” đó là sự thật!

Ở Đài Loan có “Đoàn niệm Phật Liên Hữu Đài Bắc”, việc vãng sanh của cư sĩ Lý Tế Hoa cũng là một tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Cư sĩ Lý cũng là biết trước giờ ra đi, trước lúc vãng sanh ở trong pháp hội vì mọi người khẩn thiết khai thị, sau khi giảng xong từ biệt với mọi người: “Tôi phải đi về nhà.” Thính chúng cho là ông đã mệt rồi muốn về nhà nghỉ ngơi, nào ngờ ông ngồi ở sofa phòng khác của Phật đường, ông ngồi mà vãng sanh!

Hai thí dụ ở trên, một vị là người xuất gia, một vị là người tại gia, họ có thể làm được, chúng ta cũng có thể làm được, chúng ta phải học tập. Chỉ có dùng phương thức này mới thật an toàn, mới không bị người khác xếp đặt cho. Khi bị người khác xếp đặt, nếu gặp duyên không thù thắng thì nhất định sẽ bị chướng ngại.

Cho nên, sau khi hiểu rõ được đạo lý và chân tướng sự thật, trước phải nghĩ xem chướng ngại chúng ta là cái gì? Phải trừ bỏ đi chướng ngại này thì chúng ta cũng có thể tự tại sanh tử. Chúng ta làm đến được cái điểm này thì chính là “sở tác dĩ biện” mà trong Phật pháp đã nói, những việc chính mình phải nên làm thì đã làm xong rồi, sau đó yên tâm mà đi làm việc lợi ích cho chúng sanh. Việc của chính mình nếu làm chưa xong, có thể xả mình vì người đương nhiên là việc tốt. Thế nhưng cái đã làm đều là phước báo, vẫn cứ không ra khỏi sáu cõi. Nếu như chính mình “những việc gì đáng làm đã làm xong,” thì nhất định nắm chắc được phần vãng sanh, lại giúp đỡ tất cả chúng sanh làm rất nhiều sự nghiệp, đó là công đức chân thật, không phải chịu quả báo trong Tam giới.

Cho nên, nhất định phải nhắc nhở chính mình, không luận giờ nào nơi nào, cho dù ở trong tình huống nào thì chính mình phải nắm chắc phần vãng sanh, tránh khỏi tất cả bệnh khổ, sự dày vò của tất cả mọi người. Nếu muốn làm điều này, nhất định phải “nhìn thấu, buông bỏ”.

Trong “Địa Tạng Kinh Khóa Chú” luận quán nói rằng: “Nhất niệm tự tánh, thể nguyên khạm tịch”. Quả thật mỗi niệm tương ưng với thể tánh tịch lặng, tất cả tác dụng có thể tương

ưng với tâm tánh, thì nắm chắc phần vãng sanh. Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư nói rõ ràng hơn: “*Xưa nay không một vật. Chỗ nào nhiễm bụi trần.*” Tức là chỗ chân thật đó xưa nay không một vật huống nữa là dính bụi bặm, hai câu này đều nói đến tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh không nhiễm, tâm địa thanh tịnh, không hề dính mắc, trong lòng “vốn dĩ không một vật”. Dùng tâm thanh tịnh một lòng niệm Phật, thì việc này liền có thể làm xong.

Nhất định phải thấu hiểu, tất cả pháp thế xuất thế gian đều là giả, thân thể của chúng ta cũng là giả. Nên gọi là “mượn giả tu thật” vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là thật, ngoài việc này ra đều là giả, chúng ta phải nên nhận biết cho rõ ràng.

---o0o---

SỰ THÙ THẮNG CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

*Hòa Thượng Thích Trí Thủ biên tập
Phỏng theo Tịnh Pháp Khải Thuật*

---o0o---

Tiết Thứ 1

Không Vãng Sanh Về Tịnh Độ Tất Phải Đọa Ác Đạo

Trong mười phương, số thế giới tuy nhiều vô tận, nhưng xét về phương diện tịnh uế thì chỉ có thể chia làm hai loại mà thôi: Một là Tịnh Độ của chư Phật, hai là tam giới (uế độ) của chúng sanh; không sanh về bên nọ tất phải sanh về bên kia.

Sanh về Tịnh Độ tức là thoát ly sanh tử, sanh trong tam giới tức là còn sống chết luân hồi.

Người đời, nếu chỉ làm việc thiện thế gian hoặc chỉ tin phép ngũ giới, thập thiện mà không niệm Phật, tức là chưa kết duyên với Phật. Đã cùng với Phật vô duyên thì chúng tử thanh tịnh vô lậu xuất thế gian sẵn có trong đệ bát thức không có trợ duyên để phát sanh; nếu chúng tử thanh tịnh không phát sanh thì dù cho có tu điều thiện nhiều đến đâu cũng chỉ sanh về cõi trời là cùng, chứ tuyệt đối không sanh về cõi Phật được. Ở cõi trời, phước báu tuy nhiều, nhưng vẫn có hạn và sai khác nhau, nên cuối cùng sẽ có ngày phước hết, báo cùng, thọ mạng tất phải chấm dứt, để rồi tùy nghiệp mới mà thác sanh qua cõi khác, quanh quẩn trong tam giới. Sự thác sanh hoàn toàn tùy thuộc các nghiệp nhân, thiện hay ác, đã từng gây thêm trong thời gian sanh ở cõi trời ấy. Nếu nghiệp nhân ấy là thượng phẩm thập thiện thì sẽ vẫn sanh ở cõi trời; nếu trung phẩm thập thiện thì sanh về cõi người; nếu là hạ phẩm thập thiện thì sanh về cõi A-tu-la; nếu là thượng phẩm thập ác thì đọa vào địa ngục, nếu là trung phẩm thập ác thì đọa vào ngạ quỷ; nếu là hạ phẩm thập ác thì đọa vào bàng sanh.

Chỉ vì các chúng tử thiện, ác trong sáu đường đều là những chúng tử hữu lậu, có công năng hỗ trợ cho nhau thuận thực, nên đều có tánh chất luân hồi. Vì thế mà chúng sanh cứ mãi luân quẩn vô ra trong tam giới, lên xuống trong sáu đường không bao giờ ngừng nghỉ. Lại thêm, tư tưởng và hành động của hết thảy trong sáu đường đều xuất phát bởi khởi điểm thân kiến, ngã chấp, cho nên dữ nhiều lành ít và do đó, thiện nghiệp

ít thua ác nghiệp. Kết quả là số chúng sanh sanh vào ba đường dữ nhiều hơn số chúng sanh sanh vào ba đường thiện, thời gian ở trong ba đường dữ cũng lâu hơn. Vì lẽ ấy, Phật dạy: “Chúng sanh lấy ba đường dữ làm cố hương.”

Bởi các lẽ trên, ta có thể kết luận một cách quả quyết rằng: Tất cả chúng sanh, nếu không được sanh về cõi Phật, tất nhiên sẽ phải đọa vào ác đạo, không trước thời sau. Nếu muốn sanh về cõi Phật, đương nhiên là phải niệm Phật. Đó là một sự thật tất nhiên không thể phủ nhận.

---o0o---

Tiết Thứ 2

Tông Tịnh Độ là Thuyền Từ Duy Nhất Của Thời Mạt Pháp

Trong thời kỳ Chánh Pháp (thời kỳ đức Phật mới nhập diệt), chúng sanh nhờ phước đức dày mà nghiệp chướng nhẹ, cho nên bất cứ tu theo pháp môn nào cũng đều được thành tựu. Bước qua thời kỳ Tượng Pháp (thời kỳ cách Phật niết bàn 1.000 năm), vì cách Phật hơi xa, nhơn tâm lần lần đi xuống, tư lự lần lần phức tạp thêm, trong mười người tu hành may ra được năm, ba người thành tựu. Đến ngày nay, gặp buổi mạt pháp, nhơn tâm càng suy đốn thêm, tư lự càng nhiều tạp hơn và phong tục thì đồi bại đến cực điểm. Nhơn tâm như thế, hoàn cảnh như thế, người phát tâm tu hành chân chính đã là hãn hữu rồi, nói chi đến việc đắc đạo chứng quả nữa! Lại thêm, pháp môn nào cũng đòi hỏi sự cố gắng của tư lự quá nhiều, nên kết quả thu lượm được lại càng hẹp nhỏ!

Muốn chống đỡ với những khó khăn chướng ngại của thời mạt pháp không còn có pháp môn nào tốt hơn pháp môn Niệm Phật. Pháp môn này tự nó đã đơn giản dễ theo, ngoài ra nó lại gộp được cả hai sức: tự, tha, để hỗ trợ cho nhau nên dễ thành tựu.

Trong kinh Đại Tập dạy: “Đời mạt pháp, trong số ức triệu người tu hành, chưa có được một người đắc đạo; duy chỉ có nương vào pháp môn niệm Phật mới được độ thoát sanh tử.” Vì thế nên biết, sau khi các tông phái khác suy tàn, duy chỉ có một Tông Tịnh Độ là còn tồn tại để nối dài pháp vận, cứu độ chúng sanh mà thôi; các Tông khác như Thiền tông, Giáo tông, Luật tông v.v... đều phụ thuộc làm trợ duyên cho Tông Tịnh Độ, chứ không có thể đơn độc tồn tại riêng được.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật đã dạy: “Đời tương lai khi kinh đạo diệt tận, Ta đem lòng từ bi thương xót, đặc biệt riêng lưu lại kinh này trụ một trăm năm. Nếu có chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy ý sở nguyện, đều được độ thoát.”

Nên nhớ rằng cuối đời mạt pháp, sau khi kinh đạo diệt hết, do lòng từ bi của đức Phật đặc biệt lưu lại một pháp môn mà thôi, ấy là pháp môn Tịnh Độ. Nhờ sự đặc biệt ấy, đạo pháp sẽ kéo dài thêm một trăm năm nữa để độ cho hết những chúng sanh còn chút nhơn duyên với Phật. Với một trí huệ sâu xa vi diệu như Ngài, vì sao Ngài không lưu lại pháp môn khác mà chỉ riêng lưu pháp môn Tịnh Độ?

Vì Ngài biết rằng với chúng sanh cuối đời mạt pháp chỉ có một pháp môn ấy là có thể độ thoát sanh tử mà thôi. Xem thế đủ biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thích ứng bậc nhất cho đời này và về sau. Đó là con thuyền Từ duy nhất đưa chúng sanh lên bờ giải thoát cho đời mạt pháp này vậy.

---o0o---

Tiết Thứ 3

Chưa Đoạn Trừ Hết Hoặc Nghiệp Mà Vẫn Được Dụ Vào Hàng Thánh

Tất cả chúng sanh sở dĩ bị đọa vào con đường sanh tử luân hồi là vì hoặc nghiệp (nghiệp mê lầm) gây nên từ đời vô thủy. Hoặc nghiệp cũng tức là vô minh gồm có căn bản vô minh và chi mạt vô minh. Chính hai thứ vô minh ấy xua đuổi chúng sanh vào trong ba cõi và quanh quẩn mãi trong sáu đường, khiến chịu không biết bao nhiêu là khổ sở. Vì vô minh có công năng xô đẩy chúng sanh trôi nổi mãi, nên gọi là lưu chuyển môn (cửa lưu chuyển).

Căn cứ vào lẽ thường tu hành thì trước hết cần phải đoạn hoặc (dứt mê lầm) mới chúng được chơn lý. Nếu chỉ mới phá được một phần vô minh tức là chỉ mới chúng được một phần Pháp Thân. Chúng được một phần Pháp Thân thì gọi là hoàn diệt môn (cửa đưa về đạo Tịch Diệt). Từ khi bắt đầu tu tập đoạn hoặc cho đến khi rốt ráo chúng được chơn lý, trong giai đoạn trung gian ấy, hành giả cần phải có con mắt trạch pháp tinh vi, có trình độ trí huệ minh xác, mới tránh khỏi lầm lẫn. Hơn nữa, phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp (vô số kiếp) rồi sau đó mới

chúng được Vô Thượng Chánh Giác. Cho dù chỉ cần chứng quả A La Hán thôi, cũng cần phải vận hết tự lực của mình để phá trừ hết 112 phẩm kiến hoặc (mê lầm về kiến thức) và 81 phẩm tư hoặc (mê lầm về tư tưởng) ở trong ba cõi này, rồi mới thành tựu được công phu tu chứng. Xem đó thì biết những bước khó khăn mà hành giả phải trải qua lớn lao biết là dường nào!

Trái lại, với pháp môn Tịnh Độ thì không cần kể sanh tiền hành động như thế nào, miễn có chuyên tâm niệm Phật là nhất định vãng sanh. Khi đã được vãng sanh, tức thời bước lên địa vị bất thoái. Như vậy là chưa đoạn hoặc nghiệp mà đã được dự vào hàng Thánh. Sau khi vãng sanh rồi, nhờ hoàn cảnh thuận tiện, tự nhiên nghiệp chướng tiêu trừ, trí huệ phát triển, công quả thành tựu viên mãn một cách dễ dàng, khác nào như thả một bè gỗ từ trên dòng nước; bè gỗ tự nhiên trôi xuôi về biển, không cần phải phí nhiều công sức. Được như vậy là nhờ tha lực hỗ trợ một cách rất đặc lực vậy. Đặc điểm ấy của pháp môn Tịnh Độ, ai là bậc trí giả đều có thể nhận rõ ràng và y cứ mà thực hành chín chắn, khỏi phải giới thiệu dông dài.

---o0o---

Tiết Thứ 4

Học Phật, Niệm Phật Không Phải Là Yếm Thế, Tiêu Cực

Có lắm người muốn học Phật, niệm Phật mà trong lòng lại ngại dư luận gán cho là tiêu cực, yếm thế hoặc mê tín dị đoan. Họ lầm nghĩ rằng việc tu niệm là việc dành riêng cho ông già bà lão gần đất xa trời; còn đối với những người như họ là

phải có những việc khác tích cực hơn, trí thức hơn. Vì vậy, mặc dầu trong lòng họ vẫn thầm mong muốn, nhưng khi ra giữa công chúng, họ không dám công khai lễ Phật, niệm Phật. Thật là một điều sai lầm tai hại!

Đạo Phật là một tôn giáo, nhưng đó cũng là một triết học rất cao thâm vi diệu. Đã là học giả thì cần nghiên cứu môn triết học này, và khi đã nghiên cứu rồi, lại còn phải đem ra thực hành. Vì Phật học là một môn học gồm đủ cả lý lẫn sự, phần lý cốt để hướng dẫn cho phần sự và phần sự cốt để làm sáng tỏ thêm phần lý, lý và sự vốn dung thông nhau, nên nếu thật hành được sự thì có thể đạt được cảnh giới tối cao thâm và càng viên mãn hóa phần lý vi diệu.

Phật học khác với các môn triết lý thế gian là tại chỗ đó và cũng chính điều đó mà Phật học khác với các tôn giáo khác: Lý do nào có sự ấy và sự nào có lý nấy, lý thì đều có thể thật hành được, sự thì đều có thể lý giải được. Vì vậy, tùy từng sở cầu, ai muốn riêng nghiên cứu về phần lý giải cũng được, mà ai muốn y lý thực hành để cho sáng tỏ hơn thì cũng lại càng tốt. Sở nguyện nào cũng đều trọn thỏa mãn được cả. Nói một cách đơn giản hơn là từ những sự lý thiền cận áp dụng hằng ngày đến những cảnh giới thâm diệu siêu tuyệt, không một điều gì mà Phật học không giải quyết một cách viên mãn.

Một môn học vẫn cao thâm như thế mà có kẻ nông nổi cho là mê tín hay tiêu cực v.v... thì thật là không khác gì người mù phê bình tranh xấu đẹp, dương cặp mắt... đui lên chẳng thấy gì cả mà cũng nói càn! Không hiểu một chút gì về Phật pháp,

chưa từng vô tư tham cứu Phật pháp, chỉ mới thấy một khía cạnh bên ngoài là sự niệm Phật của ông già bà lão mà đã vội cho là mê tín, là thiên cận v.v... đó là hành vi nông nổi của hạng môn ngoại hán (người đứng ngoài cửa). Hạng người như thế thật ra cũng chưa đáng trách lắm. Có đáng trách chẳng là như tín đồ Phật giáo chúng ta, vì thiếu duyên không tìm hiểu cho thấu đáo, khiến cho có những tư tưởng lệch lạc như họ!

Chúng ta nên hiểu rằng, pháp môn Niệm Phật không riêng gì ông già bà cả tu theo mà ngay đến các đức Đại Bồ Tát, như các Ngài Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân v.v... và các nhà đại văn hào cư sĩ như Bạch Cư Dị, Văn Ngạn Bác, Vương Nhật Hưu v.v... cũng đã từng áp dụng có hiệu quả. Như thế, pháp môn Niệm Phật là một pháp môn rất phổ thông từ hạng phàm phu cho đến các đấng Thánh hiền, từ hàng cùng đinh tục tử cho đến các bậc văn nhân học giả. Một phép tu rộng rãi thích hợp cho từ dưới phàm phu lên trên Thánh giả, bao trùm hết các giáo, thấu nhiếp cả mười Tông, tại sao lại không dám tuyên dương cho mọi người đều biết, lại còn sợ dư luận châm biếm? Âu cũng chỉ là những kẻ nhấp nhem để rồi bắt chước mù theo.

Hạng mù kia làm sao hiểu được cách thờ cúng của người Phật tử, bất luận là đốt hương, lễ bái, niệm kinh, tụng sám cho đến tuyên dương Phật hiệu, nhất nhất đều bao hàm một tác dụng vô cùng sâu xa nhiệm mầu ở trong đó. Hằng ngày hành trì như trên là cốt mượn cảnh giới thanh tịnh, vận dụng tâm niệm thanh tịnh để gột tẩy hoặc nghiệp ô nhiễm chất chứa vô thi kiếp đến nay trong tâm và đang hiện ra ngoài thân, đồng thời cũng để vun xới cho hạt giống thanh tịnh xuất thế mỗi ngày một tăng

trường. Vì thế tôi dám khuyên các bậc thiện trí thức Phật tử trong khi làm Phật sự, không những không nên sợ dư luận mà đồng thời lại còn phải tinh tấn khuyến khích mọi người làm theo. Phật dạy: “Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn” (Thân người khó được, Phật pháp khó gặp). Nay đã được làm thân người mà lại được gặp Phật pháp, nếu chẳng cố công học hỏi thì nào có khác gì người nghèo được đến non vàng mà lại đành cam phận khó và chịu bỏ về không, há chẳng uổng lắm sao!

---o0o---

Tiết Thứ 5

Tán Tâm Niệm Phật Vẫn Có Công Hiệu

Miệng niệm Phật, tâm chuyên nhất tưởng nghĩ đến Phật gọi là định tâm niệm Phật. Miệng niệm Phật, tâm không tưởng nghĩ đến Phật mà lại suy nghĩ vẩn vơ gọi là “tán tâm niệm Phật”. Tán tâm niệm Phật so với định tâm niệm Phật, công hiệu hai bên vốn cách nhau rất xa. Vì thế, xưa nay các bậc đại đức đều khuyên hành giả định tâm niệm Phật, chứ không bao giờ khuyên tán tâm niệm Phật. Nhưng, sự thật thì nhất cử nhất động gì bên ngoài đều ảnh hưởng đến nội tâm nên dù là tán tâm niệm Phật, sự niệm Phật ấy không phải hoàn toàn vô công hiệu. Và lại, trong khi miệng ta niệm lục tự Di Đà, đó há không phải là phát xuất tự trong tâm ta mà ra hay sao? Cho nên, trong khi miệng ta niệm, bắt đầu là sáu chữ ấy phải từ ý muốn do trong tâm ta phát ra, thứ lại, khi sáu chữ đã phát thành tiếng, âm thanh phát ra nhưt định phải trở lui huân tập tâm ta; như thế không thể nói rằng nó hoàn toàn không có hiệu lực, chẳng qua công hiệu của nó so với công hiệu của định tâm niệm Phật có kém thua mà thôi. Chỉ vì công hiệu kém thua nên Cổ Đức

không đề xướng, kỳ thực sức hàm ân và công hiệu của nó không thể tuyệt đối vô công. Bài kệ nói rất xác đáng. Tịnh chủng (chủng tử thanh tịnh) ở trong đệ bát thức, một khi đã thuần thực, trở ra huân tập đệ lục ý thức phát sanh tịnh niệm; rồi đệ lục ý thức lại dắt dẫn năm thức trước (từ nhãn thức đến thân thức) sanh khởi hiện hạnh. Nhưng khi đi ngang qua ý thức, có lúc bị trần cấu ô nhiễm quá dày, sóng lòng bị kích động quá mạnh đến nổi lấn át tịnh niệm. Ý thức tuy tán loạn nhưng tịnh niệm vẫn liên tục phát khởi và vẫn xuyên qua được, khác nào ánh sáng mặt trời xuyên qua đám mây dày đặc; tuy mây che phủ cùng khắp, nhưng ở giữa nhơn gian vẫn còn có chỗ lập lòe ánh sáng, chứ không tối hẳn như ban đêm. Mây mù chưa tan, song ánh sáng lập lòe kia của mặt trời vẫn có công dụng.

Riêng kinh nghiệm bản thân, bình nhật lắm lúc tôi cũng gặp phải tán niệm quấy rối. Gặp phải trường hợp như thế, tôi vẫn cứ niệm, không cần kể tánh chất tạp niệm ấy là như thế nào, miễn giữ cho niệm niệm đừng xen hở; niệm một lúc lâu rồi tự nhiên lần hồi tỉnh định trở lại, không cần phải dụng tâm điều nhiếp, lâu ngày định niệm trở nên thuần thực. Vì thế, cận lai, bất cứ ngày đêm, lúc nào tôi cũng niệm Phật, không cần nghĩ đến tán tâm hay định tâm. Người xưa có bài kệ rằng:

*"Di Đà nhất cú pháp trung vương,
Tạp niệm phân vân giả bất phương,
Vạn lý phù vân già xích nhật,
Nhơn gian xứ xứ hữu dư quang".*

Tạm dịch:

*"Di Đà sáu chữ lớn lao thay,
Tạp niệm lãng nhãng chẳng ngại bày,
Muôn dặm mây mờ che mặt nhật,
Nhơn gian ánh sáng vẫn còn đây."*

Người xưa trong bốn uy nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, không lúc nào là không niệm. Nếu bảo rằng phải định tâm mới nên niệm Phật, thì trong lúc đi đường vấp ngã hoặc khi mặc áo, viết chữ v.v... làm sao thành tựu được sự niệm Phật? Vì thế cho nên biết rằng tán tâm niệm Phật vẫn có lợi.

Chủ trương như trên đây, không có nghĩa rằng tôi nhất thiết cố xúy cho sự tán tâm niệm Phật. Cố nhiên nếu định tâm niệm Phật được thì rất quý, nhưng rủi có bị tán tâm cũng đừng lo ngại. Lý do thứ nhất là: Dù định tâm hay tán tâm, đã có niệm Phật tức nhiên có chủng tử sanh hiện hạnh và ngược lại hiện hạnh ấy sẽ huân tập trở lại để bát thức tạo thành chủng tử; đấng nào cũng vẫn có sanh khởi và huân tập cả, chẳng qua sức huân tập của tán tâm thì không mạnh bằng sức huân tập của định tâm mà thôi. Lý do thứ hai là: Dù bị tán tâm, cũng cứ nên niệm và phải niệm cho chuyên thì tự nhiên tán tâm sẽ được chuyển thành định tâm. Vì hai lý do ấy nên ở đây vẫn tùy hỷ sự tán tâm niệm Phật vậy.

---o0o---

Tiết Thứ 6

***Năm Tháng Không Chờ Đợi,
Đừng Nên Hẹn Lại Ngày Mai***

Trên con đường tu hành, việc niệm Phật là một việc vừa cần thiết, vừa cấp bách. Hễ gặp dịp tu là tu liền, gặp dịp niệm được là niệm ngay, chớ nên chần chờ để cho thời gian luống trôi qua một cách vô ích.

Phật dạy mạng người ở trong một hơi thở, thở ra mà không thở vào nữa là đời tàn! Bất luận lúc nào, giờ phút nào, con người cũng có thể chết được, không một ai có đủ tài năng bảo đảm đời sống vững chắc lâu dài. Thế gian có câu ca rằng: "Đời người khác thể bóng câu, sớm còn tối mất biết đâu mà lường".

Sự thật đơn giản và phũ phàng ấy, từ Thánh nhân cho đến thế tục, không ai là không xác nhận. Sinh hữu hạn, tử vô kỳ, cho nên muốn kịp thời đối phó với cái chết bất thần, ta không nên để lỡ một thời gian nào trôi qua mà không tu niệm. Bất cứ lúc nào tu được, niệm được thì phải gấp rút và tinh tấn hành trì; có thể lúc lâm chung mới tránh khỏi cảnh hoang mang tay quàng chân rối, lúng túng chẳng biết về đâu!

Có một số thường nghĩ sai lầm rằng tay chân còn tráng kiện, đời sống còn dài, việc tu niệm xin để gác lại, đợi khi nào già yếu sẽ bắt đầu hạ thủ công phu cũng không muộn gì. Trong sự tu niệm bằng cách sắp đặt tính toán như trên thường hay đưa đến hỏng việc.

Ngày xưa, có người đến nhà bạn là Trương Tổ Lưu khuyên niệm Phật. Trương nghe theo, nhưng xin khất lại một

ngày khác vì có ba việc chưa làm xong: một là cha mẹ đang còn cần phải lo phụng dưỡng, hai là con cái chưa dựng gả xong, ba là việc nhà chưa thu xếp gọn. Trương hẹn khi nào làm xong ba việc ấy, sẽ hạ thủ công phu, nhất tâm niệm Phật. Sau khi cáo ra về được vài ba tháng, người kia trở lui thăm với chủ ý khiến ông bạn đừng nên chần chờ nữa, nhưng than ôi!

Khi đến mới biết rằng bạn đã là người thiên cổ! Bèn ngậm ngùi than thở và làm một bài thơ điệu rằng:

*"Ngô hữu danh vi Trương Tổ Lưu,
Khuyến y niệm Phật thuyết tam điều,
Khước hận Diêm công vô phân hiếu,
Tam điều vị liễu tiện lai câu."*

Tạm dịch:

*"Ông bạn tôi tên Trương Tổ Lưu,
Tôi khuyên niệm Phật hẹn ba điều,
Diêm vương ác hại không thêm hiếu,
Ba việc chưa xong vội bắt liêu."*

Người đời dù quyền cao chức trọng đến đâu, vẫn không thể bảo đảm cho tương lai đời mình một cách chắc chắn được. Trường hợp như Trương tổ Lưu trên đây không phải là hiếm, vì thế nếu đã có chí tu hành thì tâm phải cho quyết và phải biết lợi dụng thời gian mới khỏi để ân hận về sau. Vậy lúc nào tu được là nên tu liền, phút nào niệm được là phải niệm ngay.

Tiết Thứ 7

Tác Dụng Của Pháp Môn Niệm Phật Gồm Thâu Hết Tác Dụng Các Tông: Thiền, Luật, Giáo Và Mật

a) So Với Thiền.

Phép Niệm Phật, khi chưa đạt được Nhất Tâm Bất Loạn, so với phép tu Thiền Định hai bên khác nhau rất xa:

Buổi sơ phát tâm, với phép tu thiền định, hành giả không có tâm ưa, chán, thù, xả; với phép tu niệm Phật, hành giả lại phải ưa thù cảnh giới Cực Lạc và mong xả cảnh Sa bà. Với phép tu thiền định, tâm không được trú trước vào cảnh giới, nếu còn trước tức là sai lạc; với phép tu niệm Phật, tâm lấy cảnh làm đối tượng, tâm năng duyên và cảnh sở duyên phải rõ ràng. Với phép tu thiền định, tâm phải xa lìa pháp chấp; với phép tu niệm Phật, hành giả cần phải lợi dụng pháp chấp. Với phép tu thiền định, hành giả phải thể nhận được pháp tánh thân ngay trong thế gian này; với phép tu niệm Phật, hành giả khởi tưởng sẽ chết ở thế gian này và sẽ sanh về thế giới bên kia.

Vì các lý do trên, Thiền tông và niệm Phật có chỗ bất đồng.

Nhưng khi niệm Phật đã đến chỗ nhất tâm bất loạn, nghĩa là đã đắc định rồi, thì lại là việc khác. Đạt được cảnh giới tam muội, tức thời hư không tan rã, đại địa lấp bằng, hiện tiền một niệm dung hợp được với Pháp Thân chư Phật trong mười phương như trăm ngàn ngọn đèn cùng dung hợp ánh sáng và

cùng chiếu chung trong một căn nhà, không tan mất không lẫn lộn. Lúc ấy, ý thức phân biệt ly khai. Cảnh giới này so với cảnh giới chân như tam muội của Thiên tông không hai không khác. Xem thế thì đủ biết rằng Tịnh Độ tức là Thiên tông, kết quả của hai bên nào có khác gì nhau?

b) So Với Luật.

Tác dụng của Giới luật là giữ gìn ba nghiệp, thân, khẩu, ý được trong sạch. Mục đích là làm điều lành, tránh điều dữ. Khi tu theo pháp môn Tịnh Độ, thân lễ Phật, miệng niệm Phật, ý tưởng nghĩ đến Phật, cả ba nghiệp đều tập trung, hết thầy sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều thâm nhiếp. Nếu nói làm lành thì chẳng có lành nào hơn. Nếu nói bỏ ác thì thử hỏi khi ba nghiệp đã tập trung hết vào Phật, đâu còn có chỗ nào hờ nữa để làm ác? Như thế vì sao không nói được rằng tu Tịnh Độ tức là tu Giới luật?

c) So Với Giáo.

Còn nói đến Giáo, nghĩa là tuy câu "Nam Mô A Di Đà Phật" chỉ có sáu chữ mà thôi, nhưng nếu bàn đến tác dụng thì 3 tạng 12 Bộ giáo lý của đức Phật thuyết pháp suốt trong 45 năm đều hàm chứa trong đó cả.

Vả lại, mục đích nghiên cứu giáo lý là cốt để hiểu rõ lý nghĩa mà phát lòng chánh tín, thiết thật tu trì để thật chứng quả Phật. Mục đích của pháp môn niệm Phật là cắt đứt vọng tâm, duy trì chánh niệm, vãng sanh Cực Lạc, lên bậc bất thoái rồi cuối cùng

cũng chứng quả Vô thượng Bồ Đề. Vì thế nếu hành giả phát tâm thành thật tu niệm thì không cần phải nhọc công nghiên cứu giáo lý mà tựu trung tất cả giáo lý đều đã đầy đủ. Như vậy, vì sao không nói được rằng tu Tịnh Độ tức là tu theo Giáo nghĩa?

d) So Với Mật.

Phép tu của Mật tông chú trọng về "Tam Mật gia trì". Tam mật gia trì nghĩa là giữ gìn thân mật (thân bất ẩn), khẩu mật (miệng niệm chú), và ý mật (ý quán tưởng tự mẫu). Nếu tinh tấn hành trì đúng ba phép mật ấy thì "tức thân thành Phật" và chứng được sáu thứ vô úy. Đó là điểm đặc sắc của Mật tông. Nhưng với pháp môn Tịnh Độ thì khi ba nghiệp đã tập trung, kết quả thật tế so với tam mật gia trì của Mật tông không khác nhau mấy.

Vả lại, tác dụng của pháp môn Niệm Phật có công năng khiến tâm ta và tâm Phật dung hợp làm một, liền chứng được Niệm Phật Tam Muội. Trong lúc tam muội hiện tiền, Phật và ta không hai không khác, không thể phân biệt rằng đó là ta hay là Phật. Vì vậy, trong lúc đương niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", tự thân ta chính là A Di Đà rồi vậy. Như thế cũng có thể nói là "tức thân thành Phật". Dù cho chưa đạt được niệm Phật, được sự cảm ứng đạo giao và được hào quang Phật nhiếp thọ, thì bản thân hành giả có uy lực thần thông của Phật gia bị, có cái gì đáng sợ hãi nữa đâu? Như vậy, vì sao lại không nói được rằng Tịnh Độ tức là Mật tông?

Tóm lại căn cứ vào các ý nghĩa như trên, ta có thể thấy lý do vì sao xưa nay các bậc cao tăng đại đức, các hàng cư sĩ đại nhơn khi tu học Phật pháp đều đề xướng pháp môn Tịnh Độ. Phạm Cổ Nông tiên sanh cũng nói: "Học thì nên theo Duy Thức, Hành thì nên quy về Tịnh Độ". Vì vậy, nên hễ hành giả càng thâm nhập kinh tạng chừng nào thì lại càng tán dương pháp môn Tịnh Độ chừng ấy. Chỉ có những ai còn đứng ngoài cửa nhìn vào mới xem thường Tịnh Độ. Phải có con mắt tinh vi mới phân biệt được ngọc và đá; biết được ngọc Biện Hòa dễ mấy ai?

---o0o---

Tiết Thứ 8

Chơn Nghĩa Của Pháp Môn Tịnh Độ chỉ có Phật Mới Biết Hết

Ba bộ kinh Phật dạy về pháp môn Tịnh Độ không hề có trình bày một luận lý nào thâm diệu, trái lại, từ lời văn cho đến ý nghĩa, hết thảy rất bình dị đơn giản; do đó một số người lầm tưởng rằng phương pháp Niệm Phật không có học lý. Họ cho rằng đó chỉ là một phương pháp để an ủi các ông già bà lão mà thôi, chứ không phải phương pháp dành cho các bậc thức giả triết sĩ tu tập. Họ nghĩ rằng nếu những người như họ mà cũng làm theo thì nào có khác gì ông già bà lão hay kẻ ngu phu! Họ sẽ làm trò cười cho thiên hạ. Nhưng không, chính họ đã lầm to!

Trong các kinh nói về Tịnh Độ, sở dĩ Phật không dùng lý để lập luận một cách chặt chẽ mà chỉ chuyên khuyên phát tín tâm và thực hành, không phải vì pháp môn Tịnh Độ không có lý

nghĩa vững chãi chẳng qua vì nghĩa lý ấy quá thâm diệu và "bất khả tư nghị", lại thêm ngữ ngôn chỉ hữu hạn, không thể nào nói đầy đủ được, dù cho có nói nhiều đến đâu cũng chỉ diễn tả được một khía cạnh nào đó thôi, không sao tránh được thiếu sót, không sót bên nọ cũng sót bên kia, hoặc nói được một lại sót đến mười. Đó là các lý do khiến Phật không lý luận mà chỉ chuyên khuyên tu trì, thật hành phép Niệm Phật. Nếu hành giả quyết tâm tu trì, một cách chơn chánh và thiết thực thì tất cả nền giáo lý Phật Đà đều đã hàm chứa trong đó rồi. Tu theo pháp môn Tịnh Độ ví như tắm nước biển, trong nước biển vốn đã có cả nước trăm sông ngàn hồ quy tụ về.

Còn nói đến ý nghĩa và cảnh giới của pháp môn ấy thì duy chỉ có Phật mới liễu ngộ được hết cái tinh vi, uẩn áo, cái cao thâm diệu vợi của nó mà thôi, dù cho với trí tuệ của các bậc Đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí v.v... cũng chưa hiểu biết đến chỗ cùng tận.

Chúng ta thử nghĩ, nếu phương pháp trì danh niệm Phật không phải thật có nghĩa cao siêu và công đức bất khả tư nghị thì tại sao trong kinh "Phật thuyết A Di Đà", Phật dạy rằng khi Phật nói kinh đó thì hết thảy chư Phật trong sáu phương đều tán thán và hộ niệm? Như vậy, thì biết rằng pháp môn ấy đặc biệt và nhiệm mầu như thế nào?

Vả lại, trong kinh nói: "Không thể nhờ một ít nhơn duyên phước đức thiện căn mà có thể vãng sanh được". Tiếp đó, Ngài lại dạy: "Bảy ngày chấp trì danh hiệu, đạt được nhất tâm bất loạn thì liền được vãng sanh". Như thế thì thiện căn phước đức nhơn duyên của sự chấp trì danh hiệu quả không phải nhỏ vậy.

---o0o---

Tiết Thứ 9***Không Nên Ngộ Nhận Lý Luận:
Tự Tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ***

Có người vì quá thiên trọng lý thuyết nên khinh lờn thực hành. Lý họ thường viện ra câu: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ", rồi liền làm cho rằng Tịnh Độ chỉ ở trong tâm, làm gì có cõi Tây phương mà hằng mong về! Thế là, họ phủ nhận tất cả 48 đại nguyện của đức A Di Đà và thế giới Cực Lạc trang nghiêm.

Có sự chấp nệ tai hại ấy, nguyên do chỉ vì họ lầm lẫn hai hiện tượng Chân Đế và Tục Đế mà họ vô tình đem trộn lại làm một. Vì lấy thể làm dụng nên thể dụng hỗn loạn, chân tục bất phân. Đã là người học Phật, ít nhất cũng đã từng đọc qua bài Bát Nhã Tâm Kinh. Trong tâm kinh có dạy rằng: "Vô trí diệc vô đắc" (không có trí mà cũng không có sở đắc). Nhưng liền sau đoạn ấy, Tâm kinh lại dạy: "Dĩ vô sở đắc cố... đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề" (Vì vô sở đắc cố... được quả Vô Thượng Bồ Đề). Qua hai đoạn kinh ấy, ta thấy rằng: Nếu y vào Chân Đế thì nói rằng không có "sở đắc" (chỗ đạt được), nhưng nếu y vào Tục Đế thì phải nói rằng có sở đắc. Nếu lầm lẫn Chân Đế và Tục Đế, tức là tự mâu thuẫn rồi vậy.

Các câu như trên, không riêng gì Tâm Kinh mới có, trong các kinh khác thường cũng nói đến. Đó là y cứ vào hai phương diện chân và tục bất đồng mà khai thị cho rõ khía cạnh, xin các học giả đừng ngộ nhận khiến sai lạc hết ý nghĩa uẩn áo của kinh

văn. Còn như Ngài Lục Tổ, khi Ngài phủ nhận cảnh giới Tây Phương, chính là lúc Ngài đương y vào chân lý thường trú để thuyết minh chân tâm, chứ không phải y vào tục lý để nói về các cảnh giới. Vì duy chân thì hết thấy đều không, nhưng duy tục thì vạn hữu đều có.

Chúng ta không nên tuyệt đối nhận lầm rồi chấp trước ý Tổ, khiến sinh tâm mật sát pháp môn Tịnh Độ. Có hiểu được như vậy thì mới thật là biết cách đọc sách cổ nhân một cách thiện xảo và thâm hiểu ý cổ nhân một cách tinh vi.

Vì các lý do trên, một lần nữa, ta phải cân nhắc lại thật kỹ để định lại một cách chân xác giá trị và phạm vi của câu danh ngôn "Tự tánh Di Đà, Duy tâm Tịnh Độ". Nếu đứng về phương diện Chân Đế mà nói thì không một pháp gì tồn tại (nhất pháp bất lập), ngay đến Phật cũng không còn được trú trước, huống nữa là Cực Lạc và niêm Phật cầu vãng sanh! Vì thế mà nói ngoài bản tánh không có Di Đà (tự tánh Di Đà) và ngoài tâm không có Tịnh Độ (duy tâm tịnh độ).

Cảnh giới ấy là cảnh giới tuyệt đối của Đệ Nhất Nghĩa Không, cho nên đem "dụng" quy về "thể" thì không một pháp nào được gọi là pháp sở đắc cả.

Ngược lại, khi chưa đạt được Đệ Nhất Nghĩa Không thì phải trú trên "dụng" mà nói và phải nương theo từng tầng bậc tu chứng để làm bàn đạp và tiến lên, do đó mỗi tầng bậc đều có những pháp sở đắc riêng biệt. Đối với công phu nội chứng của hành giả chưa đạt đến trình độ tuyệt đối thì không thể bảo rằng

tâm cảnh đều không, thọ tướng đều tịch. Tâm cảnh chưa không, thọ tướng chưa tịch thì hiển nhiên năng và sở còn tồn tại, y báo và chánh báo đều phân minh. Một sắc, một hương, một cảnh hoa, một ngọn lá của cảnh giới Cực Lạc trang nghiêm, thấy đều là đối tượng của ta và ta cần phải mong cầu đạt đến chứ không thể bỏ qua. Nếu không tự lượng sức, chỉ nhắm mắt học thuộc luận điệu của kẻ khác, có thể rất xác thực với kẻ ấy, nhưng chỉ là lý suông đối với mình - thì có khác nào kẻ điên rồ chưa qua khỏi sông đã toan bỏ thuyền bè!

Ta hãy xem lại trong ba bộ kinh thuyết minh Tịnh Độ, khi nói đến tướng tốt của Phật thì không một mảy lông nào, một chân tóc nào, một hào quang nào, một sắc đẹp nào mà không diễn ra một cách tuyệt trần vi diệu; khi nói đến cảnh giới trang nghiêm của Tịnh Độ thì nào là hoa thơm, quả báu, hồ ngọc, cây vàng v.v... không một cảnh nào mà không phải là cảnh hy hữu trên thế gian? Tướng ấy, cảnh ấy toàn là sự thật mà Phật đã thân chứng, chứ đâu phải vẽ vời đặt để ra cho thêm hoa mỹ. Ta không nên có tà kiến cho các cảnh ấy là không có mà bị đọa vào "không vọng ngoại đạo" rất là nguy hiểm.

---o0o---

Tiết Thứ 10

Tịnh Độ Là Pháp Môn Duy Nhất của Hàng Phật Tử Tại Gia

Nếu muốn tu bất cứ một pháp môn nào cũng tương đối dễ dàng chỉ cần chịu khó gia công là thành tựu. Trái lại hàng tại gia bị gia đình ràng buộc, mưu sinh khó khăn, công việc xã hội

phức tạp, thực khó mà thực hành cho được các pháp môn thiền định, quán tưởng và đồng thời nghiên cứu cho thấu đáo nền giáo lý thâm diệu của Phật đà. Nhà bác học ngày nay, cõi hỏa tiễn lên cung trăng, tưởng e còn dễ dàng hơn hàng thiện nam tín nữ Phật tử tại gia muốn tu theo đạo xuất thế để cầu ra khỏi nhà lửa.

May thay là đức Phật đã vận dụng trí tuệ vô biên và từ bi vô lượng, đề ra pháp môn Tịnh Độ rất giản tiện mà có hiệu lực rất lớn, giúp được tín đồ không phí thì giờ, khỏi bỏ công việc, mà vẫn có thể thành tựu được đạo quả một cách chắc chắn. Hễ ai có tu là có chứng, không luận tại gia hay xuất gia, không bỏ sót một ai. Hàng Phật tử tại gia, ngoài pháp môn niệm Phật này ra, tưởng cũng khó có hy vọng thành công đối với các pháp môn khác. Càng khó thành công thì lại càng dễ hay sinh chán nản, lẩn lúc còn làm cho thoái khuất rồi mất hẳn tín tâm. Tai hại biết bao! Vì các lẽ ấy nên nói rằng pháp môn Niệm Phật là pháp môn duy nhất cho hàng Phật tử tại gia hiện tại.

Rất mong các đạo hữu tại gia nhận thức tròn đầy tất cả công hiệu viên dung của pháp môn này để cùng nhau niệm Phật và một ngày kia cùng gặp nhau trên ao sen bảy báu của đức Phật A Di Đà.

---o0o---

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT

Trích trong Tâm Như – Trí Thủ Toàn Tập

Hòa Thượng Thích Trí Thủ

---o0o---

Sau đây, xin giải thích rõ từng phương pháp một để hành giả y theo mà hành trì cho phải phép. Lại nên nhớ thêm rằng “Trì danh” là phương pháp tụng niệm của đường lối tu Tịnh Độ. Đó là một điểm trọng yếu.

a) *Niệm cao tiếng:*

Dem hết cả tinh lực toàn thân dồn vào trong một câu niệm Phật khác nào những tiếng đại hồng chung, những tiếng sư tử rống ác cả trời đất Vũ trụ. Theo phương pháp này bị hao hơi rất cô nhiều, không thể trì niệm lâu được. Tuy nhiên, nó có công năng đối trị được bệnh hôn trầm giải đãi, trừ khử được tạp niệm lăng nhăng. Khi niệm Phật nếu thấy mơ màng muốn ngủ gục, hoặc thấy tư tưởng bị chao động, hành giả nên mạnh mẽ đề khởi tinh thần, cất cao vọng niệm to tiếng làm trí não thức tỉnh, chánh niệm khôi phục và sẽ được linh hoạt như cũ. Niệm Phật cao tiếng có tác dụng rất lớn lao. Hơn nữa nó còn làm cho người hai bên nghe rõ tiếng niệm và khiến họ lần lần sanh khởi tâm niệm Phật.

Ngày xưa, lúc Ngài Vĩnh Minh Thọ Thiền sư niệm Phật tại chóp núi Nam Bình, tỉnh Hàng Châu, những người qua lại dưới chân núi nghe tiếng rang rảng như tiếng nhạc trời đánh giữa hư

không, khiến cho ai này đều rất thâm cảm. Chính Ngài đã áp dụng phương pháp này vậy.

b) *Mặc niệm:*

Lúc niệm, môi miệng chỉ hơi mấp máy, không phát ra tiếng; Người ngoài nhìn vào, không biết là đang niệm. Tuy không phát ra tiếng, nhưng 6 chữ “Nam mô A Di Đà Phật” đương sáng ngời và rang rang trong tâm thức hành giả, vô cùng rõ ràng. Nhờ sự sáng ngời và rang rang ấy mà tâm thần định tĩnh, chánh niệm ngưng tụ thành một khối, khiến cho hiệu lực của nó không khác hiệu lực của niệm Phật có tiếng

Phương pháp niệm này có thể áp dụng trong khi nằm nghỉ, khi tắm rửa, lúc bệnh hoạn, lúc phóng uế, hoặc trong khi đương ở hội trường công cộng hay khi lữ thứ tha phương v.v... tóm lại là trong những trường hợp không tiện niệm ra tiếng.

c) *Niệm Kim Cang:*

Niệm thư thả, hòa hoãn tiếng không lớn quá, không nhỏ quá. Bất luận là niệm 4 chữ, hay 6 chữ, hành giả vừa niệm vừa lắng tai nghe lại tiếng niệm của mình từng chữ một, thật rõ ràng. Cứ vừa niệm vừa nghe như thế, trí óc sẽ không bị xao lãng và tâm thần định được.

Phương pháp niệm này hiệu lực rất lớn lao, Cho nên, đem ví dụ với ngọc kim cương. Kim nghĩa là vàng, thí dụ cho sự cô đọng cần mật; cương nghĩa là cứng, thí dụ cho sự cứng rắn. Vừa cần

mặt vừa cứng rắn thì ngoại cảnh khó xâm nhập và tạp niệm dễ bị đánh tan.

Trong lúc phương pháp niệm Phật, phương pháp này thường được dùng hơn hết. Với phương pháp này lại có tên là phản văn niệm Phật nghĩa là niệm chữ nào trở lại nghe chữ ấy, chữ ra từ miệng lại trở về lại tai.

d) *Niệm giác chiếu:*

Một mặt xung danh hiệu Phật, một mặt quay tâm trí của mình trở lui soi xét tự tánh. Với phương pháp này, cảnh đối tượng trước mắt đều bị đẩy lùi hết, chỉ còn một cảm giác linh động trong tâm thôi. Ấy là cảm giác tâm Phật, thân Phật, cả hai cùng ngưng tụ thành một khối sáng chói lợi, tròn vành vạnh. Ngoài ra, các cảnh giới bao la trong mười phương như sơn hà đại địa, nhà cửa khí cụ, nhất nhất thấy đều mất tung tích cho đến thân tứ đại của hành giả cũng không biết lạc mất chỗ nào. Được như vậy thì báo thân tuy chưa xả mà cảnh Tịch quang đã chứng. Danh hiệu Phật vừa tuyên lên là đồng thời hành giả chứng nhập tam muội, đem thân phàm phu dự vào cảnh giới chư Phật.

Thật không có phương pháp nào so bằng phương pháp này. Nhưng có điều đáng tiếc là, phi bậc thượng trí, ít ai lãnh hội và thực hành nổi. Vì vậy mà sức cảm hóa của phương pháp này có hơi hẹp.

e) *Niệm quán tưởng:*

Một mặt xung danh hiệu Phật, mặt khác quán tưởng thân Phật và Bồ tát trang nghiêm đang đứng trước mặt ta. Do tự kỷ ám thị tưởng tượng ra các cảnh như cảnh Phật đương đưa tay thoa đầu ta hoặc lấy áo phủ lên mình ta, hoặc như cảnh đức Quan Âm và đức Thế Chí đương đứng hầu hai bên đức Phật, còn Thánh chúng thì đương đoanh vây hai bên thân ta. Lại có thể quán tưởng cảnh đất vàng, hồ báu của thế giới Cực Lạc với lầu đài tráng lệ, lưới báu bủa giăng, hoa nở chim kêu đương phát ra tiếng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v...

Nếu quán tưởng này đã thành thực, thì tuy nhục thân đương ở cõi Ta bà mà thức thần đã dạo chơi trên Cực Lạc. Hoặc nếu quán tưởng chưa chơn thuần thì nó vẫn có thể làm trợ duyên cho sự niệm Phật bằng cách giúp cho tịnh nghiệp dễ dàng thành tựu.

Phép tu quán tưởng này lâu ngày càng thuần thực càng tạo được một ấn tượng rõ ràng và sâu sắc trong tâm mắt của hành giả. Một ngày kia, khi báo thân suy tạ, trần duyên ở cõi đời này dù cám dỗ đến đâu, cũng khó lôi cuốn khiến phải liên lụy. Như vậy, thắng cảnh Cực Lạc nhất thời đã hiển hiện ra trước mắt rồi.

f) *Niệm truy đánh:*

Cũng giống như phép niệm Kim cang nói đoạn trước, nhưng giữa chữ trước và chữ sau, giữa câu trước và câu sau, đừng để xen hở. Chữ nọ bồi vào chữ kia, câu sau chồng lên câu trước, trung gian không cho dứt hở, nên gọi truy đánh. Truy nghĩa là đuổi theo, đánh nghĩa là đầu.

Nhân vì chữ truy đánh, câu câu truy đánh một cách chặt chẽ, nên tạp niệm không cách gì xen vào được. Trong lúc niệm, do trong lòng tình tự khẩn trương, tâm và khẩu cùng xúc tiến một lần, phát sanh được chánh niệm. Oai lực của chánh niệm càng lớn càng lấn át tất cả, làm cho tâm tưởng vô minh tạm thời phải chìm lặng.

Phương pháp niệm này có hiệu lực rất lớn, xưa nay thường được số đông các bậc tu tịnh nghiệp dùng đến.

g) *Niệm lễ bái:*

Đồng thời trong khi miệng niệm thì thân lạy, hoặc niệm xong một câu lạy một lạy, hoặc bất câu miệng niệm nhiều hay ít, hễ cứ miệng niệm thì thân lạy, thân lạy thì miệng niệm.

Có niệm có lạy liên tục nên khiến cho thân khẩu hợp nhứt; đồng thời trong lúc ấy, ý nghĩ đến Phật nên cả tam nghiệp thân, khẩu, ý cũng tập trung, 6 căn đều thu nhiếp. Như vậy, toàn bộ thân tâm cùng hết thấy các giác quan đều quy về một mối, không còn có chỗ hở nào cho trần sự chen vào, cũng không có một tâm niệm nào khác làm chao động tâm niệm tưởng Phật, nhớ Phật.

Muốn áp dụng phương pháp này, phải đặc biệt tinh tấn. Hiệu lực của nó cũng đặc biệt lớn lao. Duy chỉ có một điều hại là lễ bái quá nhiều thì sinh nhọc sức, phí hơi thở; người yếu không làm nổi. Vậy chỉ nên kiêm dụng với các phương pháp khác, chứ không nên chuyên trì, sợ e mất sức, sanh bệnh.

h) Niệm từng loạt 10 niệm (số thập):

Khi niệm dùng chuỗi hạt để ghi số loạt, cứ mỗi loạt mười câu. Sự ghi số có nhiều cách: hoặc niệm 3 câu một hơi, làm như vậy 3 lần, đến câu tiếp thì lần một hạt chấm câu; hoặc 3 câu một hơi, rồi 2 câu một hơi nữa, như vậy 2 lần rồi lần một hạt. Như vậy là cứ mỗi khi lần một hạt chuỗi tức là đã niệm xong 10 niệm.

Phương pháp này bắt buộc tâm hành giả vừa niệm Phật, lại vừa phải nhớ số câu niệm, Cho nên, dù tâm không chuyên, buộc cũng phải chuyên. Nhờ có sự cưỡng bức ấy mà đối trị được các tạp niệm lăng xăng, tâm trở nên chuyên nhứt. Thật là một phương pháp hay và rất thích nghi với những kẻ nào tâm niệm quá chao động.

i) Niệm đếm theo hơi thở (số tức):

Niệm như pháp truy đánh trước kia, không kể số danh hiệu Phật niệm được nhiều hay ít, chỉ dùng hơi thở làm chừng. Bắt đầu thở ra thì niệm cho đến khi hết hơi thở, nghỉ niệm mà hít thở vào. Khi thở ra lại, tiếp tục niệm như trước. Cứ 10 lần như vậy, thì gọi là 10 hơi niệm.

Phương pháp này sở dĩ thiết lập ra đặc biệt dành riêng cho những người quá bận rộn, tiện cho sự thực hành hằng ngày. Chẳng hạn như, mỗi ngày sáng sớm ngủ dậy, sau khi rửa mặt súc miệng xong, day mặt về hướng Tây hoặc hướng trước Phật đài, bỏ ra 5 phút là niệm xong 10 hơi. Công việc không khó, như người tập thể thao làm những cử động hô hấp. Nếu ngày

nào cũng chuyên cần như vậy, thì cũng nhất định được vãng sanh.

Đây là căn cứ theo đại nguyện thứ 18 của đức Phật A Di Đà (xem trước) mà thiết lập phương này. Các vị Cổ đức nghiên cứu và tu tập phương pháp thập niệm, chính là phương pháp niệm theo 10 hơi thở này.

j) *Niệm theo thời khóa nhất định:*

Điều tối kỵ nhất trong phép niệm Phật là lúc bắt đầu thì hăng hái mà về sau lại giải đãi. Sở dĩ có sự thủy cạn chung dãi như vậy là vì không có tâm hằng thường. Cho nên, để giữ cho được thủy chung như nhứt, ngay từ khi sơ phát tâm niệm Phật, hành giả cần phải tự vạch cho mình một thời khóa biểu nhứt định. Một khi thời khóa biểu đã vạch sẵn rồi thì ngày ngày cứ y theo đó mà thực hành, tự gây cho mình một thói quen, và có như thế mới giữ được đạo tâm bất thoái. Trong buổi đầu, niệm nhiều hay ít chưa phải là điều quan trọng vì nhiều hay ít còn tùy thuộc năng lực và hoàn cảnh riêng biệt của từng cá nhân; quan trọng là tại chỗ thường thời thực hành, đều đều và chuyên nhất.

Người xưa có vị mỗi ngày niệm đến 10 vạn hiệu. Vị nào ít lắm cũng 5 vạn. Công hạnh tu hành của họ thật là tinh tấn dũng mãnh! Ngày nay, hoàn cảnh thay đổi khác xưa rất xa mà lực lượng của tự thân ta cũng không bằng, vậy ta nên châm chước hoạch định một công khóa, thật sát với hoàn cảnh và vừa sức của ta, để thực hành cho đúng mức. Sau khi đã hoạch định rồi thì dù gặp phải công việc bận rộn đến đâu, cũng phải cố gắng hoàn thành công khóa. Vạn nhất, vì một lẽ nào đó mà không

hoàn tất được ngày ấy thì qua hôm sau phải bỏ khuyết kịp thời, chớ nên để rày lần mai lửa, tạo thành cho ta một thói xấu rất có hại về sau.

Trong khi vạch khóa trình, nên tránh hai cực đoan. Cực đoan thứ nhất là vì sự hăng hái trong buổi đầu, tự định cho mình một khóa trình quá nhiều, về sau đuối sức theo không kịp, rồi vì vậy bỏ luôn. Cực đoan thứ hai là vì sự e ngại về sau theo không kịp, nên dè dặt tự định cho mình một khóa trình quá ít, không thấm vào đâu, rồi cũng dễ sinh ra giải đãi. Cả hai cực đoan đều đến kết quả như nhau. Cho nên, trong khi quyết định khóa trình, cần phải tế nhị châm chước dung hòa giữa hoàn cảnh và năng lực thể nào thích trung mới được lâu dài và hữu hiệu

k) Niệm bất cứ lúc nào:

Với những hành giả đã huân tập được tịnh chủng khá thành thục thì tự nhiên phát ra những tiếng niệm Phật bất cứ lúc nào, cơ hồ như có một sức lực dũng mãnh nào bên trong thúc đẩy, khiến cho hành giả hằng tiến không lùi. Vì vậy mà dù công khóa đã hoàn tất, các vị này vẫn chưa cho là đủ, nên trừ ngoài giấc ngủ, bất luận ngày đêm, trong bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi, không lúc nào, không chốn nào, là không niệm Phật. Như vậy câu “Nam mô A Di Đà Phật” không lúc nào rời khỏi miệng, lâu ngày thành tập quán.

Truyện vãng sanh của người xưa còn ghi chép lại rất nhiều trường hợp vãng sanh do pháp môn niệm Phật này đem lại. Như có ông thợ rèn, tay đập búa miệng niệm Phật; bà làm nghề đậu hủ, tay xay đậu miệng niệm Phật; về sau, khi vừa dứt tiếng

niệm Phật, cả hai đều được đức Phật phóng hào quang tiếp dẫn và đều được tọa hóa vãng sanh Cực Lạc.

Chúng ta nên lấy đó làm gương. Nếu niệm được đến trình độ ấy thì dù có định khóa trình, hay không còn định khóa trình, không còn là vấn đề nữa.

1) *Niệm hay không niệm vẫn là niệm:*

Phép niệm Phật nói ở đoạn trên là chỉ sự niệm thành tiếng, phát ra nơi cửa miệng, trong 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Chữ NIỆM trong đoạn này là chỉ tâm niệm (tâm niệm nhớ nghĩ đến Phật). Nói “niệm hay không niệm vẫn là niệm” có nghĩa là bất kể niệm thành lời hay không, luôn luôn trong tâm vẫn tưởng nhớ đến Phật, tức là vẫn có niệm Phật.

Sở dĩ miệng phải niệm Phật là cốt nhắc cho trong tâm tưởng nhớ đến Phật. Giờ đây, dù cho khi miệng không niệm mà tâm vẫn có tưởng nhớ, như thế cứu cánh của phép trì danh niệm Phật đã đạt được rồi vậy.

Nếu hành giả thực hiện được phép “không niệm mà niệm” thì bất luận thời gian nào, bất luận miệng có trì danh hay không trì danh, tâm lý lúc nào cũng vẫn để vào Phật. Như vậy, tịnh niệm đã kiên cường liên tục không hở, lòng như rào sắt vách đồng, gió thổi cũng không lọt, ai muốn đập phá cũng không xuê, quyết không còn một trần niệm ô nhiễm nào có thể đột nhập, khiến cho tâm chao động được. Lúc ấy, phép niệm Phật tam muội tự nhiên thành tựu, quả vãng sanh không cầu mà tự đến.

Người xưa nói “niệm mà không niệm, không niệm mà niệm” tức là chỉ cho cảnh giới này vậy. Nếu không phải là người niệm Phật đã lâu năm, và do đó, công hạnh đã thuần thực, thì quyết không thực hành được pháp môn này. Hàng sơ cơ quả thật khó mà noi theo.

---o0o---

LÒNG TIN CỦA NGƯỜI CON PHẬT

Hòa Thượng Thích Thanh Từ

---o0o---

Vì muốn cho tất cả Tăng Ni Phật tử đều hiểu đạo theo đúng tinh thần của đạo Phật, nên hôm nay chúng tôi giảng dạy đề tài “Lòng tin của người con Phật”.

Con Phật ở đây là hàng xuất gia cũng như các Phật tử cư sĩ tại gia. Chúng ta nghe nhận giáo pháp của Phật khéo hiểu, đó là con đường tu thực tế của bản thân, cũng như hướng dẫn chỉ dạy cho mọi người đồng chí hướng tu hành. Vậy lòng tin của người Phật tử là gì? – Là tin Tam Bảo, tức tin Phật, tin Pháp, tin Tăng. Lòng tin ấy đối với Phật tử dễ tin hay khó tin?

Trước hết nói về tin Phật. Tin Phật là tin như thế nào? Lâu nay chúng ta cứ ngỡ tin vào đức Phật là tin Ngài có đủ tất cả pháp nhiệm mầu, đủ công đức vô lượng vô biên. Chúng ta tin tưởng ở Ngài thì Ngài sẽ ban bố phước lành cho mình, sẽ gia hộ cho ta bình an, hạnh phúc. Nhưng sự thật không phải, chúng ta tin Phật vì Ngài là bậc giác ngộ. Chử Phật nói đủ là Phật-đà

có nghĩa là bậc giác ngộ viên mãn. Vì giác ngộ viên mãn nên những gì Ngài chỉ dạy cho chúng ta đều là chân lý không xê dịch, không đổi khác theo thời gian không gian.

Vậy chúng ta tin Phật là tin bậc giác ngộ, một bậc sẽ đưa ta đến chỗ sáng suốt, chứ không phải tin bằng ân huệ Ngài ban cho. Trong kinh Phật thường dạy: “Ta không có quyền ban phước xuống họa cho ai.” Ngài đã không có quyền ban phước xuống họa thì ta xin được phước, xin khỏi họa được không? Xin như vậy là trái với chủ trương, trái với lẽ thật đức Phật đã dạy.

Ai đọc sử cũng nhớ, đêm thứ bốn mươi chín ngồi dưới cội bồ-đề, đức Phật thiền định từ canh một tới canh hai chứng được Túc mạng minh, từ canh hai tới canh ba chứng được Thiên nhãn minh, từ canh ba tới canh năm chứng được Lậu tận minh. Từ chỗ tu chứng ấy, những gì thấy biết Ngài nói lại cho chúng ta nghe đều là chân lý, là sự thấu triệt nguồn gốc của con người và muôn vật.

Chúng ta ai cũng thắc mắc tự nghĩ, không biết mình từ đâu đến đây, chết rồi đi về đâu? Đức Phật sau khi đã chứng Túc mạng minh, Ngài thấu suốt được sanh mạng của bản thân mình từ vô số kiếp trở về trước, chứ không phải năm đời mười đời thôi. Trong các kinh A-hàm còn ghi lại lời Thế Tôn nói: “Ta nhớ vô số kiếp về trước như người nhớ việc mới xảy ra hôm qua.” Nhớ rõ ràng không có gì sai sót. Do đó Ngài biết được ta từ đâu đến đây.

Chúng được Thiên nhãn minh, Ngài có con mắt sáng thấy thấu suốt từ những vật rất xa cho tới những vật rất nhỏ nhiệm, mà con mắt phàm chúng ta không thể thấy được. Ngài thấy rõ con người khi chết rồi, sẽ theo nghiệp dẫn luân hồi trong lục đạo, chúng sanh bị lôi kéo đi theo nghiệp của mình đã tạo. Trong lục đạo luân hồi có ba đường lành và ba đường dữ. Ba đường lành là người, a-tu-la và trời; ba đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Nếu người nghiệp thiện khi nhắm mắt sẽ đi theo ba đường lành. Nếu người nghiệp xấu ác, khi nhắm mắt sẽ đi ba đường dữ, chớ không phải chết là hết. Do thấy như vậy nên đức Phật nói: “Ta thấy chúng sanh đi trong luân hồi lục đạo như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ qua, người lại rõ ràng không lầm lẫn.” Đức Phật thấy rõ dòng luân hồi của chúng sanh từ đời này tới đời kia không dừng, không hết nên Ngài mới dạy chúng ta cách tu để thoát khỏi dòng luân hồi ấy.

Đến canh năm khi sao Mai vừa mọc, Phật chứng Lộ tận minh. Lộ tận minh là thấu tột được nguyên nhân nào khiến cho chúng sanh trầm luân trong sanh tử và phương pháp nào đưa chúng sanh ra khỏi dòng luân hồi ấy, không còn buộc ràng trong lục đạo nữa. Biết rõ nhân biết quả như vậy nên Ngài dạy chúng ta cách tu hành thoát ly sanh tử.

Phật không bắt chúng ta nhất quyết phải tin, mà mình có quyền kiểm nghiệm lại xem điều nào đáng tin thì tin, điều nào không đáng tin thì thôi. Thứ nhất, đức Phật thấy được con người từ vô số kiếp về trước đã từng sanh nơi này, nơi kia rồi

mới đến đây. Chúng ta tự kiểm lại, xem mình có mang tính cách gì của quá khứ dẫn đến hiện tại không? Như trong một gia đình cùng cha cùng mẹ sanh ra, nhưng những người con có đứa sáng suốt thông minh, có đứa lại khù khờ u tối. Hoặc có đứa đẹp, có đứa xấu v.v... không giống nhau. Tại sao lại có sự sai biệt như thế?

Nói theo khoa học hiện nay, tất cả mầm sanh ra con người đều từ gen của cha mẹ. Gen cha mẹ thế nào thì người con cũng giống như thế ấy. Nếu do gen cha mẹ sanh ra, tại sao mỗi người lại mang hình dáng khác nhau, tâm tư khác nhau, trí tuệ khác nhau? Đó là từ đâu? - Nhà Phật dạy rằng chúng ta có mặt ở đây là do tích lũy nghiệp của đời trước. Đời trước ta đã từng làm gì thì đời này sanh ra ảnh hưởng nghiệp của đời trước.

Như hiện giờ chúng ta nghe những vị thần đồng trên thế giới, có vị giỏi về âm nhạc từ lúc năm bảy tuổi, có vị giỏi toán từ lúc chín mười tuổi, có vị giỏi văn chương v.v... Đó là do ai dạy? Điều này chứng tỏ thuyết nhân quả của nhà Phật không sai. Đời trước chúng ta đã từng làm việc lành dữ nào, đời này sanh ra chủng tử nghiệp của quá khứ còn nên ảnh hưởng tới đời này. Vì vậy mỗi người ra đời mang theo những tâm tư, ý niệm, thói quen khác nhau. Bởi thế không thể giống hệt cha mẹ, chỉ giống phần nào do tánh di truyền của gen thôi. Đó là một lẽ thật không nghi ngờ gì cả.

Đức Phật thấy biết rõ, nhưng nói ra quá tầm hiểu biết của chúng ta, có khi mình chưa dám tin. Nhưng kiểm nghiệm lại thật kỹ, rõ ràng đó là một lẽ thật, không nghi ngờ. Như tất cả người thế gian lớn lên đều nghĩ tới chuyện đời bạn hoặc tạo

dụng sự nghiệp cho khá giả... nhưng có người lớn lên đòi đi tu. Điều này ai dạy? Cha mẹ không dạy, thầy cô giáo không dạy. Như vậy chúng tử tu trước đã có nên bây giờ không ai xúi giục, không ai bắt buộc mà tự phát nguyện đi tu. Chúng ta hiểu rồi thì biết những việc này không phải mới có, mà nó đã có từ thuở nào.

Sau khi thấy tột lý đó rồi, Phật mới dạy chúng ta làm sao trong đời này tu tạo những nghiệp lành, để khi nhắm mắt sanh vào cõi lành. Không phải chết rồi hết, đừng nghĩ làm như vậy. Người thế gian cứ ngỡ chết là hết, nên nhiều vị còn trẻ tuổi khi gặp điều gì bức bách, không chịu nổi đòi tự tử. Vì họ ngỡ rằng tự tử là giải quyết xong việc đời này, không ngờ tự tử rồi lại càng khổ sở dai dẳng hơn đời này nữa.

Quý vị vô chùa thấy tượng Phật, tượng Tổ có hào quang phía sau đỉnh đầu. Hào quang là ánh sáng, đó là biểu hiện cho nghiệp lành tỏa ra. Những người hung ác nghiệp dữ cũng tỏa ra. Nhưng với con mắt chúng ta, khả năng giới hạn quá nên không thể thấy được. Lại một điều, đôi khi con mèo, con chó lại có thể nhận được năng lượng tỏa ra từ những người hung ác. Chúng ta để ý sẽ thấy mấy người làm hàng thịt, khi vào xóm dù họ không đem theo dụng cụ bắt heo bắt chó, mà chó thấy là sủa rùm hết. Chúng sủa một cách oán ghét, giận dữ, chó không phải sủa như sủa khách bình thường. Đó là do ác nghiệp của họ tỏa ra khiến những loài cũng có nghiệp xấu nhìn thấy được.

Đức Phật thấy ngoài vũ trụ có vô số thế giới. Ngài nói nhưng không bắt buộc chúng ta tin hay không tin. Phật thấy sao thì nói vậy thôi. Ngày nay chúng ta thấy rõ ràng trong bầu hư

không này không phải chỉ có một thế giới của mình, mà có vô số thế giới. Đã là vô số thế giới thì có thế giới nhỏ, có thế giới lớn, có thế giới tốt, có thế giới xấu. Con người sanh trong những thế giới đó nhất định phải có sai biệt, tốt xấu đủ thứ. Suy gẫm như thế, chúng ta không còn gì để ngờ vực về trí tuệ của Như Lai nữa.

Lời Phật dạy do Ngài tu mà thấy, đó là một lẽ thật chớ không phải lời huyền hoặc. Ngày xưa trình độ khoa học còn thấp kém, người ta không hiểu nổi những gì Thế Tôn thấy biết và nói ra. Ngày nay khoa học từ từ có nhiều phát minh, chúng ta mới tin lời Phật nói là có thật. Sở dĩ đức Phật nói ra những điều đó là để cho chúng ta biết mà tu, chớ không phải nói ra để khoe sự thấy biết sâu rộng của Ngài.

Phật thấy chúng sanh theo nghiệp luân hồi chịu quả báo khổ vui, nên nói những bài kinh dạy về nhân quả nghiệp báo luân hồi. Nếu dứt sạch những nghiệp duyên này sẽ thoát khỏi sanh tử. Người tu phải biết không có gì xảy ra ngoài nhân quả hết. Biết được quả khổ thì truy nguyên ra nhân để phá dẹp nó. Phá dẹp được nhân rồi thì quả khổ theo đó hết.

Như vậy chúng ta tin Phật là tin qua những lẽ thật Ngài đã trình bày, tin ở sự tu hành giác ngộ viên mãn của Ngài, nên những gì đức Phật nói ra không sai lệch. Đó là niềm tin thứ nhất, tin Phật.

Thứ hai là tin Pháp của Phật. Pháp của Phật dạy chúng ta tu về lý nhân quả, lý luân hồi, lý nhân duyên rất rõ ràng, rất khoa học. Như nói gieo nhân thì gặt quả. Người làm nghề nông

lựa giống tốt, sửa soạn đất sạch, nước phân đầy đủ rồi gieo giống xuống. Giống tốt nên cây lúa tốt, bông lúa nặng trĩu, nhiều hạt v.v... Từ hạt giống tốt đem lại quả tốt là điều tất nhiên, không ai chối cãi được. Chúng ta không thể nói rằng, muốn trúng mùa không cần lựa giống tốt, không chăm sóc kỹ, không làm cỏ bón phân, cứ mỗi ngày ra ngoài bờ ruộng chấp tay nguyện Phật trời cho con mùa lúa trúng! Không chịu gieo giống, không chịu tạo nhân mà đòi có quả thì không bao giờ có được. Đó là lẽ thật.

Muốn được quả tốt, chúng ta phải tạo nhân tốt và những duyên phụ thuộc cũng phải tốt mới được. Từ lý nhân quả này, chúng ta xét thấy mọi việc trên thế gian không có gì xảy ra một cách bỗng dưng. Phải đi từ nhân tới quả. Nhân mình làm tốt thì quả tốt, nhân mình làm xấu thì quả xấu. Biết được nhân quả rồi, chúng ta nên ngừa đón từ nhân. Không tạo nhân xấu mà tạo nhân tốt, không tạo nhân dữ mà tạo nhân hiền. Đó là người biết tu.

Người sáng suốt chọn nhân tốt để gây dựng cho cuộc đời mình được kết quả tốt. Chẳng những tốt trong đời này mà tốt ở đời sau nữa. Ngược lại, người không biết tu, chẳng những không chọn nhân tốt, mà còn tạo nhân xấu ác, thì quả xấu ác sẽ đến không nghi ngờ. Tất cả Phật tử hiểu rồi, y cứ theo lời Phật dạy về nhân quả mà sống cho mình, cho mọi người. Làm việc gì chúng ta cũng lấy nhân quả làm chuẩn thì lợi ích vô cùng.

Thế gian nhiều người gây nhân mà không dám lãnh quả. Ví dụ đứa bé lỡ làm bể cái chén đẹp của cha mẹ, nó không dám nhận lỗi nên đem giấu, khi cha mẹ hỏi nó không dám chịu, nên

đồ thừa người này người kia, làm rối rắm nhiều người. Chúng ta đã lỡ tạo nhân thì phải chịu quả, phải can đảm nhận lỗi của mình: Đây là lỗi của con, con lỡ như vậy, xin cha mẹ thương tha thứ cho. Biết nhận lỗi như vậy, cha mẹ nào chẳng thương yêu tha thứ, khỏi phiền hà anh em, khỏi nghi ngờ người này người nọ, có phải tốt không?

Thế nên người tin được nhân quả là người can đảm, còn người không tin nhân quả là người khiếp nhược, yếu đuối. Người hiểu được lý nhân quả cuộc sống rất an lành, rất tự tại, vì dám làm dám chịu, không bao giờ trốn tránh. Như vậy xã hội tốt đẹp biết mấy. Đó là nói về tin nhân quả.

Kể nữa, nếu tin được lý luân hồi chúng ta lại càng dè dặt hơn. Như muốn đời sau bằng và tốt hơn đời này, chúng ta phải giữ tròn năm giới: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu say, không hút á phiện, xì ke ma túy. Giữ được năm điều đó bảo đảm đời sau trở lại làm người bằng hoặc tốt hơn đời này. Chúng ta tu là để tròn tư cách một con người tốt trong đời này và cả đời sau. Vì vậy nói tu là nói đến chuyện thực tế, chớ không phải nói chuyện viển vông, huyền ảo. Nhiều người không hiểu cho rằng tu là tiêu cực, huyền bí. Đó là một sai lầm.

Người không sát sanh đời sau tuổi thọ dài. Không trộm cướp đời sau có của nhiều. Không tà dâm đời sau đẹp đẽ trang nghiêm. Không nói dối đời sau nói năng lưu loát, nói ra mọi người đều tin quý. Không uống rượu say, không hút á phiện, xì ke ma túy đời sau sanh ra trí tuệ đầy đủ. Như vậy bảo đảm một tương lai tốt đẹp cho mình quá. Còn những kẻ không biết thì

đâu có tu, nên đời sau họ sẽ khổ. Vì vậy tu nhân là điều thiết yếu.

Gia đình nào người chồng hoặc vợ không giữ tròn năm giới, gia đình đó có vui không? Trong nhà có kẻ trộm cướp hoặc say sưa, hút á phiện xì ke ma túy... đó là họa lớn. Cho nên biết tu là đem lại hạnh phúc cho mình và an ninh trật tự cho xã hội. Nếu xóm làng nào mọi gia đình đều biết giữ năm giới thì xóm làng đó chắc chắn bình yên vô cùng, nhà khỏi đóng cửa cũng không sợ mất đồ. Cho nên tu Phật là vấn đề cần thiết cho con người mà ít ai để ý tới.

Chúng ta nhờ tin được lời Phật dạy, tức tin pháp nên ứng dụng tu, đạt kết quả thiết thực trong cuộc sống. Qua đó ta mới thấy lời Phật dạy là một lẽ thật, ứng dụng tu có kết quả tốt cho bản thân và mọi người, cho đời này và cả đời sau. Đó là nói về tin Pháp.

Thứ ba là tin Tăng. Chỗ này chúng ta nên dè dặt một chút. Phật dạy đối với Tam bảo Phật, Pháp, Tăng ta phải tin trọn vẹn. Nhưng với tôi, Tăng bảo chúng ta nên tin một cách có chọn lọc. Tại sao? Bởi vì thời đức Phật còn tại thế, Ngài biết căn cơ, tâm tánh của mọi người, nên khi đi giáo hóa gặp ai có cơ duyên, Ngài dạy xong họ nhận hiểu và ứng dụng rất mau ngộ đạo. Vì vậy thời Phật trực tiếp giáo hóa Tăng Ni cũng như Phật tử được gọi là thời chánh pháp, một trăm người tu thì một trăm người ngộ đạo.

Sau khi Phật nhập Niết-bàn rồi, hàng đệ tử của Ngài, có vị chứng A-la-hán nhưng có vị chưa chứng, nên sự dạy dỗ

không đúng như chỗ thấy của Phật. Do các Ngài không biết rõ căn cơ, nên pháp dành cho người này lại dạy lệch qua người khác. Điển hình như lúc Phật còn tại thế, Tôn giả A-nan đi giáo hóa có một người thợ rèn quy y với ngài, Tôn giả dạy ông pháp tu quán bất tịnh. Đến nơi khác lại có một người giữ nghĩa địa quy y với Ngài, Tôn giả dạy pháp tu quán hơi thở. Hai ông tu hoài không tiến, mới than: Sao thầy dạy con tu không tiến chút nào hết! Ngài liền kể lại tự sự cho Phật nghe và xin thỉnh giáo.

Phật bảo: Tại ông dạy sai, chớ không phải tại họ tu sai. Ông phải dạy lại. Người thợ rèn nên dạy quán hơi thở, vì họ thói ông bễ phì phịch hoài, quán hơi thở sẽ nhịp nhàng với công việc, tu như thế mau tiến hơn. Người giữ nghĩa địa thường thấy thây chết, nên dạy quán bất tịnh mới có kết quả. Ngài nghe lời dạy của Thế Tôn, đem dạy lại hai vị đệ tử của mình. Quả nhiên, chẳng bao lâu cả hai đều tu có kết quả.

Như vậy mới thấy việc dạy người tu mà ta không nắm vững trình độ, căn cơ, nghề nghiệp của họ, đôi khi dạy không có kết quả. Đã không kết quả tất nhiên người tu khó đạt được đạo quả mà họ mong đợi.

Năm trăm năm sau khi Phật nhập diệt là thời Tượng pháp. Tượng là tương tự. Hồi Phật tại thế thì trăm người tu trăm người ngộ, đến thời Tượng pháp, trăm người tu chỉ có năm chục người ngộ thôi. Rồi một ngàn năm sau khi Phật nhập Niết bàn là thời Mạt pháp. Thời này người tu chúng đạo quá ít, nên làm sao dạy đệ tử chúng được! Vì vậy một muôn người tu, may ra chỉ có một người ngộ thôi.

Từ Chánh pháp một trăm người tu một trăm người ngộ, đến Tượng pháp một trăm người tu năm mươi người ngộ, đến Mật pháp một muôn người tu chỉ có một người ngộ. Như vậy số người tu đông mà ngộ ít, bắt buộc chúng ta phải lựa chọn thôi. Vì vậy đối với Tăng bảo trong thời này cần chọn lọc kỹ một chút. Nhiều khi có vị truyền giới cho đệ tử: không được uống rượu, mà bản thân mình lại uống hết chai này đến chai khác. Như vậy ai tin được? Buộc lòng chúng ta phải chọn lọc, không thể thấy hình thức người tu rồi nói sao tin vậy. Cho nên chúng ta phải cẩn thận. Được vậy giá trị Tăng mới còn. Nếu chúng ta dễ tin, tin bừa quá vô tình làm cho giá trị Tăng bảo ngày càng suy sụp đi. Đó là tin về Tăng.

Như vậy đối với Phật, Pháp, Tăng là ba ngôi quý báu. Phật bảo thì chúng ta không nghi ngờ, thật là quý báu tuyệt vời. Pháp bảo chúng ta cũng tin trăm phần trăm. Nhưng Tăng bảo cần phải chọn lọc. Đó là tôi nói rõ để tất cả chúng ta hiểu và tin Tam Bảo.

Kể đến, ngoài tin Tam Bảo Phật dạy chúng ta phải tự tin nơi mình. Dù người xuất gia hay tại gia đều phải có sức mạnh tin ở nơi mình. Tin mình là tin cái gì? – Tin ta có đủ khả năng thay đổi hay là chuyển hóa những nghiệp xấu dở trở thành nghiệp hay tốt. Như trên tôi đã nói, Phật dạy chúng ta phải bỏ nhân xấu, tạo nhân tốt. Mình tin rằng mình có khả năng bỏ được những nhân xấu và cố gắng tạo được nhân tốt.

Ví dụ Phật tử lúc trước rượu chè say sưa, bây giờ qui y thọ giới rồi biết đó là nhân xấu, quyết tâm bỏ rượu để hết nghiệp nhân xấu. Tự mình quyết tâm bỏ thì bỏ được, chớ đâu ai

bỏ thế cho mình được. Nếu chúng ta tin ở khả năng có thể chuyển của mình thì bỏ được các nghiệp xấu, chắc chắn như vậy. Nhờ thế Phật tử sẽ tiến bộ nhiều, sẽ tăng trưởng nhiều, nhất là tăng trưởng phần đạo đức. Ngược lại nếu không tin mình, nói đã lỡ ghiền làm sao bỏ được, thậm chí như vậy thì phải chịu ghiền suốt đời thôi. Cho nên niềm tin nơi chính mình rất quan trọng, có tánh quyết định nhiều nhất trên con đường tu tập của chúng ta.

Song tự tin như vậy cũng chưa đủ, còn phải tin đặc biệt hơn nữa. Tin như thế nào? Lịch sử ghi rõ ràng đức Phật Thích-ca Mâu-ni khi đi tu, Ngài học hỏi với các tiên nhân nhưng tu không có kết quả như ý. Cuối cùng từ bỏ hết, Ngài đến ngồi dưới gốc bồ-đề thệ rằng: “Nếu nơi này ta không thành đạo, dù xương tan thịt nát quyết không rời cội cây này.” Thệ nguyện như vậy rồi, suốt bốn mươi chín ngày đêm thiền định, tâm lóng lạng trong sạch, tự Ngài sáng ra những điều trước kia chưa từng biết.

Như vậy trí tuệ của Phật từ đâu mà có? Không ai dạy, không học gì thêm tại sao lại biết, biết quá tầm hiểu biết của thế gian. Điều đó minh chứng rằng khi tâm mình hoàn toàn thanh tịnh thì trí tuệ sáng suốt sẵn có phát ra. Trí tuệ ấy vượt ngoài tất cả trí sáng suốt thường, nên Phật gọi là Vô sư trí, Tự nhiên trí hay Căn bản trí. Chúng ta có Trí vô sư, có Trí căn bản, có Trí tự nhiên, nhưng không chịu khai thác nên không dùng được.

Đức Phật đã giác ngộ viên mãn nên trí tuệ của Ngài cũng viên mãn. Vì vậy những gì Phật dạy chúng ta đến bây giờ hơn hai ngàn năm vẫn không lạc hậu, không sai sót. Đức Phật là

một con người, chúng ta cũng là con người, đức Phật có sẵn Trí vô sư, Trí tự nhiên, Trí căn bản, chúng ta cũng có đầy đủ như Ngài. Quý vị có tin không? Lòng tin của chúng ta còn yếu quá, bởi thế Phật tu giác ngộ, còn mình tu hoài không thấy giác ngộ! Nếu chúng ta vững tin, khẳng định mình cũng sẽ giác ngộ như Phật, mới mong thực hiện được nguyện vọng ấy.

Ở thế gian, các nhà khoa học hoặc bác học, khi muốn nghiên cứu một đề tài gì, họ phải dồn cả tâm lực, có khi quên cả vợ con, quên cả tắm rửa, dồn sức đi sâu trong vấn đề đang nghiên cứu. Nhờ dồn sức như vậy, qua một thời gian bỗng dưng họ sáng lên gọi là phát minh. Như vậy ai dạy họ phát minh? Tự họ sáng ra do tâm chuyên nhất, không tạp loạn. Đó là Trí vô sư đã sẵn, nhưng trước kia họ lo học, lo tìm kiếm bên ngoài, lượm lặt bên ngoài nên trí ấy không thể phát ra được. Bây giờ họ trở lại chuyên tâm dồn sức để phát huy trí tuệ của mình, do đó nó phát ra. Điều này chứng tỏ chúng ta ai cũng có sẵn Trí vô sư, mà bỏ quên nên không dùng được rồi tự cho mình khờ dại...

Trong kinh Phật có nói rõ: “nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, nghĩa là tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Chữ Tánh là sẵn, ai cũng có sẵn Tánh giác, không riêng gì Phật. Nhưng chúng ta có mà không biết tìm cách khơi dậy, không biết tìm cách phát sáng, nên nó cứ im lìm chìm lặng. Nếu chúng ta tu đúng cũng sẽ thành Phật. Vì vậy thành Phật hay không là chuyện của mình, chớ không phải của ai. Chúng ta dám xưng là Phật tử mà không dám tin mình sẽ thành Phật thì vô lý quá. Nếu là con Phật, Ngài tu thành Phật, ta tu cũng thành Phật.

Thế mà Như Lai ngài chúng ta yếu đuối không dám nhận, nên Ngài nói thêm: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Như vậy tất cả chúng ta đều có chủng tử, có nhân duyên sẽ thành Phật. Người tu quyết chí đi tới giác ngộ viên mãn, chớ không phải tu để mà tu, thì nhất định sẽ thành Phật. Ngoài ra, có chỗ Phật còn nói: “Tất cả chúng sanh đã thành Phật.” Nghe câu này đa số không hiểu nổi. Nói sẽ thành Phật thì chịu, còn đã thành Phật thì lắc đầu, không chịu. Phật nói như vậy có quá đáng không? Thật ra vì y cứ trên Tánh giác sẵn có từ thuở nào của chúng sanh nên Ngài nói như thế. Bây giờ chúng ta làm sao cho Tánh giác hiện đủ thì thành Phật ngay thôi. Song, nếu Tánh giác chưa hiện thì nó cũng đã có sẵn nơi chúng ta rồi. Vì vậy đức Phật mới nói “tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”, tức đều đã có Phật nhân.

Ví như có người có hòn ngọc quý vô giá. Nếu lấy ra dùng thì họ sẽ thành người giàu có sang trọng. Nếu không lấy ra dùng, tuy họ mang thân nghèo khó trong hiện tại, nhưng hòn ngọc quý vẫn nằm sẵn trong túi áo, nghĩa là họ vẫn có hòn ngọc như thường. Đã có hòn ngọc thì lúc nào chẳng giàu. Tuy nhiên, dùng được thì sự giàu sang ấy hiện rõ, còn chưa dùng được thì sự giàu sang ấy tiềm ẩn, chớ không phải không giàu.

Cũng vậy Phật đã khơi dậy được Tánh giác nên Ngài thành Phật, còn chúng ta có Tánh giác mà chưa khơi dậy nên ông Phật của mình còn ngủ quên, chớ không phải không có. Ta cũng là Phật mà Phật ngủ. Bây giờ nếu khéo tu, khéo chuyển chúng ta sẽ thành Phật như Ngài, giác ngộ như Ngài. Đừng nghĩ mình không có khả năng, rồi tự lui sụt. Cứ ôm mặc cảm thành Phật là chuyện của Phật, còn mình là chúng sanh phàm phu xấu

tệ, thì phải chịu trôi lăn trong sanh tử, không biết bao giờ mới ra khỏi.

Vấn đề là làm sao để khơi dậy tánh Phật đây? Thật ra không có gì khó hết. Như mùa mưa nước đục ngầu, ta cần nước nên xuống hồ mức nước đục đỏ vô khạp. Nước này đục mãi hay sẽ trong? Tuy nước đục mới đỏ vô khạp còn nhiều cái bọt, không thể dùng được, nhưng nếu chúng ta khéo gạn lọc, nước đục từ từ lắng xuống, nó sẽ trở thành nước trong. Nếu không lắng mà cứ quậy hoài thì nước đục sẽ không bao giờ trong. Khi nước trong rồi, ta nhìn vô thấy rõ mặt mũi mình, phải không? Chẳng những thấy mặt mình mà còn thấy những cảnh trời mây bên ngoài nữa.

Như vậy nước trong từ đâu lại? – Từ nước đục chớ gì. Nước trong đã sẵn, nhưng vì hoà tan với đất bùn nên biến thành đục, nếu chúng ta khéo lóng nó sẽ trở thành trong. Tánh nước vốn trong, tại bụi đất hòa tan thành đục. Cũng vậy, tâm chúng ta sẵn có Tánh giác chân thật, nhưng vì ta vọng tưởng điên đảo quá thành ra mờ tối. Bây giờ muốn hết mờ tối thì đừng hết những vọng tưởng điên đảo ấy đi, đừng quậy nó lên nữa. Đức Phật nói: “ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”, đó là một cách an ủi thúc đẩy chúng ta tiến lên.

Có nhiều người cứ nghĩ mình đủ thứ mê muội, đủ thứ xấu xa trông gì thành Phật! Cũng như thấy nước đục quá, không biết làm sao cho nó trong nên đổ bỏ, thật đáng tiếc! Chỉ cần lắng hết cặn bã thì nước đục thành trong. Bởi tánh nó trong sẵn nên lắng nó mới trong, nếu tánh nó là đục thì lắng gì lắng, vẫn đục như thường. Hiểu như vậy mới thấy lời Phật là chân thật,

mở ra một con đường cho chúng ta tu hành. Bởi vì chư Phật luôn muốn chúng sanh được giác ngộ, chớ các ngài không muốn chúng ta chìm mãi trong luân hồi sanh tử.

Chư Tăng Ni hay Phật tử tập tu thiền, ngồi ngó xuống im lìm một hai giờ, không làm gì hết. Người ngoài thấy tu như vậy là ích kỷ, tiêu cực. Đối với thế gian một hai giờ làm ra tiền khá lắm chứ, còn ngồi ngó xuống hoài mất thì giờ, có lợi ích gì đâu? Vì vậy họ cho rằng việc tọa thiền không thích hợp. Đó là vì họ không hiểu, thật ra việc làm này rất phi thường. Tại sao? Bởi vì nơi tâm chúng ta đã sẵn có Tánh giác, nhưng vì vọng tưởng điên đảo che phủ hoài. Bây giờ ta ngồi yên nhìn xem thật tướng nó là gì. Khi biết vọng tưởng chỉ là bóng dáng hư ảo, không thật ta không đắm mê chạy theo nó nữa, chúng tự lui tan. Đó là ta đang vén những áng mây mờ phủ che Tánh giác xưa nay của mình. Một việc làm để giải quyết tận căn để số phận con người trong ba cõi sáu đường như vậy mà cho là vô ích, tiêu cực được sao?

Quý vị khi nào được năm ba phút không nghĩ việc này, việc nọ sẽ thấy trong đầu thanh thoi sáng suốt vô cùng. Càng suy nghĩ càng rối rắm, càng suy nghĩ càng mờ tối, chớ không thể sáng được. Cũng như nước đục mà cứ quậy mãi thì đục hoài, không bao giờ trong được. Cũng vậy, tâm chúng ta điên đảo rối nùi, cuồng loạn, bây giờ phải ngồi lại nhìn nó, thấy được nó rồi tự nhiên hạn chế bớt sự cuồng loạn, bớt loạn lần lần sẽ đi đến yên định. Định rồi phát trí tuệ, nên trong nhà Phật dạy ba môn giải thoát là Giới, Định, Tuệ.

Giới để ngăn ngừa, kèm chế tiếp xúc các duyên, thì trong tâm sẽ bớt vọng tưởng. Tâm bớt vọng thì dễ yên. Cho nên người giữ giới được rồi, ngồi tu tâm dễ yên định. Tâm đã yên định thì trí tuệ chân thật hiện tiền, chớ không có gì lạ hết. Hiểu rõ như thế mới thấy việc tọa thiền rất quan trọng. Ta ngồi im lặng nhưng thật ra đang làm một việc, chuyển con người mê muội trở thành con người sáng suốt giác ngộ. Đó là chuyện phi thường chớ đâu phải thường.

Nếu chúng ta không muốn trầm luân muôn đời muôn kiếp thì phải vượt thoát vòng sanh tử. Muốn vượt ra ngoài vòng sanh tử chúng ta phải giác ngộ tròn đầy. Ngồi thiền là cố gắng nỗ lực dẹp bỏ tâm điên đảo, để được giác ngộ tròn đầy. Đây là việc làm của những con người sáng suốt lạc quan, yêu đời yêu đạo, chớ đâu phải như một số người đã hiểu sai lầm.

Tôi xin hỏi quý vị một câu: Hiện giờ trong tâm quý vị nhớ cái gì nhiều nhất? Chắc chắn là nhớ người mình thương hoặc nhớ người mình ghét nhiều nhất, phải không? Có nhiều người nói tôi thù kẻ đó nguyện không đội trời chung, tức là nhớ tới muôn kiếp. Như vậy trong lòng mình chắt chứa cái thương cái ghét, cái buồn cái giận, đủ thứ hết. Những thứ đó là nhân sẽ đưa chúng ta đi trong luân hồi sanh tử, gặp lại nhau để đền trả mãi không thôi. Nếu ta cứ mặc tình cho những nhân ấy lòng lộn, làm rối rắm mình mãi thì chừng nào mới ra khỏi luân hồi sanh tử! Cho nên phải chặn, phải dừng hết không cho nó phát triển nữa.

Nhà Phật gọi thương nhiều là ái, từ ái dẫn tới đời sau gặp lại nhau. Ghét nhiều là tắng, cũng là nhân dẫn tới đời sau gặp

lại nhau. Muốn không gặp khổ đau bởi người thương kẻ ghét ở mai sau nữa, chúng ta phải làm sao? Thôi, đừng thêm thương ghét ai hết, bỏ hết, quên hết đi thì đời sau không gặp lại. Người đã làm khổ mình, nếu ta cứ giận hoài là nuôi lớn thêm nỗi khổ, chớ có được gì đâu. Như vậy bỏ hết lợi hơn hay ôm ấp lợi hơn? Biết bỏ là lợi, nhưng đa số chịu ôm chớ không chịu bỏ. Giữ hoài không nở bỏ, biết nó khổ nhưng vẫn ôm giữ nên Phật nói chúng sanh đáng thương.

Do không tỉnh giác, cứ ôm ấp những nhân đau khổ, vì vậy đời này khổ, đời sau càng khổ hơn. Thế nên Phật dạy chúng ta phải luyện lọc, chừa bỏ những niệm xấu ác để đời sau có mặt trên thế gian không gặp đau khổ, xấu ác nữa. Đó là tu. Nên nhớ chủ tạo thành nghiệp là tâm. Chúng ta ngừa đón được tâm, làm chủ được tâm rồi thì sẽ không tạo nghiệp xấu ác. Không làm chủ được tâm, gặp duyên tới sanh đủ thứ chuyện không dừng được. Bây giờ ngồi lại tu cho tâm yên tĩnh là ta giành quyền làm chủ, không để tâm rối loạn, muốn nghĩ gì thì nghĩ. Người dụng công như thế, sức làm chủ không phải thường.

Thế gian chịu làm chủ người này người kia, can thiệp dạy bảo thiên hạ, còn chính mình làm chủ mình không được. Gặp việc bất như ý giận la như điên, gặp việc thích thú thì mê man tàng tịch. Người tu Phật không thể như thế được, phải tập làm chủ ý niệm. Một niệm vừa khởi lên ta bắt nó phải dừng, được như vậy mai kia mới làm chủ được nghiệp. Làm chủ được nghiệp mới tránh khỏi những con đường luân hồi đau khổ.

Người tu ngồi yên tĩnh mới thấy coi như không làm gì hết, nhưng họ đang tranh đấu quyết liệt để chiến thắng chính

mình. Có thắng được mình rồi chừng đó mới nói chuyện người khác. Mình không thắng mình mà muốn thắng người, đó là chuyện viển vông vô nghĩa. Ý chí quyết liệt thắng mình là ý chí rất dũng cảm. Người có ý chí dũng cảm như vậy tu mới thành công.

Hơn nữa việc chuyển từ một phàm phu thành Thánh nhân là chuyện lớn hay nhỏ, tầm thường hay phi thường? - Chuyện rất lớn, rất phi thường. Người thế gian không phân biệt được phàm phu với Thánh nhân. Họ cứ ngỡ bay lên trời hay chui dưới đất mới là phi thường, còn ngồi yên lặng để chiến thắng mình là tầm thường. Song người biết đạo thấy chiến thắng được mình mới là phi thường. Đức Phật có dạy: “Chiến thắng vạn quân không bằng thắng mình. Thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất.”

Cho nên việc tu tập này hết sức quan trọng, hết sức cần thiết. Chúng ta tiến lên từng bước, làm sao đời này là phàm phu, nhưng những đời sau tiến lên thành bậc Phần giác tức Bồ-tát, lần lần đến viên mãn. Nên nhớ ta không được dừng ở một chỗ. Đó là ý nghĩa quan trọng đối với người tu Phật.

Người tu phải nỗ lực, phải quyết tâm cố gắng chuyển hóa tâm tư, chuyển hóa hành động, chuyển hóa nghiệp thức của mình, xấu trở thành tốt, để rồi chúng ta chuyển từ một phàm phu trở thành Thánh nhân. Đó là quyền của mình, ta có thể làm được, phải tin chắc như vậy. Gốc của sự tu hành chính là tin nơi khả năng giác ngộ của mình, tin nơi trí tuệ sẵn có của mình.

Tôi nhắc lại, chúng ta là Phật tử nên có lòng tin đúng đắn về đạo Phật. Có lòng tin đúng đắn rồi, trên đường tu chúng ta mới xứng đáng là đệ tử Phật, đang tập tiến lên trên con đường giác ngộ. Quý vị nhớ hiểu ứng dụng cho đúng thì cuộc đời tu hành không tiến nhanh cũng tiến chậm, chớ không bao giờ dừng ở một chỗ. Ngược lại nếu cứ đi sai hoài, chẳng những không được tiến mà có thể còn bị lạc lối nữa.

Tôi mong tất cả Tăng Ni là người lãnh đạo Phật tử, quý vị đi và dẫn dắt Phật tử cùng đi đúng theo con đường đức Phật đã đi. Đừng đi sai, đừng đi lệch uổng một đời tu, không biết mai kia có gặp lại Phật pháp không? Làm sao chúng ta đứng vững và luôn luôn không bị những luồng gió như nhớp của thế gian làm lem luốc, phải trong sạch vững vàng trên con đường đạo. Đó là chỗ tha thiết mong mỏi của tôi.

---o0o---

PHÁT BỒ ĐỀ TÂM, MỘT LÒNG CHUYÊN NIỆM

Hòa Thượng Tịnh Không

---o0o---

Đệ tử của Phật phải biết “trụ Phật sở trụ, hành Phật sở hành”, cái Trụ và hành này trên thực tế chính là áp dụng tâm Bồ Đề, bạn xem trên kinh Đại thừa, bốn kinh này là kinh Đại thừa, bốn kinh dạy bảo chúng ta tu hành, quan trọng nhất chính là tám chữ “Phát tâm Bồ Đề, một lòng chuyên niệm”, đây là cương lĩnh tu hành của bốn kinh, tám chữ này hợp lại là viên tu viên chứng, thiên về một phía thì không được, nếu như bạn

thiên ở phát tâm Bồ Đề, thì không có một lòng chuyên niệm, vậy không đúng. Một lòng chuyên niệm không có tâm Bồ Đề, cũng không thể vãng sanh, cho nên phát tâm Bồ Đề cùng một lòng chuyên niệm phải kết hợp lại, thì bạn quyết định được sanh Tịnh Độ.

Nếu chúng ta muốn ngay trong một kiếp này thật sự thành tựu được công phu niệm Phật. Lúc xử thế, tiếp xúc với người, với vật, cái tâm duy nhất mà chúng ta cần phải có đó là chân tâm.

Khi bị người khác lừa dối, hiếp đáp, chúng ta phải nghĩ như vậy: *“Đó là chuyện của họ, không dính dáng gì với tôi cả. Việc của tôi là phải dùng tâm chân thật đối xử lại. Vì sao? Bởi vì tôi quyết định trong một kiếp này phải cầu vãng sanh Tịnh Độ”*. Làm thế nào để cầu sanh Tịnh Độ? Trong kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ: ***“Phát Bồ Đề Tâm, Nhất Hướng Niệm Phật.”***

Nếu quý vị không phát Bồ Đề tâm, chỉ nương vào nhất hướng chuyên niệm, kết quả không thể vãng sanh, xin quý vị nên thận trọng.

Ngài Lý Bình Nam nói: *“Một vạn (10 ngàn) người niệm Phật, thật sự có thể vãng sanh chỉ vài ba người. Vì sao số người vãng sanh quá ít như thế? Vì không phát tâm Bồ Đề nên tâm không thanh tịnh. Bởi tâm không thanh tịnh nên còn thị phi nhân ngã, tham, sân, si, mạn, nghi. Những thứ này không tương ứng với thế giới Cực Lạc một chút nào”*.

Tây Phương Cực Lạc là nơi câu hội của chư thượng thiện nhân (chỗ ở của những người thiện lành bậc nhất). Cho dù quý vị niệm Phật siêng năng đến đâu hoặc một ngày có thể niệm đến trăm ngàn lần, nhưng tâm của quý vị không thiện, làm sao có thể lên Tây Phương ở cùng chỗ của bậc thượng thiện nhân? Do đó phát Bồ Đề tâm quan trọng hơn cả việc nhất hướng chuyên niệm là như vậy. Người thật sự phát Bồ Đề tâm, khi lâm chung, một niệm hoặc mười niệm quyết định sẽ vãng sanh. Vì sao? Vì họ đã là người thượng thiện nhân rồi, đầy đủ phước đức rồi. Chỉ cần chột khởi tâm muốn vãng sanh là được ngay. Cho nên những lời nói trong kinh điển, chúng ta cần phải lưu ý, suy ngẫm kỹ lưỡng, tuyệt đối không nên tụng niệm một cách hàm hồ.

Đoạn văn trên chúng ta nói đến chân tâm. Chân tâm là Thể của Bồ Đề tâm, kế tiếp nói Thâm Tín là dụng của Bồ Đề tâm. Tự dụng đối với chính mình là luôn giữ tâm hiếu thiện hiếu đức (thích làm điều thiện, đức). Đối với chúng sanh thì đại từ bi. Nhân từ, hiếu thiện hiếu đức là việc làm không thể miễn cưỡng hoặc làm cho có hình thức bên ngoài. Nó phải lưu xuất một cách tự nhiên từ bên trong ra. Cho nên người phát tâm Bồ Đề, mỗi khi khởi tâm động niệm đều nghĩ đến việc làm lợi ích cho chúng sanh phá mê khai ngộ, thoát khỏi cảnh khổ được an vui. Không hề có một niệm nghĩ đến lợi ích cho cá nhân mình. Nếu còn một niệm ích kỷ tự lợi, là còn ngã chấp nặng nề, ngã chấp là gốc rễ của lục đạo luân hồi! Không bứng sạch gốc rễ này thì không có cách nào ra khỏi lục đạo. Cho nên ngay từ bây giờ, quý vị cần phải buông xả, phải nghĩ đến người khác, nghĩ đến chúng sanh, đến những người đang đau khổ, đang gặp nạn

trên thế giới, tuyệt đối không nên nghĩ chuyện lợi ích cho riêng cá nhân mình nữa.

Trong suốt thời gian thuyết pháp đã qua, tôi nhiều lần nhắc nhở quý vị phải phát Bồ Đề tâm. Trong kinh điển, đức Thế Tôn cũng từng lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu ngàn lần. Vì sao Thế Tôn không ngừng lặp lại như vậy? Bởi vì chúng sanh vẫn còn chưa tỉnh thức, vẫn còn u mê. Thế Tôn vẫn phải lặp đi lặp lại một cách không mệt mỏi để kêu gọi chúng ta. Một khi quý vị phát khởi Bồ Đề tâm, liền được chư Phật hộ trì. Vì tâm của chư Phật là tâm Bồ Đề. Như vậy tâm của quý vị sẽ cùng với tâm của chư Phật không hề khác nhau.

---o0o---

LÀM THẾ NÀO ĐỂ THÀNH MÃN BỒ ĐỀ TÂM

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

---o0o---

Đã phát Bồ Đề tâm, suy tư kỹ đối với căn cảnh thời nay, phải dùng phương tiện nào cho tâm ấy được thành tựu viên mãn? – Muốn cho sự tự lợi lợi tha của nguyện Bồ Đề được toàn vẹn, không chi hơn cầu sanh Tịnh Độ. Đây là sự kiện thiết yếu thứ ba mà hành giả cần lưu ý.

Một vị cao đức thời xưa, sau khi phát đại nguyện tu hành, đã thốt ra câu:

Thế gian, xuất thế suy cùng khắp.

*Chẳng niệm Di Đà lại niệm ai?
(Thế gian, xuất thế tư duy biến.
Bất niệm A Di cánh niệm thù?)*

Quả thật, khi xem qua lời này, rồi suy lường so sánh từ pháp môn đến căn cơ và hoàn cảnh thời nay, có lẽ tu Tịnh Độ là đường an ổn vẹn toàn nhất.

Có người hỏi: – Đã phát tâm độ sanh, thì nên trụ ở thế giới Ta Bà, vì nơi đây có nhiều chúng sanh khổ cần phải tế độ, tại sao lại cầu sanh về Tây Phương?

Xin thử hỏi lại: – Độ sanh cần có điều kiện chi để thực hiện? Phải chăng là cần có: phước đức, trí huệ, biện tài, thần thông, tướng hảo? (Mà trong những phương diện ấy, chúng ta đã có một phần nào chưa?) Chỉ riêng về điểm phá phiền hoặc để phát sanh trí huệ cho khỏi bị trần cảnh làm mê, còn là điều không phải dễ! Cổ đức đã bảo: Đoạn kiến hoặc khó như ngăn dòng nước bốn mươi dặm! Ờ Như thế, nói chi đến đoạn tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh? Kiến hoặc, nói đơn giản, là những phiền não thấy chấp về phần thô; tư hoặc là phiền não về phần tế. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đã huân tập vào tâm thức những ô nhiễm tham sân si, và không biết bao nhiêu là sự thấy hiểu sai biệt, liệu trong một thời gian ngắn của đời này, ta có thể tiêu diệt hết nó được chăng? Người tu hiện nay, phần nhiều phước mỏng huệ cạn, chỉ một câu A Di Đà Phật, niệm còn không dễ thuần thực, đề cập chi đến sự tự tại độ sanh là việc xa vời?

Cho nên điều cần thiết trước mắt, là chúng ta nên cầu sanh Tây Phương, trước tế độ mình cho khỏi bị đọa luân hồi, nương thẳng duyên ở cảnh giới ấy mà tinh tấn tu hành. Chờ đến khi được chứng quả, đủ trí huệ, biện tài, thần thông, tướng hảo, chừng ấy sẽ trở lại Ta Bà độ sanh, mới có phần tự tại. Tuy nhiên, đối với bốn phận và bi tâm của người tu, không phải bác bỏ hẳn sự độ sanh trong hiện đời. Nhưng sự lợi người nơi hiện tại của chúng ta, thật ra chỉ ở trong cảnh tùy sức tùy duyên, như người rớt xuống dòng mê, vừa tự lợi vào bờ, vừa kêu gọi khuyến kẻ khác lợi theo mà thôi.

Luận rộng thêm, dù chứng đến quả Vô Sanh, tuy muốn tu cho sáu độ được hoàn mãn cần phải ở nơi cõi ác trước nhưng thật ra cũng không thể xa lìa Tịnh Độ. Tại sao thế? – Như trong kinh nói, bậc Sơ Địa Bồ Tát còn không thể biết chỗ đỡ chân lên để chân xuống của hàng Nhị Địa, huống chi là biết được cảnh giới của Như Lai? Vì lẽ ấy, nên trong hải hội Hoa Nghiêm, sau khi giảng thuyết mười đại nguyện vương, đức Phổ Hiền liền dùng lời kệ khuyến tấn chư Bồ Tát khắp trong năm mươi một ngôi vị là: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa và Đẳng Giác cầu sanh về Cực Lạc. Bởi nơi Tịnh Độ Phật thường hiện thân, muốn vào cảnh giới thâm mật của Như Lai, Bồ Tát phải năng gần gũi Phật. Cho nên những bậc đẳng địa Bồ Tát đều phải một mặt phân thân ở các Uế Độ lập bồi công hạnh, mặt khác lại hiện thân nơi các Tịnh Độ gần gũi học hỏi chư Phật để cầu bước tiến tu. Sự vãng sanh Tịnh Độ rất cần cho từ hạnh bát địa phàm phu đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát là như thế.

Cứ như ba sự kiện trên, nẻo luân hồi có nhiều chương nạn, nếu chưa chứng quả Vô Sanh, khi chuyển thế dễ bị hôn mê sa đọa. Cho nên muốn bảo đảm tâm đại Bồ Đề không bị thối thất và để thành mãn nguyện này, chẳng những hàng phàm phu như chúng ta, vì gấp giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi trước mắt, cần phải cầu vãng sanh. Mà đến hàng siêu địa Bồ Tát, nếu muốn vào cảnh giới thâm mật của Như Lai cùng hoàn mãn đại nguyện ấy, cũng không thể xa lìa Tịnh Độ.

---o0o---

KHUYẾN TÂN HÀNH GIẢ TU HÀNH

Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

---o0o---

Ngày Khánh Tuế 17/07 năm Quý Mùi (2003)

Người xưa thường nói: “*Sanh tử sự đại*”, nhưng mình đã quen sống trong sanh tử, ai cũng vậy hết, nên thấy không quan trọng. Kỳ thật, lấy mắt đạo mà nhìn vào thì đó là việc lớn của mọi người, của chúng sanh. Đã lăn lóc mãi trong nhiều đời, hiện tại nếu không cố gắng thì những đời sau cũng vẫn lăn lún trong vũng lầy sanh tử mà thôi.

Gặp được Phật pháp rất khó! Trên đời này không có pháp nào thoát ly sanh tử, chỉ có giáo pháp của Phật mới ra khỏi sanh tử luân hồi. Vì thế, gặp được rồi thì chúng ta phải cố gắng để an trụ vững bền trong Chánh Pháp. Cho nên, Phật dạy tất cả đều

phải tinh tấn Nhất Tâm. Nhưng phàm phu chúng ta lại có cái lỗi là luôn luôn phóng dật, giải đãi.

Trong luật, những khi có việc gì thì các vị trưởng lão, các vị đại đức cũng đều khuyên nhắc: “Phải tinh tấn, mạc phóng dật”. Chỉ có hai điều đó thôi! Phóng dật ở nơi thân khẩu thì dễ biết, còn ở tâm ý thì rất khó biết. Hễ duyên theo lục trần, đều là phóng dật. Do đó, ai nấy cần phải nhất tâm, phải chánh niệm. Chánh niệm đứng đầu là ba niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đừng để nó rơi mất.

- Niệm Phật thì niệm hồng danh, niệm tướng hảo, niệm công đức.
- Niệm Pháp phải thuộc kinh, vì nhớ đến kinh pháp tức là niệm Pháp.
- Niệm Tăng thì nhìn các hạnh ở nơi đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát hay Phổ Hiền Bồ Tát, cho đến Di Lặc Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát... đều là các bậc Bồ Tát Tăng, đáng để cho chúng ta nghĩ đến các Ngài và công hạnh của các Ngài.

Nếu tâm thường nghĩ tưởng như vậy sẽ bớt phóng dật, hễ bớt phóng dật tất được tinh tấn. Tinh tấn từ một ngày, hai ngày, ba ngày, dần cho đến nhiều tháng nhiều năm thì lần lần cõi Bồ Đề chúng ta vun trồng sẽ to lớn, càng thêm vững mạnh. Người xưa khi vào trong đạo liền tìm mọi cách để có được Định, Huệ. Căn bản của sự tu hành là Giới, Định, Huệ.

Chúng ta sống nơi thời mạt pháp này, lăn lóc trong ồn náo, đố kỵ, phóng dật..., công việc mưu sinh thì thật đa đoan.

Cho nên, tôi thường nhắc nhở rằng, sự tu hành của chúng ta nên giống như là tu mót – mót thời gian để mà tu, đừng bỏ lỡ qua. Gặp việc thì làm, rảnh việc thì lo nhiếp tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Được một phút thì tốt một phút, được một giờ tốt một giờ, thế nên đừng bỏ qua việc tu mót. Ví như những người nơi thôn quê ngày xưa đi mót lúa, tuy chỉ là mót lúa nhưng vẫn nuôi thân được, nuôi gia đình được, đủ lúa đủ gạo mà ăn. Chúng ta đây cũng vậy, nếu cố gắng mót thì cũng được đầy đủ nơi đạo pháp, nuôi lớn Pháp thân huệ mạng của chính chúng ta. Nếu huynh đệ thực hành một thời gian rồi nghiệm lại, sẽ thấy giờ tu mót lại nhiều hơn thời khóa tu hành. Vì thế nếu bỏ qua thì sẽ bỏ phí rất nhiều thời gian. Ai cũng có công việc đa đoan hết, nhưng tất cũng có xen kẽ, lúc tâm trí chúng ta được rảnh rang thì cố gắng giữ ba điều: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Được như vậy, sự phóng dật bớt dần lại, sẽ tương ứng với phần tinh tấn. Nếu trọn đời chúng ta sống trong Chánh Pháp của Đức Phật thì đường đạo mỗi ngày sẽ mỗi tăng tiến lên.

Vọng tâm, vọng niệm dễ sanh, những phiền não nghiệp chướng cũng dễ phát khởi, do bởi cảnh duyên bên ngoài giúp nó tăng trưởng. Chúng ta ở trong thời mạt pháp, lấy sức người để tu hành cũng giống như ở nơi giữa dòng sông, chẳng những nước mênh mông mà lại còn có sóng lớn nữa, sóng lúc nào cũng đầy xô dồn dập hết, ở trong đó phải bơi phải lội nên cần phải cố gắng hết sức mới được. Có cố gắng mới thành công để bơi đến bờ kia! Do đó cần phải lập nguyện, chí nguyện sẽ giúp chúng ta thêm cố gắng và vững chắc hơn ở nơi đường đạo. Chí nguyện phải thật kiên cố để giúp cho nghị lực, có chí nguyện ắt sẽ có nghị lực. Như thế mới vững chãi mà bơi trên đầu sóng dập

dồn được, nếu để sơ suất liền sẽ bị chìm, huynh đệ cần phải suy nghĩ cho kỹ!

Nơi cõi đời ác ngũ trược này, phát chí nguyện phải thật vững mạnh, nghị lực cũng phải kiên cường. Ở trong cái khó mà tu tập thì hạnh đức cao vời. Khó thì dễ hư nhưng thành tựu thì được công cao. Do đó, trong kinh Duy Ma Cật nói: “Bồ Tát ở nơi cõi đời này, có những công đức mà ở nơi cõi khác không có được.” Chính là nơi ý này vậy.

Huynh đệ biết khó thì phải cố gắng. Lập chí lập nguyện cố gắng vượt lên. Luôn luôn kiểm soát tâm ý của chúng ta lẫn cả về hành động và lời nói. Kiểm soát nếu thấy không đúng thì phải sửa lại cho đúng. Ai cũng đều có lỗi, nhưng có lỗi mà biết sửa đổi thì sẽ thành tốt.

Mong rằng chư huynh đệ đều nhất tâm tinh tấn tu hành!

---o0o---

Ngày Khánh Tuế 17/07 năm Giáp Thân (2004)

Sau ngày Tụ tứ, được tất cả huynh đệ xuất gia cũng như tại gia về đây thăm, nên tôi có vài lời nhắc nhở:

Ngày tháng trôi qua mau lắm, một năm không mấy chốc mà đã tới rồi. Già, bệnh, chết, mãi đeo theo con người, không chừa một ai hết. Cũng mong các huynh đệ, ai nấy đối với Pháp của Phật, không biết nhiều cũng biết ít, noi theo chỗ hiểu biết của chúng ta mà tinh tấn tu hành, luôn luôn nghĩ đến vô thường, sanh tử. Thân này không bền lâu, chúng ta phải cố gắng nương

theo thân người này để tu hành mà vượt qua biển sanh tử, lên đến bến bờ giải thoát. Nếu chưa được vậy thì cũng làm nhân duyên thù thắng cho những đời sau, đạo tâm kiên cố, căn lành tăng trưởng.

Thời gian qua thật mau, đừng để luống uổng, phải thường nghĩ vô thường. Nhớ lại thuở trước, chỗ chúng ta đang ngồi, đang quỳ ở đây, là nơi mấy em mấy cháu – bây giờ họ cũng sáu-bảy mươi tuổi rồi, đứng hái trái sim, huynh đệ đều biết vì chỗ này trước kia là rừng rú. Rồi chúng ta đã khai hoang, cất chùa. Thảm thoát những cây gỗ xây chùa ấy nay cũng đã mục. Từ đó biết rằng, thời gian trôi mau lắm, năm sáu chục năm thoáng chốc đã qua. Vì vậy nên nhớ lời Phật dạy, phải luôn nghĩ đến vô thường: thân này hôm nay còn đây, ngày mai không bảo đảm!

Pháp của Phật rất rõ ràng, chỉ xem ở nơi chúng ta có chịu làm hay không chịu làm đó thôi, nên phải cố gắng tinh tấn, giữ đạo tu hành. Cầu mong mấy huynh đệ căn lành mỗi ngày thêm lớn, công đức mỗi ngày mỗi tăng trưởng.

Từ nơi Giới hạnh được tịnh nghiêm mà tâm tĩnh lặng. Tâm được tĩnh lặng thì trần lao phiền não không chi phối được. Do được tĩnh lặng đó mà phát sanh ra Định. Và từ nơi Định mới sanh ra Huệ. Huệ này do có Định mới phát, chớ không phải do tạo tác mà thành. Nếu do tạo tác thì đó chỉ là phân biệt hơn thua, phải quấy, hay dở. Và đó chỉ là ở trong vòng sanh tử mà thôi. Huệ từ nơi Định sanh, Huệ đó mới là giác, là giải thoát. Người đời không biết quý trọng nơi sự giải thoát mà chỉ lo làm cho mạnh thêm cái phân biệt hay dở nên không quan tâm gì đến

Giới-Định-Huệ. *Tu pháp môn “Trì danh niệm Phật” cũng là cách để đạt được Định và Huệ.*

Khi thực hiện pháp Trì danh niệm Phật thì lòng tin phải cho sâu chắc; tâm nguyện phải thật thiết tha và công hạnh phải thật chuyên cần.

Khi niệm Phật, tâm và tiếng phải hiệp khấn nhau. Nghĩa là tâm phải duyên theo tiếng, tiếng phải ở trong tâm, đừng để nó xao lãng theo một tiếng gì khác, hễ nó rời ra thì phải kéo nó lại. Muốn được vậy, tiếng niệm phải cho rõ ràng, rành rẽ. Niệm như vậy phải chuyên cần, phải nhiều thời gian, phải đều đặn, phải tinh tấn lắm thì mới đắc lực. Khi niệm đã đắc lực thì tự nhiên trong tâm chúng ta nổi lên tiếng niệm Phật mà chúng ta không cần đề khởi, không cần nghĩ đến – nó vẫn tự niệm. Ban đầu thì lúc được lúc mất, được thì ít mà mất thì nhiều. Cố gắng thêm thì được nhiều mất ít, cho đến khi không còn gián đoạn nữa thì gọi là niệm lực tương tục. Như vậy mới đúng nghĩa “chấp trì danh hiệu”. Đó mới là cái nhân của Niệm Phật Tam Muội. Được vậy thì sự vãng sanh mới bảo đảm. Bởi được Thánh chúng vây quanh tiếp rước không phải là chuyện dễ dàng, nên tu hành phải tương ưng với đại nguyện của đức Phật A Di Đà thì mới có cảm ứng này được.

Người được gọi là “chấp trì danh hiệu”, nếu hạng lợi căn thì hoặc một ngày, chậm lắm là bảy ngày sẽ được Niệm Phật Tam Muội, thì thấy được đức Phật A Di Đà. Thấy được Phật A Di Đà thì thấy được mười phương chư Phật.

Pháp môn Trì danh niệm Phật là pháp môn dùng âm thanh làm phương tiện, nên dù niệm lớn hay nhỏ, hoặc niệm thầm cũng đều là âm thanh. Cho nên chỉ có khi nói chuyện mới không thực hành được. Vì vậy, Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh có dạy: “*Ít nói một câu chuyện, nhiều niệm một câu Phật...*” Vì thế ta phải buông bớt những duyên lãng xăng, để dành nhiều thời gian mà niệm Phật. Nếu lo lãng xăng tạp nhạp nhiều quá mà niệm Phật ít quá, sẽ không đủ lực để trấn áp vọng tưởng thì khó mà nhiếp tâm được.

Sư Ông năm nay đã tròn 90 tuổi rồi, không biết sẽ dừng lại ở số 0 hay 1, 2, 3... gì đây. Hôm nay nhân ngày đầu Xuân, Sư Ông có lời nhắc nhở tứ chúng, ai nấy đều nên Nhất Tâm Tịnh Tấn.

Đời người ngắn ngủi lắm, tất cả phải nên cố gắng Niệm Phật tu hành để thoát ra khỏi vòng sanh tử.

---o0o---

TỊNH ĐỘ NGHI LUẬN

Phần 1

*Trích trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh
Tây Trai Lão Nhơn Thiên Như đại sư biên soạn
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Thiên Tâm*

---o0o---

Hỏi: Việc vãng sanh chẳng biết có trái với lý Vô Sanh hay chẳng?

Đáp: Ngài Thiên Thai đã bảo: “Người trí sốt sáng cầu sanh Tịnh Độ, song hiểu rõ sanh thể vốn không. Đó chính là lý sanh mà vô sanh, và tâm tịnh cõi Phật thanh tịnh. Kẻ ngu bị cái sanh ràng buộc, nghe nói sanh hiểu là thật có sanh, nghe nói vô sanh lại nhận lầm rằng không sanh về đâu cả. Đâu biết sanh tức là vô sanh và vô sanh há lại ngại gì sanh ư?”

Trường Lô Thiên sư nói: “Cho sanh là thật có sanh, lạc vào lối chấp thường; cho vô sanh là không có sanh, lạc vào lối chấp đoạn. Sanh mà không sanh, không sanh mà sanh, mới chính thật Đệ Nhất Nghĩa Đế.”

Thiên Y Thiên Sư cũng bảo: “Sanh thì quyết định sanh, song về vẫn thật không về.”

Lý thuyết của ba Đại Sư trên, ý nghĩa rất rõ ràng; nay tôi xin đem hai chữ tánh, tướng để giải thích rộng thêm. Về phần tánh thì chân tâm màu lạng, thể nó vốn tự không sanh. Về phần tướng thì khi nhân duyên hòa hợp, trong chân tâm vẫn hiển hiện ra các tướng sanh diệt. Vì tánh hay hiện tướng, nên nói “vô sanh tức là sanh”. Vì tướng do tánh mà hiện, nên gọi “sanh tức là vô sanh”. Hiểu được nghĩa này thì sanh về Tịnh Độ tức là sanh trong thể duy tâm, sanh mà không sanh, lý đâu có trái!

---o0o---

Hỏi: Thuyết vắng sanh ý nghĩa đã rõ ràng. Song về việc đó, hàng học giả đời nay trong ngàn muôn người, mấy ai được thông hiểu? Vì thế họ đều nghi rằng miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi, lộ trình đã xa vợi, khi mạng chung làm sao

có thể đến nơi? Chẳng biết Đại Sư có phương sách gì để thuyết minh việc ấy chăng?

Đáp: Mọi nghi ấy thật đã vớ vẩn! Tôi đã nhiều lần nói ngoài tâm không độ, ngoài độ không tâm, mà ông còn chưa hiểu sao? Song việc ấy không chi khác, chỉ vì nhiều người đã nhận lầm rằng tâm mình thuộc vào phạm vi nhỏ hẹp ở trong sắc thân. Họ đâu ngờ đó chỉ là vọng thức, mà thật ra chân tâm của mỗi người rộng rãi vô biên, bao trùm sa giới, đầy khắp thái hư. Cho nên mười phương hư không vô tận vô cùng, hằng sa thế giới vô biên vô số, đều bị tâm lượng của ta bao trùm và đầy khắp tất cả. Xem thế thì biết mười muôn ức cõi chỉ ở trong tâm ta, kỳ thật rất gần, có chi là xa? Và khi mạng chung được vãng sanh, cũng chỉ sanh ở trong tâm ta, kỳ thật rất dễ, có chi là khó?

Thập Nghi Luận nói: “Mười muôn ức cõi là đối với tâm lượng của hạng nhục nhãn phàm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói đó thôi. Nếu đối với chúng sanh tịnh nghiệp thành tựu thì tâm ở trong định khi lâm chung chính là tâm thọ sanh về Tịnh Độ, vừa động niệm liền được vãng sanh.” Vì thế trong Quán Kinh nói: “Cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa.” Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, trong một niệm liền được sanh về cõi Phật, không cần phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở nơi giường mà tâm đi khắp các nơi xa lạ như lúc còn thức”. Sự sanh về Tịnh Độ đại dễ cũng như vậy.

Các kinh có chỗ nói trong khoảng khảy ngón tay liền được vãng sanh. Có chỗ nói khoảng co duỗi cánh tay, hoặc nói trong khoảnh khắc. Nên Tỳ Lỵ Luận đã bảo: “Trong khoảnh khắc liền vượt qua mười muôn ức cõi vì tự tâm vốn nhiệm

màu.” Những điềm thí dụ trên đại ý chỉ cho: vì sanh trong chân tâm rộng lớn của mình nên rất dễ và rất gần đó thôi.

Hãy gác qua việc chân tâm rộng, nay tôi chỉ căn cứ nơi tâm lượng phàm phu nhỏ hẹp của ông, lập ra một thí dụ cho dễ hiểu: Ví như từ đây sang xứ Tây Thiên Trúc, lộ trình trải qua nhiều nước và xa hơn mười muôn dặm. Có người tuy chưa đi đến Tây Thiên, nhưng nghe kẻ khác đã đi rồi trở về thuật lại rành rẽ, để ý ghi nhớ kỹ nơi lòng. Về sau người ấy trong khi ngồi nằm, bỗng động niệm nhớ lại việc trước, suy nghĩ trải qua ngàn dặm đến nước nào, muôn dặm đến nước nào, và kết cuộc đến xứ Thiên Trúc ra làm sao; liền thấy hiện ra cảnh giới của mỗi giai đoạn, lúc nghĩ tới đâu, như thấy mình thân hành đến ngay nước đó. Sự vãng sanh về Cực Lạc cũng không ngoài đạo lý ấy, trong khoảng khảy ngón tay hoặc trong một niệm liền đi đến, có chi là khó khăn ư? Nếu ông không tu Tịnh Độ mà muốn đến Cực Lạc, cố nhiên là khó; như Tịnh nghiệp của ông thành tựu thì sự đi đến rất dễ dàng. Chỉ cần quyết tâm là sẽ được mãn nguyện, Phật, Thánh không khi nào có lời nói dối đâu!

---o0o---

Hỏi: Trước đã nói: “Hàng phàm phu cũng được lên ngôi Bất Thoái.” Theo thiên ý, ngôi Bất Thoái là để cho hạng người không ác nghiệp. Nay những kẻ đối nghiệp vãng sanh mà cũng được bất thoái ư?

Đáp: Chỉ được vãng sanh là đều lên hàng bất thoái chuyên. Kinh nói: “Những kẻ sanh về, đều trụ nơi Chánh Định Tự.” Lại nói: “Ở cõi Cực Lạc, chúng sanh nào sanh về đó đều là bậc A

Bộ Bát Trí.” Thập Nghi Luận nói: Có năm nhân duyên khiến cho người vãng sanh không thối chuyển:

1. Do nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì.
2. Ánh sáng của Phật thường soi đến thân, nên lòng Bồ Đề của chư thiện nhân luôn luôn tăng tiến.
3. Chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc, thường phát ra tiếng pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã; hành giả nghe rồi sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.
4. Chúng sanh được sanh về Cực Lạc thì bạn lành, toàn là bậc Bồ Tát thượng thiện, tuyệt tất cả chướng nạn, ác duyên, lại không ngoại đạo, tà ma, nên tâm thường an tịnh.
5. Đã được sanh về cõi ấy, thì thọ lượng vô cùng, đồng với Phật và Bồ Tát, an nhiên tu tập trải qua vô biên A Tăng Kỳ kiếp.

Cổ đức cũng bảo: “Không nguyện sanh Tịnh Độ thì thôi, có thật nguyện tất đều được vãng sanh. Không sanh Tịnh Độ thì thôi, đã vãng sanh tất đều được bất thoái chuyển.”

---o0o---

Hỏi: Lời ngu giả đã thành lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể vớt lại kịp! Nghe qua mấy điều Đại Sư chỉ dạy, ai lại chẳng lạnh lòng! Hiềm vì nổi lòng người tuy dễ tinh tiến song cũng dễ thối lui, khi nghe lời khuyên nhắc thì đồng mãnh siêng năng, lúc gặp việc chi chướng ngại lại giải đãi thối lui ngã theo hướng khác. Phần đông đều bảo: kết quả của sự niệm Phật

có lẽ đợi sau khi chết rồi; còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mà không lợi ích chi thiết thật cả. Phải chăng đó cũng là duyên có thích đáng trong sự thối tâm biếng trễ của người tu?

Đáp: Chỗ thấy của ông chưa được rộng. Trong kinh nói: Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư thiên, đại lực thần tướng và hằng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ.
2. Thường được hai mươi lăm vị Đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo thủ hộ bên mình.
3. Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm; Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.
4. Tất cả ác quỷ như Dạ Xoa, La Sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.
5. Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạc tử.
6. Những nghiệp ác về trước lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng bị đương nhân giết, nhờ công đức niệm Phật đều được giải thoát, không còn theo báo phục.
7. Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành hay thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà.

8. Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.
9. Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.
10. Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh Chúng tay bung đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm mầu.

Mười điều lợi ích như trên chính do kim khẩu Phật nói ra, mà kinh văn đã ghi chép lại. Niệm Phật đã có lợi ích trong hiện tại và tương lai như vậy thì đó chính là pháp khải yếu trong các môn thế và xuất thế gian. Cho nên người tu chỉ gắng tinh tấn, đừng mang tâm niệm hoài nghi.

--o0o--

Hỏi: Về môn niệm Phật, nhờ ơn nhiều phen chỉ dạy, nên các mối nghi đã tiêu tan, và lòng chánh tín cũng đã khai phát. Nhưng trước đã nói: “Gác qua thế sự, rũ sạch thân tâm,” mà người đời hoàn cảnh đều khác nhau; kẻ được rảnh rỗi thuận duyên thì có thể tuân hành, người bị trăm việc buộc ràng phải làm sao để tu tập?

Đáp: Nếu người tu biết thông cảm cảnh vô thường và thiết tha vì sự giải thoát, thì dù gặp duyên thuận, nghịch, khổ, vui, động, tịnh, gấp, hưỡn, hoặc khi tiếp tân đãi khách, lo việc công tư, đối xử muôn duyên, ứng thù tám mặt, cũng không ngại gì đến sự niệm Phật. Cổ nhơn đã bảo:

*“Non cao khó đón đường mây bạc.
Trúc rậm khôn ngăn ngọn suối trong!”*

Lại nói:

*“Mai lại A Di Đà.
Chiều cũng A Di Đà.
Dù gấp như tên bắn.
Không rời A Di Đà.”*

Cho nên muôn cảnh vẫn nhàn, tự mình náo động, nếu người thiết thật cầu về Cực Lạc và biết cách dụng tâm thì không có duyên nào làm trở ngại được sự tu niệm cả.

Tuy nhiên, những kẻ năng lực kém yếu, việc đời bận nhiều, phải nên trong gấp cố tìm chút thời giờ rảnh, trong động gắng giữ niệm lắng yên, rồi tùy sức niệm Phật hoặc nhiều hoặc ít. Mỗi ngày nên định khóa hoặc ba muôn hay một muôn câu, ba ngàn hay một ngàn câu, và giữ mực thường hằng, đừng cho gián đoạn. Nếu vị nào duyên sự quá nhiều, ít có giây phút rảnh, thì mỗi buổi sớm mai tu theo pháp Thập Niệm Hồi Hướng, cứ giữ như thế suốt đời, cũng được nhờ ơn tiếp dẫn. Người có thì giờ hay phương tiện, ngoài thời niệm Phật, hoặc trì chú tụng kinh, hoặc sám hối bố thí, tùy phần tùy lực mà tu các phước lành, dù có mảy may công đức, cũng đem hồi hướng Tây Phương. Dụng công như thế, chẳng những quyết định được vãng sanh mà cũng sẽ tăng cao thêm phẩm vị.

Hỏi: Từ trước đến nay, kẻ hậu tiên này chỉ nghe nói nhiều về niệm Phật mà chưa hiểu rõ phương châm và pháp Thập Niệm Hồi Hướng là thế nào, riêng lòng cũng chưa được tường tận. Xin nhờ Đại Sư chỉ thị?

Đáp: Niệm Phật là duyên tướng theo ba mươi hai tướng, buộc tâm vào định, làm sao cho khi mở mắt hay nhắm mắt thường được thấy Phật. Hoặc phương pháp nữa là chuyên xưng danh hiệu, chấp trì không tán loạn, cứ bền giữ như thế, trong đời này cũng được thấy Phật. Hiện nay, tôi thấy phần đông người tu Tịnh Độ đều lấy pháp Trì Danh làm thắng. Pháp Trì Danh cần phải lắng lòng không cho tán loạn, mỗi niệm nối tiếp nhau, buộc tâm nơi hiệu Phật. Khi miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tâm phải soi theo mỗi câu mỗi chữ cho rành rẽ rõ ràng. Khi xưng danh hiệu Phật, không luận ít hay nhiều, đều phải một lòng một ý tâm tâm nối nhau. Niệm như thế, mới có thể mỗi câu diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Nếu chẳng vậy thì tội chướng khó tiêu trừ.

* Còn về **pháp Thập Niệm**, thì mỗi buổi sớm mai hành giả phải quỳ trước bàn Phật, hoặc chấp tay đứng ngay thẳng hướng mặt về phương Tây, niệm Phật liên tiếp, luôn một hơi, cứ mỗi hơi kể một niệm, mười hơi là mười niệm. Khi niệm không hạn số câu ít hay nhiều, chỉ tùy theo hơi dài ngắn, chuyên chú niệm luôn cho hết hơi mới thôi. Nên giữ tiếng niệm Phật cho rành rẽ, không thấp không cao, không gấp không hưỡn, niệm mười hơi liên tiếp, chớ để tâm ý tán loạn. Đây là pháp mượn hơi nhiếp tâm, quý ở nơi chuyên nhứt và phải giữ như thế trọn đời, **không được một ngày tạm bỏ**.

* Về phần hồi hướng là sau khi niệm xong, dùng tâm chí thành nguyện rằng: “Con là (pháp danh) phát lòng Bồ Đề, một lòng quy mạng Đức A Di Đà, nguyện về Cực Lạc. Xưa Phật lập thế: “Nếu chúng sanh nào muốn về nước ta, hết lòng xưng danh cho đến mười niệm, như không được sanh, ta không thành Phật.” Nay con nguyện nương nhờ từ lực của Phật, tội diệt phước sanh. Con nguyện lâm chung, biết ngày giờ trước, dứt trừ chướng ngại, Phật cùng Thánh Chúng tiếp dẫn vãng sanh, mau ngộ Phật Thừa, độ khắp muôn loại.”

Môn Thập Niệm Hồi Hướng trên đây là phương pháp rất thiết yếu của tiên đức đã chỉ dạy. Môn này rất được thanh truyền và có lợi ích cho đời, người niệm Phật phải nên tuân hành.

Phần 2

Trích trong Tịnh Độ Thập Nghi Luận - Trí Giả Đại Sư

Việt dịch: Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

---o0o---

Hỏi: Chúng sanh từ vô thủy đến giờ tạo vô lượng tội; đời nay lúc bé đến già, do không gặp thiện tri thức, lại gây thêm nhiều nghiệp ác. Như thế làm sao lại bảo: “Khi lâm chung mười niệm thành tựu liền được vãng sanh?” Và cái lý “vượt qua kiết nghiệp ba cõi” làm sao giải thích cho thông?

Đáp: Những nghiệp chủng lành dữ của chúng sanh từ kiếp vô thủy đến nay, hoặc ít hoặc nhiều, hoặc yếu hoặc mạnh thật ra vẫn

khó biết. Nhưng nếu người nào khi lâm chung gặp thiện tri thức và thành tựu mười niệm, tất kẻ ấy đã có túc thiện nghiệp. Nếu chẳng thế thì thiện tri thức còn không được gặp, huống chi là thành tựu mười niệm? Như ông cho rằng ác nghiệp từ vô thủy là nặng, mười niệm khi lâm chung là nhẹ; tôi xin đem ba đạo lý để giải thích sự vãng sanh ấy không thuộc về trường hợp khinh trọng, không phải tại công hạnh nhiều ít hay thời gian lâu mau. Ba đạo ấy là: Do bởi tâm, do bởi duyên, và do bởi quyết định.

Do bởi tâm, là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi vọng niệm điên đảo mà sanh, còn lúc niệm Phật lại từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thật của Phật A Di Đà mà khởi; một bên hư một bên thật đâu thể sánh nhau! Ví như một gian thạch thất đóng kín để tối muôn năm, nếu được người mở ra cho ánh sáng mặt trời soi vào, sự tối ấy liền mất; đâu phải vì do tối tăm đã lâu mà không được sáng ư? Người tạo ra tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm được vãng sanh cũng lại như vậy.

Do bởi duyên, là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi vọng niệm tối tăm điên đảo, duyên theo cảnh giới hư huyền mà sanh; lúc niệm Phật lại từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thật thanh tịnh của Phật Di Đà duyên theo Bồ Đề tâm mà khởi. Như thế, một bên chân một bên ngụy, đâu thể sánh nhau! Ví như có người bị trúng tên độc, tên ghim sâu sức độc mạnh, xương thịt nhiễm trọng thương, nếu được nghe được tiếng trống thần dược, thì tên tự bắn ra, độc tiêu tan hết; đâu phải vì do tên sâu độc nặng, mà không được an lành ư? Người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm mà được vãng sanh cũng lại như vậy.

Do bởi quyết định, là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi gián tâm hoặc hậu tâm; lúc lâm chung niệm Phật lại không có hai tâm đó, mà từ nơi một niệm mãnh liệt trì danh rồi xả mạng, nên được siêu thoát. Ví như sợi dây cực to, cả ngàn người bứt không đứt, nếu có đứa bé cầm gươm Thái A mà chém, dây liền đứt đoạn. Lại như đồng củi rất lớn chứa góp từ cả ngàn năm, nếu có người dùng một đóm lửa mà đốt, củi liền cháy hết. Và như có người trọn đời tu mười nghiệp lành ung được sanh về cõi trời, nhưng khi lâm chung kẻ ấy khởi một niệm tà kiến mạnh mẽ, liền vị đọa vào A Tỳ địa ngục. Nghiệp ác vẫn hư vọng, mà do bởi tâm niệm quyết liệt, còn có thể lấn lướt nghiệp lành một đời, khiến cho chúng sanh bị đọa vào ác đạo; huống chi sự niệm Phật là nghiệp lành chân thật, có người khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt trì danh, lại không thể lấn áp ác nghiệp từ vô thi ư? Cho nên người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt thành tựu mười niệm mà không được vãng sanh, quyết không có lý đó!

Kinh nói: ***“Chỉ tâm niệm một câu A Di Đà, sẽ tiêu diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp.”*** Sỡ dĩ có sự kiện đó, vì hành giả niệm Phật dùng tâm mãnh liệt nên mới phục diệt được ác nghiệp; nếu khi lâm chung dùng tâm ấy niệm Phật, quyết định sẽ vãng sanh, không còn nghi ngờ chi nữa! Cổ truyền phán định mười niệm khi lâm chung hoàn toàn thuộc về biệt thời ý (ý nói tức nhân). Lý ấy không đúng. Tại sao thế?

Vì trong Nhiếp Luận nói: “Nếu chỉ là biệt thời, thì duy phát nguyện, toàn không có hạnh.”

Tập Tập Luận nói: “Nếu nguyện vãng sanh về Cực Lạc liền được vãng sanh, nếu nghe danh hiệu Phật Vô Cấu liền chứng được quả Vô Thượng chánh giác, đó mới là biệt thời nhân.” Riêng về người khi lâm chung thành tựu mười niệm, là do duyên lành nên được gặp thiện tri thức dạy bảo, lại cũng do tự mình chí tâm thật hành pháp niệm Phật, mới có kết quả; nếu chỉ định cho hoàn toàn thuộc về túc nhân, thật đã sai lầm! Nguyện các hành giả nghĩ sâu lý này tự sanh lòng kiên cố đừng tin theo dị kiến ma để lạc lối mê.

---o0o---

Hỏi: Thế giới Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật, hạng phàm phu yếu kém làm sao có thể đi đến? Lại, trong luận Vãng Sanh nói: “Người nữ, kẻ căn thiếu. Nhị thừa chúng không sanh.” Đã có lời ấy thì người nữ và kẻ sáu căn không toàn vẹn chắc là không được vãng sanh?

Đáp: Thế giới Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật, là đối với tâm lượng của hạng nhục nhĩ phàm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói vậy thôi. Nếu đối với chúng sanh tinh nghiệp thành tựu, thì tâm ở trong định khi lâm chung, chính là tâm thọ sanh về Tịnh Độ, vừa động niệm liền được vãng sanh. Vì thế trong Quán Kinh nói: “Cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa!” Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, trong một niệm liền được sanh về cõi Phật, không cần phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở nơi giường, mà tâm đi khắp các nơi xa lạ như lúc còn thức. Sự sanh về Tịnh Độ đại để cũng như vậy.

Còn câu: “Người nữ, kẻ căn thiếu. Nhị thừa chúng không sanh” là ý nói người nữ khi sanh về Cực Lạc sẽ chuyển thành nam, kẻ căn thiếu lúc về đó các căn sẽ đầy đủ, và tất cả đều được ba mươi hai tướng tốt; chớ không phải bảo người nữ cùng kẻ căn thiếu, không được vãng sanh. Nếu quả như thế thì bà Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ đâu được Phật thọ ký cho sanh về Cực Lạc? Thế nên, người nữ cùng kẻ đui điếc câm ngọng ở cõi này, nếu niệm Phật A Di Đà, tất đều được vãng sanh. Đền như hàng nhị thừa nếu chịu hưởng về Đại Thừa, tin môn Tịnh Độ, nguyện về Cực Lạc, niệm Phật A Di Đà, quyết định đều được vãng sanh, và khi đã về cõi ấy không còn chấp theo tâm lượng hẹp hòi của nhị thừa nữa.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Pháp Tạng Tỳ Kheo, tiền thân của Phật A Di Đà, đã phát nguyện rằng: “Khi con thành Phật, nếu có chúng sanh ở mười phương thế giới, sanh về cõi con, thân tướng thuần sắc vàng ròng, đủ ba mươi hai tướng tốt, đủ tướng đại trượng phu. Đoan nghiêm, chánh trực, thanh tịnh, tinh khiết, tất cả đồng một dung nhan. Nếu có xấu đẹp, hình thể sai biệt, thì không thành Chánh Giác.” Và “Khi con thành Phật, nước con không có người nữ. Nếu có nữ nhân nào, nghe danh hiệu con, thanh tịnh tin tưởng, phát Bồ Đề tâm, nhằm chán nữ thân, nguyện sanh Cực Lạc. Đến khi mạng chung, liền thành nam tử, sanh về nước con. Nếu không được như vậy, thì không thành Chánh Giác”

Tóm lại, hai câu trên luận ở cõi Cực Lạc không có người nữ, kẻ căn thiếu, cùng hạng chúng tử nhị thừa mà thôi.

Hỏi: Nay tôi quyết định cầu sanh Tây Phương, nhưng chưa biết phải làm những nghiệp gì, và lấy chi làm chủng tử để được sanh về Cực Lạc? Lại hạng phàm phu ở thế tục đều có gia đình, chưa biết không đoạn dâm dục có được sanh về cõi kia chăng?

Đáp: Muốn quyết định được sanh về Tây Phương phải có đủ hai hạnh: yếm ly và hân nguyện.

Nói yếm ly, là hạng phàm phu từ vô thi đến nay bị ngũ dục buộc ràng nên luân hồi trong sáu đạo, chịu không biết bao nhiêu nỗi khổ! Trong vòng lẩn quẩn ấy, nếu không chán lìa ngũ dục thì làm sao có thể thoát ly? Cho nên người tu Tịnh Độ phải thường xét thân này là một khối thịt xương máu mủ, chứa đựng đăm dãi, đại tiểu tiện và các thứ như nhớp hôi tanh.

Kinh Niết Bàn nói: “Vòng thành thân kiến như thế, duy loài La Sát ngu si mới chịu ở trong đó; nếu người có trí ai lại đắm nhiễm thân này!” Lại trong Kinh cũng nói: “Thân này là nơi tập hợp của các thứ khổ, là cảnh tù ngục, là một khối ung sanh tất cả đều bất tịnh. Nên xét cho cùng, nó không có nghĩa lý lợi ích chi khi ta chấp lấy nó, dù là thân của chư thiên.” Vì thế, hành giả ở trong các oai nghi hoặc khi nằm nghỉ, lúc thức giấc, nên thường quán sát thân này chỉ có khổ không chi vui, mà thâm tâm sanh niệm chán lìa. Như thế, dù cho không dứt liền được việc nam nữ, cũng có thể lần lần khởi tâm nhàm chán.

Lại hành giả cũng cần nên quán bảy pháp bất tịnh. Bảy pháp ấy là:

- **Chủng tử bất tịnh:** Thân này do nơi nghiệp dâm dục, từ hạt giống tham ái mà sanh.
- **Thọ sanh bất tịnh:** Mầm sanh khởi của bản thân lại do một điểm tinh huyết cha mẹ hòa hợp trong khi gần gũi.
- **Trụ xứ bất tịnh:** Thai thân ở trong tử cung như nhóp, nằm dưới ruột non, trên là ruột già.
- **Thực đạm bất tịnh:** Khi còn ở trong thai, huyền thân lại thọ dụng huyết phần của người mẹ.
- **Sơ sanh bất tịnh:** Khi đã đủ tháng ngày, thai thân đầu hướng về sản môn, ra khỏi mình người mẹ cùng một lúc với máu mủ, sự hôi như đầy đầy.
- **Cử thể bất tịnh:** Trong lớp da ngoài che đậy, thân này là tất cả sự hôi như của các chất: thịt, xương máu, đờm đại tiểu.
- **Cứu cánh bất tịnh:** Đến khi chết rồi, thân này là một đồng thịt sinh thối rã rời, mặc cho vùi tủa bỏ lan hoặc quạ điều tha mỗ.

Thân của mình đã thế, thân người khác cũng như vậy. Nếu thường quán sát bảy điều ấy, đối với các thân nam nữ mà người đời cho rằng xinh đẹp, cũng sanh niệm yếm ly và lữ ái dục cũng lần lần tiêu giảm. Như thật hành được môn cứu tướng quán, càng thêm tốt:

- Tướng thân mới chết.
- Tướng thân chết đổi sắc bầm xanh tím.
- Tướng thân chết sinh lên đầy đầy máu mủ và sắp rã.
- Tướng thân sinh bấy nức rã, nước hôi chảy ra.
- Tướng thân sinh rã, vùi tủa bỏ lúc nhúc.

- Tường thân sinh thịt tiêu hết chỉ còn gân và xương.
- Tường gân cũng tiêu hoại chỉ còn xương nằm ngổn ngang.
- Tường thân bị thiêu chỉ còn bộ xương co rút, hay thân rã chỉ còn những khúc xương thối.
- Tường nắng chan mưa gội, xương hóa thành khô trắng.

Lại nên phát nguyện cầu cho mình vĩnh viễn thoát ly thân nam nữ mê nhiễm, tạp thực, không sạch của ba cõi, mà được thân pháp tánh Tịnh Độ. Trên đây là đại lược về yểm ly môn.

Phần 3

Trích trong KHAI THỊ VỀ PHẬT HỌC Hòa Thượng Tịnh Không

---000---

Hỏi: Đại chúng trong xã hội thường hiểu lầm và hoài nghi việc niệm Phật cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Đáp: Người niệm Phật đương nhiên không hoài nghi đối với những gì Phật đã nói. Phật dạy người không vọng ngữ, vọng ngữ là đại giới của nhà Phật thì Phật làm gì vọng ngữ. Phật nói thế giới Tây Phương Cực Lạc nhất định là chân thật. Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển cũng phát hiện ra vô lượng tinh cầu trong thái hư không. Hiện nay cũng thường nghe nói đến người ngoài hành tinh, người ngoài thái không, sự việc này càng ngày càng nhiều. Địa cầu của chúng ta có người ở, lẽ nào tinh cầu khác không có người ở.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc chẳng phải là một tinh cầu khác hay sao, đều là việc rất có thể. Đây là chúng ta dùng khoa học cạn cợt nhất để trải nghiệm, nó nhất định không phải giả. Nếu dùng khoa học kỹ thuật cao hơn để nói sẽ làm chúng ta càng dễ dàng lý giải.

Khoa học gia chứng minh không gian là đa duy thứ, chúng ta gọi không gian ba chiều, bốn chiều. Chúng ta hiện đang ở trong không gian ba chiều, người ở trong không gian bốn chiều được xem như thần tiên. Khoa học gia chứng thực chỉ ít có đến mười một chiều không gian, cách nói này rất thú vị, rất giống trong Phật pháp nói về mười pháp giới. Do đây mà biết, nhà Phật nói mười pháp giới thực tế chính là không gian duy thứ không đồng nhau. Duy thứ càng cao, hoàn cảnh sinh hoạt của cảnh giới đó càng thù thắng, không gian sinh hoạt của họ càng rộng lớn. Đến duy thứ cao nhất, cứu cánh viên mãn thì không gian hoạt động của họ là tận hư không khắp pháp giới, khoa học gia cũng phát hiện ra.

Vì sao hình thành vấn đề này, họ tuyệt nhiên không biết; làm thế nào đột phá, họ cũng không biết. Nhưng kinh Phật lại nói rất thấu triệt, mười pháp giới hình thành do vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vậy làm thế nào để đột phá? Dùng công phu thiền định, đem không gian trùng trùng vô hạn độ này đột phá, sau đó bạn mới thấy được chân tướng của vũ trụ nhân sanh, đó gọi là pháp giới nhất chân, tương ứng với khoa học gia đã phát hiện.

Hỏi: Trong pháp môn Tịnh Độ, lại có người hỏi rằng: “Đại đức xưa đã nói ‘sinh thì nhất định sinh, đi thì thật không đi’, vậy rốt cuộc có vãng sanh hay không”?

Đáp: Sinh thì nhất định sinh, đi thì thật không đi, vì sao thật không đi? Bạn tuyệt nhiên không hề rời khỏi pháp giới này.

Chúng ta có thể dùng TV làm thí dụ, màn hình TV chỉ lớn như vậy, qua màn hình, bên này là Đài Loan, bên kia là nước Mỹ, bạn thấy một người mang hành lý lên máy bay để đến nước Mỹ. Khi cảnh giới nước Mỹ hiện ra trước mắt, nhất định anh ta đã đến nước Mỹ rồi, nhưng anh ta không hề rời khỏi màn hình. Cũng vậy, kênh truyền hình hiện tại của chúng ta là thế giới Ta Bà, khi vừa chuyển kênh liền đến cõi nước Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc, nhưng thực ra vẫn ở bình diện này, vẫn trong pháp giới này. Cho nên từ nhất chân pháp giới mà nói, không có đến đi. Từ vãng sanh mà nói, chuyển đổi kênh truyền hình là thật, mười pháp giới là mười kênh truyền hình không giống nhau. Tuy kênh truyền hình không giống nhau, nhưng đều trong pháp giới này, cũng đều đang ở trong một màn hình, không hề rời khỏi. Bạn từ thí dụ này mà thể hội, đối với chân tướng sự thật ít nhiều có thể lý giải đôi chút, sau đó mới biết mình có muốn vãng sanh Tịnh Độ hay không. Chỉ có sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta mới có thể đột phá được thời không duy thứ vô hạn. Việc này khoa học gia mãi đến hôm nay vẫn không cách gì đột phá. Họ biết nếu có thể tiến vào không gian bốn chiều, năm chiều, liền có thể trở về quá khứ hay tiến vào vị lai. Vậy thì Dục giới thiên, Sắc giới thiên, Vô Sắc giới thiên, duy thứ của họ không giống với duy thứ chúng ta. Ở trong cảnh giới đó, họ biết được quá khứ cũng biết được

vị lai. Họ có thể hóa thân ở đời quá khứ cũng có thể ứng thân đến đời vị lai, thật được đại tự tại. Cho nên trùng trùng cảnh giới mà kinh Phật nói, dần dần được khoa học hiện đại chứng thực.

Tuy nhiên khoa học không biết được lẽ đương nhiên của nó, cũng không biết dùng phương pháp gì có thể đột phá, có thể tiến vào cảnh giới này. Chỉ có Phật pháp cao minh, hiểu rõ lẽ đương nhiên, cũng biết dùng phương pháp gì để đột phá, chúng ta nhờ đó liền khẳng định đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vậy vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc có tiêu cực không? Không tiêu cực. Bạn nói nó tiêu cực, nó trốn tránh hiện thực, là hoàn toàn sai lầm, đây là thiên kiến.

Phật đặc biệt nói rõ kinh *Vô Lượng Thọ* không phải kinh tiểu thừa mà là kinh đại thừa. Không những đại thừa mà đại thừa ngay trong Đại Thừa, nhất thừa ngay trong nhất thừa, là kinh điển cứu cánh liễu nghĩa, nên mới được tất cả mười phương chư Phật tán thán, tất cả chư Phật tuyên dương, đây là chân tướng sự thật, làm gì trốn tránh hiện thực.

Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc không phải đi hưởng thụ, nếu bạn vẫn còn ý niệm hưởng lạc thì cái vọng tưởng này khiến bạn không thể đi. Điều kiện đi thế giới Tây Phương là “*Tâm tịnh thời cõi nước tịnh*”. Niệm Phật là phương pháp cần phải đạt đến tiêu chuẩn nhất định mới có thể vãng sanh. Tiêu chuẩn là tâm thanh tịnh, dùng phương pháp niệm Phật tu tâm thanh tịnh mới có năng lực và tư cách vãng sanh Tịnh Độ. Tâm không thanh tịnh, vọng tưởng phân biệt chấp trước vẫn tồn tại,

thì mỗi ngày bạn niệm mười vạn Phật hiệu cũng không ích gì, người xưa nói “đau mồm rất họng chỉ uống công”.

Cũng giống như người đọc sách, học tập rất dụng công, báng mạng mà học, khi thi thì không đạt tiêu chuẩn, vậy thì có ích gì? Cho nên phải chú trọng hiệu quả thực tế. Tiêu chuẩn kinh Di Đà là “Nhất tâm bất loạn,” chúng ta dùng phương pháp “*Chấp trì danh hiệu*,” để đạt đến nhất tâm bất loạn.

Sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là để cầu học, đến nơi đó để hoàn thành học vị, để làm Phật, đồng nghĩa thành tựu trí tuệ cứu cánh viên mãn, học đến bản lĩnh đầy người, không gì không biết, không gì không thể. Sau đó bạn mới có thể ở hư không khắp pháp giới, giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn, gọi là Phật độ chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Đây là giá trị chân thật, nhất định phải niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Lời nói này tuyệt đối không gạt người, là lời tâm huyết của tất cả chư Phật hết mực chân thành khẩn thiết khuyên dạy chúng ta. Phật không có yêu cầu gì, không cần chúng ta phải cung kính họ, cũng không cần chúng ta cúng dường. Phật vô điều kiện, phàm hề giả dối lừa gạt người là do luôn có mục đích, luôn có ý đồ; Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh không có bất cứ ý đồ gì, cũng không có bất cứ điều kiện gì, mỗi lời dạy đều là lời chân thật.

Phần 4

Trích trong An Lạc Tập

Sa môn Thích Đạo Xước soạn

Chứng nghĩa: Hòa Thượng Thích Đồng Minh

Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa

---o0o---

Hỏi: Trong Tịnh Độ chỉ có sự vui nên rất có thể sẽ ham đắm sự vui đến nỗi bỏ phế việc tu đạo, vậy cần gì phải nguyện vãng sanh?

Đáp: Đã nói là Tịnh Độ thì sẽ chẳng có các uế; nếu bảo là ham đắm sự vui thì chính là tham ái, phiền não, sao còn gọi là Tịnh được nữa? Vì thế Đại kinh dạy: “Trời, người cõi ấy dù đến hay đi, dù tiến hay ngừng, lòng họ không còn ràng buộc”. Trong bốn mươi tám nguyện, cũng có lời nguyện: “Mười phương trời, người đến trong cõi ta nếu ai khởi ý tưởng tham chấp lấy thân thì chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Lại như Đại kinh dạy: “Trời, người cõi ấy không có ưa ghét” thì lẽ nào còn ham đắm sự vui?

---o0o---

Hỏi: Nguyện sanh trong mười phương Tịnh Độ chẳng nguyện sanh về Tây Phương, nghĩa ấy ra sao?

Đáp: Ý ấy có ba điều chẳng đúng. Đó là gì?

a. Một là mười phương cõi Phật không có cõi nào là chẳng tịnh; nhưng nếu cảnh rộng thì tâm bị mê muội, còn cảnh hẹp thì ý [dễ] chuyên chú. Vì thế, mười phương đều nguyện vãng sanh Cực Lạc. Kinh chép: ‘Phổ Quảng Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Mười phương cõi Phật đều nghiêm tịnh, vì sao trong các kinh lại riêng khen ngợi cõi Phật A Di Đà ở phương Tây, khuyên nên vãng sanh?

Phật bảo Phổ Quang Bồ Tát:

- Hết thấy chúng sanh trước loạn thì nhiều, chánh niệm thì ít. Phật muốn cho chúng sanh có chỗ chuyên chí nên đặc biệt khen ngợi cõi kia. Nếu có thể dựa vào bốn nguyện của Phật để tu hành thì không ai là không được lợi ích.”

b. Hai là tuy mười phương Tịnh Độ đều tịnh, nhưng sâu cạn khó biết nổi; tịnh quốc của Phật A Di Đà chính là sơ môn Tịnh Độ.

Vì sao biết thế? – Theo như kinh Hoa Nghiêm dạy: “Một kiếp trong thế giới Sa Bà là một ngày một đêm nơi Cực Lạc. Một kiếp trong cõi Cực Lạc là một ngày một đêm nơi thế giới Ca Sa Tràng”. Những tướng hơn kém như thế có đến cả mười a-tăng-kỳ nên ta biết là [cõi Cực Lạc] mới chỉ là sơ môn Tịnh Độ. Bởi vậy chư Phật mới đặc biệt khuyên nên vãng sanh Cực Lạc. Các cõi Phật phương khác chẳng được rành rành như vậy cho nên phần nhiều những ai có lòng tin đều nguyện vãng sanh Cực Lạc.

c. Ba là cõi tịnh của Phật Di Đà chính là cửa ngõ đầu tiên để bước vào Tịnh Độ; thế giới Sa Bà chính là chốn tận cùng của uế độ.

Vì sao biết vậy? – Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Ở về phía Đông Bắc cõi này có một thế giới tên là Tu-Ha, đất đai chỉ có đá, cát hình tam giác. Một năm mưa ba lượt, mỗi lần mưa thấm ướt đất không sâu hơn năm tấc. Chúng sanh cõi ấy chỉ ăn trái cây, dùng vỏ cây làm áo, cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng xong. Lại có một thế giới, hết thầy hổ, sói, cầm thú cho đến rắn rết thầy đều có cánh bay lượn, hễ gặp nhau liền ăn nuốt chẳng cần phân biệt thiện ác”. Chốn ấy há chẳng gọi là chỗ bắt đầu của uế độ hay sao? [Xét đến] y báo của thế giới Sa Bà đây và [do chúng sanh] cùng ở chung lẫn với hiền thánh nên chỉ có cõi này là chỗ cuối cùng của uế độ. Do thế giới An Lạc là cửa ngõ đầu tiên của Tịnh Độ nên phải tiếp giáp với cảnh giới cõi này; vãng sanh rất tiện sao lại chẳng sanh về?

Hỏi: Tuy nói là từ vô thủy kiếp đến nay, luân hồi sáu nẻo không bờ bến, nhưng chẳng biết là trong một kiếp sẽ thọ mấy thân mà nói là lưu chuyển?

Đáp: Như kinh Niết Bàn nói: “Lấy cỏ cây trong khắp tam thiên đại thiên thế giới cắt thành từng cái thẻ dài bốn tấc để đếm số đầu cha mẹ thọ thân trong một kiếp còn chẳng đếm hết nổi”. Hoặc nói: “Trong một kiếp uống sữa mẹ còn nhiều hơn nước bốn đại hải”. Hoặc nói: “Xương từ nơi các thân trong một kiếp chất đống như núi Tỳ Phú La”. Như thế, từ bao kiếp xa xưa đến nay chúng ta chịu đựng sanh tử, cho đến giờ đây vẫn còn là thân phàm phu, có bao giờ tự nghĩ ngợi than thở thương cảm hay chẳng?

Hỏi: Đã bảo là bọn chúng sanh bị lưu chuyển nhiều kiếp, nhưng trong tam giới họ thọ thân trong đường nào nhiều nhất?

Đáp: Tuy nói là lưu chuyển, nhưng phần nhiều thọ thân trong tam ác đạo như kinh có dạy: “Ở trong hư không, đo lấy một khoảng rộng chừng tám châu⁵ tính từ mặt đất lên tới trời Sắc Cứu Cánh. Trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả chúng sanh mà ta thấy được phần nhiều là thân trời hay thân người chỉ có trong khoảng ấy”. Do đó, ta biết là thọ thân trong ác đạo thật nhiều. Vì sao như vậy? Chỉ vì pháp ác dễ khởi, tâm lành khó sanh. Hiện giờ đây chỉ thấy chúng sanh trong hiện tại nếu được phú quý thì lại chỉ lo phóng dật, phá giới; trong cõi trời kẻ ham vui cũng nhiều. Vì vậy, kinh nói: “Chúng sanh lưu chuyển luôn lấy ba ác đạo làm nhà thường ở; còn đường trời, người chỉ tạm đến rồi đi như là nhà trọ vậy”.

---o0o---

Hỏi: Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, từ bao kiếp đến nay lẽ ra nên gặp được nhiều đức Phật, do nhân gì mà mãi đến nay cứ tự luân hồi sanh tử, chẳng thoát khỏi nhà lửa?

Đáp: Xét theo Đại Thừa thánh giáo thì chẳng qua là vì chẳng có được hai thứ thắng pháp để đánh tan sanh tử nên không ra khỏi nhà lửa được.

⁵ **Châu:** đơn vị đo lường thời cổ, thường được dịch là một khuy tay.

Những gì là hai? – một là thánh đạo; hai là vãng sanh Tịnh Độ.

Hiện thời khó chứng nổi thánh đạo ấy, một là do xa cách đức Phật đã lâu; hai là vì Lý sâu nên chỉ hiểu được chút ít. Vì thế kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: “Ta thấy trong đời mạt pháp, ức ức chúng sanh khởi hạnh tu đạo nhưng chưa có một kẻ nào chứng đắc”. Nay là thời mạt pháp, hiện đang là đời ác năm trước nên chỉ có một môn Tịnh Độ mới là con đường thông suốt.

Vì vậy, trong kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nếu có chúng sanh dù chỉ suốt đời tạo ác, lúc mạng sắp dứt, mười niệm liên tục xưng danh hiệu ta mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Hơn nữa, chúng sanh đều chẳng biết tự lượng sức: Xét theo Đại Thừa, họ chưa từng chú tâm đến Chân Như Thật Tướng, Đệ Nhất Nghĩa Không; còn nếu xét theo Tiểu Thừa thì từ việc chứng nhập, lãnh hội Thánh Đệ, tu đạo, cho đến [chứng quả] A Na Hàm, A La Hán, đoạn ngũ hạ, trừ ngũ thượng, chẳng luận là đạo hay tục, họ tuyệt nhiên chẳng có phần. Ví dầu có hưởng được quả báo trời, người thì cũng đều là do Ngũ Giới, Thập Thiện chiêu cảm những quả báo ấy; nhưng kẻ giữ được đã rất hiếm. Còn như bàn đến chuyện khởi ác, tạo tội thì có khác gì gió lốc mưa cuồng! Vì vậy, chư Phật đại từ bi khuyến nên quy hướng Tịnh Độ. Dầu cho suốt đời tạo ác, chỉ cần dốc lòng chuyên tinh thường hay niệm Phật thì hết thấy các chương tự nhiên tiêu trừ, quyết được vãng sanh. Sao chẳng xét nghĩ, không bận tâm gì cả vậy?

Hỏi: Vì sao cần phải ngồi quay mặt về Tây để lễ niệm, quán tưởng?

Đáp: Là vì người Diêm Phù Đề cho rằng chỗ mặt trời mọc là sanh, chỗ mặt trời lặn là tử; vì mượn tướng tử địa [là nơi] thần minh tiến nhập để làm phương tiện phụ trợ nên Pháp Tạng Bồ Tát nguyện thành Phật ở phương Tây, thương xót tiếp độ chúng sanh. Còn ngồi, quán, lễ niệm... quay mặt hướng về Phật là thuận theo lẽ nghi thế gian. Nếu đã là thánh nhân được báo bay đi tự tại thì chẳng cần nệ vào phương chốn; còn hạng phàm phu do thân và tâm phụ thuộc vào nhau nên nếu hướng về phương khác ắt sẽ khó vãng sanh Tây phương.

Vì thế, Trí Độ Luận chép: Có một vị tỳ kheo bình thời tụng kinh A Di Đà và niệm Bát Nhã Ba La Mật; lúc lâm chung, bảo đệ tử rằng: *‘A Di Đà Phật và các thánh chúng nay đang ở trước mặt ta’*. Ngài chấp tay quy y, trong khoảnh khắc xả mạng. Liền đó, đệ tử dùng pháp hỏa táng lấy lửa thiêu xác. Tất cả cháy sạch chỉ còn cuống lưỡi vẫn y nguyên như cũ, họ liền nhặt lấy dựng tháp cúng dường. Long Thọ Bồ Tát chú thích như sau: *“Do tụng kinh A Di Đà nên lúc lâm chung Phật tự đến đón, bởi niệm Bát Nhã Ba La Mật cho nên cái lưỡi chẳng tận”*. Lấy đoạn kinh này làm chứng thì biết là đối với hết thảy hạnh nghiệp, chỉ cần hồi hướng thì không ai là chẳng được vãng sanh.

---o0o---

PHƯƠNG THUỐC VI DIỆU TRỊ TÂM BỆNH

KHAI THỊ CỦA ĐẠI SƯ HÁM SƠN

(Trích trong Đường Mây Trong Cõi Mộng - Bài 17)

Thích Hùng Đạt & Nguyễn Phong phóng tác

---000---

Thế nhân dùng thân tâm cảnh giới huyễn vọng mà sinh hoạt sống còn. Từ sanh đến tử, chưa từng có một niệm giác biết lại tự tâm bản lai diện mục. Vì chưa giác ngộ, nên không biết gốc rễ của bệnh tật. Nơi nước lửa xung đột, bốn đại cùng nhau công phá, đó là thân bệnh. Vọng tưởng phan duyên, thương ghét thủ xả, đó là tâm bệnh. Thân bệnh thì thuốc có thể trị, mà tâm bệnh thì không có thuốc để trị.

Đức Phật là đấng y vương ở thế gian, có thể điều trị tâm bệnh của chúng sanh. Ngài tuy dạy bao loại phương tiện, mà rốt ráo chỉ dùng chánh giác để phá vọng tưởng vô tánh, đó gọi là lương dược hoàn sanh vi diệu. Học nhân muốn cầu pháp môn an lạc, trước tiên phải nhận rõ thân vốn chẳng có bản ngã. Hãy quán xem, trước khi cha mẹ sanh ra thân máu thịt này từ đâu mà có? Lúc bốn đại phân ly, thân này an lập tại nơi nào? Thời thời quán sát như thế, lâu ngày đột nhiên sẽ có một niệm tỉnh giác, thì không còn khổ vì thân này nữa, đó là thang thuốc vi diệu trị thân bệnh. Tất cả bệnh tật đều từ tâm vọng tưởng sanh ra. Thường ngày, dùng niệm quán sát, xem coi nơi khởi của tất cả niệm thiện ác, tức là phát hiện cội gốc của bệnh khổ. Dùng niệm lực quán sát nơi khởi, xem coi nó từ đâu mà nổi dậy, và rốt ráo diệt về đâu! Lúc vọng tưởng diệt, phải truy cứu nó diệt tới đâu. Truy cứu cho đến nơi khởi và chẳng khởi, cùng nơi diệt và chẳng diệt, mà nhận thấy rằng khởi diệt không từ đâu đến thì

tâm thể liền an nhiên, đắc đại tự tại. Chặt đoạn cửa ải trọng yếu như thế, trước sau không ngừng, trung gian nhất niệm tự cô độc, thì niệm này đứng nơi độc lập. Lâu ngày thuần thực, thì căn bệnh vọng tưởng tự nhiên sẽ bị nhổ trừ. Tất cả tâm dơ bẩn cũng không còn có nơi để nương tựa. Đó là phương thuốc vi diệu trị tâm bệnh. Vương Tử Ngung thiết chí hướng thượng, nhưng vẫn còn tầm cầu trên ngôn ngữ văn tự, không biết hướng vào chính mình mà cầu. Tự tâm vọng tưởng đó vốn là căn bệnh. Cứ dùng ngôn ngữ của người, cho là pháp thật, đó gọi là tăng thêm một lớp chướng ngại. Từ nay, phải biết phá trừ tự tâm vọng tưởng, không để chúng trôi buộc xoay chuyển. Phải xem xét nơi khởi của vọng tưởng, quyết không để chúng cứ tiếp tục chạy.

Phật bảo rằng tâm cuồng loạn nếu ngừng, tức là tâm Bồ Đề. ***Tâm thanh tịnh sáng soi thù thắng, vốn không từ ngoài mà đắc được.*** Ngay nơi tự tâm hiện tiền, tức là pháp môn đại giải thoát. Lão nhân do ông thỉnh câu khai thị nên đặt cho pháp danh là Phước Giác, tức là dùng giác này làm phước vô lượng bậc nhất. Xin hãy cố gắng!

---o0o---

HÓA GIẢI VÌ CUỘC SỐNG HẠNH PHÚC TRÊN BÌNH DIỆN TOÀN CẦU

Hòa Thượng Tịnh Không

---o0o---

Đối với người tu tịnh độ, hóa giải xung đột là vô cùng quan trọng. Trong các kinh điển, Thế Tôn đã giới thiệu thế giới Cực Lạc là thế giới hòa bình, bình đẳng, nơi các bậc thượng thiện tụ hội.

Nếu tâm không bình đẳng, giờ phút nào cũng mang nỗi oán hận, nhất định sẽ chướng ngại việc vãng sanh. Người vãng sanh tâm phải thanh tịnh, các tổ sư vẫn thường nói “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”, hay nói cách khác, tâm không thanh tịnh, thì bất luận người đó dụng công thế nào, có niệm hàng vạn danh hiệu đức Phật cũng không thể vãng sinh: “Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn. Đau mòn rát họng chỉ uống công.”

Cho nên, phải xem việc này là việc lớn để lo liệu. Không nên cho rằng việc niệm Phật cầu vãng sanh không liên quan tới an định xã hội và hòa bình thế giới. Trước khi vãng sanh giải thoát trở thành kẻ đại tự tại thì trước tiên chúng ta phải làm cho xã hội an định. Được như vậy, mới chắc chắn có thể vãng sanh Tịnh Độ, cùng Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, và đồng hạnh. Chúng tôi đã hai lần tham gia hội nghị hòa bình của Liên Hiệp quốc, đặc biệt lần ở Càng Sơn Nhật Bản, cảm xúc rất sâu sắc về vấn đề này.

Theo Phật pháp, mỗi người đời đời kiếp kiếp đều có chủng tử oán hận trong A Lại Da thức. Người người cùng ở với nhau, luôn cảm thấy không vừa mắt, điều này ai cũng có thể kiểm nghiệm, bất luận thấy người nào, việc gì cũng đều không vừa lòng, đều thấy không vui. Đó là oán hận tích lũy từ vô lượng kiếp, nếu đồng thời bộc phát ra, thế giới này sẽ bị hủy

diệt như các tôn giáo phương Tây từng dự đoán. Ngày tàn chính là toàn thế giới bị hủy diệt, trở lại từ đầu.

Xã hội thế gian vào thời kỳ có nhiều người tu tập, nhờ vậy mà bạo phát không xuất hiện. Nhưng tương lai khó ai biết trước. Một số ghi chép gần đây trên internet cho biết, cậu bé bảy tuổi đầu thai đến thế giới này sau khi mãn một kiếp ở hỏa tinh. Tuổi tác tuy rất nhỏ, nhưng trí tuệ, năng lực hơn hẳn các nghiên cứu sinh đại học. Cậu cho biết, quả địa cầu này vào mấy trăm vạn năm trước đã từng bị hủy diệt, chìm xuống đáy biển. Nơi đó hiện giờ chính là Ấn Độ Dương. Các nhà khảo cổ học không thể kiểm chứng được vì sự việc xảy ra quá lâu, trong khi năng lực nghiên cứu hiện tượng lịch sử chỉ có thể thực hiện trong khoảng vài nghìn năm, như nổi bật nhất là sự kiện của cách đây 5000 năm, một mảng đại lục chìm vào đáy biển Đại Tây Dương.

Một mảng đại lục chìm xuống Ấn Độ Dương hàng trăm vạn năm đến nay mới được tiết lộ bởi cậu bé bảy tuổi này. Có thể hiểu oán khí nhiều đời cùng lúc bạo phát mà nhà Phật vẫn nói “Cảnh tùy tâm chuyển”. Cũng vậy, nếu mỗi người đều có lòng oán hận, thế giới này ắt sẽ hủy diệt. Ngược lại, mỗi người đều hoan hỷ, đều có tâm yêu thương, thế giới trở thành Cực Lạc. Ta Bà và Cực Lạc thực ra không hề khác biệt. Thế giới Cực Lạc không phải do Phật A Di Đà tạo, Ta Bà của chúng ta cũng không phải do Thượng Đế, vua Diêm La làm chủ tể, mà kinh Phật nói chính nơi tâm của chúng ta làm chủ. Tâm khởi niệm thiện, thế giới mọi thứ đều thiện, người người đều thiện, không có gì bất thiện, thế giới này chính là Hoa Tạng, là Cực Lạc.

Đức Phật thường nói “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sinh/ Tất cả pháp do tâm tướng sinh,*” người thế gian cũng thường nói “Tâm tướng sự thành”. Ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc thì thế giới Cực Lạc liền hình thành; ta nghĩ thế giới này an định, mọi người đối xử bình đẳng, hòa thuận với nhau, không chỉ mình ta nghĩ mà mọi người cùng nghĩ, chắc chắn sẽ thành tựu. “Tâm nghĩ sự thành” thế tại sao chúng ta lại không chịu nghĩ điều tốt?

Hóa giải xung đột gia đình

Hiện tượng không hoà thuận trong gia đình rất phổ biến, vợ chồng bất hòa, xung đột thường xảy ra. Nguyên nhân do đâu? Do quan niệm mình đúng, người khác không đúng; cả hai đều nhìn thấy điều không đúng của đối phương thì làm sao có thể hòa thuận. Trước khi kết hôn, chúng ta thường nhìn người yêu với con mắt lý tưởng hóa, mọi thứ thuộc về người đó đều đẹp, đều vừa mắt, nhờ vậy mới có thể đi đến kết hôn. Đó là trạng thái tâm lý trước hôn nhân. Tuy nhiên, nếu vĩnh viễn nghĩ đối phương là đúng, là tốt, nếu khi có mâu thuẫn, chúng ta dành phần sai về mình, cam kết sửa đổi thì “gia hòa vạn sự hưng”. Nên ghi nhớ cái tốt của người khác thì mới có thể hòa thuận, có thể hóa giải xung đột, và thực sự xúc tiến an định hòa bình. Gia đình là tế bào của xã hội, là tổ chức cơ bản nhất. Nhà nhà hòa thuận thì xã hội hòa thuận, đất nước giàu mạnh. Mọi người đều phản tỉnh, đều biết khuyết điểm ở chính mình. Nói người khác sai chính là sai lầm to lớn. Ngày nay, đa số chúng ta phạm phải sai lầm này. Người khác làm gì có sai lầm, đạo lý này hiếm người hiểu được, chỉ có Phật Bồ Tát hiểu. Vì sao nói người khác thấy đều không có lỗi? Vì cái sai ở ngay chính chúng ta.

“Cảnh tùy tâm chuyển”, tâm là tâm của chính mình, bên ngoài là cảnh giới tùy theo tâm mình mà thay đổi. Bên ngoài bất thiện do tâm ta bất thiện, chính ta chuyển cảnh giới thành bất thiện. Khi tâm thiện rồi, cảnh giới bên ngoài chẳng phải thiện hết rồi sao? Cho nên hãy nghĩ lại xem sai là do đâu, sai ở chính mình do phiền não tập khí khởi hiện hành.

Giới-Định-Huệ không khởi hiện tiền, đức Phật thường giảng trong Đại kinh “tất cả chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”, trí tuệ đức tướng của chúng ta không thể hiện bày, do tham sân si mạn, tự tư tự lợi,... khởi hiện hành làm cho con người xảy ra xung đột, còn nếu là trí tuệ đức hạnh tướng hảo thì sẽ không xảy ra xung đột lẫn nhau. Vì chính tâm chúng ta không tốt, trong tâm có tự tư tự lợi, có danh vọng lợi dưỡng, có tham sân si mạn, có năm dục sáu trần, nên sai lầm lớn là ở chính mình. Trong kinh giáo Đại Thừa đức Phật thường nói: “Trong tự tánh thầy đều không có”. Đại sư Huệ Năng là người khai ngộ, trong đàn kinh Ngài cũng nói: “Vốn dĩ không một vật, chỗ nào dính bụi trần”.

Trong tâm thanh tịnh, trong chân như bốn tánh của chính mình không hề có thứ gì, trong sạch thuần khiết, chỉ có trí tuệ, đức tướng. Mê mất đi tự tánh của chúng ta, đem trí tuệ biến thành phiền não, đem đức năng biến thành ác trược, việc xấu nào cũng làm, đem tướng hảo biến thành thô xấu, biến thành đời ác năm trược, biến thành ba cõi sáu đường, do đâu mà ra? Do chính chúng ta biến hóa ra. Tự mình biến ra, tự mình hưởng thọ, thì còn có thể trách ai nữa!

Cho nên nói sai là hoàn toàn sai ở chính mình. Thực tế hiện tại mọi người đều sai, cả thế gian đều sai. Do đó người giác ngộ rất khổ, người giác ngộ không thể cứu nổi thế gian. Tuy nhiên người giác ngộ có thể cứu chính mình, chúng sinh mê hoặc cùng với người giác ngộ bất hòa, người giác ngộ có thể hòa thuận với chúng sinh mê hoặc, vì người giác ngộ không tranh với họ. Họ muốn tiền, chúng ta đưa tiền, muốn danh đưa danh, muốn thứ gì ta cho thứ đó. Chúng ta không mong cầu thì không xảy ra xung đột. Vì cả hai cùng tham cầu nên mới xảy ra xung đột. Người mê cho rằng nếu không tranh thì không được, người trí hiểu rõ nhường nơi này thì lại được ở nơi kia, có khi còn được nhiều hơn cái đã cho. Càng xả càng được nhiều, không cần phải cầu. Đó là đạo lý đức Phật đã dạy nhưng đáng tiếc, chúng sinh lại không tin tưởng.

Cầu vãng sanh Tịnh Độ, thực hành xả bỏ.

Chúng tôi đã giảng điều này hàng trăm lần ngàn lần, nhưng không có người nghe thấu, không có người chịu làm theo. Chúng tôi vẫn phải giảng hàng vạn lần, ai nhập tâm, y giáo phụng hành thì sẽ được lợi ích. Nhiều năm giảng như vậy, chỉ được số ít, khoảng ba hoặc bốn người làm theo. Họ không tranh tài mà có thể xả tài. Không luận làm sự nghiệp gì, họ đều kiếm được tiền, trong khi người khác lỗ vốn. Ở đây cư sĩ Phó là một trong số ít những người đó, họ cứ xả ra, làm tài thí, pháp thí, vô úy thí, liêu mạng mà làm. Ở Đài Loan cũng có một hai người, ứng dụng trong suốt mười mấy năm, nói với chúng tôi rằng thật hiệu nghiệm, Phật không gạt chúng ta. Bản thân chúng tôi cũng đã ứng dụng qua 50 năm, thực chứng hiệu nghiệm.

Người thế gian hy vọng được nhiều tiền của, hy vọng được thông minh trí tuệ, được khỏe mạnh sống lâu, mà không nghe lời đức Phật thì làm sao đạt được sở nguyện. Mỗi ngày tâm không bình, tâm oán hận, thì chẳng những không đạt được, mà mạng càng ngày càng bị tổn hại. Sau khi chúng tôi từ Nhật Bản trở về, nghĩ đến câu nói của Lão Tử: “Hòa đại oán, tất hữu dư oán, an khả dĩ vi thiện”, có nghĩa “hóa giải xung đột sâu nặng,” là yếu tố mỗi người chúng ta đều phải có.

Gia đình xung đột, vợ chồng xung đột, rộng hơn nữa là xã hội, quốc gia, chủng tộc, tôn giáo xung đột, nên hóa giải xung đột là vô cùng cần thiết. Không hóa giải thì phiền phức, đời đời kiếp kiếp oan gia đối đầu, không hề ngừng dứt, đôi bên đều thống khổ. Trong tâm thanh tịnh của chúng ta không có xung đột, nên chỉ cần xuất hiện xung đột nhỏ thì liền chướng ngại việc vãng sanh. Khi sắp vãng sanh oan gia trái chủ tìm đến bên thân chúng ta để báo thù, không để chúng ta vãng sanh đó cũng chính là ma chướng mà chúng ta thường nói đến. Hôm qua, chúng tôi gặp một người đến từ Malaysia, người này bị ma dựa. Đây là trường hợp nghiêm trọng nhất trong rất nhiều người bị ma dựa, chúng tôi liền khuyên họ nên hóa giải, không hóa giải đời đời kiếp kiếp đôi bên đều chịu khổ, dày vò lẫn nhau.

Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật mà mười phương ba đời chư Phật thầy đều khuyên bảo chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, nếu không tin tưởng, còn hoài nghi, thì đó là ngu si tội đĩnh, là Nhất Xiển Đề, người không có thiện căn mà kinh đã nói. Do đó chúng ta tiếp nhận lời khuyên bảo của tất cả chư Phật, ngay trong đời này nhất định phải sinh Tịnh Độ. Đã quyết tâm sinh Tịnh Độ thì còn có thứ gì không thể xả bỏ. Mọi thứ đều xả bỏ,

không còn so đo với người, sống được một ngày trên thế gian thì cứ hoan hỷ với mọi người.

“Hằng thuận chúng sinh tùy hỷ công đức”, chúng sinh muốn thứ gì, tất cả đều tùy thuận, thì khi lâm chung chúng ta mới đi được. Nhất là những người trung niên trở lên, phải xem việc này là việc lớn trong đời. Khi đến bảy mươi tuổi thấy đều buông bỏ hết. Bản thân chúng tôi, một đời này cũng chỉ hướng đến hai từ “buông xả”, lời khuyên này hoàn toàn không dư thừa, vì lời thừa là tạo khẩu nghiệp, gây ra chướng ngại. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, 79 tuổi nhập Niết Bàn, tính theo tuổi ta là 80 tuổi. Thực tế thế gian này còn rất dài, nhưng bản thân chúng tôi đang đứng trước ngưỡng tuổi này nên cũng đã nghĩ đến lúc sắp ra đi. Khi chúng ta có quan niệm chuẩn bị này thì mới có thể buông bỏ, mới có thể không tranh với người. Ai cần danh, ta cho danh, cần lợi ta đưa lợi, muốn cả địa cầu này, chúng ta đều nhường tất. Sau đó hân hoan vui vẻ ra đi, chúc phúc cho người ở lại sống tốt và hòa thuận.

Đại sư Ân Quang dạy người cầu sanh Tịnh Độ bằng cách dán chữ “Chết” lên trán để hàng giờ hàng phút tâm niệm mình sắp phải ra đi, đừng nên tranh giành, đấu đá. Cuộc đời như giấc mộng, rỗng không. Sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã mà đức Phật giảng trong suốt hai mươi hai năm luôn lặp đi lặp lại câu “tất cả pháp không, sở hữu hết thấy đều không”. Khi thật sự thông hiểu, minh tường, tâm sẽ định, không còn tranh đua. Tâm định khai trí tuệ, việc xuất thế gian sẽ dễ dàng tường tận, đọc kinh cũng dễ dàng liễu ngộ.

Chúng ta không những phải xả cả địa cầu này, xả cả cõi Dục, cõi Vô Sắc, mà còn phải xả luôn mười pháp giới. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật tất cả đều phải xả. Rồi mười pháp giới mới có thể đến được Nhất Chân Pháp Giới, đây chính là sự buông bỏ mà Đại sư Chương Gia đã dạy chúng tôi. Vì sao chúng ta không ra khỏi được mười pháp giới? Vì chúng sinh sáu cõi không thể thoát khỏi luân hồi, họ không chịu xả luân hồi, đó là sai lầm. Trong pháp giới vốn dĩ không có những thứ này. Những thứ này là từ vọng tưởng, phân biệt chấp trước biến hiện ra, nên chúng là huyền tướng, không có gì là chân thật. Chúng ta lấy giả cho là thật, cái thật thì lại hoàn toàn không biết. Rất đáng thương. Hiện tại chúng ta tuy ở trong vòng lẩn quẩn của sáu cõi, nhưng nếu muốn giúp chúng sinh cũng trong vòng lẩn quẩn, thì chúng ta phải thật sự hy sinh cống hiến bằng cách y giáo phụng hành. Hãy là tấm gương cho người noi theo.

Đời sống của bản thân chúng tôi rất thoải mái, nhiều hạnh phúc, bởi vì chúng tôi buông bỏ được. Trước lời hủy báng, chúng tôi cảm kích và thật tâm tán thán. Vì sao tán thán? Vì người hủy báng chính là ân nhân giúp ta tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng nếu không thể tiêu, về sau cũng phải tiêu ở ba đường ác. Ba đường ác từ nghiệp chướng của chúng ta mà biến hiện ra. Ác nghiệp ác chướng nhất định phải tiêu, không tiêu không thể kiến tánh. Ba đường thiện cho chúng ta tiêu phước. Phước cũng phải tiêu, ác cũng phải tiêu. Sáu cõi không gì khác đó là tiêu nghiệp. Đến ba đường thiện để tiêu nghiệp thiện, ba đường ác để tiêu ác nghiệp. Tâm thanh tịnh không có ác cũng không có thiện, gọi là “chân thiện”. Trong kinh, đức Phật gọi “thiện nam tử, thiện nữ nhân,” là ám chỉ người thiện ác đều không có, đó là chân thiện. Vì vậy không nên nhầm lẫn, thiện

ác chỉ là tương đối trong sáu cõi luân hồi. Khi trở thành Phật Bồ Tát thì thiện đó là “thuần thiện”.

Thanh tịnh - Bình đẳng giác.

Ngày nay số người hoằng pháp, người tu hành quá ít. Người hoằng pháp phải thật tu, không chỉ chuyên tâm học kinh giáo mà còn phải dẫn thân phục vụ thì mới có thể dạy người, giáo hóa chúng sinh. Thân phận xuất gia và tại gia là như nhau, hoàn toàn bình đẳng. Năm xưa Thế Tôn còn tại thế đã thị hiện cho chúng ta xem: một vị là Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện Phật xuất gia, một vị là cư sĩ Duy Ma Cật thị hiện làm Phật tại gia. Đó là hai vị Phật đồng thời xuất hiện ở thế gian. Hai vị này địa vị bình đẳng, không hề khác biệt. Tại gia và xuất gia có thể thành Phật như nhau, có thể hoằng pháp lợi sinh, phổ độ chúng sinh như nhau. Kinh Duy Ma Cật, các đệ tử lớn của Thế Tôn: Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp,... nhìn thấy cư sĩ Duy Ma cũng liền đánh lễ ba lạy, nhiễu quanh phía hữu ba lần.

Điều đó cho thấy, do chúng ta si mê hoặc điên đảo, có phân biệt, chấp trước, khi vừa xuất gia mặc áo tu sĩ thì liền xem thường người tại gia. Thật sai lầm! Cho nên người xuất gia ngày nay tạo tội nghiệp nặng hơn thời trước. Nhiều vị tu hành không bằng người tại gia do không hiểu được đạo lý này, cho rằng khi vừa mặc y áo vào thì trở thành bậc bề trên, hơn tất cả, không ai có thể so sánh được. Tâm ngạo mạn đã sinh thì tội nghiệp này sẽ rất nặng, chướng đạo bám theo. Phật pháp là bình đẳng, kinh Vô Lượng Thọ nói “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”, không bình đẳng với người là một sai lầm. Chúng ta phải cảm tạ Phật Bồ Tát đã thị hiện như tấm gương để chúng ta xem thấu.

Chúng ta nghe kinh đều biết, không tu mười hạnh Phổ Hiền thì không thể viên thành Phật đạo. Thứ nhất “Lễ kính chư Phật”, chư Phật đó chính là tất cả chúng sinh, là quá khứ Phật, hiện tại Phật, và vị lai Phật. Chúng sinh là vị lai Phật, muôn kiến đều là Phật. Ai không đồng tình ý niệm này thì “Lễ kính chư Phật” không cách gì tu được. Chỉ trừ riêng ta là một phàm phu, tất cả đều là Phật, tình dữ vô tình đều là Phật, nghĩ như vậy mới có thể tu hạnh Phổ Hiền. Chúng ta không vừa mắt cái này, thấy khó chịu cái kia thì làm sao có thể thành tựu “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” ở hiện tiền. Hạnh Phổ Hiền chính là “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”. Đã tu hạnh Phổ Hiền thì trong gia đình cũng không còn cảnh bất hòa xảy ra, vì đã xem người nhà của mình đều là Phật, đều là Bồ Tát, chỉ mình ta là phàm phu, nghiêm cung kính cẩn họ thì oan kết gì cũng đều được hóa giải.

Xung đột chỉ phát sinh khi ta cảm thấy mình được, người khác không được, ta xem thường họ. Do đó câu nói của Lão tử “Hòa đại oán tất hữu dư oán”, tu hạnh Phổ Hiền thì dư oán không còn, oan kết được triệt để hóa giải gọi là “lễ kính”, cung kính tất cả. Thường ngày chúng ta bái sám đều mở sám văn chỉ biết tụng niệm lâu lâu nhưng không ứng dụng hành trì, vẫn còn vừa mắt cái này, ghét bỏ cái kia, như thế là gạt mình gạt người. Trên gạt Phật Bồ Tát, dưới gạt tất cả chúng sinh, giữa gạt chính mình, làm gì có công đức. Sám hối như vậy không được hiệu quả gì, tâm không chuyển đổi không bằng niệm câu A Di Đà Phật.

“Xung tán Như Lai”, vậy đối với tất cả chúng sinh chúng ta có phải xung tán không? Chư Phật từ trên tướng mà nói, không có phân biệt, cho dù chúng sinh là thiện hay ác, đều bình

đăng lễ kính. Nhưng xưng tán Như Lai thì có khác biệt. Như Lai từ nơi “Tánh” mà nói, tương ứng với tánh đức là thiện, cần xưng tán; không tương ứng với tánh đức là bất thiện, bất thiện thì không nói, không hủy báng, cũng không tán thán. Bồ tát Phổ Hiền đối nhân xử thế tiếp vật như vậy, ai tạo ác lớn, ngài không nói một câu; ai tạo việc thiện dù rất nhỏ, Ngài liền tán thán. Chúng ta nên theo đó mà ứng dụng. Mỗi ngày chúng ta tụng “Nhất giả lễ kính chư Phật, Nhị giả xưng tán Như Lai, Tam giả quảng tu cúng dường...”, chúng tôi thấy thế thường hay cảm thán rằng “ngày ngày gặt Phật Bồ Tát”. Thời khóa sớm tối, sáng sớm gặt một lần, buổi tối lại gặt tiếp lần nữa. Mỗi ngày đều đặn gặt không thiếu một thời. Như vậy phỏng có công đức gì? Cho nên phiền não ngày một nhiều hơn, năm sau nhiều hơn năm trước, trí tuệ không khai mở, ngu si càng tăng.

Thực làm, sống mẫu mực, bền bỉ hóa độ chúng sinh

Lão cư sĩ Hạ Liên dạy chúng ta không gì khác hơn chỉ một câu nói “thật làm”, Phật dạy thế nào thì ta làm như thế đó, không nên quản việc người. Người khác có làm hay không không liên quan đến chúng ta

Người khác là tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi, nếu chúng ta giống họ, vậy chẳng phải tiếp tục tạo nghiệp luân hồi, tiếp tục hướng vào ba đường ác mà đi. Chúng ta nhất định phải y theo giáo huấn của kinh luận. Phật dạy chăm chỉ nỗ lực hành trì. Bắt đầu từ tam phước, sáu phép hòa, mười nghiệp thiện mà làm. Làm không được thì các thứ khác không cần phải nói. Về già tự suy xét mình đã làm được hay chưa? Tam phước: “Hiếu thân tôn sư. Từ tâm bất sát. Tu thập thiện nghiệp” đã làm được

chưa? chưa được thì phải học, “sống đến già, học đến già, học không hết”, nỗ lực mà học.

Phải bắt đầu từ gia đình, người học Phật là người mô phạm cho người khác, là mô phạm cho cả gia đình, là gia đình tốt nhất trong tất cả gia đình trên thế giới. Chúng ta học Phật mà không cảm hóa được người nhà thì việc học Phật đó không thành công. Cuộc đời chúng tôi đều gửi nơi nhà người, bản thân không có đạo tràng, đều ở nhờ người khác, phải nghe người khác, thực tập “Hằng thuận chúng sanh. Tùy hỷ công đức”. Sau khi rời Singapore, hiện tại ở Châu Âu xây dựng một đạo tràng nhỏ, trong đó khoảng vài chục người ở. Hiện tại chúng tôi đang dạy họ, khuyên họ đối đãi bình đẳng, hòa thuận với nhau. Nếu họ không hòa thì đạo tràng đó chúng tôi xin tặng cho họ, tự mình sẽ đi tìm nơi khác. Vì họ không hòa thuận, xem như giáo học của chúng tôi thất bại triệt để, còn mặt mũi nào xuất hiện nơi đó nữa. Tặng họ nơi đó để báo ân Phật tổ, báo ân Quán Trưởng Hàn, người tiếp nhận họ vào. Sau khi bà vãng sanh những người này đã không có chỗ để đi. Chúng tôi sẽ lo cho họ được an ổn, giao phó rồi sẽ tự đi tìm chòi tranh nhỏ, đạm bạc tình đồng đạo, cuối đời cùng nhau tu học.

Cho nên chúng tôi rất mong muốn áp dụng giáo huấn của Đại sư Ấn Quang vào thời đại này, đạo tràng chỉ nên nhỏ, không vượt quá hai mươi người, không hóa duyên, không làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự, mọi người chỉ cùng ở với nhau chăm chỉ niệm Phật, một lòng một dạ cầu sanh Tịnh Độ. Người thực sự hữu duyên, có thể buông bỏ tất cả thân tâm thế giới, cùng tu học với nhau. Chúng tôi ở thế gian này, nhiệm vụ chân chính là giảng kinh thuyết pháp, đem kinh điển giảng

giải tường tận, giới thiệu đến mọi người, cho nên việc giảng kinh không thể gián đoạn. Chúng tôi muốn lập chòi tranh nhỏ, một tịnh xá nhỏ, trong đó có một góc thu hình, hiện tại thể lực có thể giảng bốn giờ mỗi ngày, chúng tôi sẽ tiếp tục giảng trong đạo tràng nhỏ này. Sau đó thu đĩa, giao đến khắp nơi để mọi người cùng xem. Đó là báo ân Phật, báo ân chúng sinh. Tu hành là việc của chính mình, hiện tại phải nỗ lực, không nên giải đãi. Vì khi giải đãi, thì việc vãng sanh bị chướng ngại, cho nên việc gì cũng phải thật làm.

Truy nguồn gốc của xung đột để tìm cơ sở hóa giải

Sau khi từ Nhật Bản trở về, chúng tôi đã viết ra bức hoành gồm hai câu của người xưa: “Đồ tri hòa kỳ đại oán, nhi bất tỉnh kỳ đại oán chi sở do hưng”, có nghĩa là chúng ta chỉ biết hóa giải tranh chấp, xung đột nặng nề mà không biết được cội gốc của tranh chấp xung đột ở nơi đâu. Câu thứ hai là “Tuy hòa chi dĩ chí công, nhi bất miễn hữu dư oán”, có nghĩa là dùng công bình, công chánh để hòa giải. Bức này in xong sẽ tặng đến mọi người.

Tình huống “bằng mặt nhưng không bằng lòng”, ngoài mặt đã hóa giải nhưng trong lòng vẫn còn oán hận, việc này sẽ khó. Oán hận của chúng ta sinh ra từ tình chấp, cảm tình chấp trước. Tình chấp do mê mất đi bốn tánh. Trong bốn tánh không có tình chấp, mê mất đi bốn tánh mới sinh tình chấp. Cái tình này chính là phân biệt, chấp này chính là chấp trước mà kinh giáo Đại thừa gọi là tám thức, 51 tâm sở. Trong tám thức, A Lại Da là khởi tâm động niệm, Mạt Na là chấp trước, thức thứ sáu là phân biệt, cũng là tình chấp. Sau khi mê mất đi tự tánh, đem

tự tánh biến thành tám thức, gọi là tình chấp. Trong A Lại Da gom chứa từ vô lượng kiếp đến nay kết thành chủng tử. Vì vậy cái dư oán này không thể hóa giải. Tự tánh vốn không mê vọng, làm gì có oán kết. Cho nên muốn hóa giải oán kết, mỗi người đều phải tu phá phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, đến cảnh giới báo độ của chư Phật, “Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Chư Phật”. Đây gọi là giải quyết triệt để cứu cánh viên mãn, việc này tương đối khó.

Ngoài ra còn phương pháp khác, đó chính là mang nghiệp vãng sanh sinh đến thế giới Tây phương Cực Lạc, thì vấn đề này cũng được giải quyết cứu cánh viên mãn. Cho nên câu nói của Lão tử, chúng ta biết, ngay trong một đời này, nếu không sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì rất khó hóa giải. Vì cái tình kết trong A Lại Da thức không thể khai mở. Chúng ta xung đột với tất cả chúng sinh trên thế gian, phiền phức rất lớn, đời đời kiếp kiếp khổ không nói ra lời. Chúng ta có thể đi đến thế giới Tây Phương cực lạc, sau khi đi sẽ trở lại, thừa nguyện tái lai, giúp đỡ những chúng sinh khổ nạn. Tình kết mê đã quá nặng, là gốc của khổ nạn, chúng ta đến giúp đỡ, làm người hòa giải. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa ở mười pháp giới không gì khác hơn là làm người hòa giải.

Cho nên câu thứ nhất này, “Đồ tri hòa kỳ đại oán, nhi bất tinh kỳ đại oán chi sở do hưng”, ý tứ sâu sắc vô cùng, cho thấy việc học Phật nếu không thành tựu thì không thể giải quyết được vấn đề của chính mình.

Vua Thương Thang, một bậc thánh nhân đã từng nói “Vạn phương hữu tội, tội tại trăm cung”, người trong thiên hạ

có tội, tội đó do ta. Bởi vì ông là quốc vương, nhân dân có tội, cũng vì quốc vương không dạy tốt. Chúng ta thể hội ý này, quay đầu nhìn lại gia đình mình. Một người trong gia đình không tốt, thì chính ta có tội, không thể trách cha mẹ, anh chị em. Giác ngộ mà không thể cảm hóa được người nhà thì có tội, lỗi ở chính mình. Thánh nhân không giống người thường. Người thường quy đúng về ta, quy lỗi cho đối phương, như vậy là đại tội, không tội nào nặng hơn. Người lãnh đạo bất cứ đoàn thể nào, đoàn thể không tốt thì người lãnh đạo có tội. Trách nhiệm của người lãnh đạo gói gọn trong ba chữ: “Quân, Thân, Sư” Chỉ cần làm tròn ba chữ này, công đức vô lượng.

Quân là lãnh đạo, kế hoạch chiến lược, dẫn dắt. Thân là chăm lo, nuôi dưỡng. Sư là giáo dục, nếu giáo dục không tốt, chúng ta không thể giải quyết vấn đề đời sống của nhân dân, không thể lãnh đạo, tội lỗi sẽ rất nặng. Lời nói của vua Thang rất có đạo lý, người lãnh đạo các cấp trong xã hội nên hiểu ý này. Ngoài ra Trang tử, là một dân thường cũng nói “dĩ đắc vi tại nhân, dĩ thất vi tại kỷ”

Trong hội nghị ở Cang Sơn chúng tôi đã dẫn hai câu nói trên, nếu chúng ta làm công tác hòa bình thì phải chuyển đổi quan niệm, người khác đều đúng, lỗi lầm là chính mình. Nói người khác sai là ta sai, người khác đúng là ta đúng. Những người tham dự sau khi nghe rất cảm khái và cho rằng quá khó. Khó cũng phải làm. Đây chính vì thế giới an định hòa bình mà cống hiến. Chỉ nói trên miệng, kêu gọi hòa bình, kêu gọi an định, thì hòa bình an định không thể được thực hiện. Người làm công tác hòa bình cần ưu tư điều này. Trung Hoa có một thánh nhân là vua Thuấn, vua Thuấn nhìn thấy mọi người đều đúng,

chỉ có mình sai, cho nên mỗi ngày phản tỉnh, mỗi ngày thay đổi, tự làm mới, trở thành đại thánh nhân.

Cuối cùng, tất cả chúng ta hãy đồng khích lệ lẫn nhau. Người xưa nói “nhiên tắc thánh nhân, thường thọ thiên hạ chi trách” là người tốt, học thánh hiền, đi con đường chánh pháp, ắt sẽ có nhiều người đổ ky, hủy báng, nhục mạ, chúng ta phải chịu trách cứ của thiên hạ, không nên phát khởi oán hận trách cứ người khác thì oán hận từ vô lượng kiếp mới có thể hóa giải được.

---o0o---

BÀI PHÁP LỤC HÒA

Hòa Thượng Thích Thanh Từ

---o0o---

Hôm nay đột xuất tôi được chư Tăng Ni và Phật tử tỉnh Quảng Ngãi mời về đây thăm viếng, đồng thời xin một thời pháp ngắn. Đến nơi, được sự đón tiếp của đông đảo quý vị, lại còn có các em trong Gia đình Phật tử nữa, tất cả đều vượt ngoài sức tưởng tượng của chúng tôi. Vì thế tuy đi đường nhọc nhằn, tôi cũng không nỡ từ chối nói pháp cho quý vị nghe, do đó có bài pháp *Lục Hòa* này.

Tăng Ni là hàng xuất gia đều biết tính quan trọng của phép Lục hòa đối với đời sống Tăng đoàn. Quý vị phải ứng dụng cho được những điều căn bản đức Phật đã dạy, đồng thời nhắc nhở gia đình Phật tử cùng hiểu biết, sống đúng với tinh

thần ấy. Khi lập Thiên viện, nghiên cứu kỹ giới luật nhà Phật, tôi thấy sáu phép hòa thuận là phần căn bản, đức Thế Tôn dạy cho hàng tu sĩ chúng ta. Thế nên nói tới Tăng, Ni là nói tới Lục hòa.

Tăng, chữ Phạn là Sangha, Trung Hoa dịch âm là Tăng-già, dịch nghĩa là Hòa hợp chúng. Tức chỉ một số tu sĩ, hoặc Tăng hoặc Ni sống chung với nhau trong tập thể, hòa hợp vui vẻ tu hành, nên còn gọi là hòa hợp Tăng. Quý thầy, quý cô sống hòa hợp thì gọi là Tăng, không hòa hợp thì không đủ nghĩa của Tăng. Đức Phật đặt sự hòa hợp trên tất cả các giới luật. Nếu chúng ta sống không hòa hợp thì sự tu hành không bao giờ tiến. Đa số Tăng Ni đều biết Lục hòa rồi, nhưng ở đây tôi cũng xin nhắc lại từng phần để quý vị thấy được chỗ thấu đáo Phật dạy.

1. Thân hòa đồng trụ:

Điều này vào thời đức Phật thực hiện rất dễ, nhưng thời chúng ta ngày nay hơi khó một chút. Bởi vì sống chung một chùa, một Tinh xá thì chư Tăng hoặc chư Ni cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng tu như nhau không khó. Tất cả nếp sống, công tác, hạnh kiểm tu hành hằng ngày đều như nhau, gọi là thân hòa đồng trụ. Trong trường hợp mỗi thầy, mỗi cô ở mỗi chùa thì việc hòa hơi khó. Vì vậy thân hòa đồng trụ là chỉ cho một tập thể chung sống một chỗ, chớ không chỉ cho những người sống rời rạc. Cho nên các vị sống riêng tư phải chịu thiệt thòi này.

Chúng ta sống trong chùa hay Thiên viện thì thực hiện thân hòa đồng trụ dễ. Bởi vì không ở riêng, không có quyền lợi riêng nên làm cùng làm, ăn cùng ăn, mặc cùng mặc, mọi công

tác hay giờ tu hành đều nhịp nhàng với nhau. Hòa hợp như vậy thì nếp sống đạo đức rất tốt. Đó là nói về thân hòa đồng trụ.

2. Khẩu hòa vô tranh:

Tức miệng cùng hòa hợp nhau, không gây gỗ, không nói những lời dữ, lời nặng nề, không tranh hơn thua với nhau. Tăng Ni thấy điều này dễ hay khó? Nhất là phái nữ sống chung với nhau một chùa, có cãi không? – Có, nên điều này rất khó. Ở đây tôi nhắc chung cho cả các Phật tử tại gia. Chúng ta sống làm sao được khẩu hòa vô tranh, tức là miệng nói những lời hòa nhã, nhẹ nhàng, dễ mến, chớ không cãi lầy, rầy la lớn tiếng. Nhưng e rằng có vị làm Trụ trì hoặc Tri sự nói: “Sai làm mà không làm, không rầy sao được?” Mới nghe thấy có lý nhưng trên tinh thần đạo đức thì khác.

Chúng ta lâu nay có quan niệm, những gì mình nghĩ đều cho là đúng, ai nói khác hơn mình không vui, mà không vui thì có cãi. Ví dụ có hai người, một người khen hoa hồng đẹp, một người chê xấu. Người khen hoa hồng đẹp bị người kia chê: “Nói bậy, nó xấu như vậy mà nói đẹp, đẹp ở chỗ nào?” Bấy giờ người khen hoa hồng đẹp chắc khó nín được. Khi mình nói đẹp, người khác chê xấu thì bực bội nên cãi nhau. Cả hai đều không biết điều đó đúng hay không? Mỗi người có quyền nhìn, có quyền nhận định riêng. Ta thấy đẹp, đó là nhận định riêng của mình. Người khác thấy xấu, đó là nhận định riêng của họ. Cho nên muốn khỏi cãi nhau, chúng ta lắng nghe Phật dạy trong kinh A-hàm: Người biết tôn trọng chân lý là khi nói điều gì, chỉ nói “đây là cái nghĩ của tôi”. Ngang đó thôi, không thêm chữ “đúng”. Nếu nói tôi nghĩ đúng thì sanh chuyện ngay. Mỗi người

có quyền nhận định riêng, hoa hồng không cãi đẹp xấu, mà mình cãi với nhau làm chi? Nó là nó thôi. Tại vì ta cho nhận định của mình là đúng, người khác nói ngược lại thì nổi sân lên. Mà nhận định của mình có đúng chân lý chưa? Dĩ nhiên là chưa.

Tôi thường ví dụ, hôm trước tôi ngồi trên núi, thấy hướng Nam có cụm mây đen, gió thổi đùa qua, một lát mưa xuống ào ào. Hôm nay tôi thấy cụm mây đen như thế, nghĩ thế nào cũng mưa nên bảo quý thầy đem đồ vô. Nếu thầy nào không nghe lời tôi sẽ giận và rầy la. Đó là do tôi lấy kinh nghiệm hôm trước đặt cho hôm nay. Nhưng không ngờ một lát gió đổi hướng, mây tan, trời không mưa. Lúc đó sao? Mình kêu người ta đem đồ vô, nhưng trời không mưa, mình có xin lỗi không? Lỡ rồi làm thình, không ai nhắc tới thì thôi, thông qua luôn. Quý vị làm Trụ trì, Tri chúng hay vấp phải lỗi này lắm.

Trên thế gian, mọi sự việc xảy ra đều tùy duyên. Hôm qua duyên khác hôm nay duyên khác. Vậy tất cả suy nghĩ của chúng ta có đúng không? – Đúng một phần thôi, chớ chưa phải tuyệt đối. Nhưng khi suy nghĩ điều gì, ta thường cho đó là đúng tuyệt đối, ai làm khác thì nổi giận liền. Do nổi giận nên gây ác khẩu, nói bậy, nói những lời vô nghĩa, khiến cho người ta đau buồn. Đó là phạm lỗi khẩu hòa vô tránh.

Tăng Ni phải nhớ, sống sao cho người đến chùa, Tinh xá không nghe một tiếng la hét nào hết. Như thế mới tốt, mới vui hòa. Nếu vào chùa lát nghe cô này la, cô kia cự thì có hòa không? Người tu còn không hòa, làm sao dạy Phật tử sống hòa vui được. Cho nên Phật bắt buộc chúng ta phải lấy chữ “Hòa”

làm nên tăng tu và dạy người. Phải hiểu nhận định của mình chỉ đúng phần nào thôi, chớ không bảo đảm trăm phần đều đúng. Nên khi trình bày ý kiến của mình với người khác, chỉ nên nói “cái hiểu của tôi như thế, anh chị có thể nghĩ khác” thì không có lỗi, chớ đừng vội cãi vã. Nhiều khi ta cãi trước khi sự việc đến. Đó là điều không có tốt trong đạo. Cho nên Tăng Ni phải tự kiểm để biết những gì sai lầm của mình, mà chỉnh lại cho đúng.

3. Ý hòa đồng duyệt:

Ý của chúng ta hòa hợp, vui vẻ với nhau. Hòa thì vui. Muốn hòa vui thì phải làm sao? Phải dừng cho cái nghĩ của mình là đúng. Ta thích điều đó mà người khác không làm, không giúp, còn ngăn cản thì mình có giận không? – Chắc chắn là giận. Nhưng quý vị thử nghiệm lại xem, huynh đệ sống chung, tất cả ý niệm, suy gẫm đều giống hệt hay mỗi người mỗi ý? Hầu hết là mỗi người mỗi ý, không ai giống ai. Nếu giống hệt Phật không bắt chúng ta hòa làm chi. Người nghĩ thế này, người nghĩ thế nọ, không giống nhau thì sống chung có vui không? – Sống gượng thôi chớ không vui. Người tu mà bực bội, không vừa lòng mãn ý thì sống năm mười người, hai ba chục người hoặc cả trăm người thì chắc lộn xộn lắm. Bởi vậy nên cái hòa của ý hết sức quan trọng.

Bây giờ muốn ý hòa chúng ta phải làm sao? Phật dạy muốn hòa thuận với nhau, trước hết không nên bám giữ, cố chấp ý riêng của mình. Tại sao? Vì ý là cái suy nghĩ luôn luôn sanh diệt. Mà suy nghĩ thì không bao giờ đúng một trăm phần trăm, mười phần trúng được năm ba phần thôi. Có sai nên biết ý

mình chưa toàn vẹn, chưa bảo đảm, làm sao có chấp được. Nếu trên thế gian, suy nghĩ cái gì đúng cái ấy thì người ta có nghèo khổ không? – Chắc không ai nghèo khổ hết. Bởi vì suy nghĩ đâu đúng đó, thì thiên hạ đều làm giàu hết rồi. Trong đạo cũng vậy, nếu ta nghĩ gì đều đạt hết thì ngày nay chùa nào cũng to, Phật cũng lớn, mọi người đều quy hướng về mình, nhưng sự thật không phải vậy. Ý nghĩ không hoàn toàn mà ta cố chấp, bảo vệ, đó là sai lầm. Từ sai lầm này sanh ra tranh cãi, bực bội với nhau, đi đến chỗ không còn tình, không còn nghĩa gì cả. Nên biết Phật dạy người tu sống giữ ý hòa đồng duyệt để cuộc sống hòa vui, chớ không buồn giận, oán hờn nhau.

Thực tế ở trong chùa hay Thiền viện, tất cả Tăng Ni đều hoàn toàn hài lòng, vui vẻ hết hay ráng nhịn nhau? Ráng nhịn nhau mới yên, chớ không ai bằng lòng ai. Đó là chuyện thường. Trong việc tu hành, chúng ta phải xét thật kỹ, tu là để giải thoát sanh tử, cứu độ chúng sanh. Nếu trong chúng năm mười người, mỗi người nghĩ khác, ai cũng cố chấp ý nghĩ của mình là đúng thì cuộc sống có hòa vui không? Năm mười người đã không hòa được, nói gì độ chúng sanh! Chẳng lẽ độ cho nhiều để cãi cho lắm sao? Cho nên quý vị thu đệ tử, phải khéo hòa hợp chúng, không để có những ý niệm riêng tư.

Sống được hòa vui như vậy, ai đến chùa cũng thấy niềm vui toát ra cả, không có gì khó chịu hết. Ngược lại nếu nội bộ trong chùa không hòa vui, ý Tăng Ni không hợp, Phật tử bắt gặp những bất bình của mình, khiến họ kinh sợ, không dám đến chùa nữa. Thế nên quan trọng là chúng ta phải hòa vui với nhau. Điều này không thể thiếu được ở một người tu.

4. Kiến hòa đồng giải:

Tức những thấy biết của mình, chúng ta cùng đem ra giải thích để huynh đệ cùng hiểu, cùng thông cảm với nhau.

5. Giới hòa đồng tu:

Chúng ta cùng giữ giới với nhau, không dám sai phạm để cùng an vui tu tập.

6. Lợi hòa đồng huân:

Ở trong chùa hay Tinh xá, nếu có ai cúng dường thì Tăng Ni cùng chia đồng đều nhau, không được người nhiều, kẻ ít. Nhưng bệnh của Phật tử bây giờ thấy thầy cô nào dễ thương thì cúng nhiều, thầy cô nào quý vị không thích thì cúng ít hoặc không cúng. Người được nhiều cũng không dám chia cho người ít, sợ bỗng đạo biết được buồn. Do đó sau một thời gian trong chùa có người giàu, kẻ nghèo. Người nghèo không có xu con, người giàu dư dả xài không hết. Như vậy đâu thể gọi là lợi hòa đồng huân.

Bởi thế, muốn thực hiện điều này tôi bắt buộc Tăng Ni trong các Thiền viện không được nhận tiền riêng. Ai cúng thì cúng chung cho tập thể, Ban quản chúng nhận rồi dùng cho những nhu cầu chung, chia đều toàn chúng, không được thương người này chia nhiều, ghét người kia chia ít.

Tóm lại, trong sáu điều “hòa” của nhà Phật, chúng ta xét thật kỹ để ứng dụng tu hành. Nếu chư Tăng, chư Ni sống chung trong một chùa hoặc Tinh xá hòa hợp như vậy, thì Phật pháp truyền bá rất dễ dàng. Ta khỏi cần thuyết pháp cho Phật tử nghe, chỉ cần nhìn thấy nếp sống của mình, trên dưới hòa thuận vui vẻ thì họ liền quý mến. Quý vị thuyết pháp hay, người ta mới nghe thì phục, nhưng tới chùa mình thấy lục đục, kẻ phiền người giận tất nhiên Phật tử sẽ thôi Bồ-đề tâm.

Thế nên trọng tâm của người tu, dù không giỏi nhưng khéo sống đúng với tinh thần lục hòa của đạo Phật thì việc tu tập sẽ được tiến triển đều, đồng thời giúp cho tín tâm Phật tử ngày càng sâu đối với Tam Bảo, nhất là Tăng bảo. Tăng Ni trong mùa An cư kiết hạ, quý vị cố gắng tập sống theo tinh thần lục hòa. Dù chưa trọn vẹn nhưng chúng ta cố tập, từ từ cũng sẽ được hoàn bị. Có thể việc tu mới lợi lạc. Nếu chúng ta không tập sống lục hòa thì sự tu chỉ có hình thức thôi, niềm an vui lợi lạc không được bao nhiêu. Đó là tôi nói riêng về Tăng Ni.

Tiếp theo, tôi nói qua giới Phật tử. Quý vị ai cũng muốn có cuộc sống vui hòa nhưng thật ra rất khó. Như năm 1996 tôi có qua Mỹ, một số Phật tử ở Cali ham tu thiền, họ xin lập đạo tràng khoảng ba, bốn chục vị. Tôi nhớ chư Tăng thì giữ lục hòa, nên Phật tử giữ tam hòa được rồi. Nếu Phật tử ở tại gia đình mà giữ được tam hòa là đã tiến bộ lắm. Tam hòa là gì? – Là thân hòa, khẩu hòa, ý hòa. Thân hòa thì dễ rồi, còn khẩu hòa, ý hòa dễ hay khó? Phần nhiều Phật tử tại gia ít được khẩu hòa. Tại sao? Vì quý vị luôn luôn nghĩ mình đúng, nên nói gì người khác không nghe theo thì giận. Trong bụng giận rồi thì thốt ra lời nói

khó chịu, nặng nề. Người nghe lời nói nặng cũng không chịu nhin, sợ thua nên sanh ra đôi chối, cãi vã, thành ra không hòa.

Ví như chúng ta ra đường, bị ai đó có ác ý chửi “cha chị”, lúc đó mình giận không? – Nổi giận liền. Nhưng nếu khi người ta nói “cha chị”, mình liền thưa: “cám ơn anh, cám ơn chị đã nhắc tới cha tôi”, vậy thôi, mình quên người ta nhắc lại cho nhớ, nổi giận làm gì? Hoặc giả sử ta làm trái ý ai, họ mắng mình là con bò, khi ấy ta nên nói thế này: “Dạ phải, tôi có uống sữa bò.” Uống sữa bò thì té bào bò có trong mình, cãi làm chi, có xấu hổ gì đâu! Nhưng nghe nói con bò thì quý vị giận ùng ùng lên, rồi hung dữ với nhau. Nếu xét theo lẽ thật, đâu có gì đáng kể. Hiểu vậy Phật tử cười hoài không giận gì hết.

Khi trí tuệ không sáng, người ta bực bội nói lời vô nghĩa, mình chấp lời vô nghĩa kia để giận thêm thì cả hai đều vô nghĩa hết. Thế nên người biết tu phải tập đức nhu hòa. Chúng ta thấy đâu phải những vị có đức hạnh không ai dám chửi, người lớn cũng bị chửi như thường. Kể cả đức Phật cũng thế, nhưng khi bị chửi Ngài xử sự khác chúng ta.

Có lần Phật đi khát thực vào xóm của Bà-la-môn. Các đệ tử Bà-la-môn thấy Phật khát thực, họ đem cơm cúng dường. Ngài đến dưới cội cây ngồi ăn, sau đó thuyết pháp cho họ nghe. Kết quả họ xin quy y theo Phật hết. Qua đôi ba lần, xóm đó từ từ chuyển thành Phật tử hết. Các thầy Bà-la-môn tức quá, chửi Phật vào làng khát thực, họ theo sau kêu tên Phật chửi rất thậm tệ. Chửi thì chửi Phật cũng cứ đi từ từ, không trả lời chi hết. Chịu hết nổi, vị thầy Bà-la-môn kia chặn đầu Ngài hỏi:

- Cô-đàm, có nghe tôi chửi không?

Phật nói:

- Nghe.

- Nghe sao không trả lời?

Phật đáp:

- Như nhà ông có đám giỗ mời thân quyến tới dự. Khi cúng kiếng xong, quà còn nhiều nên ông phân chia để tặng họ. Những thân quyến không nhận, vậy những món quà đó thuộc về ai?

- Tôi tặng mà người ta không nhận thì nó thuộc về tôi, chớ về ai?

Phật nói:

- Cũng vậy, ông chửi mà ta không nhận thì những lời ấy thuộc về ai?

Bây giờ quý Phật tử nghe người ta chửi có nhận không? – Nhận, nên tức tối phiền não hoài. Còn Phật không nhận nên Ngài chẳng dính dáng gì. Người chửi tự nhớ, tự chịu, tự khổ. Ngày nay chúng ta quý trọng đức Phật ở chỗ Ngài cũng bị người ta chửi, nhưng bình thân không dao động, chớ đâu phải Ngài không bị chửi. Chẳng những đức Thế Tôn không giận, không buồn mà còn thương người chửi nữa, vì biết họ nói bậy.

Phật tử đừng nói chửi, vừa thấy ai nói lên nhỏ nhỏ sau lưng đã lắng nghe rồi. Lắng nghe để nhận. Đức Phật bị kêu tên chửi còn không màng, nên bây giờ chúng ta mới lạy Ngài. Nếu Thế Tôn cũng như mình thì ngày nay làm gì có đạo Phật. Chính vì Phật không nhận nên Ngài không buồn không giận. Vì vậy

Ngài trả lời một cách tự nhiên: “Ông chửi ta không nhận thì lời đó thuộc về ông.” Ngoại đạo nghe thế tự xấu hổ bỏ đi. Chính nhờ tâm sáng suốt, từ bi ấy mà bây giờ chúng ta mới lạ Ngài.

Rồi một lần nữa, Phật đi khát thực, cũng một thầy Bà-la-môn kêu tên Ngài chửi, Phật vẫn ung dung đi. Cuối cùng Bà-la-môn kia chạy lên chặn đường Phật:

- Cồ-đàm, ông thua tôi chưa?

Phật liền nói bài kệ:

Người hơn thì thêm oán
Kẻ thua ngủ không yên
Hơn thua hai đều xả
Ấy được yên ổn ngủ.

Người nào không nghĩ hơn thua mới ngủ yên. Nếu thấy mình thua thì oán hờn người hơn, tức quá ngủ không yên. Còn hơn người thì bị người oán. Vì vậy đức Phật dạy: “Hơn thua hai đều xả, ấy được yên ổn ngủ.” Sở dĩ chúng ta cung kính quý trọng đức Phật, vì đứng trước ngang trái Ngài luôn nhẫn nhịn được.

Ngày nay chúng ta tu muốn người quý trọng mình, mà động tới sân si đủ thứ thì ai kính phục được? Nên người thật tu không giành hơn, không cho thắng người là thành công. Hơn thắng như thế là mê. Chúng ta tỉnh sáng phải giữ thái độ an bình, hòa nhã, không giận hờn.

Tôi thường ví dụ, như chúng ta vào bệnh viện tâm thần thăm người thân trong đó. Khi vào mình không chọc gheo ai hết, nhưng họ xúm quanh chửi mình, lúc đó chúng ta nghĩ sao? Nên giận hay nên thương? Người bệnh tâm thần không biết phải quấy nên chửi mình, ta biết họ bệnh nên thương, chớ không giận. Cũng thế, chúng ta sống với mọi người chung quanh, có khi mình không làm việc xấu quấy mà họ cứ đổ cho ta xấu quấy, như vậy người đó tỉnh sáng hay bệnh? Việc không mà nói có, đó là bệnh. Họ cũng giống người bệnh tâm thần, nên ta thương chớ đâu có giận. Nếu gặp người bệnh tâm thần chửi, ta chửi lại, kẻ bàng quan sẽ nói sao? – Ông kia điên gặp chị nọ khùng, phải không? Nếu không điên thì khi họ chửi, mình đừng chửi lại, đừng giận mà thương hơn.

Người biết tu, gặp kẻ mê ta phải tỉnh, người kia điên chúng ta phải sáng suốt, chớ không ai ăn thua với người điên. Đó là điều quan trọng mà thế gian không biết. Nhiều khi nghe một lời nói hết sức vô nghĩa mà ta lại nổi nóng, cãi nhau thành việc lớn. Từ đó làm khổ nhau, từ cái khổ này kéo đến cái khổ nọ. Trong đạo cũng vậy, nhiều chuyện rất nhỏ mà do không khéo hòa với nhau nên thành lớn. Nhiều người vì cãi thua, tức quá muốn tự tử, thật hết sức dại khờ.

Vừa rồi có một Phật tử nữ đến thưa với tôi: “Thầy làm ơn về cầu siêu giùm người bạn của con.” Tôi hỏi: “Bạn của con làm sao, phải cầu siêu?” Cô ta thưa: “Anh ấy tinh thần không được sáng, tự tử bằng cách thắt cổ chết trong vườn nhà. Sau khi anh chết hai ba hôm, con nằm mộng thấy anh về đứng ngoài sân kêu hoài ‘lạnh quá, làm sao cho anh bớt lạnh’. Con đem mền ra bảo đắp, anh nói ‘không được’. Trải qua mấy hôm như vậy.”

Chúng ta thấy kẻ mê chết liều lĩnh như thế phải sanh vào loài nga quý, lang thang khổ sở, chớ đâu phải chết là hết. Chết không phải là hết, càng chết oan chùng nào vong linh càng lang thang khổ sở chùng đó. Nên người biết tu, dù có xảy ra chuyện buồn phiền mấy cũng bỏ qua, phải sáng suốt tu hành. Đó là cứu mình, còn liều chết bậy bạ chẳng những không cứu mình mà còn tự hại mình nữa. Chúng ta nên nhớ, tự tử chết là mối nguy hiểm nhất, vì như thế chẳng những không được giải thoát mà còn làm mình luân hồi triền miên, khổ sở vô cùng. Khổ cho bản thân mình và khổ lây cho nhiều người khác nữa.

Chúng ta tu không chỉ tụng kinh, niệm Phật, tọa thiền là đủ, mà phải sống đúng với tâm của người hiểu đạo. Mọi việc hơn thua, phải quấy của các huynh đệ đều là chuyện nhỏ, không có gì quan trọng hết. Việc lớn của chúng ta là phải làm sao thoát ly sanh tử, đó mới là cao siêu, là mục đích chúng ta nhắm đến. Muốn thoát ly sanh tử trước hết sống với huynh đệ, chúng ta phải hòa nhã, thuận thảo, vui tươi. Nhờ sự hòa vui đó lòng ta yên ổn, việc tu hành được nhẹ nhàng.

Nếu tới giờ niệm Phật, ngồi tịnh tọa mà cứ nhớ việc cãi vả hời chiểu, nhớ câu người ta chửi mình hoài, thì ngồi niệm Phật có yên không? – Dĩ nhiên là không. Nhớ lời qua tiếng lại hoài, rốt cuộc mình chịu thiệt thòi. Nên người biết tu phải sống đúng tinh thần lục hòa. Dù chưa giải thoát nhưng giữ được lục hòa thì trên đường tu chúng ta sẽ an ổn. Niệm Phật được nhất tâm, tọa thiền dễ định. Đó là thành công rồi. Nếu không như vậy, chúng ta sẽ bị nhiều khổ lụy, tu mà không giải thoát, ngược lại còn trầm luân!

Vì vậy tôi thấy vấn đề lục hòa rất thiết yếu, rất quan trọng đối với cuộc sống tu hành của chúng ta. Hôm nay đủ duyên gặp quý thầy quý cô tiếp đón và xin nghe pháp, chúng tôi đem hết tâm tư của mình, khuyến nủ Tăng Ni sống đúng theo tinh thần Lục hòa của Phật dạy, đề đời tu của chúng ta xứng đáng.

Quý vị nên nhớ chùa to, Phật lớn, đệ tử bao nhiêu cũng là trò chơi thôi, quan trọng là tâm mình an ổn thanh tịnh, không còn vướng bận những trói buộc của thế tục nữa. Đó là nhân giải thoát. Chúng ta đã gieo nhân giải thoát, phải ráng nuôi trồng nó cho tới ngày đạt được quả giải thoát, đừng nản chí bỏ nửa chừng. Đó là lời tha thiết của chúng tôi, mong tất cả Tăng Ni cố gắng thực hiện tu hành cho tới ngày viên mãn.

---o0o---

ƯU ĐÀM ĐẠI SỰ KHAI THỊ

- Người tu tịnh nghiệp, nếu trần cấu chưa sạch, khi niệm ác nổi lên, phải cao tiếng niệm Phật nhiếp vào chánh niệm, chớ nên để tâm ác nổi nhau. Nên biết rằng sự tu hành hôm nay, chính là đối địch với nghiệp sanh tử, không phải chuyện tầm thường; hằng nghĩ đến vô thường mau chóng, ngày tháng chẳng chờ người, nhận chơn thiệt thật mà niệm Phật. Nếu nửa lui nửa tới, lúc tin lúc ngờ, kết cuộc Tịnh nghiệp không thành tựu, làm sao ra khỏi luân hồi.
- Giữ một câu hiệu Phật như dựa vào hòn núi Tu Di, lay chuyển chẳng động, thường nhớ thường niệm, mai cũng

niệm, chiều cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm, tâm niệm không bỏ qua, hiệu Phật chẳng rời lòng, mỗi thời mỗi khắc chẳng xa lìa, nhật nhật niệm niệm, như gà ấp trứng thường cho hơi ấm tiếp tục, tức gọi là “tịnh niệm nối nhau”.

- Muốn sanh về Tịnh Độ nên nghĩ tất cả việc đời đều vô thường, có thành tất có hoại, có sống ắt có chết, nếu ta không được nghe Phật pháp thì phải chịu thay thân này, đổi thân khác, trôi lăn trong ba cõi sáu đường, không biết lúc nào ra khỏi. Nay ta đã có duyên được nghe chánh pháp, được tu tịnh nghiệp, nếu chuyên niệm Phật thì khi bỏ thân này sẽ vào thai sen nơi cõi Phật, hưởng các điều vui, thoát hẳn sự khổ, đi ngay đến nẻo Bồ Đề, ấy là chí sự thuở sanh bình của bậc đại trượng phu vậy.
- Khi vừa đau bụng, phải mạnh mẽ gạt bỏ muôn duyên, ngồi ngay thẳng hướng về Tây, tưởng đức A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí và các hóa Phật đều hiện ở trước mình, chuyên lòng xưng danh hiệu Phật, mỗi tiếng nối nhau không dứt. Lúc ấy không nên nghĩ ngợi việc đời, nếu thoát tưởng đến, mau mau xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm diệt được tội chướng, chỉ một niệm này quyết định được vãng sanh, nếu mạng số chưa dứt, tự được lành mạnh. Nên cẩn thận chớ vọng khởi lòng tham luyến thế gian, thân này có còn thì còn, có mất thì mất, chỉ cầu được vãng sanh, không nghi ngờ lo nghĩ điều chi khác. Nên hiểu dù có chết đi nữa, như người cởi bỏ áo rách mặc y phục lành tốt vào, xả thân phàm lên cõi Phật chẳng là vui thích hơn ư?
- Chuyên nhất tâm ý, nắm giữ một câu A Di Đà Phật, chỉ một niệm này là bản sư của ta, chỉ một niệm này trước là hóa

Phật, chỉ một niệm này mãnh tướng phá địa ngục, chỉ một niệm này là gương báu chém bầy tà, chỉ một niệm này là ngọn đuốc sáng phá cảnh tối tăm, chỉ một niệm này là con thuyền lớn vượt qua biển khổ, chỉ một niệm này là thuốc hay trị bệnh sanh tử, chỉ một niệm này là đường tắt ra khỏi tam giới, chỉ một niệm này là bản tánh Di Đà, chỉ một niệm này là duy tâm Tịnh Độ. Chỉ cần giữ chắc câu niệm Phật đây chớ cho lạc mất, mỗi niệm thường hiện tiền, mỗi niệm chẳng rời tâm, không việc cũng niệm như thế, có việc cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bệnh khổ cũng niệm như thế, sống cũng niệm như thế, chết cũng niệm như thế. Cứ giữ một niệm phân minh như thế, lại cần chi hỏi người tìm đường về ư?

---o0o---

TU TÂM THANH TỊNH

Trích trong Phật thuyết Thanh Tịnh Tâm Kinh Giảng Ký

- Hòa Thượng Tịnh Không giảng -

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

---o0o---

Trước đây, thầy Lý ở Đài Trung từng dạy học trò: “*Sanh tử tự tại tại tôi có thể làm được, các vị cũng có thể làm được*”. Ngài tự thị hiện để thuyết pháp, chứng minh cho chúng ta thấy, chứng minh những lời Phật dạy chúng ta trong kinh câu nào cũng chân thật, tuyệt đối chẳng giả dối. Nhưng vấn đề là chính chúng ta có ‘*buông xuống vạn duyên*’ được hay không? Ai có thể bỏ được, người ấy sẽ làm được. Quyền làm được hay không

làm được hoàn toàn nằm trong tay mình, chẳng phải trong tay ai khác hoặc trong tay Phật, Bồ Tát. Càng bỏ sạch được thì càng hay, càng bỏ sạch sẽ càng chuyên, càng tinh, cơ hội thành công càng lớn.

Đối với pháp môn tu học, sau khi chọn lựa xong rồi, tuyệt đối về sau chẳng hối hận. Chọn lựa pháp môn Niệm Phật là quyết định chọn một câu A Di Đà Phật, tuyệt đối chẳng cần đến pháp môn nào khác nữa. Giả sử có ai bảo quý vị: “Còn có một pháp môn hay hơn pháp môn này, thành tựu còn lớn lao hơn”. Ngay lúc đó, quý vị hạ quyết tâm bảo họ: “Tôi đã quyết định chọn pháp môn này, các pháp môn khác dù có hay hơn, tôi cũng chẳng màng”. Phải có tín tâm và quyết tâm như thế mới hòng quyết định thành công.

Thông thường khi mình nói đến “tu hành”, tức là sửa đổi những hành vi sai trái. Trong quá khứ chúng ta chẳng chọn lựa, hiện tại chúng ta học cách chọn lựa, đó là “trạch pháp”. Tiến hơn nữa là theo đúng giáo pháp sửa đổi những cách nghĩ, cách nhìn, cách làm sai lầm, đó gọi là Tu. Từ rày về sau cứ chiếu theo những cách nghĩ, cách nhìn, cách làm chánh xác mà thực hành thì gọi là Hành.

Đọc tụng kinh điển Đại Thừa là yêu cầu trọng yếu đối với người học sơ cơ; bởi lẽ chúng ta không biết những căn bệnh nơi thân mình, có đọc kinh Phật mới phát hiện những lầm lạc của bản thân, đó là khai ngộ, Có thể hiểu ra những chứng bệnh, những lầm lỗi nơi thân mình mới gọi là “chân khai ngộ”. Đó mới là Phật tử chân chánh. “*Biết sai liền sửa*”, “*sửa*” là sửa đổi hành vi cho đúng. Sau khi đã sửa đúng bèn gìn giữ chẳng tái

phạm lầm lỗi nữa, đó gọi là “tu tập”. “Tu tập” và “tu trì” ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

Đức Phật đem phương pháp tu tâm thanh tịnh dạy cho chúng ta là: *“Các ông lắng nghe! Nếu các Thanh Văn tu tập chánh hạnh, muốn đạt được tâm thanh tịnh, nên dứt năm pháp, nên tu tập bảy pháp sao cho viên mãn. Một là tham dục; hai là nóng giận; ba là hôn trầm say ngủ; bốn là lao chao, hối hận; năm là ngờ vực. Năm thứ cái chướng này phải nên trừ dứt. Những gì là bảy pháp? Một là trạch pháp giác chi, hai là niệm giác chi, ba là tinh tấn giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là khinh an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi. Hãy nên tu tập bảy pháp như thế. Nay các tỳ-kheo! Nên biết tâm thanh tịnh vừa nói đó chính là nói tâm giải thoát tăng trưởng, huệ giải thoát tăng trưởng.”*

Trong đoạn kinh này, đức Phật dạy chúng ta: Thế nào là “tâm thanh tịnh”? Hai câu cuối này dùng những lời đơn giản nhất, thiếu cận nhất để giải thích. **“Thanh tịnh tâm”** tức là **tâm được giải thoát. Tâm giải thoát thì huệ cũng sẽ giải thoát.**

Vậy thì cái tâm này giải thoát như thế nào? Giải thoát là cách nói hình dung, tỷ dụ. Chẳng hạn như một người bị dây rợ trói chặt, chẳng tự tại, chẳng tự do, giờ đây có ai tháo gỡ cho, ngay lập tức bèn tự tại. Hiện thời tâm chúng ta chẳng tự tại, rất giống như người bị dây thừng trói chặt. Những dây thừng đó chính là vọng tưởng, phiền não, ưu lự, vướng mắc, trói buộc tâm ta chẳng được tự tại, mà Huệ chính là tác dụng của Tâm. Tâm chẳng tự tại, bèn chẳng có Huệ; tâm được tự tại, Huệ bèn hiện tiền.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói “*ngũ trước ác thế*”. Đích thực, trong xã hội hiện tại, có thể nói là trước ác đến mức cùng cực. Kinh Vô Lượng Thọ nói “*kịch ác cực khổ*” cũng là nói về tình cảnh của xã hội hiện tại. Trước là “ô nhiễm”. Nói thật ra, những điều tâm chúng ta tiếp xúc hiện tại là những thứ nhiễm trước nghiêm trọng nhất từ xưa đến nay. Tâm lý ô nhiễm, tinh thần ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, kiến giải ô nhiễm, thậm chí thân thể, thức ăn cũng bị ô nhiễm. Thế giới này há còn lạc thú gì để nói nữa cơ chứ!

Hiện tại, ai cũng nói đến chuyện bảo vệ môi trường, nhưng nói đến môi trường là vĩnh viễn chẳng đạt được mục tiêu. Trong kinh đức Phật dạy: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Hoàn cảnh là y báo, nhân tâm là chánh báo. Nhân tâm chẳng thanh tịnh thì hoàn cảnh làm sao thanh tịnh được? Muốn cho hoàn cảnh thanh tịnh thì tâm phải cầu thanh tịnh trước đã! Nhưng tâm con người muốn đạt thanh tịnh thì phương pháp tối hiệu quả duy nhất là Phật pháp. Đích xác là Phật pháp có thể thanh tịnh thân tâm, khiến cho tâm chúng ta được giải thoát. Tâm thanh tịnh là tâm giải thoát, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ chân thật.

Tôi đã giới thiệu, đề cao pháp môn Niệm Phật cùng các đồng tu, là vì niệm một câu Phật hiệu, không chỉ đoạn trừ năm thứ cái chướng, mà còn đồng thời phá được vô minh. Lúc chuyên tâm niệm một câu Phật hiệu, năm thứ cái chướng đều chẳng hiện tiền, nhưng một câu Phật hiệu rành rành rõ rõ, minh minh bạch bạch, nên chẳng đoạn vô minh. Bởi thế, niệm danh hiệu Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn.

---o0o---

CHO NGƯỜI GIÀ BỆNH

Hòa Thượng Thích Thanh Từ
Nói chuyện tại Thiền viện Thường Chiếu – 1996

---o0o---

Hôm nay tôi có bài thuyết pháp ngắn về đề tài **cho người già bệnh**. Lý do có bài pháp này là vì một Phật tử đến yêu cầu chúng tôi rằng có cha mẹ già bệnh nặng, nên muốn khi cha mẹ lâm chung được tỉnh táo sáng suốt, không bị hôn mê hoảng sợ. Vì tình của người Phật tử hiếu thảo nên tôi hứa, đồng thời cũng nghĩ thương người già bệnh trong khi mệt mỏi đau đớn, nên chúng tôi nói bài pháp này.

Trước hết nói về cái chết không đáng sợ. Mọi người đều có quan niệm sanh là vui, chết là khổ; sanh là mừng, chết là sợ. Vì vậy ngày sinh nhật gọi là ngày ăn mừng sinh nhật, còn ngày chết con cháu cúng giỗ gọi là ngày cúng kỵ, tức ngày sợ sệt.

Quý Phật tử hiểu đạo thì ngày chết là ngày đáng sợ hay không đáng sợ? Thật tình cái chết không đáng sợ. Già, bệnh là hai thứ khổ trong bốn thứ khổ Phật nói: sanh, lão, bệnh, tử. Đã mang hai thứ khổ này vào mình là một gánh nặng đau khổ. Nếu gánh nặng đau khổ được quăng đi thì nó được nhẹ nhàng. Vậy chết là quăng được gánh nặng của già và bệnh. Lúc đó chúng ta thành thoi nhẹ nhàng, có gì đâu mà phải sợ. Nên chúng tôi nói chết là không đáng sợ.

Điểm thứ hai, như kinh Phật thường nói, có sanh là có tử. Có sanh ra thì phải có chết, đây là chuyện thường, không ai tránh khỏi. Như đức Phật tu hành rốt cuộc tám mươi tuổi Ngài cũng chết. Các ông tiên mà chúng ta đọc được trong truyện Tàu như Bát tiên v.v... nói trường sanh bất tử, nhưng sự thật tám chín trăm năm rồi cũng mất, cũng chết. Do đó tám ông tiên mà bây giờ tìm một ông cũng không ra.

Nên biết dù cho tu đắc đạo như Phật, thân này tới khi hoại cũng phải hoại. Dù luyện được thuốc trường sanh bất tử như thần tiên, thân này đến lúc hoại cũng phải hoại, chớ không bao giờ giữ được mãi mãi. Vì vậy chết là lẽ thường, là việc chung cho tất cả, không ai tránh khỏi. Cái không tránh khỏi mà mình sợ là chuyện vô ích, nếu không nói đó là chuyện khờ khạo. Chúng ta là người hiểu đạo rồi biết rằng có sanh là phải có tử. Ngày chết là ngày sẽ đến, bất cứ người nào cũng phải nhận. Chết là chuyện thường, đã là thường thì không sợ.

Tôi nhớ ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ khi sắp tịch nằm trên bộ ngựa, nghiêng bên phải nhắm mắt để tịch. Bấy giờ những người hầu thiếp khóc rống lên, Ngài liền ngồi dậy, súc miệng, rửa mặt, rồi nói: “Sanh tử là lẽ thường, sao lại buồn thảm luyến tiếc như thế, làm não hại chân tánh ta!” Nghe xong, các vị kia mới yên lặng. Ngài nằm nghiêng bên hữu mà tịch.

Chúng ta thấy rằng đối với Ngài sanh tử là việc thường. Đã là việc thường thì không có gì quan trọng hết. Do đó Ngài tự tại ra đi. Còn chúng ta cho cái chết là lớn lao đáng sợ, nên tới đó chúng ta kinh hoàng. Kinh hoàng là đau khổ. Vì vậy người Phật tử chân chánh lúc nào cũng biết rằng chuyện chết sống

không thể tránh được. Không tránh được thì chúng ta chuẩn bị ngay những cái gì cần sau khi chết, đừng để tới đó rồi sợ hãi chỉ là chuyện vô ích thôi.

Điểm thứ ba, người Phật tử hiểu đạo khi tu ít nhất cũng giữ năm giới, nhiều hơn thì Thập thiện. Biết giữ năm giới, biết tu Thập thiện thì khi chết chúng ta sẽ sanh về đâu? Nếu giữ năm giới trọn vẹn thì sau khi chết chúng ta sẽ trở lại làm người đầy đủ phước đức. Tức là do giữ giới không sát sanh nên được tuổi thọ; giữ giới không trộm cướp nên được nhiều của cải; giữ giới không tà dâm nên được đẹp đẽ oai nghi; giữ giới không nói dối nên lời nói thanh tao, được mọi người tín nhiệm; giữ giới không uống rượu nên có trí tuệ sáng suốt. Thế nên sanh làm người được đầy đủ phần tốt đẹp của con người, không có gì thiếu thốn hết. Như vậy thân này hoại rồi được thân kế tốt đẹp hơn, phước đức hơn, có gì mà chúng ta phải sợ. Còn nếu tu Thập thiện khi bỏ thân này sẽ được sanh lên cõi trời, hưởng phước đức thù thắng nhiều hơn cõi này, tức là đẹp đẽ hơn gấp bao nhiêu phần.

Chúng tôi thường nói chết như đổi chiếc xe cũ lấy chiếc xe mới. Chiếc xe cũ xấu hư, chúng ta lấy chiếc xe mới tốt đẹp, hoàn hảo hơn. Cho nên chúng ta hoan hỷ bỏ thân này, vì biết rằng khi bỏ thân này chúng ta sẽ được thân sau tốt đẹp hơn, có gì đâu phải lo buồn. Thật ra chết không đáng sợ, chỉ sợ mình không biết tu. Đó là điều tôi muốn nhắc tất cả quý vị đang ở trong hoàn cảnh bệnh hoạn đau ốm, không thể tin tưởng rằng mình còn sống lâu, ráng nhớ mà tu hành.

Trong nhà Phật có nói đến Cận tử nghiệp. Cận tử nghiệp này rất mạnh, có công năng đưa chúng ta tới chỗ tốt hay chỗ xấu khi chúng ta sắp lâm chung.

Trước hết nói Cận tử nghiệp của người làm ác. Nếu người khi gần chết khởi tâm ác liền chuyển cả sự tu hành hay công đức trước của mình, liền sanh vào chỗ không tốt.

Trong kinh có kể: Một người tu ngoại đạo đạt đến đỉnh Phi Phi Tướng, nếu người đó chết sẽ được sanh về cõi trời Phi Phi Tướng. Nhưng khi gần chết gặp chút nghịch duyên, ông nổi giận, bực tức lên rồi chết. Sau khi chết ông sanh làm con chó sói. Như vậy, từ quả vị cõi trời Phi Phi Tướng mà chuyển làm một con vật xấu xa, đủ cho ta thấy Cận tử nghiệp nguy hiểm như thế nào. Cận tử nghiệp là nghiệp gần lúc chết. Nếu khởi niệm ác thì nó sẽ dẫn chúng ta sanh vào cõi ác, cõi dữ.

Do đó chúng ta thấy trong cõi người cũng như trong các loài thú, có những người, hoặc những con thú sanh ra một thời gian ngắn liền chết. Chúng ta không hiểu tại sao. Nếu là duyên làm người hoặc làm thú thì phải ở lâu cho mãi kiếp người, kiếp thú, tại sao chỉ một thời gian ngắn thì đi. Đó là lý do để thấy rằng những người ấy lẽ ra không phải sanh chỗ như thế, nhưng vì Cận tử nghiệp ác mạnh nên phải sanh chỗ đó. Thời gian ngắn sau chết, sanh lại chỗ khác theo Tích lũy nghiệp, tức là nghiệp chứa đựng lâu dài lúc trước của họ. Vì vậy sức mạnh của Cận tử nghiệp đưa đẩy người ta sanh vào chỗ không đúng sở nguyện của mình, chỉ vì cơn nóng giận hoặc khởi những niệm ác lúc sắp lâm chung mà ra như vậy. Đó là tôi nói trường hợp Cận tử nghiệp ác.

Kể đến là Cận tử nghiệp thiện, tức người gần chết khởi niệm lành. Lúc sắp lâm chung khởi niệm lành liền sanh về cõi lành, dù cho Tích lũy nghiệp của họ ác, nhưng nhờ khi sắp chết khởi niệm thiện nên chuyển sang sanh cõi lành. Do sức mạnh của Cận tử nghiệp làm cho tích lũy nghiệp mờ đi, nhưng không phải mất. Nghĩa là người ấy phải theo Cận tử nghiệp một thời gian. Khi nào Cận tử nghiệp hết thì họ mới trở lại Tích lũy nghiệp.

Nên nhớ nghiệp tích lũy là nghiệp quan trọng mà chúng ta chứa từ thuở nhỏ cho đến lớn trong đời sống. Giả sử chúng ta chứa điều lành, điều tốt đầy đủ, nhưng giờ chót bị Cận tử nghiệp ác lôi đi thì phải trả hết nghiệp cận tử đó rồi mới trở lại với nghiệp tích lũy lành, được quả lành, chớ không phải mất hẳn. Nên lúc sắp lâm chung chúng ta phải dè dặt tối đa, không nên khởi những tâm niệm ác.

Trong kinh nói người phạm hai tội trong năm tội ngũ nghịch là ông Đề-bà-đạt-đa, đức Phật thọ ký khi chết ông phải đọa địa ngục. Do đó lúc sắp lâm chung ông hối hận hướng về Phật chấp tay xin sám hối. Sau này đức Phật kể lại cho ngài Anan nghe rằng ông Đề-bà-đạt-đa tuy bị đọa địa ngục vì tội ngũ nghịch, nhưng vì sắp chết ông biết hối hận sám hối với Phật, nên sau khi hết đọa địa ngục ông được trở lại làm người gặp Phật pháp tu hành, cuối cùng cũng chứng quả thành Phật.

Chúng ta thấy rằng cả đời Đề-bà-đạt-đa đã tạo những nghiệp ác nhưng khi sắp lâm chung ông đã có tâm thức tỉnh, hối cải. Vì vậy, sau này khi nghiệp ác hết, ông sanh về cõi lành và được tu hành chớ không mất luôn chủng duyên lành. Nên biết

Cận tử nghiệp lành có thể giúp người bị khổ lâu dài chuyển thành khổ ngắn, không còn lâu dài nữa.

Thêm một chuyện nữa. Có một vị tiên ở cõi trời ba mươi ba. Ông biết mình hết phước sắp chết. Do có thiên nhãn, ông biết mình sẽ sanh làm con của một trưởng giả ở nhân gian và sau kiếp làm con ông trưởng giả ông sẽ đọa địa ngục. Hoảng sợ quá, ông khóc rống lên, kêu la cầu cứu. Khi đó trời Đế Thích đến hỏi: - Vì sao ông khóc kêu cứu như vậy? Ông trình bày chỗ thấy của mình. Trời Đế Thích liền khuyên ông nếu muốn được cứu phải quy y Tam Bảo.

Ông hỏi:

- Quy y Tam Bảo là sao?

Trời Đế Thích nói:

- Quy y Tam Bảo là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Ông hỏi:

- Bây giờ Phật ở đâu?

- Hiện giờ Phật đang thuyết pháp ở vườn Trúc tại xứ Nalanda.

Ông than:

- Bây giờ tôi sắp chết làm sao đến đó để quy y được.

Trời Đế Thích bảo:

- Không sao, chỉ cần ông chấp tay hướng về chỗ Phật đang thuyết pháp nói to lên thế này: “Con tên ... xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin Phật cứu con, xin Phật độ con,” như vậy ba lần.

Nghe vậy ông liền quì gối chấp tay hướng về vườn Trúc Nalanda, nói ba lần: “Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin Phật độ con.” Sau khi nói ba lần như vậy rồi, ông liền chết.

Quả thật sanh xuống trần gian ông làm con trưởng giả. Khi con ông trưởng giả lớn lên, một hôm gặp đức Phật khát thực ngang qua nhà. Thấy Phật, ông liền phát tâm muốn đi tu. Sau đó ông được Phật độ tu hành chứng quả A-la-hán.

Qua đó, chúng ta thấy chỉ cần Cận tử nghiệp hướng về Tam Bảo mà sau này khỏi đọa địa ngục, còn được xuất gia và tu hành giải thoát. Như vậy Cận tử nghiệp rất là quan trọng. Nếu chúng ta không biết, để Cận tử nghiệp chuyển thành ác sẽ đưa tới cõi ác. Nếu chúng ta biết, dù trước kia có làm ác, nhưng nhờ Cận tử nghiệp thiện thì sẽ đưa tới cõi lành. Do đó người Phật tử chân chánh phải nhớ, phải biết rõ tầm quan trọng của Cận tử nghiệp.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa phủ nhận Tích lũy nghiệp là nghiệp do chúng ta chứa chất từ khi mới sanh ra cho tới già. Nếu chúng ta làm điều lành nhiều thì gọi đó là Tích lũy nghiệp thiện; làm điều ác nhiều thì gọi là Tích lũy nghiệp ác. Nếu Tích lũy nghiệp thiện, và lúc sắp lâm chung không khởi niệm ác, thì con đường thiện nhất định sẽ đến với chúng ta. Còn nếu Tích lũy nghiệp thiện nhưng khi sắp lâm chung khởi niệm ác thì con đường thiện của chúng ta phải bị quanh co, có khi nó dẫn mình tới chỗ dữ. Ngược lại, nếu Tích lũy nghiệp ác nhưng sắp lâm chung khởi niệm thiện thì con đường ác lý đáng chúng

ta phải chịu nhưng giờ đây chuyển sang con đường lành. Nên biết Cận tử nghiệp rất mạnh, rất đáng sợ. Quý vị nào tuổi đã lớn, hoặc hay bệnh hoạn nên dè dặt tối đa, không nên tạo ảnh hưởng lớn gây cho chúng ta những đau khổ sau này. Đó là tôi nói về sức mạnh của Cận tử nghiệp.

Tiếp theo, tôi sẽ nói những điều cấm kỵ của người khi sắp lâm chung. Những điều cấm kỵ là những điều không nên làm khi chúng ta biết đạo lý.

- Một là lúc sắp lâm chung cấm kỵ không nên sân giận. Dù cho có điều gì trái ý cũng phải bỏ qua để lo cho cái chết của mình, không nên sân giận làm gì. Nếu sân giận thì chúng ta sẽ đọa vào cõi dữ làm những con vật hung dữ khó thể tránh khỏi. Đó là điều thứ nhất.

- Thứ hai là phải dứt tâm oán thù. Nếu ôm tâm oán thù thì khi nhắm mắt chúng ta sẽ theo nghiệp oán thù, đền đền trả trả không có ngày cùng. Nghĩa là mình thù người, sanh ra gặp lại nhau rồi hại nhau, đau khổ chồng chất không biết đến đâu cho hết. Vì vậy chúng ta phải dứt tâm oán thù.

- Thứ ba là tâm yêu mến con cháu, tham tiếc của cải, v.v... Đó là mối hiểm họa, nghĩa là vì yêu tiếc mà đôi khi bị trầm luân hay là trở lại làm những con vật không tốt.

Trong sử ba mươi ba vị Tổ có kể về một vị Tăng Ấn Độ tôi không nhớ rõ tên. Một hôm ngài đi khát thực ngang qua nhà ông trưởng giả, nhưng ông trưởng giả đi khỏi. Trong nhà có con chó chạy ra sủa rất to. Ngài nhìn nó và quở: “Ngươi vì bệnh tiếc

của mà trở lại làm chó, đã không biết còn sủa om sòm!” Nghe nói như vậy con chó buồn bỏ ăn. Ông trưởng giả về, thấy con chó cưng của mình bỏ ăn, ông liền hỏi lý do và được người nhà kể lại rằng hồi sớm mai có một vị Sa-môn đi ngang, nó thấy liền sủa. Rồi không biết ông ấy nói gì với nó, từ đó nó buồn, bỏ ăn. Ông hỏi vị Sa-môn ấy ở đâu và tìm gặp được ngài. Với tâm rất sân hận, ông hỏi:

- Hồi sáng ông nói gì mà con chó của tôi nó buồn đến bỏ ăn?

Ngài bảo:

- Ông đừng nóng, để tôi nói cho ông nghe. Con chó đó là cha của ông.

Ông càng tức hơn, hỏi:

- Tại sao con chó đó lại là cha tôi?

Ngài nói:

- Nếu ông không tin ta, ông hãy về tìm ngay giữa giường nơi cha ông khi xưa ngủ mà bây giờ là chỗ con chó hay nằm đó, ông đào xuống sẽ thấy một ché vàng. Vì khi cha ông chết không kịp trời trần lại với ông, nên bây giờ tiếc của mới sanh trở lại làm chó để giữ cửa. Nếu không tin ta, ông hãy về đào lên sẽ thấy!

Khi ấy vị trưởng giả không còn lớn tiếng với Tổ nữa, mà trở về đào chỗ Tổ chỉ. Quả nhiên ông thấy có một ché vàng. Ông liền chạy tới xin Tổ cứu cha ông. Tổ khuyên trưởng giả nên đem của đó bố thí để cha ông hết nghiệp. Trưởng giả nghe lời Tổ dạy liền đem ché vàng bố thí. Sau đó con chó chết.

Như vậy, vì yêu tiếc của nên trở lại làm chó đê giữ của. Đó là điều đáng sợ. Nên ở đây tôi nhắc ba điều cấm kỵ trước khi lâm chung, Phật tử phải nhớ đừng bao giờ để xảy ra. Tôi lặp lại, điều thứ nhất là tâm sân giận; điều thứ hai là tâm oán thù; và điều thứ ba là tâm yêu tiếc, tức yêu con tiếc của. Nhớ, đừng có ba tâm đó mới khỏi đọa vào con đường khổ. Có ba tâm đó là nguy hiểm.

Nếu khi sắp lâm chung mà khởi tâm thiện thì sẽ được điều lành, điều tốt. Tâm thiện là tâm gì? Điều thứ nhất, khi sắp lâm chung phát tâm bố thí, giúp đỡ người nghèo kẻ bệnh. Mình có phương tiện tới đâu phát tâm tới đó. Điều thứ hai đối với người quy y rồi thì phát tâm cúng dường Tam Bảo; còn chưa quy y thì phát tâm quy y Tam Bảo để tâm thiện tăng trưởng. Làm như vậy là đã hướng về điều thiện và sẽ đi theo con đường thiện. Ba là phát tâm phóng sanh, nghĩa là cứu những con vật bị người ta bắt và sẽ bị giết. Mình cứu nó bằng cách mua lại đem thả, hoặc tìm cách nào cứu cho con vật không bị chết. Đó là phát tâm phóng sanh.

Bố thí, cúng dường, phát tâm phóng sanh là tâm lành. Nhờ phát tâm lành, tự nhiên lần lần chúng ta sẽ đi theo con đường lành. Đó là những điều tâm nên khởi khi sắp lâm chung.

Người Phật tử biết tu, khi sắp lâm chung, cần biết ứng dụng pháp Phật dạy, gìn giữ tâm mình luôn luôn đi đúng đường, không bị lệch lạc.

- Đối với người tu Tịnh độ, lâu nay chuyên niệm Phật, khi bệnh nhiều phải ráng nhớ niệm Phật, không quên. Lúc nào tâm

mình cũng hướng về Phật không lời lỏng, không nghĩ tới con, không nghĩ tới cháu, cũng không nghĩ tới tài sản gì hết. Được như vậy thì nhất định sẽ đi theo Phật không nghi ngờ. Đó là điều thứ nhất.

- Thứ hai, đối với người không chuyên niệm Phật mà thường hay xem kinh sách thì phải nhớ một bài kệ. Chẳng hạn, nếu quý vị thường tụng kinh Kim Cang, thì phải nhớ một bài kệ, tức là nhớ tới Pháp giống như nhớ tới Phật, niệm Phật vậy. Chúng ta nghiên cứu kinh điển, học pháp của Phật thì phải nhớ pháp, như tụng bài kệ sau đây trong kinh Kim Cang:

*Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán.*

Nghĩa là tất cả pháp hữu vi như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như sương mai, như điện chớp, phải luôn quán như thế. Chúng ta tụng mãi bài kệ này thì tâm chúng ta được trong sáng, không kinh hoàng khi sắp lâm chung. Đó là trường hợp thứ hai.

- Trường hợp thứ ba, nếu người biết tu thiền, tâm được yên tĩnh phần nào thì nhớ lúc sắp lâm chung, mình hằng sống với tâm thanh tịnh, đừng chạy theo tâm vọng tưởng điên đảo. Nghĩa là nhớ ngay trong thân người bại hoại này có cái không bại hoại. Nhờ vậy chúng ta không kinh hoàng, không sợ sệt mà hằng sống với tâm bất sanh bất diệt của mình. Thân này chẳng qua là tướng hư ảo, có đó rồi mất đó, chớ không bền. Chỉ cái

thể chân thật của mình là thanh tịnh, không sanh, không diệt muôn đời. Đó là chúng ta biết tu.

Trong ba trường hợp tôi kể ở trên, người tu niệm Phật thì chuyên niệm Phật, không nhớ chuyện đời. Người chuyên nghiên cứu Pháp thì nhớ một bài kệ. Người tu Thiền thì nhớ ngay nơi mình có cái chẳng sanh diệt, hằng thanh tịnh, không có gì đáng sợ, không có gì đáng lo. Người biết tu nhớ được những điều này thì không bị mê muội, không có gì sợ hãi, ra đi êm ái nhẹ nhàng. Đó là những điều tôi nhắc cho quý vị khi sắp lâm chung.

Bây giờ tôi nói tới hậu sự, tức là việc sau khi mình chết. Nhiều vị nghĩ rằng khi mình chết phải trời trần lại với con cháu làm thế này, làm thế kia cho mình. Điều đó dư. Tại sao? Bởi vì thân này do tứ đại hòa hợp mà thành, chúng ta sống cũng mượn tứ đại mà sống: uống nước giúp cho thủy đại, ăn giúp cho địa đại, thở giúp cho phong đại, v.v... Như vậy bốn đại đó nhờ vay mượn bên ngoài mới tồn tại.

Đến khi chết là không vay mượn nữa thì trả về cho tứ đại. Tứ đại trả về tứ đại thì chỗ nào cũng là tứ đại hết. Tại xứ người, tứ đại cũng là tứ đại; ở quê hương mình thì tứ đại cũng là tứ đại. Đừng nghĩ bỏ thân ở xứ người là thiệt thòi. Thiệt thòi nhất là cái tâm, tinh thần của mình ra đi mà không sáng suốt, đó mới thật thiệt thòi. Còn thân tứ đại này bỏ ở đâu cũng được hết. Người ta hay nói thân này là thân cát bụi cho nên khi chết trả về cho cát bụi, chớ không phải trả về xứ mình, thành vàng thành ngọc gì, cho nên đừng quan trọng nó.

Thân này để cho con cháu giải quyết bằng cách nào thuận lợi nhất thì tốt, mình khỏi cần dặn dò gì hết, khỏi cần bắt buộc gì hết. Dặn dò bắt buộc nhiều khi làm cho con cháu càng thêm lúng túng. Thí dụ nơi đó không có lò thiêu mà bảo phải thiêu, trong khi có đất chôn mà không chịu chôn. Hay ngược lại, chỗ đó không có đất chôn mà có lò thiêu, mình lại không chịu, nói thiêu nóng lắm, phải tìm đất chôn. Như vậy con cháu lo sợ không biết tìm đất đâu mà chôn, càng làm cực khổ cho người sống chớ không có ích lợi gì. Đã là thân tứ đại hoại rồi thì còn biết gì nữa mà sợ nóng, còn biết gì nữa mà đòi đem về quê hương. Biết chãng là cái tinh thần, cái tâm của mình. Do đó quý vị đừng có làm lẫn thân này phải trở về quê mình mới tốt. Nghĩ như vậy là sai lầm. Chính cái tâm của chúng ta, tâm sáng thì đi tới chỗ tốt, điều đó mới quan trọng.

Đó là những lời nhắc nhở để quý vị biết sau khi chúng ta có trăm tuổi, không làm phiền hà cho con cháu.

Tôi chỉ nói một phần ngắn cho quý vị biết khi đau, bệnh và già sắp lâm chung. Theo đó, quý vị có hướng chọn lựa, đừng bị tâm phàm tục làm cho mình đau khổ ngay hiện tại và kéo dài sau khi lâm chung. Đó là những điều thiết yếu.

Mong rằng tất cả quý Phật tử nghe rồi, khéo ứng dụng để tự cứu mình, đó cũng là lời Phật dạy cho chúng ta thoát khổ.

---o0o---

NIỆM PHẬT CÁCH NÀO GỌI LÀ LÃO THẬT NIỆM PHẬT ?

Thích Minh Tuệ

---o0o---

“Lão thật niệm Phật” có nghĩa là thật thà niệm Phật. Thực hành bằng cách sau:

1. Chuyên tâm nhất ý niệm Phật, ngoài danh hiệu Phật, không còn sự, việc gì khác nữa.
2. Miệng niệm Phật, tâm cũng phải niệm Phật.
3. Miệng và tâm niệm Phật không xen tạp, không gián đoạn cho đến giờ phút cuối cùng cuộc đời, nghĩa là lấy danh hiệu Phật làm bản mạng của mình.
 - o Tâm không hoài nghi, tuyệt đối tin tưởng vào lời giáo hóa của Phật Thích-ca và đại nguyện của Phật A Di Đà.
 - o Tâm không mong cầu bất cứ gì khác như: chứng đắc, vãng sanh, thành Phật...
 - o Tâm buông xả vạn duyên, nghĩa là tâm không nhớ nghĩ gì khác, kể cả ăn, uống, mặc, ngủ nghỉ, ngủ dục lục trần, danh vọng lợi dưỡng, thị phi, được mất, hơn thua, thành bại....
 - o Tâm không còn chấp ngã.
4. Toàn thân tâm đều niệm Phật. Ban đầu dùng nhĩ căn niệm Phật, nghĩa là nghe bất cứ tiếng gì cũng là tiếng niệm Phật,

như tiếng chim kêu, gió thổi, nước chảy, xe chạy, thậm chí tiếng mắng chửi mình cũng là tiếng niệm Phật. Sau đó các căn khác cũng đều như vậy.

Kinh nghiệm cho biết dễ dàng nhưt là tiếng mõ. Bản thân tôi và nhiều Phật tử thực hành, có kết quả như ý.

5. Hòa nhập năng-sở là một, nghĩa là ta người niệm Phật (năng) và danh hiệu Phật được niệm (sở) là một.

Tóm lại: Buông xả vạn duyên, không mong cầu, suốt đời chuyên tâm nhất ý toàn thân tâm niệm Phật không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Cuối cùng không còn chấp ngã, hòa nhập năng sở làm một.

Thực hiện được những điều nói trên, tùy theo mức độ cạn sâu, sẽ lần lượt chứng nhập: nhập tâm, bất niệm tự niệm, (thành một khối), nhất tâm bất loạn (niệm Phật tam muội).

Hành giả nên cố gắng, kiên trì thực tập từng bước, hầu sớm thành tựu Tịnh nghiệp, bảo đảm vãng sanh Cực Lạc, thành Phật độ chúng sanh.

---o0o---

Ý TRÌ NIỆM PHẬT CÓ HIỆU QUẢ CAO

(Trích trong Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm của Thầy Thích Minh Tuệ, chùa Tịnh Luật Houston, Texas)

---o0o---

Ý trì là niệm bằng ý, không phải bằng miệng (khẩu trì). Dùng ý để niệm Phật (không phải nghĩ, tưởng hay biết, mà là niệm).

Lý do ý trì mang hiệu quả cao:

- Chư Tổ dạy: “Tâm vô nhị dụng”, nghĩa là tâm không thể làm hai việc cùng một lúc. Khi tâm lo nghĩ một việc nào khác, thì tâm không thể niệm Phật được.

- Kinh Pháp Cú dạy: “Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến, như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình”.

- Theo Duy-thức học: "Ý thức công vi thủ, tội vi khô", nghĩa là về công, ý thức đứng đầu, về tội thì ý thức cũng đứng đầu. Làm ác do ý thức, làm thiện cũng do ý thức. Thí dụ: Ý thức muốn đánh, muốn đá thì tay mới đánh, chân mới đá. Ý thức muốn chửi mắng, miệng mới chửi mắng, ... Sa địa ngục cũng do ý thức lôi kéo vào. Vãng sanh Cực Lạc cũng do ý thức đưa đẩy. Làm ma hay làm Phật đều do ý thức.

Bằng những lý lẽ trên. Với ý trì, ta bắt ý thức phải niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc để thành Phật, thật đúng là diệu pháp. Khi ý thức niệm Phật, như đã nói ở trên, thì ý thức không còn làm được việc gì khác, dứt vọng niệm, dừng vọng tưởng, mà câu Phật hiệu luôn hiện tiền.

Trong suốt thời gian ý trì, không có vọng niệm, vọng tưởng, đúng là pháp tu chỉ của Thiên tông. Lại lắng nghe rành rẽ, rõ ràng danh hiệu Phật, đó là pháp tu quán của Thiên tông. Như vậy ý trì không khác chỉ-quán song tu của Thiên.

Nói rộng hơn, niệm Phật bằng ý để chuyển ý thức thành “Diệu quan sát trí,” sau đó chuyển Mạt na thức thành “Bình đẳng tánh trí,” đó là điều kiện thiết yếu để phá ngã chấp, pháp chấp, hầu trở về với chân tâm thanh tịnh bình đẳng của chính mình.

---o0o---

THẾ NÀO LÀ NIỆM PHẬT TAM MŨI?

Trích trong Đàn Kỳ Tùng Thư

Viết dịch: Huyền Thanh

---o0o---

Pháp Niệm Phật chẳng thể dùng vọng tâm niệm đến Phật từ xa, cũng chẳng thể dùng vọng tâm niệm nơi vọng tâm. Tại sao thế? Vì vọng tâm là Nhân sanh tử, chẳng thể cảm thông đến Bản Tế (Bờ mé của cứu cánh căn bản) cho nên dùng Nhân sanh tử chẳng thể cảm thông. Vì thế Phật vốn chẳng xa mà thành xa xôi vậy.

Lại nữa, vọng tâm niệm nơi vọng tâm. Kẻ phàm phu chính là vọng tâm liên tục trợ giúp nhau đến rơi vào Địa Ngục. Nay lại dạy dùng tâm như vậy để niệm Phật thì việc ấy – tức dùng vọng tâm lúc trước làm Niệm, vọng tâm lúc sau làm Phật.

Hoặc dùng vọng tâm lúc trước làm Phật, vọng tâm lúc sau làm Niệm. Như vậy tức cùng hiệp với thế gian luân hồi có khác gì đâu! Thế nên chỗ của Pháp này, chẳng nên dùng.

Phàm pháp Niệm Phật, chẳng nên trước tiên nhìn thấy Phật, tiếp theo là tác Niệm.

Phải nên trước tiên “thành kính Niệm”, tiếp theo nhìn thấy Phật. Vì sao thế ? Nếu trước tiên nhìn thấy Phật thì Phật là việc gì? Như vậy gọi là người đại vọng ngữ.

Lại tức khiến cho cảm ứng đạo giao. Phật hoặc thị hiện, rồi Phật đến tìm thời Niệm Phật, chạy vạy rất lâu vậy. Lại hướng chỉ là Năng Niệm chính là vọng tâm thì vọng tâm làm sao có thể mạo phạm với Phật.

Ấy là trước tiên thành kính niệm, tiếp theo nhìn thấy Phật. Niệm là Thật, Phật là giả. Bồ Tát dùng Bản Tế (Bờ mé của cứu cánh căn bản) làm Niệm, mà dùng vọng tâm làm Phật.

“Vì sao chẳng dùng vọng tâm làm Niệm, Bản Tế làm Phật?” Vì “Bản Tế” chẳng thể nhìn thấy. Chẳng thể nhìn thấy tức chẳng hay khiến cho hành nhân phát Tâm vui vẻ.

Lại Bản Tế chẳng tồn tại một hạt bụi nhỏ. Nếu hành nhân đối với Niệm Xứ, dùng sức tức rất chẳng nên.

Lại dùng cái chén Pha Lê chứa đựng sữa Sư Tử thì vật khí khác chẳng nhận được. Nếu hành nhân muốn dùng vọng

tâm niệm Bản Tế thì ví như vật khí độc chứa đựng sữa Sư Tử, cuối cùng chẳng nhận được.

Lại Niệm Phật Tam Muội đối trụ sanh tử. Nếu dùng vọng tâm đuổi theo thì cuối cùng vào biển sanh tử, không có nghi ngờ vậy.

---o0o---

Những Năng Lực và Cảm Giác của Người Lúc Lâm Chung

Diệu Âm Trí Thành

---o0o---

Mọi người đều có một năng lực tiềm tàng để có thể giúp chính mình vượt qua khó khăn trắc trở vào lúc lâm chung. Phật, Bồ-tát và các Chư Tổ Sư thông rõ việc này nên các Ngài bày ra pháp môn niệm Phật để làm phương tiện giúp chúng sanh khai mở và sử dụng năng lực tiềm tàng vô biên, vốn có sẵn ở trong mỗi chúng sanh. Phương tiện của các Ngài là gì? Thật đơn giản, gọn gàng và dễ hiểu: chính là **Tín - Nguyện - Hạnh**. Tuy là đơn giản như vậy, nhưng công năng của nó có thể giúp độ trọn cả ba căn (thượng, trung và hạ), mới thấy thật vô cùng thù thắng. Một giáo pháp viên đốn bậc nhất, đến ngay chính các bậc Đăng Giác Bồ-tát như Đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền .v.v... cũng đã áp dụng để sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, để có thể thành Phật. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Thủ Lăng Nghiêm và Kinh Hoa Nghiêm, Đức Thế Tôn đã khai thị rất rõ ràng, nên không cần phải nói rộng ra

thêm. Vậy cái công năng của **Tín-Nguyện-Hạnh** là gì? Nó chính là cách thức giúp quy động năng lực sẵn có của bạn để đạt đến trạng thái thiền định ở trong bất cứ sinh hoạt nào (đi, đứng, nằm, ngồi và ngay trong khi đang ngủ). Vì vậy, pháp môn niệm Phật còn gọi là “**Thâm Diệu Thiền**”.

Dưới đây tôi sẽ xin trình bày cho bạn, Vì sao Tín-Nguyện-Hạnh có thể giúp bạn quy động được toàn bộ năng lực Thiền Định của bạn để lúc lâm chung bạn có thể liễu sanh thoát tử, vãng sanh Cực Lạc, một đời thành Phật.

Năng lực của Tự Lực qui động từ Tín-Nguyện-Hạnh

- **Tâm tín thành nơi Phật A Di Đà và cõi nước Cực Lạc** chính là năng lực vô biên giúp bạn vượt qua tất cả khó khăn trở ngại trong việc thực hành chí thiết niệm Phật, để đạt thành tâm nguyện vãng sanh. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Phật có dạy rằng “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Khi bạn đặt một niềm tin mãnh liệt tuyệt đối vào điều gì, điều đó sẽ thành. Nên Tín có năng lực không thể nghĩ bàn; ví dụ như nếu bạn tin rằng bạn có thể học để trở thành một bác sĩ, niềm tự tin này chính là năng lực thúc đẩy bạn chăm học, chăm làm, vượt qua mọi trở ngại khó khăn để đạt thành tâm nguyện.
- **Nguyện lực tha thiết muốn sanh về nước Cực Lạc** là nguồn năng lực vô lượng thúc đẩy bạn nhất tâm niệm Phật chí thiết ngày đêm không ngừng dứt. Cũng giống như một học sinh hiếu học vì muốn (nguyện) đạt thành công danh nên ngày đêm phải miệt mài bên đèn sách.

- **Hạnh:** Hạnh là năng lực kết tụ do công phu tu tập từ trong quá khứ cho đến nay; quá khứ có thể là từ nhiều đời nhiều kiếp về trước hay chỉ là quá khứ ở hiện đời. Người có công phu tu tập, phải đoạn trừ được tất cả các tật đố tham lam, sân si, mạn, nghi. Vì đây là cội nguồn của chướng ngại, sẽ làm cho tâm bạn bị dính mắc, không thể buông xả. Nó cũng là nguyên nhân, là yếu tố đưa bạn rơi vào trong trạng thái u-minh, mất chánh giác, rồi sau đó nó dẫn dắt bạn đi vào tam ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh).

Nếu muốn cho tâm của bạn an trú không dính mắc, thanh tịnh, thư thái, bạn nên thực hiện các pháp như sau:

- (a) Đoạn trừ bất cứ nghi hoặc, hối hận hay do dự trong lòng. Ngay cả những việc làm bất thiện đã phạm trong quá khứ cũng không cho vướng mắc, bận tâm bạn. Biết mình đã làm lỗi là “giác”, biết lỗi rồi, sửa lỗi và quyết không phạm lại nữa, như vậy là làm xong công việc sám hối. Làm xong rồi phải buông xả nó ra một cách rốt ráo, không nên để chút gì sót lại, hay dính mắc trong tâm của bạn.
- (b) Ngay cả những việc thiện lành, khi làm xong cũng phải xả, chẳng để cho nó dính mắc trong tâm. Những suy nghĩ này là vọng tâm làm cho tâm bạn không được rỗng lặng, thanh tịnh. Đừng để những việc thiện này làm cho tâm bạn đặc ý, rồi sanh ra cái niệm hay hành động cống cao ngã mạn làm luống uổng công phu và công đức bạn đã tạo được.

- (c) Buông bỏ tất cả những sự dính mắc đối với bất cứ ai mà bạn có mối liên quan mạnh mẽ nhất trong đời này, kể cả những sự quan hệ thương hay ghét, thân hay oán.
- (d) Nhiếp tâm niệm Phật không tán loạn, không vọng tưởng. Lấy danh hiệu Phật A Di Đà làm công cụ phá vọng, phá mê để đạt và giữ được trạng thái thanh tịnh, thư thả của tâm. Nếu bạn làm được như thế, mặc dầu thân bạn tuy vẫn ở trong hình tướng con người, nhưng tâm bạn thì bình-đẳng với Phật A Di Đà – rỗng lặng như hư không. Muốn làm được như vậy, lúc niệm Phật nên dừng tất cả chuyện nói, làm người bị cảm mà niệm. Niệm theo từng nhịp thở, từng cơn đau, từng cơn lạnh buốt giá, ngay cả lúc vui hay buồn .v.v... Khi bạn đang được an trụ vào trong câu Phật hiệu cũng chính là bạn đang được an trụ vào trong tự tánh của chính mình, không dính mắc và thư-thái, không vọng tưởng. Lúc đó, bạn hãy cố giữ cho tâm của bạn ở trong trạng thái vắng lặng, trống rỗng, chỉ còn lại một niệm “A Di Đà Phật” ở trong tâm.

Bạn phải hiểu Tâm không có màu sắc hoặc hình tướng để nhận biết ra được nó, nhưng tự nó tuyệt đối trống rỗng và nhận biết hoàn toàn sáng tỏ thấu suốt (viên minh), vì đó chính là tự tánh của tâm bạn. Nhận biết tâm như thế, trở thành chắc chắn về tâm, đó là kiến (thấy biết). Để duy trì tâm không bị tán loạn trong trạng thái tịnh chỉ, không vọng niệm hoặc chấp thủ đó là trạng thái thiền định. Ở trong trạng thái đó không bị dính mắc vào chấp thủ hoặc tham luyến, chấp nhận hoặc đối kháng, mong cầu hoặc sợ hãi, đối với bất cứ vọng thức nào nữa cả.

(e) Đừng gửi lòng cư trú ở các nơi của người sống bình thường; chỉ gửi lòng mình nơi cõi Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà mà thôi.

Vào thời điểm chết, bạn nên biết là bạn sẽ phải trải qua những cảm giác gì?

Vào lúc sắp lâm chung bạn phải trải qua nhiều cảm giác khổ đau cùng cực, những cảm giác này gây ra bởi những nguyên nhân như sau:

1. Vào lúc địa đại hòa nhập hay tan biến vào trong thủy đại, thân thể trở nên nặng nề và thân không thể tự nương nhờ thân.
2. Vào lúc thủy đại hòa nhập vào trong hỏa đại, miệng và mũi khô khan, ngưng nói bí lời.
3. Vào lúc hỏa đại hòa nhập vào trong phong đại, thân nhiệt biến mất.
4. Vào lúc phong đại hòa nhập vào trong thức đại, bạn chỉ có thể thở ra khò khè và hít vào nấc nghẹn.

Vào lúc đó, bạn sẽ có cái cảm giác như đương bị đè nặng bởi một ngọn núi rất lớn, đương bị sập bẫy trong bóng tối, đương bị buông rơi vào vô tận của hư không. Nếu tâm bạn nghe nhận và niệm được câu Phật hiệu một cách thanh tịnh, toàn thể bầu trời sẽ tự nhiên tươi sáng rực rỡ như một tấm gấm trải rộng. Những bóng tối và sự đè nặng trong tâm tức khắc liền tan biến. Hơn thế nữa, hình tướng của Phật A Di Đà tự nhiên hiện ra ở trong tâm của bạn, cùng với những ánh quang minh sáng diệu

vô thương như trăm nghìn ánh mặt trời chiếu sáng cùng một lúc. Quang minh sáng rực, nhưng minh diệu lạ thường, nó không làm bạn chói mắt khó chịu; ngược lại, nó làm cho bạn tươi tỉnh, sáng suốt và rỗng lặng lạ thường. Tự nhiên bạn không còn cái cảm giác khô đau gây ra bởi do thân tứ đại của bạn đang phân ly nữa. Đây chính là thành quả của năng lực niệm Phật của bạn (Tự lực) cùng năng lực tiếp dẫn của Phật A Di Đà (Tha lực).

Vào lúc này tính giác viên minh của bạn sẽ nhắc nhở bạn: Đừng bị tán loạn! Đừng xúc động! Không lâu nữa Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn bạn về cõi Cực Lạc. Bạn phải ráng giữ cho tâm của bạn luôn rỗng lặng, thanh thản và tiếp tục niệm Phật không ngừng, ngay cả khi gặp được Đức Phật A Di Đà xuất hiện. Tại sao vậy? Vì nếu bạn giữ được tâm rỗng lặng như hư không, không xúc động vì vui mừng theo thói tục của thế gian chúng sanh, khi gặp Phật, bạn sẽ sanh về cõi Cực Lạc với phẩm vị rất là cao. Vì ngay lúc này với sự trợ lực của Phật A Di Đà, bạn đã đạt được Niệm Phật Tam Muội hay Nhất Tâm Bất Loạn. Nếu bạn còn có cái niệm vui mừng xúc động khi gặp Phật, phẩm vị vãng sanh của bạn bị hạ thấp xuống, vì tâm bạn vẫn còn dính mắc vọng niệm của người phàm phu.

Khi bạn thấy Phật A Di Đà xuất hiện, bạn cũng đồng thấy vô số Phật, Bồ-tát và Thánh Chúng đồng xuất hiện để nhiếp thọ tiếp dẫn bạn. Hình tướng và dung mạo của các vị Phật ở cõi Tây Phương, cũng giống hệt như Phật A Di Đà. Hình tướng và dung mạo của các Bồ-tát cũng đồng giống hệt như Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, không có tướng sai khác. Bạn cũng được

nghe tiếng của thánh chúng niệm Phật vang động cả bầu trời với những âm thanh vi diệu hòa nhã và tùy hỷ.

Nên lưu ý, trước khi gặp Phật, ma chướng (nghiệp chướng) cùng sinh của bạn sẽ loạn động cái tâm của bạn làm cho chánh niệm của bạn bị sụp đổ, bạn muốn niệm Phật cũng rất là khó khăn hay chẳng thể niệm được; nó phát ra những âm thanh chói tai, uy mãnh và làm mê mờ bạn. Ở vào thời điểm này, bạn hãy tuệ tri điều này:

1. Cái cảm giác đương bị đè ép xuống bởi một ngọn núi, không phải là bạn đương bị đè ép xuống bởi một ngọn núi. Đó là khi các đại của bạn đang hòa nhập. Hãy đừng sợ hãi chuyện đó!
2. Cái cảm giác đương bị sập bẫy trong bóng tối, không phải là đang bị sập bẫy trong bóng tối. Đó là khi năm quan năng của bạn đang hoà nhập!
3. Cái cảm giác đương bị buông rơi vào trong vô tận của hư không, không phải là bạn đương bị buông rơi. Đó là tâm của bạn không có cái gì để nương nhờ, bởi thân và tâm của bạn đã ly biệt và hơi thở của bạn đã ngừng lại.

Vậy bạn phải cố gắng nương vào câu Phật hiệu không gián đoạn để tâm của bạn không bị mê mờ bởi những cảm giác hư vọng này. Tất cả những quang cảnh, các hình tướng, các âm thanh, ánh sáng đều là của chính bạn, đều là do tâm của bạn ảnh hiện bởi do nghiệp lực chiêu cảm. Hãy đừng nghi hoặc gì về điều đó. Nếu bạn cứ cảm thấy nghi hoặc, bạn sẽ bị ném trở vào trong sinh tử luân chuyển. Hãy quyết định sáng tỏ hơn để thấy đó chỉ là chuyện tự diễn-hiện, và nếu bạn nương nhờ an trú vào

câu Phật hiệu (nó cũng chính là tính viên minh trong chân không diệu hữu quang minh biến chiếu), trong tính chân không diệu hữu quang minh biến chiếu đó bạn sẽ chứng đạt ba thân – Pháp thân, Báo thân, Ứng Hoá thân – và trở thành giác ngộ. Ngay lúc đó dù nếu bạn có bị ném vào trong sinh tử luân chuyển, bạn cũng sẽ không đi vào đó.

Bạn nên biết rằng A Di Đà Phật chính là vị Phật bảo hộ và cũng là tự tánh hiện hữu của bạn để duy trì tâm bạn với chánh niệm không bị tán loạn. Từ thời điểm này, điều rất quan trọng là ở trạng thái không mong cầu và sợ hãi gì cả, không chấp và thủ đối với tất cả các đối tượng và quan năng của sáu thức, cũng như đối với những dẫn dụ mê đắm, hạnh phúc và sầu muộn. Và từ bây giờ trở đi, nếu bạn đã đạt “tịnh chỉ an định”, bạn sẽ có thể bắt đầu có khả năng đâm lĩn bản tính ở trong trung hữu và trở thành giác ngộ. Thế nên điểm tối yếu cho sinh mệnh của tuệ mệnh là chấp trì câu hồng danh A Di Đà Phật liên tục, không gián đoạn, không tán loạn từ chính thời điểm này.

Ma chướng cùng sinh là tập khí hiện tại đưa đến vô minh, nghi hoặc và do dự của bạn. Nên vào lúc ở tử địa, bất cứ hiện tượng dễ sợ nào xuất hiện, thí dụ như những âm thanh, những màu sắc và những ánh sáng, hãy đừng bị mê đắm dẫn dụ, hãy đừng nghi hoặc và hãy đừng sợ hãi. Nếu bạn bị rơi vào nghi hoặc dù chỉ một thời điểm, bạn sẽ lang thang trong cõi sinh tử luân chuyển, vì thế nên hãy đạt được “tịnh chỉ an định” hoàn toàn, không thay đổi và không bị chầm dứt bất thành linh.

Ở thời điểm này, những lối dẫn vào tử cung (cửa ngõ tái sinh) hiện ra như những cung điện cõi trời. Hãy đừng bị tham luyến đối với chúng. Hãy tin chắc chắn vào điều nhận biết sáng tỏ thấu suốt đó. Hãy tự tại, không mong cầu và sợ hãi! Vào thời điểm đó, tính giác viên minh trong sáng thấu suốt của chính bạn (tự lực) cùng với quang minh tiếp dẫn của Phật A Di Đà (tha lực) sẽ là cộng lực cứu độ bạn.

Khi đạt được Pháp thân giống như hư không cho lợi ích chính mình, bạn sẽ thành tựu lợi ích cho tất cả hữu tình trong tận hư không vô lượng pháp giới. Bạn có thể hoá hiện các thứ báo thân và ứng hoá thân làm lợi ích cho tất cả hữu tình trong tận hư không vô lượng pháp giới, và lúc ấy tâm của bạn sẽ lan tỏa vạn hữu vô tận xứ.

Kết Luận:

Do vì tâm của chúng ta quá xa rời với giác ngộ và tỉnh thức, do vì nghiệp chướng và tội ác của chúng ta quá nhiều đến không thể tính kể, phước báu thì quá nhỏ bé như hạt mè. Do vì tập khí tham, sân, si, mạn, nghi của chúng ta quá nặng nề tạo thành một màn vô minh dày đặc bao trùm che phủ Như Lai tánh thường chiếu. Cho nên, ngay trong cuộc sống hiện tại chúng ta phải gặp nhiều ngang trái khổ đau, gặp nhiễm các thứ hồ đồ lộn xộn; cho đến lúc lâm chung, chúng ta không biết nơi nào để đi, chỗ nào để đến, phó mặc cho nghiệp lực dẫn dắt tiếp tục lang thang trôi trong sáu nẻo luân hồi sanh tử. Nay nhờ chút phước mọn sót lại, chúng ta gặp lại được pháp môn quảng đại thù thắng của Phật A Di Đà do Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tự trao truyền chỉ dạy. Những người có đại tín thành, đại

nguyện lực, tinh tấn đồng mãnh, và thông tuệ, những người luôn nhớ đến Thầy của họ là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, những người luôn tin nhiệm vào Phật A Di Đà, những người thân tâm nỗ lực trong thực hành, những người có tâm an tịnh, và có khả năng buông bỏ các mối quan tâm đối với thế giới này. Đây là những người được tất cả các Đức Như Lai đồng thanh khen ngợi; vì họ, ở trong đời trước, đã từng gặp Phật quá khứ quy y, chiêm bái, cúng dường và họ cũng đã từng được Phật thọ ký Bồ Đề. Những người tin nhận và chân thật tinh tấn tu tập giáo pháp này là những người được thừa hưởng của cải vô tận của các Đức Như Lai trong mười phương ba đời. Tại sao? Vì giáo pháp này đều được tất cả các Đức Như Lai trong mười Phương Thế Giới, mà mỗi Thế Giới lại có vô số vô lượng các Đức Như Lai nhiều như cát của sông Hằng, đồng thanh khen ngợi và tán thán không thể nghĩ bàn, không có sai khác.

---o0o---

KHUYẾN TẤN HUYNH ĐỆ ĐỒNG TU NIỆM PHẬT CẦU SANH TÂY PHƯƠNG

Diệu Âm Trí Thành

---o0o---

Kính gửi đến anh chị,

Hôm nay được nói chuyện với chị qua điện thoại, em nhận thấy chị tâm hồn tinh tảo, thanh thoi vui vẻ, tư thế sẵn sàng xả bỏ xác thân thế tục, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà

Phật, chờ ngày vãng sanh. Lại nữa, chị có anh V., con cháu và bạn bè bên cạnh hết lòng hỗ trợ chị niệm Phật, thật là phước đức lớn, khó ai sánh bằng. Nhân duyên vãng sanh của chị xét ra rất là thuận lợi về cả hai mặt tự lực và tha lực.

Người chưa có tín lực trong pháp môn niệm Phật thì sợ chết; người có đầy đủ Tín-Nguyện-Hạnh, ngược lại, mong sao cho chóng vãng sanh thành tựu đạo cả. Vì vậy, anh V. và các cháu nên lưu ý, khi nghe bác sĩ cho biết thời gian của chị L. sắp ra đi, phải nên cho chị biết trước để có chuẩn bị tinh thần càng sớm càng tốt. Lúc đầu, chị L. có thể bị hoang mang sợ hãi, nhưng chỉ trong chốc lát sẽ hồi tỉnh và chấp nhận số mệnh sẵn bày. Nếu chị L. biết ngày ra đi quá trễ, chị sẽ không có đủ thời gian để chuẩn bị và an định tinh thần mà rút ráo niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Khi người niệm Phật biết mình không còn sống bao lâu nữa, sức niệm Phật của họ sẽ tự nhiên gia tăng “ghê lắm”, có thể đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn, vì họ chỉ có một con đường tốt nhất để đi, không còn sự lựa chọn nào khác. Anh V. và các cháu nhớ dùm cho điều này nhé! đừng nên dẫu chị L., làm chị không đủ thời gian để chuẩn bị.

Trong chúng ta, có nhiều người đã nghe hoặc tận mắt thấy nhiều người do công phu niệm Phật đắc lực, được vãng sanh rất tự tại, biết trước giờ giắc ra đi, không một chút bệnh hoạn, gương mặt tươi đẹp hơn lúc bình thường. Cũng có nhiều người vào lúc sắp lâm chung, gặp được Thiện-trí-thức khai thị pháp môn niệm Phật, rồi phát lòng Tín-Nguyện-Hạnh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc; sau đó vượt qua khỏi mọi ách nạn và nghiệp chướng, và cũng được vãng sanh tự tại. Chúng ta là hạng người nào giữa hai bậc vãng sanh trên? Nếu chúng ta còn

có những suy nghĩ tham sống sợ chết, luyến tiếc trần cảnh thì e rằng “hạ hạ phẩm vãng sanh” cũng không có phần, rồi phải chịu trôi lăn mãi trong lục đạo luân hồi.

Tổ Ấn Quang Đại Sư đã dạy chúng ta phải lấy chữ “Tử” làm trọng đại, không phải là dạy chúng ta sợ chết, xa lánh cái chết, mà Ngài dạy chúng ta phải sáng suốt và phải có chuẩn bị thiết thực để lúc lâm chung có thể bình tĩnh và an nhiên thanh tịnh niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, vượt qua khỏi sanh tử luân hồi, nhập vào hàng Thánh.

Hòa Thượng Tịnh Không nói: “Pháp môn Niệm Phật không có sanh tử, vãng sanh không phải là chết, vãng sanh là sống mà ra đi. Còn chết là không thể Vãng Sanh”. Cho nên pháp môn này thật sự là “pháp môn không sanh, không diệt”, là “pháp môn tối thượng” như lời Thế Tôn tuyên bố.

Người niệm Phật tinh chuyên, chí nguyện kiên cố và sâu rộng, có lòng tin nhiệm nơi Phật A Di Đà, vào lúc lâm chung sẽ rất tỉnh táo, không kinh không sợ, tâm không điên đảo. Lúc đó, họ không cần cái xác thân tạm bợ vô thường này nữa. Lúc ấy, họ rất là vui mừng vì sắp được thấy Phật A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí và Chư Vị Thánh Chúng tới rước. Khi lên đến cõi Tây Phương Cực Lạc rồi, họ sẽ được một thân tướng trang nghiêm đẹp đẽ y như đức Phật A Di Đà. Như vậy, đâu thể gọi là chết, mà phải gọi cải tử hoàn sanh. Sống ở thế gian này luôn phải chịu đựng tám khổ đè nặng trên thân lẫn tâm, sống không bằng chết, chẳng có gì để vui thích. Xả bỏ được xác thân thế tục, vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc sẽ vĩnh viễn không còn chết

và luôn thọ hưởng những sự vui sướng khoái lạc, thanh tịnh tối cực; vậy mới gọi là “thật sự cải tử hoàn sanh”.

Pháp môn niệm Phật là “Pháp môn Vô Lượng Thọ”, là “Pháp môn không già, không bệnh, không chết”. Chúng ta phải nên vững lòng, an tâm, đừng bước, lắng lòng nhất hướng chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Chỉ cần chuyên tâm niệm Phật, thì mọi chuyện khổ đau đều không còn nữa, thân tâm thanh tịnh, sắc mặt tự tại, hồn nhiên vui vẻ.

Hiện giờ chị L. còn đang mang cái nghiệp báo thân này, sống chết chẳng đặng theo ý muốn. Chị đã phát tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, và cũng đã cố gắng buông xuống hết rồi, chỉ còn câu hồng danh A Di Đà Phật với niềm vui đạo hạnh tràn ngập trong lòng, đó gọi là pháp hỷ sung mãn. Điều cần thiết lúc này là: hoan hỷ vui vẻ, chuyên cần công phu niệm Phật cho thành khối; điều này sẽ giúp cho chị không còn bị ràng buộc bởi cái khổ của bệnh và chết nữa, chừng đó sanh tử tự tại, sự vãng sanh hoàn toàn mang theo ý nghĩa cao đẹp – thành Phật để cứu độ chúng sanh.

Người tu đạt đến mức biết mình sắp lâm chung mà vẫn an nhiên tự tại, như chị L. vậy, là người hội tụ đủ phước báo để được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Người lão thực niệm Phật này, khi biết số mạng của mình không còn nữa, họ mong sớm được lên Tây Phương Cực Lạc để mau được nghe kinh pháp do Phật diễn xướng, gần gũi vạn ức Phật tu tập các pháp công đức, chóng thành Phật đạo. Sau khi lên đến thế giới Cực Lạc rồi, mỗi ngày đều được thấy Phật, được cúng dường

vô lượng hằng hà sa số Phật, và có thể phân thân trở lại thăm thế gian bất cứ lúc nào. Có gì tự tại và vui sướng hơn nhỉ!

Thế giới Tây Phương Cực Lạc có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, thanh tịnh và đẹp đẽ. Phước báo tự nhiên đầy đủ, chẳng tơ hào ác, mọi nơi mọi vật đều là những thành tựu tốt đẹp. Chúng ta tranh thủ đi cho sớm nhé!

Chúng ta phải nên sáng suốt nhận thức sự thù thắng không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà, Thế Giới Cực Lạc và pháp môn niệm Phật, để tăng trưởng thêm niềm tin và thiện căn của mình hầu đem hết tâm nguyện của mình ra niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chắc chắn sẽ được thành tựu.

---o0o---

TIN LỜI PHẬT DẠY

Việt & Đạo Nguyễn

---o0o---

Diệu Âm cung kính cúng dường

Chúng ta đã nghe rất nhiều lần những tin đồn dự đoán về tai kiếp kể từ cuối năm 1999, đầu năm 2000, rồi đôi lần sau này... và điển hình gần đây nhất là dự đoán có thể xảy ra vào tháng 12 năm 2012. Điều này cũng đã gây ra nhiều nỗi lo sợ hoang mang, làm xáo trộn tinh thần từ trong gia đình đến xã hội. Vậy hậu quả của tai kiếp ấy (nếu tai kiếp xảy ra) là do đâu?

Đây là luật Nhân Quả rất lớn, rất đáng sợ, chúng ta cần phải cảnh tỉnh!

Là người học Phật và cũng là con Phật. Chúng ta hãy đọc Kinh Vô Lượng Thọ ở Phẩm 45, Chỉ Lưu Lại Một Kinh Này, xin trích một đoạn:

“Ta nay do vì, các chúng sanh thấy, nói kinh pháp này, khiến cho thấy đặng Phật Vô Lượng Thọ. Và cõi nước kia, tất cả các thứ, những gì sẽ làm, đều có thể cầu. Không khéo sau khi, ta đã diệt độ, lại sanh nghi hoặc, ở trong đời sau, kinh đạo tận diệt, ta vì tâm lòng, từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại, chỉ một kinh này, trụ thế trăm năm. Có chúng sanh nào, được gặp kinh này, tùy theo ý nguyện, đều đặng độ thoát...”

Tin vào lời Phật dạy, thì đối với đoạn kinh văn này chúng tôi là chúng ta đang ở trong thời đại nào? – Có phải là thời đại mà tất cả kinh đạo bị diệt tận không? Chấn chấn là không phải! Hiện nay Diệu Âm thấy ở bất cứ chùa nào, đạo tràng hay niệm Phật đường nào cũng chứa đựng rất nhiều kinh sách (nếu không nói là dư thừa), đây cũng là *pháp duyên* thù thắng, tức không thể là kiếp của kinh đạo tận diệt, chỉ còn lưu lại một Kinh Vô Lượng Thọ này! Tuy *pháp duyên* của chúng ta so với thời xưa là có rất nhiều kinh sách để tụng đọc hơn, thế nhưng *thiện căn* và *phước đức* của chúng ta thì lại rất mỏng, vì chúng ta không chịu dành thời gian để tụng kinh điển và y giáo phụng hành (tức y theo lời Phật dạy ở trong kinh mà áp dụng vào trong cuộc sống hằng ngày để đối xử với người, với vật cho tốt, không có sai lầm, không có phạm lỗi.). Ngược lại, người thời xưa đi tìm kinh sách Phật Pháp để tụng đọc và học Phật thì rất là khó khăn,

nhưng thân tâm của họ thanh tịnh hơn nhiều, ít tham muốn chỉ biết đủ sống, họ chịu y giáo phụng hành, đây là thiện căn và phước đức của họ rất sâu dày. Do vậy, mà họ thành tựu vắng sanh rất nhiều.

Xin trích thêm một đoạn nữa ở Phẩm 45: “...*Như Lai tại thế, khó gặp khó thấy. Kinh đạo chư Phật, khó được khó nghe. Gặp thiện tri thức, nghe pháp hay hành, việc này cũng khó. Nếu nghe kinh này, tin ưa thọ trì, là khó trong khó, chẳng gì khó hơn...*” Nếu chúng ta niệm Phật nhiều mà không tụng kinh thì cũng không được lợi ích nhiều lắm. Vì kinh của Phật mỗi câu mỗi chữ đều bao hàm “mật nghĩa” vô cùng sâu rộng, không có giới hạn. Thí dụ như chúng ta đừng đọc lướt câu “**tin ưa thọ trì,**” mà hãy nên để tâm suy tư thể hội câu này cho sâu sắc thì sẽ được nhiều lợi ích...

Quanh đời sống của chúng ta cũng thế, tuy có nhiều sự việc xảy ra rất phức tạp, nhưng nếu chúng ta hiểu ý Phật dạy trong kinh điển và có khả năng biết dùng lời Phật dẫn dụ làm gương ấy, mà thực hành hay áp dụng nó vào những trường hợp tương tự sao cho đúng pháp thì tất sẽ được nhiều lợi lạc hơn.

Mục đích tụng kinh là để nhắc nhở và cảnh tỉnh chính mình, nhớ lời Phật dạy ở trong kinh mà làm cho đúng như không dám nói bậy, làm bậy, tạo nghiệp ác,... chứ không phải tụng kinh là tụng cho Phật nghe hoặc để trả bài cho Phật. Kinh là lời Phật nói, Ngài đâu có cần chúng ta đọc cho Ngài nghe. Phật là một vị thầy giáo dục làm tấm gương đi trước, nay Phật không còn ở thế gian này nhưng kinh điển của Ngài vẫn còn đó thì cũng giống như Phật còn tại thế vậy. Nếu không làm theo

như lời trong kinh dạy bằng cách đọc tụng và thực hành, áp dụng hằng ngày, thì chúng ta tu hành không được “tương ứng”, không được pháp hỷ sung mãn, đường tu không tiến bộ được. Lại còn nói, tu đã lâu mà sao không thấy chi cả? Ngược lại phiền não lại gia tăng? Có phải Phật Pháp không linh nghiệm? Rồi trở lại chê bai, báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Vạn pháp đều do tâm tạo, tự mình tạo nghiệp thì tự mình gánh chịu lấy quả báo, chứ Phật không ban ơn giáng họa cho một ai cả. Tâm của Phật từ bi rộng lớn đầy cả hư không khắp pháp giới, không hề có tình riêng với một chúng sanh nào.

Một khi đã thuộc và nắm vững những lời dạy của Phật ở trong Kinh Vô Lượng Thọ, thì dù sau này có nghe những tin gì lạ lùng đi nữa, chúng ta cũng đem kinh Phật ra mà đối chứng. Dùng trí huệ để quán sát mọi chuyện trong thế gian, biết dựa trên lòng tin vào lời Phật dạy ở trong kinh. Trí huệ có được là nhờ niệm Phật và tụng kinh Vô Lượng Thọ nên tâm được yên định (định sâu hay cạn tùy vào công phu tu hành của mỗi đạo hữu). Tâm được định thì sanh trí huệ.

Trong Tứ Duy Đức. Phật cũng đã dạy cho chúng ta Tứ Y:

1. Y pháp bất y nhân. (thông qua đọc kinh mà hiểu lời Phật dạy chứ không nghe theo người đời)
2. Y nghĩa bất y ngữ.
3. Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa.

4. Ý trí bất y thức. (dùng lý trí để đối xử với người với vật chứ không dùng cảm tình để giải quyết công việc. Bỏ Thức dùng Trí.

Mục đích tu học là để chuyển 8 Thức thành 4 Trí. Thí dụ: Trong khi niệm Phật và tụng kinh chúng ta niệm không tập trung hoặc tụng kinh không tập trung thì không chuyển được “ý thức phân biệt” [là Thức thứ 6] thành Diệu Quan Sát Trí. Niệm Phật và tụng kinh không tập trung [tán loạn] thì không những không chuyển được Thức mà còn bồi dưỡng thêm cho Thức. Cổ đức nói niệm như vậy là đau mồm rát họng chỉ uổng công phu!

Thức thứ 1 (Nhãn [mắt] Thức)

Thức thứ 2 (Nhĩ [tai] Thức)

Thức thứ 3 (Tỷ [mũi] Thức)

Thức thứ 4 (Thiệt [lưỡi] Thức)

Thức thứ 5 (Thân [cơ thể] Thức)

Khi chúng ta niệm A Di Đà Phật nghĩa là đem những chủng tử vô lậu (danh hiệu Phật) đi vào tâm (A Lại Da thức) nó sẽ chuyển hóa những chủng tử hữu lậu như: tham, sân, si, cống cao, ngã mạn, nghi, tà tri, tà kiến, ích kỷ, gian xảo, ganh ghét, đố kỵ, điên đảo, đam mê, khinh người, không nhận lỗi, chê thien, vui ác, v.v...dần dần bớt đi khiến cho thân tâm trở nên thanh tịnh, gọi là bạch tịnh hóa. Vì sao như vậy? vì trong khi niệm Phật (tức là huân tập công đức vô lậu đi vào trong thân tâm) lúc này chúng ta thâm nhiếp lại sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không cho sáu căn tiếp xúc với sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, giác. Do đó, thân tâm không chạy ra ngoài ít

khởi những chủng tử hữu lậu như trên. Niệm Phật càng nhiều thì những chủng tử vô lậu càng lớn, những chủng tử hữu lậu càng giảm. Khi năm thức trên chúng quả vô lậu, thì chuyển thành Sở Tác Trí (1).

Thức thứ 6 (Ý Thức). Thức này hay phân biệt. Nếu không dùng thức này thì chuyển thành Điều Quan Sát Trí (2).

Thức thứ 7 (Mạc Na Thức). Thức này hay chấp trước. Nếu không dùng thức này thì chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí (3).

Thức thứ 8 (A Lại Da Thức, là tâm, hoặc tàng thức, tiềm thức, thân thức, tự tánh, tánh linh.). Thức này như một cái kho chứa đựng tất cả mọi sự việc.

Khi Thức thứ 6 và thứ 7 chuyển rồi (nghĩa là không phân biệt, không chấp trước) thì Thức thứ 5 và Thức thứ 8 sẽ chuyển theo. Niệm Phật càng nhiều sức chuyển hóa những chủng tử hữu lậu thành vô lậu càng lớn, đến giai đoạn không còn những chủng tử hữu lậu mà chỉ có chủng tử vô lậu, thì lúc đó A Lại Da Thức (Thức thứ 8) chuyển thành Bạch Tịnh Thức hay Vô Cấu Thức (Thức thứ 9). Cuối cùng chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí (4).

Kinh Vô Lượng Thọ là “đệ nhất kinh”, là “Vua” trong các kinh. Vì sao? Vì kinh đã được tất cả các Chư Phật trong mười phương tán thán. Những chúng sanh nào tu theo kinh này thì đều được vãng sanh, nhờ Phật lực gia trì, vãng sanh chúng

đặng quả bất thối chuyển, tiến tu cho đến khi thành quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Một số quý đạo hữu nói kinh Vô Lượng Thọ dài quá không có thời gian để tụng (nhưng họ có thể xem phim bộ dài tập ngày đêm không chán). Còn việc tụng kinh để giúp mình tu hành hằng mong thoát ly sanh tử luân hồi vĩnh viễn vui sướng đời đời kiếp kiếp thì lại không làm được, mê quá sâu, có phải là thiện căn và phước đức của chúng ta mỏng hay không? Kinh tuy dài vì kinh bản là “Đại Bản”, bản hội tập rất đầy đủ. Tùy theo công việc, thời gian, và hoàn cảnh sinh sống của mỗi đạo hữu mà lập ra thời khóa cho mình. Thí dụ: có thời gian ít thì sáng tụng một phẩm hoặc hai phẩm, tối tụng hai phẩm hoặc ba phẩm, sau đó buông kinh ra niệm Phật nhiều hơn (đây là phần chánh hạnh). Vào ngày nghỉ thì tụng nhiều phẩm hơn hoặc tụng tất cả 48 phẩm, tùy tâm, tùy thời gian... Nếu không có đủ nhiều thời gian thì chỉ niệm Phật, nhưng khi có thời gian thì phải tụng kinh và nghe giảng kinh. Đành rằng chúng ta là phàm phu thì ai ai cũng bận rộn công việc để mưu sinh cuộc sống, xong kiếp người sống nay chết mai, không một ai biết thọ mạng của mình là kéo dài được bao lâu? Tu hay không không là do mình tự định hướng.

Đây cũng là thời khóa của Diệu Âm, nên chỉ có lòng chân thành chia sẻ đến cùng quý đạo hữu, chứ Diệu Âm không dám nói thì hay mà làm thì không hay.

*Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ân nặng*

*Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Đều phát tâm Bồ Đề
Hết một báo thân này
Đồng sanh Cực Lạc quốc.*

---o0o---

TÂM NGÃ MẠN

Diệu Âm Trí Thành

---o0o---

Phàm phu chúng ta vì quên mất tự tánh, nên tự tánh liền biến thành A-lại-da thức, trong A-lai-da-thức có Mạt-na thức sanh ra bốn thứ phiền não là ngã kiến, ngã ái, ngã si và ngã mạn. Trừ các vị đã chứng được quả A La Hán trở lên mới không còn tâm ngã mạn, tất cả các loài từ Trời trở xuống đều còn có tâm ngã mạn. Ngã mạn là vọng tưởng sanh sanh diệt diệt trong tâm của chúng ta không ngừng; theo như lời dạy của đức Di Lặc Bồ-tát: vận tốc sanh diệt của vọng tưởng trong tâm chúng sanh nhanh như thời gian của khoảng khảy móng tay. Chúng ta là phàm phu, do đó ai cũng có lòng ngã mạn, nhưng cường độ ngã mạn có khác nhau, có thô và có vi tế.

Người tu hành mà có lòng ngã mạn thì thường gặp ba thứ chướng ngại như sau:

- Người ngã mạn, dù cho thường đọc tụng kinh điển Phật, nhưng không thực hành được bởi do tâm ngã mạn. Tại sao?

Vì họ không y giáo phụng hành, không làm theo đúng lời Phật dạy, tức là còn ngã mạn, còn chưa tin lời Phật dạy. Trong kinh Pháp Hoa Phật nói: “người tin ta, mà không làm theo lời ta dạy là người phỉ báng ta”.

- Người ngã mạn thường sanh tâm đố kỵ, ganh ghét người giỏi hơn mình và thành công hơn mình, hay phá hoại việc làm của người khác bằng lời nói và hành động. Họ tự ngăn ngại tâm thanh tịnh và từ bi của chính mình.
- Người ngã mạn thường sanh lòng tham dục vì muốn hơn người.

“Hoà thuận” là hai pháp dùng để đối trị tâm ngã mạn. Để có thể thực hiện được pháp “Hoà thuận”, đức Phật lại dạy ta bốn pháp để nhiếp thọ chúng sanh, được gọi là Tứ nhiếp pháp. Tứ nhiếp pháp gồm có: Bố thí nhiếp, ái ngữ nhiếp, lợi hành nhiếp và đồng sự nhiếp.

1. Bố thí nhiếp có nghĩa là sự quan tâm, sự bố thí vô úy, khác với ý nghĩa của bố thí trong Lục Độ. Thí dụ: hiếu khách, tán thán, cảm ơn, khuyến lơn, an ủi, tặng quà .v.v... là cách bố thí trong Tứ nhiếp pháp.
2. Ái ngữ nhiếp không phải là lời nói ngọt ngào nịnh bợ, mà là lời nói chân thật, thương yêu và từ bi.
3. Lợi hành nhiếp là làm những việc làm có lợi ích chung cho mọi người, lợi ích cho xã hội, lợi ích cho chúng sanh, không tự tư tự lợi. Tự tư tự lợi là tham, xem ra như có lợi ích trước mắt, nhưng đến lúc phải thọ quả báo, rơi vào chốn hỏa ngục,

thì hồi hận cũng không kịp. Lợi người mới là lợi mình. Tự lợi cho riêng mình là ác pháp, tự làm hại lấy chính mình.

4. Đồng sự nhiếp có nghĩa là làm cùng sự nghiệp với chúng sanh hữu tình, cùng lợi ích như nhau, cùng công việc khổ vui (nghiệp); gần gũi chúng sanh, dùng pháp nhãn thấy rõ căn tánh chúng sanh như thế nào, rồi tùy thuộc vào những thân căn y báo chánh báo cùng cái khổ cái vui của họ mà thị hiện thân hình ứng vào những thân căn đó mà hiện thân cứu vớt đưa họ vào chánh đạo, khiến cho họ cũng được những lợi ích. Cách thức Đồng sự nhiếp này chỉ có Phật Bồ-tát mới có thể làm được, phàm phu chúng ta không làm nổi. Chúng ta nhận biết cách làm này qua lịch sử của Phật Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài thị hiện ở thế gian này với thân của chúng sanh và phải chịu các thứ khổ như chúng sanh để giáo hoá chúng sanh... Chúng sanh thấy Ngài có cần khổ tu hành và thành đạo, nhưng đối với Ngài thì không có vui và cũng chẳng có khổ, vì Ngài đã vượt qua tất cả các pháp đối đãi của thế gian.

Trong cuộc sống gia đình, đối với cha mẹ, vợ chồng, con cái, nếu chúng ta biết dùng Tứ nhiếp pháp để ứng xử, thì gia đình sẽ được an vui và hạnh phúc mỹ mãn. Trong đoàn thể cộng đồng xã hội, tăng đoàn hay đạo tràng .v.v... nếu chúng ta thực hành Tứ nhiếp pháp theo lời Phật dạy, thì tập thể này sẽ được đoàn kết và có sức mạnh thành tựu mọi việc làm. Tóm lại, Tứ nhiếp pháp là pháp tu giúp chúng ta phá trừ tánh ngã mạn để có thể hăng thuận với chúng sanh.

Bồ-tát luôn thị hiện ở thế gian, luôn biểu diễn Tứ nhiếp pháp một cách viên mãn để cho chúng ta nương theo mà học

tập. Các Ngài thị hiện với thân người giống như chúng ta, sinh sống lẫn lộn với chúng ta để dẫn dắt chúng ta vào Phật đạo. Việc này được Phật Thế Tôn nói trong kinh Vô Lượng Thọ như sau: “Trong cõi Phật đó, tất cả Bồ Tát, hiện tại vị lai, đều đang rất ráo, nhất sanh bồ xứ. Duy trừ nguyên lớn, vào cõi sanh tử, vì độ quần sanh, làm sư tử hồng, khoác đại giáp trụ, công đức hoằng thệ, dùng tự trang nghiêm. Tuy rằng sanh vào, đời ác năm trước, *thị hiện giống họ*, thẳng tới thành Phật, không thọ hưởng ác, sanh đâu cũng thường biết mạng đời trước”.

Bồ-tát thị hiện ở thế gian, có lúc là người hiền minh làm gương mẫu cho chúng sanh, có lúc là người xấu ác để cảnh tỉnh chúng sanh, để chúng sanh nhận ra lý nhân quả mà làm lành tránh ác. Do đó, đối với người hiền hay dữ, tốt hay xấu, khiêm nhường hay ngã mạn, chúng ta đều phải chân thành và bình đẳng cung kính họ, chớ nên xem thường khinh dễ họ. Nếu chúng ta có lòng khinh thường người làm ác, chúng ta cũng chính là người có tâm ngã mạn. Có một điều mà chúng ta phải nên luôn hết sức thận trọng là: chớ nên vọng tưởng tự xem mình là Bồ-tát hay Nhất-sanh-bồ-sứ thị hiện cứu độ chúng sanh; bởi lẽ, khi chúng ta khởi lên cái tâm này, thì chúng ta đích thực là người ngã mạn. Cái vọng tưởng này rất là thường xảy ra với những người làm được các pháp lành, rồi xem thường người khác chưa làm được ... Lại nữa, Bồ-tát có thể thị hiện là người xấu để giáo hoá chúng sanh, nhưng chúng ta không phải là Bồ-tát, nên không thể bắt chước các Ngài mà làm như vậy. Chúng ta chỉ có thể bắt chước những điều tốt lành mà các Ngài mà thôi. Chúng ta chỉ nên âm thầm quán chiếu những việc xấu ác để không bị phạm.

Phật dạy chúng ta Tứ nhiếp pháp để đoạn trừ tâm ngã mạn, nếu chúng ta thường áp dụng pháp này trong cuộc sống hằng ngày, tâm ngã mạn của chúng sẽ dần dà giảm bớt, tánh đức và phước báu sẽ được hiển lộ. mọi nguyện ước sẽ được thành đạt mà không cần phải mong cầu ở bất cứ nơi nào khác.

Vì thế, trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy rằng:

“Tự tánh bản nhiên vốn sẵn thanh tịnh, chí nguyện vô thượng, thân tâm tịch định an lạc. Hốt nhiên khai đốn, minh bạch triệt ngộ, thấu được Thật Tướng các pháp, bản thể vũ trụ. Tự nhiên quang sắc xen nhau biến hiện như như, chuyển biến tối thắng. Uất Đan Việt tự nhiên thành bảy báu, từ hư không tự nhiên hiện ra vạn vật, hiển lộ từ Quang Minh tạng tinh diệu sáng sạch, tốt lành thật khôn sánh, tỏ soi không trên dưới, thông suốt không ngăn mé. Nỗ lực tự cầu đạo, tự thân siêng tinh tấn, ắt quyết được siêu tuyệt, vãng sanh cõi vô lượng thanh tịnh của Phật A Di Đà. Chặt ngang dứt năm đường, ác đạo tự đóng lấp.”

Trong kinh Vô Lượng Thọ, phẩm 20, Gió đức mưa hoa, có đoạn kinh văn: “Gió lại thổi qua rừng cây bảy báu, cuốn hoa rơi kết lại thành vàng, từng sắc từng quang, trải khắp cõi Phật. Hoa lần lượt tự lại riêng biệt từng màu, chẳng xen tạp loạn, nhu nhuyễn sáng sạch, như Đâu La Miên. Chân giẫm trên hoa, lún sâu xuống bốn ngón, khi giở chân lên, hoàn phẳng như cũ. Quá khỏi giờ ăn, hoa ấy tự mất, mặt đất thanh tịnh, lại mưa hoa mới. Tùy thời tùy tiết, tuần hoàn trọn khắp như trên chẳng khác, như vậy sáu thời cho mỗi ngày đêm.”

Chúng ta biết Phật học là nội học; do đó, tất cả những gì Phật dạy đều quy hướng về Tâm: cảnh cũng là tâm, tướng cũng là tâm, âm thanh cũng là tâm, hương thơm cũng là tâm .v.v... **Tánh Tướng Đồng Nguyên**: trong Tướng thấy Tánh, trong Tánh thấy Tướng, sự sự vô ngại. Lại nữa, cảnh giới Tây Phương thù thắng, từng thứ từng thứ một đều là Pháp của A Di Đà Phật dùng để giáo hoá chúng sanh trong cõi nước ấy. Dựa trên căn bản hiểu biết này, khi ta thấy tướng mà không dính mắc vào tướng thì liền hiểu được bí tạng (mật tạng) của kinh Phật và liễu ngộ được tự tâm. Pháp Phật nhiệm mầu, thâm sâu và vi diệu vô cùng tận, không thể dùng lời nói văn tự mà diễn tả cho hết, chỉ phải dụng tâm mà quán niệm. Vài đặc điểm của đoạn kinh văn trên xin được trình bày dưới đây, để chúng ta nhận biết Phật nói cảnh sắc, cũng là nói tâm, và tâm cũng là cảnh sắc:

- “Gió lại thổi vào rừng cây bảy báu, hoa rơi kết nhóm, từng sắc từng quang, đầy khắp cõi Phật”: nghĩa bóng là trong cõi Cực Lạc có vô số Thánh Chúng, mỗi vị đều có tánh đức (giới, định và huệ) như hoa thơm đầy khắp nước Phật.
- “Từng màu từng sắc, không xen không tạp, uyển chuyển sáng suốt, như Đâu La Miên”: nghĩa bóng là mỗi vị thánh chúng trong cõi Cực Lạc trí huệ sáng suốt, thần thông tự tại, họ uyển chuyển và thích nghi trong Trung đạo đối với tất cả pháp, không vọng tưởng, không phân biệt và chấp trước, không chấp pháp, không dính mắc, không buộc, không mở, không xen tạp v.v...

- “Chân bước lên hoa, lún sâu bốn lóng, theo bước chân giờ, phẳng lại như cũ”: Vì các thánh chúng vẫn chưa thành Phật, nên tâm của họ vẫn còn có những vọng tưởng vi tế chưa đoạn; thế nhưng khi nó vừa khởi lên, chưa lún sâu lắm, thí dụ như chỉ vừa lún sâu bốn lóng, thì các Ngài liền nhận biết và nhanh chóng an trụ tâm trở lại trong chánh định, trở lại phẳng lặng thanh tịnh như trước.
- “Qua bữa ăn xong, hoa kia tự mất, mặt đất thanh tịnh, lại giảng hoa mới. Tùy thời tùy tiết, trở lại biến khắp, như trước không khác, sáu lần như thế”: Sự tu tập của các Ngài mỗi bữa, mỗi thời đều là như vậy, đều là an trụ tâm trong chánh định, phá trừ vọng tưởng, phân biệt và chấp trước cho đến khi chứng đặng quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Trong kinh Vô Lượng Thọ Phật cũng nói: đây là cái quả thù thắng Tối Cực của người được sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc. Nếu là những người có tà kiến và tà định, tức là những người có lòng ngã mạn không tin lời Phật dạy, thì chẳng thấu triệt nổi cái nhân tối cực này.

---o0o---

TÂM PHAN DUYÊN

Diệu Âm Quảng Hồng

---o0o---

Đức Phật dạy: “*Này A Nan! Sở dĩ ông và chúng sanh lưu lạc trong sanh tử nhiều đời nhiều kiếp là vì không phân biệt*

được căn bản của tâm Bồ Đề và tâm phan duyên, nên không biết thế nào là tâm vọng và tâm chân, vì vậy cứ mê lầm chạy theo vọng tâm phan duyên mà quên mất chân tâm Bồ Đề của mình. Lấy tâm phan duyên mà tu hành thì cũng như nấu cát mà mong thành cơm, quyết không thành tựu được.”

Tâm phan duyên là do vọng tâm mà thấy, do duyên mà sanh. Bởi do tâm phan duyên với sáu trần bên ngoài mà phát sinh ra ngũ trược, và con người lại nương theo cái vọng tâm phan duyên ấy để thấy, nghe, hay, biết – nên xa rời bốn đức tánh thanh tịnh “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh” của chân tâm.

Chúng ta nhận tâm phan duyên làm tự tánh, rồi hằng dùng vọng tâm để dẫn dắt thân-khẩu-ý, đem tâm gá theo duyên trần nên chúng ta mới sanh khởi nghĩ thiện, nghĩ ác; mà không biết tâm phan duyên chính là gốc rễ của sanh tử, nên cứ mãi vô minh đi trong luân hồi đau khổ!

Phải biết, nếu do duyên sanh thì cũng sẽ theo duyên mà diệt! Chỉ khi tâm thanh tịnh thì những niệm đối đãi thiện ác ấy mới trở thành rỗng không – ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm – thì tâm chân thật bất sanh bất diệt sẽ liền tự hiển bày; Chỉ với cái tâm thanh tịnh này mới không dẫn dắt chúng ta đi vào trong nẻo 6 đường, mới mong giải thoát được sanh tử!

Phật pháp cũng thường nói “tùy duyên mà không phan duyên!” Tâm tùy duyên là tâm thanh tịnh, là tâm bình đẳng;

tâm phan duyên là tâm không thanh tịnh, không bình đẳng. Hòa Thượng Tịnh Không dạy: *“Ngay trong cuộc sống thường ngày, nếu không bị ô nhiễm danh vọng lợi dưỡng, không bị ô nhiễm năm dục sáu trần, tâm chúng ta liền thanh tịnh, thanh tịnh đương nhiên là hoan hỷ. Thanh tịnh và bình đẳng cũng là một, không phải hai. Nếu không bình đẳng, tâm chúng ta vĩnh viễn không thể thanh tịnh, bởi vì tâm có chấp trước thấp cao!”* Nhưng muốn trị tâm phan duyên thì phải trị từ đâu? Từ tâm phân biệt! Nếu không thể chế ngự được tâm phân biệt – vọng tâm – thì bát phong xuy động. Thế nào là bát phong? Đó là tám thứ khen, chê, khổ, vui, lợi, suy, hủy báng và vinh dự. Chúng sanh khổ là do bởi gá tâm vào những duyên này nên bị chúng xoay chuyển, rồi quay cuồng với tham sân si, nên bị chấp kẹt bị thử ở nơi đó. Chỉ một khi nhận biết tâm phan duyên chỉ là vọng tâm, không thật, bởi do vọng tưởng phân biệt chấp trước mà sanh ra thì nó sẽ tự diệt – khi nó diệt rồi thì tâm tự khinh an.

Nhưng cũng biết, tâm phan duyên tuy không phải là chân tâm, nhưng cũng không thể rời chân tâm mà có được.

* Như nơi con mắt bệnh nhìn lên hư không lúc trời nắng thấy có hoa đóm, hoa đóm ấy sinh ra là bởi do con mắt bệnh – con mắt là bản thể chân thật, còn hoa đóm là hiện tượng do duyên sanh – nếu con mắt hết bệnh, thì hoa đóm cũng chẳng còn.

* Như cánh chim bay ngang qua biển lặng, in bóng hình xuống dưới dòng nước – nước là bản thể chân thật, còn hình bóng in xuống nước chỉ là hiện tượng tùy duyên – cái bóng ảnh in xuống ấy tuy thật nhưng cũng chỉ là hư vọng vì do duyên sanh (chim không cố ý để lại dấu tích, biển cũng không cố ý lưu lại bóng hình). Nên đừng nhìn thấy cảnh mà quên tánh thấy, vì các cái thấy ấy chỉ do thức theo duyên mà thấy!

Vì chân tâm không có tướng, không sanh diệt, không có dính mắc, nên muốn hàng phục tâm phan duyên thì phải biết quay trở về an trú trong chân tâm. Phật dạy: “*Không nên dính mắc nơi sắc, nơi thanh, nơi hương, nơi vị, nơi xúc, nơi pháp; nên không có chỗ dính mắc mà an trụ tâm ở quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác*”. Nên muốn an trú nơi chân tâm thì đối với sáu trần không để máy may dính mắc, tức chẳng trú nơi sắc, chẳng trú nơi thanh, hương, vị, hay xúc, pháp mà sanh tâm. Chân tâm vốn dĩ thanh tịnh nhiệm mầu, Lục Tổ Huệ Năng dạy: “*Nào ngờ **Tự Tánh** vốn tự thanh tịnh,*” tức nó đã có sẵn ngay nơi tự tánh của chính mình, nên đừng ngoài tâm mà tìm cầu hay tìm kiếm ở đâu xa!

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng nói: “*Phật cùng ma là một, không phải hai. Giác ngộ rồi ma liền thành Phật; mê hoặc rồi, Phật biến thành ma. Cho nên, một niệm giác ngộ thì Phật ở tại tâm, một niệm vừa mê, thì ma ở tại tâm.*” Một khi nhận biết tâm phan duyên chỉ là hư dối không thật, nếu buông

xả hết thầy thì chẳng còn bị nó ràng buộc hay chi phối nữa, chúng ta tự buộc thì phải tự gỡ mở, khi mở rồi thì sẽ được tự do giải thoát – mới thấy không ai cứu mình bằng chính trí tuệ giác ngộ của mình!

---o0o---

TÂM SÂN GIẬN

Diệu Âm Trí Thành

---o0o---

Trong kinh Sân giận, Đức Phật có nói đến những điều xảy ra đến với một người hay sân giận: “Này các Tỳ-kheo, hạng người nào phần nộ, bị phần nộ chinh phục, bị phần nộ chi phối: dầu cho người ấy khéo tắm rửa, khéo chải chuốt, rồi người ấy cũng trở thành xấu xí; dầu có nằm trên giường nệm, chăn len, họ vẫn ngủ một cách khổ sở; thâm hoạch bất lợi, lại nghĩ rằng: “Ta được lợi ích”, thâm hoạch điều bất lợi ích, lại nghĩ rằng: “Ta không được lợi ích”. Những pháp này được nắm giữ khiến người khác trở thành thù địch, đưa đến không hạnh phúc, đau khổ lâu dài; những tài sản nào của họ thâm hoạch do sự phần chân tinh cần, cất chứa do sức mạnh của cánh tay, chông chất do những giọt mồ hôi, đúng pháp, thâm hoạch hợp pháp. Các tài sản ấy được nhà vua cho chở về ngân khố nhà vua; nếu có được danh tiếng gì nhờ không phóng dật thâm hoạch được, danh tiếng ấy lánh xa họ; nếu người đó có những bạn bè thân hữu, bà con huyết thống gì, họ sẽ xa lánh, từ bỏ người đó, vì người đó bị phần nộ chinh phục; người đó làm ác hạnh với thân, người đó

nói lời ác hạnh với lời, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.”

Nguyên nhân và hậu quả của tâm sân giận:

Trong thế gian này, ai có thể bảo là mình chưa hề sân giận? sân giận là một tập khí chung khó hàng khó chuyển của phàm phu chúng ta. Khi chúng ta đối diện trước một người hay một sự kiện nào đó không vừa lòng, liền khởi lòng sân giận, hoặc khi ta tham muốn một thứ gì mà không được, tâm sân giận cũng sanh ra. Sân giận là cánh cửa mở vào địa ngục!

Khi một người gặp phải sự chống đối, sự cản trở, hay bị đánh bại bởi một người nào đó, liền trở nên giận dữ. Sân giận là biểu hiện cho năng lượng của tâm khi tham ái không được mãn. Người đang sân giận, thường có cảm giác nóng nảy, chống đối, thù địch, hung dữ, lỗ mẫn thiếu suy nghĩ và đưa đến những hành động tạo ác. Vì vậy, giận dữ không phải là cách để thỏa mãn tâm tham ái; ngược lại, nó luôn đưa đến cho ta những kết quả của đau khổ, buồn bực, sợ hãi và lo lắng. Người hay sân giận thường hiện ra các tướng rất xấu xí như: cặp mắt đỏ ngầu, mặt mày nhăn nhó dữ tợn, nghiền răng, bặm môi, siết tay, đấm ngực, la hét, đập phá, gây gỗ, đâm chém, giết chóc v.v... Cũng có một số người biểu hiện sự giận dữ một cách thâm trầm bằng cách im lặng mặc dù lửa nóng đang sôi sục trong lòng. Đó cũng không phải là biểu tượng tốt, những người sân giận thâm trầm này thường ôm kín trong lòng những cảm giác thù hận thâm sâu không thể giải tỏa. Do đó, nó cứ âm thầm tăng trưởng trong nội tâm cho đến khi đến một cường độ tột cùng nào đó, nó sẽ bùng

nổ ra một cách khủng khiếp như một quả bom, và tai hại của nó có thể đưa đến chỗ trả thù, giết chóc, án mạng thảm khốc v.v... Đối với pháp luật thế gian, người này sẽ bị bỏ vào ngục tù hay bị xử tử; còn đối với định luật nhân quả, họ đã gieo những chủng tử địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Lúc lâm chung, khó tránh khỏi rơi vào ba đường ác đạo.

Cách đối trị tâm sân giận:

Sân giận không phải là vũ khí tốt để đấu tranh cho sự công bằng, bởi nó sẽ đem đến cho bản thân ta và mọi người xung quanh nhiều tai hại khó lường. Muốn cho những vấn đề bất công, trái ý, sai trái v.v... có thể được điều chỉnh và sửa đổi một cách tốt đẹp và hiệu quả nhất. Chúng ta phải biết áp dụng Phật pháp, trong mọi hành xử đối trị với tâm sân giận, với sức mạnh của trí tuệ, tâm từ bi và thanh tịnh bình đẳng không phân biệt nhân ngã. Trong mọi trường hợp của mâu thuẫn chúng ta phải dụng tâm xây dựng, sám hối và hoà kính chứ không phải với tâm phá hoại. Đôi lúc chúng ta cũng có thể dùng biện pháp mạnh, nhưng phải thể hiện nó trong tư thế ổn định, công bằng, không ác ý và thù hận. Sự bộc lộ cơn giận dữ có thể đem lại sự thỏa mãn nhất thời, nhưng không thể xua tan cơn giận; ngược lại, nó kích thích làm tăng thêm những khuấy động và kéo dài. Sân giận thường dẫn đến bệnh hoạn trong tâm lẫn ngoài thân.

1. Người Phật tử phải luôn giữ tâm an định và phải biết quán tất cả pháp đều như hóa, như huyễn. Lấy sức định huệ hàng phục ma oán ở trong tâm của chính mình, không phải tâm của người khác. Phải biết lánh xa những đối tượng và hoàn

cảnh diễn hiện ra ở trước mắt có thể khơi động tâm sân giận của mình. Dù đây là một cách khá dễ dàng nhưng không phải khi nào chúng ta cũng làm được. Lại nữa, biện pháp này cũng không phải là biện pháp tốt nhất để diệt trừ tâm sân giận. Phương pháp tốt nhất là chúng ta nên học cách làm sao để có thể sống chung hoà bình với những gì chúng ta không thích, nếu ai làm được như vậy, người ấy đã xả bỏ được ái trước, hằng lia được ba độc (tham, sân, si); tâm của người ấy lúc nào cũng có cảm giác vui sướng ví như tỳ kheo dứt sạch các lậu.

2. Thông thường, ta sân giận vì cảm thấy mình đúng, người khác sai. Ngã kiến của ta lúc đó đang lớn dần và che lấp tánh thanh tịnh bình đẳng của mình. Lúc này, chúng ta nên cố gắng an trụ tâm trong danh hiệu “A Di Đà Phật”, lấy tâm mình đồng hoá với tâm Phật thanh tịnh, và nhờ đó nó không bị đồng hoá với cơn giận. Tâm không khởi sân giận; tức nhiên, thân và khẩu sẽ được thanh tịnh. Chúng ta, có thể đứng trên phương diện khách quan, quán chiếu những đặc tính và trạng thái tiến triển của cơn sân giận khởi đầu từ nguyên nhân gây ra cơn sân giận, rồi lớn dần và biến mất như thế nào. Phương pháp này giúp cho chúng ta phát khởi được chánh niệm và trí tuệ, chuyển các thức thành trí, đối trị với tâm sân giận, trong trong cuộc sống hiện tại một cách lâu dài. Khi sắp nổi lên cơn giận, chúng ta nên như một người khách, lập tức dừng lại và quán sát nó, không đồng hoá với nó. Chúng ta không đè nén và cũng không bộc phát cơn sân giận, chúng ta chỉ quán sát và để cho nó tự nhiên biến mất.

3. Chúng ta cũng nên hỏi chính mình rằng: Nếu ta giận một người nào, ta sẽ có thể làm gì được họ? Nếu ta không làm gì được họ, thì sự giận dữ này chỉ là ngọn lửa lớn tự đốt chết lấy chính mình. Chúng ta phải nên tự trọng vì khi ta nổi cơn sân giận, ta sẽ tự hủy hoại đức hạnh, phẩm tính tốt, thân mạng và tuệ mạng của chính mình. Dù cho ta có tinh tấn trồng bao nhiêu ruộng phước lớn, những công đức này đều bị ta đốt sạch hết bằng ngọn lửa sân giận của chính mình.
4. Là người học Phật, chúng ta phải thực hiện cho được giáo pháp của Ngài, phải biết xả ly vọng tưởng, phân biệt chấp trước, hằng thuận với chúng sanh, đem chúng sanh xem như chính mình. Có nghĩa là đem tâm của mình đồng cảm với người khác, cảm nhận được những gì người khác đang cảm nhận. Từ đó, chúng ta sẽ tăng trưởng trí huệ, rõ biết tánh tướng của chúng sanh là thường hay vô minh sân giận làm tổn thương nhau. Cũng từ đó, ta phát tâm đại bi thương xót cho những nỗi sân giận, đau khổ, không an và lo sợ trong lòng của họ. Đối với các người hay sân giận, ta nên phát lòng từ nhẫn, dùng những lời dễ thương, cử chỉ an hòa từ tốn để khuyên lơn, an ủi và xoa dịu những vết thương trong tâm của họ. Không nên buộc tội họ và chống trái với họ.
5. Để ngăn ngừa tâm sân giận một cách tích cực, chúng ta nên thay đổi cách suy nghĩ và luôn giữ chánh kiến với mọi sự việc và mọi người. Chúng ta nên bình thản trước những sự kiện đối lập không vừa lòng mình, nên phá trừ những yếu tố tiêu cực và nhìn vào những khía cạnh tích cực của một vấn đề. Khi một việc gì không được xuôi theo ý muốn hay sở thích, ta phải nên bình tĩnh tìm xem có biện pháp nào để

khắc phục được không; nếu có, theo đó hành động, bằng không, cứ chấp nhận và cho qua.

Phải biết lấy tâm từ bi, tâm thanh tịnh bình đẳng (không vọng tưởng, phân biệt và chấp trước), tâm nhẫn nhục, tâm giác ngộ làm liều thuốc tốt nhất để chữa trị độc sân giận. Khi ta làm được điều này, ở nơi người không sanh tâm sân giận, ở nơi ta hoàn thành được đạo cả.

---o0o---

NGÃ CHẤP VÀ NGÃ SỞ CHẤP

Diệu Âm Trí Thành

---o0o---

Theo từ điển, Ngã: nghĩa là “Ta”, Sở: nghĩa là sở hữu hay “của Ta”, Chấp: nghĩa là cầm giữ, cố chấp, không buông ra. Ngã chấp: nghĩa là cố chấp cái Ta, Ngã Sở chấp: nghĩa là cố chấp vào cái của Ta.

Phàm phu chúng ta thường hiểu Ngã là Ta, được lập thành bởi năm uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức. Ngã là tổ hợp của năm uẩn, nghiệp và ái. Phật bảo cái Ngã đó là vọng Ngã, nhưng phàm phu chúng sinh mê chấp thân là thật cho nên yêu thích thân mình, bênh vực ý tưởng của mình, bảo vệ những sở hữu của mình như nhà cửa, ruộng vườn, cha mẹ, vợ con, họ hàng quyến thuộc, dân tộc .v.v... Ngã sanh ra Tham ái; Vì tham ái nên muốn chiếm hữu, do đó, nên có thị phi, ganh tỵ và đấu tranh, từ đó sanh ra sân giận. Khi tâm sân giận thì mất đi trí

tánh sáng suốt thường minh (tự tánh) và trở nên ngu si tạo ra nghiệp luân hồi sanh tử.

Đức Phật nhìn thấy các yếu tố lập thành Ngã đó, từ sắc đến thức của năm uẩn, đến nghiệp và ái đều chẳng phải là Ngã, mà chỉ là vọng tưởng của chúng sanh. Ngài dạy rằng: Ngã chấp và Sở chấp là nguồn gốc của phiền não khổ đau tạo ra lục đạo luân hồi sanh tử. Người giác ngộ là người không còn chấp vào “cái ta” và “cái của ta”, người này sẽ chứng được quả vị A La Hán, vĩnh viễn thoát ra khỏi lục đạo luân hồi sanh tử, an vui trong cảnh giới Niết Bàn.

Theo lời giáo huấn của Phật, chúng ta biết rằng: cái thân thể của ta (Ngã Sở) chỉ là giả tạm do nhân duyên kết hợp, hết duyên thì nó cũng sẽ trở thành cát bụi. Do đó, chúng ta không nên cố chấp vào cái xác thân của ta. Vậy, điều chủ yếu của học Phật là phá Ngã chấp vì nó là nguồn gốc của phiền não, sanh tử luân hồi. Một khi Ngã chấp không còn, thì bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu cũng là Niết Bàn. Vì vậy, đức Phật nói: “Ngã và Ngã Sở là cha mẹ sanh ra luân hồi sanh tử, cần phải diệt bỏ mới có thể thoát ra khỏi lục đạo luân hồi sanh tử”.

Ngã chấp lại được chia ra làm bốn loại:

1. Chấp thân ngũ uẩn này là “Ta”,
2. Chấp thân ngũ uẩn này là “Của Ta”,
3. Chấp thân ngũ uẩn này không phải là “Ta”, cũng không phải là “Của Ta”, mà trong cái “Ta” có cái thân và trong cái thân có cái “Ta”,

4. Chấp vũ trụ là “Ta”, “Ta” là vũ trụ. Vũ trụ là thường trụ, là vĩnh cửu.

Khi nói đến Chấp, lại có hai thứ chấp: Ngã chấp và Pháp Chấp. Vì hai thứ chấp này mà con người không được sáng suốt:

- Ngã chấp là không nhận biết cái thân này là do ngũ uẩn tạm thời hòa hợp do một nhân duyên, hết duyên nó sẽ tan rã, nên nhận lầm cái thân này là thật; do đó, sanh ra các thứ phiền não, mê vọng và đau khổ.
- Pháp Chấp là không biết rằng tất cả vạn sự, vạn pháp đều do nhân duyên sanh. Tất cả các pháp đều như ảo ảnh, như bọt bèo, như hóa, như sương, như điện chớp ... thoát có, thoát không, không trường tồn vĩnh hằng. Đức Phật nói trong kinh Vô Lượng Thọ: “Liễu triệt tất cả pháp như dư vang mộng huyễn... biết các cõi đều chỉ là như bóng ảnh”.

Lại nữa, cái Ngã của phàm phu có đủ bốn tính xấu: Vô thường, Vô lạc, Vô ngã và Bất tịnh. Khi phá hết ngã thì sẽ được đại tự tại an vui. Đại Tự Tại gồm có tám điều tự tại: (1) có thể thị hiện vô lượng diệu sắc thân, (2) có thể thị hiện đầy khắp các cõi trong tam thiên đại thiên thế giới không có chướng ngại, (3) có thể đem thân khắp cõi đại thiên này bay trên hư không nhẹ nhàng đến nơi hằng hà sa thế giới mà không có chướng ngại, (4) thân Như Lai thường ở một cõi mà làm cho tất cả chúng sinh ở các cõi khác đều thấy, (5) sáu căn đều tự tại, (6) chứng được tất cả các pháp (7) diễn thuyết tự tại, và (8) Như Lai khắp đầy tất cả chỗ như hư không. Phật gọi cảnh giới của Tám Đại Tự Tại này là Đại Bát Niết Bàn.

Theo quan điểm của Phật Giáo Đại Thừa, Ngã cũng không mà pháp cũng không. Đức Phật dạy: “Này thiện nam tử! Như người đời nói: có biển, có biển lớn; có sông, có sông lớn; có núi, có núi lớn... Niết bàn cũng như vậy: có Niết Bàn và có Đại Niết Bàn. Thế nào là Niết Bàn? Như người đói được chút ít cơm ăn thời gọi là được an vui. Như người bệnh được lành thời được gọi là an vui. Như người kinh sợ được chỗ nương tựa thời được an vui. Như người nghèo cùng được châu báu thời được an vui ... Tất cả sự an vui trên đây cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn trong phạm vi tương đối”.

Vì vậy, Niết bàn mà Thanh Văn chứng được khác với Niết Bàn của Bồ Tát, và Niết bàn mà Bồ Tát chứng được khác với Đại Niết Bàn của Phật. Vì Đại Niết Bàn có tám thứ tự tại như trên đã nói, nên còn gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Đại Bát Niết Bàn cũng là Phật tánh, là Trung Đạo. Bởi chúng sanh không thấy được Phật tánh nên cảnh giới là vô thường, vô lạc, vô ngã và vô tịnh. Thế nhưng, cái Phật tánh đó, cái Đại Niết Bàn đó vẫn luôn thường hằng ở nơi mỗi chúng sinh, từ vô thi kiếp đến nay không hề thay đổi, nhưng vì do vô minh phiền não che phủ cho nên không thể nhận ra nó, mà nguồn gốc của vô minh phiền não này chính là Ngã chấp.

Như vậy để đạt đến cảnh giới Niết Bàn thực sự? Chúng ta phải liả tất cả các khái niệm về: ngã và ngã sở, có và không, thường và đoạn, trong và ngoài, trước và sau v.v... và phải vượt thoát ra khỏi mọi đối đãi của thế giới hiện tượng như thiện ác,

tốt xấu, đúng sai, có không, sanh tử, niết bàn để đạt được trạng thái tịnh chỉ an định của tâm.

- Chấp có tức là thường kiến.
- Chấp không tức là đoạn kiến.
- Chấp cũng có cũng không tức là biên kiến
- Chấp chẳng có chẳng không tức là không kiến.

Xả bỏ hết tất cả các chấp, tâm liền được thông, tâm thông thì vạn pháp đều thông. Trong bài giảng của Hòa Thượng Tịnh Không, “Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên”, Hoà Thượng nói lên cái ý nghĩa là: *“Buông bỏ hết được tất cả các Ngã Chấp và Pháp Chấp do vọng tưởng, phân biệt và chấp trước sanh ra, tâm liền được thông, tâm thông thì vạn pháp đều thông”*.

Do đó, chúng ta nhận thấy tất cả những kiến giải của xuất thế gian hay thế gian pháp đều là chướng ngại của tâm trên con đường tu Phật đạo. Pháp của Phật cũng chẳng nên chấp, vì nó chỉ là phương tiện giúp chúng sanh nhận ra bản thể của vũ trụ nhân sanh, khi biết rõ rồi thì là giác ngộ. Thế nhưng giác ngộ vẫn chưa thể giải thoát, phải làm được viên mãn thì mới có thể chứng đắc. Ngay cả danh từ chứng đắc cũng là giả danh mà Phật dùng để khai thị chúng sanh còn đang mê chấp. Chứ trên nghĩa của Chân đế, thì chẳng có chứng đắc vì không có sở đắc. Vì Như Lai tự tánh của mỗi chúng sanh là tự nhiên có sẵn, chúng sanh giác ngộ tự tánh là quay trở về với chân tâm của chính mình, chứ đâu phải là thu nhận được từ bên ngoài, thì làm gì có chứng đắc hay không chứng đắc. Từ nhận xét này, ta thấy các pháp mà Phật nói suốt 49 năm chỉ là phương tiện tạm dùng

để đưa chúng sanh trở về với Như Lai tự tánh; Phật ví dụ nó như là chiếc thuyền dùng để đưa ta qua sông, qua sông rồi thì thuyền này phải xả bỏ cho được hoàn toàn tự tại và nhẹ nhàng. Chư Tổ Đại Đức dạy: Phật pháp còn phải bỏ huống nữa là phi pháp, cho ta thấy muốn đạt được cứu cánh Niết Bàn thì vạn pháp đều phải xả bỏ.

Trong Trung Quán Luận có đoạn văn viết và được dịch nghĩa rằng:

*Các pháp do duyên sanh
Ta nói tức là không,
Cũng gọi là giả danh
Cũng là nghĩa trung đạo
Chưa từng có một pháp
Chẳng từ nhân duyên sinh
Thế nên, tất cả pháp
Đều là Không hết thấy.*

Tất cả pháp trong thế giới này đều do nhân duyên sanh khởi, và do nhân duyên sanh nên cũng do nhân duyên mà hoại diệt, nên không có tự tánh, không có cố định, nên được gọi là “Không”. “Không” ở đây chẳng có cái nghĩa là tất cả rỗng không, không có gì hết. Vạn pháp sanh diệt lệ thuộc bởi nhân duyên, mà nhân duyên sanh và diệt đều không thật, chỉ tạm gọi là như thế, chỉ là giả danh, chỉ là giả có. Vì chúng sanh còn chấp nên Phật phải tùy thuộc vào căn tánh của chúng sanh mà nói vậy để chúng sanh có thể dùng sức định huệ mà quán niệm nhận ra nó trong Trung Đạo. Trung Đạo nghĩa là siêu việt ý niệm có và ý niệm không.

Nếu phàm phu chúng ta thấy được bản chất của Ngã, Ngã Sở và Ngã Chấp là Không, tức là cũng thấy được bản chất của Niết Bàn cũng là Không, tức là thấy được bản thể của Trung Đạo. Trí tuệ Bát Nhã của Trung Đạo này có thể phá trừ được tất cả kiến chấp, thiên kiến và tà kiến, vượt thoát ra khỏi mọi thứ Ngã chấp và Pháp chấp, là nguyên nhân của phiền não, khổ đau và sanh tử luân hồi.

Vậy, con đường của Phật đạo là con đường Trung Đạo: Thấy chúng sinh chấp vào Ngã tức là chấp vào thường, Phật nói đừng chấp vào thường. Khi nghe Phật nói vậy, chúng sinh lại chấp vào đoạn và cứ như thế Phật phải phá hết tất cả kiến chấp của chúng sinh để dẫn dắt chúng sinh đến một cái không thể nghĩ bàn được, mà cái đó chính chúng sinh phải tự mình nghiệm chứng qua sự giác ngộ trong nội tâm của mình, không thể dùng các tướng của sắc hay âm thanh (cũng nghĩa là ngôn từ hay văn từ) để tìm ra nó. Nếu chúng ta phóng tâm ra ngoài đeo đuổi theo các tướng của sắc và âm thanh (văn từ và ngôn ngữ) mà hiểu ý Như Lai, thì như lời Ngài nói trong kinh Kim Cang rằng chúng ta đang hành tà đạo.

Bởi vì căn tánh của chúng sanh trong thời mạt pháp này không thể nào phá trừ được Ngã chấp và Ngã Sở, sanh ra ba thứ phiền não chướng: vọng tưởng, phân biệt và chấp trước, khó đạt đến Niết bàn tịch tĩnh. Đức Phật đã từ bi chỉ bày cho chúng ta pháp môn niệm Phật, tức là dùng lòng Tín và Nguyện mà nhất tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà Phật để có thể được đời nghiệp vãng sanh về Phàm Thánh Đồng Cư Độ ở cõi Tây Phương Cực Lạc, để có thể được sống trong môi trường thuận lợi, được gần gũi Phật và làm bạn với chư vị Thánh chúng và

Bồ Tát tu tập các pháp công đức. Đây là phương tiện vô cùng cứu cánh, là vô thượng thượng pháp môn của A Di Đà Phật, đưa chúng sanh rớt ráo vào pháp Nhất Thừa, tức là Phật Thừa. Vì thế Phật A Di Đà còn có danh hiệu là Vô Thượng Y Vương, có thuốc hay nhất để chữa căn bệnh khó trị của chúng sanh, đó là Ngã chấp và Ngã Sở Chấp, là nguồn gốc sanh ra luân hồi sanh tử khổ đau.

---o0o---

TÂM TỪ BI

Diệu Âm Trí Thành

---o0o---

Đạo Phật lấy từ bi làm gốc, nhẫn nhục làm hạnh. Do đó, khi nói đến đạo Phật, người đời đều nghĩ đến hai pháp “từ bi” và “nhẫn nhục”. Lại nữa, khi nói đến từ bi, Phật tử chúng ta đều liên tưởng đến Bồ-tát Quán Thế Âm, vì Ngài là đại biểu cho lòng đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn.

Vì từ bi là căn bản của đạo Phật, do đó, tất cả các pháp, tất cả các hạnh tu của đạo Phật đều quy hướng về “phát khởi tâm từ bi”.

Trong Thập Địa kinh luận, Bồ-tát Thiên Thân nói rằng: “từ là đồng với nhân quả hỷ lạc; bi là đồng với nhân quả ưu khổ”. Bồ-tát không những chỉ sanh tâm hỷ lạc với chúng sanh, mà còn phải đem đến cho chúng sanh quả hỷ lạc, đó mới gọi là từ. Thấy chúng sanh ưu bi khổ não không những chỉ khởi tâm

thông cảm, mà còn phải tạo cho chúng sanh những quả lành khiến cho họ bớt đi sự thống khổ, đó mới gọi là bi.

Kinh Bồ-tát niệm Phật tam muội nói: “từ tâm quán chúng sanh, như mẫu niệm nhút tử. Vu thù bất truy ác, cánh sanh lân mẫn tâm,” nghĩa là dùng tâm từ quán sát chúng sanh như người mẹ nghĩ nhớ đến con, đối với kẻ thù không sanh khởi tâm ác, ngược lại phải sanh tâm thương xót họ.

Trong Đại Trí Độ luận, Bồ-tát Long Thọ nói: “đại từ là vui với tất cả chúng sanh, đại bi là làm cho chúng sanh thoát khổ. Đại từ là đến với chúng sanh bằng tâm hỷ lạc, đại bi là cùng với chúng sanh chia sẻ những nỗi thống khổ. Thí như có người giam những người con mình trong ngục. Lúc nó bị tử hình, lòng từ của người cha vì xót thương con nên dùng vô số phương tiện, khiến cho các con được thoát khổ, lòng đại bi ấy chính là khiến cho con lìa khổ; vì con mà cung cấp cho chúng các thứ yêu thích, ấy là lòng đại từ”.

Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Bồ-tát đối với chúng sanh đem từ bi lớn, xả ly chấp trước, lợi ích quần sanh, thành tựu vô lượng vô biên công đức”. Nghĩa là Bồ-tát có lòng đại từ bi, nên đối với hết thảy chúng sanh đều bình đẳng, không phân biệt kẻ oán người thân, và đến với họ bằng tấm lòng thương yêu chân thành và thông cảm.

Kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn lại nói hạnh từ bi của Bồ-tát đối với chúng sanh như sau: “Phát rộng lòng đại bi, thương xót hữu tình, nói lời từ ái, trao pháp nhãn, đóng đường ác, mở cửa lành. Chẳng bỏ chúng sanh giữ gìn không nghĩ, như

thể thân mình, cứu vớt phò trợ, khiến độ chúng sanh đến bờ giác ngộ.” Vì muốn chúng sanh được cái lợi chân thật vĩnh viễn thoát ra khỏi bờ mê, Bồ-tát không ngừng đem Phật pháp giáo hoá chúng sanh, khiến cho chúng sanh được giác ngộ rốt ráo thành Phật.

Luận ngữ có câu: “bậc quân tử phải lo trước nỗi lo âu của thiên hạ, vui sau niềm vui của muôn dân”. Nghĩa là bậc hiền nhân đến với mọi người bằng tấm lòng “quên mình để cứu người” và “vô tư phụng sự”.

Pháp từ bi của đạo Phật được phân ra làm ba thể loại như sau:

- Vì muốn cho tất cả chúng sanh thoát khổ được vui mà khởi tâm từ bi, gọi là “chúng sanh duyên từ bi”, hoặc “hữu tình từ bi”.
- Vì chúng sanh có vô tận phiền não, nên đem Phật pháp giáo hoá chúng sanh, gọi là “pháp duyên từ bi”.
- Vì quán tất cả pháp đều không tịch, sanh ra tâm phiền não, mà khởi tâm từ bi cứu khổ chúng sanh, gọi là “vô duyên từ bi”.

Bởi từ bi được phân ra thành ba thể loại: chúng sanh duyên từ bi, pháp duyên từ bi và vô duyên từ bi, nên Phật vì chúng sanh mà nói ba pháp: Vô thường, Vô ngã và Tính không, để dẫn dắt chúng sanh tiến lên dần dần thâm nhập vào Như Lai tánh.

Pháp từ bi có tiểu, trung và đại:

- Tiểu từ bi: chỉ khởi tâm vui cùng với cái vui của chúng sanh và muốn cho họ thoát khổ, như tâm từ, tâm bi trong từ bi hỷ xả (tứ vô lượng tâm) của bậc Tiểu thừa. Tứ vô lượng tâm là "bốn trạng thái tâm thức vô lượng", còn được gọi là Tứ phạm trú, "bốn cách an trú trong cõi Trời Phạm Thiên". Bốn tâm vô lượng là: (1) Từ vô lượng, (2) Bi vô lượng, (3) Hỷ vô lượng và (4) Xả vô lượng.

Bốn tâm này là phương pháp đối trị bốn phiền não là sân hận, ganh tị, buồn bực và tham muốn: nếu có tâm từ thì sẽ không bao giờ sân hận, nếu có tâm bi sẽ không bao giờ ganh tị, nếu có tâm hỷ thì sẽ không bao giờ buồn bực, và nếu có tâm xả thì sẽ không bao giờ tham. Người thực hành được Tứ vô lượng tâm, khi lâm chung sẽ được tái sinh tại cõi Thiên.

Đức Phật Thích Ca Mâu-ni dạy: “Có bốn vô lượng: Hỡi các tỳ kheo, một người tràn đầy tâm từ (bi, hỷ, xả) sẽ phóng tâm đó đi một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, rồi phía trên, phía dưới, xung quanh mình. Người đó phóng tâm đi khắp thế giới, chiếu rọi khắp nơi với tâm từ (bi, hỷ, xả), tâm thức vô lượng của người đó sẽ vắng bóng sân hận và phiền não.”

- Đại từ bi: không những chỉ khởi tâm vui cùng với cái vui của chúng sanh và muốn cho họ thoát khổ, mà còn có khả năng làm cho họ thoát khổ được vui, như tâm đại từ bi của Phật.
- Trung từ bi: Đại từ bi và Tiểu từ bi cũng chỉ là pháp tương đối; nên có Tiểu, có Đại, thì phải có Trung. Thí dụ: lòng từ

bi của Bồ-tát so sánh với lòng từ bi của Thanh văn và phàm phu chúng ta là Đại; nhưng nếu đem so sánh với lòng từ bi của đức Phật thì chỉ là Tiểu. Vì vậy, chữ “Đại từ bi” của bậc Bồ-tát vẫn là giả danh; nói cho đúng lý chân thật chỉ là Trung từ bi. Từ mức độ, phân loại và đẳng cấp của từ bi như trên, ta thấy “vô duyên từ bi” là từ bi ở mức độ từ bi cao nhất mà chỉ tìm thấy ở nơi Phật; vì vô duyên từ bi là “vô duyên đại từ và đồng thể đại bi”. Nguyên nhân của sự khác biệt nơi tâm từ bi?

Tiểu Thừa Thanh Văn chưa phá được hết tất cả những phân biệt và chấp trước vi tế, nên chưa thể phát khởi được “vô duyên từ bi”. Bồ-tát chưa phá được hết tất cả những phân biệt vi tế, nên vẫn chưa thể phát khởi được “vô duyên từ bi”. Chỉ có Phật mới phá hết tất cả mọi phân biệt và chấp trước một cách rất ráo. Do đó, trong “vô duyên đại từ” của Phật hoàn toàn không có sự phân biệt của các đối tượng quan hệ như: cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em, bạn bè, người oán kẻ thân, người xấu kẻ tốt, người hiền kẻ dữ .v.v... Nói cách khác, Phật đối với chúng sanh với tâm hỷ lạc và phúc thiện, mà trong đó không có điều kiện, không có nguyên nhân, vô tư vô tướng (vô ý thức) .v.v... Phật ban cho chúng sanh sự hỷ lạc phúc thiện mà tâm không khởi một chút phân biệt, tuyệt đối thanh tịnh bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Vậy, đặc điểm của “đồng thể đại bi” là dùng tâm tuyệt đối bình đẳng, không phân biệt, tâm quảng đại vô tận, tâm như hư không; cho nên tâm này cũng được gọi là “vô tận đại bi”; có nghĩa là không còn có tâm nào rộng lớn hơn tâm này. Nói đến đây chúng ta cũng nên biết các vị Đại Bồ-tát như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Địa Tạng .v.v... đều là các cổ Phật thị hiện với thân Bồ-tát, do

đó tâm từ bi của các Ngài đều là “vô duyên đại từ, đồng thể/vô tận đại bi”.

Phật dạy chúng ta phải phát khởi tâm từ bi trong phạm vi lớn nhất, không có hạn lượng, từ cả hai mặt không gian và thời gian, bao trùm hết thảy thập phương pháp giới, và đối tượng để cứu độ là vô lượng vô biên vô số các loài chúng sanh không phân biệt chủng loại.

Dựa trên tư tưởng căn bản của tâm từ bi trong Phật giáo, “kiêng sát sanh” là việc cấm đầu tiên và “phóng sanh” việc nên làm đầu tiên. Không sát sanh là ngăn ngừa đoạn dứt sự sát hại, làm thương tổn đến sanh mạng của các loài hữu tình. Phóng sanh các loại động vật có tri giác, có tình cảm, có cảm thọ khổ vui, là thực hành hạnh từ bi cứu khổ và ban vui cho chúng sanh. Trong tất cả các pháp môn tu của Phật giáo, lòng từ bi hỷ xả là một nghĩa cử cao đẹp, với trí tuệ hiểu biết rằng ta và các loài chúng sanh cùng nhau chia sẻ sự sống trên quả đất này, do đó ta không nên vì lợi ích cá nhân của mình hoặc của chủng loại mình mà sát hại các loài chúng sanh khác. Ngược lại, ta phải hết lòng bảo vệ lợi ích mọi loài, hết lòng cứu tế chúng sanh khi họ gặp hoạn nạn. Nếu mọi người, từ trong mỗi gia đình, làng xóm, thành phố, quốc gia cho đến toàn thế giới đều mở rộng tâm từ bi, thương yêu, hăng thuận và hỗ trợ lẫn nhau, đoàn kết cùng nhau phấn đấu khắc phục khó khăn, cùng nhau tạo ra tài sản, cùng nhau làm phong phú cho cuộc sống nhân sanh; thì thiên hạ sẽ được thái bình, tai dịch chẳng khởi, nước thịnh dân an, binh đao chẳng động, mọi người đều trọng sùng nhân đức, không có trộm cướp, không có oan uổng, người người đều sống

trong hỷ lạc và đặc ý. Nếu được như vậy, thì Tịnh Độ có thể được thiết lập ngay trong thế gian này.

Trong pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật A Di Đà nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, điều kiện tối yếu cần thiết để được vãng sanh là Phát vô thượng Bồ-đề tâm và nhất hướng chuyên niệm hồng danh A Di Đà Phật. Phát vô thượng Bồ-đề tâm cũng có nghĩa là phát tâm “vô duyên từ bi” hay “vô duyên đại từ và đồng thể đại bi”. Niệm “Nam Mô Đại Từ Đại Bi A Di Đà” hay rút ngắn nó lại thành “Nam Mô A Di Đà Phật” hay “A Di Đà Phật” đều là niệm cái tâm Đại Từ Đại Bi của chính mình, niệm niệm không gián đoạn cho đến khi tâm của mình đồng hoá với tâm của Phật A Di Đà, thì mọi vọng tưởng, phân biệt và chấp trước sẽ được phá trừ, và tâm “Đại từ đại bi” của ta sẽ tự nhiên được khởi tác dụng. Do đó, ta thấy Tịnh Độ Di Đà chẳng phải là ở ngoài tâm mà có thể tìm thấy.

---o0o---

BUÔNG XẢ LÀ ĐẠI BỒ THÍ

Diệu Âm Trí Thành

---o0o---

Chúng ta sống ở thế gian này, đối với tất cả mọi việc, dù mắt thấy tai nghe đều không nên giữ ở trong lòng, thấy như không thấy, nghe như không nghe, mỗi giờ mỗi phút cần nên gìn giữ tam nghiệp, thân khẩu ý, thanh tịnh. Nếu đã lỡ nghe hay thấy biết những chuyện nghịch ý không vừa lòng, thì nên buông bỏ, không nên đào sâu vào vấn đề và cũng đừng nên đem ra

loan truyền gây mâu thuẫn, xáo trộn và đấu tranh. Không nên tranh đấu, hơn thua nhau trên từng ý nghĩ, hành động và lời nói. Đối với pháp thế gian và xuất thế gian, những sự đấu tranh không mang lại lợi ích gì, ngoài việc tạo thêm nghiệp oán thù. Những lý luận hay dở, đúng sai, cao thấp không phải là Phật tri kiến, nó chỉ là “sở tri chướng kiến”.

Sở tri chướng là thứ chướng ngại thuộc về tri kiến do bộ óc nhận thức được điều gì, rồi chấp dính vào đó, cho đó là chân lý bất biến làm chướng ngại sự kiến tánh. Khi một người học Phật chấp chặt vào pháp đã học, cho đó là thật pháp, chân trí tuệ như căn bản trí của họ liền bị ngăn che. Trong Phật pháp, ta gọi đó là vô minh căn bản, nó làm ta mờ mịt đối với cảnh giới sở tri, che lấp pháp tính mà trở thành chướng ngại cho chúng trí trung đạo, cho nên nó cũng được gọi là Trí ngại. Do đó, Phật dạy: “y trí, bất y thức”. Những kiến thức mà chúng ta học được từ trong kinh sách hay những lời giảng dạy của Chư Tổ Sư và Đại Đức cũng chỉ là những kiến thức phổ thông giúp chúng ta làm phương tiện để nhận ra tự tánh của vũ trụ nhân sanh, không nên bị chấp dính vào đó. Vì thế, trong kinh Kim Cang, Đức Thế Tôn bảo rằng: “Ai nói ta có cái pháp để nói là phỉ báng ta”. Thật vậy, nếu Phật có cái pháp để nói, tức là còn có “Thức”, còn có “Trí ngại” thì Phật đâu phải là Phật nữa.

Người học Phật dùng tri thức làm phương tiện để nhận biết chân thật pháp để đi vào chỗ vô tướng, vô thức, thì mới thấy rõ “vạn pháp vốn giai không, nhân quả thì bất không”. Người chấp pháp, chấp ngữ, chấp thức (kiến thức) thì liền rơi vào chướng ngại trong sự tu đạo, vì chưa phá được “căn bản vô minh phiền não” do ý thức phát động. Do đó, Phật dạy trong

kinh Kim Cang rằng người này “hành tà đạo”. Tà ở đây có nghĩa là không Chánh, không đúng với pháp Trung Đạo mà Phật dạy, chấp có cái pháp để chứng, có cái trí để đạt, có cái đạo để thành, không nhận biết được cái gì là “hư huyền”, cái gì “quyền”, cái gì là “thật”,... Người này càng học Phật, ngã tướng càng lớn, vọng tưởng càng tăng, tức là sanh ra thêm nhiều phiền não.

Những người bị Tri thức chướng ngại (sở tri chướng) thường hay tranh lý trong sự học Phật, làm cho tâm mình trở nên bất tịnh, ngăn ngại che mờ chân thật trí. Lúc lâm chung, thần thức mê muội, hoặc ở trên thân xác của người bệnh, hoặc ở trong thân trung ấm, tâm trí của họ thường bị rối loạn bởi những tập khí vọng tưởng hằng ngày. Do đó, sở tri chướng cũng là những chướng ngại cho sự nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh. Trong kinh Vô Lượng Thọ Phật dạy: “Liễu triệt tất cả pháp như tiếng vang mộng huyền”, đã là huyền và giả thì chẳng có gì để bàn cãi cả và tranh lý nữa. Chính vì lẽ đó, người lão tu thông thuộc kinh điển lại thường ít thích nói pháp; bởi vì, nói cách chi cũng chẳng vẹn toàn. Vì sao? bởi muốn nói cho đầy đủ vẹn toàn phù hợp với mọi căn cơ và cảnh giới của chúng sanh, cùng kiếp nói cũng chẳng hết. Lại nữa, khi các Ngài nói pháp, các Ngài cũng rõ biết là đang nói “huyền pháp” hay “quyền pháp”, chẳng phải “thật pháp”. Thật pháp chẳng có ngôn từ để nói; vì vậy, trong kinh Kinh Cang, Phật nói: Ngài chưa hề nói pháp.

Trong Đại Trí Độ Luận, có một đoạn khai thị rằng: “Lâm chung khoảnh khắc tối thắng hơn sức tu cả đời”. Tất cả những gì chúng ta tu tập trong suốt cuộc đời này, chẳng khác nào

những người lính đang tập trận. Khi giáp trận thật sự rồi mới biết công phu luyện tập của mình như thế nào trước lực lượng tấn công vô cùng hùng hậu và tới tấp của quân địch. Vào lúc lâm chung, hoàn cảnh của chúng ta cũng như thế, oán thân trái chủ kéo tới trả thù vô cùng mãnh liệt và liên tục, tâm thần của chúng ta lúc đó hoang mang, hốt hoảng và phản ứng tự nhiên là chạy trốn, ra sức đánh trả hay mê lầm đi theo, khó thể nhớ ra câu Phật hiệu. Cho nên với thời gian ngắn ngủi lúc lâm chung, chúng ta phải cố gắng làm cho nó trôi qua một cách êm đẹp và thanh tịnh bằng sự buông bỏ và nhất tâm niệm Phật. Người có Tín-Nguyện kiên cố và công phu niệm Phật đắc lực trong hiện đời, nhờ vào sự dũng mãnh tinh tấn và tâm thanh tịnh sáng suốt, sẽ vượt qua khỏi mọi chướng ngại. Buông bỏ vạn duyên, quy tụ tất cả năng lực vào việc niệm Phật trong thời điểm này sẽ là điều duy nhất có thể giúp ta liễu thoát luân hồi vãng sanh Cực Lạc.

Điều đáng sợ nhất là vào lúc lâm chung, tâm còn bị dính mắc, không buông bỏ được. Đối với những người hay làm việc nghiên cứu Phật pháp, hoặc những người trong đời thường làm công việc hoằng pháp lợi sanh cũng không ngoại lệ, nếu họ quá chấp vào các công việc họ thường làm, cho đó là những việc quan trọng không thể dứt bỏ, tâm sẽ chẳng thể tự tại mà niệm Phật để được vãng sanh. Chúng ta phải nên cố gắng tu tập hạnh hỷ xả, đừng nên cố chấp vào bất cứ việc gì; Phật pháp cũng phải xả, huống chi là phi pháp, thì tâm mới nhẹ bớt phiền não, không bị dính mắc và sự niệm Phật mới có thể đạt được sức an định.

Hạnh buông xả:

- * Tùy duyên, không phan duyên, là hạnh buông xả: đối với thế gian hay xuất thế gian pháp, tuyệt đối không được phan duyên. Tùy duyên có nghĩa là hằng thuận với chúng sanh và hoàn cảnh, nếu có cơ hội tốt, có sẵn điều kiện thuận, thì chúng ta nghiêm chỉnh quyết tâm mà thực hiện, còn nếu không có duyên tốt, thì vẫn phải tùy hỷ, không nên khởi tâm động niệm vì lòng ham muốn của mình. Biết tùy duyên là biết buông xả, phan duyên là chấp trước. Chúng ta cũng biết, có rất nhiều người dù biết là không có cơ hội, không có điều kiện tốt, nhưng lại vẫn tìm mọi cách để tạo điều kiện, tạo cơ hội, thế là phan duyên rồi! Thế là tự gây phiền não và khó khăn cho chính mình; vậy thì làm sao có thể giữ cho tâm được luôn an nhiên tự tại mà niệm Phật. Người hay phan duyên, thì dù cho có niệm Phật nhiều, nhưng khó đạt được định tâm.
- * Buông xả vọng tưởng tham sân si: tất cả nghiệp chướng đều phát sanh từ vọng tưởng tham sân si. Tự tư, tự lợi, thị phi, nhân ngã, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn v.v... nếu không đoạn cho hết, không nhỏ cho tận gốc, thì dù có niệm Phật cũng không thể vãng sanh! Cũng nên biết tham pháp cũng là tham, những người thích nghiên cứu, tranh lý trong Phật pháp cũng là do từ tham pháp và tâm ngã mạn mà hiển diện. Nếu chúng ta có thắc mắc gì trong pháp học, nên tìm câu giải đáp mà thực hành là việc cần phải làm. Nhưng không luận kẻ đúng, người sai v.v... mà tạo ra nhiều chủng tử không thanh tịnh. Nghiệp bất tịnh khi đã thành hình trong A-lại-da-thức của ta rồi, thì nó sẽ theo ta mãi như hình với bóng, rất khó mà đoạn trừ cho sạch. Bây giờ, ta chưa thấy rõ

tác động của nó, nhưng đến lúc lâm chung, chúng hiện ra không ngừng nghỉ, làm cho ta mất đi chánh niệm, nhấn đến làm cho ta điên đảo quên luôn câu Phật hiệu; đến lúc đó rồi, chúng ta đối phó sao đây?

Chúng ta nơi tự bản thân của mình mà luôn kiểm soát, đừng nên để ý đến chuyện bên ngoài, đừng để cho chỉ dù một vọng niệm bất tịnh sanh ra, phải tự mình có sự huân tập nghiêm khắc và chặt chẽ mới có thể đoạn được các thứ nghiệp chướng và phiền não. Được như vậy, lúc lâm chung, dù trong hoàn cảnh không được người trợ niệm, chúng ta cũng có thể nắm vững được phần vãng sanh. Chúng ta nên tự mình thật sự sửa lỗi, thay đổi hành vi và tập khí xấu của mình, nỗ lực tiến tu, phát tâm chân thật “thường niệm Phật không gián đoạn”, giữ câu Phật hiệu canh cánh trong lòng như gà ấp. Lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, từ bi gia hộ, khiến tâm trí sáng suốt, chẳng bị hôn mê, loạn động và điên đảo; như thế mới được vãng sanh.

Nghiệp lực là sức mạnh của những thói quen và tập khí xuất phát từ thân, khẩu và ý của chính mình trong sự đối vật tiếp người hằng ngày, chứ chẳng phải từ nơi đâu xa mà tới. Những chủng tử tranh đấu, lỗi phải, đúng sai, oán hận, ganh ghét v.v... trong A-lại-da-thức mà chúng ta tích trữ và mang theo từ nhiều đời nhiều kiếp, thật sự là khó đoạn. Tất cả đều là do từ tình chấp của chúng ta mà sinh ra oán hận. Nếu chúng ta không lo hóa giải những oán thù cũ, mà lại gây ra thêm nhiều oán thù mới, thì thật là phiền phức, đời đời kiếp kiếp phải luôn đối phó với oan gia trái chủ, không hề ngừng dứt, đời bên đời phải lãnh chịu sự thống khổ. Đến lúc lâm chung, kẻ thù đến bên thân chúng ta để báo oán, không để chúng ta vãng sanh, đó

chính là ma chướng cùng sinh, là cận tử nghiệp. Cho nên sống ở đời, chúng ta nên “hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức,” chúng sinh muốn thứ gì, tất cả đều tùy thuận, không nên hơn thua tranh luận thì lúc lâm chung mới có thể đi vãng sanh được dễ dàng.

“Người chân thật niệm Phật, buông bỏ cả thân tâm thế giới là đại bố thí.”

---o0o---

Y PHÁP BẤT Y NHÂN

Trích trong “Thư trả lời Hộ niệm”

Cư sĩ Diệu Âm Úc Châu

---o0o---

Hỏi:

...Con gái tôi hằng ngày thường đi chùa gần nhà để “niệm Phật cầu vãng sanh,” và có một vị... ở trong chùa lại bảo với con gái tôi rằng: “Má con làm như vậy coi chừng “Dục Tóc Bất Đạt,” câu nói này làm cho tôi hơi thối chí. Vậy kính mong chư vị là người đã tu theo pháp môn Tịnh Độ này với thời gian dài và có nhiều kinh nghiệm, xin hãy cho tôi một lời khuyên là tôi làm như vậy là đúng hay là sai, có phải dục tóc bất đạt không?

Trả lời:

Ngài Ân Quang Đại Sư dạy, người tu hành mà không nguyện vãng sanh, thì dù cho tu hành có giỏi cho mấy thì thời nay cũng không thể thoát ly sanh tử luân hồi. Người không nghe lời Tổ Sư thì tự mình tu theo đường ma đạo vậy.

Ngài dạy, người niệm Phật mà chỉ lo cầu phước báu nhân thiên thì chẳng khác gì kẻ đem viên ngọc như ý, đáng giá liên thành, mà đổi lấy tán kẹo của con nít. Thật quá oan uổng! Ngài dạy, chân tâm chúng ta là Phật mà không chịu nguyện về Tây-phương, mà chỉ lo mấy thứ phước báu hữu lậu, thì thật quá là kẻ vô minh!

Ngài Tịnh Am Đại Sư dạy, người lo tu hạnh làm phước, dù cho phước báu lớn tới đâu thì việc thoát ly sanh tử cũng không thể thực hiện. Ngài nói: Việc thiện càng lớn, sanh tử càng nặng, khi chết một niệm luyến ái nổi lên nhất định bị vạ kiếp trầm luân. Tổ Sư dạy người niệm Phật cầu vãng sanh, người mà chỉ lo tu thiện phước mà không cầu vãng sanh thì đáng thương hại lắm vậy!

Ngài Thiện Đạo Đại Sư dạy, niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ thì vạn người tu vạn người vãng sanh, gọi là muôn người tu muôn người chứng. Ngài nói, dù niệm Phật chưa được nhất tâm bất loạn, nhưng nếu tổ chức hộ niệm cẩn thận thì người nào cũng được vãng sanh. Là Tổ Sư đâu có thể nói giỡn chơi!

Ngài Trung Phong Pháp Sư dạy, người niệm Phật mà không cầu vãng sanh, thì dù công phu có cao cho mấy cũng chỉ là hư vọng, vì đã làm sai lời Phật dạy. Chúng ta tu theo lời Phật dạy, hay tu theo người nói sai lời Phật dạy?

Ngài Liên Trì Đại Sư dạy, ba tạng kinh, mười hai phần giáo ai muốn nghiên cứu cho ngộ đạo thì cứ việc nghiên cứu, tám vạn bốn ngàn pháp môn ai muốn tu trì thì cứ việc tu trì, riêng Ngài chỉ niệm câu Phật hiệu A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh-độ. Ngài còn nói, người niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ chính là người thượng căn, còn những người tu theo các cách khác, nếu không là hạ căn thì cũng chỉ trung căn là cùng. Tại sao vậy? Vì chỉ có người niệm Phật cầu vãng sanh mới một đời thoát ly sanh tử luân hồi, bất thối thành Phật. Tổ Sư dạy vậy, tại sao chúng ta còn ngồi đây lý luận làm gì? Không có đường tu nhất định, rõ ràng, khi luống qua đời này (nghĩa là chết, mất phần vãng sanh) thì biết kiếp nào gặp lại Phật pháp nữa để lo chuyện giải thoát đây?

Ngài Quán Đảnh Đại Sư dạy, thời mạt pháp này tất cả kinh sách không còn có khả năng cứu độ nổi chúng sanh, chỉ còn câu Phật hiệu A Di Đà Phật mới làm nổi. Tại sao vậy? Vì nghiệp chướng chúng sanh trong thời mạt pháp này quá nặng, nhất định không thể tự chứng đắc, nếu không niệm Phật thì quyết chắc sẽ bị lọt lại trong sáu đường đau khổ. Bây giờ nói giỏi nói hay, đến khi chung cuộc (tức là lúc sắp chết) đành phải khóc ròng! Lúc đó dẫu cho ân hận cũng đâu còn kịp nữa?

Ngài Lý Bình Nam dạy, người thời này mà không chịu niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ thì nếu không phải kẻ ngu si cũng là thứ cuồng vọng!

Ngài quyết lòng dạy người niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ. Trong đời Ngài đã cứu rất nhiều người vãng sanh Tây-phương Cực-lạc.

Hòa Thượng Tịnh Không nói, người nào không chịu niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ, nếu không phải là kẻ ngu si thì cũng là người cuồng vọng! Nhưng xét cho cùng, cuồng vọng cũng là ngu si...

Vì thiếu trí huệ mới nghi ngờ lời Phật. Vì công cao ngã mạn mới chống lại lời Phật. Người không theo pháp Phật làm sao gọi là đệ tử Phật? Không phải đệ tử Phật thì muốn nói sao nói, muốn làm sao làm, muốn đọa lạc ở đâu lại chẳng được! Trong những đạo tràng của Ngài, ngoài việc niệm Phật cầu vãng sanh, tuyệt đối Ngài không cho phép bất cứ một hình thức tạp tu nào. Trong những năm qua, vô số người niệm Phật vãng sanh ở khắp nơi, hầu hết suy cho cùng đều nương nhờ vào lời pháp của Ngài.

Tất cả chư Tổ Sư đều dạy chúng sanh trong thời mạt pháp này hãy niệm Phật cầu sanh Tây-phương Cực-lạc để vãng sanh một đời thành đạo. Chúng ta nên thành tâm nghe theo lời chư Tổ Sư dạy để tu hành là an ổn nhất.

Thực ra, không phải chỉ có chư Tổ Sư dạy, mà đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật cũng dạy rất nhiều trong kinh điển.

Trong Kinh A Di Đà, bốn lần Phật dạy rằng, phải phát tâm nguyện sanh về Tây-phương Cực-lạc. Người nào nghe Ngài thuyết về cõi Tây-phương mà tin tưởng, phát nguyện vãng sanh, rồi chấp trì danh hiệu A Di Đà Phật niệm từ một ngày đến bảy ngày chuyên lòng nhất tâm thì khi lâm chung A Di Đà Phật và chư Thánh chúng sẽ hiện ra tiếp dẫn về Tây-phương

Cực-lạc quốc. Phật dạy rõ ràng, tại sao không tin theo? Phật không bao giờ vọng ngữ, tại sao người Phật tử lại nghi?

Kinh Vô Lượng Thọ, Phật nói không biết bao nhiêu lần, dạy chúng sanh phải một lòng niệm câu Phật hiệu cầu vãng sanh. Nếu người nào tin tưởng, phát nguyện vãng sanh, và chuyên nhất niệm câu Phật hiệu thì đầu mười niệm (trước phút lâm chung) mà không được vãng sanh thì A Di Đà Phật thề không thành Phật. Tại sao ta không y giáo phụng hành để vãng sanh thành Phật, mà lại chạy theo người thế tục nói?

Kinh Đại Tập Phật dạy, thời mạt pháp này (dù cho) vạn ức người tu hành, khó tìm thấy một người chứng đắc (nghĩa là khó vượt sanh tử luân hồi). Nhưng Phật lại nói, chỉ có người nào trì giữ pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ thì được thoát luân hồi.

Kinh Hoa Nghiêm, Thiện-Tài Đồng Tử đã chứng đắc pháp thân, người thầy căn bản là Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-tát dạy niệm Phật. Thiện Hữu Tri Thức mà Ngài đi tham phỏng, thì vị đầu tiên là ngài Đức-Vân dạy niệm Phật, vị cuối cùng là ngài Phổ-Hiền Bồ-tát dạy mười đại nguyện vương cầu sanh Tây-phương Cực-lạc (Nghĩa là cũng niệm Phật cầu vãng sanh). Bồ tát minh tâm kiến tánh mà còn phải niệm Phật, tại sao chúng ta không chịu niệm Phật?

Nhiều lắm, nhiều lắm..., tất cả kinh điển đều dạy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh-độ. Nhất là thời mạt pháp này! Phật dạy, nếu không chịu niệm Phật thì nhất định khó có thể thoát ly sanh tử luân hồi. Không thoát ly sanh tử luân hồi, thì tu

có giới cho mấy vẫn phải chết trong sanh tử luân hồi. Quyết định khó có thể thành đạo giải thoát!

Tu mà không thành đạo thì tu làm chi cho uổng sức vậy? Phật dạy đường thành đạo cho chúng sanh, ta tu hành mà không theo pháp Phật, không theo lời Phật, lại dạy chúng sanh đi ngược lời Phật dạy, làm cho chúng sanh mất phần giải thoát, mất phần thành tựu, thì tội lỗi này ai sẽ chịu thay cho mình đây?

Cho nên, dạy người tu không đúng theo kinh Phật rất có tội. Tội lớn lắm!

Phật dạy thời mạt pháp tu hành phải "Y pháp bất y nhân". Nghĩa là, phải y đúng theo pháp Phật tu hành, không được theo bất cứ người nào cả. Nói rõ hơn, người nào nói đúng kinh pháp thì nghe, người nào nói ngược kinh pháp thì tuyệt đối không được nghe. Nếu ai nhẹ dạ nghe theo thì bị đọa lạc ráng chịu.

Lúc ta bị đọa lạc, nhất định không có ai cứu nổi ta đâu! Như vậy ta phải theo lời Phật dạy để một đời này vãng sanh thành đạo, chứ tại sao lại theo những người nói ngược lời Phật, mà đành phải mất phần về Tây-phương, bị kẹt lại trong cảnh vô thường chịu nạn?

Đạo Phật là đạo cứu chúng sanh thoát vòng sanh tử, vãng sanh thành Phật, chứ đạo Phật đâu phải bắt chúng ta phải ở lại cõi Ta Bà này chịu cảnh ngũ trược ác thế để bị đọa lạc. Vậy thì người tu học Phật sao không lo chuyện thành đạo, lại cứ nản nã ở lại chốn vô thường này để tiếp tục chịu vô thường?

Tu theo đúng pháp Phật tại sao lại nói là "Dục tộc bất đạt". Không cầu về Tây-phương, tức là muốn chúng sanh ở lại cõi vô thường này vô lượng kiếp để chịu nạn à? Chư Tổ Sư đều dạy: Sanh tử sự đại, phải quyết lòng thoát ly sanh tử. Rõ ràng việc sanh tử là điều tối hệ trọng, cần phải giải quyết. Muốn giải quyết sanh tử trong một đời này chỉ có Niệm Phật cầu vãng sanh, thì mười niệm tất sanh. Phật đã cho chúng sanh một con đường thẳng tắt để thành đạo, tại sao lại không đi?

Không đi mà còn cản ngăn người khác con đường thành đạo, thì thật là đại tội! Đại tội!

Trong kinh Phật dạy, “Vong thất Bồ-đề tâm, tu chư thiện pháp, thì danh ma nghiệp.” (Quên đường thành đạo, mà lo tu các thứ thiện pháp thế gian, thì dù có làm thiện lành cho mấy đi nữa cũng chỉ là ma nghiệp). Tại sao vậy? Vì đánh lạc mất hướng vãng sanh thành đạo của chúng sanh, dẫn dắt chúng sanh đi vào trong các ngã đường sanh tử luân hồi; xui khiến họ không đi theo đường Phật dạy, lại đi theo con đường lẫn lộn, để sau cùng chịu nạn. Đây chính là ma nghiệp, ma đạo chứ còn gì nữa?

Thôi, xin đạo hữu hãy sáng suốt tự quyết định lấy. Đạo hữu hãy tự quyết định đường tu. Chỉ có chính đạo hữu quyết định tương lai của chính mình. Không ai giúp được đạo hữu đâu.

---o0o---

PHÀM SỞ HỮU TƯỚNG GIAI THỊ HƯ VỌNG

Diệu Âm Trí Thành

---000---

Thân gửi đến NL,

Chúng ta tu đạo Phật là cầu *Trí tuệ*, chứ không phải cầu *Trí thức*. *Trí tuệ* và *Trí thức* không giống nhau: *Trí thức* thì có thể tìm học từ trong kinh sách, sách chú giảng, nghe băng chú giảng .v.v... Nhưng *trí tuệ* thì chỉ có thể tìm được trong tự tánh, mà muốn tìm thấy tự tánh thì tâm phải có *Định*, phải thanh tịnh, không còn bị vướng mắc bởi những vọng tưởng, phân biệt và chấp trước (chấp ngã, chấp ngã sở, chấp pháp).

Làm sao để hạ công phu phá trừ phân biệt và chấp trước?

Hòa Thượng Tịnh Không dạy: trước hết là phải ngăn ngừa và giải trừ mọi xung đột, đối lập, mâu thuẫn, đấu tranh .v.v... do các thứ tâm này sanh ra. Phân biệt và chấp trước là nguyên nhân làm chướng ngại tâm thanh tịnh và năng lực trí tuệ của chúng ta, và nó cũng là cái nhân tạo ra lục đạo luân hồi.

Học Phật trong kinh sách là để thu đạt kiến thức căn bản (*Trí thức*), làm phương tiện hướng về pháp *Vô tướng vô vi* của Như Lai, pháp này cũng được gọi là Nhất Thừa hay Phật Thừa. Vì pháp này là *vô tướng vô vi*, là chân thật pháp, là pháp *Không*, nên nó không có ngôn từ để diễn đạt, nó không thể tìm được trong kinh sách, mà nó phải tự mình giác ngộ trong tự tánh.

Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật nói: “*Vì chúng hữu tình tuyên nói chánh pháp, vô tướng vô vi, không buộc không mở, không phân, không biệt, xa lìa điên đảo*”.

Vậy, pháp *vô vi vô tướng* mới là thật pháp. Tất cả các pháp hữu vi đều là quyền pháp, là huyền pháp ... dùng làm phương tiện giúp cho người chưa giác ngộ phát khởi Tín tâm mà tìm đến Phật đạo. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn cũng nói:

“*Nghiêm cầu Tịnh Độ Phật
Thọ ký sẽ thành Phật
Liễu triệt tất cả pháp như dư vang mộng huyễn*”

Phật nói tất cả pháp đều là như mộng huyễn, đều là không thật. Vì vậy nếu ta ôm chặt, bám sát và không rời pháp hữu vi, thì ta còn *Chấp pháp*. *Chấp pháp* là thứ Sở tri chướng, sanh ra kiến tư phiền não, ngăn ngại cửa Bồ Đề, vì hết thảy *Trí thức* của thế gian đều là từ vọng thức. Người chấp pháp càng học Phật, càng nghiên cứu Phật pháp càng sanh ra các thứ vọng tưởng phân biệt, chấp trước, càng sanh ra phiền não. Vì vậy, Phật dạy cho ta không nên chấp pháp.

Trong tất cả các pháp môn của Phật đều nói đến *Tín-Giải-Hành-Chứng*. Phật dùng pháp hữu vi làm phương tiện giúp chúng sanh phát khởi Tín tâm (*Tín*) và có kiến thức (*Giải*) để hiểu biết về pháp môn mà mình tu. Một khi *Tín-Giải* đã vững vàng rồi, thì phải *Hành*. Hành trong Phật giáo tức là *Buông Xả*: buông xả tất cả các pháp, buông xả tự tư tự lợi, vọng tưởng phải quấy, nhân ngã .v.v..., ngay đến Phật pháp cũng

phải buông bỏ nó ra, thì *Tự tánh thanh tịnh viên minh thể* mới hiện tiền. Khi đó ta gọi là *Chứng đắc*, tức là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh cũng không có nghĩa là thành Phật, vì mức độ của minh tâm kiến tánh có khác nhau:

- Thanh văn chưa phá được hết chấp trước vi tế, nên chỉ chứng được *Nhất thiết trí*,
- Bồ-tát chưa phá được hết phân biệt vi tế, nên chỉ chứng được *Đạo chủng trí*
- Phật rốt ráo phá được hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên đắc được *Nhất thiết chủng trí*.

Trong kinh Kim Cang, Phật dạy chúng ta phải xả bỏ bốn tướng: nhân, ngã, chúng sanh và thọ giả, để thể nhập Như Lai tánh.

Vì sao phải xả bỏ bốn tướng?

“*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”: Tất cả những vật chất, tinh thần và hiện tượng của vật chậ và tinh thần đều có sanh diệt, đều là pháp hữu vi. Phật dùng pháp hữu vi làm phương tiện giúp chúng ta nhìn thấy hết mọi chướng ngại của mình, để có thể quán nhập vào pháp vô vi vô tướng. Pháp vô vi vô tướng là pháp mà không có thể dùng ngôn từ để nói, pháp này chỉ có một, đó là *Chân Như Vô Vi, Tự Tánh Thanh Tịnh Chân Như Thể (chân như bốn tánh)*. Pháp này chỉ có thể tìm được trong tự tánh, không thể tìm thấy trong sách vở hay kinh sách. Do đó, nhà Thiền gọi chân thật kinh là “*Vô Tự Chân kinh*”.

Tất cả pháp môn của Phật đều phải quy về Thiên định mà giác ngộ. Thiên định không chỉ có trong pháp môn Thiên. Niệm Phật, trì chú cũng là Thiên Định. *Thiên nghĩa là Quán, Định nghĩa là Chỉ. Thiên Định có nghĩa là Chỉ Quán.* Thiên Định hay Chỉ Quán là phương pháp để an trụ tâm và phát sanh trí tuệ. Tâm định và thanh tịnh thì trí tuệ phát sanh. Có định và tuệ thì vạn pháp sẽ tự nhiên được thông rõ một cách sáng suốt. Sự thông rõ này không thể do trí thức học được từ kinh sách mà có. Ngược lại, nếu chấp dính cứng ngắc vào kinh sách thì sẽ bị chướng ngại cho việc tu định và tuệ (huệ); vì vậy, nhà Thiên thường nói: *“Tâm là kinh, kinh là tâm”*.

Ngày xưa, Lục Tổ Huệ Năng, chẳng có học qua kinh sách, Ngài chỉ được nghe Ngũ Tổ giảng dạy sơ sơ đại khái về kinh Kim Cang, lúc Ngài giã gạo trong đêm khuya, Ngài liền giác ngộ tự tánh, nghĩa là minh tâm kiến tánh, và tự nhiên thông rõ mọi pháp và có thể giảng nói tất cả kinh pháp. Tại sao Ngài làm được như vậy? Vì tâm của Ngài vốn là rỗng không, còn tâm của chúng ta thì chất chứa đầy vọng tưởng, kiến chấp, ngã chấp .v.v... chân thật trí tuệ khó thể phát chiếu.

Trong bài chú giảng “Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán”, Hòa Thượng Tịnh Không nói: Thái Tử Tất Đạt Đa ở dưới cội cây Bồ Đề giác ngộ được tự tánh, thành Phật, cũng do bởi Ngài có thể đem hết tất cả những kiến thức và pháp (pháp và phi pháp) mà Ngài học suốt một đời buông bỏ nó ra hết. Vì Ngài đã buông nó ra được hết sạch, một tơ hào cũng không còn sót lại, nên Ngài mới minh tâm kiến tánh thành Phật. Ngay lúc ấy, Ngài liền vì chúng sanh mà thuyết kinh Hoa Nghiêm nói rõ tánh tướng của vũ trụ nhân sanh trong mười

phương pháp giới. Pháp này Ngài học ở đâu? Ngài chẳng học ở đâu cả, vì khi tâm thông, thì vạn pháp tự nhiên thông.

Chư Tổ Sư Đại Đức có nói: “*Không dùng Chỉ Quán, không vào được cửa Bồ Đề*”, cũng nhằm mục đích bảo chúng ta phải xả bỏ tất cả các pháp hữu vi, và phải dụng tâm để thông rõ pháp vô vi. Tất cả những gì có tướng, có âm thanh đều là pháp hữu vi.

Niệm Phật là phương pháp Chỉ Quán, định tâm vào câu Phật hiệu “*Nam Mô A Di Đà Phật*”, để đoạn trừ vọng niệm. Khi tâm được an trụ hoàn toàn trong tiếng niệm Phật, vọng niệm liền ngưng bật. Đạo lý này thật rất là tự nhiên và dễ hiểu. Khi tất cả vọng niệm đều ngưng bật, thì sẽ minh tâm kiến tánh, rõ thông tất cả pháp tánh và tướng của vũ trụ nhân sanh.

---o0o---

ĐÔN LUÂN TẬN PHẬN, NHÀN TÀ TÒN THÀNH, LÃO THẬT NIỆM PHẬT, CẦU SANH TỊNH ĐỘ

Diệu Âm Trí Thành

---o0o---

Q.A. thân,

Lâu lắm rồi mới nhận được thư của Q.A., chắc là việc nhà và việc đời có lắm sự đa đoan ràng buộc, không có được những giây phút an nhàn thanh thoi. Sống ở thế gian này, mọi

người đều có bốn phận; người tục gia có cái bận buộc này, thì người xuất gia cũng có các bận rộn khác. Có ai trong thế gian này thật sự được hoàn toàn rảnh rỗi và tự tại để tu hành, hoặc đạo khắp bốn phương tầm minh sư học đạo đâu? Người đa phước, giàu sang, rảnh rỗi thì lại không thích tu hành vì mê say và tham đắm trong dục lạc phước báu thế gian. Bởi thế Phật mới nói “phước báu là đại nạn”, “danh là nguy hiểm”, “phiền não là Bồ Đề”.

Những người giàu sang, danh vọng, an nhiên tự do v.v... mà biết tu hành nghiêm mật, biết làm phước thiện và hộ trì Phật pháp thì chắc phải là những vị Nhất Sanh Bồ Sứ, vì chúng sanh mà mặc giáp hoàng thệ, thị hiện ở đời để hoàng pháp lợi sanh và giáo hoá hữu tình.

Người có phiền não, mà thấy được Phật pháp, thì trong đời này, sẽ mau chóng được giác ngộ giải thoát. Phật pháp không có định pháp: Phật pháp vi diệu nhiệm mầu và thường biến để thích hợp với mọi hoàn cảnh và trí tánh của chúng sanh; thế mới biết trí rộng Đại Thừa, oai đức rộng lớn, trí vô đẳng vô luân, trí không nghĩ bàn của Phật.

Q.A. nè! Dù cho duyên sự có nhiều đến mấy, nếu Q.A. biết giữ cho tâm được điềm nhiên, không chuyển theo cảnh, thì lúc đang bận rộn cũng có thể được giải thoát an nhàn. Nếu không nhận biết rõ điều này, thì dù bỏ việc đời, nơi tâm cũng còn vương vấn, rộn ràng chẳng yên.

Ấn Quang Tổ Sư có dạy: "*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành. Lão thật niệm Phật, cầu sanh Tịnh-độ*"

Nghĩa là, chúng ta sống phải làm tròn luân thường đạo đức, tận hết bổn phận làm người trong gia đình và ngoài xã hội, ngăn ngừa tà tâm tà hạnh, giúp người khác làm điều thiện lành. Thật thà chuyên lòng niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh-độ.

Phật nói: Phật tử tu tại gia như vàng nung trong đồng lửa, lửa càng lớn thì làm vàng càng thêm chói sáng. Người tu tại gia mà hành được thánh đạo của Phật thì khác nào hoa sen mọc trong lửa; hoa sen này chẳng phải là loài hoa tầm thường mọc trong nước bùn. Trong kinh Phạm Võng, Thế Tôn dạy Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ (Phật tử tại gia) rằng: Nếu Bồ Tát tại gia có thể tu hành và giữ gìn giới cấm nghiêm mật, vững vàng không phạm, thì hiện đời là đáng trọng phụ ở trong cõi nhân gian, lúc xả bỏ báo thân sẽ sanh về cõi Phật làm bạn hiền với Bồ Tát. Người học Phật nên biết an theo phận mình, giữ tròn nhiệm vụ, thì dù có tiếp xúc với muôn duyên, mỗi ngày vẫn thông dong ngoài cảnh vật. Đó chính là cái ý nghĩa của câu “*Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn*”.

Khi biết rõ sự thắng diệu của Phật pháp, thì có cái gì gọi là không tu? Có lúc nào mà không thể tu? Thậm chí rửa chén, quét nhà, nấu cơm, nuôi dưỡng người bệnh, đi làm v.v... cũng là tu. Tu những gì? Đầy đủ tất cả Giới, Định và Huệ. Trong Giới có chứa đựng cả bốn pháp: bố thí, trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn; Giới thành thì được Định, Định thành thì được Huệ. Hơn nữa, chúng ta làm việc phụng sự cho gia đình và xã hội cũng là công việc bố thí, bao gồm cả tài và vô úy, cho tất cả chúng sanh quyền thuộc hay không quyền thuộc với ta. Hiểu được vậy, thì ta càng làm việc nhà hay việc xã hội, ta sẽ càng cảm thấy hăng say và hoan hỷ; không còn bị nhàm chán mà

than thân trách phận nữa. Trong tất cả công việc hằng ngày, dù là bằng trí óc hay lao động chân tay, ta đều có thể thu đạt được các pháp công đức như: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ (Lục Độ Ba La Mật). Vì sao? vì “Công” là việc làm, mà “Đức” là tánh thiện từ nơi tâm đặt trên việc làm; Vậy, khi ta đặt cái tâm thiện trên một việc làm nào đó, bất kể là Phật pháp hay phi Phật pháp, thì việc làm đó, đều biến thành “Công Đức”. Thế mới rõ biết: “Phật pháp bao gồm tất cả thế gian và xuất thế gian pháp”.

Người tu hành hay thường chấp pháp, cứ tưởng là phải ngồi một chỗ tọa thiền, niệm Phật, trì chú mới gọi là tu. Chứ có biết đâu làm cái gì mà chẳng phải là tu. Ý nghĩa chung của chữ “tu” là cải sửa hành vi và quan niệm của mình trong mọi sự đối vật tiếp người. Lại nữa, lúc làm các công việc này, ta vẫn có thể niệm Phật cơ mà!

Tóm lại, người biết tu là người biết sống một cuộc sống bình thường, làm những công việc bình thường, mà trong mọi công việc đều phát sanh thiện căn phước đức. Nếu có năng lực và phương tiện tốt, họ lại mở rộng tâm lượng bao dung, góp công sức vào việc đem Phật pháp giáo hoá và an lập chúng sanh trong Phật chánh đạo. Trong kinh Kim Cang, Thế Tôn dạy: “độ vô lượng chúng sanh, mà trong tâm chẳng thấy có một chúng sanh được độ”, như thế mới gọi là bố thí Ba La Mật.

Cố gắng lên, Q.A. nhé! Trong mọi hoàn cảnh.

---o0o---

KHAI THỊ SÁM HỐI CHO CHÚNG SANH

Lời Khai Thị của Hòa Thượng Tịnh Không

--o0o--

I. CHÚNG ĐẲNG OAN GIA TRÁI CHỦ

Phật nói: *Đời người ở thế gian, nhỏ là gia đình, quyền thuộc, lớn là quốc gia, dân tộc, đều không ngoài “báo ân, báo oán, đời nợ, trả nợ”*. Do bốn thứ duyên này mà tụ hợp. Hà hưởng tập khí và nghiệp chướng của chúng sanh sâu nặng, sống thiếu ân nghĩa, bố thí đức huệ thì ít, kết oán thì nhiều, do đó mà luân hồi trong lục đạo từ vô lượng kiếp đến nay để oan oan tương báo, khổ không kể xiết.

Chúng ta nhờ nhiều đời vun trồng thiện căn, nên nay được gặp Chánh Pháp cho nên phải một lòng quy y Tam Bảo, nghe lời Phật dạy mà đoạn ác tu thiện.

Phật dạy: *“Tất cả các pháp là vô sở hữu, tất kính không, bất khả đắc”*. Cho nên phải giải trừ hết tất cả những oán kết của những gì đã qua, nhất là đối với những kẻ oán thù của ta, khi họ bị suy yếu bệnh khổ. Chúng ta có thể xả bỏ thù xưa, giữ tâm ý tốt hộ trì giúp đỡ họ, lấy ân báo oán, biến oán thành thân, dù sống trong biển nghịch mệnh mang, chúng ta đã bước lên con đường quang minh rộng lớn để lìa khổ được vui.

Nguyện thường nghe Kinh, niệm Phật không cho gián đoạn, nhất tâm cầu sanh Tịnh độ tất được chư Phật hộ niệm,

viên mãn Vô thượng Bồ Đề. Duy nguyện chư nhân giả y giáo phụng hành, hãy luôn nghĩ như vậy.

II. ĐỊA CHỦ VÀ TẤT CẢ CHƯ QUỶ THẦN CHÚNG

Phật nói: “*Nhứt thiết chúng sanh bổn lai thành Phật*”, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không được chứng đắc. Chúng ta ngày nay gặp được Chánh Pháp nên chí thành quy y Tam Bảo, tuân theo giáo giới của Phật, sám trừ nghiệp tội, nỗ lực tu hành; nếu như tùy thuận tuân theo tham sân phiền não, tạo ác quấy phá, thật là đáng tiếc. Đối với những người bình khổ suy yếu của nhân gian, cần phải từ bi hộ niệm, chớ nên quấy nhiễu khiến họ bất an.

Nên nhớ, nếu như chúng sanh không có Phật Pháp, biển nghiệp mênh mông, không thể thoát ly; thiện ác báo ứng như hình với bóng, luân hồi đều do nghiệp lực dẫn dắt, hôm nay chư vị tuy đọa ác đạo vẫn có thể nắm bắt cơ duyên, nghe Kinh niệm Phật, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức, lấy tâm yêu thương chân thành hóa giải vô lượng oán thù, hộ trì chánh pháp, nhất tâm cầu sanh A Di Đà Tịnh độ.

Đây là nhân duyên trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được, duy nguyện nhân giả luôn hiểu biết điều này để y giáo phụng hành.

Hòa Thượng Tịnh Không
Kính khuyên
Ngày... tháng... năm...

III. Đệ tử..... (họ tên hoặc Pháp danh của người đọc)

Kính thưa oan gia trái chủ từ lữ kiếp,

Mười phương chư Phật, A Di Đà đệ nhất, cứu phẩm độ sanh, oai đức vô cùng, nguyện cùng quy y sám hối tội chướng, phạm được bao phước thiện, chí tâm hồi hướng, nguyện cùng niệm Phật, cảm ứng tùy hiện, kiến văn tinh tấn, đồng sanh Cực Lạc, kiến Phật ngộ đạo, chuyển oán thành thân, cùng làm pháp lữ, để cùng nhau chuyển biển nghiệp thành Liên Trì, chư Phật độ sanh duy nguyện ngã, lữ kiếp oan gia trái chủ nghe Pháp màu này, tín thọ phụng hành.

Đệ tử Tam Bảo,.... (tên họ hoặc Pháp danh người đọc) Đảnh lễ

Hòa Thượng Tịnh Không

Chứng minh.

Ngày ... tháng ... năm ...

---o0o---

CÁCH GIẢI TRỪ OÁN THÙ VỚI OAN GIA TRÁI CHỦ

Hòa Thượng Tịnh Không

---o0o---

1. Đầu tiên, khuyến dạy xin giải trừ Oán Thù.

Tôi tên..... Những oan gia trái chủ trên thân mình tôi, xin quý vị hãy nghe rõ, từ vô thủy kiếp đến nay, vì tôi bị mê hoặc trong thế giới Ta Bà, trong nhiều kiếp luân hồi, trong lúc vô ý đã làm tổn hại đến quý vị, khiến cho quý vị phải thọ vô lượng tội nghiệp trong lục đạo luân hồi, hứng chịu biết bao đau khổ, tăng thêm biết bao phiền não, tôi thường cảm thấy tội chướng sâu nặng hối hận vô cùng. Tất cả đều do tôi mê hoặc vô tri tạo nên, đời này nhờ nguyện lực từ bi gia hộ của Phật tôi được kết pháp duyên với Phật, tôi không quên quý vị, thành khẩn hy vọng quý vị cùng nhau học Phật, niệm Phật tu hành, tranh thủ sớm ngày tu hành chánh quả. Đồng thời hy vọng quý vị tha thứ cho tôi, đừng trả thù tôi, nếu quý vị nhất định muốn báo thù tôi, tôi cũng không có cách nào lẩn tránh, vì nhân đó là do tôi tạo ra, nên cũng phải chấp nhận quả báo, nhưng nếu như vậy đối với quý vị cũng không có lợi ích gì, chỉ khiến quý vị cảm thấy khoái lạc nhất thời, nhưng đến cùng quý vị không giải quyết được vấn đề căn bản, vì quý vị không những không tránh được sanh tử, cùng thoát ra khỏi lục đạo luân hồi.

Tôi nhận thấy cách này vừa tổn người lại không lợi ích gì cho chính mình, đối với cả hai bên chúng ta đều không tốt lành, vì vậy tôi thành khẩn hy vọng quý vị cùng tôi học Phật, niệm Phật hiệu A Di Đà Phật. Xin ghi nhớ, chỉ cần quý vị thâm lại thân tâm niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật, một niệm tương ứng hoành siêu tam giới, siêu thoát tam giới tức được đắc đạo, chỉ cần tinh tấn tu hành sẽ được thành Phật. Chỉ cần thâm lại thân tâm niệm Thánh hiệu “A Di Đà Phật,” một niệm tương ứng phước thọ tăng trưởng, tiêu tai diệt chướng. Chỉ cần thâm lại thân tâm, niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật, một niệm tương ứng, tu gì được nấy.

Nhưng chúng tôi hy vọng quý vị đừng tu nhân thiên quả báo, cố gắng tu tập, phát tâm Bồ Đề, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật thánh hiệu, chỉ cần tu hành đúng pháp, tất nhiên đắc đạo tu hành chánh quả.

2. Quy Y Tam Bảo Cho Oan Gia Trái Chủ

Tôi tên..... oan gia trái chủ trên thân mình tôi, quý vị hãy nghe rõ, quý vị không nghe Tam Bảo, không hiểu Quy Y, cho nên thọ khổ luân hồi. Nay tôi truyền thọ Quy Y Tam Bảo, quý vị phải lắng nghe, tôi niệm một lần, quý vị hãy theo tôi niệm một lần và phải niệm ba lần.

Quy Y Phật, Quy Y Pháp, Quy Y Tăng.
Quy Y Phật, Lương Túc Tôn,
Quy Y Pháp, Ly Dục Tôn
Quy Y Tăng, Chúng Trung Tôn.
Quy Y Phật, Không Đọa Địa Ngục,
Quy Y Pháp, Không Đọa Nga Quỷ,
Quy Y Tăng, Không Đọa Súc Sanh (đọc 3 lần)

Lễ Quy Y viên mãn, bây giờ tôi vì quý vị niệm Thánh hiệu A Di Đà Phật hai ngàn tiếng. Xin mời quý vị thu lại thân tâm cùng tôi chuyên tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật. (niệm Phật 4 chữ hoặc 6 chữ tùy ý)

3. Niệm xong Thánh hiệu, vì Oan Gia Trái Chủ tụng Tâm Kinh (một lần).

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức. Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo. Vô trí, diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn. Tam thế chư Phật, y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cố tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế, yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha (3 lần)

4. Tụng Xong Tâm Kinh, vì oan gia trái chủ, tụng Chú Vãng Sanh (21 lần).

Chú Vãng Sanh

Nam mô a di đà bà dạ
Đa tha dà đa dạ
Đa địa dạ tha.
A di rị đô bà tỳ
A di rị đa, tất đam bà tỳ
A di rị đa tì ca lan đế
A di rị đa tì ca lan đa
Dà di nị dà dà na
Chỉ đa ca lệ ta bà ha.

Kệ Hồi Hương

Nguyện đem công đức này,
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ,
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu khổ tam đồ,
Nếu có ai thấy nghe,
Đều phát tâm Bồ Đề,
Hết một báo thân này,
Đồng sanh cõi Cực Lạc

5. Lời Kết Thúc

Tất cả oan gia trái chủ trên thân tôi, tôi mới vừa quy y Tam Bảo cho quý vị, tụng niệm Phật hiệu A Di Đà Phật hai ngàn tiếng, tụng Tâm Kinh một lần, tụng Chú Vãng Sanh 21 lần. Những pháp ngữ này tôi đều tặng cho quý vị, hy vọng quý vị đừng làm chướng ngại cho tôi, mau rời khỏi thân tôi, tìm một chỗ tốt lành mà tu hành, phá mê khai ngộ, minh tâm kiến tánh, lìa khổ được vui, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

Nam Mô A Di Đà Phật (ba lần)

---o0o---

PHÁT NGUYỆN ĐÁNH LỄ PHẬT A DI ĐÀ

---o0o---

(Đọc lời phát nguyện này trước khi đánh lễ Phật A Di Đà)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Thân thể không đau bệnh 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Tâm hồn không hôn mê 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Không tham đắm ngũ dục 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Tâm niệm Phật Di Đà 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Xả ly Ta Bà khổ 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Hân nguyện về Tịnh Độ 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Con thấy kim thân Phật 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà

Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Phật phóng quang nhiếp độ 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Cho đến lúc lâm chung
Liên hoa con hóa sanh 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Khi vãng sanh Tịnh Độ
Hoa nở tâm khai ngộ 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ Ngài
Khi vãng sanh Tịnh Độ
Chứng ngộ Pháp Vô Sanh 0 (1 lạy)

Kính lạy Phật Di Đà
Con nay xin phát nguyện
Thường xuyên đánh lễ ngài
Khi vãng sanh Tịnh Độ
Chóng viên thành toàn giác 0 (1 lạy)

Nam mô pháp giới tạng thân A Di Đà Phật 0 (3 lần)

---o0o---

PHÁT NGUYỆN VÃNG SANH TÂY PHƯƠNG

---o0o---

Đọc bài của Ngài Từ Vân sám chủ:

Một lòng quy mạng, thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà. Xin đem ánh tịnh soi chiếu thân con, dùng nguyện từ bi, mà nhiếp thọ con. Nay con chánh niệm, xưng hiệu Như Lai, vì đạo Bồ Đề, cầu sanh Tịnh Độ. Xưa Phật lập thế: “Nếu chúng sanh nào, muốn về nước ta, hết lòng tin ưa, xưng danh hiệu ta, cho đến mười niệm, như không được sanh, ta không thành Phật.” Nay con nguyện nương, nhân duyên niệm Phật, được vào biển thế của đức Như Lai, nhờ sức Thế Tôn, tiêu trừ các tội, thêm lớn căn lành. Con nguyện lâm chung, biết ngày giờ trước, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý không điên đảo, như vào thiên đình. Phật cùng Thánh chúng, tay bưng đài vàng, đến tiếp dẫn con. Trong khoảng sát na, con về Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, được nghe Phật Thừa, tỏ thông Phật huệ, độ khắp chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện.

Hoặc bài của tiên nhân:

“Đệ tử chúng con, hiện là phàm phu, trong vòng sanh tử, tội chương sâu nặng, luân chuyển sáu đường, khổ không nói được. Nay gặp tri thức, được nghe danh hiệu, bản nguyện công đức, của Phật Di Đà, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh. Nguyện Phật từ bi, xót thương chẳng bỏ, phóng quang

niếp thọ. Đệ tử chúng con, chưa biết thân Phật, tướng tốt quang minh, nguyện Phật thị hiện, cho con được thấy. Lại thấy tướng mâu, Quán Âm Thế Chí, các chúng Bồ Tát và thế giới kia, thanh tịnh trang nghiêm, vẻ đẹp quang minh, xin đều thấy rõ.

Con nguyện lâm chung không chướng ngại
A Di Đà đến rước từ xa
Quan Âm cam lồ rưới nơi đầu
Thế Chí kim đài trao đỡ gót
Trong một sát na, lia ngũ trược
Khoảng tay co duỗi đến Liên Trì
Khi hoa sen nở thấy Từ Tôn
Nghe tiếng pháp sâu, lòng sáng tỏ
Nghe xong liền ngộ Vô Sanh Nhẫn
Không rời an dưỡng lại Ta Bà
Khéo đem phương tiện lợi quần sanh
Hay lấy trần lao làm Phật sự
Con nguyện như thế Phật chứng tri
Kết cuộc về sau được thành tựu.

---o0o---

Niệm Phật, lạy Phật, công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hướng
Phổ nguyện Pháp giới chư chúng sanh
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ Tát đạo.

---o0o---

Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thoái Bồ Tát vi bạn hữu.

HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này,
Trang nghiêm nơi cõi Phật,
Trên đền bốn ơn sâu,
Dưới độ ba đường khổ,
Nếu có kẻ thấy nghe
Đều phát lòng Bồ đề.
Khi báo thân này mãn,
Đồng sanh về nước Cực lạc.

---o0o---

PHƯƠNG PHÁP NIỆM 10 DANH HIỆU A DI ĐÀ PHẬT

Hòa Thượng Tịnh Không

---o0o---

Phương pháp niệm 10 danh hiệu A Di Đà Phật là phương pháp đơn giản, lợi ích thiết thực trong việc hành trì pháp môn niệm Phật. Đặc biệt rất thích hợp với những người có quá ít thời gian tu tập. Hành trì theo phương pháp này sẽ giúp cho chúng ta nhất tâm chánh niệm A Di Đà Phật và giúp cho chúng ta an lạc thanh thản ngay trong giây phút hiện tại.

Thời khóa hành trì được bắt đầu khi chúng ta thức giấc vào sáng sớm. Chúng ta ngồi thẳng người và niệm rõ ràng danh hiệu A Di Đà Phật 10 lần với tâm chánh niệm, niệm lớn tiếng hay niệm thầm tùy theo ý muốn từng người. Chúng ta lặp lại công phu này 8 lần nữa trong một ngày. Như vậy, chúng ta công phu theo phương pháp này 9 lần trong mỗi ngày. Thời gian đó được đề nghị như sau:

1. Ngay khi vừa thức giấc buổi sáng sớm.
2. Trước khi bắt đầu dùng điểm tâm.
3. Sau khi dùng điểm tâm.
4. Trước khi làm việc chính trong ngày.
5. Trước khi ăn trưa.
6. Sau khi ăn trưa.
7. Trước khi ăn tối.
8. Sau khi ăn tối.

9. Lúc đi ngủ.

Quan trọng nhất là hành trì đều đặn. Sự gián đoạn, không kiên nhẫn khi hành trì sẽ làm giảm hiệu lực tác dụng. Nếu hành trì liên tục, tinh cần thì người tu sẽ thấy càng ngày thân tâm càng gia tăng niềm an lạc. Tinh tấn hành trì phương pháp niệm 10 danh hiệu A Di Đà Phật kết hợp với niềm tin và bản nguyện chân chính không thay đổi, chắc chắn bảo đảm tâm nguyện vãng sanh cõi Tây phương Cực Lạc, cõi Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang sẽ được thành tựu.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

---o0o---

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI TỊNH TỌA NIỆM PHẬT



Trong lúc thực hành niệm Phật, nhất là khi tịnh tọa hành giả có thể thường gặp những hiện tượng: hôn trầm, tán loạn, vô ký, phan duyên. Trường hợp này hành giả cũng cần phải biết cách đối trị mới dễ dàng khắc phục. Nếu không biết cách thì khó hàng phục được các hiện tượng ấy, lâu ngày có thể khiến hành giả chán sợ, lười dụng công.

1. **Về hôn trầm:** Tức là tâm mờ mịt như buồn ngủ, có hai loại:

- Tâm thức tự nhiên lơ mờ, còn biết niệm Phật nhưng không sáng tỉnh, thỉnh thoảng đầu bị gục. Đây là hôn trầm do khí hỏa hư trong người thăng lên lấn áp tinh thần. Hành giả nên niệm ra tiếng liên tục và hơi nhanh thì trị được. Đó là dùng sự cử động của bên ngoài để điều hòa giải trừ khí hư.
- Tâm có vẻ hơi mỏi, khởi niệm gượng gạo, thỉnh thoảng bị ngáp hơi, ngồi lâu muốn ngủ, trạng thái này diễn biến càng lúc càng nhiều. Đây là hôn trầm do thiếu hăng hái tinh tấn. Hành giả hãy mặc nhiên và niệm nhanh (có thể động môi) để kích thích tinh thần. Nhờ bắt tâm khởi niệm nhanh nên tinh thần mới phấn chấn tươi tỉnh.

2. **Về tán loạn:** Cũng có hai loại:

- Tâm nghĩ ngợi nhớ tưởng lung tung, quên việc niệm Phật hiện tại, tinh thần mệt mỏi, không tự chủ, không tỉnh minh, muốn xả công phu. Đây là tán loạn do tâm nóng nảy phát sinh. Nguyên nhân là khi niệm Phật, hành giả lại niệm gấp gấp nên ngồi lâu tim nóng mới bị tán loạn. Gặp trường hợp này, hành giả nên niệm ra tiếng một cách chậm rãi thông thả, có thể ngân nga. Như thế tâm sẽ trở nên dịu mát và an bình.
- Nếu tinh thần vẫn an bình nhưng tâm thức thỉnh thoảng lại khởi nhớ việc này việc nọ. Mặc dù biết được vọng niệm, nhưng không tránh khỏi sự duyên theo hoặc khó dừng nó. Và mỗi khi vọng niệm, thì ngưng niệm Phật.

Đây là do hành giả thiếu chủ tâm, không tập trung vào câu niệm Phật nên thói quen dịch chuyển của tâm thức mới có dịp khởi động. Hành giả chỉ cần tập trung lắng nghe tâm niệm, nghe từng tiếng từng câu rõ ràng thì hàng phục được.

3. Về phan duyên và vô ký:

Phan duyên: là thói quen âm ư rong ruổi bên ngoài, cũng là một loại động loạn, nhưng có điều nó lặng lẽ, như ngồi niệm Phật mà tai lại lắng nghe người ngoài nói chuyện hoặc mắt theo dõi cảnh vật chung quanh... tức là năm thức duyên theo năm trần cảnh. Đây là nguyên nhân làm công phu bị gián đoạn và mất chánh niệm. Hành giả không biết, tưởng mình không vọng niệm rồi chẳng lo đoạn trừ, lâu ngày thành thói quen nặng, ngồi niệm Phật mà tâm chỉ huân tập vào những chuyện vô ích bên ngoài, tu nhiều mà tâm không định.

Vô ký: là một thái cực đối lập với phan duyên, tức là tâm thức biến mất, hành giả ngồi niệm Phật đến một lúc tự nhiên không nhận biết gì cả, quên niệm Phật, như người chết có khi trải qua hàng giờ. Nếu không biết lại cho là được định tâm, đắm thích theo nó khiến uổng phí ngày giờ gieo trồng chủng tử gỗ đá vô tri.

Để đối trị tâm phan duyên và vô ký này, hành giả có thể khởi niệm Phật rõ ràng từng niệm ba câu hay năm câu, mười câu cho liên tiếp, rồi ngừng khoảng hai giây, sau đó khởi niệm trở lại ba hay năm, mười câu liên tiếp nữa, rồi lại ngừng, ngừng rồi lại niệm. Cứ như thế mà hành trì niệm Phật, vừa niệm vừa

lắng nghe kiểm soát rõ ràng. Thực hành như vậy tâm sẽ tập trung mạnh mẽ.

Cần biết thêm là trừ tâm phan duyên thì niệm ra tiếng, còn đoạn vô ký thì niệm thầm. Dù niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều kiểm soát ghi nhận rõ ràng từng đợt mấy câu. Sở dĩ trường hợp phan duyên đuổi theo cảnh, thì cảnh do mình để kéo về mới kết quả và đoạn tâm vô ký là ý thức chìm mất, vì vô ký là ý thức hay chìm mất, nên bắt ý thức làm việc và kiểm soát nó thì nó sẽ không mất nữa.

Đó là khái quát cách đối trị các bệnh hôn trầm, tán loạn, phan duyên và vô ký. Tuy nhiên, hành giả cũng cần biết khi cơ thể mệt mỏi suy kém do làm việc nhiều hoặc bệnh tật cũng thường gây ra các chứng bệnh ấy. Trường hợp này, hành giả phải nghỉ ngơi để bồi dưỡng cho thân được điều hòa, không nên gượng ép công phu vô ích.

Lại nữa, khi hành giả niệm Phật đã thành thạo, tiếng Phật không mất mà vẫn phát động đều đặn, tâm an bình, tỉnh táo, nghe biết rõ ràng. Nơi tâm tự nhiên sinh khởi các ý tưởng vọng động kèm theo câu Phật hiệu của hành giả. Đây là do tâm của hành giả đạt đến chỗ bình lặng, làm lưu xuất các chủng tử trong tạng thức. Trường hợp này hành giả không cần quan tâm, cứ chú ý câu Phật hiệu của mình. Các chủng tử được lưu xuất ấy lần lần bật dứt, sẽ trở lại sự trong sáng tự nhiên nơi tâm.

Điều cần nhớ nữa là khi các vọng niệm khởi sinh, hành giả đã cố gắng dụng công niệm Phật mà các vọng ấy cứ gọi lên hoài có thể khiến hành giả duyên theo, nhất là các vọng thuộc

về nghiệp nặng của mình. Mỗi người đều có nghiệp nặng của mình, những vọng tưởng về các nghiệp ấy thường rất khó trừ. Ví dụ: người nghiệp sâu nặng, ngồi tu lại có các vọng về sự việc trái ý tổn hại sinh ra. Các vọng này rất khó trừ vì nó khởi động nghiệp của các hành giả, khiến hành giả khó bình tâm bỏ qua. Hoặc người nghiệp ái nặng, các vọng tưởng về người thân xa lìa, chết chóc, tai nạn... cũng thế. Đối với các vọng này, hành giả không nên gương tránh vô ích, vì chúng sẽ không dứt khi chưa được giải quyết. Cho nên, hành giả phải suy xét về nhân duyên, nhân quả, từ bi, hỷ xả, vô ngã, vô thường... tùy theo mỗi loại mà quán sát các pháp thích hợp. Vọng về sân thì quán từ bi, hỷ xả, nghiệp báo; vọng về ái thì quán sát bất tịnh, vô thường, vô ngã... Như thế mới chặt được gốc của các vọng, các vọng sẽ tự tiêu diệt. Sau đó hành giả trở lại niệm Phật như cũ. Nhờ quán sát như thế, nghiệp của hành giả từ từ nhẹ bớt. Về sau các vọng này có khởi lên, nếu hành giả vẫn tỉnh giác biết rõ nó vô lý và không bị động vì nó, thì không cần quan sát nữa, cứ tiếp tục niệm Phật, không cần quan tâm. Vì nó giống như một cái cây đã bị đốn ngã, tuy còn dư tàn các lá mầm nhưng chẳng có gì nguy hiểm, không bao lâu chúng sẽ chết hẳn.

Đôi khi các vọng thuộc về hằng ngày như suy tính, xét nét, lo lắng... Hành giả mặc dù nhận biết được chúng nhưng tâm lại không muốn xả trừ, mà cố tưởng đuổi theo nghĩ tưởng. Rõ mình muốn đuổi theo như thế, hành giả hãy dừng mãnh cảnh sách rằng “đang niệm Phật thì lo niệm Phật, làm việc gì chỉ nghĩ việc ấy. Mọi thứ đều có nhân duyên, hãy phó mặc cho nhân duyên của nó”. Có như vậy mới trừ được thói quen phóng tâm nắm níu các duyên ấy.

Hành giả nếu khéo điều tâm, ngay từ lúc bắt đầu vào tịnh tọa cho đến khi cuối thời công phu, tâm luôn luôn tươi vui hăng hái, thích thú tập trung thì không vướng phải các bệnh hôn trầm, tán loạn,... trên. Niệm từng câu lắng nghe rõ ràng, say sưa, thích thú với các âm thanh Phật hiệu. Ấy là phương pháp thần diệu giúp hành giả quên hết tất cả cảnh duyên bên ngoài và mọi nỗi lo phiền suy tính trong tâm.

Hành giả cũng nên biết, khi tâm đã có phần khó tập trung bởi hôn trầm tán loạn thì cố gắng tập thường xuyên lắng lẽ niệm Phật. Vì còn niệm ra tiếng, tâm tất còn duyên ra bên ngoài, sức quán chiếu nội tâm còn yếu và khi đối cảnh khó giữ được câu niệm liên tục, không gián đoạn, lại hao nhiều sức khỏe. Chỉ khi thường xuyên chăm chú lắng nghe câu niệm nơi tâm, sự quán chiếu nội tâm mới trở nên mạnh mẽ, đủ sức giúp hành giả quên hoàn toàn ngoại cảnh, để đạt được chánh định (tam muội) và giữ cho hành giả vẫn niệm Phật không gián đoạn khi làm việc hay đối cảnh, lại không tổn hao sức khỏe. Dĩ nhiên, lúc mới chuyển từ to tiếng niệm sang mặc niệm, do sức mặc niệm còn yếu, vọng tưởng có thể sinh khởi nhiều. Hành giả không sợ hãi thối thất, cứ cố gắng mặc niệm từng tiếng, lắng nghe rõ ràng hoặc niệm từng chap liên tiếp vài câu rồi ngưng, ngưng rồi niệm liên tiếp nữa... kiểm soát số câu không quên. Như vậy lâu ngày, sức mặc niệm sẽ mạnh.

Thực hành niệm Phật một cách đúng đắn như trên tất được định tâm nhanh chóng, dễ dàng, ít tổn tâm lực và sức khỏe hành giả niệm Phật, hãy tinh tấn thực hành.

---o0o---

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

---o0o---

1. Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không BỆNH KHỔ, vì không bệnh khổ thì DỤC VỌNG dễ sanh.
2. Ở đời đừng cầu không HOẠN NẠN, vì không hoạn nạn thì KIÊU SA nổi dậy.
3. Cứu xét tâm tánh thì đừng cầu không KHÚC MẮC, vì không khúc mắc thì SỞ HỌC không thấu đáo.
4. Xây dựng đạo hạnh thì đừng cầu không bị MA CHƯỚNG, vì không bị ma chướng thì chí nguyện không KIÊN CƯỜNG.
5. Việc làm đừng mong DỄ THÀNH, vì việc dễ thành thì lòng KHINH THUỜNG.
6. Giao tiếp đừng CẦU LỢI mình, vì lợi mình thì mất ĐẠO NGHĨA.
7. Với người thì đừng mong tất cả đều THUẬN Ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất KIÊU CĂNG.
8. Thi ân đừng cầu ĐỀN ĐÁP, vì cầu đền đáp là thi ân có ý MƯU ĐỒ.
9. Thấy lợi đừng NHÚNG VÀO, vì nhúng vào thì SI MÊ phải động.
10. Oan ức không cần BIỆN BẠCH, vì biện bạch là NHÂN NGẢ chưa xả.

Bởi vậy Đức Phật đã dạy:

1. Lấy BỆNH KHỔ làm THUỐC THẦN
2. Lấy HOẠN NẠN làm GIẢI THOÁT
3. Lấy KHÚC MẮC làm THÚ VỊ
4. Lấy MA QUÂN làm BẠN ĐẠO
5. Lấy KHÓ KHĂN làm THÍCH THÚ
6. Lấy KẼ TỆ BẠC làm NGƯỜI GIÚP ĐỠ
7. Lấy NGƯỜI CHỐNG ĐỐI làm NƠI GIAO DU
8. Coi THI ÂN như ĐÔI DÉP BỎ
9. Lấy SỰ XẢ LỢI làm VINH HOA
10. Lấy OAN ỨC làm CỬA NGÕ ĐẠO HẠNH.

Nên chấp thuận trở lại thì lại thông suốt, mà mong cầu thông suốt thì sẽ bị trở ngại. Đức Thế Tôn thực hiện huệ giác Bồ Đề ngay trong sự trở ngại, như Ương Quật hành hung, Đề Bà quấy phá, mà Ngài giáo hóa cho thành đạo cả. Như vậy há không phải chính sự chống đối lại làm sự thuận lợi và sự phá hoại lại làm sự tác thành cho ta ?

Ngày nay, những người học đạo, trước hết không dẫn mình vào trong mọi sự trở ngại, nên khi trở ngại ập đến thì không thể ứng phó. Chánh Pháp chí thượng vì vậy mất hết, đáng tiếc, đáng hận biết ngần nào!

---o0o---

Ý NGHĨA VÀ CÁCH THỨC LẠY PHẬT

Trích trong Phật Học Phổ Thông

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa

---o0o---

Ý nghĩa lạy Phật

Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, các đệ tử từ vua quan, đến dân chúng, mỗi lần được may mắn gặp Đức Phật Thích Ca, đều cúi xuống ôm chân Phật và đặt trán mình lên chân Ngài để tỏ lòng ngưỡng mộ, tôn thờ một bậc tối thượng: Bi, trí siêu phàm. Cử chỉ ấy là một cử chỉ vô cùng khiêm tốn, nhu thuận và hoàn toàn tin cậy đối với Đức Phật. Sau khi Phật nhập diệt, toàn thể tín đồ vẫn xem Ngài như còn tại thế, và cái cử chỉ cúi xuống ôm chân Phật vẫn còn tiếp nối tồn tại cho đến ngày nay và muôn ngàn năm sau. Cái cử chỉ ấy chỉ có cái công dụng làm cho tín đồ bao giờ cũng hình dung như Đức Phật còn ngồi trước mặt mình để chứng giám cho tấm lòng thành kính thiết tha của mình.

Phải lạy Phật như thế nào mới đúng ý nghĩa

Để cho đúng với ý nghĩa trên, khi lạy Phật phải quỳ xuống, ngửa hai bàn tay ra như đang nâng hai chân Phật và cúi lưng xuống đặt trán mình trên hai lòng bàn tay. Trước khi lạy Phật, phải dọn mình cho sạch sẽ: rửa mặt, súc miệng, lau tay chân, thay y phục và mặc áo tràng. Xong

xuôi, mới đốt hương ra trước bàn Phật, đứng ngay thẳng, tay chấp đũa trước ngực, mắt nhìn tượng Phật, tâm tưởng đến các tướng tốt và những đức hạnh cao cả của Ngài, và tỏ bày nguyện vọng chân chánh của mình, xá rồi cắm hương vào lư, đánh tiếng chuông và lạy Phật ba lạy. Lễ Phật như thế mới đúng pháp; trong kinh gọi là “thân tâm cung kính lễ”, nghĩa là thân tâm hăng hái tề chỉnh, nghiêm trang, tâm thì hớn hở vui mừng và hết lòng thành kính như gặp được Phật còn tại thế. Trái lại, chúng ta lễ Phật với lòng ngã mạn (ngã mạn lễ), hay với tâm cầu danh (cầu danh lễ), thì đã không có kết quả gì, mà còn mang thêm tội.

Ngã mạn lễ, là khi lạy Phật mà trong tâm còn ngạo nghễ, kiêu căng, năm vóc (đầu, hai tay, hai chân) không sát đất, đứng lên cúi xuống một cách cầu thả, qua loa cho có chuyện. Cầu danh lễ, là khi thấy có đông người thì miệng liền to tiếng dài hơi xưng danh hiệu Phật, thân lại siêng năng lạy không ngừng nghỉ, có ý để cho mọi người khen ngợi. Trái lại khi không có người thì thân lại biếng nhác, tâm lại giải đãi, không muốn lễ bái gì cả. Hai cách lễ bái trên đây rất giả dối, vậy những ai muốn tiến trên đường Đạo, thì phải nên tránh ngay.

Bốn phép lạy (thuộc về lý)

Về phương diện lý thì có bốn phép lễ.

- a) Phát trí thanh tịnh lễ: Trong phép này, người hành lễ phải thấu suốt rằng cảnh giới của Chư Phật đều tùy tâm hiện bày, nên lạy một Đức Phật, tức là lạy tất cả Chư

Phật, lay một lay, tức là lay tất cả Pháp giới, vì Pháp thân của Phật dung thông.

- b) Biến nhập pháp giới lễ: Trong pháp này, người hành lễ phải tự quán thân, tâm cùng tất cả các pháp, từ hồi nào đến giờ đều không rời pháp giới.
- c) Chánh quán lễ: Trong pháp này, người hành lễ lay Đức Phật ngay nơi tự tâm của mình, chứ không duyên với Đức Phật nào khác, vì tất cả chúng sanh từ xưa đến nay, đều sẵn có Phật tánh viên mãn, bình đẳng và chân giác.
- d) Thật tướng bình đẳng lễ: Trong pháp lễ này, người hành lễ không thấy có tự, có tha; người và mình là một, phàm và Thánh nhưt như, thể và dụng không hai. Do đó, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát có nói: "Nặng lễ, sở lễ tánh không tịch", nghĩa là người lay, và đáng mình lay, thể tánh đều vắng lặng. Như thế mới thấu đáo và hợp lý Bát Nhã.

Bốn phép lễ này, lý cao khó nghĩ bàn, nếu chẳng phải bậc thượng căn, thượng trí, thì không thấu nổi và khó làm theo được.

---o0o---

MƯỜI CÔNG ĐỨC LAY PHẬT

1. Được sắc thân tốt đẹp.
2. Nói ra điều chi ai cũng tin dùng.
3. Không sợ sệt giữa đông người.
4. Được chư Phật giúp đỡ.
5. Đầy đủ oai nghi lớn lao.

6. Mọi người đều nương theo mình.
7. Chư Thiên cung kính.
8. Đủ phước đức lớn.
9. Lúc lâm chung được vãng sanh.
10. Mau chứng quả Niết Bàn.

---o0o---

Lời tâm sự của Phật tử Nguyễn Long: Có một vị Phật tử nói với chúng tôi rằng: sau mấy tuần lạy Phật, bây giờ đã hết luôn chứng đau lưng. Chứng bệnh mà vị Phật tử đã mang từ nhiều năm, uống thuốc gì cũng không khỏi. Các vị Phật tử khác lại kể: do thường xuyên lạy Phật, bây giờ chúng tôi ngủ rất ngon giấc, không mộng mị, các chứng tê nhức cũng đã hết. Những người trung niên cũng cho biết là họ không cần các dụng cụ tập thể dục nữa và đã bán nó đi mất rồi, vì cứ mỗi sáng sau khi lạy hai mươi phút, mồ hôi toát ra như tắm, thân tâm đều sản khoái và khỏe mạnh hơn tập thể dục nhiều; lại còn được tăng trưởng thiện căn phước đức nữa. Lạy Phật công đức khó nghĩ bàn!

---o0o---

ĂN CHAY

*Hòa Thượng Thích Thiện Hoa
(Trích từ Phật Học Phổ Thông)*

---000---

ĂN CHAY LÀ MỘT PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH

Vấn đề ăn uống là một vấn đề quan trọng đối với tất cả mọi người, mọi chúng sanh. Nếu sống mà không cần ăn, thì tất cả chúng sanh đều thành Thánh cả rồi. Đức Phật Thích Ca, khi còn là một vị Thái Tử, đã nói một câu đầy ý nghĩa: “Sự sống sống bằng sự chết”. Hãy nghĩ lại mà xem: từ khi lọt lòng mẹ đến bây giờ, để được sống, mỗi chúng ta đã làm chết bao nhiêu sinh vật rồi? Chúng ta ăn, chúng ta uống, chúng ta thở, chúng ta nằm, chúng ta đứng, chúng ta đi, mỗi mỗi động tác như thế, đều đã gây bao tang tóc cho những sinh vật ở chung quanh chúng ta! Đó là chưa kể những kẻ hung ác, giết để được thích thú, được tiền tài, danh vọng... Nếu sự sống mà không làm ai chết cả, thì cuộc đời sẽ đẹp để biết bao nhiêu! Sự ước ao này có thể thực hiện được một phần lớn, nếu chúng ta áp dụng phương pháp ăn chay mà Phật đã chế ra.

Như thế, ăn chay đối với người Phật tử không phải là một sự hiếu kỳ, một sự hiếu danh, một cách đổi món ăn cho ngon miệng, một cách kiêng cử theo lời dặn của bác sĩ. Ăn chay chính là một phương pháp tu hành rất quan trọng, mà người

Phật tử thực hành được nhiều chùng nào thì được nhiều kết quả tốt đẹp chùng ấy.

Ăn chay, hay ăn lạt, nghĩa là ăn những loài thảo mộc: hoa quả, rau cải, không ăn những món ăn thuộc loài động vật như thịt, cá, tôm, cua, sò, ốc những vật hữu tình, biết tham sống sợ chết như người.

LÝ DO PHẢI ĂN CHAY

1. Vì lòng từ bi và bình đẳng

Khi đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài A Nan hỏi Phật rằng:

Bạch Phật, tại sao trước kia, Phật cho các Đệ tử ăn ngũ tịnh nhục (*Ngũ tịnh nhục là năm thứ thịt thanh tịnh: a) Thịt ăn mà không thấy người giết. b) Thịt ăn mà mình không nghe tiếng con vật bị giết kêu. c) Thịt ăn mà mình không nghi người ta giết cho mình. d) Thịt con thú tự chết. đ) Thịt con thú khác ăn còn dư*), mà nay Ngài lại cấm tuyệt ăn thịt cá?

Phật trả lời Ngài A Nan: “*Vì trình độ các ông trong buổi sơ cơ còn thấp kém, chưa có thể lãnh thọ giáo pháp Đại Thừa, thực hành đúng lý đặng, nên khi ta còn nói pháp Tiểu Thừa, phương tiện cho các ông tạm dùng ngũ tịnh nhục. Đến nay trình độ các ông đã cao, lãnh thọ được giáo pháp Đại Thừa, nên ta cấm tuyệt ăn thịt cá. Còn ăn thứ ấy, thì còn phạm giới sát sanh, nếu không trực tiếp sát thì cũng gián tiếp sát, làm mất*

hạt giống từ bi bình đẳng, không thể nào tu hành thành Phật được”.

Lời Phật dạy đã rõ ràng: Ăn chay là cốt yếu để nuôi dưỡng lòng từ bi và tinh thần bình đẳng.

Thật thế, Phật tử là người đã theo đạo từ bi, thì không lý nào lại không thực hành đức từ bi trong đời sống của mình từ ý nghĩ, lời nói, cho đến cách ăn uống.

Nếu chúng ta vì muốn ăn cho khoái khẩu, sướng bụng, mà nhẫn tâm nhìn cảnh chặt đầu, lột da những con vật hiền lành vô tội, nhẫn tâm bịt tai giả điếc trước những kêu la thảm thiết của những con vật đang giãy giụa trên tấm thớt, trên bàn thịt, thì sao được gọi là Phật tử.

Nếu không có một lòng thương xót trước những cảnh giết chóc như thế, thì hạt giống từ bi mỗi ngày mỗi héo khô, cần cỗi, và công phu tu hành, tụng kinh niệm Phật của chúng ta trở thành vô ích.

Đạo Phật là đạo Từ Bi mà cũng là đạo Bình Đẳng. Phật dạy: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau". Vậy thì người Phật tử dưới tầm con mắt của mình, không nên thấy: Người và vật khác nhau, mà chỉ đồng một tri giác bình đẳng, ẩn trong thân hình sai biệt. Nói rằng: "Vật dưỡng nhơn" là một quan niệm rất sai lầm, do sự ích kỷ và ngạo mạn của người sinh ra. Quan niệm ấy dung túng cho người ta thẳng tay giết hại sanh vật, và tạo ra một tình trạng bất bình đẳng, thì không bao giờ cõi đời có thể yên ổn, hòa bình được.

2. Vì muốn tránh quả báo luân hồi

Phật dạy: "Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, cứ tạo nhân tội ác, sát hại ăn thịt lẫn nhau, nên bị ác quả, là sanh tử luân hồi mãi trong sáu đường". Kinh Lăng Nghiêm nói: "Hễ giết một mạng thì hãy trả lại một mạng; tâm giết hại chẳng dứt trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được." Vậy muốn tránh oan báo luân hồi, tránh các điều tội lỗi thuộc về giới sát. Phật tử phải ăn chay. Nếu ăn mặn hoài thì không thể nào hết nợ thân mạng và nợ xương thịt, máu huyết được.

3. Vì hợp vệ sinh

Không phải mới từ nay mà từ ngàn xưa, một triết gia, ông Senèque, đã nói rằng: "*Mỗi bữa ăn, người ta dùng thịt là tự đầu độc, thành thử con người tự sát ngầm ngầm mà không hay biết, do đó con người bị mạng yếu, chết sớm*". Thật thế, ngày nay những nhà y khoa bác sĩ trứ danh như ông Soteyko, Varia Kiplami có nói: "*Trong các thứ thịt, có nhiều chất độc rất nguy hiểm cho sức khỏe con người*". Bằng chứng cụ thể là rau cải để lâu ngày thì héo khô, hoặc ung bầy mà ít hôi; còn thịt cá để lâu ngày thì sinh, ương, hôi tanh không ai chịu nổi, và khi ăn vào, ta thấy trong người rất nặng nề, mệt nhọc, khó tiêu. Hơn nữa, các loài thú vật, thường mắc bệnh này hay bệnh khác như: bệnh lao, bệnh thương hàn, bệnh sán, sên v.v..., nếu chúng ta ăn vào, sẽ vướng bệnh, rất nguy hiểm.

Để tránh những bệnh tật, và tăng sức khỏe, chúng ta nên ăn nhiều rau cải. Các nhà khoa học, cũng như các nhà y học Đông, Tây đều công nhận đồ ăn chay là nhẹ nhàng, thanh khiết,

để tiêu hóa và có nhiều sinh tố rất bổ. Bởi thế, ở nước Nhật có hội "Tổ Thực Chủ Nghĩa", ở Pháp, Đức, Anh, Mỹ đều có "Thảo Mộc Thực Hội".

Có nhiều người có thành kiến sai lầm rằng: ăn thịt cá, mới có đủ sức mạnh. Thật ra, người ăn thịt không có sức mạnh và sức chịu nhọc dẻo dai bằng người ăn chay trường. Chính Giáo sư Irwin Fischer ở Đại học đường Yale, sau nhiều cuộc thí nghiệm, đã long trọng tuyên bố rằng:

"Ăn thịt hay ăn những vật có nhiều chất đạm, sẽ làm cho con người không đủ sức chịu nhọc, không khác nào như người uống rượu".

Bà White, một bác học gia cũng đã tuyên bố rằng:

"Các thứ hạt, các thứ trái cây, đậu và rau cải là những thức ăn mà thiên nhiên đã dành để nuôi chúng ta. Các thức ăn ấy nấu nướng một cách giản dị, thì rất hợp vệ sinh và rất bổ. Nó làm cho thân thể tráng kiện, tinh thần sáng suốt và tránh biết bao nhiêu bệnh tật".

CÁCH THỨC ĂN CHAY

1. Chương trình ăn chay

Mặc dù sự ăn chay đối với người Phật tử là một điều cần thiết, một phương pháp tu hành nhưng muốn được lợi ích thiết thực, cần phải có phương pháp, và áp dụng một cách tuần tự theo căn cơ và sở nguyện của mình. Trước tiên, không phải

người Phật tử nào cũng có thể bỏ hẳn ngay tập quán ăn mặn của mình để ăn chay. Vì thế, trong đạo có chia làm hai loại: ăn chay kỳ và ăn chay trường.

a) *Ăn chay kỳ*. Ăn chay kỳ là ăn có kỳ hạn nhất định trong mỗi tháng hay mỗi năm:

- Nhị trai: Ăn 2 ngày chay trong mỗi tháng vào ngày mùng một và rằm âm lịch.
- Tứ trai: Ăn 4 ngày chay trong tháng: mùng một, mùng tám, rằm và hăm ba.
- Lục trai: Ăn 6 ngày chay trong tháng là: mùng một, mùng tám, mùng bốn, rằm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín và ba mươi (nếu tháng thiếu thì 27, 28, 29).
- Nhất nguyệt trai: Là ăn một tháng chay vào tháng giêng hay tháng bảy.
- Tam nguyệt trai: Là ăn ba tháng chay: Tháng giêng, tháng bảy và tháng chín (hay tháng mười); hoặc ăn liên tiếp trong ba tháng.

Nếu tập ăn chay kỳ trong một thời gian mà không gặp một phản ứng nào về thân, tâm và nhận thấy có lợi ích, thì nên lần đến ăn chay trường.

b) *Ăn chay trường*. Ăn chay trường hay trường trai là ăn toàn chay luôn trong mỗi ngày, không gián đoạn cho đến hết đời.

Nếu mỗi ngày, phát tâm không ăn sau 12 giờ trưa, thì gọi là ngộ trai.

2. Phương pháp thực hành

a) *Chọn lựa thay đổi thức ăn.* Để ăn cho được lâu dài và không ngán, chúng ta nên chọn những món ăn có nhiều sinh tố, bổ dưỡng như: cà chua, rau muống, đậu nành, nấm rơm, cải bắp, khoai tây, nếp lúc v.v...và những món ăn cũng phải thay đổi luôn...

Vậy trong một bữa ăn, cần phải ăn những món gì để bữa ăn có đầy đủ chất bổ và ngon miệng? Dưới đây là vài bữa ăn kiểu mẫu:

Trái cây cùng ăn với cơm hay bắp, bột mì và rau, cải, đậu phụng rang.

Sữa tươi cùng ăn với trái cây ngọt và cơm, bắp hay bột mì.

Các món ăn chính nói trên là cần thiết, nhưng cũng cần thêm gia vị như hột cải cay, tiêu ớt, giấm v.v...để giúp bộ máy tiêu hóa làm việc dễ dàng. Nhưng nếu dùng gia vị quá nhiều thành ra có hại, như làm cho bộ máy tiêu hóa nóng, sinh bệnh hay làm kích thích cơ thể.

b) *Cách nấu.* Thức ăn là cần thiết nhưng cách nấu cũng quan trọng; chúng ta đừng có quan niệm sai lầm là đã ăn chay thì nấu thế nào cũng được cả, không cần thiết là phải quan tâm đến. Nếu thức ăn bổ mà không biết cách nấu, thì cũng làm

cho nó hết bỏ, và có khi làm hại bộ máy tiêu hoá nữa. Dưới đây là vài điều nên nhớ trong khi nấu ăn:

Không nên chiên xào nhiều quá, vì sinh tố B và C sẽ bị dầu sôi tiêu diệt và các món có nhiều dầu làm cho bao tử mệt. Nên ăn đồ nướng, nhất là nướng không có thoa dầu.

Khi nấu hay luộc phải nên đậy nắp để sinh tố khỏi bị mất và nên đổ ít nước để chất bổ khỏi loãng. Và nước luộc ấy rất tốt, không nên đổ đi, vì nó chứa rất nhiều chất bổ và sinh tố.

- c) *Giảm thịt cá dần dần trong những ngày ăn mặn.* Đối với những người ăn chay kỳ thì khi ăn mặn, nên mua những vật người ta làm sẵn, hoặc làm giảm bớt số lượng thịt cá, ăn nhiều rau cải, sũa, tạm dùng trứng gà, trứng vịt không trứng con.

Khi đã tinh tấn về mặt tinh thần, không nên ăn trứng gà, trứng vịt, vì trứng cũng là một sanh vật sắp nảy nở.

3. Những điều cần tránh

- a) *Không nên kiêu mạn.* Người có phúc duyên ăn chay được dễ dàng, không nên sanh lòng kiêu mạn, tự cho mình là hơn người, và khinh người ăn mặn. Làm như thế đã sanh ác cảm với người mà lại còn làm tổn âm đức của mình nữa.
- b) *Không nên háo danh.* Có người mới bước vô đường đạo, đã ăn trường trai ngay, cốt để người khác khen ngợi. Ăn chay như thế là do lòng háo danh mà ra; hạnh động này

không có lợi cho sự tu hành mà lại còn có hại: khi không còn ai khen ngợi nữa, thì không thấy hứng thú để tiếp tục ăn chay nữa.

- c) *Không nên ép xác.* Có người tưởng lầm rằng: ăn chay là để hành hạ thân xác, nên cố ăn một cách cực khổ, như chỉ ăn rỗng rã tương rau, muối sả... từ năm này sang năm khác. Ăn như thế thì sẽ hao mòn thân xác và chết yếu trước khi thành đạo.
- d) *Không nên giả mặn.* Có nhiều bà nội trợ muốn trở tài khéo léo của mình bằng cách nấu chay mà giả mặn, rồi đặt tên món ăn mặn, hay làm ra những hình thức giống như đồ mặn. Thí dụ như: củ hủ cao, củ hủ dứa kho mà gọi là cá tra kho; bắp chuối luộc trộn giấm và rau răm, lại đặt tên thịt gà xé phay; bí đao xắt mỏng cặp gấp nướng ăn với bánh hỏi mà lại đặt tên là thịt bò lụi v.v....

Như thế, là đã vô tình xúi giục người ăn chay nghĩ đến món mặn, miệng ăn rau dưa, mà lòng tưởng nhớ đến thịt cá, làm trò cười cho thế gian.

- đ) *Không được quên ngày chay.* Không nên khinh thường quên những ngày chay mà mình đã phát nguyện, dù gặp trường hợp bất thường như đi lỡ đường, làm việc quá buổi, lúc đói quá mà không có sẵn thức ăn chay.
- e) *Không nên dùng ngũ vị tân.* Ngũ vị tân là: hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ không nên dùng, vì các thứ này đã hôi, lại có nhiều chất kích thích lòng dục vọng.

LỢI ÍCH CỦA SỰ ĂN CHAY

1. Phương diện cá nhân

Những lợi ích của sự ăn chay đối với cá nhân rất lớn lao. Người ăn chay không những thấu hoạch được những lợi ích trong hiện tiền mà cả trong đời sống tương lai nữa.

- a) *Trong hiện tại*, người ăn chay được hưởng lợi ích sau đây: Tiết kiệm được tài chánh, vì đồ ăn chay rẻ hơn đồ ăn mặn. Tiết kiệm được ngày giờ và công lao nấu nướng, vì mướp, dưa, bầu bí, khoai... cắt rửa mau và ít tốn nước; và kho, luộc, nấu nướng lại mau chín, ít hao củi. Thân thể được mạnh khỏe; tinh thần được nhẹ nhàng, trong sạch; trí tuệ được minh mẫn dễ tu thiền quán.
- b) *Trong đời sau*, không chịu quả báo giết hại, nên không phải trả nợ máu thịt, khỏi phải thường mạng. Nếu trở lại làm người, thì được trường thọ.

2. Phương diện xã hội, nhân loại, chúng sanh

Ăn chay không những có lợi ích cho cá nhân, mà còn cho xã hội, nhân loại, chúng sanh nữa. Nếu ai ai cũng ăn chay thì thế giới Ta Bà này làm gì có tiếng rên siết vì chết oan của oài vật và tiếng than thở, đau đớn của người bị nạn tương tàn, tương sát.

Một nhà Bác học có nói: "*Muốn thế giới hòa bình, bắt đầu trong bữa ăn con người phải không có một chút máu hay một miếng thịt cá nào cả*".

Câu nói đây đạo đức này cũng đồng một ý nghĩa với câu nói của Cổ nhân:

*"Nhất thế chúng sanh vô sát nghiệp,
Hà sâu thế giới động đao binh".*

(Nếu tất cả chúng sanh không sát hại lẫn nhau, thì sợ gì thế giới có giặc giã).

Người ăn chay là một chiến sĩ của Hòa bình. Thật vậy, người ăn chay, với một tâm từ bi vô lượng, coi muôn loài là mình, mình là muôn loài, không giết hại sanh vật để thỏa mãn dục vọng, không bao giờ nở tâm tàn sát đồng loại để đạt mục đích lợi danh.

Nếu trong xã hội, ai ai cũng ăn chay, thì đâu có những chuyện gây gỗ, đánh đập nhau, như chúng ta thường thấy hằng ngày.

Nếu trong một nước, ai ai cũng ăn chay thì không có chuyện mạnh hiếp yếu, khôn lán dại, chém giết lẫn nhau để thỏa lòng dục vọng.

Nếu trong thế giới, ai ai cũng ăn chay, thì thế giới này là Cực Lạc thế giới.

Mọi người dù Phật tử hay không đều nên ăn chay

Như chúng ta đã thấy ở các đoạn trên, xét về phương diện khoa học hay Phật học, về phương diện cá nhân hay đoàn

thể, về hiện tại hay tương lai, sự ăn chay đều có rất nhiều lợi ích.

Vì vậy, những người không phải là Phật tử, nếu muốn thân thể được mạnh khỏe, tinh thần được khinh an, trí tuệ được minh mẫn để học tập; nếu muốn tiết kiệm được tài chánh, công lao, thời giờ, nếu muốn gia đình được hòa thuận yên vui, thì hãy mau mau làm quen với những thức ăn chay.

Còn những ai đã là Phật tử, đã nguyện theo bước chân của đức Từ phụ, thì phải thực hành phép ăn chay, để lòng Từ bi được mở rộng, tinh thần bình đẳng được lan xa, trí tuệ được tỏ ngộ, đạo quả được chóng viên thành.

Vẫn biết, nói dễ mà làm khó; nhưng một người tiến bộ và có thiện chí, khi đã thấy rõ những điều lợi ích, thì dù khó bao nhiêu cũng quyết thực hành cho được. Sự thực hành ấy không phải làm ngay trong một lần, mà phải tuần tự tiến bước.

Nếu chúng ta biết áp dụng phép ăn chay đúng như những cách thức đã nói ở trên, thì thiết tưởng không có gì là khó lắm. Điều quan trọng nhất là chúng ta thật có thiện chí hay không mà thôi.

---o0o---

TẠI SAO CHÚNG TA PHẢI PHÓNG SANH?

Pháp sư Viên Nhân

---o0o---

Kinh Dược Sư Lưu Ly bốn nguyện công đức dạy rằng: “Cứu thả các sinh mạng được tiêu trừ bệnh tật, thoát khỏi các tai nạn.” Người phóng sinh tu phước, cứu giúp muôn loài thoát khỏi khổ ách thì bản thân không gặp các tai nạn.

Phóng sinh có những công đức gì?

Công đức phóng sinh rộng lớn vô biên, không thể tính đếm. Nay xin nói đại lược như sau:

1. Không có nạn đao binh, tránh được tai họa chiến tranh tàn sát.
2. Sống lâu, mạnh khỏe, ít bệnh tật.
3. Tránh được thiên tai, dịch họa, không gặp các tai nạn.
4. Con cháu đông đúc, đời đời xương thịnh, nối dõi không ngừng.
5. Chỗ mong cầu được toại nguyện.
6. Công việc làm ăn phát triển, hưng thịnh, gặp nhiều thuận lợi.
7. Hợp lòng trời, thuận tánh Phật, loài vật cảm ơn, chư Phật hoan hỷ.
8. Giải trừ oán hận, các điều ác tiêu diệt, không lo buồn, sầu não.

9. Vui hưởng an lành, quanh năm đều được an ổn.
10. Tái sinh về cõi trời, hưởng phước vô cùng. Nếu có tu Tịnh Độ thì được Vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Trong kinh Hoa nghiêm, phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện dạy rằng: “*Chúng sinh thương yêu nhất là sinh mạng, chư Phật thương yêu nhất là chúng sinh. Cứu được thân mạng chúng sinh thì thành tựu được tâm nguyện của chư Phật.*”

Sau khi phóng sinh, tự mình có những thay đổi gì?

Phóng sinh có thể nuôi dưỡng lòng từ bi của chúng ta. Trong khi thực hiện việc phóng sinh, chúng ta nhân đó có thể thấu hiểu được chân lý vạn vật đều bình đẳng, đều có cảm giác, đều có tánh Phật, đều có thể thành Phật. Nhờ đó, chúng ta có thể khởi tâm từ bi với hết thảy chúng sinh, lại còn tôn trọng trân quý. Tiến thêm một bước nữa, trong cuộc sống hằng ngày có thể thực hiện việc giới kiêng sát, ăn chay, cứu giúp sinh mạng muôn loài; các điều ác không làm, các điều thiện cố gắng làm; khởi tâm từ bi đối với tất cả muôn loài trên thế gian.

---o0o---

HỎI ĐÁP TRỢ NIỆM KHI LÂM CHUNG

*Trích lục từ nhiều bài giảng của
Hòa Thượng Tịnh Không*



CHƯƠNG 1

SỰ QUAN TRỌNG VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC TRỢ NIỆM

---oOo---

Hỏi: Thưa, ý nghĩa của việc trợ niệm là gì?

Đáp: Phút lâm chung là thời khắc vô cùng quan trọng đối với đời người, *vì một niệm sau cùng lúc lâm chung có quan hệ rất lớn đối với nơi sẽ đi đến của kiếp sau*. Nên trợ niệm cũng là cơ hội cuối cùng, giúp cho người hấp hối sanh khởi chánh niệm, có thể chuyển đổi cảnh giới để thọ sanh về cảnh giới tốt đẹp hơn!

Giúp những người lâm chung chưa có hoặc chưa đủ tín tâm, chưa thật nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Với công năng của sự niệm Phật, cùng sự nhất tâm của người trợ niệm, sẽ giúp gia hộ người hấp hối:

- tai nghe tiếng Phật hiệu
- tâm duyên vào Phật cảnh
- nhất tâm giữ chánh niệm

họ liền có thể có cảm ứng và được Phật lai nghinh tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Nên việc trợ niệm phải được đặc biệt chú ý vào lúc khẩn yếu này để giúp cho người lâm

chung – có phước báu – có được cơ duyên đời nghiệp vãng sanh⁶, thoát khỏi sanh tử luân hồi, bất thoái thành Phật!

Riêng đối với người Phật tử, tu niệm Phật, tại sao họ không tự tại vãng sanh, muốn vãng sanh lúc nào thì đi lúc ấy, vì sao vẫn cần có người khác trợ niệm giúp cho? – Người tu niệm Phật, công phu chưa được thuần thực, tín tâm nguyện tâm thường ngày chưa đủ thiết tha, khi lâm chung rất dễ bị mê hoặc điên đảo. Vào thời khắc quan trọng này nếu có được bạn đạo trợ niệm cảnh tỉnh, giúp họ được giác ngộ, quyết không quên câu niệm Phật, thực hiện được đầy đủ ba tư lương Tín-Nguyện-Hạnh – ứng hợp với đại thế nguyện của đức Phật A Di Đà, họ sẽ có cơ hội được độ thoát.

Đối với người tu niệm Phật, *lúc sắp mạng chung muốn thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn thì phải giữ được chánh niệm*. Vào lúc lâm chung thân thức của con người dao động không giống nhau, muốn giữ được chánh niệm họ phải giác ngộ được lý vô thường để buông bỏ những ý thức duyên theo sáu trần như: tình cảm, tiền bạc, danh vọng, tài sắc... Muốn vậy nhất định phải nhờ vào sự trợ niệm, được thiện tri thức ở bên cạnh cảnh tỉnh rằng: *“Bạn biết pháp duyên sinh không có chủ thể, nên đời người mọi thứ đều vô thường, như bóng bọt như sương, chẳng mang theo được gì, bạn hãy buông bỏ hết đi!”*

⁶ **Đời nghiệp vãng sanh:** Mang theo túc nghiệp (không mang theo nghiệp mới), để vãng sanh qua thế giới Cực Lạc.

như vậy bạn mới mong giữ được chánh niệm. Dầu chỉ còn một niệm duyên theo sáu trần tức còn bị nghiệp quán trói, thì cả đời niệm Phật của bạn coi như luống uổng, bạn không giải thoát nổi đâu!

Nếu như bạn không cần vào sự trợ niệm thì bạn phải có sức tu định viên mãn, sức tu niệm Phật kiên thành mới được! Vì khi lâm chung do bệnh khổ bức bách, thân tứ đại tan rã ... làm tâm bạn tán loạn điên đảo, lại thêm ách nạn oán thân trái chủ hiện ra, bạn giữ nổi chánh niệm được sao? Vì những duyên có này, mới thấy việc trợ niệm cho người lâm chung rất là quan trọng.

Vì mục đích của việc trợ niệm là giúp người sắp mạng chung sanh khởi chánh niệm, giúp cho họ đừng quên câu niệm Phật, nên vào thời khắc họ lâm chung, bất cứ nghi thức nào cũng không cần thiết, chỉ cần câu Phật hiệu mà thôi.

Hỏi: Vì sao các chư vị Tổ sư đại đức đều cho rằng việc trợ niệm giúp người lâm chung là việc rất trọng yếu?

Đáp: Các chư vị Tổ sư đại đức đều nói việc trợ niệm rất là trọng yếu, vì trợ niệm là việc hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung, ý này vốn lấy từ kinh Phật. Để sau khi mạng chung họ liền được vãng sanh sang thế giới Cực Lạc, dần dần đạt đến viên thành Phật quả. Cũng có nghĩa là giúp một phàm phu đi thành Phật, bạn nghĩ xem công đức này lớn biết bao!

Xét về tình lý chúng ta thử suy nghĩ, nếu như bạn giúp cho rất nhiều người vãng sanh thành Phật, đến khi bạn lâm

chung, dù công phu tu hành có yếu một chút cũng không hề gì, vì nhiều người (nhờ bạn) đã được vãng sanh (đang ở thế giới Cực Lạc) họ có tâm tri ân báo ân, khi biết bạn sắp vãng sanh thì họ cũng sẽ mời Đức Phật A Di Đà nhanh nhanh đi tiếp dẫn bạn. Họ nói, “*nhờ ở nơi họ mà chúng con mới được sanh vào thế giới Cực Lạc, nên bây giờ xin Đức Phật A Di Đà nhanh nhanh đi tiếp dẫn họ,*” bạn nghĩ xem có được không chứ! Chuyện này cũng thế mà thôi, thường ngày chúng ta lo trợ niệm giúp người khác, giúp họ được vãng sanh là việc rất quan trọng, bất cứ việc gì khác cũng chẳng thể sánh bằng được!

Hỏi: Vì sao có rất nhiều đoàn niệm Phật đều đề xướng việc trợ niệm?

Đáp: Tổ Ấn Quang đại sư⁷ dạy: “***Giúp người tịnh niệm vãng sanh thì cũng được hưởng báo là sẽ có người trợ niệm!***” Người tu niệm Phật, muốn tu công đức thì đây là cách tu công đức đệ nhất. Bên việc thắp hương, đánh khánh, liên hữu đến niệm Phật giúp trợ duyên cho người bệnh lâm chung được tịnh niệm vãng sanh, chính là đưa một phàm phu đi thành Phật. Các vị thử nghĩ xem, việc độ chúng sanh thù thắng nhất chính là độ họ thành Phật, coi như ngay trong đời này bạn đã làm được một việc rất trọng đại là giúp được một người thành Phật, thấy có tuyệt vời không!

⁷ **Tổ sư Ấn Quang:** *Tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông.*

Bồ Tát Đại Từ dạy rất hay: “Nếu bạn có thể giúp được hai người vãng sanh thì tinh tấn hơn bản thân tu hành, nếu bạn giúp cho mười mấy người vãng sanh thì phước báu của bạn thật là vô lượng!” Việc vãng sanh của bạn sau này – quả thật bạn đã nắm chắc trong tay. Còn nếu như bạn giúp được hơn một trăm người vãng sanh, theo lời Bồ Tát Đại Từ thì bạn chính là “Bồ Tát” thật sự rồi đó! Cho nên rất nhiều đoàn thể niệm Phật đều tổ chức đoàn “Sức Chung Liên Hữu trợ niệm”, đây là việc rất là trọng yếu, cần được đề xướng rộng rãi.

— () —

CHƯƠNG 2

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI GIÚP ĐỠ TRỢ NIỆM

---oOo---

Hỏi: Thưa, việc trợ niệm phải được tiến hành vào giai đoạn nào?

Đáp:

* Nếu người đang bị bệnh nặng (trong tình trạng nguy kịch) nhưng đầu óc vẫn tỉnh táo, lúc này phải nên giúp cho họ niệm Phật. Tiếng niệm Phật của người trợ niệm, **mỗi chữ mỗi câu đều phải rành rõ ràng**, để khiến cho câu Phật hiệu đi sâu vào tâm thức của người bệnh, như thế mới đắc lực.

* Sau khi họ tắt thở rồi, thì việc trợ niệm tốt nhất là nên liên tục suốt mười hai tiếng đồng hồ, chí ít cũng phải giúp họ

niệm tám tiếng đồng hồ. *Vì thân thức của người chết, có thể đạt giải thoát bằng cách lắng nghe lời khai thị để họ nhận ra rằng – tất cả đều do chính ý niệm tâm thức của họ chiếu hiện ra mà tỉnh ngộ!*

Nếu họ vãng sanh ở bệnh viện thì trợ niệm ở bệnh viện. Nên trợ niệm vào lúc người bệnh chưa tắt thở, đây là thời khắc quan trọng nhất! Có được thiện tri thức bên cạnh khuyến bảo cảnh tỉnh họ, giúp họ không mất chánh niệm, nhất tâm cùng niệm Phật với mọi người, đem toàn tâm toàn ý mà cầu sanh Tịnh Độ.

Hỏi: Lão pháp sư có dạy: “Đến *lúc đó* kinh điển hay chú Vãng Sanh thấy đều không cần, chỉ cần niệm một câu A Di Đà Phật”. Vay con xin hỏi “*lúc đó*” là lúc nào?

Đáp: Từ lúc lâm chung vãng sanh, cho đến 8, 10 hoặc 12 tiếng đồng hồ sau khi vãng sanh. Trong khoảng thời gian này ***chỉ cần một câu niệm Phật***, không cần bất cứ lễ nghi hay kinh chú nào khác. Hơn nữa, nếu chuyên niệm danh hiệu Phật thì ai ai trong thân quyến của họ cũng đều niệm được cả, rất là thiết thực, đạt được đại lợi.

Người sắp lâm chung, một lòng niệm Phật là *Tâm lực*, nguyện lực tiếp độ chúng sanh là *Phật lực*, sự cảm ứng là *Pháp lực*. Ba lực bất khả tư nghì này dung hợp vào trong một câu hồng danh, Phật A Di Đà sẽ hiện thân tiếp dẫn, cho nên nếu tâm niệm sau cùng khi lâm chung là niệm Phật, người đó liền theo Phật vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc. Mục đích của thân quyến và bạn bè trợ niệm là hy vọng một niệm sau cùng của họ là

niệm Phật, theo Phật vãng sanh; nên vào giờ phút này được chúng ta niệm Phật trợ duyên, người bệnh có được sự diệu dụng vô cùng thù thắng.

Người bệnh sắp lâm chung, chỉ cần câu niệm Phật – tất cả những kinh chú thầy đều không cần – để giúp họ chỉ chuyên tâm vào một câu niệm Phật mà có thể vãng sanh! Vào lúc này cũng không nên nói chuyện phiếm, không nên để họ có tạp niệm, vì ***câu Phật hiệu lúc này rất cần thiết, để giúp họ tạo cảm ứng đạo giao với thế giới Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà.***

Hỏi: Thưa, cần phải trợ niệm với thời gian bao lâu mới là bảo đảm?

Đáp: Theo như trong kinh dạy, khi con người đã tắt thở, thông thường sau khoảng tám tiếng đồng hồ thân thức mới rời khỏi thân xác. Nên họ vừa mới tắt thở thì thân thức vẫn chưa đi hẳn, thời gian này mà niệm Phật cho họ ***thì cảm ứng của họ rất mãnh liệt, giúp họ vô cùng thù thắng!*** Vì thế ta cần phải trợ niệm giúp họ từ 8 đến 12 tiếng, tốt hơn nữa là 14 tiếng, để họ vãng sanh được an toàn, hoặc 24 tiếng là tốt nhất, vì có người sau tám tiếng đồng hồ thân thức vẫn chưa có đi hẳn.

Hỏi: Thông thường sau khi con người vãng sanh 24 tiếng đồng hồ thì thân thức đã rời khỏi thân xác, nhưng có vị cư sĩ quá 24 tiếng đồng hồ mà cơ thể vẫn còn nóng. Gặp trường hợp này chúng con có cần tăng thêm thời gian trợ niệm không?

Đáp: Đúng vậy! Cần phải tăng thêm thời gian trợ niệm cho họ. Vì ***cơ thể của họ còn nóng, có nghĩa là A Lại Da thức của***

họ vẫn chưa có rời khỏi thân xác, tức nghiệp lực của thân thức vẫn còn ở trong thân xác chưa rời khỏi được. Khi nào thân thể họ trở nên lạnh giá, tức là thân thức đã rời khỏi thân xác. Thời gian để cho thân thức rời khỏi thân xác mỗi người có nhanh chậm khác nhau, thường ước định từ tám đến mười hai giờ đồng hồ sau khi người bệnh chấm dứt hơi thở. Nên tốt nhất cần kéo dài thời gian trợ niệm từ 12 tiếng đồng hồ trở lên (sau khi họ đã tắt thở), được vậy thì an toàn hơn.

Hỏi: Có huynh đệ đồng môn Tịnh độ vãng sanh, sau khi trợ niệm 12 tiếng đồng hồ, thì quán lại nhà chờ hai hoặc ba ngày sau mới an táng hoặc hỏa táng. Xin cho con hỏi, vậy mình có cần tiếp tục trợ niệm thêm cho họ hay không?

Đáp: Quán lại hai ngày thì niệm thêm cho họ hai ngày, quán ba ngày thì mình niệm thêm ba ngày... Trong suốt thời gian đợi an táng hay hỏa táng thì không nên ngừng nghỉ việc niệm Phật. Đây là tự lợi cũng là lợi tha!

Hỏi: Trong khoảng thời gian 49 ngày sau khi họ vãng sanh, chúng ta có cần tiếp tục trợ niệm không?

Đáp: Cần chứ! Trong suốt bốn mươi chín ngày tốt nhất là không nên ngừng việc niệm Phật, cho dù người vãng sanh này có công phu niệm Phật thuần thực, thậm chí đến tự niệm thành phiến; vì trong bốn mươi chín ngày này nếu niệm Phật rồi hồi hướng cho họ, nhất định sẽ giúp cho họ thêm tăng cao phẩm vị.

Nếu như người này bản thân không có công phu niệm Phật, không thể vãng sanh được, họ sẽ thọ sanh vào sáu đường;

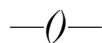
thì với công đức niệm Phật này, có thể giúp cho họ tránh đọa vào ba đường ác, họ sẽ sanh vào đường lành, rồi trong cõi lành đó phước huệ của họ cũng được tăng trưởng. *Và khi niệm Phật chúng ta cũng phải hết sức thành tâm thành ý, vì đây cũng là cơ hội để ta làm một việc rất có lợi ích thiết thực.*

Mới đây chúng ta cũng có một ví dụ điển hình, bà ấy khi còn sống không hề biết niệm Phật, chưa từng biết đến Phật pháp; nhưng trong bốn mươi chín ngày sau khi mất, dựa vào sức trợ niệm rất thù thắng của ban trợ niệm, đã giúp cho bà ấy cảm nhận và phát khởi được **Tín-Nguyện-Hạnh**, cuối cùng bà ấy vẫn được vãng sanh! Tuy ở trong thân trung âm, nhưng bà ấy vẫn có thể niệm Phật theo đại chúng, có thể tu theo suốt đến mãn kỳ – ngày thứ bốn mươi chín là mãn kỳ. Bởi tuy ở trong thân trung âm nhưng thần thức vẫn chưa có mất hẳn, bà vẫn có thể cùng tu theo đạo tràng trọn bốn mươi chín ngày, cuối cùng thì bà ấy cũng có cơ hội thành tựu đạo quả và được vãng sanh. Nên pháp niệm Phật Vãng Sanh quả thật là vi diệu, bất khả tư nghì, không nên có chút gì nghi hối!

Hỏi: Loài súc sanh khi chúng mất rồi, chúng ta nên áp dụng việc trợ niệm như thế nào đây? Có cần phải niệm mười hai tiếng đồng hồ rồi mới được di chuyển hay không?

Đáp: Đức Phật dạy, con người vừa mạng chung, *trong tám tiếng đồng hồ không nên chuyển dời họ, đó là việc tối kỵ, vì thần thức của họ chưa có rời khỏi.* Đối với loại động vật, nếu là loại động vật nhỏ (loài càng nhỏ thì càng đi mau), giống như những loại muỗi, kiến, gián... hoặc những loại nhỏ hơn nữa là các loại bò, bay, máy, cựa... bạn nên niệm Phật cho chúng

mười mấy phút, nhiều hơn thì nửa tiếng đồng hồ là đủ rồi. Còn nếu như loại động vật lớn như trâu, bò, heo, chó... thì bạn nên niệm cho chúng khoảng một tiếng đồng hồ, không cần phải niệm mười hai tiếng.



CHƯƠNG 3

NHỮNG TÌNH HUỐNG CẦN CHÚ Ý & PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT KHI TRỢ NIỆM

---oOo---

Hỏi: Thưa, nếu có huynh đệ đồng tu trong đạo tràng vắng sanh thì giúp họ siêu tiến như thế nào đây?

Đáp: Huynh đệ đồng tu trong đạo tràng, cùng tu niệm Phật thì có phải cùng nhau cầu vãng sanh không? Vậy khi người huynh đệ đồng tu cùng đạo tràng vắng sanh thì bạn phải làm thế nào đây? – Bạn phải hiểu cho được, phải hiểu làm thế nào để giúp trợ niệm cho họ, và làm thế nào để giúp họ được thành tựu!

Các vị Cổ đức xưa đã viết lại những trình tự này để giúp cho hậu thế học tập, đó là quyển ‘*Sức Chung Tân Lương*’, quyển này thuộc thể loại viết bằng văn ngôn có văn nghĩa quá sâu, không tiện cho người sơ cơ học tập. Nên các vị đại đức cận đại sợ chúng ta xem không hiểu, đã đơn giản hóa nó bằng lối văn bạch thoại với tựa đề là ‘*Sức Chung Tu Tri*’.

Quyển sách này chúng tôi đã ấn hành mấy lần, và cũng đang cho ấn hành ra phiên bản mới, trong đó những phần quan trọng nhất đã được dùng bút đỏ ghi lại, hoặc in màu lên phần đó. Thoạt đầu tôi vẫn giữ tên sách là ‘*Sức Chung Tu Tri*,’ nhưng vì có nhiều người không hiểu ý nghĩa tên của tựa sách này, nên tôi đổi nó thành ‘*Làm Thế Nào Để Vãng Sanh Bất Thoái Thành Phật*,’ mọi người nhìn thấy tựa sách như vậy đều lấy làm thích. Quyển sách nhỏ này các bạn cũng cần phải nên thường xem. Tại sao? Vì bất cứ khi nào chúng ta gặp cơ hội cần phải giúp trợ niệm, thì cũng biết cách mà ứng dụng.

Mẹ già của tôi qua đời cũng được chiếu theo quyển sách này mà áp dụng, các việc hậu sự hoàn toàn làm theo sự chỉ dẫn nơi quyển sách này. Bà Hàn Quán Trưởng vãng sanh, làm tang lễ cũng y theo quyển sách này, làm rất là đúng pháp!

Hỏi: Nếu như trong đạo tràng có người vãng sanh, chúng ta có cần điều động huynh đệ cùng tu Phật thất đến cùng trợ niệm không? Và nên sắp xếp như thế nào để tốt đẹp cho cả đôi bên?

Đáp: Nếu trong Niệm Phật đường có người vãng sanh thì tuyệt đối cũng không nên khuấy động Niệm Phật đường. Việc đưa đưa tiễn người vãng sanh đương nhiên là do những người phát tâm lo việc trợ niệm đảm nhận, họ sẽ đến giúp cho người đó. Còn những người đang tu Phật thất tại Niệm Phật đường có đến giúp trợ niệm thì cũng chỉ làm cho người lâm chung bị loạn tâm thêm thôi, hơn nữa họ không thể chuyên chú vào việc niệm Phật, sẽ làm người vãng sanh không có sự thanh tịnh để niệm Phật, điều này không tốt.

Cho nên việc trợ niệm cho người Vãng Sanh nên giao cho tổ trợ niệm nhỏ chuyên trách, chúng ta còn gọi là “Đoàn Niệm Phật sức chung” hay “Liên hữu trợ niệm”. Ban trợ niệm sẽ đến lo lắng phụ trách, giúp đỡ trợ niệm cho người lâm chung, sự việc đúng thì nên làm như vậy mới có hiệu quả.

Hỏi: Thưa, có một số người tu hành niệm Phật, sau khi vừa vãng sanh thì vợ con liền mang họ vào nhà ướp xác, như vậy có ảnh hưởng đến việc họ vãng sanh không?

Đáp: Tất nhiên là có ảnh hưởng. Đây chỉ là một cách giải quyết quá hồ đồ, quá lạnh lùng của người đời!

Người vừa chết đi chưa lâu, thần thức vẫn có thể thấy - nghe - hay - biết. Vì sao? – Vì thần thức là do Pháp Tánh biến hiện ra. Khi thần thức chưa tách lìa thân thể, dù cho không còn hít thở nữa hay tất cả mọi bộ phận đều ngưng vận hành, nhưng mỗi tế bào trên thân thể ấy vẫn còn thấy - nghe - hay - biết. Vì mỗi tế bào là một vật thể, vật thể ấy lấy Tâm làm Thể. Nếu ta dùng thiện ý đối đãi chúng, chúng sẽ đáp ứng tốt lành; dùng ác ý đối với chúng, chúng sẽ đáp ứng xấu ác. Do vậy đối với người mất, nếu chúng ta dùng thiện ý, chúc phước cho người ấy, người ấy sanh trong ba đường lành; dùng ác ý đối với người ấy, người ấy bèn sân giận, phản ứng ác, sanh vào ba đường ác (Súc sinh, Ngạ quỷ, và Địa ngục).

- Đọa vào đường *Súc sinh* là do bởi ngu si chi phối, phải sống trong hoàn cảnh bị ràng buộc bằng mối quan hệ ăn thịt hoặc

bị ăn thịt chồng chéo lẫn nhau, và luôn bị đe dọa bởi nỗi sợ hãi giữa ăn hoặc sẽ bị ăn.

- *Ngạ quỷ* là do nô lệ của sự tham dục, lúc nào cũng bị quẩn quại đau đớn bởi sự đói khát.
- Còn *Địa ngục* thì bị hành hạ bởi sự trói buộc sân si.

Bởi thế khi người chết vừa mới qua đời, chúng ta thường nói là “tắt thở”, trong 8 tiếng đồng hồ chẳng nên đụng chạm vào người ấy. Vì sao? Vì nếu đụng vào người họ, khi ấy họ vẫn còn cảm giác đau khổ, đau khổ bèn sanh tâm sân hận! Khi nhận tín hiệu không tốt, họ sẽ có phản ứng không tốt, làm họ chịu quả báo trong tam đồ. Vì thế, *sau 8 tiếng, tốt nhất là 12 tiếng, chớ có đụng chạm đến, ngay cả giường họ nằm cũng đừng đụng vào*. Chúng ta ở bên cạnh niệm Phật giúp cho họ, chỉ trợ niệm bằng một câu “**A Di Đà Phật**”, đó là tín hiệu tốt lành, là tín hiệu thù thắng nhất.

Nếu người mất hoàn toàn tiếp nhận tín hiệu ấy, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy sẽ được giải thoát! Nếu người ấy phiền não tập khí còn quá nặng, dẫu cho có người trợ niệm mà họ vẫn không có ý niệm vãng sanh Cực Lạc thế giới; thì tuy họ không có ý niệm như vậy, nhưng họ vẫn không bị đọa trong ba ác đạo. Sự thật là như thế, đạo lý là đây, chúng ta chẳng thể không biết!

Hỏi: Nếu người bệnh đã tắt thở trong khi vẫn còn ống thở oxy hoặc truyền dung dịch thì chúng ta có nên rút ống thở oxy hoặc ống truyền dung dịch ngay ra không. Hay phải đợi niệm Phật (sau 12 tiếng đồng hồ) xong mới di chuyển?

Đáp: Có thể nói khi người bệnh đã bước vào tình trạng nguy kịch, thì người chăm sóc ở bên cạnh rất là quan trọng, rất là quan trọng! Lúc họ đã lâm vào tình trạng khó cứu chữa, không còn khả năng cứu vãn thì nên rút ngay những thứ này ra đi. Khi rút rồi họ sẽ không còn thấy đau đớn nữa, họ sẽ cảm thấy rất nhẹ nhàng, thoải mái và tự tại. Còn nếu như lúc này mà vẫn chưa chịu rút hết ra thì coi như khó khăn rồi, vì họ rất là đau đớn!

Nên hiểu là nếu bạn có rút ra họ cũng đau đớn, mà không rút ra thì họ càng đau đớn hơn, đây chính là câu: *“Lý người như lý mình,”* ai trong chúng ta cũng đều hiểu cả. Nên để giảm bớt sự đau đớn cho họ, tốt nhất là khi thấy tình trạng đã nguy kịch khó có thể cứu vãn thì nên rút hết ra, lúc này họ sẽ tự niệm Phật thôi, ***niệm Phật được thì họ sẽ không còn cảm thấy đau đớn nữa!***

Hỏi: Thưa, do nguyên nhân gì khi trợ niệm cho người lâm chung tuyệt đối không được đụng chạm vào họ?

Đáp: Tổ sư Ấn Quang nói: ***“Khi người sắp lâm chung chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ; tình trạng khác nào ngàn cân treo đầu sợi tóc, khẩn yếu cùng cực!”*** Nên việc trợ niệm cho người lâm chung rất là quan trọng, cốt để giúp cho họ giữ được chánh niệm, và khi người ấy vừa mới qua đời thì sau 8 tiếng đồng hồ tuyệt đối không được đụng chạm vào thân thể của họ. Vì khi họ vừa mới tắt hơi là giai đoạn thần thức như đang rơi vào chỗ vô định – mơ hồ giữa chết và sống, giữa thiện và ác, giữa đọa lạc và giải thoát – nên thần thức của

họ rất buồn đau, sợ hãi, không có định hướng..., nếu xúc chạm vào người họ thì thần thức sẽ hoang mang kinh hãi, khiếp giận, chẳng khác gì đang bị hành hạ tra tấn, thật là tội nghiệp cho họ!

Không những không được đụng chạm vào thân thể mà ngay cả giường họ nằm cũng không được đụng đến, chí ít cũng phải để qua 8 tiếng đồng hồ. Bảo đảm nhất là nên chờ qua 12 đến 14 tiếng đồng hồ, khi thần thức của họ rời khỏi hỷ thì việc đụng chạm mới an toàn. Một khi thần thức chưa rời khỏi thân xác thì họ vẫn còn nhận biết, giai đoạn này họ rất là đau khổ và đau đớn. Hễ đau đớn thì họ sanh tâm sân hận, chính họ phần nhiều sẽ bị đọa vào độc loại, tất sẽ đem tâm kết oán thù với bạn, thật đáng sợ hãi thay!

Hỏi: Để đoán biết người mạng chung đi vào đường lành hay bị đọa ác đạo, người ta thường hay thăm dò xem hơi ấm ở đâu, thưa có cần thiết phải làm như vậy không?

Đáp: Con người khi hơi thở sau cùng vừa chấm dứt, tiếp theo là họ đi đầu thai vào một đường nào đó, nên nếu niệm sau cùng mà họ khởi sân si thì phần đông là bị đọa vào đường địa ngục!

Nên trong ‘*Sức Chung Tân Lương*’ và ‘*Sức Chung Tu Tri*’ có nói rõ tại sao các chư Cổ đức rất coi trọng điều này.

Khi người mạng chung, không được xúc chạm vào người họ vì tình trạng thần thức của họ đã rời khỏi hỷ hay chưa – hạng phạm phu chúng ta đây không thể biết được. Trong kinh Phật có dạy: “Thời khắc này đây là lúc đau khổ tột cùng nhất

của đời họ,” trong kinh có ví dụ như rùa sông bị lột mai, họ đau đớn như vậy đấy! Cho nên nếu xúc chạm vào người họ, nhân đấy họ bị đau đớn, tâm sanh phiền đau đến nỗi chẳng được vắng sanh.

Có một số người cho rằng, sau khi người qua đời nên dò tìm coi hơi ấm tụ ở chỗ nào – để xem họ sanh vào đường lành hay bị đọa đường ác⁸. Tốt nhất đừng nên đụng chạm vào người của họ, ***ai nấy chỉ nên khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần dò xem nóng lạnh ở chỗ nào***, vì chúng ta muốn thăm dò nhưng lại không thể biết thần thức của họ đã rời hẳn chưa. Nếu thần thức của họ đã rời khỏi thân xác thì không sao, còn nếu như thần thức vẫn chưa rời khỏi thì lỗi họa ấy thật là vô lượng vô biên!

Thông thường từ 8 đến 12 tiếng đồng hồ thần thức mới rời khỏi thân xác, nên trong khoảng thời gian này không được xúc chạm hay dời động thân xác của họ, nếu họ nằm trên giường cũng không được đụng chạm vào giường, và phải đi cách ra xa một chút. Có làm được như vậy mới thật sự thương yêu, thật sự giúp đỡ cho họ! Sau 8 tiếng đồng hồ nếu muốn kiểm nghiệm hay thăm dò thì được, nhưng an toàn nhất thì nên đợi qua 12 tiếng đồng hồ. Chúng ta phải hiểu kỹ những kiến thức thông thường này để giúp người vắng sanh được thành tựu, chứ đừng nên hại người!

⁸ *Ba đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.*

Hỏi: Thưa, có người sau khi mất chưa được 8 tiếng đồng hồ, người trợ niệm dùng phương pháp đẩy lực từ dưới chân lên đỉnh đầu, ý là muốn giúp cho thần thức của người lâm chung sớm rời khỏi xác, xin hỏi việc này có hợp lý không? Có làm ảnh hưởng gì đối với người lâm chung không?

Đáp: Tốt nhất là không nên dùng những phương pháp này! Vì sao? Chỉ trừ khi người lâm chung là người có học khí công, còn nếu như họ không có học khí công thì với phương pháp này sẽ khiến họ sanh tâm phiền não – mà khi có phiền não thì họ sẽ nổi tâm sân. Khi lâm chung mà nổi sân thì bị đọa vào ba đường ác, cho nên việc làm này không tốt.

Con người khi lâm chung thì hãy để cho họ yên tĩnh, chỉ nên đứng bên cạnh niệm Phật, giúp cho họ giữ chắc câu Phật hiệu, nhắc nhở họ niệm Phật theo mình – ***nhờ vào công năng của câu niệm Phật, họ sẽ duyên cảnh theo Phật và nghĩ đến việc cầu sanh Tịnh Độ, nghĩ đến việc muốn gần gũi Đức Phật***, dụng ý chính là ở chỗ này!

Hỏi: Thưa, con người khi đã tắt thở rồi thì việc cấp cứu có còn hữu hiệu không?

Đáp: Khi con người đã tắt thở, việc cấp cứu là một việc rất không nên làm! Các bác sĩ đều biết, chúng ta cũng đã từng tham gia trợ niệm vãng sanh cũng đều hiểu, vào lúc đó tuy các bác sĩ sẽ hỏi ý người thân nhân trước là họ có muốn việc cấp cứu hay không – vì cấp cứu là việc rất đau lòng và cũng không có nhiều

kết quả – và bác sĩ cũng sẽ nói những trạng huống xảy ra cho bạn nghe; nếu bạn có yêu cầu thì họ cũng làm, còn nếu như bạn nói không cần thì họ cũng sẽ tán thành.

Việc cấp cứu người đã tắt thở, chắc chắn sẽ làm tổn thương người bệnh rất nghiêm trọng. Tại sao? Vì họ sẽ rất đau đớn, vì đau nên họ nổi sân, khi cơn sân vừa nổi dậy nhất định họ sẽ bị đọa vào ba đường ác, nhưng có rất nhiều người không hề biết cái việc hệ trọng này!

Một niệm sau cùng khi lâm chung là thời điểm quyết định cho việc siêu thăng hay đọa lạc. Một niệm sau cùng nếu là niệm Phật thì vãng sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc.

Hỏi: Khi tiễn người lâm chung chúng ta cần phải chú ý những điều gì?

Đáp: Một niệm sau cùng khi lâm chung là thời điểm quyết định cho việc siêu thăng hay đọa lạc. Một niệm sau cùng nếu là niệm lành thì sẽ sanh về cảnh giới nhân thiên, một niệm sau cùng nếu là niệm ác thì đọa lạc vào cảnh giới tam đồ, một niệm sau cùng nếu là niệm Phật thì vãng sanh về cảnh giới Tây Phương.

- Gia đình quyến thuộc khi tiễn người lâm chung, phải tuyệt đối nén nỗi buồn thương, chỉ biểu lộ tấm lòng từ ái, khuyến khích người ấy ráng tịnh tâm niệm Phật, trước mặt người lâm

chung tuyệt đối không được biểu lộ sự ưu sầu buồn đau, những ai để lộ tình cảm than khóc thì phải mời ra ngoài.

- Người trợ niệm khi tiễn người lâm chung, *để họ còn làm chủ được tâm niệm sau cùng của họ, thì âm điệu niệm Phật không nên xen lẫn điệu bi ai để tránh người bệnh dẫn khởi tâm sầu thương mà mất chánh niệm.* Đừng cho họ nhìn thấy sự quyiến luyến bi ai của người thân – để họ không khởi tâm luyến ái. Tốt nhất hãy nên để những người bạn đạo trợ niệm, *khuyến họ dứt bỏ tham ái, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, nhờ một niệm thanh tịnh mà họ được vãng sinh cõi Phật.*

Đức Phật dạy, “người mới mạng chung, sau 8 tiếng đồng hồ thì thần thức của họ mới rời khỏi thân thể, nếu chưa có rời khỏi thì thần thức ấy vẫn có cảm giác nên rất dễ khởi lên tình cảm, vẫn mừng-giận-buồn-vui...”, ***mà hễ khởi tình cảm liền làm họ mất chánh niệm, chánh niệm mất thì không thể vãng sanh, vì Đức Phật không đến tiếp dẫn được!***

Lúc này nếu họ gặp phải chướng ngại quấy nhiễu như con cháu ồn náo, người thân kinh cãi, hay bị áp chế từ những tập tục sai lầm của thế gian .v.v..., sẽ là những chướng ngại rất lớn, khiến cho thần thức của họ bị rối loạn, bị phiền nã; nếu họ không giữ nổi tâm thanh tịnh thì khó có thể có sự cảm ứng đạo giao với Phật A Di Đà; lý ra họ sẽ được vãng sanh Cực Lạc nhưng do khởi lên tâm luyến ái làm cho họ quay lại, đi không được, việc này rất đáng sợ!

Hỏi: Thưa, đối với thân quyến của người sắp lâm chung, phải khuyến tấn họ như thế nào khi đi trợ niệm?

Đáp:

- Người bệnh khi sắp lâm chung, thân quyến *không nên ở trước mặt* người bệnh vừa lộ nét ưu sầu (khiến họ khởi lên tình cảm luyến ái), vừa chạm vào người họ lay động thật càng không được. Thân quyến nhất định *không được khóc lóc*, chỉ làm tăng thêm tình ái trói buộc, gây phiền não thống khổ cho người bệnh, thậm chí làm cho họ bực mình mà sanh tâm sân hận, do tâm sân hận mà đọa ác đạo, như thế há chẳng phải làm sai lạc việc lớn vãng sanh của người bệnh hay sao.
- Ngay việc người thân quyến nếu có ăn thịt uống rượu, cũng không nên để cho người bệnh thấy, nếu không họ dễ mất chánh niệm mà đọa vào tam đồ ác đạo.

Khi đến trợ niệm giúp họ, thấy người thân quyến thương khóc bi ai vì người thân yêu sắp ra đi, thật sự cũng khiến chúng ta rất khó ngăn cản họ. Nhưng **sanh tử là đại sự**, muốn người lâm chung giữ được chánh niệm, tốt nhất người trợ niệm phải *giúp cho họ nghe rõ câu niệm Phật, không nên để họ nghe tiếng khóc lóc đau buồn của thân quyến, đừng nên để họ nghe và thấy những điều này*. Vì sao vậy? Vì e rằng người lâm chung sẽ bị khởi động ý niệm luyến ái, nếu để họ khởi tâm luyến ái thì coi như cái duyên vãng sanh bị đoạn đứt, lại bị đọa lạc luân hồi!

Nên khi lâm chung gặp được thiện tri thức đến trợ niệm, đó là người có phước báu, hiểu được lý này chúng ta mới biết việc trợ duyên cho người bệnh niệm Phật rất là quan trọng.

Hỏi: Người sắp lâm chung, *khi khởi tâm luyến ái thì tâm niệm Phật bị ngừng nghỉ*, vậy chúng ta phải làm thế nào đây?

Đáp: Phật tử tu niệm Phật, đến lúc lâm chung nhìn thấy con cháu – nhất là những đứa cháu mình rất thương yêu – chạnh nghĩ đến việc sắp vĩnh viễn chia lìa, thêm thấy cháu khóc lóc bi ai, bèn khởi tâm quyến luyến buông xả không được, thế là công phu tu tập trở thành vô nghĩa! Đức Phật có đến tiếp dẫn, nhìn thấy tâm cảnh như vậy Đức Phật không tiếp dẫn được, rốt cuộc họ không thể vãng sanh! Cho nên trong *Sức Chung Tu Tri*, *'Sức Chung Tân Lương'* có dạy chúng ta, tiễn người vãng sanh tức là giúp cho người ấy giữ được chánh niệm, nhiếp tâm niệm Phật và câu vãng sanh.

- **Tốt nhất là gia đình quyến thuộc không nên gặp mặt lúc họ lâm chung**, việc không được gặp mặt vào giờ phút cuối cùng – về mặt tình người, việc này rất đau khổ; nhưng theo Phật pháp thật chỉ là việc quấy rầy người lâm chung, sẽ làm thương tổn đến họ. Vì *khi khởi tâm luyến ái, thì tâm niệm Phật bị ngừng nghỉ*, họ sẽ lỡ mất thời điểm nhân duyên khi Đức Phật đến tiếp dẫn. Cho nên tốt nhất là đừng nên gặp mặt người thân vào lúc này!

- Vậy nên đợi đến khi nào mới được gặp mặt? Đợi 8 tiếng đồng hồ sau khi họ tắt thở mới là an toàn.

- Ngoài ra còn sợ thêm điều gì nữa? Sợ oán thân trái chủ tìm đến, khi người bệnh nhìn thấy mặt họ, sẽ khởi lên tâm bực bội chán ghét, tâm sân hận – đó là trở ngại, là chướng duyên!

Cho nên khi tiễn người vãng sanh, cốt ý là giúp cho họ được yên lành tự tại, những người xung quanh nên đều là bạn đạo, tất cả mọi người niệm Phật tiễn họ; ***để những gì họ nghe thấy cũng chỉ là câu niệm Phật, và trong đôi mắt họ chỉ nhìn thấy hình tượng Phật A Di Đà.***

Hỏi: Người cha có chánh niệm rất rõ ràng khi sắp mãn phần, nhưng người nhà nằm mộng thấy ông ấy báo rằng: ‘do người mẹ khóc lóc trước quan tài, khiến cho ông ấy sanh tâm quyến luyến mà quay trở lại.’ Sau khi ông ấy mất được nửa năm, bà mẹ nghe tiếng ông ấy gọi bà, thế là bà bị một trận bạo bệnh. Xin cho con hỏi, vậy người cha đã vãng sanh nơi đâu?

Đáp: Việc này mà nói thì ông ấy không có vãng sanh cõi Cực Lạc! Vậy ông ấy vãng sanh vào cõi nào ư? Thường hay thấy họ quay trở lại nhà thì phần nhiều là họ bị đọa vào đường Quỷ!

Qua sự việc này, giúp cho người tu niệm Phật một điều giáo huấn rất cần giác tỉnh, khi tiễn người vãng sanh chúng ta nhất định phải y chiếu theo những nghi thức qui định trong ‘*Sức Chung Tu Tri*’, ‘*Sức Chung Tân Lương*’. Quyển sách mà chúng tôi mới cho ấn hành là phiên bản mới của ‘*Sức Chung Tu Tri*’, đã được chúng tôi sửa thành tên khác là ‘*Làm Thế Nào Để Vãng Sanh Bất Thoái Thành Phật*’, chúng ta nhất định phải suy

nghiệm ghi nhớ kỹ và y chiếu theo đúng những điều mà các chư Tô sư đã răn dạy trong đây mà hành trì.

Tiền người lâm chung, nhất định phải giúp cho họ *sinh khởi chánh niệm*. Nếu họ đã tắt thở rồi, nhưng các chư Cổ đức có dạy là *trong tám tiếng đồng hồ* chúng ta vẫn cần *nhất tâm niệm Phật giúp họ*. Nếu họ đã vãng sanh thật sự thì không có vấn đề gì, còn nếu như chưa được vãng sanh thì thời gian này vẫn quan trọng, rất ***cần tiếng niệm Phật để giúp cho thân thức của họ có thể có cơ hội vãng sanh hay tránh đọa vào ác đạo***. Và trong khoảng thời gian này nhất định không được đụng chạm vào người họ, nếu như thân thức của họ vẫn chưa có rời khỏi hẳn, việc đụng chạm sẽ khiến họ sanh khởi sân giận, phiền đau.

Qua câu chuyện này bạn thấy, do người mẹ khóc lóc, bà đã quấy rầy người cha, làm cản trở người cha không thể vãng sanh được – tuy ông ấy có cơ hội vãng sanh rõ ràng trước mắt – rồi vì mang tâm luyến ái mà ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp ông chẳng được giải thoát!

Hỏi: Thưa, nếu có cha mẹ theo đạo Hồi, khi họ lâm chung thì người học Phật phải làm thế nào để giúp cho cha mẹ có được sự lợi ích?

Đáp: Họ có theo đạo Hồi cũng không sao, nếu họ là những tín đồ Hồi Giáo thuần thành thì khi họ lâm chung phải nên mời các pháp sư truyền giáo của đạo Hồi đến khai thị, để họ giúp tiến

hành các nghi thức tiễn biệt theo truyền thống tín ngưỡng của đạo Hồi, như vậy mới đúng.

Chúng ta là Phật tử, hãy tiếp tục đứng bên cạnh niệm Phật (không cần phải niệm lớn tiếng) rồi hồi hướng cho họ, việc này cũng đúng như pháp đã dạy. Vì họ là tín đồ thuần thành của đạo Hồi, đến khi họ lâm chung nếu chúng ta muốn họ thay đổi tín ngưỡng thì tất họ sẽ không vui lòng tình nguyện, họ sẽ khởi tâm phiền não, điều này không tốt. Tóm lại nên giúp đỡ cho họ ra đi trong thanh thản và bình yên, giúp họ được sanh lên cõi trời, làm như vậy cũng rất đúng pháp!

Hỏi: Xin cho con hỏi, người thường ăn những thức ăn tanh nồng thì có thể niệm Phật giúp trợ niệm được không?

Đáp: Hiện tại người ta giảng về chữ “huân” diễn ý rất là mơ hồ, “huân” đây chính là chất tanh nồng chứ không phải là “thịt”. Huân đây đều thuộc về bộ thảo, là loại rau có mùi hắc nồng chứ không phải là nói đến thịt, về vấn đề này quý vị phải nên phân biệt cho rõ. Không nên cho rằng thịt là thuộc loại chất tanh hôi này, nghĩ vậy là sai! “huân” đây là trong năm loại rau củ – hành, tỏi, kiệu, hẹ và hành tây – còn gọi là ngũ huân, năm loại này là năm thứ rau tanh; nhất định nên phân biệt cho rõ, không nên cho rằng ăn thịt nghĩa là ăn thứ tanh nồng, nghĩ vậy là sai!

Vậy ăn thịt thì có thể giúp người niệm Phật được không? **Có thể, nhưng ăn năm loại rau tanh nồng kia thì không được.** Khi chúng ta giúp người lâm chung niệm Phật,

nhất định phải cấm hẳn việc ăn các thứ rau này, vì mùi hôi của nó tanh nồng quá, ngay cả Quý thần cũng đều chán ghét, việc này là thật chứ không phải giả, trong kinh Lăng Nghiêm cũng dạy rất rõ đó!

Hỏi: Thưa, người không ăn chay, hút thuốc, uống rượu... có thể dẫn chúng niệm Phật hay khai thị cho người lâm chung được không?

Đáp: Tốt nhất ngày nào đi trợ niệm thì ngày đó bạn nên ăn chay, cũng là cách để bạn biểu lộ lòng chân thành cung kính đối với người lâm chung, và công đức này cũng sẽ lớn hơn. Hoặc sau khi trợ niệm xong có thể dùng lại được, còn vào thời điểm đi trợ niệm thì không nên hút thuốc, uống rượu, ăn thịt... làm như vậy sẽ không tốt, làm như vậy cho thấy bạn không có tâm cung kính đối với người lâm chung.

Hỏi: Thưa, lúc trợ niệm ngồi không được yên, để giúp cho tinh thần được tỉnh táo (nhất là lúc bị hôn trầm) nếu uốn xoay người không biết làm như vậy là có quấy rầy những người đồng trợ niệm khác không, hoặc là không tôn trọng người lâm chung không?

Đáp: Việc này nên xem lại hoàn cảnh lúc bấy giờ, nếu động tác mà bạn làm không nhiều quá, không thái quá thì không gây trở ngại lớn đối với các huynh đệ ngồi bên cạnh bạn. Còn nếu như động tác bạn làm quá dồn dập mạnh mẽ, hay quá nhiều tức là bạn đã quấy rối trật tự rồi. Nếu trường hợp bị hôn trầm hay

mệt mỏi thì bạn có thể lui ra ngoài, đi vài bước để điều hòa thân tâm rồi sau đó hãy trở lại.

Hỏi: Pháp luật của Hong Kong, sau khi người lâm chung rồi phải lập tức đưa đến nhà tâm liệt Thái Bình. Xin cho con hỏi có cách nào cứu vãn trong trường hợp này không?

Đáp: Đức Phật dạy, con người vừa mới tắt thở, dù cho quả tim có ngừng đập nhưng thần thức có thể vẫn chưa rời khỏi thân xác, ít nhất phải qua tám tiếng đồng hồ sau hãy di dời họ mới là an toàn, nhưng tốt nhất vẫn là nên để qua mười hai đến mười bốn tiếng.

Nhưng bệnh viện ngày nay thì không cho phép điều đó, pháp luật cũng không cho phép, sau khi tắt thở khoảng mười phút là họ nhất định phải dời đi, cho nên cũng có rất nhiều Phật tử đã hỏi tôi là phải làm sao để cứu vãn tình huống này. Tôi nghĩ rằng, HongKong có bầu nghị sĩ dân cử, quý vị nên tìm đến mấy vị nghị sĩ đó, kiến nghị xin họ thay đổi điều luật này; bạn hãy ủng hộ các vị nghị sĩ giúp luật cho phép người sau khi tắt thở (ở bệnh viện) được quyền giữ lại tám tiếng đồng hồ sau đó hãy di dời, nếu có thể kéo dài đến 10, 12 tiếng thì càng tốt. Nếu họ làm được như vậy thì công đức của họ thật là thù thắng!

Hỏi: Thưa, tại bệnh viện HongKong sau khi mất đi thi thể được bọc lại ngay, và cũng thật đáng tiếc là ở HongKong chưa có làng Di Đà để giúp trợ niệm vãng sanh, vậy phải làm thế nào cho tốt đây?

Đáp: Tất nhiên biện pháp tốt nhất là thành lập được thôn Di Đà ở HongKong, để giúp người lâm chung niệm Phật, trợ niệm vãng sanh.

- Khi vãng sanh có được người trợ niệm hay không, đều do duyên số khác nhau của mỗi người. Nếu như bản thân mình tuổi tác đã lớn, cơ thể suy yếu, mong muốn được trợ niệm vãng sanh, thì trong nước còn có một vài đạo tràng như là Đông Kim Mục Sơn, chùa Bách Quốc Hưng Long. Ngoài những nơi này ra, còn có không ít những đạo tràng cũng quan tâm coi trọng việc trợ niệm người lâm chung, đều là những nơi đáng để cho chúng ta khảo xét.

- Nếu không có được điều kiện trợ niệm, tốt hơn hết chính tự thân mình phải lo chuẩn bị, sao cho công phu niệm Phật phải được thuần thực, đến khi lâm chung không cần trợ niệm mà vẫn được tự tại vãng sanh. Các chư Cổ đức dạy: “Phàm phu niệm Phật tu hành hoàn toàn nhờ vào thân, khẩu, ý, nếu có chí thành thì tự nhiên công phu sẽ chẳng luống uổng! ... ***Chỉ cốt một dạ trì danh, chẳng bị tham, sân, vọng tưởng nhiễu loạn thì đây chính là Nhất Tâm Bất Loạn***” Ở ngay nơi này khi vừa tắt thở thì liền sang đến thế giới Cực Lạc ngay, không cần phải trải qua thân trung âm, cứ tự tại mà vãng sanh!

Hỏi: Lão pháp sư đã từng nói: Sau khi con người tắt thở, trợ niệm từ 12 đến 24 tiếng; sau đó thì có thể tùy thuộc vào phong tục, tập quán mà có thể hỏa táng, ướp xác. Nhưng tại sao trong quyển “*Làm thế nào để vãng sanh bất thoái thành Phật*” lại có

đề cập đến việc muốn hỏa táng thì phải sau bảy ngày hoặc ít nhất cũng ba ngày, xin Ngài khai thị giúp con.

Đáp: Quàn lại ba ngày hay bảy ngày, với xã hội ngày nay họ không chấp nhận, vậy phải làm sao? Chỉ mong rằng quốc gia sẽ sửa đổi luật, nếu như không thể sửa đổi được thì chúng ta cũng phải tuân thủ theo quy định của pháp luật. Hiện nay trong bệnh viện, sau khi người ta vừa tắt thở mười phút thì phải đưa vào nhà tắm liệm (nghĩa là ướp xác họ), đây là việc làm rất đáng sợ! Nên đương nhiên quàn lại ba ngày hay bảy ngày thì rất tốt, làm như vậy cũng là cách nghĩ nhớ đến họ, cũng là đạo làm người nên không ai nỡ chôn họ mau lẹ như vậy!

Trong đạo Phật thường nói là khi con người tắt thở rồi thần thức vẫn chưa rời khỏi xác, chỗ tái sinh của họ chưa được quyết định. Thần thức con người vào lúc lâm chung là lúc họ chơi vui đứng trước ngã 3 đường – *bị túc nghiệp, hiện nghiệp và cận tử nghiệp chi phối*, nếu nghiệp nào mạnh thì họ sẽ bị quán trói theo.

Vào lúc này mà chân thành niệm Phật cho họ, từ ba đến bảy ngày xem lại sẽ thấy tướng mạo của họ thay đổi đẹp đẽ, thậm chí có khi để đến bảy ngày thân thể cũng vẫn mềm mại, với thời gian nhập liệm đã được bảy ngày khi lau người thay y phục cho họ cũng vẫn thấy mềm mại; lại nữa khuôn mặt thay đổi đẹp, trẻ hơn, nhìn họ giống như khi đang ngủ vậy. Với những thoại tướng điềm lành như thế, sẽ giúp mọi người kiên cố tín tâm hơn.

Hỏi: Thưa có cần từ ba ngày đến bảy ngày sau mới được hỏa táng không?

Đáp: Không có nhất định phải bao nhiêu ngày mới được hỏa táng, nên xem lại phong tục tập quán của mỗi nơi. Như ở miền Bắc, thời tiết lạnh có quần lại lâu thêm một chút cũng không sao. Còn như ở miền Nam, thời tiết nóng, để lâu thì xác sẽ hôi thối. Cho nên mỗi nơi phong tục tập quán có khác nhau, vì vậy nên tùy theo tục lệ, tùy theo sự thường của thế tục nhân tình.

Hỏi: Thưa, nếu biết người thân bị chứng bệnh nan y thì nên giấu đi, hay nên nói thật với họ để khuyên họ buông bỏ vạn duyên, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ?

Đáp: Khi người bệnh đã vô phương cứu chữa, thì có nên nói thật cho họ biết rõ bệnh tình của họ hay không ư? Bạn phải nên xem lại tư tưởng nội tâm của người đó, xem họ có thể hoàn toàn chấp nhận Phật pháp hay chưa, có tinh thần chấp nhận sự thật này hay không; nếu như thường ngày họ sống rất lạc quan thì có thể khéo léo cho họ biết, còn như họ vẫn tham sống sợ chết mà cho họ biết thì thật rắc rối lớn.

Tốt nhất là nên khuyến khích họ xem chuyện Sơn Tây Tiểu Viện, Liễu Phàm Tứ Huấn, hay Diêu Thần Ý Công gặp Táo Thần Ký... đây là những chuyện giáo dục về luật nhân quả rất hay; xem xong rồi thì dầu sau này có khám phá ra bệnh nặng thế nào chẳng nữa, họ không sợ hãi nhiều vì dầu sao họ cũng đã hiểu qua những trường huống này. Trong lòng khi đã hiểu qua, thì sau này họ cũng dễ dàng chấp thuận nếu chúng ta muốn giúp

trợ niệm cho họ, hơn nữa nếu có thêm người nhà giúp đỡ khuyến giải thì chắc họ cũng không quá sợ đâu!

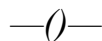
Hỏi: Khi tiễn một người vãng sanh trong bảy ngày, xin hỏi người bệnh trước khi vãng sanh có được ăn hay uống nước gì không?

Đáp: Người vãng sanh lúc đang bị bệnh nặng, có thể họ không ăn thứ gì trong bảy ngày, nhưng nước thì nhất định phải uống. Tại sao? Vì để cho thân thể bài tiết ra sạch sẽ tất cả những thứ cấu bẩn trong người. Bình thường người vãng sanh đều hiểu rằng, để đến khi mình ra đi sẽ giữ được thân thể sạch sẽ không ô uế.

Hỏi: Thưa, nếu thường ngày sức khỏe của họ rất bình thường, một hôm bỗng nhiên họ bị té ngã hoặc cảm thấy thân thể rất bất an, nhưng chưa rõ bệnh nặng nhẹ như thế nào, vậy chúng ta có cần mời ban hộ niệm đến niệm Phật giúp họ hay phải đưa họ đến bệnh viện để cứu chữa trước?

Đáp: Tùy thuộc vào tình huống của mỗi cá nhân, nếu họ là người học Phật thì mình có thể làm như vậy, còn nếu như họ không phải là Phật tử mà bạn làm như vậy thì người nhà họ sẽ gây phiền phức cho bạn. Vì chính về sau không biết chuyện gì chẳng lành như thế nào sẽ xảy ra nữa, họ có thể quy trách bạn vì không chịu đưa họ đến bệnh viện cấp cứu, hoặc bạn đã làm lỡ mất thời gian cấp cứu của họ, họ lại yêu cầu bạn bồi thường... như vậy không phải là bạn tự chuốc lấy phiền phức hay sao? Cho nên với đời sống xã hội hiện nay, bạn nên hiểu rõ

quy định của pháp luật và tuyệt đối tuân thủ; hoặc là bạn tiến hành song song – đôi bên cùng tốt đẹp – đưa họ tới bệnh viện, rồi cùng vài huynh đệ đồng tu đến bệnh viện chăm sóc và trợ niệm giúp họ, phương pháp này an toàn và thỏa đáng hơn.



CHƯƠNG 4

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TRỢ NIỆM

---oOo---

Hỏi: Thưa, trong quá trình trợ niệm có cần phải sám tịnh⁹ hay không?

Đáp: Sám tịnh là việc nên làm! Khi bạn đến đạo tràng để trợ niệm thì phải nên sám tịnh, nhưng làm càng đơn giản càng tốt, không nên làm phức tạp, làm được như vậy là tỏ sự tôn kính với đạo tràng, có sự cung kính đối với chúng sanh vô hình ở cõi này. Cũng như giúp cho người vãng sanh, tỏ lòng chân thành mong muốn những oán thân trái chủ của họ chịu hóa giải oán kết, cùng chung đến giúp cho họ.

Hỏi: Thưa, nếu người bệnh đã tắt thở thì có cần sám tịnh nữa không?

⁹ **Sám tịnh:** là rảy nước khắp chung quanh và nguyện cho tâm Bồ Đề thanh tịnh của hết thầy chúng sanh đều được tăng trưởng.

Đáp: Khi con người vừa mãn phần tất cả các nghi thức khác đều không còn quan trọng, **“Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”**, đâu phải chỉ rảy vài giọt nước là có Tịnh Độ đâu! Đây chỉ là hình thức để thể hiện sự tôn kính, phải hiểu là như vậy. *Ví dầu có rảy nhiều nước đi nữa mà tâm không tịnh thì cũng vậy thôi, bạn phải hiểu cái lý này!*

Khi tiễn người lâm chung, tất cả các nghi thức đều không cần thiết, chỉ dùng một câu niệm Phật để đưa tiễn vãng sanh. Cũng không cần bất cứ khai thị gì và cũng không cần tụng trì bất cứ kinh chú gì, *chỉ cần một câu niệm Phật xuyên suốt là được rồi!* Trong quyển ‘Sức Chung Tân Lương’ và ‘Sức Chung Tu Tri’ đã giảng giải rất là rõ.

---o0o---

Hỏi: Thưa, trợ niệm cho người lâm chung, nên niệm Phật hiệu 4 chữ hay 6 chữ?

Đáp: Khi trợ niệm, chỉ nên niệm bốn chữ **“A Di Đà Phật”**, do ít chữ dễ niệm thì người bệnh cũng dễ niệm theo hoặc nhiếp tâm lắng nghe, sẽ tốn ít tâm lực hơn. Sáu chữ là quá nhiều, bốn chữ thì tốt!

Trong ‘Trúc Song Tuy Bút’ của Đại sư Liên Trì có một đoạn kể rằng: Đại sư Liên Trì cả đời niệm Phật, và chỉ niệm bốn chữ **“A Di Đà Phật”**.

Có người thỉnh giáo hỏi Ngài nên niệm Phật như thế nào. Ngài dạy người ấy nên niệm sáu chữ.

- Người ấy lại hỏi: “Vậy Ngài niệm Phật như thế nào?”
- Ngài trả lời: “Chính ta chỉ niệm có bốn chữ A Di Đà Phật mà thôi!”
- Người ấy liền hỏi Ngài: “Tại sao Ngài niệm có bốn chữ, còn Ngài lại dạy người khác niệm sáu chữ?”
- Ngài trả lời: “Ta ngay đời này đã khẩn thiết quyết định cầu sanh Tịnh Độ, chẳng cần phải nói lời khách sáo, nên ta chỉ cần niệm bốn chữ mà thôi, không cần niệm thêm chữ ‘*Nam Mô*’. Còn người khác chưa chắc chân thật phát tâm cầu vãng sanh như ta nên phải thêm vào hai chữ ‘*Nam Mô*’ – để nhắc nhở họ nên niệm Phật bằng cái tâm cung kính, chân thành!”

Trên kinh điển Phật dạy chúng ta chuyên trì danh hiệu, danh hiệu đây chính là bốn chữ “A Di Đà Phật”, Nam Mô không phải là danh hiệu. Thế nhưng đại sư Liên Trì vẫn dạy chúng ta niệm sáu chữ là do nguyên nhân gì vậy? Vì tổ sư rất tường tận nhiều người niệm Phật chỉ có miệng mà không có tâm, chỉ là muốn kết chút thiện duyên với Phật A Di Đà. Cũng nên biết, việc này tổ Ấn Quang đã nói rất nhiều, rất tường tận, kể cả pháp thế gian hay xuất thế gian, thành tựu hay không chính là do ở hai chữ “Thành” và “Kính”. Thế nên Nam Mô chỉ là lời khách sáo không cần thiết, nếu bạn thành tâm cầu vãng sanh thì chẳng cần phải khách sáo, còn chỉ giả tạm thì khách sáo một chút cũng tốt, thêm cung kính một chút cũng tốt.

Bạn hiểu được lý này thì bạn mới biết rõ, khi trợ niệm lâm chung giúp người chỉ cần có bốn chữ, không được niệm sáu chữ. Vì đây là thời khắc rất quan trọng, bất cứ sự khách sáo nào cũng đều không cần thiết, chẳng cần bất cứ một sự khách sáo nào, ***chỉ một câu Phật hiệu từ đầu cho tới cuối, vừa tự lợi lợi tha.***

Hỏi: Bình thường niệm Phật chọn cách ngũ cung/5 câu đôi giọng mà lão Pháp Sư đã dạy, nhưng người lâm chung hơi thở bị yếu mà việc trợ niệm thì cần phải niệm liên tục, thì nên chọn cách này hay chọn cách có tiết tấu hơi chậm?

Đáp: Việc này tốt nhất là nên hỏi ý kiến của người lâm chung để biết ý thích thói quen của họ như thế nào. Nếu họ là người chấp nhất thì bạn nên tùy thuận theo họ, hoặc nếu như họ muốn dùng cách niệm Phật của riêng họ (do đã quen cách đó rồi) thì tốt hơn phải nên tùy thuận với họ.

Hỏi: Thưa, khi đi trợ niệm có người thích niệm thầm, nếu niệm thầm thì người lâm chung thật sự có được lợi ích hay không?

Đáp: Khi niệm thầm thì có Quỷ thần biết, khi niệm ra tiếng thì không những độ người mạng chung mà còn có thể độ những chúng sanh nào nghe được. Nghe được âm thanh niệm Phật thì ngay cả những loài bò, bay, máy, cựa .v.v... ở xung quanh cũng đều được lợi ích. Đây là chuyện tốt, cho nên niệm ra tiếng vẫn tốt hơn niệm thầm, cái lý chính là ở chỗ này!

Nhưng xã hội hiện nay dân số quá nhiều, trong thành phố nhà ở thường là nhà trọ, nếu chúng ta niệm lớn tiếng sẽ làm ồn hàng xóm. Ở các nước khác, họ không cho phép mình làm ồn hàng xóm, nếu làm ồn ào thì họ báo cảnh sát, cảnh sát sẽ đến nhắc nhở bạn..., việc này có thể làm ảnh hưởng tới chúng ta khi đang trợ niệm. Nên khi gặp hoàn cảnh này thì lúc trợ niệm chúng ta có thể niệm nhỏ tiếng lại một chút, luôn giữ lấy nguyên tắc là không được làm ồn nhà bên cạnh, luôn phải tùy hợp với hoàn cảnh trợ niệm lúc đó. Như khi chúng ta đi trợ niệm ở bệnh viện vậy, bạn phải giữ tiếng niệm Phật sao cho âm điệu thật thấp, đừng nên làm phiền những người ở giường/phòng bên cạnh.

Cho nên tùy theo hoàn cảnh nơi trợ niệm, chúng ta phải xem xét sao cho thích hợp, nhưng tóm lại nếu bạn niệm ra tiếng thì tốt nhất!

Hỏi: Thưa Hòa Thượng, có thể dùng cách đi nhiễu Phật để trợ niệm không?

Đáp: Có thể, cách này cũng rất tốt.

Hỏi: Thưa, trước khi họ lâm chung, có nên đọc chú Đại Bi hay kinh Địa Tạng không? Sau khi người bệnh mãn phần rồi thì phải trợ niệm như thế nào?

Đáp: Nếu như họ là người tu Tịnh Độ thì lúc này không nên tụng kinh gì cả, chỉ cần niệm “**A Di Đà Phật**”. Tóm lại khi người đang lâm bệnh, đặc biệt lúc bệnh đã nguy kịch thì không

được xen tạp bất cứ kinh chú nào; không cần kinh gì khác, ngay chú Vãng Sanh cũng không cần, chỉ một câu niệm Phật là rất thù thắng rồi.

Khi họ sắp lâm chung cũng chỉ cần một câu niệm Phật, người trợ niệm nếu chí thành chí kính niệm Phật và người bệnh thật sự nhiếp tâm niệm Phật muốn cầu sanh Tịnh Độ, thì nhất định cũng sẽ được vãng sanh, công đức này không thể đếm hết được.

Còn nếu như họ mãn phần rồi thì sao? Nếu như họ đã qua đời rồi thì chúng ta phải chiếu theo phương pháp trong ‘Sức Chung Tu Trì’ là niệm Phật cho họ tối thiểu từ 8 đến 12 tiếng đồng hồ – khi bà Hàn Quán Trưởng qua đời, chúng tôi đã niệm cho bà ấy 14 tiếng. Sau khi đã tiễn họ vãng sanh rồi, nếu có thời gian muốn tụng thêm kinh để hồi hướng cho họ cũng được. Còn trong lúc lâm chung, *thì ngoài câu niệm Phật nhất định không nên xen tạp thứ gì khác.*

Hỏi: Thưa, người sắp lâm chung, lúc niệm Phật có cần phải quán tưởng không?

Đáp: Không cần phải quán tưởng, quyết tâm chuyên niệm thì tự nhiên sẽ có cảm ứng. Tâm chân thành niệm A Di Đà Phật thì chủng tử A Di Đà Phật sẽ xuất hiện, chủng tử A Di Đà hiện ra tất sẽ có cảm ứng đạo giao – A Di Đà Phật sẽ phóng quang tiếp dẫn. Lúc bình thường không có quán tưởng, mà lúc này lại thêm vào quán tưởng – trái với cách huân tập lúc bình thường, sẽ không tốt! Nhất định phải nên làm giống những thói quen mà

thường ngày đã huân tập để tâm dễ an định, nhất là khi lâm chung nếu thêm những thứ này sẽ làm cho tâm càng thêm nhiễu loạn.

Hỏi: Thưa, giữa người đi trợ niệm và người được trợ niệm, cần phải có sự kết hợp và tiếp nhận của cả hai bên, thì việc trợ niệm mới được thành công phải không?

Đáp: Đúng vậy, người đi trợ niệm, tuy làm tăng thượng duyên cho người sắp mạng chung – *khẩn cầu Đức Phật A Di Đà lai nghinh đến rước họ về Cực lạc theo bổn nguyện của Ngài*, nhưng thành công hay không còn tùy thuộc vào nhân duyên và thành ý tiếp nhận của người bệnh như thế nào.

- Được thiện hữu khai thị trợ niệm, nghe xong tâm sanh hoan hỷ, tín thọ niệm Phật, nhất tâm phát nguyện cầu sanh Tây phương, thì họ sẽ được vãng sanh.
- Nếu như nghe thiện hữu khuyến dẫn lại cảm thấy phiền ghét, tâm chỉ mong cầu khỏi bệnh, không mảy may có ý nguyện vãng sanh, vẫn còn chấp đả việc thế gian như: tham tiếc của cải, quý tiếc thân này, lưu luyến tình thân... vậy là si mê rồi. Họ không hiểu rằng si mê là gốc rễ của mọi sự khổ đau, sẽ lôi họ muôn kiếp chìm trong luân hồi!

Nên thành công hay không nhất định phải có sự hợp tác và tiếp nhận của cả 2 bên: người đi trợ niệm hết lòng thành tâm thành ý, sâu sắc làm tròn việc của mình là thù thắng rồi; còn người bệnh cũng phải có tâm tín thọ tha thiết cầu Vãng Sanh, và thành tâm niệm Phật cầu A Di Đà Phật đến tiếp độ.

Hỏi: Thưa nếu lúc trợ niệm cho người sắp lâm chung hay lúc hỏa táng, nếu quán tưởng đến đức Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh và tưới hoa sen giúp họ, thì người mạng chung có được vãng sanh hay không? Hoặc khi trợ niệm và lúc hỏa táng, quán tưởng được rất rõ ràng nơi đến của người mạng chung, vậy những điều thấy của sự quán tưởng này có đáng tin cậy hay không?

Đáp: Điều này không chắc chắn lắm, vì cần phải kết hợp được cả hai yếu tố:

- Một, công phu tu tập của người quán tưởng phải có sức thiền định rất sâu hay đã chứng ngộ.
- Hai, người mạng chung có sức tu hành thuần thành kiên định.

Nếu cả hai yếu tố ấy đều tương ứng thì đó là thật, còn nếu như không tương ứng thì đó không phải là thật.

Ví như, có một người không tin vào Phật pháp cũng chưa hề biết niệm Phật, còn tình chấp tà tri tà kiến – người này có một người bạn tu hành rất tốt – vậy khi người kia sắp lâm chung, người bạn này bèn quán tưởng người bệnh ấy được ngồi trên hoa sen vãng sanh sang thế giới Cực Lạc ... có được hay không? Nếu như mà được vậy, thì chúng ta đây ai nấy cũng đều không cần phải niệm Phật, không cần phải tin Phật, đến lúc đó chư Phật Bồ Tát đại từ đại bi sẽ “quán tưởng” cho chúng ta được vãng sanh thành tựu hết đi!!! Việc này nói về lý thì đã

không sưng, vậy thì có thể nói rằng: việc quán tưởng đối với bản thân bạn có lợi ích vì nó có thể giúp cho bạn tăng trưởng thiện căn, nhưng đối với người mạng chung thì chắc chắn không có kết quả thật sự.

Còn nếu như người mạng chung thật sự có sức tu tập kiên thành thì họ niệm Phật vãng sanh rồi, nếu điều bạn quán tưởng (bạn nhìn thấy) khi đó không hẳn do bạn quán tưởng mà được, mà do bạn nhìn thấy được cảnh giới của họ, vì *khi tâm của bạn thanh tịnh thì bạn có thể nhìn thấy được những cảnh giới ấy!*

Hỏi: Trợ niệm cho người sắp lâm chung có cần phải tụng kinh Địa Tạng không?

Đáp: Không cần, bạn phải hiểu rằng trong khoảng sát na người sắp lâm chung, đó là thời khắc khẩn yếu nhất. *Sự trợ niệm vào thời điểm này có 2 tác dụng trọng yếu: một là giúp thân thức của họ giữ được chánh niệm, hai là khẩn cầu Đức Phật A Di Đà lai nghinh tiếp dẫn về Tây Phương Cực lạc!* Nên không cần tụng kinh gì cả, họ cũng không còn sức tu tập để nghe kinh đâu! Một câu niệm Phật (niệm Phật bằng 4 chữ “A Di Đà Phật”, không cần phải niệm ‘Nam Mô’), càng đơn giản vào lúc này thì sức thọ dụng càng lớn và thù thắng hơn.

Nếu bạn muốn tụng kinh Địa Tạng thì đợi sau khi họ mất rồi, trợ niệm vãng sanh xong, nghĩa là khi người đó tắt thở rồi và thân thức của họ đã rời khỏi xác. Còn trong khoảng thời gian họ lâm chung chỉ nên giữ một câu niệm Phật. Tốt nhất thì nên đợi bảy ngày sau, bạn hãy tụng kinh Địa Tạng, kinh A Di Đà

rồi hồi hướng cho họ. Nếu thực sự họ vãng sanh, bần tụng kinh Địa Tạng là để giúp tăng phước, làm tăng cao phẩm vị cho họ; còn nếu như họ chưa vãng sanh thì tụng kinh Địa Tạng có thể giúp họ tiêu trừ nghiệp chướng đau khổ.

Hỏi: Sau khi người bệnh tắt thở rồi, có nên tiến hành “Tam Thời Hệ Niệm” cho họ, hay niệm “A Di Đà Phật” thì thích hợp hơn?

Đáp: Người bệnh khi đã tắt thở rồi, niệm Phật là điều rất quan trọng – niệm Phật tốt hơn “Tam Thời Hệ Niệm” – lúc này chỉ tập trung nhắc nhở họ câu niệm Phật. Muốn thực hiện Phật sự “Tam Thời Hệ Niệm” thì nên làm sau ngày thứ 7 – từ thất đầu cho đến thất thứ ba – là tốt nhất. Còn trong bảy ngày đầu, tốt nhất là ngày nào cũng nên niệm Phật, ngay kinh A Di Đà cũng không cần tụng.

Hỏi: Có thể dùng pháp sự “Tam Thời Hệ Niệm” để trợ niệm không?

Đáp: “Tam Thời Hệ Niệm” là do quốc sư Trung Phong đề xướng, và trong cuốn Văn Sao của Đại sư Ân Quang có nói, đại khái khi có người hỏi Đại sư, “có thể dùng nó để trợ niệm hay không?” – *Tổ Ân Quang không tán thành, và tôi cũng giống như Tổ vậy* – Vì việc trợ niệm vào thời khắc người bệnh sắp lâm chung rất là quan trọng, ***chỉ cần một câu niệm Phật mà thôi!***

Đã nhiều năm qua để tiễn người vãng sanh chúng tôi đều dựa vào quyển Sứ Chung Tu Tri', tất cả đều y chiếu theo pháp này mà làm, chúng tôi đều dựa vào quyển sách này để tiễn biệt. Trong phần tiễn biệt ngay cả kinh cũng không tụng, cũng không cần khai thị, chỉ cần niệm một câu A Di Đà Phật từ đầu đến cuối mà thôi.

Riêng về Tam Thời Hệ Niệm, mấy năm gần đây chúng tôi đã đề xướng tổ chức và nhận được kết quả rất tốt. Nhưng khi nào mới cần thực hiện nó? – Phần nhiều nên mở khóa tu Phật thất, Phật thất là tự lợi, dùng công đức niệm Phật hồi hướng cho người mất, và ngay trong thời gian Phật thất thì chúng ta cũng không làm bất cứ Phật sự gì, việc có thể làm là ngày nào cũng niệm Phật, rồi hồi hướng cho họ. Sau khi viên mãn Phật thất mới làm Tam Thời Hệ Niệm để siêu độ (nếu như có bạn đồng tu hoặc người thân cần siêu độ, hãy viết bài vị cho họ và mang đến trong khi tu Phật thất), thì âm dương đều lưỡng lợi, hoàn toàn thích hợp với Tịnh Tông, vì trong đó có tụng kinh A Di Đà, có chú Vãng Sanh, có khai thị... đều rất tốt! Người tu Tịnh Độ, mỗi niệm cần phải tương ứng với bản tông của chúng ta, chúng tôi thấy có rất nhiều nghi thức siêu độ, nhưng thích hợp và tương ứng với Tịnh Độ là có nghi thức này. Hơn nữa nhiều năm trở lại đây, kết quả nhận được quả thật rất thiết thực, cho nên chúng ta đã chọn lấy nghi thức này, các vị phải hiểu.

Án Quang đại sư năm xưa còn sống, niệm Phật đường của chùa Linh Nham Sơn không có Phật sự. Phật tử yêu cầu siêu độ tổ tiên, người thân quyến thuộc thì đều để bài vị ở Niệm Phật đường, chùa không làm riêng lẻ cho bất cứ ai, nhưng lấy công

đức niệm Phật của đại chúng ở Niệm Phật đường rồi hồi hướng. Cách làm này rất đáng được học tập và đề xướng rộng rãi. Hiện tại rất nhiều nơi cũng áp dụng phương cách này.

Hơn nữa phải hiểu, “Tam Thời Hệ Niệm” thuộc quy cách của một pháp hội, chứ không phải là việc trợ niệm thông thường!

Hỏi: Có một vài huynh đệ đồng tu (ngay cả loài động vật) bị chết bất đắc kỳ tử, sau khi trợ niệm 10 giờ thân thể họ vẫn cứng, sau đó làm Tam Thời Hệ Niệm. Khi pháp hội Tam Thời Hệ Niệm kết thúc thì thấy toàn thân họ mềm mại, vậy kết quả này là nhờ ở sự trợ niệm cộng thêm hệ niệm, hay là sức của hệ niệm lớn hơn trợ niệm?

Đáp: Cả hai đều bằng nhau. Ví dụ như chúng ta ăn cơm, chén cơm đầu là “trợ niệm” ăn không no, tiếp theo ăn thêm chén thứ hai thì thấy no, chén thứ hai là “hệ niệm”. Vậy bạn thử nói công đức của hệ niệm lớn hơn hay công đức của trợ niệm lớn hơn? Tất cả các pháp đều không có thấp cao, cả hai đều bình đẳng, đối với vấn đề này chúng ta cũng không nên có ngờ vực nữa!

Hỏi: Trong sách ‘Làm Thế Nào Để Niệm Phật Vãng Sanh Bất Thoái Thành Phật’, có đề cập đến một Phật tử tu niệm Phật, khi bị bệnh [sắp lâm chung] lại rất ghét tiếng niệm Phật. Đoàn trợ niệm phải chuyển sang tụng kinh Địa Tạng và sám hối cho họ, sau đó người bệnh mới thích nghe lại tiếng niệm Phật.

Nếu gặp trường hợp giống như trên, thì chúng con có thể tụng Bát Nhã Tâm Kinh, kinh Phổ Môn... hay chỉ tụng kinh Địa Tạng thì mới có hiệu quả?

Đáp: Tuy là Đức Thế Tôn có dạy: “Pháp môn bình đẳng không có thấp cao,” nhưng căn tánh của chúng sanh thì không có giống nhau, vì từ vô thủy kiếp đến nay nghiệp chướng tập khí của mỗi người đều có sự khác biệt rất lớn. Vậy nếu gặp phải những trường hợp này, chúng ta cũng biết rất rõ đó là do nghiệp chướng hiện ra, thông thường chúng ta còn nói đó là “oán thân trái chủ” của họ đến gây chướng ngại, khiến cho họ khi nghe tiếng niệm Phật thì sanh tâm phiền ghét.

Thông thường việc giải oán kết bằng cách tụng kinh Địa tạng quả thực rất có hiệu quả. Vì sao vậy? Vì nó hợp cơ!

Kinh Phổ Môn cũng rất tốt, nhưng chúng ta phải biết sau khi Đức Thế Tôn nhập diệt – muốn cho Phật pháp trụ được ở thế gian này – Đức Thế Tôn quả thực đã ủy thác cho Ngài Địa Tạng Bồ Tát việc đại sự này. Hay nói một cách khác là *khi Đức Phật không còn ở thế gian này, thì Ngài Địa Tạng Bồ Tát sẽ thay mặt cho Đức Phật*; như vậy ta thấy thân phận của Ngài Địa Tạng không giống như các vị Bồ Tát khác!

Trong kinh Địa Tạng Bản Nguyên, ngay nơi phần tựa chúng ta đã thấy sự thù thắng trang nghiêm của kinh không thể nói hết được! Các vị thử nghĩ xem, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trọn đời thuyết pháp độ sanh, có pháp hội nào mà các thánh chúng đều toàn là chư Phật Như Lai hết cả không? Không có,

kể cả kinh Hoa Nghiêm cũng không có được sự thù thắng này! Riêng khi đức Thế Tôn thuyết kinh Địa Tạng thì mười phương chư Phật Như Lai đều đến dự làm thính chúng, nên bạn mới hiểu sự trang nghiêm này rất là hiếm có. Do đó công hiệu của kinh này đương nhiên cũng phải rất thù thắng!

Nên thông thường khi tụng kinh Địa Tạng thì hiệu quả đạt được thật khó mà nói hết, việc này rất là có lý! Còn nếu như tụng các kinh khác mà cũng có hiệu quả, do bởi người ấy có duyên với kinh đó.

Riêng kinh Phổ Môn, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát cũng có nhân duyên đặc biệt sâu dày đối với thế gian này của chúng ta, nên nếu không tụng kinh Địa Tạng mà tụng kinh Phổ Môn, thì tôi tin là sự công hiệu cũng sẽ như nhau.

Hỏi: Thưa nếu vì người bệnh mà giới thiệu họ tụng kinh Địa Tạng, nếu như bệnh lại nặng hơn thì có thể người nhà họ sẽ cho là Phật pháp không linh, như vậy có phải tạo nhân duyên cho họ phỉ báng Phật pháp không?

Đáp: Thật vậy, việc này chúng ta cũng phải nên biết, khi con người bị bệnh, việc tụng kinh Địa Tạng là giúp cho họ tiêu nghiệp chướng; nhưng khi tụng kinh Địa Tạng xong rồi, phải đem công đức này mà hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ thì mới đúng như pháp. Bạn có hiểu cái lý này không? Đây là thuộc “Ba Bậc Vãng Sanh”.

Trong kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ có nói đến việc này, trong phẩm Ba Bậc Vãng Sanh có bốn đoạn lớn: một nói về bậc Thượng phẩm vãng sanh, hai là bậc Trung phẩm vãng sanh, ba là bậc Hạ phẩm vãng sanh, và đoạn sau cùng chính là nói nếu có người đọc tụng tất cả các kinh điển Đại Thừa – bất luận là có tu Tịnh Độ hay không – khi sắp qua đời, đem công đức đọc tụng Đại Thừa, hướng về đức Vô Lượng Thọ, niệm đến mười niệm, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, nếu như tâm này là tâm chân thành khẩn thiết, tâm thanh tịnh, phát một niệm nhớ nghĩ đến đức Phật, thì tự có thể tương giao với Phật, Phật sẽ lai nghinh tiếp dẫn.

Cho nên pháp môn Tịnh Độ thật bất khả tư nghị, chỉ cần khi lâm chung họ khởi được niềm tin mãnh liệt cầu sanh Tịnh Độ thì sẽ được vãng sanh, còn không có lòng tin thì tất không thể có lợi lạc.

Hỏi: Chúng con phụ trách việc đưa tiễn vãng sanh, trợ niệm đã 3 năm, tất cả đều thực hiện theo nghi thức của Tổ. Nay có người lại đề nghị chỉ cần niệm một câu “A Di Đà Phật” khi đưa tiễn vãng sanh. Thông thường thì chúng con làm như sau: đầu tiên xướng bài Tán Liên Trì, tụng kinh A Di Đà, đến tụng Tâm kinh, chú Vãng sanh, kế là Kệ tán Phật và niệm Phật mỗi ngày; sau khi niệm Phật hơn 20 tiếng đồng hồ, sau đó mới hồi hướng Tam Bảo, xin hỏi làm như thế có được không?

Đáp: Làm như vậy e hơi nhiều đấy! Các vị Cổ đức xưa thường dạy chúng ta, “**tụng kinh không bằng tụng chú, tụng chú không bằng niệm Phật!**” – Nhất là trong tình trạng khẩn thiết

này thì chỉ cần nắm chặt lấy câu niệm Phật, tất cả những thứ khác đều không cần thiết.

Trong A Di Đà Kinh sớ sao, đại sư Ngẫu Ích khi khai thị đã trích dẫn lời đại sư Liên Trì như sau, “*Nhất cú Di Đà cai la bát giáo, viên nhiếp ngũ tông.*” Ngài phán định những pháp do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong bốn mươi chín năm thành Tạng, Thông, Biệt, Viên – bao gồm cả tám giáo hóa nghi và hóa pháp. Một câu “A Di Đà” bao trọn tám giáo, nhiếp trọn năm tông, tức có nghĩa một câu A Di Đà Phật bao gồm toàn bộ Phật pháp. Hay nói cách khác, một câu A Di Đà Phật thu nhiếp siêu việt hết thảy các pháp môn một cách viên mãn – pháp môn đại tổng trì của 12 bộ kinh – chẳng sót một pháp nào.

Phật dạy: “*Nếu ai chỉ niệm A Di Đà Phật thì gọi là vô thượng thâm diệu Thiên*”. Nên chuyên niệm một danh hiệu A Di Đà, tức niệm gồm thâu được tất cả công đức của mỗi mỗi pháp môn khác, do không ngoài một lý Nhất Tâm!

Hơn nữa niệm danh hiệu Phật là bao gồm ‘Thể, Tướng, Dụng’ của Tự Tánh, mà cũng bao gồm hết thảy mười phương ba đời chư Phật Như Lai, nên chẳng có gì thù thắng hay thiện lành hơn danh hiệu này.

Thầy của tôi, cư sĩ Lý Bình Nam vãng sanh, sau khi vãng sanh rồi, trong suốt 49 ngày cũng chỉ có một câu niệm “A Di Đà Phật”, niệm suốt 49 ngày không gián đoạn. Việc này ở Đài Loan rất là hiếm có, thật là vô tiền khoáng hậu, đến bây giờ vẫn chưa hề có ai được như vậy!

Ở thư viện Hoa Tạng Đài Bắc của chúng ta đây, bà Hàn Quán Trưởng vãng sanh cũng một câu niệm Phật suốt ngày đêm không gián đoạn, cũng niệm suốt 49 ngày; những việc được như vậy đều là nhân duyên hiếm có, có thể đưa ra để các vị suy nghĩ. Đừng nên làm chi cho phức tạp như vậy, trong suốt 49 ngày tốt nhất chỉ nên niệm câu “A Di Đà Phật”, công đức thật vô lượng vô biên.

Hỏi: Thưa, xin Hòa Thượng từ bi khai thị cho chúng con biết cách giúp hóa giải vấn đề giữa oán gia trái chủ và người lâm chung?

Đáp: Lúc họ sắp lâm chung, nghiệp chướng hiện tiền, là do oán gia trái chủ tìm đến đòi nợ bức ép đưa vào tam ác đạo, lúc đấy nhất định phải niệm Phật cầu siêu, hồi hướng cho họ, sám hối tội nghiệp của mình và khuyên họ niệm Phật. Vào lúc này những người thân cận nhất hoặc gia quyến cũng đến đòi nợ, phá hoại sự thanh tịnh niệm Phật của người lâm chung, vì vậy trước tiên phải hồi hướng cho họ, sám hối nghiệp chướng của chính mình, giúp cho con đường vãng sanh được thuận buồm xuôi gió. Nếu là người thân gia quyến đến báo ân thì tự nhiên sẽ giúp mình thành tựu.

Người lâm chung hãy phát lòng sám hối, vì sám hối là cam lồ, sám hối có thể rửa sạch ô uế quá khứ của tâm linh để trong quá trình đó sẽ đạt được tịnh hóa và tái sanh không ngừng nghỉ. Một người không sám hối, tánh linh sẽ không thể tiến triển và tiến hóa, vì không sám hối nên tánh linh tiếp tục bị ô nhiễm, trái tim tiếp tục vọng tưởng chấp trước. Không sám hối

thì không nhìn nhận và muốn tiêu trừ sai lầm quá khứ, tất vọng tưởng sai lầm mới lại sẽ tiếp tục tạo ra.

Cổ đức nói: “Tội từ tâm khởi dùng tâm sám, nếu tâm diệt thời tội cũng không. Tâm vọng tội diệt cả hai đều không, đó chính là chân thật sám hối”. Một người biết sám hối là người được phước, lại càng được cứu. Sám hối chính là ánh hào quang của tâm linh, là vốn liếng lương thực trên con đường vắng sanh Tây Phương.

Chúng ta đời đời kiếp kiếp học Phật tu hành không được thành tựu, không có biện pháp thoát khỏi luân hồi là vì có oan gia trái chủ đến gây phiền phức, làm ma chướng. Nên là người học Phật, đối với tất cả chúng sanh bất luận ***họ đến đòi nợ hoặc trả nợ đều khuyên họ niệm Phật***, như vậy mới có thể chuyển tất cả thiện ác, oán thành pháp duyên, nhân tình thế gian cũng có thể chuyển thành pháp quyền thuộc.

Không hóa giải thì thật phiền phức, đời đời kiếp kiếp oan gia đối đầu, không hề ngừng dứt, đôi bên đều thống khổ. Trong tâm thanh tịnh của chúng ta không nên có xung đột, nên chỉ cần xuất hiện xung đột nhỏ thì liền chướng ngại việc vắng sinh. Khi sắp vắng sinh, oan gia trái chủ tìm đến bên thân chúng ta để báo thù, không để chúng ta vắng sinh, đó cũng chính là ma chướng mà chúng ta thường nói đến. *Nên những công đức mà chúng ta làm được thì luôn nhớ hồi hướng cho oan gia trái chủ. Chắc chắn oan gia trái chủ sẽ tha thứ cho chúng ta.*

“Đồ tri hòa kỳ đại oán, nhi bất tỉnh kỳ đại oán chi sở do hưng,” ý của câu này thật sâu sắc vô cùng, cho thấy việc học Phật của chúng ta – nếu không thành tựu thì không thể giải quyết được vấn đề này của chính mình. Nên nếu chúng ta giải thoát được thì oán thân trái chủ tất cũng được ích lợi!

Hỏi: Thưa, nếu dùng máy nghe tụng kinh niệm Phật để trợ niệm, xin hỏi người sắp mạng chung có được lợi ích thọ dụng gì không?

Đáp: Việc này khó nói! – Tại sao? Vì máy thu âm chỉ có hình thức âm thanh chứ không có tinh thần! Cho nên tại sao nói, khi tụng Kinh cần phải chí thành thì mới có cảm ứng; bởi thực, vì do tâm chân thành mà tạo nên cảm ứng!

Phương pháp để máy niệm Phật chỉ có thể dùng khi thật bất đắc dĩ, chỉ nên dùng tạm thời khi không có cách giải quyết nào khác, vì việc sử dụng máy để trợ niệm cũng không đúng pháp. Nên bên cạnh việc dùng máy thì tốt nhất cũng nên có thêm vài người cùng trợ niệm, hoặc dùng máy để giúp chúng ta trợ niệm thêm thì được. Còn nếu như chỉ thuần túy dùng máy mà không có người niệm thì e rằng sẽ không có hiệu quả.

Hỏi: Có một vị cư sĩ sống độc cư, tu niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ. Ngay khi người đó sắp vãng sanh nếu dùng máy niệm Phật hoặc đĩa CD để trợ niệm, xin hỏi làm như vậy có thể giúp họ vãng sanh Tịnh Độ không?

Đáp: Có thể! Nếu như không mời được người đến trợ niệm thì dùng cách này cũng tốt, vì nhất thiết cần phải có tiếng niệm

Phật, niệm danh hiệu A Di Đà Phật ngày đêm không nên gián đoạn.

Khi con người sắp lâm chung, điều quan trọng nhất là phải có người ở bên cạnh để cảnh tỉnh họ, đừng cho gián đoạn tiếng niệm Phật, đừng để họ bị vọng tưởng, cho nên nếu có bạn đạo đến giúp trợ niệm thì rất tốt. Phải bắt đặc dĩ lắm mới phải dùng máy niệm Phật để trợ niệm (thật ra đôi khi máy niệm Phật thật còn bền bỉ hơn cả con người nữa, vì con người còn mỏi mệt, còn có tà niệm!)

Hỏi: Thưa, nếu người bệnh bình nhật thường nhất tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nhưng khi lâm chung lại rơi vào tình trạng bệnh nặng hôn mê bất tỉnh, vậy phải giải quyết như thế nào để giúp cho người bệnh vãng sanh?

Đáp: Nếu họ ở bệnh viện, tốt nhất là dùng thêm máy niệm Phật, để cho họ nghe tiếng niệm Phật bằng cái tai nghe, vừa không quấy rầy người khác mà họ có thể nghe được tiếng niệm Phật liên tục. Còn người nhà ngồi bên cạnh, nhỏ tiếng niệm Phật theo để trợ giúp họ, tiếng trợ niệm phải giống với âm điệu của máy niệm Phật, được như vậy thì họ mới có thọ dụng.

Hỏi: Chồng của con bị bại liệt suốt 19 năm, đã 2 lần được đưa vào bệnh viện cấp cứu. Trong lúc hôn mê đã thấy cảnh địa ngục, sau khi tỉnh dậy nói: “Tôi phải sanh về thế giới Cực Lạc chứ không muốn xuống địa ngục!” Nhưng do sức khỏe yếu kém nên niệm Phật hay bị thoái chuyển. Xin lão Hòa Thượng khai thị giúp cho!

Đáp: Ông ấy đã nhìn thấy cảnh địa ngục nên muốn nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, bạn nên giúp ông ấy niệm Phật. Nếu sức khỏe ông yếu kém không thể niệm Phật được cũng không sao, miễn nghe được tiếng niệm Phật là được rồi. Hiện tại máy niệm Phật cũng là một công cụ trợ niệm rất tốt. Nếu bạn sợ quấy rầy người khác thì có thể dùng loại tai nghe để cho họ nghe. Nếu họ dễ bị hôn trầm (ngủ gật) thì bạn hãy mở lớn tiếng hơn một chút, như vậy sẽ hết hôn trầm. Nếu niệm được thì họ niệm theo máy niệm Phật, còn không niệm được thì thôi, miễn đừng để tiếng niệm Phật bị gián đoạn, được vậy thì họ mới có cơ hội Vãng Sanh.

Nếu có lòng tin mãnh liệt không hoài nghi, không xen tạp, không khởi vọng tưởng, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm thì hiệu quả cũng như nhau.

Hỏi: Thưa, con sống ở rất xa nơi người bạn vừa mất, xin hỏi nếu con ở nhà niệm Phật rồi hồi hướng cho người bạn thì có hiệu quả không?

Đáp: Qua thực nghiệm sự kết tinh thủy của tiến sĩ Giang Bồn Thăng đã chứng minh được, không chỉ có nước mới có tính nghe, tính thấy; mà tất cả vật chất như: thực vật, khoáng vật, sơn hà đại địa cũng đều như thế!

Trong kinh Phật nói vật chất có “Pháp Tánh”, chúng có thể thấy-nghe-hay-biết. Nên việc bạn muốn trợ niệm cho người bạn ở cách xa, chúng ta vẫn làm được.

Khi tâm chúng ta vừa khởi lên một niệm Phật hiệu, đây là làn sóng của tâm, mà làn sóng của tâm thì có vận tốc nhanh nhất so với tất cả mọi vật khác. Tâm vừa mới khởi lên một niệm thì làn sóng này tức khắc truyền tỏa khắp hư không pháp giới, còn nhanh hơn cả vận tốc ánh sáng. [Vận tốc ánh sáng là 300.000 km trong một giây đồng hồ. Ánh sáng từ trái đất đi đến mặt trời phải mất hơn 8 phút, với khoảng cách này như vậy cũng không xa lắm]. Chư Phật dạy rằng khi chúng ta vừa khởi tâm niệm A Di Đà Phật, thì đức Phật A Di Đà ở Tây phương Cực Lạc thế giới liền nhận được làn sóng này lập tức, chúng ta có thể ‘liên lạc và nói chuyện’ với đức Phật nhanh như vậy đó!

Nên ở ngay tại nhà mình, nếu ngày nào bạn cũng chân thành cung kính niệm Phật rồi hồi hướng cho họ, ***lập tức họ liền nhận được làn sóng này***. Tại sao? Vì sức niệm Phật siêu vượt cả không gian và thời gian, có xa hơn nữa cũng có thể đạt tới được, mới biết công đức niệm Phật – lợi ích ấy chẳng thể nghĩ bàn!

Phật nói trong kinh rất rõ ràng, thời gian và không gian là ‘bất tương ưng hành pháp’. Trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật cũng có dạy rõ: “Tất cả Pháp đều do tâm tưởng sanh,” tâm tưởng thì không có thời gian và không gian, nên không bị hạn chế bởi không gian và thời gian. Không có không gian tức là không có xa - gần, không có thời gian tức chẳng có trước - sau; nên chúng ta tụng kinh niệm Phật tại đây, rồi hồi hướng cho họ, tức khắc sẽ đạt được.

Sau khi người bệnh mãn phần rồi, kết cuộc là họ sẽ đi vào con đường nào, chúng ta không thể biết được! Nhưng nếu chúng ta thường nhớ nghĩ đến họ, thường tụng kinh niệm Phật mà hồi hướng cho họ, như vậy đối với họ có được lợi ích gì không? – Nhất định là vẫn có lợi ích, lợi ích nhiều lắm đấy!

Chúng ta phải hiểu sâu cái ý này, phải thật sự hiển bày làm điều này và biết chắc đó không phải là điều mê tín.

Hỏi: Đệ tử trợ niệm cho một người vừa mới mạng chung. Một bạn đạo khi đó khai thị cho họ, xin hồn người mạng chung hãy thoát ra giữa chân mày; đồng thời lại mời một người nam dùng tay vuốt từ dưới bàn chân của người mạng chung lên mặt, xin hỏi làm như vậy có đúng pháp không?

Đáp: Những cách làm này có thể là những phong tục tập quán không đồng của các nhóm người dân tộc, chứ trong Phật pháp không hề có cách trợ niệm như vậy!

Trong Phật pháp khi tiễn người lâm chung, theo pháp trợ niệm mà các vị Tổ sư thời cận đại đề xướng đều dựa vào quyển ‘Sức Chung Tân Lương’ mà làm chuẩn tắc. Quyển sách này, thời cận đại cũng được đại sư Ấn Quang – vị Tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông – đề xướng. Mấy năm gần đây, chúng tôi khi tiễn người vãng sanh cũng vẫn đều y chiếu theo quyển sách này.

Hỏi: Thưa, đệ tử thường ngày y theo lời dạy của pháp sư tu học, nhưng khi trợ niệm cho người lâm chung, có thể tham chiếu theo cách “Siêu độ thân Trung âm” của Mật tông không?

Đáp: Nếu có người hướng dẫn thì được, còn như không có người hướng dẫn thì không nên áp dụng. Y cứ theo sự hướng dẫn của các chư Tổ sư Tịnh Độ tông vẫn rất có hiệu quả, đồng thời cho thấy tinh thần trong sự tu học Phật pháp là “*Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu.*” Đi sâu vào một môn, huân tu suốt thời gian dài. Nếu chúng ta xen tạp những thứ thuộc tông phái khác vào để siêng tu, đó gọi là loạn tấn, tạp tấn, chứ chẳng phải là tinh tấn. Đại pháp xuất thế gian, thường gọi là thiện căn của Bồ Tát – gồm chỉ một điều là “tinh tấn” – ***nghĩa là không xen tạp, không có nghi ngờ!***

Hỏi: Thưa lão Hòa thượng, làm thế nào để trợ niệm và khai thị cho loài động vật?

Đáp: Chúng ta khi đã thật sự thông đạt Phật pháp rồi, vậy phải luôn thường ghi nhớ rằng: “nếu gặp những loài động vật, nên niệm Phật hồi hướng và chú nguyện cho chúng, bình thường nhất là nên niệm A Di Đà Phật rồi hồi hướng cho chúng!” Nếu như biết niệm tam quy y thì càng tốt, cách niệm tam quy y cho chúng không có giống như cách niệm quy y của chúng ta, bạn đọc 3 câu này:

Quy y Phật, không đọa địa ngục
Quy y Pháp, không đọa ngạ quỷ
Quy y tăng, không đọa bàng sanh

... bàng sanh đây là súc sanh. Chúng ta niệm “tam quy y” nghĩa là giúp cho các chúng sanh không bị đọa vào 3 đường ác, nên

khi bạn gặp các loài động vật phải nên niệm Phật hồi hướng cho chúng, và nhớ niệm tam quy y cho chúng.

Hỏi: Khi trợ niệm mình dùng cách hồi hướng chung hay chỉ hồi hướng riêng cho người đã mất?

Đáp: Khi trợ niệm vãng sanh nhất thiết phải dùng nghi thức dành riêng cho người mạng chung, không nên hồi hướng chung, hồi hướng chung chỉ dùng cho pháp hội.

— () —

CHƯƠNG 5

CÁCH TỔ CHỨC & TINH THẦN CỦA NGƯỜI ĐI TRỢ NIỆM

---oOo---

Hỏi: Thưa, có phải số người trợ niệm càng nhiều thì càng tốt không?

Đáp: Nếu người trợ niệm dùng tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi... niệm danh hiệu Phật thì số người trợ niệm càng nhiều tất nhiên càng tốt. Sự thù thắng của từ trường này sẽ khiến cho các loài Quỷ thần trong đường ác không dám đến gần. Nếu người trợ niệm ít lại thêm trợ niệm không có thành ý, thì Quỷ thần trong đường ác thường tìm kẽ hở, thừa vào chỗ yếu mà quấy phá.

Nhân đây chúng ta cũng cần chú ý điểm này, nếu có người hỏi bạn: “ngộ nhỡ không tìm được người trợ niệm, chúng tôi có thể dùng máy trợ niệm được không?” – Bạn nên trả lời: “dùng máy trợ niệm chỉ là bất đắc dĩ, tốt hơn là không có mà thôi, tốt nhất vẫn cần phải có người đến trợ niệm!”

Hỏi: Thưa, thỉnh người trợ niệm càng đông càng tốt hay là cầu sự thanh tịnh, tức chỉ nên thông báo cho một vài người quen biết đến trợ niệm là được rồi?

Đáp: Niệm Phật để trợ niệm vãng sanh không cần quá đông người, nếu như có quá đông người thì phải phân ban. Khi người bệnh sắp lâm chung, trước tiên tốt nhất nên có 4 người (trong Phật Pháp 4 người là một chúng, tức một đoàn thể), không nên quá nhiều, nhiều người quá thiếu sự thanh tịnh thì từ trường cũng sẽ không tốt, bạn phải hiểu điều này. Nếu như người ấy thật sự có phước báu vì có nhiều người muốn đến trợ niệm, thì họ có thể đến Niệm Phật đường niệm Phật rồi hồi hướng cho họ (không nên niệm tại phòng vãng sanh của họ) như thế cũng tốt!

Trước kia khi tôi còn ở Đài Trung, lúc thầy Lý vãng sanh, bên cạnh chỉ có mấy người học trò, là mấy người học trò thường chăm sóc thầy, mà ở Niệm Phật đường thì có đến 600 người, niệm suốt 49 ngày đêm không gián đoạn, lúc đó tôi thấy vậy rất là hoan hỷ, lúc ấy là ở Đài Loan. Đây là một trường hợp vô tiền khoáng hậu, thật sự là có phước báu! 600 người niệm Phật suốt 49 ngày đêm không gián đoạn có thể chịu được không? Không phải vậy, người này niệm mệt rồi thì đi ra thay cho người khác vào niệm, học trò của Thầy quá nhiều – đến

mấy mươi ngàn người – mà niệm Phật đường thì chỉ có 600 chỗ ngồi, vì vậy rất nhiều người phải đứng ở bên ngoài, nhìn thấy có người đi ra thì người khác liền vào thay. Đây là kết quả mà suốt 38 năm thầy đã dạy với đại chúng, sự thù thắng này không có gì sánh bằng!

Hỏi: Thưa, nếu họ quan niệm rằng, khi lâm chung không mong được người khác trợ niệm vì không muốn nhiều người ra vào thăm hỏi, và không thích sau khi mất bị người khác xúc chạm thăm dò hơi nóng để thử xem đi về đâu, cho nên chỉ muốn thanh tịnh vãng sanh tại nhà, họ suy nghĩ như vậy có đúng không?

Đáp: Nếu bạn niệm Phật thật sự tinh tấn, có tinh thần tự lực lập chí Vãng Sanh vững vàng... thì suy nghĩ như vậy là chính xác; còn như ý chí mong manh nghi hoặc, tu hành thiếu vững chắc, thì suy nghĩ đó không có chín chắn.

Nếu không thể chuẩn bị trước cho những chướng ngại, vẫn còn những sự lo lắng thì nên mời khoảng 2, 3 người cũng được, không nên mời đến đầy nhà vậy là quá nhiều, chỉ cần 2, 3 người luân phiên nhau niệm Phật và duy trì suốt 24 giờ một ngày. Bạn cần có người giúp đỡ cảnh tỉnh bạn, trợ niệm cho bạn không bị gián đoạn khi lâm chung, làm như vậy là lý tưởng nhất.

CHƯƠNG 6

CÁCH THỨC TRỢ NIỆM

---oOo---

Hỏi: Thưa, khi trợ niệm cho người lâm chung có cần phải gõ mõ không?

Đáp: Chỉ nên đánh khánh chứ không nên gõ mõ, vì tiếng dẫn khánh nhẹ trong khiến người nghe tâm dễ thanh tịnh. Tiếng mõ thường trầm đục không thích hợp cho lúc trợ niệm người lâm chung.

Cứ 4 người thành một nhóm, ngồi quanh cách xa giường của người bệnh một chút, niệm sao cho họ nghe rõ tiếng niệm danh hiệu Phật. Nếu tinh thần của họ còn minh mẫn thì họ cùng niệm theo, còn như tinh thần không khỏe thì họ nghe theo, và suốt 24 giờ không nên gián đoạn tiếng Phật hiệu.

Hỏi: Thưa, khi trợ niệm cho người sắp lâm chung có nhất định phải treo hình/tượng Phật, thắp hương, cúng nước không?

Đáp: Có được những điều này thì rất tốt, tốt nhất là khi họ sắp lâm chung nên giúp cho họ nghe được tiếng niệm Phật, nhìn thấy hình/tượng Phật để tâm họ duyên theo cảnh Phật, đây là cách trợ giúp hữu hiệu đối với người sắp lâm chung.

Hỏi: Khi đi trợ niệm phải treo hình Phật như thế nào?

Đáp: Khi người đang bị bệnh nặng, hình/tượng Phật phải được treo/đặt phía dưới chân (giường) của họ. Họ nằm trên giường, vừa mở mắt ra thì sẽ thấy hình/tượng Phật ngay chứ không phải treo hay đặt hình/tượng Phật ở trên đầu giường của họ. Treo hay đặt trên đầu giường thì khi mở mắt họ sẽ không nhìn thấy, bạn phải hiểu điều này. Nếu treo hay đặt được hình/tượng Phật cả 3 phía thì quá tốt, để họ nằm ở tư thế nào cũng đều có thể nhìn thấy hình/tượng Phật.

Thêm nghe được tiếng niệm Phật bên tai, để dẫn dắt thần thức người bệnh nghe danh hiệu Phật, sanh lòng hoan hỷ, trong tâm duyên theo tiếng niệm Phật, tâm cảnh người bệnh sẽ khai sáng, có cảm giác an toàn, một lòng cầu sanh nước Phật, quyết định được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

Hỏi: Thừa, khi trợ niệm cho người lâm chung, có cần phải đắp tẩm vải vãng sanh hay dùng mền Quang Minh không?

Đáp: Đắp tẩm Vãng Sanh hay dùng mền Quang Minh đều không phải là việc quan trọng. Điều quan trọng thực sự đó là sức công phu tu trì của chính mình, tuyệt đối không phải do nhờ đắp tẩm vải Vãng Sanh hay mền Quang Minh mà được vãng sanh, hay nếu không đắp thì không được vãng sanh.

Nếu đắp nó mà được Vãng Sanh thì chúng ta cần gì phải tu hành, cứ làm ra nhiều tẩm vải Vãng Sanh là được, thì mỗi người chúng ta đều được vãng sanh cả rồi! Cho nên tẩm Vãng Sanh hay mền Quang Minh chỉ là thứ trang sức chứ không phải là thứ quan trọng. *Điều tối quan trọng đó là phải chuyên cần tu học như lý, như pháp.*

Lý luận và phương pháp niệm Phật vãng sanh đều nằm hết thảy ở trong kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, cho nên các vị phải nên đọc tụng kinh này cho kỹ lưỡng thì các vị sẽ hiểu đầy đủ thôi.

Hỏi: Thưa, khi trợ niệm cho người lâm chung, có người thỉnh một vị đại đức Mật Tông đến trước người đó rải cát Kim Cang, đệ tử đành phải rời khỏi nơi đó. Xin hỏi làm như vậy có đúng pháp không? Cát Kim Cang có thực sự siêu độ người mạng chung thoát khỏi 6 đường không?

Đáp: Cát Kim Cang giống như là nước Đại Bi, nếu vị Đại đức này là người tu hành có đạo hạnh, tu hành chân chánh, thì sự gia trì của họ mới có hữu dụng; còn nếu như người ấy không có định lực tu tập sâu, công phu vững chãi thì hiệu quả sẽ không lớn. Giống như người chỉ có ‘miệng niệm mà vô tâm’ thì không có chút tác dụng nào!

Nếu không thể nương nhờ vào người khác được thì phải nên nương nơi chính bản thân mình, không nên giao phó hết vào sự trợ sức bên ngoài, vì việc nương cậy vào trợ sức bên ngoài (nhiều phần) có thể không được toại ý. Tốt nhất là nên tự quyết tâm tu tập, bản thân nên có tín tâm kiên cố niệm Phật, lập công khóa tu hành cẩn thận bằng chính sức của mình.

Giống như trường hợp một người ở Sơn Đông, bị bệnh ung thư rất trầm trọng, nhờ ông có tín tâm vững chắc mà chứng bệnh ung thư đã tiêu mất, việc này thực ra không phải dễ! Hiện nay ông còn lưu lại 2 tấm hình để làm kỷ niệm và thường đem

ra cho mọi người xem (một tấm chụp ở bệnh viện là tấm mà ông ta dùng ý chí để tự điều trị, tấm thứ 2 thì căn bệnh biến mất). Cho nên hãy tin vào chính bản thân mình, tin vào người khác là sai rồi. Nếu ông ấy tin vào tài mỗ của bác sĩ thì không thể bảo đảm tính mạng của mình, ông ấy tự dùng ý niệm của mình để chuyển đổi số mạng. Chúng ta có thể dùng pháp sám hối, ***phát nguyện sám hối thì có thể chuyển đổi tất cả!***

Hỏi: Xin hỏi, con có thể đốt tấm vãng sanh được không?

Đáp: Về việc này tôi không biết rõ, xin quý vị đi hỏi người làm ra tấm Vãng Sanh đó, coi chất liệu ấy có thể thiêu đốt được hay không?

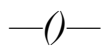
Trong kinh Kim Cang nói rất diệu: “Phàm những gì có hình tướng, thấy đều là giả dối hư huyền,” nên bạn có đốt nó hay không đốt nó cũng thế thôi!

Hỏi: Người đã tắt thở rồi nhưng chưa khâm liệm, xin hỏi có cần đốt đèn dưới chân không?

Đáp: Việc đốt đèn dưới chân chỉ là tập tục, một tập tục của người đời.

Nếu như tiến hành nghi lễ theo pháp Phật thì không cần những thứ này. Y chiếu theo pháp Phật làm thì tốt, còn nếu như không thể hành tang theo pháp Phật giáo thì bất đắc dĩ cũng phải dùng nghi lễ theo pháp thế gian. Vì sao? Vì trong nhiều gia đình, nhiều anh chị em chưa chắc ai nấy cũng đều học Phật cả, nếu bạn khư khư làm theo pháp Phật giáo mà họ không đồng ý

cũng không được – “gia hòa vạn sự hưng” – tất cả mọi sự đều phải tùy duyên.



CHƯƠNG 7

SỰ KHẨN YẾU & CÁCH KHAI THỊ CHO NGƯỜI LÂM CHUNG

---oOo---

Hỏi: Thưa, chúng con phải khai thị như thế nào cho những người bệnh sắp lâm chung khi trợ niệm?

Đáp: Nếu người bệnh quá nặng khó lành, thuốc thang vô hiệu, nhưng thần thức còn tỉnh táo, thì thân quyến nên thỉnh bậc tri thức đến thuyết pháp khai ngộ cho họ. Thiện tri thức nên đến trước người bệnh mà khai thị rằng: “*Cuộc đời vốn là khổ, không, vô thường, vô ngã, chỉ có Thế giới Tây Phương Cực Lạc là thật sự trang nghiêm thanh tịnh. Con người ở nơi đây dẫu giàu sang hay phú quý, chỉ trong chớp mắt rồi sẽ thành không. Ở nơi Tây Phương Tịnh Độ thì vĩnh viễn thoát ly nỗi thống khổ luân hồi, mãi mãi thọ hưởng sự an vui thắng diệu. Nên nay thân quyến sẽ vì (ông, bà) mà đối trước Tam Bảo lễ Phật sám hối, tụng kinh niệm Phật, bố thí, phóng sanh ngõ hầu giúp tăng trưởng phước đức cho (ông, bà)...*” Nếu không có bậc tri thức thì nên mời các vị đồng tu Tịnh Độ hiểu biết, đến an ủi khai thị cho họ.

Chuẩn bị cho người sắp lâm chung

- Trước hết chúng ta phải tuyệt đối tôn trọng người vãng sanh, nên hỏi những người thân trong gia đình về những suy nghĩ, những thói quen, những hoài bão ... trong đời sống thường ngày của người bệnh. Phòng khi gặp trường hợp khó độ, thì phải thật sự dùng đến phương tiện thiện xảo, chân trí tuệ – là dựa theo những sở thích mong muốn của người vãng sanh mà uyển chuyển nhạy bén, khai thị thích ứng trước những trở trở bất thường của họ.
- Không nên tự làm theo ý kiến riêng của mình, để tránh những việc gây hiểu lầm làm thân quyến của họ nghĩ là chúng ta không tôn trọng người lâm chung, đây là làm ơn mà mắc oán. Thật thì cũng không phải dễ dàng gì khi phải đối phó với những tình huống như bản thân người bệnh không tin Phật, trong gia đình có người tin cũng có người không tin Phật, hoặc cả nhà đều không tin Phật.
- Tốt nhất là khi đến trợ niệm, ban trợ niệm nên chuẩn bị thiết bày khung cảnh để trợ niệm, kể là khuyên nhắc thân quyến trong gia đình cùng sám hối nghiệp chướng cho người bệnh, ngăn chặn những điều cấm kỵ .v.v... bạn phải thật khéo léo uyển chuyển, chỉ nói những lời thật cần thiết mà vẫn thật đúng pháp, để mọi người đều tôn kính.
- Lời khai thị phải đơn giản rõ ràng, ngôn ngữ càng ngắn càng tốt, không được giảng bất cứ lý luận gì, lúc này nói lý luận

thì không kịp đâu. Nên tùy theo sở thích của họ mà khai thị cho nhạy bén, từ bi hướng dẫn rõ ràng cho bệnh nhân như, “*Bạn ơi, sống chết là chuyện thường, đã đến lúc bạn phải xả bỏ báo thân rồi. Đừng tham chấp vào cái thân đau yếu này nữa mà bị vướng vào khổ nạn! Hãy mau nhiếp tâm niệm A Di Đà Phật cầu Phật tiếp độ về Tây Phương Cực Lạc.* Những gì mà bạn mong cầu, khi đã gặp Đức A Di Đà Phật rồi, Đức Phật sẽ giúp bạn được toại nguyện...,” nếu như họ là người không biết Phật Pháp mà bạn nói “gia tri” thì họ sẽ không hiểu, đừng nên có sự giải thích vào lúc này, cứ nói là “*Phật sẽ giúp bạn*”, hoặc “*nếu bạn có lòng thành cầu xin thì sẽ có ứng nghiệm,*” những lời này họ nghe hiểu được, họ sẽ vui mừng. Hoặc an ủi họ, “*ở thế giới Cực Lạc đời đời kiếp kiếp bạn sẽ gặp được những người tốt, sẽ gặp lại thân bằng quyến thuộc*”, “*Đức Phật sẽ giúp bạn...*” phải từ bi dẫn dắt họ bằng những lời này.

Nếu họ là người tu Tịnh độ và thân quyến cũng hiểu và tin sâu Phật pháp thì dễ làm rồi, cứ y theo sách ‘Sức Chung Tu Tri’ cùng phối hợp mà làm.

Khó nhất là cả gia đình đều không hiểu và không tin Phật pháp, rất khó khăn đề thuyết phục họ hợp tác với bạn, lúc này bạn phải tự thể hiện trí tuệ thật sự của bạn, thể hiện phương tiện thiện xảo của bạn mà giúp họ.

Hỏi: Thưa, khi người sắp lâm chung thì chúng ta sẽ khai thị vào lúc nào, và khai thị như thế nào cho đúng pháp?

Đáp: Người lúc sắp lâm chung, tất cả nghiệp thiện ác mà họ đã tạo trong đời, lúc này đều hiện ra cả. Cho nên chúng ta thấy có

hiều người bệnh, trạng thái khi sắp lâm chung (hoặc trước khi lâm chung bốn hay năm ngày, hoặc một tuần), họ thường có biểu hiện là nhìn thấy những người thân quyến thuộc đến đứng ở ngoài cửa chờ họ – những người mà họ thấy này đều là những người thân quyến thuộc đã qua đời rồi.

Trong kinh Địa Tạng nói rất rõ ràng: “**Đó là âm cảnh hiện ra,**” cảnh giới này rất xấu!

Những người họ thấy đó, có phải thật là người thân quyến thuộc của người bệnh không? – Không phải, đó chỉ là oán thân trái chủ của họ hóa hiện thành người thân quyến thuộc đến để dụ dỗ họ, dẫn dắt họ đi, sau khi dắt đi rồi thì họ sẽ báo thù. ***Nếu người bệnh chuyển ý niệm Phật, thì cảnh giới đó sẽ tự biến mất.***

Nên người trợ niệm, trong giai đoạn người bệnh sắp lâm chung (họ hắt hơi ra) thì cần nhắc nhở người bệnh rằng, “giờ xả bỏ báo thân đã sắp đến rồi, hãy buông xả tất cả. Đừng để ý đến bất cứ cảnh giới nào khác đang hiện ra, bất kể là ai, dù là Phật, Bồ-tát, hay cha mẹ, .v.v..., cứ nhiếp tâm mà niệm A Di Đà Phật, chỉ một lòng đi theo A Di Đà Phật mà Vãng Sanh, không theo bất cứ một ai khác”.

Thời khắc này bạn không được tụng kinh vì lời kinh quá dài, bạn càng tụng thì đầu óc họ càng rối loạn, khi họ sắp lâm chung chỉ khai thị mấy câu như, “*nếu thấy Phật A Di Đà đến thì đi theo Ngài, nếu không phải Phật A Di Đà thì cho dù chư Phật, Bồ Tát nào đến cũng đừng để ý đến!*”

Vì thể thiện tri thức ở bên cạnh, luôn nhắc nhở họ để đánh tan mọi vọng niệm, phá tan lời dụ dỗ của oán thân trái chủ, ngày đêm dùng cho gián đoạn tiếng niệm Phật; lúc nào cũng phải cảnh tỉnh họ giữ gìn chánh niệm, cùng niệm Phật theo mọi người. Khi cơ thể họ suy yếu, nếu không thể niệm thì họ vẫn có thể nghe được, hoặc thấy môi họ còn mấp máy thì phải khai thị những câu này, rất quan trọng vì giúp họ giữ được chánh niệm, phải cốt sao giúp cho họ thành tựu vãng sanh.

Chánh niệm là gì? Là nhất tâm niệm Phật A Di Đà. Đừng để cảnh giới cõi âm hiện ra làm rối loạn họ, công đức bạn sẽ vô lượng. Bà Hàn Quán Trưởng vãng sanh thấy rất ít cảnh giới này, nhưng vẫn gặp hai lần, *đây là số lần ít nhất mà tôi từng chứng kiến khi trợ niệm*. Bà ấy chỉ gặp có hai lần, hễ Bà vừa nói là tôi lập tức đánh tan ngay, “đừng đề ý đến chúng,” bà ấy nói, “dạ!” và niệm Phật theo chúng tôi. Bạn chỉ khai thị: “*dù họ là người thiện hay người ác, là oan gia hay thân thuộc tất cả đều mặc kệ, đừng đề ý đến chúng...*,” nếu họ không có nhắc tới những cảnh giới này, thì cứ một câu niệm Phật mà niệm cho xuyên suốt, không cần phải khai thị gì thêm nữa.

Khai thị cho người đã tắt hơi cho đến khi truy tiến:

Hỏi: Thưa, khai thị cho người vừa mới tắt hơi, có cần cách một thời gian lại khai thị cho họ không, và họ có được lợi ích gì không?

Đáp: Việc khai thị lúc này không còn cần thiết, người vừa mất (nghĩa là bác sĩ xác định họ đã tắt thở) tốt nhất là sau 12 đến 14 tiếng đồng hồ, trong khoảng thời gian này chỉ có trợ niệm giúp họ bằng một câu niệm Phật.

Trước khi họ tắt thở (lúc còn bệnh nặng) cũng không nên khai thị cũng đừng giảng kinh, cũng đừng xưng niệm những thứ này làm gì, đó đều chỉ là quấy rầy họ, lúc này đây chỉ cần niệm **A Di Đà Phật**. Nếu khai thị thì chỉ đơn giản khuyên họ “*cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ*,” đây là điều thọ dụng nhất! **Không để cho họ có sự suy nghĩ gì khác, để họ mất chánh niệm là sai!** Nếu như trong lúc đó, họ nhìn thấy người thân nào đó – đã qua đời – xuất hiện, khi họ có hiện tượng này thì hãy nhắc nhở họ, “*đừng đi theo mấy người này dù họ là cha mẹ, anh em, ... hãy chờ khi đức Phật A Di Đà đến hãy đi theo!*” hoặc “*thấy Phật A Di Đà rồi hãy đi theo Ngài, còn bất kỳ người nào đến, cho dù là chư Phật Bồ Tát cũng mặc kệ*,” những điều này rất quan trọng. Đừng nên nói thêm điều gì khác nữa!

Một câu A Di Đà Phật niệm cho xuyên suốt thì đối với họ rất có thọ dụng! Điều này trong ‘Sức Chung Tu Tri’ và ‘Sức Chung Tân Lương’ có nói rất rõ, bạn nên xem nhiều lần cho biết. Nhất là khi muốn phát tâm trợ niệm giúp cho người khác được Vãng Sanh, thì chính chúng ta cần phải tìm hiểu cho thấu đáo phương pháp trợ niệm. Lý luận, phương thức, hay cách khai thị trợ niệm phải nên tường tận, vì nếu chính bạn không hiểu gì về trợ niệm, thì chẳng những đã không làm gì lợi ích cho họ mà đôi khi còn bị phản tác dụng nữa.

Hỏi: Thưa, có người cho rằng khi người bệnh lâm chung hoặc lúc truy tiền vãng sanh phải nên khai thị cho cả người mất lẫn oán thân trái chủ của họ; cũng có người cho rằng không cần khai thị, chỉ cần niệm Phật mà thôi, xin hỏi làm cách nào thì đúng pháp hơn?

Đáp:

- Con người trước khi tắt thở (nghĩa là không thể cứu chữa được), thì lúc này câu niệm Phật là quan trọng nhất, nếu khai thị vào lúc này tức là đi chệch sang hướng khác, không đúng. Người trợ niệm lúc này nên **niệm rõ ràng từng tiếng**, niệm chậm theo hơi thở người bệnh, và niệm mạnh tiếng để phần chân họ nghe, họ sẽ cố gắng nương theo mà niệm Phật.

- Ngay khi họ vừa tắt hơi, lúc này cần trợ niệm đông hơn, **phải niệm Phật mạnh và nhanh hơn**. Nếu có cần khai thị thì chỉ khai thị đơn giản như: "*Bạn đã phải bỏ báo thân rồi, mau nhiếp tâm niệm A Di Đà Phật, cầu xin Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Nếu thấy có chư Phật hay vị Bồ Tát nào đến thì cũng đừng để ý, đừng đi theo ai khác, chỉ giữ câu niệm Phật mà thôi*".

- Nếu như họ đã tắt thở qua đời, thành thân trung âm, thì khai thị thật đơn giản, **chỉ khuyên nhủ họ cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ**, nhất là dặn họ chỉ đi theo Đức Phật A Di Đà và đừng đi theo ai khác. Lúc này đừng nên giảng đạo lý gì khác, điều quan trọng chỉ nhắc nhở họ đừng đi sai đường, và phải nói cho họ rõ cái lợi ích của sự niệm Phật – thật sự lia khổ được vui!

Nếu gặp người tình chấp sâu nặng, không xả lìa nổi tình quyến luyến người thân thuộc, thì nên nói với họ như sau: “*Bạn đến thế giới Cực Lạc thì bạn mới có thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông..., bạn có đầy đủ thần thông như thế thì bất cứ người thân quyến thuộc của bạn sanh vào đường nào bạn cũng đều biết, và họ có bị khổ nạn như thế nào bạn cũng có cơ hội mà giúp đỡ được. Nên bạn hãy về Thế giới Cực Lạc trước, có như vậy thì bạn mới thật sự sống được mãi mãi bên cạnh những người thân yêu của mình, còn nếu như bạn đi vào đường khác rồi, thì bạn sẽ bị nghiệp lực quán trối lưu chuyển mà thôi!*” đây là những lời mà thường tình ai cũng rất thích nghe.

Hỏi: Thưa, trong lúc đi trợ niệm thì việc khai thị cho người đã mất và người bệnh có khác nhau. Xin thỉnh cầu lão Pháp sư hãy chuẩn tắc nội dung khai thị để tiện cho các bạn đồng tu tham chiếu?

Đáp: Việc khai thị xưa nay các Tổ sư đã có những ý chỉ rất chặt chẽ, hậu thế chúng ta không nên làm thêm. Người khi sắp lâm chung, quan trọng nhất là thời khắc này, không nên cho họ khởi lên một vọng niệm nào, chỉ giữ chặt câu Phật hiệu đó là nhất tâm niệm “A Di Đà Phật”, cho nên không có loại khai thị thứ hai nào cả!

Lúc này mà nói đến khai thị đã sai rồi, mà còn cho họ nghe kinh nữa lại càng sai, chỉ có câu niệm Phật là tối cần thiết quan trọng mà thôi, nêu niệm sau cùng của họ là câu niệm Phật thì nhất định sẽ được vãng sanh.

Còn về Phật pháp, trong bốn mươi tám lời đại nguyện của Phật A Di Đà có một nguyện là “mười niệm đến một niệm được vãng sanh”. Có được vãng sanh hay không là do ở một niệm sau cùng lúc lâm chung. Cho nên bạn phải ***trợ giúp cho họ niệm đến niệm sau cùng, giữ sao cho họ đừng bị mất chánh niệm, tức niệm nào cũng phải là niệm A Di Đà Phật!***

Lúc nào mới cần khai thị? Khi nào họ nói với bạn những gì mà họ đang nhìn thấy, về những người nào đó đứng bên ngoài cửa (những người này là những người thân quyến thuộc đã qua đời), nhưng phải hiểu đó chỉ là những oán thân trái chủ (của họ) biến hiện để lôi kéo họ lúc này.

Hãy khai thị cho họ là: “*Cảnh giới nào đó có hiện ra bạn không cần để tâm; ngay cả bạn thấy Ngài Địa Tạng Bồ Tát hay Di Lặc Bồ Tát hoặc thấy đức Phật Thích Ca cũng không quan tâm. Dù có thấy chư Phật Bồ Tát nào cũng chẳng cần lưu ý. Chỉ khi bạn thấy đức Phật A Di Đà xuất hiện thì hãy lập tức đi theo Ngài!*” Đây là lời khai thị quan trọng nhất, đừng nói một lời dư thừa nào, một câu xen tạp cũng không được có, điều này rất quan trọng! Hãy nhớ rằng, thời khắc này không phải là lúc để họ nghe giảng kinh hay lời khai thị nào khác.

Hỏi: Thưa, nếu đứa trẻ bị bệnh nặng (ba tuổi trở xuống) sắp từ trần, chúng ta có cần khai thị không? Việc trợ niệm cho trẻ nhỏ có khác với người lớn không?

Đáp: Có sự khác biệt. Vì chúng còn quá nhỏ, chưa có thể hiểu, bạn hãy khéo léo dùng tâm lý để thuyết phục, phải thật uyển

chuyên khuyến nhắc chúng mới thành công. Bạn vẫn niệm Phật không gián đoạn, treo hay đặt hình/tượng Phật trước mặt chúng, hãy khuyến khích chúng niệm Phật, luôn nghĩ nhớ tới hình ảnh Phật, và dặn chúng khi thấy đức Phật A Di Đà đến thì hãy đi theo Ngài. Khai thị như vậy là được rồi không cần nói nhiều, vì có nói nhiều chúng cũng không thể hiểu được!

Hỏi: Thưa, cư sĩ (tại gia) đi trợ niệm cho vị sư phụ (đã xuất gia), nhận thấy rằng vị sư phụ này bị chướng ngại nặng, không có đủ điều kiện vãng sanh. Như vậy hàng cư sĩ tại gia có nên khuyến tấn hay khai thị cho vị sư phụ này buông bỏ vạn duyên, giữ vững tín tâm cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà không, và làm như vậy có đúng pháp không?

Đáp: Rất là đúng pháp, khi người tại gia đi trợ niệm cho người xuất gia cũng cần từ bi mà giúp đỡ họ, nếu bạn thức tỉnh được họ thì bạn là bậc Bồ Tát, bạn đã thực sự giúp được họ. Lúc này đây là thời khắc rất quan trọng cho họ!

Nếu như thấy tinh thần ý chí của họ không có tập trung, thì nên khai thị mấy câu để cảnh tỉnh họ, giúp họ giữ được chánh niệm, đây là việc quan trọng hơn bất cứ việc gì khác, cho nên bạn đừng e ngại vì hình tướng của người xuất gia, nếu e ngại như vậy là bạn không hiểu gì về Phật pháp.

Bạn thấy trong kinh Phật nói: “Phật pháp là pháp bình đẳng,” nên về lý cũng phải bình đẳng, bốn chúng đồng tu phải giúp đỡ lẫn nhau, nhất là vào thời điểm họ sắp lâm chung. Đây

là giai đoạn thân tứ đại sắp tan rã, thì người xuất gia cũng rất là vất vả, rất đáng xót thương.

Hơn nữa tuy trong hình tướng người xuất gia, nhưng không phải ai cũng có cơ hội hiểu rõ chánh pháp, tu trì chánh pháp, còn có rất nhiều vấn đề khác nữa..., cho nên nếu gặp phải cơ duyên như vậy chúng ta phải giúp họ, nhất định không nên giữ sự nghi ngờ hay phân biệt.

Hỏi: Thưa, nếu người bệnh đã lâm vào trạng thái hôn mê, nhưng người bệnh và gia đình họ đều không tin Phật pháp, nên không thể niệm Phật trợ niệm cho họ. Vậy con có nên tụng kinh Địa Tạng cho người bệnh không, và trước khi tụng kinh cần phải khai thị như thế nào?

Đáp: Tất cả gia đình đều không tin Phật cả ư? Điều này thì thật hơi phiền, nếu như bạn nói họ không tin vào Tịnh độ nhưng còn tin vào pháp môn khác thì tạm được; nếu họ tin vào pháp môn nào thì cứ dùng nghi thức của pháp môn đó mà làm, kinh hoặc luận cũng đều tốt.

Đối với người cả đời chưa tiếp xúc với Phật pháp, nếu lúc lâm chung chưa tắt thở, nghe được danh hiệu A Di Đà Phật và cõi Cực Lạc mà sanh tâm hoan hỷ, tín thọ phát nguyện vãng sanh thì nhất định sẽ được sanh. Dù học Phật một ngày họ cũng có thể vãng sanh!

Trước kia khi tôi còn ở Mỹ, có một vị cư sĩ, khi sắp lâm chung mới nghe biết đến Phật pháp, nhưng ông vẫn được vãng sanh. Vì khi sắp lâm chung, ông niệm được một niệm đến mười

niệm Phật hiệu – nguyện thứ 18, trong 48 lời Nguyện của Đức Phật A Di Đà – nên ông được vãng sanh. Nhờ do có nhân duyên thù thắng, ông gặp được thiện tri thức nhắc nhở – đánh thức thiện căn đời quá khứ của ông – ông đã niệm Phật không gián đoạn, không có hồ nghi; nên dù với khoảng thời gian rất ngắn (khoảng hai, ba ngày) ông vẫn được thành tựu, và sự thành tựu này chính là do ông biết nương vào nguyện lực từ bi cùng tột của Phật A Di Đà.

Điều quan trọng nhất khi khai thị cho người sắp lâm chung là khuyên họ buông bỏ vạn duyên, buông bỏ tất cả những gì mà họ còn đeo mang. Buông bỏ ý niệm chấp trước vào chuyện thế gian như tài sản, sự nghiệp, người thân, quyền thuộc – đây là những chướng ngại rất lớn. Buông bỏ vạn duyên, nhất tâm hướng Phật, đi vãng sanh theo Phật, đây mới là Pháp tối thượng thừa.

Nên tu phước cho người mất:

Trong kinh Địa Tạng có dạy: “*hãy bảo thân quyến đem của cải của người vừa từ trần – vật họ yêu thích nhất – đem bán đi làm phước để hồi hướng cho người ấy*”. Trong việc tu phước, việc thù thắng nhất là cúng dường Tam Bảo. Cách thức cúng dường Tam Bảo là tạo tượng Phật, nếu như không có nhiều tiền của thì có thể in hình Phật. Qua sự kết duyên mà chúng ta thường làm là ấn tống hình/tượng Phật, được gọi là cúng dường Phật bảo. Ấn tống kinh sách (kể cả dùng CD, DVD, mp3, đưa lên online hay youtube .v.v...) gọi là cúng

dường Pháp bảo. Cúng dường cho người xuất gia chân chánh gọi là cúng dường Tăng Bảo.

Như vậy hãy dùng những đồ vật họ tích lũy, yêu thích mà đem cúng dường Tam bảo, rồi hồi hướng những công đức này cho họ; để đích thân họ nghe thấy hiểu rõ là những thứ này chỉ là vật ngoài thân (dù họ rất yêu thích nhưng khi chết cũng không thể mang theo được). Nhờ vào công đức cúng dường này, họ có thể hưởng dụng và không còn vương vấn buồn lo! Nếu như họ là người giàu có thì cúng dường nhiều hơn, khi xưa có người đem ngôi nhà mình ở để cúng dường Tam Bảo, công đức cúng dường này tất càng lớn hơn.

Trước đây khi chúng tôi đến Nam Kinh, tại đây tôi có đi thăm viếng nơi cư sĩ Dương Nhân Sơn, người sáng lập viện khắc Kinh Kim Lăng. Cư sĩ Dương Nhân Sơn vô cùng ngưỡng mộ sự nghiệp dịch kinh của đại sư Huyền Trang, vì thế nên ông đem toàn bộ những kinh luận mà pháp sư Huyền Trang đã dịch để in ấn lưu hành. Sau khi vãng sanh, ông ấy đã hiến ngôi nhà của mình để làm nơi khắc Kinh mà cúng dường Tam Bảo. Đây là việc làm của người giàu có, cách cúng dường này rất là thù thắng, vì ông ấy là người học Phật – ông ấy hiểu việc cúng dường ấy là tài thí, pháp thí, vô úy thí... đều có đủ cả. Ông hiểu trong các thứ cúng dường thì cúng dường pháp là thù thắng hơn hết, nên ông đã hiến ngôi nhà của mình mà làm nơi khắc kinh.

Cư sĩ Dương Nhân Sơn niệm Phật cầu vãng sanh. Nếu ông không niệm Phật cầu vãng sanh, thì với công đức này ông ấy cũng được sanh lên cõi trời hưởng phước! Những chuyện như

vậy đều là những tấm gương tốt đáng để cho hậu thế chúng ta noi theo

— 0 —

CHƯƠNG 8

SỰ HỮU DỤNG CỦA VIỆC TRỢ NIỆM VÀ TINH THẦN CỦA NGƯỜI ĐI TRỢ NIỆM

Hỏi: Thưa, vì sao người sắp mạng chung mà nghe được danh hiệu của Phật, thì bao nhiêu tội chướng đều có thể tiêu trừ?

Đáp: Lúc sắp mạng chung là thời điểm tối quan trọng, cũng là thời điểm khiến người hấp hối dễ phát khởi thiện tâm cầu sám hối nhất (dẫu có tạo tội cực trọng đi nữa), nếu chúng ta giúp thức tỉnh họ bằng cách niệm danh hiệu Phật.

- Khi họ nghe tiếng niệm Phật, mà khởi lên tâm ăn năn sám hối thì có thể diệt được vô lượng tội nghiệp, gieo trồng vô lượng thiện căn.

Phút giây này nằm trên giường bệnh, thì làm sao họ có thể tu sửa, đoạn ác tu thiện được? Người khi sắp chết, thiện căn rất dễ trôi dạt, nếu lúc lâm chung ***tâm muốn đoạn ác tức là đã sanh thiện tâm, lương tâm cầu sám hối là đã giác tỉnh, đích thực vô cùng vi diệu*** – khi lâm chung chỉ cần một niệm sám hối là có thể tiêu trừ hết thảy nghiệp tội, ***họ có thể tránh được tội đọa ngục vô gián!***

Nếu sức sám hối này mạnh mẽ thì họ có thể sanh lên cõi trời, giúp họ sanh lên cõi trời Đạo Lợi, có thể sanh vào cõi trời người để hưởng phước. Hoặc được Vãng Sanh nếu họ chí thành niệm Phật và cầu sanh Tịnh độ.

- Còn nếu như người bệnh nghe niệm Phật mà không có chút tỉnh giác, không sanh lòng sám hối là do họ trước đây không tin Phật pháp, không muốn niệm Phật. Nhưng dầu sao việc trợ niệm cũng giúp cho họ cơ hội “một lời qua tai, Bồ Đề muôn thuở!”

Hỏi: Người đi trợ niệm nếu tâm không được thanh tịnh, xin hỏi người lâm chung có được lợi ích gì không, nếu không thì người này có nên lui ra không?

Đáp: Cuộc trợ niệm được viên mãn hay không nhờ ở nơi tâm chân thành, thanh tịnh của người đi trợ niệm. Đi trợ niệm mà tâm không chân thành, niệm Phật không được chuyên nhất, tâm hoang mang sanh nhiều loạn tưởng – cảnh tùy tâm chuyển – nhất định sẽ tạo nên từ trường không thanh tịnh. Nhất là sự xúc cảm (vào thời khắc này) của người lâm chung rất bén nhạy, tâm bạn không thanh tịnh chuyên nhất sẽ làm phương hại đến họ. Nếu không có thành ý cũng tạo ra từ trường niệm Phật không tốt, tức đã quấy rầy từ trường “thành tâm thành ý” của người trợ niệm khác, tốt nhất là nên tránh ra, làm như vậy có lợi hơn cho người mất.

Chúng ta hãy để tâm thể nghiệm cho thật kỹ, nếu đi trợ niệm chỉ có miệng niệm mà tâm, không phát khởi lòng thương

yêu chân thành thì không có hữu dụng. Còn nếu bạn niệm Phật với lòng từ bi cùng tốt và công phu đã thành phiền, sẽ giúp người sắp lâm chung nhiều cơ hội được siêu độ, cái lý là ở đây. Cho nên mới hiểu, nếu bạn tu được định, tâm được thanh tịnh tất sức trợ niệm có được lợi ích hữu dụng không thể đếm hết.

Hỏi: Thưa, tuy có tâm chân thành nhưng công phu niệm Phật chưa được thuần thực thì sức trợ giúp có được sẽ rất nhỏ phải không? Như vậy có nên tiếp tục tham gia vào việc trợ niệm nữa hay không?

Đáp: Bạn nói không sai! Tuy bạn rất chân thành phát tâm giúp đỡ trợ niệm, nhưng công phu niệm Phật lại chưa thuần thực, thì công đức trợ niệm đạt được sẽ không nhiều. ***Nếu bạn có công phu tu hành thì mới tô bồi được công đức, có công đức thì tâm sẽ thanh tịnh, tất việc hộ niệm mới dễ được viên mãn.***

Tuy công đức trợ niệm có được không nhiều, nhưng do bạn có tâm thành khẩn thiết tha thì bạn vẫn có thể tham gia giúp đỡ trợ niệm được. Và nhờ tham gia trợ niệm nhiều lần, sẽ giúp cho công phu niệm Phật của bạn thuần thực, tăng trưởng thêm lên, nếu được như vậy mới là đúng pháp.

Hỏi: Thưa, khi lâm chung nếu bị hôn mê khiến quên mất câu niệm Phật. Xin hỏi làm thế nào để đề phòng?

Đáp: Phật dạy trong kinh A Di Đà: “Người đó lâm chung tâm không điên đảo, nhất định được vãng sanh về nước Cực Lạc của Phật A Di Đà.” Vãng sanh không thể sanh bệnh, nếu bệnh bị mê sẽ quên mất câu niệm Phật, dù có người trợ niệm cũng

không nghe được. Dù cho có đông người trợ niệm, nhưng bản thân người bệnh còn vọng tưởng, điên đảo – người bị điên đảo khi sắp lâm chung thì làm sao biết chính xác đường nào mà đi đây? Không biết đi đường nào nữa thì làm sao mà trợ niệm! Trường hợp như vậy thì xảy ra rất nhiều, lúc này người trợ niệm cũng chỉ có thể cố gắng hết sức mình mà làm thôi.

Cho nên được vãng sanh hay không, nhất định còn tùy thuộc vào người bệnh, người khác đến giúp họ, nếu họ hoan hỷ tín thọ nghe theo thì tốt, còn như nếu họ không muốn thì làm sao mà giúp được đây!

Hỏi: Thưa, người bị điếc, khi lâm chung nếu trợ niệm cho họ thì có hiệu quả không?

Đáp: Người điếc tuy không nghe được tiếng vì nhĩ căn của họ bị chướng ngại, nhưng thần thức của họ không có chướng ngại.

Lúc lâm chung là lúc lục căn phân tán ngưng hoạt động nên mất hết tác dụng, chỉ có thần thức là còn nhận biết, nên niệm Phật nhất định vẫn có hiệu quả.

Hỏi: Thưa, cả đời họ chỉ tạo ác nghiệp, vậy lúc lâm chung trợ niệm cho họ có được hữu dụng không?

Đáp: Đại sư Liên Trì nói rất hay: “*Ác đầu chẳng ngại thiện sau,*” một người khi còn trẻ tạo ác, về sau biết thức tỉnh hồi hận vẫn còn kịp. ***Vì tánh người vốn thiện, tự tánh đã có sẵn đây, chỉ cần biết quay đầu thì nó hiện tiền.*** Thậm chí như vua A Xà Thế, khi lâm chung mới biết thức tỉnh, mới biết sám hối; *miễn hơi thở còn chưa dứt, chỉ cần một niệm quay đầu lại là bờ giác*

ở trước mắt, nếu biết quay trở lại tâm mình để thấy thật tánh, tất sẽ được giải thoát.

Nên không thể cho rằng người này tạo ác quá nhiều, khi họ lâm chung chẳng cần quan tâm đến, vậy là sai rồi. Khi họ lâm chung vẫn phải từ bi giúp đỡ trợ niệm cho họ, vẫn là thường hay khuyên nhắc họ; nếu họ khởi một niệm thức tỉnh quay lại trở về bờ giác, cầu sanh Tịnh độ, tức là bạn đã giúp họ thoát khỏi sáu cõi luân hồi để đi làm Phật, công đức này không thể đếm hết được, bất cứ việc tốt nào ở thế gian cũng đều không có thể so sánh được với việc này.

Bạn đưa một người đi làm Phật, hay nếu ngay trong đời này có cơ hội đưa được vài người đi vãng sanh thì chính bạn tương lai lúc vãng sanh sẽ không có vấn đề gì. Họ sẽ tri ân báo ân, họ nhất định sẽ nói với Phật A Di Đà, “đều do nhờ bạn giúp đỡ mà họ có thể đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc,” họ sẽ kéo Phật A Di Đà mau mau mà đi tiếp dẫn bạn... Nên phải nhiệt tâm, không nên ghét bỏ người tạo ác, đến khi họ lâm chung cũng phải từ bi giúp đỡ thành tựu cho họ. Chỉ cần tâm của chính chúng ta chân thành, tâm chân thành sẽ có cảm ứng, có thể giúp đỡ được họ.

Hỏi: Thưa, những người sống ở Quảng Châu, các cư sĩ nơi đó rất sợ giúp trợ niệm cho người lâm chung vì e ngại công phu chưa đủ sức; họ thường thỉnh pháp sư ở Singapore sang để giúp trợ niệm, làm như vậy có hữu dụng hay liệu có sanh ra mâu thuẫn gì không?

Đáp: Là người Phật tử, bất luận tại gia hay đã xuất gia, khi đi trợ niệm đều cần phải có cái tâm chân thành, tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh để người mất có được nhiều lợi ích, nhất định lợi ích mà họ nhận được cũng hữu dụng hơn, đây là cái lý muôn đời!

Hỏi: Thưa, sau khi được trợ niệm, sắc mặt người mất trở nên đẹp đẽ, thân thể mềm mại hơn. Đó có phải do công đức của sự trợ niệm không?

Đáp: Người tu niệm Phật như chúng tôi, đã nhiều lần tiễn biệt những người bạn đồng học đồng tu vãng sanh, chúng tôi có khá nhiều kinh nghiệm: lúc họ ra đi gương mặt rất khó coi, thân người bắt đầu lạnh cứng; nhưng khi được mọi người trợ niệm từ 10 đến 12 tiếng đồng hồ trở lên, nhìn thử lại thì thấy gương mặt họ thay đổi rất đẹp đẽ, thân thể mềm mại hơn, do đó có thể nói công đức trợ niệm thù thắng không thể nói hết.

Khi có những hiện tượng thay đổi như vậy, có thể xác quyết là họ được vãng sanh Tây Phương không? *Những yếu tố này chưa đủ để khẳng định là họ được vãng sanh Tây Phương!* Cho dù nếu họ không thể vãng sanh, nhưng được nhiều người niệm Phật giúp thì cũng có nhiều điều lợi ích:

- Một, nếu bản thân họ có thiện căn sâu dày, cả đời không tạo trọng nghiệp, nghe được tiếng niệm Phật sẽ cảnh tỉnh họ, sẽ giúp cho thân thức của họ chuyển sanh vào các cảnh giới an lành, điều này thì chắc chắn.
- Thứ hai là giảm thiểu sự đau khổ của họ, cho dù nếu ở đường ác gặp nhiều oán thân trái chủ đi nữa, với sự niệm

Phật hồi hướng này của chúng ta cũng có thể giúp họ hóa giải với oán thân trái chủ, oán thân trái chủ sẽ không đến làm phiền họ nữa.

Hỏi: Thưa, nếu người lâm chung lúc còn sống niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nhưng thân quyến con cái lại không hiểu Phật pháp, không muốn nghe lời khuyên giải của ban trợ niệm, cũng không muốn tham gia niệm Phật, nếu chúng ta ở đó trợ niệm chẳng khác gì đi giữ cái thân người chết; và sau khi ban trợ niệm ra về, thì thân quyến họ lại tiếp tục sát sanh ăn uống như thường. Xin hỏi với tình huống này, ban trợ niệm có nên tiếp tục đến để trợ niệm hay không?

Đáp: Việc trợ niệm là do tâm từ bi, cho dù người nhà họ [thậm chí trong xã hội hiện thời] có những kẻ phản đối niệm Phật, bài xích người niệm Phật, hủy báng người niệm Phật, thậm chí có những kẻ phát tâm muốn tiêu diệt pháp môn Niệm Phật, thì họ cũng đều thuộc trong Liên Trì Hải Hội. Nguyên nhân gì vậy? Vì “Một lời qua tai, Bồ Đề muôn thuở,” danh hiệu A Di Đà Phật vừa lọt qua tai vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Nay kẻ ấy bài xích Phật pháp là vì mê hoặc, sau khi chịu quả báo xong, nhân duyên chín muồi – vẫn là vì chủng tử A Di Đà Phật trong A Lại Da Thức của kẻ ấy chín muồi – nói cách khác, họ nhất định vãng sanh Cực Lạc.

Đời này chỉ sợ nhất điều gì? *Sợ nhất là trong một đời này quý vị hoàn toàn không có duyên phận được nghe đến danh hiệu Phật, đó mới thực sự là khổ.* Nghe rồi phản đối không sợ! Tạo ác nghiệp cũng không sợ! Thiện căn ấy – được nghe danh hiệu A Di Đà Phật – là chủng tử Kim Cang, vĩnh viễn bất hoại,

cho nên vẫn có lợi ích. Đã nói là có lợi ích, thì nếu chúng ta có thời giờ, có cơ hội, hãy cố gắng từ bi giúp đỡ họ cho tốt.

Hỏi: Các bạn đạo phát tâm đi trợ niệm, nhưng đôi khi vẫn có các ý kiến bất đồng. Xin cho con hỏi, trong giây phút sanh tử quan trọng của người sắp lâm chung, thì làm thế nào để giữ được “kiến hoà đồng giải, khẩu hoà vô tranh” khi đi trợ niệm?

Đáp: “*Kiến hòa đồng giải,*” hãy bỏ đi tất cả các tri kiến khác biệt, chỉ giữ câu Phật hiệu “A Di Đà Phật” thì không còn gì trở ngại. Người tu niệm Phật, biết niệm A Di Đà Phật mà vẫn còn giữ sự hơn thua, còn tranh đấu bàn phải bàn quấy, thì coi như phá hỏng sự thuần thiện niệm Phật của chính bản thân mình rồi!

Nếu người đi trợ niệm tuy đông, nhưng không chịu lắng nghe nhau, tri kiến lại bất đồng, ai cũng thủ chấp vào ý kiến riêng của mình, phát biểu ồn ào, hành động lộn xộn, gây phiền não, làm rối loạn thêm... thì quả thật là bất lợi, sẽ làm tổn hại rất lớn đến việc trợ niệm cho người bệnh, có thể sẽ là nguyên nhân làm cho người sắp lâm chung mất phần vãng sanh.

Nên người đi trợ niệm không cần có ý kiến gì khác, chỉ cần nhất tâm nhất ý, chí thành chí kính niệm Phật giúp người vãng sanh, ngoài ra nhất định không nên có ý kiến nào khác. Nếu không bạn sẽ gây trở ngại, vì ý niệm bất hòa sẽ phá hỏng từ trường niệm Phật của người sắp lâm chung, sẽ gây hại cho họ. Nếu bạn hại họ thì tương lai sự vãng sanh của bạn cũng sẽ có người hại lại, nhân quả báo ứng chính là như vậy! Cho nên khi đi trợ niệm cần phải buông bỏ hết tất cả thành kiến xuống!

Hỏi: Thưa, trong cùng một đạo tràng, sự hiểu biết về việc tiền vãng sanh có khác nhau, như vậy có gây bất lợi cho việc trợ niệm hay siêu độ vong linh hay không?

Đáp: Đúng vậy! Tri kiến bất đồng quả thật bất lợi, tất nhiên sự tổn hại này rất lớn.

Hỏi: Chỉ cần có người thỉnh, hàng đệ tử đều tổ chức đến trợ niệm, bất luận là người sắp lâm chung có học Phật hay không. Nhưng đôi khi có tới mấy người vãng sanh trong cùng một ngày, vì lúng túng không thể sắp xếp việc trợ niệm cho tốt đẹp, nên sự thành tựu tất nhiên cũng không được viên mãn lắm. Xin hỏi gặp trường hợp như vậy, chúng con phải làm thế nào để việc trợ niệm được viên mãn?

Đáp: Cuộc trợ niệm có viên mãn hay không là do ở tâm chân thành, tâm thanh tịnh từ bi của người trợ niệm. Nếu người đi trợ niệm mà tâm không thanh tịnh, lại rầm rối hấp tấp, không thể giữ tâm bình khí hòa trước mặt người lâm chung, thì làm sao có thể khai thị chính xác để giúp họ? Bạn tu niệm Phật cũng đều phải hiểu rõ, ***lòng chân thành thanh tịnh từ bi của bạn sẽ tạo ra một bầu không khí an lạc cho người lâm chung***, nhờ vậy họ được thanh thản an lành mà niệm Phật. ***Nên người mất hưởng được lợi ích bao lớn đều dựa trên sự lợi ích trợ niệm của người thân và người trợ niệm.***

Nếu đi trợ niệm mà hấp tấp, vội vã, tâm không thanh tịnh, tất sẽ vô tình tạo ra những hành động hay những lời nói sai lầm mà không hay. Cho nên hình thức thì có, mà thực chất thì

không, tất sẽ như bạn nói “sự thành tựu không được viên mãn lắm!”

Việc trợ niệm muốn được viên mãn cũng cần phải kết hợp với sự tu hành thanh tịnh của bạn, và bản thân bạn cũng phải có sự hiểu biết về các kinh sách của Tịnh tông, phải hiểu kỹ lưỡng phương pháp và cách giải quyết ứng dụng sao cho khéo lý khéo cơ khi đi trợ niệm. Nên thường phải tiến tu niệm Phật *để mỗi ngày mỗi tiến hơn*, phòng khi có việc giúp người mới được hữu dụng!

Hỏi: Vậy người vãng sanh Cực Lạc thật sự sẽ giúp ích gì cho người trợ niệm?

Đáp: Họ sẽ hiện ra thoai tướng rất tốt lành để giúp cho người trợ niệm thêm tăng trưởng sự tín tâm, phàm làm việc gì cũng sẽ có sự hỗ trợ cho nhau, đó là định lý muôn thuở.

Hỏi: Thưa, có một đạo tràng nhỏ ở Hồng Kông, do một vị pháp sư giảng kinh dẫn dắt mọi người tu hành, ông thường nhấn mạnh phải y theo tài liệu của hội Tịnh tông mà tu học. Nhưng năm ngoái, trong đạo tràng có một bạn đạo vãng sanh, một số bạn đồng tu muốn tham gia trợ niệm cho họ, nhưng vị pháp sư nói rằng: “nên tu tâm thanh tịnh,” và cấm mọi người không được đi trợ niệm! Xin hỏi vị pháp sư này làm vậy có đúng pháp không?

Đáp: Mỗi một đạo tràng đều có phương pháp và quy củ riêng của đạo tràng đó, nhưng việc trợ niệm rất là quan trọng, không

chỉ người vãng sanh được lợi ích mà bản thân của người trợ niệm cũng được lợi lạc.

Vào thời điểm họ sắp vãng sanh, công đức của sự trợ niệm thù thắng hơn bất cứ việc gì. Tại sao? Vì họ có được vãng sanh hay không là quyết định vào lúc này, thời điểm này mà giúp họ thì lợi ích nhiều hơn gấp trăm lần lúc bình thường, công đức cũng rất là thù thắng. Chúng ta giúp trợ niệm người khác thì sau này chúng ta vãng sanh sẽ có rất nhiều người đến trợ niệm, nhân quả là như vậy. Nếu như bạn ngăn trở người đi trợ niệm, thì tương lai khi bạn vãng sanh sẽ không có ai đi trợ niệm cho bạn.

Nếu chúng ta nghĩ đến sự việc này, thì không những hãy khích lệ người khác trợ niệm mà nếu gặp cơ duyên cũng phải đích thân đi, nếu bạn không tự đi thì khi bạn vãng sanh ai sẽ hoan hỷ trợ niệm giúp bạn đây? Nghiệp nhân quả báo thôi! Luật nhân quả trong kinh đã từng nói đến, không gì là không tự làm tự chịu, cho nên trông nhân tốt cho mình, cho người, thì nhất định sẽ được quả báo tốt.

---o0o---

Hỏi: Thường được mời đi làm Phật sự cho người lâm chung, hoặc người bệnh, chúng con thường tụng kinh Địa Tạng hoặc Tam Thời Hệ Niệm. Xin hỏi chúng con có nên nhận tiền lì-xì không?

Đáp: Việc đi trợ niệm là việc làm để kết duyên, đó là việc rất tốt! *Khi người lâm bệnh thì họ rất cần sự an ủi; khi người sắp*

lâm chung họ rất đau đớn về thể xác và hãi hùng với nỗi sợ chết, nên họ cần giúp vượt qua nỗi sợ chết.

Bạn cần hiểu rằng, người lâm chung trong những giờ phút cuối cùng này bên cạnh sự đau đớn về thể xác do tứ đại phân ly, họ lại phải trực diện với vô vàn những cảnh tượng hãi hùng kinh sợ mà trong đời họ chưa hề trải qua, khiến cho họ vô cùng sợ hãi cái chết. Nên việc trợ niệm cho họ rất là quan trọng, nếu có cơ hội thì nên làm bằng tất cả thành tâm thành ý. Hãy giúp đỡ cho họ đừng bị điên đảo, đừng mất chánh niệm, giúp cho họ được sự lợi ích. Hãy thương xót họ!

Còn nếu bạn tụng một thời kinh rồi nhận bao nhiêu tiền lì xì đó, thế là bạn buôn bán rồi, bạn đem Phật pháp ra làm sản phẩm trao đổi mua bán là có tội rồi, không được làm như vậy, nhất quyết không nên mảy may vì danh lợi hay tiền bạc!

Hỏi: Con đã từng khuyên một người bệnh ung thư vào thời kỳ cuối, nên niệm Phật câu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Nhưng người bệnh này lại quan niệm rằng: hãy trợ niệm để cầu cho họ hết bệnh, khoẻ mạnh lại, không nên cầu cho họ vãng sanh Tịnh Độ. Xin hỏi nếu gặp trường hợp như vậy thì phải làm sao?

Đáp: Thì bạn cứ cầu cho họ khoẻ mạnh lại là được rồi! Đức Phật đã dạy chúng ta: “Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức.”

Họ chưa thể rời bỏ thế gian này, tuy thế gian này rất là khổ, sống ở thế gian này quả thật không có ý nghĩa gì. Nhưng tại sao họ vẫn không cầu vãng sanh? Tại vì họ không hiểu, vẫn

còn bị mê hoặc đối với chân tướng vũ trụ nhân sinh, cho nên Phật chỉ độ người “có duyên”, câu nói này thật quan trọng!

Người sắp lâm chung, khi bạn khuyến tấn họ niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ, nếu họ rất hoan hỷ tức người đó “*có duyên*”; còn nếu như họ thấy phiền ghét và còn sợ bị chết, tức là họ “*không có duyên*”, mà nếu không có duyên thì không thể cưỡng ép họ được.

Thậm chí có nhiều người niệm Phật cả một đời, nhưng khi lâm chung lại nhất định không chịu niệm Phật. Vậy phải làm sao? Thì giúp họ niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát, vì họ không muốn đi chết đâu! Vậy cũng tốt, giúp họ niệm Quan Thế Âm Bồ Tát là tốt rồi, hay niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát để tiêu nghiệp chướng cũng tốt, cũng là niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát thôi – “một lời qua tai, Bồ Đề muôn thuở,” dẫu như đời này họ không được thành tựu vãng sanh.

Họ không muốn cầu vãng sanh vì họ còn *chấp đấm tằm thân này là của mình!* Phàm phu có sai khác với chư Phật và Bồ Tát ở chỗ này, chư Phật và Bồ Tát biết chúng sanh từ đâu đến và chết đi về đâu; còn phàm phu thì không biết sanh tử từ đâu đến và chết sẽ đi về đâu, cho nên rất sợ chết. Cũng không biết *một lần sanh tử là một lần đau khổ!* – Người chết đi rồi đâu có phải là chấm dứt, chết chỉ như là thay bỏ cái thân xác này thôi – Dưới con mắt của chư Phật, Bồ Tát, các Ngài biết rất tường tận thân không phải là của ta, thân chỉ như bộ quần áo mặc, và khi cũ rách thì phải thay bộ mới. Vậy mà phàm phu cứ chấp đấm tằm thân này là của mình, rồi cứ thúc nhau đi mãi trên con

đường sanh tử tiếp nối đời này rồi đời sau, khổ không hề ngừng dứt!

Hỏi: Sau khi giúp người bạn đồng tu niệm Phật hơn hai mươi mấy tiếng đồng hồ, chúng con thấy một làn khói trắng thoát ra từ đỉnh đầu người mất, khoảng hơn mười phút sau hiện tượng này mới chấm dứt. Vậy đó có phải là biểu hiện của sự việc vãng sanh không? Nếu người này chưa vãng sanh nhưng người hoằng pháp lại nói với đại chúng rằng người ấy đã vãng sanh rồi, xin hỏi như vậy có đúng pháp hay bị lỗi lầm gì không? Nếu việc này là sai, nhưng đã được ghi âm phổ biến rồi thì nên làm cách nào để cứu vãn?

Đáp: Bạn nói như vậy không phải là rớt ráo! Trên phương diện bản thể, pháp là tất cả và không hề có đúng sai phân biệt. Nhưng trên phương diện đối trị để khai ngộ về pháp này, thì chỉ có các lời lẽ và các phương tiện nào thuận theo pháp và đưa đến sự chứng ngộ về pháp mới được gọi là pháp, ngoài ra là phi pháp. Nếu chúng ta coi những gì Phật dạy để khai ngộ cho chúng ta là phương tiện, thì tự tướng của pháp chính là cứu cánh mà phương tiện này đưa đến; hay nói một cách khác là “Phật pháp vừa là phương tiện vừa là cứu cánh.”

Trong Tứ Y Pháp, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Y nghĩa, bất y ngữ*¹⁰”, “*Y trí, bất y thức*¹¹”. Nếu vì người khác

¹⁰ *Y nghĩa, bất y ngữ:* Nương vào ý nghĩa, đừng dựa vào lời nói.

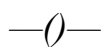
¹¹ *Y trí, bất y thức:* Nương theo trí, không nương theo thức.

giảng nói, chúng ta không thể không hiểu quy tắc này, đây là quy tắc thù thắng nhất được đặt ra nhằm giúp cho chúng ta hạnh trực để tự thân chúng ta tu học.

Nếu như tâm của chúng ta thuần thiện, mong cầu dẫn dắt người khác khởi tín tâm đối với Tịnh Độ; nên dù chưa xác quyết được rằng người lâm chung đã vãng sanh hay chưa được vãng sanh, nhưng với cái tâm thiện hạnh từ bi muốn khuyến dẫn chúng sanh – bất cứ chúng sanh nào muốn được giải thoát khỏi sự luân hồi khổ đau – giúp những chúng sanh này phát khởi được niềm tin niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tương lai những đối tượng này cũng sẽ có thể được thành tựu, nếu làm được vậy thì họ vẫn có công đức. Dầu sao với những thoại tướng tốt đẹp của người ra đi, sẽ giúp cho nhiều người phát tín tâm, sanh khởi ý niệm mong cầu vãng sanh, tương lai họ cũng có thể sẽ nhất định được vãng sanh.

Việc thấy một làn khói trắng nhỏ thoát ra từ một điểm nào đó trên thân của người mất khi thần thức thoát xác; hiện tại bằng nhãn quan khoa học thì cho rằng, “trong cơ thể họ có một ít khí trệ và lúc này nó phát tiết ra ngoài qua phần nào đó của cơ thể,” đây là cách lý giải của khoa học hiện nay. Họ không thừa nhận đó là thoại tướng lành, họ cho đó là hiện tượng vật lý, hiện tượng vật chất, cách giải thích của họ cũng không thể nói là sai, chỉ do có hai lối nhìn khác biệt nhau, phương pháp và chỗ nghiên cứu sâu cạn của hai bên có khác nhau.

Cho nên pháp không có định pháp, điều quan trọng là người nói pháp họ nói bằng cái tâm như thế nào, nếu như đúng cái tâm từ bi thuần tịnh, *khuyến dẫn chúng sanh kiến lập tín tâm với Tịnh độ, quyết tâm cầu sanh Tịnh độ, giải thoát luân hồi*, thì cách nói của họ không có gì là lầm lỗi cả.



CHƯƠNG 9

THÂN TRUNG ẤM VÀ CÁCH THỨC SIÊU ĐỘ

---oOo---

Hỏi: Thưa, Trung âm thân là gì?

Đáp:

Trung Âm thân là gì?

Sau khi thần thức đã rời thể xác, trước khi chưa thọ thân quả báo đời sau, trong khoảng thời gian này thần thức sẽ thọ thân trung âm. Có người sau khi thọ thân trung âm chỉ qua một hai ngày thì thọ thân quả báo đời sau, có người thì một hai tuần mới thọ thân quả báo đời sau, nhưng tối đa là bảy tuần quyết định sẽ có chỗ cho thần thức thọ sanh.

Thần thức rời thể xác đi về đâu?

Ở trong khoảng vô cùng vô tận của vũ trụ, tất cả thần thức đều có sự tiếp xúc với các cảnh giới mà cảnh giới đó cũng vô lượng vô biên!

Thần thức phải ở trong thân trung ấm bao lâu?

Phần đông người chết đều có thân trung ấm, thân trung ấm thường kéo dài 49 ngày, tức 7 tuần. Thân trung ấm trong thời gian chưa đi tái sinh thì nó lại biến dịch sanh tử sau mỗi bảy ngày, mỗi 7 ngày họ lại có một lần rất đau khổ vì thần thức lại chuyển dịch qua một thân trung ấm khác – chu kỳ sinh diệt này cứ lập lại cho đến khi thần thức đi tái sinh.

Trong kinh Địa Tạng, Đức Phật phó chúc cho chúng ta, khi có người thân quyến thuộc vừa mới qua đời, trong 49 ngày đầu rất là quan trọng! Đó là giai đoạn mà thần thức đang rất là bỡ ngỡ, vì họ đột nhiên bị tiếp xúc với một môi trường mới – hoang mang giữa chết và sống, giữa thiện và ác, giữa đọa lạc và giải thoát – làm cho thần thức của người chết rất là sợ hãi, tuyệt vọng và đau khổ.

Để giúp cho thần thức của họ tái sinh vào cảnh giới tốt lành, nên Đức Phật dạy chúng ta, cứ mỗi tuần thất hãy tụng kinh niệm Phật rồi hồi hướng để bồi phước cho họ.

Việc tự sát là một điều quá sai lầm!

Tuyệt đối không nên tự tử, tự tử thì rất là đau khổ. Vì sao vậy? Phàm những người chết vì tự tử là do họ hành động tiêu cực trong lúc gặp bế tắc và quá tuyệt vọng, với tâm thức đau khổ tuyệt vọng mà ra đi như vậy khiến cho thân thức của người ấy gặp rất khó khăn trong việc thọ sinh. Và trong chu kỳ sinh diệt của thân trung ấm, cứ mỗi 7 ngày họ lại tự sát lập lại một lần; nên họ không phải chỉ chết một lần, mà cứ mỗi 7 ngày lại tự sát thêm một lần, thật là quá đau khổ! Thí dụ như người treo cổ chết, cứ mỗi 7 ngày họ lại đi treo cổ; uống thuốc độc tự tử thì cứ cách 7 ngày lại uống thuốc độc để chết trở lại.

Vì sao phải làm tuần thất cho người vừa mạng chung?

Hỏi: Thưa, khi người vừa qua đời, tại sao phải cúng tuần thất cầu siêu cho họ?

Đáp: Cầu siêu vào các tuần thất (trong 49 ngày) quan trọng vô cùng, cốt là để tạo phước lực *giúp cho thân thức của họ chuyển hóa tâm thức mê lầm, không đọa vào đường ác; vì quá 49 ngày ấy thì họ sẽ tùy theo nghiệp tội đã gây tạo mà thọ quả báo!* Kinh Địa Tạng dạy: “Nếu như có thể được, trong 49 ngày quyền thuộc nên gây tạo các việc phước thiện có thể hồi hướng, để khiến cho người mất lìa hẳn đường ác, được sanh lên cõi trời người, thọ lạc thắng diệu; hiện tiền quyền thuộc cũng được lợi ích vô biên.”

Thần thức trong cõi trung ấm cũng có khả năng nghe, cảm nhận và hiểu, trong khoảng thời gian này nếu tụng kinh niệm Phật, hoặc sám hối rồi hồi hướng cho họ, có thể giúp họ chuyển sanh vào các cảnh giới an lành. Nếu người nhà tu phước dùm

họ, có thể giảm bớt nghiệp tội, giảm bớt sự đau đớn của họ. Còn nếu gia quyến không tu phước cho họ, thì họ không có cách nào tránh khỏi việc theo nghiệp mà thọ báo. Đây là việc đức Phật dạy cho chúng ta biết rõ. Nên ***thân quyến khi cúng thất cần phải cúng đủ cả bảy thất, không thể lựa chọn vài thất để cúng***, không thể làm như vậy được! Vì sao vậy? Vì cứ cách 7 ngày, họ lại chịu một lần biến dịch sanh tử, mỗi một tuần thất thì thân thức của người đó lại diễn lại trạng thái “tử vong” một lần, rất đau đớn! Chúng ta từ kinh điển hiểu được những đạo lý này, cho nên lợi ích của sự [đọc kinh] niệm Phật cũng rất là hữu dụng.

Hỏi: Thưa, phải làm tuần thất như thế nào mới có lợi ích cho người mất?

Đáp: Trong khoảng thời gian 49 ngày, mỗi tuần thất họ đều có biến dịch sanh tử, sự sanh tử này đối với họ khá đau khổ; cho nên làm những Phật sự là để giúp cho họ giảm bớt đau khổ, giúp cho họ tiêu nghiệp, tăng thêm phước lực.

Bạn nên làm các việc thiện rồi hồi hướng cho họ, nếu như trong 49 ngày này, ngày nào bạn cũng tu phước cho họ thì phước báu họ sẽ lớn lắm, mới thật sự có ích; cái duyên này cũng thù thắng hiện tiền, âm dương đều lưỡng lợi, gia đình quyến thuộc nên hiểu cái lý này.

Tu phước đây bao gồm rất nhiều việc, nhưng nên lấy việc niệm Phật và tụng kinh hồi hướng làm đầu. Nếu dùng của cải của người mất để lại, đem cúng dường Tam Bảo hay bố thí khắp nơi thì phước báu sẽ càng lớn hơn nhiều, có thể giảm bớt

sự đau đớn của họ, trong *kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh* có nói đến việc này.

Hỏi: Thưa, tuần thất được bắt đầu tính vào lúc nào?

Đáp: Theo Phật Giáo Trung Quốc thì cho rằng cái ngày người mất tắt thở, bắt đầu từ đó mà tính tuần thất.

Nghiệp lực và cảnh giới tái sinh.

Hỏi: Thân trung âm như thế nào, tồn tại trong thời gian bao lâu, và đi tái sinh bởi động lực nào?

Đáp: Thân trung âm không phải là thân có xác thịt mà chỉ lấy tư tưởng làm thân. Thời gian trung bình của thân trung âm là khoảng 49 ngày, rồi tùy theo nghiệp lực mà thân thức của người ấy bị lôi kéo về nơi tái sinh tương lai, tức là sẽ đi tái sinh vào một cái thân thể mới. Còn khi chưa tái sinh vào cuộc sống kế tiếp được thì nó lại chết đi sau mỗi bảy ngày, lại chuyển qua một thân trung âm khác, và chu kỳ sinh diệt này cứ lặp lại như vậy cho đến khi thân thức tìm thấy một nơi khế hợp với nghiệp lực của nó để đi tái sinh.

Nhưng không phải ai chết cũng phải trải qua giai đoạn thân trung âm.

- Không qua giai đoạn thân trung âm, có 3 hạng người:

1. Người đại thiện, hoặc người tu tập chứng ngộ, khi chết họ trực tiếp tái sinh vào cảnh giới tốt lành chứ không qua giai đoạn thân trung ấm này. Người được sanh thiên, phước trời rất lớn, vừa tắt thở là họ sanh thiên ngay, không có thân trung ấm.

2. Người đại ác độc hay người phạm tội đại ngũ nghịch, khi vừa mới tắt thở liền bị đọa vào địa ngục, vào địa ngục vô gián. Thật là, không biết cái khổ của địa ngục nghiêm trọng biết bao nhiêu so với cái khổ của tứ đại phân ly, cái khổ nhỏ này không nhận mà lại mau mau đi nhận cái khổ lớn kia!

3. Người tu niệm Phật được Vãng Sanh, vừa tắt thở là trực tiếp sang ngay thế giới Cực Lạc Tịnh Độ.

- Qua giai đoạn thân trung ấm:

Thường là hạng người tiểu thiện hay tiểu ác. Do các nghiệp thiện ác sinh diệt từ nhiều đời trước cho đến nay vẫn chưa phân định rõ, nên họ chưa thể thọ thân quả báo đời sau được, trong khoảng thời gian này thần thức sẽ thọ thân trung ấm. Đến khi họ gặp nhân duyên ứng hợp thì thần thức sẽ đi tái sinh vào cảnh giới tương ứng.

Trong kinh điển Đại thừa đức Phật thường nói rằng tất cả hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả vô tình chúng sanh đều có Pháp tánh. Chúng ta phải hiểu rõ thêm cái “tánh” này, cái Phật tánh, Pháp tánh là không sanh không diệt. Do “tánh” không sanh không diệt, nếu tánh mê thì biến thành “thức”. Chúng ta thường gọi là linh hồn. Đó là tự tánh mê rồi thì biến thành ra hình trạng này, biến ra thần thức – thần thức sẽ đi đầu thai trong lục đạo. Không kể là đầu thai bằng phương cách nào

thì nó cũng không sanh không diệt. Đến khi nào giác ngộ rồi thì nó thành Phật, thành Bồ Tát. Giác ngộ thì được đại tự tại, không giác ngộ thì bị nghiệp lực chuyển.

Cho nên thần thức, đi đâu thai chứ không bị mất đi; nó sẽ chuyển biến chứ không tiêu diệt. Nếu giác ngộ thì sẽ chuyển thành Phật tánh, nếu mê thì nó chuyển thành thần thức; nó sẽ chuyển biến tùy theo mê hay ngộ và vĩnh viễn không tiêu diệt!

*Và sự chuyển đổi sự sống từ đời sống này sang đời sống khác tiếp nối mãi không ngừng dứt gọi là **sanh tử luân hồi**. Người có tâm thiện hạnh càng chuyển đổi thì càng đẹp; người có tâm bất thiện, tâm tạo ác thì càng chuyển đổi càng tệ hơn – đổi thành thân súc sanh, thành thân ngạ quỷ, kém rất xa so với thân người.*

Hạng người chấp trước cùng cực!

Thông thường 49 ngày là thời gian dành cho thân trung ấm, nhưng có một số ít người vẫn sống vất vưởng trong thế giới này với thời gian rất lâu; có khi đến vài năm, thậm chí vài chục năm, trăm năm sau cũng vẫn chưa đầu thai, họ vẫn ở trong trạng thái này. Nếu trường hợp họ bị kẹt lại lâu trong thế giới trung gian này, *không còn được gọi là thân trung ấm nữa mà gọi là oan hồn hay ma quỷ vì không siêu thoát được.*

Đây là những hạng người nào? Là hạng người vô cùng chấp trước, họ tham luyến cuộc sống vừa mới rời bỏ hoặc họ chấp ngã tham đắm về cái thân xác của quá khứ, họ chẳng

muốn đi đầu thai vì chẳng nở xa lìa cái thân thể đó, và hơn phân nửa loại quý này họ sống trong mê mả, gọi là “quý giữ thân ma”. Ngoài ra còn những người chẳng nở xả bỏ căn nhà của họ, họ không đi đầu thai, nên căn nhà ấy trở thành nhà có quý.

Trạng hưởng của thân trung ấm.

Hỏi: Thừa trạng hưởng của thân trung ấm như thế nào?

Đáp: “Đại quý Vô Thường không hẹn mà đến, thần thức mịt mờ không biết tội phước, chưa rõ là tội hay phước, trong bốn mươi chín ngày như ngậy như điếc.” Đây, trạng hưởng của họ là “minh minh du thần,” đây tức là hồn phách, trong Phật pháp gọi là A Lại Da Thức, người thể tục gọi là linh hồn.

Khi thần thức lìa khỏi thân thể cũng giống như người nằm mộng rồi đi mất, không tỉnh dậy trở lại, sự việc giống như vậy, nó đi đến một không gian khác để sanh sống. Nếu bạn hiểu được đạo lý này thì người ta có chết không? *Không có chết, chết là thần thức của bạn rời thân thể này đi đến một cảnh giới khác, đi tìm một thân thể khác.*

Ở đây cũng cần phải giải thích cho quý vị biết một việc, họ thường gọi đó là “*linh hồn*” nhưng theo tôi thì không có “linh”. Vì nếu hồn này linh thì lúc đến đầu thai nhất định sẽ đầu thai vào nhà đế vương quyền cao chức trọng, giàu sang phú quý, để vừa sanh ra thì liền được hưởng phước, thế thì vui sướng tự tại biết bao! Tại sao họ lại đến đầu thai vào nhà một người bình thường, tại sao lại đi vào nga quý, địa ngục, và súc

sanh đạo! Từ đó có thể biết được, hồn này chẳng có linh! Rốt cuộc thì hồn này như thế nào? Là mê hoặc điên đảo vì nó chẳng thể làm chủ được chính nó! Nếu bạn không tin thì bạn suy nghĩ kỹ thử xem: ban đêm nằm mộng thì đầu óc không sáng suốt như khi tỉnh giấc. Từ chỗ này có thể biết được, lúc trong mộng thì mê, tỉnh giấc thì mới sáng suốt!

Thần thức của người rời khỏi thân thể cũng giống như nằm mộng, cho nên gọi là ‘mê hồn’, không phải ‘linh hồn’. Khổng lão Phu tử nói trong kinh Dịch (phần Hệ từ) là: “*Du hồn vi biến, tinh khí vi vật*”, “biến” nghĩa là người đó đi đâu thay, đi đổi một cái thân thể khác. Hồn là gì? Bay tới bay lui với tốc độ rất nhanh, trôi giạt chẳng định, cách miêu tả trạng thái của chữ “du hồn” này rất giống với chữ “thần thức” trong nhà Phật.

“Vị tri tội phước” bấy giờ họ cũng chưa biết rõ là mình đã gây tội hay tạo phước nữa, thật sự “như si như lung” ngu dốt đần độn, trong bốn mươi chín ngày là trong trạng huống như vậy, chúng ta gọi là thân “trung âm”. Do đó trong thân *trung âm đều mê hoặc, không biết gì cả, không nghe rõ bất kỳ âm thanh nào*; nhìn bên ngoài không gian như một đám sương mù dày, chỉ thấy tối đen mờ ảo mông lung. Nơi nào có duyên thì họ nhìn thấy nơi đó có ánh sáng. Họ sẽ men theo ánh sáng đó và tìm đến, nên gọi đó là duyên số. Màu sắc lớn nhỏ của ánh sáng đó không giống nhau, đó chính là sự khác biệt của sáu đường!

CHƯƠNG 10

NHẬN THỨC “CHẾT” LÀ VIỆC LỚN NHẤT CỦA ĐỜI NGƯỜI VÀ CÁCH THỨC GIÚP ĐỠ THẦN THỨC TRƯỚC VÀ SAU KHI LÂM CHUNG

---oOo---

Hỏi: Thưa, trước và sau khi họ lâm chung, chúng con cần phải làm thế nào để giúp đỡ cũng như tránh những việc gì sẽ gây tổn hại cho thần thức của họ?

Đáp: Con người vốn do tâm thức và thể xác hòa hợp mà thành, tâm thức không biến hoại theo thời gian, nhưng thể xác thì biến hoại tuân theo quy luật sanh lão bệnh tử. Mỗi khi tâm thức rời khỏi thể xác, hơi thở không còn, hơi ấm tiêu tan, đời sống chấm dứt gọi là “chết”, sự thật thì thể xác có chết nhưng tâm thức thì vẫn tồn tại.

Thể xác thì biến hoại nhưng tâm thức thì không bao giờ biến mất.

Gia đình nên chú trọng tâm thức của người chết, cần làm cách nào để thần thức người ấy không bị thống khổ, để thần thức người ấy có sự an tịnh, cần tiếp dẫn thần thức đi về thế giới nào, cần những nhu cầu gì, cần làm việc gì để thần thức có lợi, và tránh những việc gì sẽ gây tổn hại cho thần thức... Các vấn đề nêu trên là vô cùng khẩn yếu, rất quan trọng!

Hơi thở tuy chấm dứt nhưng thần thức vẫn chưa rời thể xác.

* Người bệnh sau khi hơi thở chấm dứt nhưng thần thức vẫn chưa rời thể xác nên họ vẫn còn tri giác. Phải trải qua một thời gian đến khi toàn thân lạnh hẳn, thần thức rời khỏi thể xác, ngay đó mới được gọi là chết.

* Sau khi chấm dứt hơi thở, trước khi thần thức chưa rời thể xác, thời điểm này tâm thức vô cùng thống khổ. Bởi do cảm thương thân phận đã chết mà rơi nước mắt, cũng vì muôn duyên tham luyến thế gian, thương yêu vợ con, tài sản... mà khó buông bỏ, hoặc nhân tâm nguyện chưa thành đột nhiên cái chết đến mà bị ai sâu não, hoặc nhân oan ức chưa bày tỏ mà không chịu nhắm mắt ... vì thế vào thời điểm này là thời điểm mà mọi sự bị ai khổ não chông chát. Nếu thể xác bị người sống xô dịch hoặc nghe tiếng kêu khóc, há chẳng làm cho thần thức muốn rời thể xác nhưng thể không rời được, phải cảm thọ vô vàn nỗi đau đớn! Người sống nữ nào lại nhẫn tâm như thế để làm hại người chết hay sao? Những nhận thức của việc làm nông nổi này, khiến người chết vô cùng bị ai thống khổ, việc làm như thế không phải là người có trí tuệ.

Nghĩa đạo của thân quyến đối với người vừa mạng chung.

Người đời không biết lúc nào thần thức sẽ rời khỏi thể xác, không biết xót thương nỗi thống khổ của người chết, không biết tác dụng của việc cứu độ, không biết tầm liệm đúng cách thức... Nói cách khác, đối với người chết việc cần làm thì họ không làm, việc không nên làm thì họ lại làm, nếu nói không quá đáng thì đó là hạng người điên đảo không trí tuệ! Đối với vấn đề quan trọng “Chết”, họ quy về thái độ bàng quang không

hay biết, phụ ơn thân quyến, phụ ơn hiếu đạo, chỉ làm cho xong việc, cam tâm biến nhận thức thành sai lầm, như thế người sống đối với người chết há không phải là quá lạnh lùng hay sao?

“**Chết**” là việc lớn nhất của đời người, chỉ có y cứ vào Phật pháp mới có được sự nhận thức chính xác, mới có được sự lợi ích triệt để đối với người chết. Các vị nhân sĩ nếu có chỗ nào hoài nghi nên thân cận các vị pháp sư để thưa hỏi, không những giải nghi mà còn nâng cao tầm nhận thức và kiên cố tín tâm. Sự việc liên quan đối với người chết, chúng ta không thận trọng hay sao? Nay tôi đem các yếu điểm của việc trước và sau khi lâm chung xin biện giải một cách rõ ràng.

Lưu ý về cách thức trợ niệm, cần làm cho đúng pháp, đối với việc trước và sau khi người bệnh chết.

Sau khi người bệnh *vừa tắt thở*, nhưng thân thức người chết vẫn chưa rời thể xác, người chết không chỉ còn ở trạng thái hấp hối có cảm giác, mà cảm thọ của họ lúc này tột cùng đau đớn như rùa bị lột mai. Do đó trước khi thân thức chưa rời khỏi thể xác, người thân quyến cần đặc biệt quan tâm, nên đem những lời Phật pháp khai thị, với âm thanh trong trẻo dịu dàng để an ủi người bệnh khiến cho tâm họ được an tịnh.

Khi người bệnh vừa mới chấm dứt hơi thở, thân quyến không được di chuyển thân thể, không được bi ai khóc lóc khiến thân thức người bệnh bị bi lụy. Đồng thời phải nên để tâm suy nghĩ giờ này thân thức đang ở đâu? Cần biết thân thức sẽ tùy theo nghiệp lực thiện ác để cảm thọ cảnh giới khổ đau

hay hạnh phúc nào? Cần làm cách nào để tiếp độ thân thức ra khỏi ba cõi, đạt đến sự an vui Niết bàn tịch tịnh? Những việc này người đời hoàn toàn thường không hay biết!

Nhân đây tôi thành khẩn xin kêu gọi mọi người, với người bệnh sau khi mới chấm dứt hơi thở trước khi thân thức chưa rời thể xác, trong khoảng thời gian từ mười giờ cho đến mười hai giờ đồng hồ. Phòng người bệnh nên duy trì sự yên lặng, không có các việc chuyển động như trên đã nói, để bảo vệ thân thức người chết được yên tịnh và an ổn. Tư thế người bệnh nằm, nên để tự nhiên không được xô dịch.

Nếu bị đụng chạm, họ sẽ đau đớn như bị tra tấn, dễ khởi tâm sân giận, vì sân giận họ dễ bị đọa vào ba đường ác... Trong kinh Phật nói, một ý niệm sân giận chiêu cảm vào đường địa ngục, một ý niệm tham lam chiêu cảm vào đường ngạ quỷ, một ý niệm ngu si đầu thai vào đường súc sanh.

- Người tu niệm Phật, nếu sanh tâm sân hận thì coi như cắt đứt cái duyên vãng sanh của họ rồi.

- Người bình thường sanh tâm sân hận, nếu nghiệp chướng nặng họ sẽ đọa vào địa ngục, cho dầu nghiệp chướng không nặng đi nữa thì họ sẽ đầu thai vào loài súc sanh. Họ sẽ đầu thai vào loại gì trong đường súc sanh? Họ đầu thai làm rắn độc, cạp, beo, hay loài thú dữ ... họ sanh vào loài này vì do tâm sân hận mà đi đầu thai.

Hỏi: Thưa, nếu hơi thở sau cùng của họ là niệm Phật, vậy có thể xác quyết là họ vãng sanh Cực Lạc không, đã nói tu niệm

Phật vãng sanh, không có thân Trung âm, vậy sao cần phải trợ niệm thêm?

Đáp: Việc họ có thật Vãng Sanh hay không, cần phải xem lại nhân duyên Tín-Nguyện-Hạnh của họ nữa.

Tuy người niệm Phật thật sự vãng sanh, khi tắt thở là họ đi liền – không có thân trung âm – nhưng vì sao vẫn phải niệm Phật giúp họ thêm 10, 12 tiếng nữa ư? Bạn phải hiểu là tại sao bạn đến đây trợ niệm giúp họ! Việc cần trợ niệm (tối thiểu) thêm 8 giờ nữa – sau khi họ tắt hơi – là để hoàn thành giai đoạn chót của việc trợ niệm, mục đích cốt yếu là nhằm giúp cho họ được Vãng Sanh an toàn, ý nó là vậy!

Chỉ có lợi chứ không có hại, lúc họ vừa mới qua đời mà có được nhiều người trợ niệm như vậy sẽ giúp tăng cao phẩm vị cho họ, có được nhiều người ủng hộ như vậy khi họ đến thế giới Cực Lạc cũng rất là vinh quang – vì đằng sau có rất nhiều người ủng hộ – không đến nỗi là phải cô thân chiếc bóng một mình, ý là vậy, các vị nên biết ý này. Hơn nữa âm dương thầy đều lưỡng lợi:

- Dầu họ ra đi rồi, cũng sẽ biểu hiện cho chúng ta thấy những điều lành, như giúp niệm Phật càng lâu, thì gương mặt thoải tương của họ càng đẹp, giúp chúng ta sanh khởi tín tâm hơn.
- Đồng thời dầu có để 1, 2 tuần sau mới thay y phục, toàn thân họ vẫn mềm mại, không giống những người bình thường, như vậy sẽ giúp mọi người kiên cố cầu sanh Tịnh Độ.

Hỏi: Thưa, trong thân trung âm có thể niệm Phật vãng sanh không?

Đáp: Cư sĩ Hồ, tổng kết sự của đạo tràng chúng ta, đã học Phật được mười mấy năm, nhưng mẹ của cô thì không có học Phật – mẹ cô là một người rất lương thiện nhưng chưa từng tìm đến Phật pháp – thấy con gái học Phật, bà cho là mê tín. Đến khi bà bị bệnh, bệnh rất nặng, một số bạn đạo của con gái bà đến bệnh viện để trợ niệm cho bà, bà cũng niệm theo nhưng vẫn nửa tin nửa ngờ. Bà hay hỏi, “có thật không? có thật là như vậy không?” Có một vị pháp sư thường hay khai thị cho bà, nhắc nhở bà, “phải niệm Phật cùng với mọi người, có vậy bà mới đi được,” nên mới biết việc trợ duyên rất là quan trọng!

Tang lễ của bà được tổ chức tại Thiện Quả Lâm ở Taiwan, một đạo tràng Tịnh Tông của chúng ta, nơi đây đã làm Tam Thời Hệ Niệm và tuần thất suốt 49 ngày; cũng coi như là bà tốt duyên vì có hơn 300 bạn đạo niệm Phật suốt ngày đêm không gián đoạn, 49 ngày không gián đoạn. Linh cửu của bà được quản tại phòng kế bên Niệm Phật đường.

Cô con gái gặp một bà cậu, vì mẹ của cô nhập vào người của bà cậu ấy mà báo rằng, bà cũng biết là mình đã qua đời! – Bà còn hỏi rằng, “tại sao các vị lại tốt với tôi như vậy, có phải là nhờ con gái của tôi không?” – Bà cũng rất kinh ngạc, “tại sao mọi người lại tốt với tôi như vậy?” Đây là lần đầu bà ấy báo tin!

Chúng tôi đều khuyên bà ấy niệm Phật, khuyên bà cầu sanh Tịnh độ vì hiện tại bà đang ở trong thân trung ấm.

Sau khi nghe khuyên xong, bà vô cùng cảm tạ, sau khi cảm tạ rồi thì bà hỏi chúng tôi về Phật pháp, “thế nào là Phật? vì sao lại phải niệm Phật? niệm Phật có lợi ích gì không?” Có một vị pháp sư trẻ tuổi giảng giải cho bà hiểu, bà hỏi rất là nhiều... và sau khi nghe giải đáp rồi thì bà rất hoan hỷ nói, “Tốt! Vậy thì tôi sẽ nghe kinh.” Bà muốn nghe kinh. Bà muốn nghe kinh thì người nhà cho bà nghe kinh, TV được đặt bên cạnh quan tài, rồi mở kinh Địa Tạng.

Lại nữa, đích thân bà yêu cầu buổi tối phải thay đĩa, nghe xong rồi phải đổi đĩa khác, người đi thay đĩa rất là vất vả! Nên bà bảo cô con gái, hãy đi tìm cái máy nào chứa được 400 bài hát. Quả là có! Cô con gái đã tìm được máy có thể chứa được 400 bài trong đó.

Mở kinh Địa Tạng cho bà nghe suốt ngày đêm không gián đoạn, sau đó không thấy bà nhập hồn nữa, hình như hơn 2 tuần không thấy. Đến hơn 2 tuần sau, bà lại nhập lên lần nữa – hỏi, “bà đã đi đâu?” – bà trả lời, “không có đi đâu, chỉ đang nghe kinh”.

Sau khi nghe kinh suốt ngày đêm, khoảng mười mấy ngày, bà lại nhập lên nói, “bây giờ không cần nghe kinh nữa, chỉ cần niệm Phật thôi!” – Bà còn nói, “tôi sẽ được vãng sanh, nhưng sao Đức Phật A Di Đà vẫn chưa đến rước tôi nữa!” khoảng thời gian sau cùng thì bà chỉ niệm Phật.

Đến ngày trung thất Tam Thời Hệ Niệm – ngày thứ 49 – bà lại nhập xác về nói, “Cám ơn mọi người đã giúp cho tôi tăng thượng duyên này, rất là cám ơn, tôi đã vãng sanh thế giới Cực Lạc rồi!” Mọi người hỏi bà đã về phẩm vị nào, bà cho biết, “*Hạ Phẩm Trung sanh*”!

Một người chưa từng biết đến Phật pháp mà sao lại được như vậy, là do thân trung ấm được độ. Bà là người thứ nhất trong thân trung ấm được độ mà chúng tôi đích thân chứng kiến!

Hỏi: Thưa, tại sao với khoảng thời gian được tiếp xúc với Phật pháp ngắn như vậy mà bà ấy vẫn được vãng sanh?

Đáp: Vì trong kiếp quá khứ bà đã tu qua pháp môn này, nhưng tu chưa có viên mãn, nên đời này khi lâm chung được nghe lại, khiến cho thiện căn đời trước trỗi dậy.

Bà đã dũng mãnh, tinh tấn, buông bỏ vạn duyên, không có mây may lưu luyến, cho nên bà ấy mau chóng được thành tựu!

Việc hy hữu khó được hơn là bà ấy lúc còn sống bà cũng không tin Phật, chết rồi cũng không tin Phật, đến khi chết rồi, trong thân trung ấm bà đã nhận rõ, nghe theo những lời trợ niệm này. Khi bà ta không còn thân người, mà trong thân trung ấm, nghe theo lời trợ niệm bà cũng được vãng sanh. Điều này chứng tỏ rằng đời trước bà đã có căn duyên niệm Phật – lúc còn sanh tiền bà không có duyên được nghe Phật pháp – nên khi

mắt vừa nghe qua bà liền giác ngộ, là cái *nhân* thù thắng; thêm được thiện hữu khai thị trợ niệm, là *duyên* thù thắng!

Vậy thì cũng giống như bà ấy, nếu ý chí và tín tâm của họ được kiên định như vậy thì từ trường của bạn không làm ảnh hưởng đến họ, họ vừa khởi tâm thì Đức Phật A Di Đà liền phóng hào quang nên họ được lợi ích. Chỉ cần họ vừa khởi niệm thì liền được gia trì, cho nên mới nói, *sự cảm ứng thật bất khả tư nghì!*

Hỏi: Thưa, người chết khi vào thân trung ấm, nếu được bạn bè niệm Phật, làm Phật sự siêu độ suốt 49 ngày cho họ, xin hỏi vậy có thể siêu độ giúp thân trung ấm này vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc không? Hay tự chính thân trung ấm này niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì Phật mới tiếp dẫn? Thân trung ấm có thể tự niệm Phật mà cầu vãng sanh không?

Đáp: Tự thân trung ấm niệm Phật cầu vãng sanh rất ít thấy, thật sự rất là hiếm có, nhưng quả thật vẫn là có. Câu chuyện về mẹ của cư sĩ Hồ chính là vấn đề mà bạn muốn hỏi đây. Bà ấy quả thật được vãng sanh!

Lúc còn sanh tiền bà ấy không có biết Phật pháp, sau khi chết rồi mới học Phật. Trong 49 ngày làm Phật sự siêu độ cho bà, mọi người trong đạo tràng, ngày nào cũng tụng kinh niệm Phật hồi hướng cho bà. Thân trung ấm của bà vẫn chưa có rời khỏi để đi thọ sanh, thân trung ấm rất là cảm động, bà muốn nghe kinh và phát tâm niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc. Thời gian sau cùng của thân trung ấm là ngày thứ 49, bà lại nhập xác về báo cho mọi người là Phật A Di Đà tiếp dẫn bà về Hạ phẩm

Trung sanh. Cho nên con người sau khi tắt thở, việc trợ niệm suốt 49 ngày cũng rất quan trọng, rất là quan trọng!

Việc bà có được vãng sanh thật hay không, thật sự mà nói, chúng tôi nghĩ là chính xác, vì thiện căn trong đời quá khứ của bà ấy sâu dày – trong kiếp quá khứ của bà, bà đã từng học qua pháp môn này. Nhưng trong đời này, bà được sanh trong gia đình giàu sang nên quên sót lơ là, nhưng đến khi sắp chết gặp thiện duyên nên bà tỉnh ngộ. Đây là sự thật!

Nay khi bạn hỏi, thì hiện đã có chứng cứ, chúng tôi đã có thí dụ là thân trung âm có thể vãng sanh được; nhưng cũng phải nhờ vào thiện căn của đời trước thì đời này mới gặp được thiện duyên, nên bà ấy gặp được nhiều người trợ niệm giúp như vậy. Lúc đó Niệm Phật đường có hơn 300 người niệm Phật giúp bà suốt 49 ngày, đây là pháp duyên hy hữu rất khó mà gặp được!

Hỏi: Thưa, khi người mẹ qua đời, đang còn trong giai đoạn thân trung âm, nếu con cái chân thành niệm Phật, có giúp được mẹ mình vãng sanh Tịnh Độ, không cần thọ sanh theo nghiệp nữa phải không?

Đáp: Có thể, trong kinh Địa Tạng, bà La Môn nữ và nữ Quang Mục đã thực sự cứu độ được mẹ của mình. Nếu như con cái biết được về thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất tâm nhất ý vì mẹ mà niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đồng thời thân trung âm của người mẹ cũng chịu hiệp tác niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, thì có thể vãng sanh. Còn nếu như thân trung âm của người mẹ bạn không chịu hiệp tác thì không thể được, bà không thể vãng

sanh! Cho nên, nhất định cần phải có sự cộng tác của bà, vì có người chịu cộng tác cũng có người không chịu.

Hỏi: Thưa, ánh sáng của Phật mà thân trung âm nhìn thấy có ánh sáng nào, có sắc sáng êm dịu hay là thứ ánh sáng sợ hãi, chói mắt như ánh sáng chớp lóe?

Đáp: Ánh sáng của Phật phóng ra rất là viên mãn, như phần vừa mở đầu kinh Địa Tạng (cho thấy) đức Phật liền phóng “đại quang minh vân”.

Ánh sáng của Phật màu sắc gì ư? Bởi do căn tánh, cơ duyên của mỗi người không giống nhau, cho nên màu sắc mỗi người nhìn thấy đều không giống nhau, thậm chí nhìn sắc tướng của Phật, ánh sáng của Phật mỗi người nhìn thấy cũng không như nhau. *Tâm tưởng của mọi người không giống nhau, nên chẳng phải là do tùy tâm tưởng sinh sao?*

Nhưng chắc chắn ánh sáng của Phật là viên mãn, êm dịu. Còn ánh sáng của ma mới chói lóa như đâm vào mắt, giống như ban ngày chúng ta nhìn vào mặt trời vậy, cặp mắt mình chịu không nổi – ánh sáng của ma khác với ánh sáng từ bi của Phật ở chỗ này!

Hỏi: Thưa, trong kinh Độ Vong Tây Tạng miêu tả, ánh sáng của Phật là ánh sáng dữ dội chói mắt, còn Lão Pháp sư lại nói ánh sáng của Phật êm dịu, khi chạm vào rất là dễ chịu, tại sao lại như vậy?

Đáp: Việc này không sai, ánh sáng dữ dội chói mắt, không phải là ánh sáng của Phật. Ánh sáng của Phật rất rực rỡ chói rọi, xán lạn huyền diệu, và bạn sẽ cảm thấy ưa thích khi tiếp xúc với từ trường của Phật. Còn từ trường của ma, bạn sẽ cảm thấy rất là *ảm đạm mù mờ, bức bách thúc dục*, nên ánh sáng dữ dội là ánh sáng của ma chứ không phải ánh sáng của Phật.

Tôi tin rằng trong kinh điển Đại thừa dạy rất là có lý, nhất là kinh Lăng Nghiêm có nói về 50 mươi loại âm ma, khác biệt giữa Phật và ma rất là rõ ràng!

Hạng phàm phu chúng ta nếu không biết được sự thật này thì thường cho ma là Phật, chúng cũng có thân sắc vàng, cũng có ánh sáng vàng; nhưng bạn sẽ sợ hãi khi gặp chúng, bạn vừa kính trọng chúng vừa sợ hãi chúng.

Nhưng đối với chư Phật Bồ Tát thì không phải vậy, vì chư Phật Bồ Tát có lòng từ bi, bạn tôn kính Ngài, bạn sẽ không cảm thấy sợ hãi hay cảm thấy không an toàn khi tiếp xúc với ánh sáng của Ngài, không có những cảm xúc này!

Hỏi: Trong kinh Độ Vong khai thị cho người mất nói: “Ngay khi bạn thấy ánh sáng dữ dội chói mắt, bạn hãy lập tức mạnh dạn bay vào, vì đó là ánh sáng của đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn bạn. Còn khi bạn thấy ánh sáng tối tăm êm dịu, nhất định bạn không được bay vào, vì đó là ánh sáng của ba đường ác”. Xin hỏi nói như vậy có đúng không?

Đáp: Ánh sáng của ba đường ác không có êm dịu, tối tăm là thật. Nó tối tăm ảm đạm, không có dữ dội! – *Nhưng ánh sáng*

của chư Phật Bồ Tát thì rất mạnh, rất êm dịu, việc này nhất định bạn phải nên biết.

Nếu chúng ta y theo bộ kinh nào để tu hành, thì phải y theo phương pháp và lý luận của bộ kinh đó. Nếu bạn theo kinh Tây Tạng độ vong để tu, thì bạn phải hoàn toàn y theo nghi thức của nó, phải thành một bậc minh sư để chỉ dẫn bạn những phương pháp lý luận mà họ y cứ.

Giữa Hiền và Mật không giống nhau, không thể trộn lẫn lại với nhau! Cũng giống như chúng ta cầu học, đã theo vị thầy này dạy rồi thì bạn không thể theo vị thầy thứ hai; vì mỗi một thầy có một phương pháp dạy khác nhau, có cách suy nghĩ riêng, không ai giống ai. Cho nên bạn cùng một lúc theo hai vị thầy thì bạn sẽ bị rối loạn, rất khó thành tựu.

Hỏi: Thưa, nguyện lực và sức oai quang tiếp dẫn người lâm chung Vãng Sanh của Phật A Di Đà thật chẳng thể nghĩ bàn, xin lão Hòa Thượng từ bi khai thị rõ cho.

Đáp: Khi sắp mạng chung nếu họ thật tín sâu, nguyện thiết, niệm Phật, với cái tâm năng niệm này thì chủng tử Phật tự nhiên hiện ra (tức duyên tự lực) và hoà chung với thường chiếu quang của Phật A Di Đà (tức duyên tha lực). Khi ấy duyên tự lực và duyên tha lực có cảm ứng đạo giao, thần thức liền theo quang minh Phật mà Vãng Sanh Cực Lạc.

- Sách Luận Chú viết: “Nếu gặp được quang minh của Phật A Di Đà chiếu đến thì giải thoát được các sự ràng buộc nơi ý nghiệp, vào nhà Như Lai, rốt ráo đắc ý nghiệp bình đẳng”.

- Ngài Đàm Loan nói: “Quang minh này rạng ngời, ly cấu; lại còn tiêu trừ tham trước và tội cấu của chúng sanh”.
- Ngài Ngẫu Ích đại sư nói: “Phật A Di Đà, tuy tâm Ngài chẳng ở đâu lại, mà chính thân Ngài có đến thực, cúi xuống tiếp dẫn vô lượng chúng sanh không hề gián đoạn. Người tu Tịnh Nghiệp, tâm mình cũng chẳng đi đâu, mà chính thân mình có đi thực, mang thể chất mình gửi trong hoa sen báu.”

Căn duyên của sự thù thắng này là do Phật quang vô cùng thanh tịnh của Ngài chiếu khắp mười phương, vô biên vô ngại. Đây cũng là cái lý “cảm ứng đạo giao” của sự tiếp dẫn vãng sanh của Phật A Di Đà.

Nên người niệm Phật chân thật, tích trữ được đầy đủ thiện căn phước đức, giữ vững Tín-Nguyện-Hạnh, trì danh niệm Phật sâu dày, không gián đoạn; chính là người hữu duyên gặp được quang minh này khi lâm chung – *giải thoát được các sự ràng buộc nơi ý nghiệp* – nên cùng đại quang minh vân của Phật khởi tác dụng cảm ứng đạo giao, liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Hỏi: Đệ tử dựa vào kinh ‘Độ Vong của Tây Tạng’ để trợ niệm và khai thị siêu độ cho thân trung âm, không biết làm vậy có đúng pháp đúng lý không?

Đáp: Ý chiếu theo kinh điển để làm là đúng pháp đúng lý. Nhưng *điều quan trọng nhất là tâm phải thanh tịnh, phải chí thành thì sẽ có cảm ứng*, sẽ được linh nghiệm.

Hỏi: Có đoàn trợ niệm cho rằng, trong sách ‘Cứu độ thân trung ấm’ có nói, sau khi con người tắt thở vài tiếng đồng hồ, vẫn có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Xin hỏi nói như vậy có chính xác không?

Đáp: Có được vãng sanh hay không còn ở chính ý niệm của người mất nữa. Nếu khi sắp chết do tâm thức bị mê hoặc nên quên mất ý niệm cầu vãng sanh, nhưng sau khi họ tắt thở rồi – nhà Phật nói, tuy đã tắt thở nhưng sau 8 tiếng đồng hồ thần thức mới rời khỏi xác – nếu được trợ niệm thì họ vẫn nhận biết được. Nên mục đích của việc trợ niệm (sau khi họ tắt thở) là để thức tỉnh họ, nếu như họ giác ngộ, phát tâm cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc thì cũng được độ!

Hỏi: Thưa, trong sách ‘Cứu độ thân trung ấm’ có đoạn: “Sau khi con người chết được 4 ngày, đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng màu đỏ, chói lọi sáng suốt, với những tia sáng hình cầu lóe mắt, đó là ánh sáng của trí huệ,” đến tiếp dẫn người chết. Nhưng có khi trong sách đó lại nói: “Đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng trắng đến tiếp dẫn,” rốt cuộc không biết đức Phật A Di Đà sẽ phóng ánh sáng nào đến tiếp dẫn đây?

Đương nhiên nếu công phu niệm Phật chín muồi, khi tắt thở lập tức được Đức Phật lai nghinh tiếp dẫn, nhưng ngộ nhờ công phu chưa đủ thì sao, vấn đề này cần phải làm cho rõ hơn mới được, xin sư phụ chỉ dạy cho.

Đáp: Do căn tánh, cơ duyên của mỗi người không giống nhau, cho nên mỗi người cũng sẽ nhìn thấy sắc tướng của Phật, ánh

sáng của Phật đều không giống như nhau, nhưng chắc chắn quang minh Phật rất là rạng ngời viên mãn.

Phàm người tu niệm Phật, đến phút chót không thể vắng sanh đều không ngoài hai nguyên nhân:

- Một là, tham đắm tình thân, đây là tham ái.
- Thứ hai là, oán thân chủ nợ không buông xả được, họ [oan gia chủ nợ] có lỗi đối với người đó, người đó chưa báo thù, vẫn còn giữ chặt trong lòng, đây là sân nhuê, cả hai đều không thể vắng sanh. *Cho nên đối với thân tình, oan gia chủ nợ phải nên xem lọt một chút, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh độ.*

Bình thường cũng phải nên nỗ lực, nhất định phải nỗ lực tiến tu! Nếu nỗ lực mà công phu của bạn vẫn không đủ sức là do bạn chưa buông xuống được. Còn nếu như bạn thật sự có thể buông bỏ được vạn duyên, tâm bình hành trực thì lý nào bạn vẫn không có đủ lực! Cho nên đầu tiên chúng ta phải nhìn cho thấu cái lý thế gian này, tất cả mọi vật mọi thứ trên đời này đều chỉ là hư huyễn không thật, không đáng để lưu luyến chút nào!

Nên trước phải nhìn cho rõ thấu, rồi sau thật sự buông xuống được, thì tự nhiên công phu sẽ có đủ lực liền. Đây là phương pháp ổn đáng nhất, không cần đợi đến giai đoạn thọ thân trung ấm, trong giai đoạn thọ thân trung ấm không đáng để tin cậy cho lắm, thật sự là như vậy! Mật tông tuy có cách nói như vậy, nhưng trong Hiền giáo thì không hẳn là như thế; cho

nên chúng ta học Phật, thì phải thật sự y theo những gì mà chư Cổ đức đã dạy bảo.

Vào thời cận đại, Đại sư Ấn Quang là một vị đại thiện tri thức bậc nhất, cho nên bạn hãy nên đọc những điều Ngài dạy ở trong Văn Sao, có một số vấn đề mà Ngài giải đáp cho mọi người rất đáng để cho chúng ta tham khảo, và nhất định cần phải chuyên tâm xưng niệm, **“Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”**, vậy là tốt rồi!

Hỏi: Có một số bạn đạo lo rằng, “khi bị tai nạn đến bất ngờ, không kịp niệm Phật Vãng Sanh!” cho nên in ra nhiều đĩa ‘Cứu độ thân trung âm’ để phát cho nhiều người, hy vọng để nhiều người biết được cảnh giới của thân trung âm, họ cho rằng làm như vậy là giúp nhiều người có thể vãng sanh Cực Lạc trong giai đoạn thân trung âm. Họ còn cho rằng, thường xuyên xem đĩa ‘Cứu độ thân trung âm’ sẽ giúp khắc sâu vào trong thức thứ 8, thì có thể tự cứu mình! Xin hỏi như vậy có đúng pháp không?

Đáp: Hiện tại thần trí rất rõ ràng mà lại còn không có tín tâm, đến lúc thọ thân trung âm e rằng còn kém hơn tình trạng hiện tại này, khi ấy bạn còn có thể ghi nhớ nổi sao? Việc này không thể chệnh mảng! Nếu như muốn có lợi ích chân thật bất diệt thì hãy theo cách của tôi đây, chắc chắn là có diệu dụng như hằng sa, “ngay bây giờ nếu bạn chịu niệm một câu Phật hiệu, hoặc là mở mắt ngắm nhìn một tôn tượng Phật thì hữu dụng hơn!” Vì Phật dạy: **“Chỉ cần nghe danh hiệu Phật, Phật ắt hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tin hay không tin, đều thành duyên chúng – một lời qua tai, Bồ Đề muôn thuở,”** sau này nhất định

bạn sẽ được độ. Vì sao? Vì người xưng niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật, nếu nghe được, vừa lọt qua tai sẽ vĩnh viễn trở thành hạt giống Phật. Chúng tử ấy gieo vào A Lại Da Thức, trong tương lai gặp duyên, chúng tử ấy hiện hành, người ấy có thể vượt thoát tam giới, niệm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật.

Nếu đã trồng chúng tử hạt giống Phật này rồi, thì khi nào mới được độ thoát? Không thể biết chừng, có thể vạn năm sau hay vạn vạn kiếp sau, vì việc này còn tùy thuộc vào nhân duyên của người ấy nữa, nhưng chúng tử này quý hơn bất cứ thứ gì khác!

Nếu như bạn muốn ngay nơi đời này được độ thoát, thì đừng nên nghĩ đến thân trung ấm! Nếu như nghĩ đến thân trung ấm, có nghĩa bản thân mình đã không có đủ lòng tin, không có đủ tín tâm – tức không có tường tận lý siêu thoát của đạo Phật – nếu vậy thì tôi tin chắc rằng khi bạn thọ thân trung ấm bạn cũng sẽ không có tín tâm, không có tường tận. Tất cả chúng ta tu niệm Phật phải thấu đáo mới không lầm, nên phàm làm việc gì cũng phải chân thật sáng suốt để không có hối hận, ***để quyết không lỡ mất việc vãng sanh!***

Còn như bạn thấy mình vẫn chưa đủ tín tâm thì nên nghe pháp nhiều, hay đọc tụng kinh điển Đại Thừa, đó là yêu cầu trọng yếu đối với người sơ cơ học Phật.

Hỏi: Thưa, con người khi chết rồi sao nghiệp báo của họ cũng không kết thúc, tại sao lại phải mang tất cả những khổ nghiệp của thế gian mà về âm phủ lãnh thọ? Lại nữa, không phải khi

thân trung âm đi đầu thai thì sẽ quên hết mọi việc của đời trước hay sao?

Đáp: Nghiệp được hình thành dưới sự kết hợp của tam độc tham, sân, si hay vô minh và ái dục, là động lực dẫn dắt chúng sanh cứ mãi trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi. Kinh Phật dạy: "*Chúng sanh làm chủ tạo nghiệp và thừa kế cái quả nghiệp do chính mình đã tạo!*"

Trong thân trung âm, do sự tham luyến níu kéo mà thân trí họ không thể sáng suốt để vượt ra khỏi các áp lực dục vọng vật chất mà họ chấp đắm. Sự chấp đắm mà tôi nói đây là khi họ đã chết rồi, hồn đã rời khỏi xác rồi, nhưng họ vẫn còn bám vào cái huyền giả rằng: "tôi chỉ đang bị bệnh, cái thân xác này là của tôi..." nên họ mới bị thống khổ do bởi dục vọng hành hạ! Nếu như họ nghĩ, "xác thân của mình đã mất rồi, mà bệnh là do thân sanh, hiện tại mình không còn thân nữa," nghĩ được như vậy thì lập tức họ sẽ thoát ra khỏi các áp lực dục vọng quán trối, họ tự trối thì họ phải tự cởi! Nếu họ biết cách gỡ, biết cách giải trừ chấp đắm thì sẽ đi tới chỗ an lạc giải thoát, hết bị thống khổ.

Vì còn một niệm chấp đắm cho nên họ mới có những cái thống khổ này! Và một khi thân trung âm đi thọ sanh thì tất cả những chuyện của đời trước họ đều sẽ quên hết cả, không thể giữ gìn vĩnh viễn, nên mới nói "***sự mê khi cách ảm***"!

Tuy vậy, cũng có những trường hợp không quên chuyện đời trước, nhưng rất là hiếm, rất hiếm! Trường hợp này là do đoạt thân. Thế nào là đoạt thân? Thí dụ như có người mẹ mang

thai đưa con trẻ, lúc mang thai, đưa trẻ nằm trong bụng mẹ là do một thần thức đến đầu thai, nhưng vừa sanh ra đứa trẻ liền chết. Thần thức của đứa trẻ này vừa thoát ra, thì một thần thức khác – thần thức đó thấy thân đứa trẻ này liền thích, bèn nhập vào thân ngay. Vì là mượn thân, cho nên thần thức (sau) không có trụ thai – không có trải qua cái khổ của trụ thai và xuất thai – vừa sanh ra, thì liền thọ được cái thân này, cho nên đối với việc đời trước nó nhớ rất rõ ràng.

Hỏi: Thưa, nếu một cái chết “bất đắc kỳ tử”, ngoài ý muốn, được thiện hữu chí thành trợ niệm và khai thị thì có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc không, nếu họ được vãng sanh thì có phải do bởi thiện căn phước đức kiếp trước của họ rất sâu dày phải không? Họ có nhất định phải tìm một thể thân khác thì mới được đầu thai không?

Đáp: Dù người vãng sanh “bất đắc kỳ tử” ngoài ý, nhưng phạm việc gì cũng có thể niệm Phật để khuyến hóa họ vãng sanh, nếu họ có thể tín thọ tiếp nhận ngay. Một khi họ liền y giáo phụng hành, không thoái lui, là do trong kiếp quá khứ họ đã tu nhân Tịnh độ sâu dày; cho nên vừa mới giác tỉnh thì họ liền đón nhận thiện căn của đời trước, quả thật là vẫn được vãng sanh.

Còn việc đi tìm thân khác để thay thế là do nghiệp chướng của họ quá sâu nặng, cũng có thể nói – họ vẫn còn cái tâm luân hồi, muốn tạo nghiệp luân hồi! Và khi còn tâm luân hồi, nghiệp luân hồi, thì nhất định họ phải đi tìm một cái thân khác để thay thế. Nếu không có thân khác thay thế thì thường họ không chịu rời khỏi phạm vi nơi họ chết, nếu quán sát thật kỹ nơi có tai nạn xe cộ xảy ra sẽ thấy, cũng chính là ở điểm

này. Vì sao? Vì họ muốn tìm người thể thân, nhưng thân thay thể cũng không phải tùy tiện mà lấy, cho nên các oan hồn muốn tìm thân thể mạng cũng không dám tùy tiện mà đi thể người. Vì sao vậy? Vì bản chất họ nhất định cũng mắc phải những sai lầm này, cho nên họ phải ở đó mà chờ đợi khi cơ hội đến!

Hỏi: Thưa, người bị tai nạn xe chết sẽ không biến thành ma mà bị đọa vào đường Quỷ, tại sao họ lại đứng bên đường để kiếm người thể thân; hoặc là treo cổ chết ở trong phòng thì có một số lại làm ma trong nhà, tại sao họ không theo nghiệp mà đọa vào đường quỷ? Có phải là do khoảng không gian giữa Quỷ và người mà trong kinh Phật đề cập đến, do nghiệp bị trùng điệp mà có sự xen tạp hỗn loạn không? Vậy có nên thỉnh vị pháp sư cúng đạo lộ, trục hồn cho họ giống như người thể tục không, hay dùng cách nào khác để siêu độ cho họ?

Đáp: Việc họ tìm người thể thân thật sự là có. Ở Trung Quốc hay ở ngoại quốc cũng đều có, chúng tôi cũng gặp không ít những trường hợp như vậy!

Nhưng mà ở đây có một chút đặc biệt cần phải chú ý là: sau khi con người chết rồi không hẳn là đọa vào đường Quỷ. Bạn không thể gọi đó là Quỷ, người chết rồi thì thành ma – đó là do bạn không hiểu gì về hình trạng của sáu đường!

Sau khi chết rồi, nếu con người chưa đi thọ sanh vào đường nào, vẫn còn ở khoảng giữa này thì được gọi là thân trung ấm (người Trung Quốc chúng ta quen gọi là linh hồn) họ vẫn chưa có đi đâu thai. Nếu đã đầu thai vào đường Quỷ, nghĩa

là họ đã đi thọ sanh vào một đường rồi, còn đây là họ vẫn chưa có đi thọ sanh.

Cho nên phạm người chết oan hay tự sát thì rất phiền phức, điều này trong kinh Đức Phật có dạy rất rõ. Tại sao vậy? Vì họ muốn kiếm người thế thân, nếu trường hợp họ bị kẹt lại lâu trong thế giới trung gian này (ở giai đoạn chưa đi thọ sanh) trong khi tìm cơ hội kiếm người thế thân, thì chúng ta vẫn thường gọi đó là hồn ma, hồn phách...

Sau khi họ kiếm được người thế thân, thì họ sẽ chiếu theo hạnh nghiệp của mình để đi thọ sanh vào con đường đó. Và một khi họ đã vào đường Quý rồi, thì họ sẽ không còn qua lại với con người nữa!

Hỏi: Thưa, trong sách ‘Cảm Ứng Thiên’ nói: người không nhìn thấy quỷ, quỷ không nhìn thấy người. Nhưng tại sao lại nói oan quỷ thường thường ở chung quanh để chờ đợi cơ hội? Dựa vào công án của Quốc sư Ngô Đạt thì oan quỷ này đã đi theo ông tới 10 đời, với thời gian dài như vậy tại sao những oan hồn này không đi thọ báo hay sao?

Đáp: Việc này rất phức tạp! Oan quỷ này có thể chờ đợi đến 10 đời để đi theo Quốc sư Ngô Đạt tìm cơ hội trả thù thì đương nhiên quỷ này cũng không phải là quỷ bình thường, vì quỷ bình thường làm không được. Nói cách khác, nếu không có sự nhẫn nại thì không thể làm được, vì đợi không được đi đầu thai mất rồi thì làm sao có thể chờ đến 10 đời! Từ đó có thể biết, khi oán thù kết quá sâu đậm thì tâm trả thù cũng rất mãnh liệt, như thế họ mới có thể theo đuổi mãi hoài. Nếu tâm trả thù không sâu

đậm như vậy, một thời gian sau khi không tìm thấy cơ hội báo thù, thì họ cũng sẽ đi mất.

Người và quỷ có thể nhìn thấy nhau là do cơ duyên đặc biệt, nếu không có cơ duyên đặc biệt thì không thể gặp được. Thường người nhìn không thấy quỷ, quỷ cũng không nhìn thấy người, vì nếu có thể nhìn thấy lẫn nhau thì sẽ sanh ra nhiều loạn! Có vài bạn đồng tu cũng đã nhìn thấy quỷ thần, hình trạng của quỷ thần này đều phù hợp với hình trạng diễn tả trong kinh điển, đây đều là sự thật, không phải giả.

— () —

CHƯƠNG 11

CÁCH THỨC TẠO PHƯỚC VÀ SIÊU ĐỘ CHO NGƯỜI MẤT

---oOo---

Hỏi: Thưa, trong khoảng thời gian thọ thân trung ấm, có cách nào để tạo phước cho người chết không?

Đáp: Nên dùng các tài sản cá nhân của người chết, “nghiêm thân chi cụ” dùng cách nói bây giờ nghĩa là những thứ như vòng vàng, châu báu, đồ trang sức mà họ cất giữ, hoặc “ốc trạch viên lâm” là tài sản ruộng đất, nhà cửa, đất đai...

Cho dù cả đời tạo tội cực nặng, trước lúc chết nếu có thể đem hết thấy tài sản của người đó cúng dường Tam Bảo,

phước báo này có thể vượt trội tội nghiệp đọa địa ngục của người đó. Vì sao? Cúng dường Tam Bảo, mỗi ngày đều có những người xuất gia tu hành, người tại gia tu hành, mỗi ngày ở nơi đó tụng kinh lễ sám, thì một phần bảy công đức này sẽ rất lớn! Đạo lý là như vậy!

Dùng những tài vật của *người bệnh*, không luận nhiều hay ít, nhất định phải dùng nó để tu phước cho họ, rồi đối trước người bệnh mà nói lớn cho họ biết (làm phước xong phải báo cho họ biết). Đặc biệt là *người sắp lâm chung*, khi đầu óc của họ vẫn còn tỉnh táo, phải nhắc nhở họ những điều tốt mà họ đã làm được ngay trong đời này. Nhắc nhở họ ngay lúc này để họ tự sanh tâm hoan hỷ, để họ biết được *chính mình đã từng làm qua nhiều việc phước đức*, khi đã mãn phần nhờ tâm hoan hỷ này họ sẽ đi đến cảnh giới tốt lành. Việc nhắc nhở này thông thường chính là khai thị, rất là quan trọng!

Cả đời của họ dù đã làm qua những việc tội ác gì cũng đừng nhắc đến, ngay lúc này mà nhắc đến, sinh tâm phiền giận thì họ sẽ đi đến ba đường ác. Phải nhắc nhở những việc tốt, những công đức gì mà họ đã làm qua! Cho nên, nếu như họ chưa từng tu phước, thì lúc này thân bằng quyến thuộc tu phước giúp thay cho họ và phải nói cho họ biết: “*Tôi tên là gì đó, vì người bệnh này; đối trước kinh, tượng (đưa ra những đồ vật), hoặc là cúng dường kinh, tượng; hoặc tạo hình tượng Phật Bồ Tát, hoặc tạo chùa tháp, hoặc đốt đèn dầu, hoặc cúng thường trụ,*” làm được việc nào trên đây, phụ thuộc vào tài vật của người bệnh bao nhiêu ... đây đều nói là “*ở trong Tam Bảo mà*

tu phước.” Việc này không phải mê tín, người thế gian không hiểu việc tu tạo phước đức này!

Nên thận trọng khi cúng dường Tam Bảo!

Người thế gian luôn cho rằng, đem tiền đi làm cứu tế từ thiện, giúp đỡ một số người nghèo khổ thì công đức này to lớn, họ không biết được tu phước trong Tam Bảo thì thù thắng hơn! Ngày nay thực tế mà nói, người xuất gia các ông thì luôn là gạt người, không đáng tin tưởng, rất khó tin theo; và người thế gian ngày nay, nói lời thật thì họ không tin tưởng, nói lời giả dối thì họ lại tin theo!

Khi người sắp lâm chung, có nghĩa đang ở vào thời khắc rất quan trọng của một đời người – ngay bờ mép cửa ải tử sinh – không có thời khắc nào quan trọng hơn lúc này, nếu như bạn đem tiền tài của họ để làm những việc từ thiện cứu tế xã hội thì phước báo có được rất nhỏ. Đây là lời chân thật, không một chút giả! Nếu phước báo nhỏ thì không thể chuyển nghiệp của họ. Còn tu phước trong Tam Bảo, cúng dường một đóa hoa, đốt một ngọn đèn... thì họ thật tiêu được nghiệp chướng, họ thật được vô lượng phước.

Thế nhưng thời hiện tại này – ở trong Tam Bảo tu phước – vì sao không thấy có hiển lộ, vì sao không thấy có những sự cảm ứng như thời xưa? Thông thường cổ nhân ghi chép là có được sự cảm ứng rõ ràng đến như vậy mà? Việc này không phải là không có đạo lý. *Chúng ta nên thận trọng khi cúng dường Tam Bảo!* Vì đạo tràng ngày trước, người ở trong đó tu hành

chân chánh, cho nên họ có được cảm ứng rất rõ ràng. Hiện tại có rất nhiều đạo tràng tu không đúng pháp, chúng ở trong đó tu học không đúng pháp, ngày ngày vẫn còn đang thị phi nhân ngã, vẫn còn đang tham sân si mạn! Cho nên bạn tu phước ở nơi đó, không phải là không có phước, mà cái phước này không được rõ ràng, không được hiển lộ, nên ngay đời này không thể hữu dụng được. Đạo lý là ngay ở chỗ này!

Nếu một đạo tràng tu hành chân chánh, có nghĩa người người trong đạo tràng đều đang tu niệm Phật “tịnh nghiệp”, đích thực họ đã buông bỏ tất cả thân tâm thế giới, một lòng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bạn tu phước nơi đạo tràng chân chánh thì công đức thù thắng không gì bằng, bởi vì người tu ở đạo tràng này, tương lai họ nhất định sẽ vãng sanh, “*vãng sanh tức bất thoái thành Phật*”. Khi bạn đến nơi đó đốt một cây hương, thắp một ngọn đèn ... tất tất đều là công đức chân thật, vì bạn thật đã cúng được vị Phật rồi!

[Tu Tịnh Nghiệp Tam Phước là tin sâu Nhân Quả, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, niệm A Di Đà Phật nhất định sẽ thành Phật]

Cho nên, đạo tràng Phật pháp tu hành đúng chánh pháp có nghĩa phải dựa vào kinh điển, bởi ***kinh điển là lời Phật dạy***, mới là chân chánh, bạn phải phân biệt cho rõ ràng. Thời mạt pháp như hiện nay – kinh Lăng Nghiêm nói: “Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng” – có rất nhiều đạo tràng giả, Phật pháp giả, mượn danh nghĩa Phật pháp để làm những việc trái nghịch với kinh điển, trái nghịch với lời dạy của đức Phật, là

kiến giải của riêng người ấy sáng chế, làm vậy là tạo tội nghiệp! Nếu bạn bố thí cúng dường cho Tam Bảo giả, đạo tràng giả này, thì giống như bạn giúp những người không chân chánh này tạo thêm nghiệp tội, rồi hồi hướng cho người mất, đồng nghĩa là bạn giúp/thúc đẩy người mất tạo thêm nghiệp tội! Ví như nếu họ đang bị đọa địa ngục thì càng đọa càng sâu, không những không thoát khỏi mà còn bị đọa sâu thêm, cho nên chúng ta nhất định phải phân biệt cho rõ ràng.

Hỏi: Thưa chúng ta có thể cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát để tu phước cho họ không? Và ý nghĩa của việc cúng dường Tam Bảo này.

Đáp: Việc cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát là tu phước trong Tam Bảo tất nhiên thù thắng hơn tất cả. Ngày trước trong lúc giảng dạy, tôi thường hay nói rõ với đại chúng, đệ tử Phật cúng dường hình tượng Phật Bồ Tát không ngoài hai ý:

- Ý thứ nhất là kỷ niệm, là “Báo ân”, Phật là lão sư ban đầu của chúng ta, chúng ta tiếp nhận giáo dục của ngài, đạt được công đức lợi ích thù thắng từ giáo học này thì đối với vị lão sư sáng lập, chúng ta luôn cảm ân, mỗi niệm không quên. Đây thuộc về ý kỷ niệm, gọi là trở về nguồn cội.
- Ý thứ hai là “Kiến Hiền Tư Tề”, học tập với ngài, thấy người hiền mà noi theo, nhìn thấy hình tượng thì phải học theo ngài. Nghe được danh hiệu, cũng phải học ngài.

Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện ở thế gian đều toàn tâm toàn lực giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, đây là sự nghiệp của Phật, Bồ Tát. Chúng ta làm học trò, đệ tử của Phật, phải học tập và bắt

chước tâm nguyện từ bi của Phật, Bồ Tát, mà nỗ lực không thôi chuyên sự nghiệp của các Ngài. Vì thế chúng ta thường đề hình tượng chư Phật, Bồ Tát trong mắt của mình, nhằm ý thức rõ được bốn phận của mình sao cho bằng các Ngài. Khi cúng dường hình tượng Phật, Bồ Tát cần phải có tâm tư như vậy, và cũng phải hiểu là sự cúng dường hình tượng chư Phật Bồ Tát, nhất định không phải là mê tín.

Khi cúng dường chư Phật, Bồ Tát, tuyệt đối không chỉ cúng dường trên sự tướng – phải hiểu đây chỉ là hình thức, chỉ là thứ yếu – mà phải biểu đạt bằng chính công phu học hiểu và tu học đến nơi đến chốn, đó mới là trọng tâm. Không những chỉ bản thân y giáo phụng hành, ngoài việc cúng dường còn phải giúp/khuyên nhắc đại chúng tu hành đúng Pháp, công đức này mới thật là lớn. Cái thắng nhân là ở chỗ này, được như thế thì tội lỗi của người bệnh mới được tiêu trừ.

Lợi ích của việc niệm danh hiệu Phật và Bồ Tát.

Chúng ta cũng phải lắng lòng quan sát mà thể hội việc người nữ Quang Mục và Nữ Bà La Môn làm, đó là những tấm gương tốt; đồng thời cũng cho chúng ta thấy việc niệm danh hiệu chư Phật, Bồ Tát và Bích chi Phật, công đức thật cũng không thể nghĩ bàn! ***Vì danh hiệu Phật, Bồ Tát – ẩn chứa bên trong – có hàm nghĩa sâu rộng vô tận!***

- Danh hiệu của Phật là biểu thị “*tánh đức*”, dùng một câu danh hiệu là để phá vỡ cái ả mê muội, hồng chuộc lại Thể

và Dụng của tự tánh, đánh thức tự tánh, tìm lại Tánh Đức của chúng ta.

- Danh hiệu của Bồ Tát là biểu thị “*tu đức*”, bởi đức năng của chúng ta vốn tự đầy đủ, nhưng hiện tại chúng ta bị mê (tuyệt nhiên không phải mất đi mà chỉ bị mê). Khi mê, tánh đức của tự tánh không thể hiển hiện, nhất định phải dựa vào tu hành mới có thể hồi phục “tánh đức”.

Tánh và tu không hai! Tu đức cũng vô lượng vô biên, bởi chúng ta mê đã quá sâu nên phương pháp lý luận của tu đức cũng không cùng tận. Bồ Tát đại biểu “tu đức”, Phật đại biểu “tánh đức”, cho nên danh hiệu hay hình tượng chư Phật, Bồ Tát đều có tác dụng là nhắc nhở chúng ta “tánh tu”. Chúng ta cúng hình tượng Phật, Bồ Tát với mục đích chính là như vậy.

- Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, “Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Đại Bi”, bạn niệm danh hiệu này là niệm cái “tâm từ bi” của chính mình. Niệm danh hiệu Đức Địa Tạng Bồ Tát là niệm cái “tâm hiếu kính” của mình. Ngài Địa Tạng biểu tượng của “hiếu kính”, Ngài Văn Thù biểu tượng của “trí tuệ”, Đức Phổ Hiền biểu tượng của “thực hành”, làm điều lành – cho nên niệm danh hiệu Bồ Tát là phải niệm trên tánh tu như vậy mới thật sự có công đức!
- Niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, “Thích Ca” là nhân từ, “Mâu Ni” ý là thanh tịnh. Do đây mà biết, nhân từ cùng thanh tịnh là đức năng trong tự tánh của chúng ta vốn có đầy đủ. Nhất định phải dùng danh hiệu để làm cho cái đức năng này, hiển lộ rõ ràng hơn. Chúng ta nghe danh hiệu Ngài, thì khi đối nhân xử thế tiếp vật phải nhân từ, đối với chính mình phải

thanh tịnh; dùng tâm thanh tịnh đối đãi chính mình, dùng tâm từ bi đối đãi với người khác. Cho nên khi nghe danh hiệu hoặc nhìn thấy hình tượng Phật, chúng ta liền được nhắc nhở đến ý niệm này, đó là giáo học, là nghệ thuật biểu thị khắp mọi lúc mọi nơi – *nhắc nhở tánh đức chúng ta phải không ngừng lưu xuất ra ngoài.*

- A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác, Giác là không mê, Giác là tâm không động; cho nên niệm một câu A Di Đà Phật gọi là “nhất tâm xung niệm”, niệm đến khi mỗi niệm đều không nhiễm các tướng, không động, không dính mắc các pháp, đến như như cùng cực thì gọi là “nhất tâm bất loạn”. Nhất Tâm là tâm không động, nếu tâm còn thọ cái động của ngoại cảnh sáu căn khi tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, vẫn còn khởi tâm tác ý thì không phải là A Di Đà Phật. Đức Phật A Di Đà tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài không có động tâm, không khởi niệm, không phân biệt, không chấp trước, luôn giữ được sự thanh tịnh, đây mới gọi là A Di Đà Phật. Nếu chúng ta hiểu được cách niệm Phật như vậy, thì người sắp mất vừa nghe tiếng Phật hiệu qua tai là “Bồ Đề muôn thuở”, công đức này lớn lắm!

Trông hạt giống Phật trong A Lại Da Thức của người vừa mạng chung.

Con người tuy mất rồi nhưng thần thức của họ vẫn còn, họ chưa đi đầu thai thì A Lại Da Thức vẫn còn, vẫn biết, cảm nhận hoặc nghe ở trong bốn thức. A Lại Da Thức vẫn còn hoạt động, tức còn có sự dao động; nhờ sự dao động – niệm A Di Đà Phật – của chúng ta, cũng có thể khởi tác động cảm ứng đạo giao với

sự dao động của họ. Đây chính là lợi ích mà họ đạt được, giúp họ trông hạt giống Phật trong A Lại Da Thức của họ, hạt giống này mạnh hay yếu đều dựa vào sức niệm Phật của người trợ niệm.

Là Phật tử tu niệm Phật, nếu chúng ta hiểu lý “*niệm niệm tương ưng*” thì hạt giống này sẽ khởi lên rất mạnh; hiểu lý này rồi thì khi trợ niệm, hãy chấp tay cung cung kính kính mà niệm “A Di Đà Phật”!

Nếu cảm nhận sức niệm Phật hơi yếu, thì quyền thuộc nên làm thêm lễ cúng trai tăng cho họ, để tu phước cho họ, giúp cho họ được tăng phước.

Hỏi: Vì sao thân quyền cần phải tu phước cho họ?

Đáp: Trong Kinh Địa Tạng có nói: “*Thế nên này ông Trưởng Giả, những chúng sanh trong cõi Diêm Phù, sau khi cha mẹ hay quyền thuộc qua đời, nếu có thể thiết trai cúng dường, chí tâm cầu khẩn, thì những người như thế, kẻ còn lẫn người mất đều được lợi ích.*” Đoạn kinh này đã nói rất rõ, người thân quyền thuộc nên vì người mạng chung mà tu phước! Tôi cũng cần nêu ra một thí dụ, trong thí dụ này chư vị nhất định phải hiểu kỹ tinh thần của nó là gì. Tại sao họ lại được phước? Được phước hay không đều ở hai chữ “*thành kính*”. Nếu chẳng có tâm thành kính thì có làm theo phương pháp này cũng chẳng đạt được. Do đó quý vị nên biết chẳng thành chẳng kính là tướng mê hoặc, đó là nghiệp chướng. ***Thành kính là giác ngộ, là tánh đức lưu xuất, là Bát Nhã phóng quang.***

Ở đây tôi sẽ nêu một thí dụ là việc “doanh trai”, doanh đây là sửa soạn chuẩn bị, doanh tạo tức lo liệu việc nấu nướng tức là bạn “thiết trai”. Trong nhà Phật thường gọi là Cúng Ngọ tức cúng bữa trưa, tức là “doanh trai”. Khi doanh trai bạn phải chú ý ‘*vị trai thực cảnh, cập doanh trai chi thứ*’, tức trước khi thọ trai và trong lúc thiết trai thì khi bạn nấu những món ăn này để cúng dường, hay lúc cúng cơm phải có tâm cung kính. Ngay cả nước vo gạo cũng không được đổ đi, chúng ta làm cơm để cúng trai, nấu cơm này là để Cúng Ngọ, cúng dường chư Phật, cúng dường Quý Thần; đối với các Ngài luôn phải có tâm cung kính như vậy!

Việc cúng ngộ này chưa xong thì nước vo gạo cũng không được tùy tiện đổ xuống đất, phải chôn thành cung kính đến mức độ như vậy. Đợi đến lúc cúng ngộ xong xuôi rồi hãy giải quyết những vật phế thải, những vật không còn dùng được này nữa. Đây là việc mà rất ít người nấu thức ăn chay để cúng dường để ý biết đến, ngay những rau cải lặt xong bèn đem loại bỏ đi, hướng chi là nước vo gạo!

“Nếu ăn trái phép và không được tinh sạch kỹ lưỡng, thì người chết đó trọn không được trợ lực nào cả.” Đến ngay những thức ăn chưa cúng Phật và Tăng cũng không nên ăn trước. Ăn trước là sao? Là nếm thử mùi vị trước, nếm trước tức là ăn qua rồi mới dâng cúng Phật, là đại bất kính! Đây là việc mà mọi người thường phạm phải, do không hiểu, không biết. Vậy là không được, chưa cúng dường Phật, Tăng mà bạn ăn trước, bạn lấy đồ ăn thừa đem cho người khác, đừng nói là đối với Phật, Bồ Tát, (chỉ riêng) đối với quý thân, đối với người

khác đã là không cung kính rồi. Hoặc là “bất tinh cần,” tức là bạn không sốt sắng làm công việc này, chẳng có thành tâm, chẳng có tâm cung kính để làm công việc này, thì người chết ấy cũng sẽ chẳng được trợ lực, chẳng nhận được chút gì trong sự giúp đỡ của bạn.

Nếu chúng ta cúng nọ (cúng Phật bữa trưa), nếu có vi phạm thì đó thật là có tội với Phật-Bồ Tát. Nhưng Phật-Bồ Tát đại từ, đại bi, dứt khoát sẽ chẳng trách bạn, (tuy) Phật-Bồ Tát không trách bạn, nhưng thần hộ pháp sẽ chán ghét bạn; thần hộ pháp là phạm phu, họ chẳng phải là Phật, Bồ Tát, người ‘gây ra rắc rối’ đều là thần hộ pháp. Nếu bạn làm rất đúng như pháp, rất cung kính thì thần hộ pháp cũng cung kính bạn; nếu bạn làm chẳng đúng như pháp thì thần hộ pháp sẽ chán bỏ bạn, chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta dùng tâm chân thành, cung kính để làm “biện Trai” đúng như lý như pháp, mỗi ngày lo việc ăn uống tức là biện Trai. Chúng ta nhất định phải tinh cần, giữ cho tịnh sạch khi dâng cúng Phật và Tăng; tu hành đúng như lý như pháp, nếu bạn hiểu đạo lý này thật sự sẽ được chư Phật hộ niệm, long thiên hộ pháp tôn kính bạn. Đó là “tinh cần hộ tịnh,” ‘tinh’ là thuần chứ không tạp, ‘tịnh’ là thanh tịnh chẳng nhiễm.

Người chết hưởng được một phần trong bảy phần công đức.

Nếu chúng ta làm chẳng đúng như pháp thì một phần cũng chẳng đạt được. Do đó nhất định phải nuôi dưỡng tâm thành kính này ngay lúc thường ngày, nhưng không chỉ riêng đối với

Phật, Bồ Tát, với những người tu hành; mà đối với hết thầy chúng sanh cũng đều phải tu tâm thành kính, có được vậy thì khi chúng ta làm việc hồi hướng này sẽ có công đức, hiệu quả rất lớn.

Người sống được sáu phần bảy của sự lợi ích, người mất được một phần bảy, chúng ta phải hiểu rõ cả Lý lẫn Sự. Trên Sự, ở đây Bồ Tát chỉ nêu lên một việc, phương pháp tu phước cho người mất rất nhiều, chẳng thể nói hết. Ở đây chúng ta tổng kết một cương lĩnh quan trọng, đó là “thành kính,” bất luận tu phước gì cũng phải “tinh cần hộ tịnh,” bốn chữ này quan trọng vô cùng! Cho nên dùng tiền phải dùng tịnh tài, đích thật là tiền tài trong sạch thì bố thí mới có công đức, mới có hiệu quả. Nếu là tiền tài bất nghĩa thì không được, vậy là chẳng tịnh, chẳng thanh tịnh chẳng phải là *tịnh tài*, bạn dùng của cải như vậy thì sẽ chẳng được phước, phải hiểu rõ ràng rành rẽ mới có công đức, có hiệu quả.

Hỏi: Siêu độ cách nào cho người mất được lợi ích?

Đáp:

* Nếu người mất, lúc còn sống là Phật tử chuyên tu niệm Phật, đã hiểu rõ Phật pháp; sau khi họ mất nên cho họ nghe kinh, niệm Phật cho họ. Do đó hết thầy Phật sự siêu độ đều nhằm tạo tăng thượng duyên cho người mất, cốt ý để nhắc nhở họ câu niệm Phật và cầu Vãng Sanh Tịnh Độ, thì họ nhất định sẽ được độ.

* Nếu người lúc còn sống chưa tiếp xúc Phật pháp thì rất khó, vì dựa hoàn toàn vào phước báo này thì họ chỉ có thể sanh đến cõi trời Đạo Lợi mà thôi!

Tuy lợi ích làm Phật sự siêu độ, lớn nhỏ chẳng bằng nhau (trong kinh nói rất rõ ràng, rành rẽ), chúng ta phải tự suy nghĩ để hiểu vì sao sự siêu độ sẽ giúp họ được lợi ích.

Bạn nên nghĩ đến đoạn trước, việc làm của Quang Mục Nữ và Bà La Môn Nữ thì liền hiểu rõ ra. Họ có được lợi ích này nhưng chỉ được một phần bảy (1/7), còn sáu phần bảy (6/7) thuộc về người thành tựu công đức. Bởi nếu không vì người mất thì bạn sẽ không: tu phước, lễ lạy sám hối, tụng kinh, lạy Phật... bạn sẽ chẳng được lợi ích thù thắng. Đạo lý ở ngay chỗ này! Do nhân duyên vì (người mất) đã tạo tặng thượng duyên cho người nhà, nên thành tựu công đức của bạn, họ hưởng thụ được một phần. Do đó nếu có được con cái hiếu thảo, thân bằng quyến thuộc hiếu thuận, tạo được phước báo càng lớn thì người mất hưởng được càng nhiều, đạo lý là như vậy! Đây cũng là công đức lợi ích thù thắng nhất.

Lo hậu sự cho người quá vãng làm sao cho đúng pháp?

Hỏi: Thưa, việc lo tang sự cho người thân qua đời, có người mời thân quyến bạn bè đến, sát sanh ăn thịt, cúng bái Quỷ Thần, làm vậy có hợp lý không?

Đáp: Ngài Địa Tạng Bồ Tát, đại từ đại bi khuyên dắt chúng sanh nơi cõi Diêm Phù Đề, ***ngay ngày lâm chung phải thận trọng, nhất định không được sát sanh, không được tạo ác duyên.***

Khi người chết đó chưa được thọ sanh, trong bốn mươi chín ngày luôn luôn trông ngóng hàng cốt nhục quyến thuộc tu tạo phước lực để cứu vớt cho.

Đây là sự thật, khi còn sống thì không biết, chết đi gặp phải khổ nạn nên lúc bấy giờ không nơi nương tựa, đích thật là khổ sở, cô độc lẻ loi. Hy vọng duy nhất của họ là mong người nhà có thể làm phước cho họ, có thể siêu độ họ. Nhưng rất nhiều thân quyến chẳng hiểu đạo lý này, tùy thuận theo tập tục thế gian sát sanh tế lễ quỷ thần như nói ở trên, cầu tà đạo, không những chẳng ích lợi mà còn hại thêm. Đây là vì người thế gian vô tri, chẳng có ai chỉ dẫn, chúng ta nói đến sự đáng thương, nói đến sự thâm thảm thì không ai hơn họ – “hốt ngộ lân nhân, cánh phụ thiếu vật” – đây là ví dụ người chết nói ở trên, lúc còn sống chẳng làm việc gì tốt, sau khi chết đương nhiên sẽ y theo hạnh nghiệp mà nhận lấy quả báo, nay người nhà quyến thuộc chẳng hiểu biết mà còn sát sanh, cúng tế làm tăng thêm tội nghiệp cho kẻ ấy, tiền đồ của kẻ ấy đương nhiên càng khôn khổ. Còn nặng nề hơn lúc họ chịu khổ nạn lớn lao khi còn sống, chẳng biết lớn hơn gấp bao nhiêu lần!

Sự tội phước nói trong kinh đích thật chính là thập thiện, thập ác, chúng ta không cần nói quá cao, quá huyền diệu, chỉ đơn giản dùng “ngũ giới thập thiện” để làm tiêu chuẩn. Phá giới tạo ác là tội nghiệp vô biên; trì giới tu phước, tu phước nghĩa là sốt sắng tu theo thập thiện, đây là điều căn bản lớn lao để được tái sanh làm người.

Nếu người bệnh, lúc còn sinh tiền là người thiện, người tốt, bản thân không tạo tội lỗi gì. Nay do bởi người thân quyến thuộc, sát sanh hại vật để cúng tế bái lạy Quý Thần, cầu khẩn các quỷ quái (quỷ quái là tà hình, tà đạo); lúc thấy họ bệnh nặng nguy kịch thì đi cầu các loại Quý Thần này đến giúp đỡ, mà không biết rằng chính những việc đang làm là “*tạo tội sát sanh cúng tế*”.

- Người bệnh đáng ra cũng có thể sanh vào đường lành, sanh vào cõi Trời Người, nhưng do người thân quyến tạo nên những tội sát sanh hại vật này; khi chết, họ phải gánh chịu lấy, phải xuống gặp Diêm Vương để biện luận nghiệp tội, bỏ lỡ cơ hội sanh vào đường lành chỉ vì việc sát sanh ấy!
- Còn nếu như chưa tắt thở, họ phải chịu vô số đau đớn ở trên giường bệnh, nhưng thần hồn của họ thì ở các ty sở tương ứng với nghiệp tội đó để thẩm vấn, biện luận về nghiệp quả!

Con người sau khi chết đi rồi, những người có thể nhờ cậy để giúp đỡ được, chẳng biết còn được mấy kẻ? Đặc biệt trong thời đại hiện tại này, những thành phần có thể trông cậy được càng ngày càng thấp, vì người xã hội hiện thời cho rằng đạo Phật chẳng có gì hay, chỉ mang màu sắc mê tín thần bí! Chúng ta xem thử những người trẻ tuổi hiện nay, thường không có người hướng dẫn đàng hoàng, nếu cứ mãi như vậy thì thế hệ con cháu của chúng ta sau này sẽ bỏ đạo, sẽ chẳng còn mấy ai tin đạo Phật nữa? Vậy sau khi chết đi, gặp những sự khổ nạn này thì bạn phải dựa vào ai để giúp bạn đây? Chẳng có ai để trông cậy vào hết! Sự thật này là một vấn đề thiết thật đối với chúng ta, hơn nữa vừa nghĩ đến thì đã liền là việc trước mắt.

Nên Đức Phật luôn khuyên nhắc chúng ta, bình nhật khi thân thể còn khoẻ mạnh thì chúng ta nhất định phải hết lòng *cung kính Tam Bảo, tuân thủ giới luật, học hỏi kinh luận, trì niệm Phật hiệu, nỗ lực mà tiến tu ... có được vậy thì công đức, phước đức này chúng ta mới hưởng được trọn vẹn.*

Hỏi: Thưa, trong xã hội hiện tại, do không hiểu nghi thức cơ bản của việc siêu độ, họ thường mời ban nhạc đến để chơi những ca khúc thịnh hành; hoặc tuy mời các vị tăng đến tụng kinh niệm Phật, nhưng người nhà vẫn vui vẻ hàn huyên chuyện thường ngày. Làm như vậy người mất có được lợi ích không?

Đáp: Việc này bạn không cần phải hỏi, bạn thử suy nghĩ kỹ thì sẽ biết liền. Giả như khi bạn mất, người thân quyến thuộc làm như vậy bạn có thấy vui không?

Làm như vậy tất không phải là cách biểu hiện lòng thương nhớ, mà biểu hiện dường như là họ rất vui: – “Ồ, người đã mất rồi thì hay quá!” không biết có phải là họ nghĩ như thế không! Làm như vậy là đánh mất đi tính chất ma tang cổ lệ.

Hỏi: Thưa, có tục lệ người mất trong sáu tháng hoặc một năm thì làm lễ qua cầu. Xin hỏi có cần phải làm như thế không?

Đáp: Việc này trong Ngọc Lịch Bảo Sao cũng có và trong kinh Phật cũng nói đến, làm theo đây thì cũng tốt, quả thật một năm hay ba năm phần nhiều là thuộc về tính chất kỷ niệm, đây là “*thận chung truy diễm, nhân đức quy hậu,*” thật sự cái ý là ở chỗ này. Nghi thức có thể thông dung, nhưng phải học cách đơn giản đừng nên quá rườm rà, quá lãng phí. Lại nữa, nên làm

những việc từ thiện xã hội có lợi ích cho chúng sanh, rồi đem lợi ích đó hồi hướng cho họ là được rồi.

Hỏi: Thưa, sau khi cha con qua đời đến nay đã hơn một năm rồi, con có làm bài vị thờ ở chùa, đồng thời cũng làm những việc thiện để hồi hướng cho cha con, nhưng người nhà vẫn còn thấy cha bị đuổi đánh. Xin hỏi con phải làm thế nào để bồi phước cho cha đây?

Đáp: Phải làm việc thiện, không được gián đoạn, để hồi hướng cho cha bạn. Nếu gặp phải tình trạng như vậy, bạn nên cầu “tiêu tai” cho họ; cầu “tiêu tai” có nghĩa là đem công đức hồi hướng cho oán thân trái chủ của họ, hy vọng việc bất hòa giữa họ và oán thân trái chủ được hóa giải, làm như vậy mới đúng. Việc làm này phải thật thành tâm, “có thành mới có ứng!” Hoặc bạn có thể bỏ ra thời gian một tháng, ngày nào cũng tụng một bộ kinh Địa Tạng, hãy duyên vì họ mà tụng – duyên vì oán thân trái chủ – của cha bạn mà tụng, mong rằng đem công đức này mà hóa giải oán kết giữa họ.

Hoặc là ngày nào cũng niệm mười ngàn danh hiệu Phật, riêng vì họ. Việc làm này rất có hiệu quả, nếu phát tâm thật sự và hãy niệm bằng cái tâm chân thành. Tôi tin rằng làm như vậy từ một tháng đến ba tháng sẽ hóa giải được, khi đã hóa giải rồi thì có điềm ứng rất tốt, bạn sẽ nằm mộng thấy cha bạn về cảm ơn bạn, các oán thân trái chủ đến gây chuyện sẽ không còn nữa!

Hỏi: Thưa, người mất tuy đã qua giai đoạn trung âm thân, nhưng hằng năm đều làm công đức để hồi hướng, xin hỏi họ có thể nhận được không?

Đáp: Trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên nói rất rõ, trong bốn mươi chín ngày, chưa chắc họ đã đi đầu thai, họ còn trong giai đoạn thân trung ấm. Làm thân trung ấm thì cứ cách bảy ngày lại một lần biến dịch sanh tử, họ còn phải chịu đau khổ, cho nên vào lúc này tụng kinh siêu độ cho họ là để cho họ giảm bớt đau khổ, họ có thể nhận được sự giúp ích này.

Còn nếu như họ đã thọ sanh thì việc làm cúng tế mỗi năm có hai ý nghĩa:

* Dẫn cho họ đã thọ sanh rồi, nếu hồi hướng công đức cho họ, thì họ vẫn có thể nhận được phần nào.

* Quan trọng hơn chính là: bồi dưỡng đức hạnh của người còn sống, và ý không quên ân nghĩa đối với người thân đã mất. “Thận chung truy diễm,” là chúng ta không quên ân đối với lịch đại tổ tiên, cha mẹ anh em, và nhất là đối với những người có ân huệ sâu nặng; nên “*thận chung truy diễm, nhân đức quy hậu*” là vậy, nên việc làm này rất có ý nghĩa.

CHƯƠNG 12

TỰ TẠI VÃNG SANH

---oOo---

Khi lâm chung, những điều kiện cần có để được vãng sanh.

Hỏi: Thưa, khi lâm chung muốn vãng sanh cần phải có những điều kiện nào?

Đáp: Sau khi người chết rồi, *sanh đến cõi nào là do ở một niệm cuối cùng quyết định*, ai có thể quyết chắc được niệm cuối cùng ấy là niệm tốt lành? Đích thật không ai có thể nắm chắc được cả! Khi con người sắp lâm chung – thời khắc rất trọng đại của đời người – vì một niệm cuối cùng ấy sẽ quyết định họ siêu thăng hay đọa lạc.

Đức Phật dạy, để có *nhân duyên đầy đủ* khi lâm chung, chúng ta cần phải tu phước, phải biết tích công lũy đức để dành đến khi lâm chung có được phước báo – đầu óc tỉnh táo minh mẫn, có thiện tri thức giúp đỡ – là phước báo to lớn!

Người không có phước báo, khi lâm chung mê hoặc điên đảo, không tỉnh táo tức không thể làm chủ thể chính mình, như vậy rất phiền phức, ví dầu có gặp được thiện tri thức cũng không giúp được gì. Đầu óc không tỉnh táo, bị mê hoặc điên đảo thì nhất định sẽ đọa ác đạo.

Người có phước báo to lớn thì nhất định phải có nhân duyên đầy đủ, tức có đủ ba điều kiện sau:

- Điều kiện thứ nhất: minh mẫn, tinh thần không điên đảo hôn mê, việc này rất quan trọng nhưng không hề dễ dàng! Ai có thể đảm bảo là tương lai lúc lâm chung có được đầu óc tỉnh táo rõ ràng, minh mẫn? Nên việc này cần phải có phước đức to lớn – vì có phước đức to lớn tất sẽ được *nhân duyên thù thắng trợ duyên*. Nếu không có phước đức to lớn thì nhân duyên này sẽ chẳng xuất hiện!
- Điều kiện thứ nhì: được thiện tri thức trợ niệm, giúp cảnh tỉnh, giữ được chánh niệm.
- Điều kiện thứ ba: tâm sanh chánh tín, chí thành sám hối, buông xuống vạn duyên và quyết định niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Họ phải có đủ ba điều kiện trên này!

Lúc lâm chung chỉ cần bạn khởi một niệm hướng thiện, một niệm ấy liền siêu việt, cho nên chúng ta đừng coi thường một niệm cuối cùng này.

Người thế gian chúng ta niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ cũng vì một niệm này, một niệm lúc lâm chung nếu bạn niệm A Di Đà Phật, bạn nghĩ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì với một niệm ấy liền vãng sanh. Lúc bình thường niệm Phật ví như luyện binh, một niệm cuối cùng lúc lâm chung là giao chiến, khi bạn tắt thở bạn sanh vào cõi nào là

dựa trên một niệm lúc lâm chung này, do đó chúng ta phải coi trọng cái niệm cuối cùng này.

Làm sao có thể nắm chắc, không để mất chánh niệm?

Nhất định phải biết tu phước! Người có phước báo lớn, phước báo chân chánh, không có nghĩa là mong cầu có địa vị, phú quý... đời hiện tại, phước báo này là giả! Người thật sự có phước báo là lúc lâm chung họ biết lúc nào ra đi, đứng mà vắng sanh, ngồi mà vắng sanh, vô cùng tự tại, người như vậy gọi là người có phước báo to lớn.

Tại sao nói phước báo của người đó to lớn?

Vì họ vĩnh viễn thoát ly khỏi luân hồi, sẽ chẳng còn tạo nghiệp lục đạo nữa.

Nếu họ có trở lại cõi người, trở vào lục đạo thì họ dùng thân phận Bồ Tát, chẳng phải là phàm phu nữa! Như vậy gọi là có phước báo to lớn, đó là phước báo thật sự, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng cặn kẽ. Thế nên ngay đời này không nên mong cầu những phước báo hữu lậu của thế gian, phải tu phước báo vô lậu, người như vậy mới là người thật sự có trí huệ, thật sự hiểu rõ, trong nhà Phật gọi là người chân chánh giác ngộ.

Vãng sanh là một sự việc trọng đại, là một sự việc rất hy hữu!

Nếu bạn muốn vắng sanh thật sự, thì điều quan trọng nhất là hằng ngày bạn phải hiểu rõ lý: thân này hư giả, cảm thọ này

hư giả, mà buông xuống mọi vướng mắc trói buộc, không nên để bất cứ điều gì ở trong lòng. Sống ở trên đời này, tất cả đều phải tùy duyên, tùy duyên nghĩa là bản thân mình nhất định phải tin, phải tin có “nhân quả báo ứng”, những gì trong số mạng này có thì nhất định có, những gì trong số mạng này không có thì cầu cũng không được, như thế Tâm của bạn mới an định được. Với lòng tin và ý nguyện là Bồ Đề tâm, sau đó chỉ cần bạn “nhất hướng chuyên niệm,” bạn có đầy đủ ba điều kiện Tín-Nguyện-Hạnh này thì bạn có thể vãng sanh.

Tất cả mọi thứ trên thế gian này đều là giả hết, chuyện gì trên thế gian này nếu có đầy đủ nhân duyên thì làm, nếu không có duyên thì tuyệt đối đừng khởi tâm động niệm. Nếu bạn lãng phí tinh thần và thời gian trên những sự việc thế gian này, để cho nhân duyên của việc trọng đại (vãng sanh) trong đời người trôi qua, đến đời nào kiếp nào bạn mới có thể gặp lại được! Phải nên cẩn thận, nhất định phải thận trọng!

Đời Nghiệp Vãng Sanh.

Hỏi: Thưa, lúc còn sống tạo nghiệp sát, lâm chung mười niệm đến một niệm có được vãng sanh không?

Đáp: Ngài Đại sư Liên Trì nói rất hay: “Thiện ác bất ngại chung thiện”, một người khi còn trẻ tạo ác, trung niên tạo ác, khi tuổi già hối hận, lo làm thiện vẫn còn kịp, họ vẫn là người thiện, chỉ cần họ “hồi đầu thị nạn”.

Tôi dẫn ra đây một câu chuyện để chứng minh về “đời nghiệp vãng sinh”. Ngày xưa, Trương Thiện Hòa sống bằng nghề mổ trâu giết bò, một ngày kia ông lâm bệnh nặng, khi sắp mạng chung thấy có rất nhiều người đầu trâu đến đòi mạng ông, ông sợ quá gọi vợ thỉnh chư Tăng đến cứu độ. Một vị cao Tăng được thỉnh tới bảo với ông rằng: “Đừng sợ! Ông đời này nghiệp sát quá nặng, không còn pháp nào khác cứu được ông hết, duy chỉ có cách xưng niệm ‘A Di Đà Phật’ mới có thể giải oan cho ông, mới có thể làm cho ông thoát khổ, hãy niệm theo tôi!”. Tăng nhân đó niệm lớn “A Di Đà Phật”, Trương Thiện Hòa cầm hương niệm theo. Niệm được mấy tiếng, thì ông nói với mọi người là không còn thấy những người đầu trâu đó nữa. Vị Tăng khuyên ông hãy mau niệm Phật A Di Đà và cầu sanh Tịnh Độ, ông lại càng niệm khẩn thiết, được một lát thì ông nói lớn: “Phật đến tiếp dẫn tôi rồi!” bèn cầm hương chấp tay, niệm Phật mà tịch.

Câu chuyện trên cho thấy sự thù thắng cùng tốt của pháp môn Tịnh Độ – đời nghiệp vãng sinh – cho dù kẻ phạm tội nghịch ác cũng được dự phần tể độ, trong một đời cũng được Phật tiếp dẫn sanh về Tịnh Độ, nên tôi thiết tha khuyên mọi người hãy chuyên tâm mà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

Nhưng cũng nên suy xét cho kỹ, chớ có hiểu sai! Nếu bảo niệm Phật có thể vãng sinh rồi lúc sống tha hồ mà tạo nghiệp, ý lại vào Phật, đời lúc sắp mạng chung sẽ niệm Phật để cầu đời nghiệp vãng sinh, nhất thiết không được có tư tưởng như vậy! Nên biết vào lúc lâm chung, chương duyên hiện tiền, niệm Phật là việc không thể dễ dàng, nếu không nhờ vào thiện căn từ

hiều đời trước thì tuyệt đối không thể niệm Phật được. Trương Thiện Hòa, tuy một đời sát sinh, hiện đời lại không biết Phật pháp, điều này chứng tỏ rằng đời trước ông đã có căn duyên niệm Phật, hạt giống lành ấy nay đã đến thời kỳ thuận thực, đây là “nhân thù thắng”; thêm được thiện hữu khai thị trợ niệm là “duyên thù thắng”, ông nương nơi túc thiện nghiệp, sám hối quay đầu rồi niệm Phật mà được thành công. Trường hợp này hy hữu rất hiếm có!

Nên tôi mong quý vị, trước cần ngăn ngừa điều ác, chớ đợi sau rồi mới cầu Phật, thường ngày nên niệm nhiều câu Phật hiệu, chớ chờ lúc chết mới cầu siêu. Lời người xưa dạy rằng: “Cho ngựa phi nước đại, đến vực mới kéo cương, làm sao còn kịp nữa, người ngựa ắt như tương.”

“*Đồ tể buông đao xuống cũng thành Phật*”, kẻ đã trót tạo tội nếu biết hồi tâm sám hối, do “Sám Hối” là chìa khóa để vãng sanh, vì sám hối sẽ diệt được hết thảy tội, *nên sám hối niệm Phật thì vẫn được nhiếp thủ, Phật chẳng để sót vậy!* Trương Thiện Hòa là một tấm gương để cho chúng ta soi chiếu, cũng giúp chúng ta tăng trưởng lòng tin, thấy được nhân duyên niệm Phật mà đời nghiệp vãng sanh. Dù cho lỡ có tạo tội nặng gì đi nữa cũng không nên nghi sợ, biện mê và bờ giác chỉ khác nhau một cái quay đầu, chỉ cần chuyển ý quay đầu, thành tâm sám hối là xoay về bờ giác! Nhưng cũng phải hiểu, Trương Thiện Hòa, ông là người có phước báu lớn, khi lâm chung ông gặp đủ cả ba điều kiện trên:

- Một là ông không bị hôn trầm, đầu óc ông tỉnh táo.

- Hai là ông gặp được thiện tri thức, nhắc nhở ông giữ chánh niệm, nhất tâm niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ.
- Ba là khi có người cảnh tỉnh, ông sinh tâm hoan hỷ, tín thọ, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây phương. Lúc lâm chung ông lại có thể ***niệm Phật thì đó chính là sám hối phát tâm.***

Hơn nữa hàng quyền thuộc cũng không gây các chướng ngại cho ông. Ông quả thật là người có phước báu lớn! Rõ ràng, ông đâu là người có túc nghiệp sâu nặng, ông biết sám hối niệm Phật nên chẳng bị đọa vào tam đồ nữa, ông được mang nghiệp mà đi vãng sanh. Nên mới thấy bi nguyện của Phật A Di Đà sâu thẳm, sức nhiếp độ mệnh mông vượt trời khắp mười phương!

Hỏi: Thưa, người tạo nghiệp ác, sám hối niệm Phật có được vãng sanh không?

Đáp: *Người ác có thể đổi ác hướng thiện thì họ có thể vãng sanh*, nếu như họ không giác tỉnh thì họ không thể vãng sanh, lâm chung giác tỉnh đều có thể vãng sanh. Pháp môn Tịnh Độ này rộng lớn thù thắng, không thể nghĩ bàn. Chân thật hồi đầu đó chính là chân thật sám hối, biết được đã làm sai rồi – về sau không làm nữa – là chân thật giác tỉnh. Ngạn ngữ chúng ta thường nói: “*Lãng tử hồi đầu ngàn vàng không đổi!*” người ác khi đã chân thật quay đầu sẽ là người tốt, còn tốt hơn so với người thường, cho nên họ có thể vãng sanh. Đây là điều khích lệ cho những người lỡ có quá khứ vô tri, không có trí tuệ, do ngu si mà tạo tác rất nhiều tội nghiệp nghiêm trọng; nhưng hiện tại họ đã tỉnh giác, đã hồi đầu được rồi. Không nên có ý niệm nghi sợ là: “tội nghiệp tạo quá nặng thì không thể vãng sanh!”

Nếu như bạn có cái ý niệm nghi sợ này thì sai rồi, vì nó sẽ tạo chướng ngại cho việc vắng sanh.

Nên biết công đức của việc sám hối là không thể nghĩ bàn! Khi tôi học Phật, đọc Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, vua A Xà Thế và Đề Bà Đạt Đa tạo tội ngũ nghịch¹² thập ác. Đề Bà Đạt Đa đòi đòi dọa dọa ngục, tuy là ông dọa dọa ngục nhưng ở trong địa ngục ông không có chịu tội, ông vẫn rất an vui hưởng thụ ở trong địa ngục giống như ở cõi trời Đao Lợi.

Đây là do nguyên nhân gì vậy? – Vì người ông hại là Phật! Hại phàm phu thì quả báo thật không thể lường được, vì sao vậy? Vì phàm phu có tâm sân hận, phàm phu có tâm báo thù nên oan oan tương báo lẫn nhau. Còn ông, ông đi hại Phật, Phật không có tâm sân hận, Phật không có tâm báo thù, nếu ông không hại Phật thì các Ngài khó mà mau chóng thành tựu Phật quả! Vì Phật tu hành “nhẫn nhục Ba La Mật,¹³” nếu thông dong mà tu thì không biết đến ngày nào Phật mới tu viên mãn được; nên khi ông hại đến các Ngài, thì hạnh nhẫn nhục Ba La Mật của Phật lập tức liền viên mãn – thành tựu Phật, chứng quả viên mãn. Nên tuy là ông ấy đã tạo ra nghiệp, dụng tâm là rất ác, nhưng đối với Phật mà nói thì ông giúp Phật mau thành tựu Phật quả.

¹² **Ngũ nghịch tội:** Năm tội cực ác trái với đạo lý, đó là: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp Tăng.

¹³ **Nhẫn nhục Ba la mật:** là nhẫn nhục đến chỗ cùng tội.

Vậy ông ấy có phải đọa địa ngục hay không? – Phải đọa, nhưng ông đọa địa ngục mà không chịu tội, ông ở trong địa ngục còn được hưởng phước. Điều này có đạo lý, cái đạo lý này rất sâu, rất vi tế!

Vua A Xà Thế là phạm phu, ông giết phụ thân, hại mẫu thân, đem mẫu thân cầm tù, lại phá hòa hợp tăng, tạo tội ngũ nghịch thập ác, lâm chung sám hối hồi đầu, niệm Phật liền được vãng sanh, ông thật đã vãng sanh.

Việc này thể hiện rõ cho thấy có hai cách để vãng sanh:

- Cách thứ nhất: “*Phát tâm Bồ Đề, một lòng chuyên niệm*”.
- Cách thứ hai: “*Lâm chung sám hối*”. Khi lâm chung sám hối phát nguyện thì “*một niệm cho đến mười niệm được vãng sanh*”. Công đức niệm một niệm đến mười niệm của người lâm chung sám hối – đặc biệt thù thắng – vì họ phát tâm rất đồng mãnh, người bình thường như chúng ta không thể nào so sánh với họ được, họ kiên định đồng mãnh phát tâm nên bỗng chốc liền có thể chuyên biến hết tội nghiệp từ vô lượng kiếp. Pháp môn Tịnh Độ nhằm giúp cho phạm phu đặc độ vậy – thật không thể nghĩ bàn!

Cho nên đi trợ niệm phải giữ bình đẳng, không nên ghét bỏ người tạo ác, phải toàn tâm toàn lực giúp đỡ cho họ thành tựu. Khi họ lâm chung vẫn thường hay khuyên bảo nhắc nhở, giúp đỡ trợ niệm họ, nếu họ có một niệm giác tỉnh là coi như bạn giúp một người thoát khỏi sáu cõi luân hồi để đi làm Phật, công đức này thật là vô lượng. Chỉ cần tâm của chính chúng ta

chân thành – tâm chân thành liền có cảm ứng – chân thật có thể giúp đỡ được họ.

Hỏi: Thưa, sinh tiền tạo nghiệp rất nặng, đến khi lâm chung, hơi thở sau cùng mới chịu niệm Phật, xin hỏi có thể đới nghiệp vãng sanh không?

Đáp: Nguyên thứ 18 trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*mười niệm đến một niệm nhất định được vãng sanh.*” Đây là sự thật chứ không phải giả, nhưng mà nhất thiết không được hiểu sai, hiểu sai là giả! Hiện tại không chịu niệm Phật, không coi trọng, hẹn đới khi lâm chung mới niệm, quả thật có không ít người thường khởi cái tâm lợi dụng điều này. Hãy nghĩ, lúc còn khỏe mạnh chẳng chịu huân tập; tới lúc lâm chung, *phàm phu nghiệp nặng gặp lắm nỗi điên đảo, lại thêm tứ đại bức bách khổ sở, đau đớn không tả hết nỗi;* khi ấy bạn có thể giữ vững tâm để niệm Phật hay sao?

Sám trừ nghiệp chướng.

Nếu chẳng lo sám trừ nghiệp chướng thì nhất định không thể vãng sanh. Tuy pháp môn này nói ‘đới nghiệp vãng sanh,’ các vị Tổ sư đại đức xưa nay đã nhắc nhở: ‘*chỉ mang theo nghiệp cũ, chứ không mang theo nghiệp mới.*’ Những nghiệp mà bạn đang tạo hiện nay thì không thể mang theo, chữ ‘đới’ nghĩa là ‘đem theo, mang qua bên đó’; việc sai lầm trong quá khứ không sao, hôm nay phải tu sửa lại cho đúng. Câu ‘*không kể quá khứ, chỉ luận hành vi hiện nay*’ là nguyên lý và nguyên tắc của đới nghiệp vãng sanh. Bây giờ vẫn tiếp tục tạo nghiệp thì chẳng thể vãng sanh, nhất định phải hiểu cái đạo lý này.

Chớ có ảo tưởng: “chưa muộn, còn ở thế gian này thì cứ tiếp tục tạo nhiều ác nghiệp, chờ khi lâm chung sẽ quyết giữ vững một niệm sau cùng!” Về lý thì không có vấn đề gì, nhưng trên thực tế thì không có dễ dàng!

- Bạn có dám bảo đảm khi lâm chung đầu óc còn minh mẫn không?
- Bạn có dám bảo đảm hơi thở sau cùng, niệm được ‘A Di Đà Phật’ không?
- Khi lâm chung bạn có thể buông bỏ vọng tưởng đảo điên, vạn duyên hư dối, xuống hết được không?

Huân tập niệm Phật ngay từ bây giờ.

Bạn phải biết, vào lúc lâm chung nếu bạn vẫn còn phiền não chấp trước thì Phật sẽ không thể đến tiếp dẫn bạn được. Đức Phật mà không đến thì tất oán thân trái chủ của bạn sẽ đến! Lúc sinh thời nếu tạo quá nhiều ác nghiệp, quá nặng, khi lâm chung yêu ma quỷ quái xuất hiện, tấn công bức bách bạn nhiều như thế thì có nguy không? – Bây giờ bạn đã hiểu rõ, bạn phải sáng suốt, phải nắm vững điều này để không bị lầm lẫn trên bước đường tu tập của mình, bạn phải huân tập niệm Phật ngay từ bây giờ. *Khi lâm chung một niệm sau cùng nếu là niệm “A Di Đà Phật”, tức thời phiền não của bạn liền bị không chế, giúp tâm bạn thanh tịnh, thì bạn và Phật liền có cảm ứng đạo giao, Phật sẽ lai nghinh đón bạn.*

Hỏi: Thưa, người tạo những nghiệp thập ác, nhưng lúc lâm chung giác tỉnh “sám hối” niệm Phật vẫn được thành tựu đời

nghiệp vãng sanh Tịnh Độ, căn cứ vào đâu để làm chỉ nam? Người sanh vào Hạ Hạ phẩm ở cõi Tịnh Độ cũng đều được bất thoái phải không? Xin lão Pháp sư khai thị rõ hơn.

Đáp: Lý này rất sâu, quả là có những cảnh giới không thể nghĩ bàn, chúng ta nên tin sâu, không nghi ngờ.

Lâm chung sám hối niệm Phật vãng sanh.

Vua A Xà Thế là phàm phu, ông giết phụ thân, hại mẫu thân, đem mẫu thân cầm tù, lại phá hoà hợp tăng, tạo tội ngũ nghịch thập ác, lâm chung sám hối hồi đầu, niệm Phật liền được vãng sanh, ông thật vãng sanh.

Có lẽ chúng ta nghĩ rằng, vua A Xà Thế tạo tội nghiệp nặng như vậy nên vãng sanh chỉ là hạ phẩm hạ sanh. Nhưng, chúng ta không thể nào ngờ rằng Phật nói trong A Xà Thế Vương Kinh là vua A Xà Thế vãng sanh “Thượng Phẩm Trung sanh”. Việc này chúng ta có nghĩ thế nào cũng nghĩ không ra! Như vậy mới biết được, chúng ta không thể xem thường việc sám hối vãng sanh. Nói cách khác, vua A Xà Thế – người tạo trọng nghiệp tội – lâm chung sám hối vãng sanh, phẩm vị còn vượt hơn chúng ta. Chúng ta vãng sanh có thể không cách gì lên đến bậc thượng phẩm, ngay được bậc trung hay hạ thì chúng ta cảm thấy rất không tệ rồi, nhưng bạn thấy đấy, ông vãng sanh Thượng Phẩm Trung sanh!

Khi người sắp lâm chung giác tỉnh hồi đầu, bạn không thể lường biết được cái sức mạnh của sự đồng mãnh khi họ thật

sám hối, thật kiên cố phát tâm Bồ Đề đâu. Việc này khai thị rất tốt cho chúng ta, giúp chúng ta không dám khinh mạn người tạo tác tội nghiệp, không nên xem thường họ. Vì sao vậy? Vì không chừng khi họ lâm chung “sám hối vãng sanh,” đến thế giới Cực Lạc có khi phẩm vị còn cao hơn chúng ta, chúng ta vẫn không thể bằng họ, thật là không thể coi thường!

Lâm chung “sám hối vãng sanh,” là dựa vào nguyện thứ 21 trong 48 lời Đại Nguyện của Phật A Di Đà: *“Khi con thành Phật, chúng sanh trong mười phương nghe danh hiệu con, nhớ nghĩ nước con, phát tâm Bồ Đề kiên cố không thoái lui, trông các căn lành, hết lòng hồi hướng sanh về Cực Lạc, đều được toại ý; nếu có ác nghiệp đời trước, nghe danh hiệu con hết lòng sám hối, làm các điều lành, lại trì kinh giữ giới, nguyện sanh về nước con, mạng chung không lạc vào ba đường ác, liền sanh về nước con. Nếu không được như vậy, thế không thành Chánh giác.”* Lòng từ bi vô lượng của Phật thật không thể nghĩ bàn!

Vãng sanh Cực Lạc thế giới là viên chứng ba thứ Bất Thoái.

Ba phẩm Hạ là những phạm phu đối nghiệp vãng sanh. Tuy có sự khác nhau về ba bậc chín phẩm, nhưng một lần bạn đã thừa nguyện vãng sinh thì tất cả đều được vĩnh viễn ra khỏi khổ sanh tử, cuối cùng thành tựu quả Phật!

Trong Kinh Vô Lượng Thọ có nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đầu trong *Hạ Hạ Phẩm thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*. Cũng có thể nói A

Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát viên chứng ba thứ Bất Thoái (điều kiện rộng lớn hơn), nên Vãng Sanh Cực Lạc thế giới là bạn viên chứng đủ cả *ba thứ Bất Thoái*. Chỉ có pháp môn niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có được thành tựu thù thắng cùng tột như thế!

Trong Vãng Sanh truyện, thí dụ về “lâm chung sám hối, niệm Phật được vãng sanh” có rất nhiều. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, ba phàm Hạ, người ác lâm chung sám hối vãng sanh thường vào được ba phàm Hạ là do lực sám hối của họ không được đồng mãnh, không được mạnh mẽ chân thiết như vua A Xà Thế. Cũng đều là sám hối vãng sanh, nhưng lực đồng mãnh không giống như nhau, sám hối vãng sanh đại đa số là vào ba phàm Hạ, thế nhưng cũng có một số ít vẫn vào được Thượng phẩm Thượng sanh. Chúng ta phải tường tận những đạo lý này.

Với những chân tướng này, nếu tỉ mỉ mà suy ngẫm, thì việc giác tỉnh sám hối và nhân duyên thiện căn đời quá khứ – nhất định phải có quan hệ rất mật thiết, nghĩa là trong quá khứ (đời đời kiếp kiếp) họ đã tích được thiện căn phước đức rất sâu dày. Nhưng sao đời này họ lại tạo nghiệp như vậy? Vì ngay trong đời này họ không gặp được thiện duyên, không thân cận được các thiện tri thức; người họ gặp được là ác tri thức, thường hay mê hoặc thúc đẩy họ chấp tâm duyên theo bụi sáu trần¹⁴, nay chỉ cần một chút duyên gợi nhắc, thì thiện căn đời trước liền hiện tiền.

¹⁴ *Sáu trần*: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Hỏi: Thưa, có một cụ 87 tuổi bị ung thư gan thời kỳ cuối cùng, ông trước kia chưa từng biết Phật pháp. Ông không có đau đớn, thần trí tỉnh táo, trước khi lâm chung khoảng 2 tiếng đồng hồ mới bắt đầu theo các liên hữu trợ niệm mà niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Niệm đến chữ “Phật” của câu A Di Đà Phật thì tắt thở, ông ra đi thân thái an lành, vậy có thể xác quyết là ông cụ được vãng sanh thế giới Cực Lạc không?

Đáp: Vãng sanh hay không thì không thể tự quyết, nhưng duyên số của ông ấy tốt vì một niệm sau cùng là niệm “A Di Đà Phật”. Nếu ông ấy có tâm cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc thì nhất định vãng sanh, không chút nghi ngờ nào!

Còn nếu ông chỉ là niệm Phật theo mọi người mà không có ý cầu sanh Cực Lạc thế giới, thì ông không được vãng sanh. Tuy không được vãng sanh nhưng nhờ công đức niệm Phật thì nhất định ông sẽ được hưởng phước báu nhân thiên... Bạn nên chiếu theo nguyện vọng của ông ấy, nếu ông không có ý niệm vãng sanh, nhưng thật sự có ý niệm Phật (tuy ông niệm A Di Đà Phật), hạng người này phần lớn sẽ sanh Thiên. Còn nếu như ông nghĩ đến sự giàu sang phú quý của thế gian thì sẽ sanh vào cõi người. Nhưng nhất định sẽ không bị đọa vào ba đường ác! Những cơ duyên may mắn như thế này rất là khó gặp, vì khi lâm chung ông gặp được duyên thù thắng, gặp được bậc thiện tri thức nhắc nhở niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Hỏi: Thưa, nếu lúc lâm chung tuy niệm được một niệm Phật, nhưng trong lòng vẫn còn vọng tưởng chấp trước, thì cũng không được vãng sanh phải không?

Đáp: Không sai chút nào, mấu chốt là ở nơi này! Khi lâm chung nhất định không được khởi tâm sân hận, không được có vọng tưởng, phiền não. Nếu có sân hận, vọng tưởng, phiền não là sẽ bị đọa vào 3 đường ác! Nếu họ không thể khắc phục được phiền não tập khí, một mặt họ niệm Phật còn mặt kia khởi vọng tưởng chấp trước, thì niệm này sẽ không có lực – không thể tạo cảm ứng đạo giao với Phật.

Trong quyển ‘Sức Chung Tân Lương’ và ‘Sức Chung Tu Tri’ có dạy, người giúp trợ niệm lâm chung rất quan trọng, nhất định phải thành tâm học hỏi, học với cái lòng thành kính, biết cẩn thận về thái độ, cử chỉ và lời nói để khuyên giải người bệnh sao cho họ không có phiền não hoài nghi, giúp cho gia đình họ vững tâm tin tưởng. Người trợ niệm phải thực hành đúng pháp hộ niệm, để giúp họ giữ được chánh niệm, và tuyệt đối không được làm cho người bệnh bị tức giận.

Do đây có thể biết, vãng sanh không khó cũng không dễ, điểm then chốt nhất là chúng ta phải chân thật vì sanh tử mà phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, hay nói cách khác, trước tiên bạn phải chân thật hiểu rõ luân hồi là khổ, khổ đến không nói ra lời!

Hỏi: Thưa, có được vãng sanh hay không quyết định ở niệm A Di Đà Phật sau cùng, vậy làm thế nào để bảo đảm niệm sau cùng là niệm A Di Đà Phật?

Đáp: Nguyện thứ 18, trong 48 lời nguyện của đức Phật A Di Đà, là khi lâm chung niệm nhắc đến 10 niệm liền được vãng

sanh. Trong Kinh Niệm Phật Ba La Mật, Đức Phật Thích Ca dạy là khi lâm chung phải cố giữ 10 niệm nối tiếp nhau thì liền vào được Phổ Đẳng tam muội của Phật A Di Đà, liền được sanh qua cõi Cực Lạc.

Người không vãng sanh thì không thể vượt thoát khỏi lục đạo luân hồi, muốn thoát lục đạo luân hồi là do ở một niệm cuối cùng lúc lâm chung quyết định. Lúc lâm chung khởi lên một niệm thiện thì sanh đến 3 cõi thiện, khởi lên một niệm ác thì sanh đến 3 cõi ác, nên niệm cuối cùng lúc lâm chung rất vô cùng quan trọng.

Hằng ngày chúng ta dụng công niệm Phật là huân tập chất chứa trong tạng thức, giúp nó thành cái chủng tử niệm Phật, thành một sức mạnh niệm Phật, để khi lâm chung – hy vọng giữ được chánh niệm phân minh và tín nguyện cầu sanh Cực Lạc thế giới, thấy được Phật A Di Đà thì nhất quyết sẽ được vãng sanh bất thoái thành Phật.

Có được vãng sanh hay không ***nhất định ở một niệm sau cùng phải là niệm “A Di Đà Phật”***. Cho nên phàm là người vãng sanh thì không ai không phải là người đại thiện, đại phước – vì họ đến được thế giới Cực Lạc làm Phật! Nếu thần thức bạn rõ ràng sáng suốt lúc lâm chung, thì ngay tại pháp giới này bạn có quyền chọn lựa nơi đến ở kiếp sau. Nếu bạn điên đảo thì bạn không thể có khả năng để chọn lựa, hễ không có khả năng chọn lựa thì nhất định bạn phải bị nghiệp lực quán trói mà lưu chuyển, vì *nghiệp lực lôi kéo mà lưu chuyển tức bạn không thể làm chủ lấy mình được*. Bản thân mình, mà không thể

làm chủ chính mình được, thì gọi đó là người không có phước báu!

Nhưng chúng ta đây phải làm thế nào để có thể bảo đảm rằng niệm sau cùng sẽ là niệm Phật đây! Phải **“Giác Ngộ, Nhìn Thấu, Buông Xả”**, và ngay bây giờ đây chúng ta phải **nhất tâm thanh tịnh trì niệm câu Phật hiệu “A Di Đà Phật”, ngày đêm không ngừng dứt cầu sanh Tây Phương Cực Lạc**. Lấy câu Phật hiệu làm câu thần chú, để giải trừ tất cả những tập khí phiền não vọng tưởng, phân biệt chấp trước còn lưu trữ lại nơi ta từ vô thủy kiếp cho đến nay. Và phải chân thật huân tập niệm Phật không gián đoạn mới hy vọng đoạn trừ được vô biên phiền não, thì đến lúc lâm chung mới mong tự mình có thể làm được.

Tích công lũy đức, gây tạo phước điền.

Sự thật thì có rất nhiều trường hợp khi lâm chung họ bị trọng bệnh, hôn mê, không tỉnh táo... nếu ở trong tình trạng này thì dầu có được trợ niệm cũng không thể giúp ích hoàn hảo được, cho nên nhất định chúng ta cần phải tích công lũy đức, gọi là tu phước. Tích công lũy đức đây là trong đời sống hàng ngày, bạn phải hành cho được 3 loại bố thí: tài bố thí, pháp bố thí, và vô úy bố thí; luôn giữ được cái tâm cho tốt, mỗi niệm đều vì lợi ích của chúng sanh, vì lợi ích của xã hội, chẳng vì lợi ích cho riêng cá nhân mình, thường tu thiện, đoạn các điều ác.

Không nên thọ hưởng phước ngay, hãy mong cầu đến lúc lâm chung “tâm không điên đảo, chánh niệm hiện tiền,” đó mới chính thật là phước báu của người lúc lâm chung.

Theo đây có thể biết, danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần không phải là thứ tốt, có thì có thể thọ dụng, quyết không nên tham luyến. Tham luyến là sai, tham luyến là cỗi Nga quý. Nếu như bạn có phước báo thì bạn phải có trí tuệ. Trí tuệ là gì vậy? Tôi có phước báo, phước báo của tôi cùng cộng hưởng với mọi người, hiện tại gọi là chúng ta cùng hưởng với mọi người thì phước báo của người đó càng ngày càng lớn, họ không phải hưởng riêng. Hưởng riêng thì dù phước báo có lớn bao nhiêu đi nữa cũng sẽ hưởng hết rất nhanh, nếu như cùng hưởng với tất cả chúng sanh thì phước báo đó của họ sẽ không thể hưởng hết. Cùng hưởng với tất cả chúng sanh chính là bố thí, tài nhiều thì thí tài. Chân thật hiểu rõ đạo lý Phật pháp đã nói, Phật pháp là chân lý của vũ trụ nhân sanh, chân thật thông đạt tường tận rồi thì hoan hỷ mà bố thí, không chút bòn xén. Bố thí càng nhiều vui sướng càng cao, ở nơi đây bố thí thì ở nơi kia liền đến, như nguồn nước không ngừng chảy đến, cũng như nguồn nước không ngừng bố thí, chính mình có cần không thì không cần thiết, đời sống nhất định phải gìn giữ bình thường, đó là đạo dưỡng sinh.

Sống thì phải biết tiết kiệm, tích lũy phước báu để dành đến khi lâm chung còn có mà thọ hưởng. Lúc còn sống hưởng tận vinh hoa phú quý, hưởng hết phước báu của mình rồi, đến khi lâm chung sẽ không còn phước báu nữa, cho nên phải hiểu cái lý này cho rõ. Đã biết chân tướng của sự thật, thì ngay trong đời này phải biết học theo bậc Đại Thánh, Đại Thiện. Hễ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động nhất định phải tương ứng,

phù hợp với lý luận và phương pháp của sự vãng sanh, điểm này vô cùng quan trọng!

Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi “*Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (nơi tụ tập của các người thiện nhất), cho nên chúng ta niệm Phật thì cũng phải tu “thượng thiện.” Nếu tâm không thiện, ngôn ngữ không thiện, cho dù mỗi ngày niệm 10 vạn câu Phật hiệu thì cũng không thể vãng sanh được!

Tin sâu nhân quả.

Nay chúng ta chưa giác ngộ là vì chúng ta biếng nhác, không chuyên tâm học và hành theo lời Phật dạy để có được cái nhìn *thấu suốt về những đặc tánh của vũ trụ nhân sanh (chỉ là mộng huyễn ảo ảnh) và tin sâu nhân quả*, thì chẳng thể nào tránh khỏi “pháp giới giai không, nhân quả bất không”. Lúc lâm chung là lúc tối hậu nhất của đời người, nếu chưa sắp sẵn tư lương vãng sanh cho ổn thỏa, ắt chân tay sẽ hoảng loạn, ác nghiệp nhiều đời cùng lúc hiện tiền, giải thoát được sao? Tuy cậy vào người khác trợ niệm, việc đúng như pháp cũng cần phải tự mình thường ngày tu trì huân tập, thì lúc lâm chung mới mong được tự tại.

Giác ngộ - Nhìn thấu - Buông xuống!

Bạn phải thật thà chịu học, học là vô cùng quan trọng, có học thì bạn mới có thể rõ lý, sau khi rõ lý rồi, *tín tâm của bạn thanh tịnh thì mới sanh trí tuệ*, không khởi sanh phiền não. Muốn thế phải thấy được cái xưa nay không một vật (mọi sự

vật bên ngoài đều do tướng duyên hợp sinh diệt), để khi lâm chung có thể đồng mãn buông xuống vạn duyên, nhất tâm thanh tịnh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, thành tựu đạo vãng sanh. Khi đã buông xuống được vạn duyên thì tâm chẳng kinh sợ, chẳng có hoài nghi, không nao núng trước những hoàn cảnh xấu hay tốt xảy ra dù hoàn cảnh nào, bất cứ lúc nào! ***Muốn được vậy thì ở ngay đời này không nên mong cầu bất cứ thứ gì, chỉ mong cầu là có thể vãng sanh Tịnh Độ!***

Giữ được chánh niệm lúc lâm chung.

Hỏi: Thưa, làm thế nào để có thể giữ được chánh niệm lúc lâm chung?

Đáp: Đây là lời của Thiện Đạo đại sư, tổ thứ 2 của Liên Tông và cũng là hóa thân của Phật A Di Đà, Ngài dạy phương pháp giữ vững chánh niệm trong lúc lâm chung như sau.

*“Phật tử tu niệm Phật, khi sắp mãn phần muốn được sanh về Tịnh độ thì điểm cần yếu là **đừng sợ chết!** Phải thường nghĩ thân này như nhợ, biết bao điều khổ lụy trôi vây! Nếu bỏ được thân huyễn hôi nhợ, sanh về Cực Lạc thọ thân kim cương thanh tịnh, sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú, hưởng vô lượng sự an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách đổi lấy đồ trân phục, còn điều chi đáng thích ý bằng! Nghĩ như thế, buông hẳn thân tâm không còn lo buồn tham luyến.*

Lúc vừa có bệnh, liền tưởng đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương,

cùng bàn việc hay dở trong nhà. Nếu có ai đến thăm chỉ khuyên nên vì mình niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác. Cũng không nên dùng lời dịu dàng an ủi, chúc cho sớm được lành vui, vì đó chỉ là chuyện bông lông vô ích. Phải bảo trước cho quyến thuộc biết, lúc mình bệnh ngặt sắp chết, đừng rơi lệ thương khóc, hoặc phát ra tiếng than thở âu sầu, làm kẻ lâm chung rối loạn tâm thần, lạc mất chánh niệm. Nói tóm lại, tất cả chỉ giữ một việc xưng danh trợ niệm cho đến sau khi tắt hơi.

Nếu lại được bậc tri thức hiểu rành về Tịnh độ, thường đến khuyên thì thật là diệu hạnh! Như lúc lâm chung biết ứng dụng phương pháp này tất sẽ được vãng sanh không còn nghi ngờ chi nữa.”

Đời sau đi về đâu, do ở một niệm cuối cùng quyết định!

Hỏi: Thưa, một hơi thở sau cùng là ám chỉ cho một sát-na tắt thở hay là ám chỉ lúc thần thức rời khỏi xác thân rồi?

Đáp: Hơi thở sau cùng là ngay lúc sát na tim ngừng đập, mũi ngừng thở. Nhưng với Phật học thì (lúc này) tuy đã tắt thở rồi nhưng thần thức vẫn chưa rời khỏi xác, việc này nhất định phải hiểu. Trong kinh Đức Phật có dạy, thông thường sau khi tắt thở 8 giờ đồng hồ thì thần thức của họ mới hoàn toàn rời khỏi xác, cho nên trợ niệm lúc này là thọ dụng nhất và rất quan trọng. Nhưng muốn cho họ an toàn vãng sanh, tốt nhất khi trợ niệm thì nên niệm Phật cho họ từ 10-12 giờ, hay 24 giờ mới an toàn.

Hỏi: Khi lâm chung nếu niệm sau cùng là “A Di Đà Phật” thì liền được vãng sanh Tây Phương, ý nói khi lâm chung hơi thở

sau cùng hay là một niệm sau cùng khi thân thức rời khỏi thân xác?

Đáp: Một niệm sau cùng khi thân thức vừa rời khỏi thân xác, và đương nhiên hơi thở sau cùng cũng nhất định phải là “A Di Đà Phật”.

Ngài Ngẫu Ích đại sư khai thị trong Kinh A Di Đà yếu giải: “Tâm người niệm Phật cảm động đến tâm Phật. Tâm Phật ứng hợp với tâm người. Hai đường giao chấp với nhau thành một vẽ, giống như lấy bàn in, in thành nét đẹp rồi thì bỏ bàn đi. Như thế Phật A Di Đà và các Thánh Chúng, tuy tâm các Ngài chẳng ở đâu lại, mà chính thân các Ngài có đến thực, cúi xuống tiếp dẫn mình. Người tu Tịnh Nghiệp, tâm mình cũng chẳng đi đâu, mà chính thân mình có đi thực, mang thể chất mình gửi trong hoa sen báu”.

Thế nên tự mình phải giác ngộ, phải quay về, phải thọ trì đọc tụng, y giáo phụng hành, người như vậy mới thật sự quay về. Vừa quay về thì cùng đại quang minh vân của Phật khởi tác dụng cảm ứng đạo giao.

Lúc bà Hàn Quán Trưởng vãng sanh, giúp cho chúng ta rất nhiều bài học, nhắc nhở chúng ta ‘**sanh tử sự đại**’ (việc sanh tử là vô cùng quan trọng). Chúng ta cần phải có sự dự bị tốt cùng – buông xả, sám hối nghiệp chướng, tinh tấn niệm Phật, lập chí Vãng Sanh vững vàng không thoái chuyển – sao cho đến lúc lâm chung phải tự mình làm chủ được mình, Phật lực sẽ gia trì cho bạn.

Còn như nếu lúc lâm chung, tự mình không làm chủ mình được, phải chịu sự sắp xếp của người khác, thì cho dù có rất nhiều người lo lắng chăm sóc, nhưng những gì mình cảm xúc chưa chắc sẽ được toại ý. Mà đời sau đi về đâu, đều do ở một niệm cuối cùng quyết định; niệm cuối cùng là tham, sân, si thì sẽ trôi vào ác đạo, thật dễ sợ vô cùng!

Hỏi: Thưa, bất luận là tập niệm Phật như thế nào, vọng tưởng cứ vẫn tồn tại, như vậy đến khi lâm chung niệm danh hiệu Phật có được vãng sanh hay không?

Đáp: Có vãng sanh được hay không, quyết định ở tự nơi tín tâm kiên định của bạn, còn niệm Phật mà vọng tưởng vẫn biến hiện thì đây cũng là hiện tượng bình thường. Nếu niệm Phật mà không còn vọng tưởng thì bạn chẳng còn là phàm phu mà là chư Phật, là Bồ Tát tái lai rồi!

Hạng phàm phu nhất định làm không được, cho nên không phải sợ! Vọng niệm cứ khởi, bạn cứ liễu thật niệm Phật thì không có ngại gì! Chỉ cần bạn quan tâm đến việc niệm Phật, không cần quan tâm đến vọng tưởng là tốt rồi, đừng có chú ý đến vọng niệm, vọng niệm nhiều hay ít cũng không sao.

Người bình thường công phu niệm Phật không mạnh bởi do không buông bỏ được ý tưởng về vọng niệm, thường hay suy nghĩ rằng “sao tôi có nhiều vọng niệm như vậy,” hễ càng nghĩ thì càng nhiều, càng để ý đến thì thấy càng nhiều, làm sao bạn có thể đoạn được vọng niệm! Chỉ cần bạn đừng để ý đến nó, thì tự nhiên vọng niệm sẽ giảm bớt và công phu sẽ dần dần

manh lên, và *chỉ cần liễu thật niệm Phật thì nhất định sẽ được oai thần bốn nguyện của Đức Phật gia trì!*

Làm sao giữ vững được tâm thanh tịnh để niệm Phật?

Trong quá trình tu học, đa số người học Phật thường gặp phải vấn đề là chỉ giữ được tâm thanh tịnh để niệm Phật khi ở trong Niệm Phật Đường, nhưng khi trở về nhà, về nơi làm việc thì không thể nào giữ gìn được tâm bình khí hòa. Không thể giữ gìn được là do hai yếu tố:

- thứ nhất, không thể gạt bỏ vô minh phiền não qua một bên, vì tập khí này từ vô lượng kiếp đến nay quá nặng nên không thể làm chủ sự thanh tịnh.
- thứ hai, tâm liễu thoát sanh tử không đủ thiết tha, đối với thế gian này nhận thức chưa rõ ràng, chẳng biết thế gian này chỉ là hư ảo. Kinh Kim Cang dạy rằng: “*Hễ những gì có tướng thấy đều là hư vọng*” hay “*Tất cả các pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt, ảnh.*” Nếu chúng ta hy vọng trong đời này có thể tu học thành tựu, thì đây cũng là một vấn đề khẩn thiết cần phải liễu ngộ.

Nên khi gặp thuận duyên, tâm không nên sanh tham luyến; gặp phải nghịch duyên, tâm không sanh sân khuê! Có giữ được tâm bình khí hòa thì mới gìn giữ được tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đó là tâm Phật, tâm Bồ Tát, còn giữ tham-sân-si-mạn-nghi thì đó là tâm phàm phu. Phải biết tham-sân-si-mạn-nghi là căn bản của lục đạo; mà lục đạo luân hồi do đâu mà có? Là do những thứ này biến hiện! Nếu chuyên

tham-sân-si-mạn-nghi thành chân thành - thanh tịnh - bình đẳng - chánh giác - từ bi thì lục đạo biến mất, vì quý vị đã siêu việt lục đạo rồi! Không những đã siêu việt lục đạo mà còn siêu việt cả mười pháp giới để đi đến Hoa Tạng, đến Nhất Chân pháp giới, Cực Lạc thế giới!

Nên quý vị phải hiểu: *Công đức của chính mình tu học được, bất cứ ai cũng không thể phá hoại, chỉ chính mình tự phá hoại mình thôi!* Vì ma vương, ngoại đạo trông thấy quý vị tu công tích đức, chúng sẽ đến phá hoại. Bằng cách nào? Chúng biến hiện ra đủ mọi cảnh giới để dụ hoặc, khiến quý vị khởi tâm tham luyến, khởi tâm sân khuê; nhìn quý vị ý khẩu buông lung, sân giận, chúng sẽ vui mừng: “Tốt lắm! Đốt cháy nhanh lắm! Công đức của người đã bị đốt cháy sạch rồi!” Thế là tự mình đốt mình, quý vị bị mắc lõm rồi! Cho nên dù thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, chúng ta phải có trí huệ, dùng lý trí để đối đãi, nhất định không được xử sự theo tình cảm, nhất định không thể để mắc lừa. “***Tham-sân-si là nhân, tam đồ là quả báo***”, quý vị tạo cái nhân ấy thì tương lai sẽ đọa tam ác đạo, nhất định chẳng thể mắc lừa!

Do vậy, duyên hợp cũng không sanh tham luyến, duyên tan cũng đừng nên sân khuê. Trong tất cả mọi hoàn cảnh, phải biết khắc phục được vọng tưởng của mình, đối vật đối cảnh cũng chẳng sanh tâm, chế ngự được các phân biệt chấp trước của mình, hết thấy (những việc này) đều là Phật pháp. Nếu có thể khắc phục, buông xả, chế ngự được thì mới có thể gìn giữ được công phu. ***Hết phiền não tự nhiên tâm định, tâm định khai trí tuệ!***

Những đại đức thời xưa biết được tập tánh của phàm phu rất nặng, khắc phục mình rất khó, nên mới chủ trương, đề xướng “*Y chúng kháo chúng*” (nương dựa vào đám đông), mới tụ họp lại tu tập chung với nhau, đốc thúc, cảnh tỉnh, khích lệ lẫn nhau, dụng ý là ở chỗ này.

Thoại tướng của người Vãng Sanh Cực Lạc.

Hỏi: Thưa, sau khi tắt thở 12 giờ, sờ lên đỉnh đầu thấy nóng, như vậy có phải là họ vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ không?

Đáp: Trong kinh Phật nói thần thức có rất nhiều chỗ để vãng sanh, lúc lâm chung thần thức của họ ra đi ở nơi nào tức sẽ sanh về nơi ấy.

- Ta xét nghiệm kỹ càng nếu thần thức từ dưới bàn chân đi ra thì người này đọa địa ngục. Làm sao khám nghiệm? Toàn thân đều lạnh hết nhưng dưới bàn chân còn ấm, đây là nói người này từ dưới bàn chân đi ra. Từ đầu gối ra là sanh vào đường ngạ quỷ; từ rốn ra là sanh vào đường súc sanh, từ ngực ra là sanh vào loài người, từ đánh đầu ra là sanh vào cõi trời, vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc cũng từ đánh đầu đi ra.

Có bài kệ rằng: “*Thánh trên đỉnh mắt sinh lên trời, tim làm người, bụng làm ngạ quỷ, xuất ra đầu gối là vào súc sinh, xuất ra bàn chân sa địa ngục!*”

- Thần thức từ đỉnh đầu ra thì rất là thù thắng, nếu thiệt là sanh Thiên cũng ra từ đỉnh đầu, vì phước báu của trời rất là lớn nên họ đi từ đỉnh đầu, hoặc vãng sanh Cực Lạc cũng vậy, thần thức đi rất nhanh. Phàm là sanh về cõi thiện thì thân thể nhất định phải mềm mại, không cứng, có khi để cả hai tuần thân thể hãy còn mềm mại.

Nhưng tốt nhất đừng đụng vào thân thể người mất, trong vòng 8 giờ cho đến 12 giờ đồng hồ, sau khi người đó tắt thở, để tránh cho người mất cảm thấy đau đớn thêm và sanh tâm sân giận có thể hại họ.

- Muốn biết họ có thực sự được vãng sanh hay không – **phải xem lại công hạnh và ước nguyện của họ hàng ngày có tương hợp với tướng lành lúc họ ra đi hay không**. Cho dầu sau khi hỏa táng họ có lưu lại xá lợi, cũng không thể xác định chắc chắn là họ được vãng sanh. Bạn phải hiểu điều này!
- Việc đáng tin nhất là khi họ sắp tắt thở, họ sẽ báo: ‘**Phật đến tiếp dẫn tôi rồi!**’ đây chắc chắn là được vãng sanh, bạn không cần chạm vào người họ để làm gì. Nếu người có sức tu hành kiên thành hơn thì sẽ biết trước mấy ngày, “*ba ngày sau Đức Phật sẽ đến đón tôi, hay một tuần sau Phật sẽ đến tiếp dẫn tôi!*” như thế nhất định đúng là họ thật vãng sanh.

Điều kiện vãng sanh là do nhất tâm nhất ý mong cầu được vãng sanh Cực Lạc, mãnh liệt mong được gần gũi Đức Phật, những việc của thế gian đều buông bỏ, không để nó ở trong lòng,

người nào được như vậy thì nhất định được vãng sanh. Nếu vừa muốn được vãng sanh, vừa không thể buông bỏ được, vậy thì không thể đi nổi. Hãy buông xả cho sạch!

Mấy năm gần đây, chúng tôi đã đề xướng việc thuận thiện, thuận tịnh trong cuộc sống. Thuận thiện mọi thứ là tùy duyên – tuyệt đối không phan duyên – nếu trong lòng phải suy tính thế này thế nọ tức là phan duyên rồi! Tùy duyên thì mọi thứ đều tốt, còn phan duyên thì không tốt chút nào! Cứ sống cho vui vẻ không cần để cái gì trong lòng cả, chỉ để trong lòng có A Di Đà Phật, chỉ có thể giới Tây Phương Cực Lạc y chánh báo trang nghiêm. Nên thuộc lòng kinh, thường quán tưởng đến cảnh giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu như không thể quán tưởng thì chỉ niệm A Di Đà Phật, thường nghĩ đến Đức A Di Đà Phật là tốt rồi.

Trong lòng ngoài Đức Phật A Di Đà ra không còn cái gì khác, thì không có lý nào mà không được vãng sanh đâu. ***Có tâm chân thành, từ bi, có nhìn thấu, buông xả, niệm Phật mới được, nguyện của bạn mới là chân thực, bạn nhất định có thể làm được.*** Nếu tu được vậy thì muôn người tu, muôn người vãng sanh!

Cách nào có thể xác quyết người lâm chung chắc chắn vãng sanh?

Hỏi: Thưa, cách nào để xác quyết người lâm chung chắc chắn vãng sanh?

Đáp: Điều chắc chắn nhất là tự thân người lâm chung nói ra, “*A Di Đà Phật đến rồi, Tây Phương Tam Thánh đến rồi ... đến đón tôi rồi, giờ tôi phải đi theo Ngài. Chào tạm biệt mọi người nhé!*” như vậy không có chút gì giả, đã vãng sanh thực sự! Bởi người này đã tiêu nghiệp chướng, nên lúc ra đi thần thức rõ ràng sáng suốt, tâm được khinh an.

Vẫn có trường hợp thần trí rất sáng suốt, nhưng thân thể quá suy yếu không thể nói ra lời, nhưng do được mọi người niệm Phật trợ niệm, nên họ hoan hỷ. Lúc ra đi miệng họ cũng mấp má, người bình thường như chúng ta không biết, nghĩ rằng họ niệm Phật cùng chúng ta, nhưng thực tế có thể họ muốn nói, “*Phật đến tiếp dẫn tôi rồi, và tôi đi theo Phật đây*”.

Những hiện tượng xảy ra khi trợ niệm, bạn nên quán sát cho thật kỹ, để có thể phán đoán coi họ có thật sự vãng sanh không. Nói tóm lại, nếu họ rất an lành tự tại ngay khoảng sát na cuối cùng thì tốt, còn nếu như lúc ra đi với dáng vẻ đau khổ giằng dữ thì chắc chắn không thể được!

Chỉ một Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn mà thôi!

Hỏi: Thưa, thường ngày niệm “A Di Đà Phật”, đến lúc lâm chung thấy xuất hiện vị Phật khác đến tiếp dẫn, ta có nên theo các Ngài này đi không?

Đáp: Nếu chúng ta niệm *A Di Đà Phật cầu vãng sanh Cực Lạc*, thì nhất định khi lâm chung *Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn*. Còn khi lâm chung, thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến tiếp

dẫn, Phật Dược Sư đến tiếp dẫn tất là không đúng, nhất định không phải là thật.

Nếu người lâm chung gặp phải tình huống này thì phải khai thị ra sao? Tốt nhất, đừng chú ý đến thì trong chốc lát các hình tướng đó sẽ biến mất, nhất định phải đợi Đức Phật A Di Đà đến.

Nếu Đức Phật A Di Đà đến mình có thể nhận biết được không? – Chắc chắn nhận ra được, nhất định là phải nhận biết được! Khi tiễn người vãng sanh, nếu họ nói, “*A Di Đà Phật đến rồi!*” là thật, không phải giả. Khi trợ niệm, điều quan trọng phải nên chú ý đến vấn đề này, nhất định không để họ có tạp niệm, có huyền tướng – bất luận là thấy cảnh giới nào, nghe tiếng nói hay âm thanh nào ... hết thấy khuyên họ đừng để ý đến! Dù họ thấy ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát, Phật Dược Sư .v.v... ngay lập tức nhắc nhở họ đừng để ý đến, chỉ lo niệm A Di Đà Phật và đợi Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn mới đi theo.

Nếu không phải Phật A Di Đà thì không được đi, vì yêu ma quỷ quái cũng sẽ biến thành chư Phật, Bồ Tát khác đến để dụ dỗ, thân Hộ Pháp không có can thiệp vào việc này đâu! Trừ khi họ biến hiện thành Phật A Di Đà để lừa họ thì thân hộ pháp mới can thiệp. Vì sao? Vì ***dựa trên lời nguyện tiếp dẫn của Phật A Di Đà***, nếu họ biến hiện ra người khác để tiếp dẫn thì đó là giả chân – giả chân tức không phải là Phật A Di Đà tiếp dẫn – thân Hộ Pháp có thể tha thứ!

Trong Ấn Quang văn sao, đại sư Ấn Quang có nói: “*Chỉ cần giữ chặt câu Phật hiệu, niệm đến đứt hơi thở cuối cùng, nhất tâm cầu sanh Tịnh độ thì tự mình không bị lạc đường, lại cũng không rơi vào đường ma, như thế sẽ không nguy hiểm cho kiếp lai sinh ... Hành giả niệm Phật, khi sắp mạng chung thì được Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn, đây tức được cả hai lực trong cùng một lúc, thành công trong một niệm, quyết định sẽ thấy Phật A Di Đà, trong khoảnh khắc được vãng sinh thế giới Cực lạc, nghiệp để lại Ta bà, thân thức thông dong Tịnh độ, siêu vượt tam giới khổ, hóa sinh chín phẩm hoa sen, sinh vào ngôi bất thoái chuyển, chứng được vô sanh pháp nhãn.*¹⁵”

Hỏi: Thưa, Đức Phật A Di Đà không có tướng cố định, vậy khi lâm chung Ngài xuất hiện là thật hay giả, hay do oán thân trái chủ hóa hiện ra, làm sao có thể phân biệt? Đặc biệt là khi lâm chung, thường không được ở trong tình trạng sáng suốt tỉnh táo, vậy phải làm sao đây?

Đáp: Đây quả thực là một vấn đề!

Hình tướng Đức Phật A Di Đà mà mỗi người nhìn thấy đều không giống nhau, hào quang cũng không giống nhau. Bởi vì căn tánh, cơ duyên của mỗi người không giống nhau, cho nên mọi người nhìn thấy cũng đều không giống nhau, thậm chí nhìn

¹⁵ **Vô sanh pháp nhãn:** Trong “Đại Trí Độ luận”, quyển 50 nói: “Đối thật tướng vô sanh diệt của các pháp, tin nhận thông suốt, không ngăn ngại, không thối lui, gọi là Vô sanh pháp nhãn”.

sắc tướng của Phật, ánh sáng của Phật cũng không như nhau. Cho nên, không nhất định là nhìn thấy sắc gì, hào quang như thế nào. Đến lúc lâm chung, chúng ta nhìn thấy Phật A Di Đà sẽ rất rõ ràng, tường tận, đó là thật, không phải là giả.

Ngay lúc lâm chung, nhìn thấy các vị Phật Bồ Tát khác đến tiếp dẫn, đừng đi theo họ, nhất định phải nhìn thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, mới đi theo.

Đến khi đó dáng vẻ của Phật A Di Đà ra sao, chính mình liền biết được. Hiện tại chúng tôi không thể dự đoán trước. Nếu dự đoán nói trước thì quý vị không thể vãng sinh. Vì khi chấp mắc vào hình tướng đã đoán trước, chúng ta suốt ngày nghĩ tưởng, thì phiền phức xuất hiện. Đến lúc lâm chung, chúng ta sẽ được Phật Bồ Tát gia bị, tự nhiên sẽ nhận biết được rõ ràng minh bạch, không thể sai lầm.

Giả như yêu ma quỷ quái hay oán thân trái chủ, muốn biến hiện ra tướng Phật A Di Đà đến để mong lừa gạt chúng ta, thì trong Phật pháp cũng như trong thế gian pháp đều có những quy luật riêng. Nên quyết định trong pháp giới này, không ai dám phá *luật tiếp dẫn của A Di Đà Phật* được, nên chắc chắn họ không dám biến hiện ra hình tướng Phật A Di Đà. Nếu biến ra hình tướng Phật A Di Đà thì thần Hộ Pháp sẽ không tha thứ cho họ. Không ai có thể giả đức A Di Đà Phật để tiếp dẫn được! Ai phạm đến quy luật này sẽ bị chư hộ pháp trừng phạt ngay, không bao giờ tha thứ!

Nếu họ biến hiện ra tướng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì việc này thần hộ pháp không có can thiệp, vì Phật tiếp dẫn người lâm chung không phải là Phật Thích Ca, oan gia trái chủ có thể giả dạng bất cứ Phật, Bồ tát nào để dụ hoặc chúng ta, đây cũng là do nhân quả của chính chúng ta gây ra nên phải chịu lấy! Vì chúng ta là Phật tử tu niệm Phật, nhưng không giữ đủ 3 tư lương Tín-Nguyện-Hạnh, vẫn còn giữ tập khí tham-sân-si, chấp trước mê đắm chuyện thế gian... tức vẫn muốn kết duyên với cảnh giới ma, thì oan gia trái chủ từ vô lượng kiếp đến nay sẽ tìm đến bức bách gây chuyện. Vì thế ta mới bị ma gạt! Nếu (giả như) bạn niệm Phật mà lại đi theo Đức Phật Thích Ca (chẳng hạn) thì do chính bạn không biết đường nào mà đi, là bạn tự ý đi sai đường!

Có rất nhiều người tu niệm Phật, niệm cả một đời, nhưng sau cùng đến thời khắc quyết định thì họ lại bị mê hoặc, lại phạm sai lầm, thật là đáng tiếc! Bạn phải hiểu rõ, những thứ này chỉ là ma cảnh, ma chướng, đều là cảnh giới hư huyền do nghiệp lực của mình biến hiện ra! Lúc này đây nếu thấy được Đức Phật A Di Đà, Tây Phương Tam Thánh, thấy được thế giới Tây Phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm, như vậy mới là tương ưng, là chánh niệm!

Cho nên người tu niệm Phật như chúng ta, khi lâm chung không được theo một ai khác, chỉ quyết niệm Phật, cầu A Di Đà Phật lai nghinh tiếp dẫn mới an toàn vãng sanh. Cho dù thấy bất cứ chư Phật, Bồ Tát nào xuất hiện, cũng đừng để ý đến, thì không có gì trở ngại!

Hỏi: Đức Phật tiếp dẫn người vãng sanh, trước hết là phóng hào quang, người vãng sanh nhờ ánh sáng Phật chiếu vào, do công phu thành phiền nâng cao đến nhất tâm bất loạn, mà Đức Phật tướng hảo trang nghiêm không gì sánh bằng, thấy được Đức Phật A Di Đà thì lo gì mà không khai ngộ. Nhưng tại sao có người thấy Đức Phật đến tiếp dẫn lại sợ hãi không dám đi, tại sao họ thấy Đức A Di Đà Phật mà lại không có được lợi ích?

Đáp: Trong tình cảnh thấy Đức Phật đến, lại sợ hãi rồi không dám đi, tựu chung do họ có hai trạng thái:

* *Tham luyến thế gian:* thông thường người dân gian còn nói là “tham sống sợ chết”. Nghe đến vãng sanh thế giới Cực Lạc tức nghĩ mình đi chết, như thế rất đáng sợ, khi lâm chung tâm sinh sợ hãi (tình trạng này rất phổ biến)! Người tu niệm Phật cầu sanh Tây Phương, điều quan trọng nhất là không sợ chết, đừng nên sợ chết, chết thì liền về Tây Phương, về với Phật!

Câu chuyện mà bạn nói đó là có thật! Tôi xuất gia ở chùa Lâm Tế, ở Viên Sơn Đài Bắc. Chùa Lâm Tế có một hội niệm Phật, phó hội trưởng là cư sĩ Lâm Đạo Việt thường dẫn dắt đại chúng cùng tu niệm Phật. Năm đó khi tôi mới xuất gia đã xảy ra chuyện này. Ông ấy rất thuộc nghi thức tu niệm và rành về pháp khí nên được làm Duy Na dẫn dắt đại chúng cùng tu niệm Phật, nhưng khi lâm chung (cũng giống như tình trạng mà bạn hỏi đây) cũng lo lắng sợ hãi, người khác trợ niệm cho ông, ông phiền giận, đuổi các bạn đạo trợ niệm đi, không cho trợ niệm cho mình, quả thật là có xảy ra hiện tượng này. Thường ngày

miệng nói tu để cầu vãng sanh giải thoát luân hồi, nhưng khi lâm chung, nghe chết thì tâm sanh ra sợ hãi. Cuối cùng rồi cũng phải chết, đâu có ai sống mãi đâu. Đây cũng là ý chí hạ liệt của chúng sanh vậy!

* *Nghiệp chướng hiện tiền* làm họ bỏ qua cơ hội khi Phật đến tiếp dẫn! Do tu học nhiều đường lối khác nhau, lằng xằng lộn xộn tu pháp bên ngoài, đến khi nhắm mắt sẽ đi lạc vào lối khác – trái với bản nguyện ban sơ của mình. Người này khi lâm chung Đức Phật có đến đón, tâm bị hoang tưởng nhìn không rõ, lại nghĩ đó là ma quỷ; khi nghĩ là ma quỷ thì tất rất sợ hãi, vì biết ma quỷ không có tâm từ bi, nên liền bỏ chạy, Phật có muốn tiếp dẫn cũng không được!

Hỏi: Sau khi vãng sanh có tướng điềm lành rất tốt, có thể xác định là họ vãng sanh không?

Đáp: Chưa thể xác quyết, bên cạnh tướng điềm lành nếu họ còn tự nói, “Phật A Di Đà đến rồi, Đức Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn tôi!” thì đó là thật, là vãng sanh thật sự. Còn nếu như ngay trong thời điềm trợ niệm, họ chưa từng nói, “Đức Phật A Di Đà đến, tôi đã thấy Phật A Di Đà đến...” thì khó mà xác quyết.

Nếu thấy Đức Quán Âm Bồ Tát thì cũng rất là khó nói, nhưng nhất định không đọa vào ba đường ác, có thể họ sanh vào cõi trời, người, để hưởng phước báu! Nếu có những tướng điềm lành, phàm hễ có tướng tốt thì họ nhất định không bị đọa vào đường ác, vì đọa vào đường ác thì tướng rất xấu!

Hỏi: Trong lúc trợ niệm, có người thấy người mạng chung ngồi trong hoa sen vắng sanh, như vậy có thể chứng minh là thực sự vắng sanh thế giới Cực Lạc không?

Đáp: Có thể nói là như vậy! Nếu thấy Đức Phật đến tiếp dẫn đương nhiên là tốt nhất, hoặc nếu người vắng sanh (khi còn chưa tắt thở) nói, “Phật đến tiếp dẫn tôi rồi,” như vậy họ vắng sanh thật sự, không sai chút nào cả!

Nếu như thường ngày họ tinh tấn tu tịnh nghiệp, niệm Phật không gián đoạn, thì đến khi lâm chung, tướng lành tự hiện; tuy họ không nói những lời này nhưng đã có những tướng điềm tốt lành, thì họ có thể là thực sự Vãng Sanh.

Hỏi: Thưa, một bạn đạo sức khỏe rất kém, khi gặp được Phật pháp rất hoan hỷ tụng kinh, niệm Phật, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vì bệnh nặng phải nằm bệnh viện, trước khi lâm chung kiên quyết đòi về để niệm Phật cầu vắng sanh, không muốn chữa trị nữa. Ông nhất tâm niệm Phật, đồng thời được vài bạn đồng tu đến trợ niệm liên tục, bản thân ông cũng niệm đến lúc hôn mê, hôn mê tám tiếng đồng hồ mới mạng chung, 12 giờ sau lau người thay y phục vẫn thấy thân thể mềm mại. 24 giờ sau đưa đến nhà tu niệm Thái Bình tiếp tục trợ niệm suốt ba ngày ba đêm mới hỏa táng. Qua sáng hôm sau, khoảng 2 giờ sáng, người nhà đột nhiên tỉnh dậy vì thấy có ánh sáng hồng chan hòa khắp nhà, ước khoảng 20 giây mới biến mất. Vậy ánh sáng hồng xuất hiện đây, có thể cho đó là ánh sáng Phật đến tiếp dẫn họ vắng sanh Cực Lạc không?

Đáp: Người lâm chung này rất có phước báu vì ông có đủ 3 điều kiện để vãng sanh! Tướng điềm lành này có thể nói họ niệm Phật có tín tâm kiên định, nên nhất định họ sẽ được vãng sanh Tịnh Độ. Trong 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà có dạy chúng ta “con người có được vãng sanh hay không là do ở một niệm sau cùng, một niệm sau cùng này là cầu sanh Tịnh Độ thì nhất định sẽ được vãng sanh.” Cho nên việc trợ niệm người lâm chung rất quan trọng, nhằm giúp đỡ cảnh tỉnh họ, đừng để họ hôn mê, đừng để họ thay đổi ý niệm, được vậy thì công đức vô lượng vô biên. Tiễn một người vãng sanh là giúp một người làm Phật, công đức đó rất lớn lao!

Với tướng điềm lành này rất tốt, toàn thân mềm mại chứng tỏ họ ra đi rất là an lành, không có đau đớn, không có sợ hãi. Con người khi lâm chung rất sợ hãi vì tham sống sợ chết, nên thân thể họ trở nên lạnh cứng; còn nếu ra đi tự tại, không chút sợ hãi thì thân thể của họ rất mềm mại, chúng ta cũng có thể phán đoán ra.

Hỏi: Thưa, cách đây khoảng một tháng, có hai bạn tu trước khi tắt thở đã thấy Đức Phật A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ Tát và đồng thời nói mình đã tu thành công, tâm không điên đảo, ý không tham luyến, nhưng có bệnh khổ hiện tiền. Sau khi tắt thở, trợ niệm 12 giờ, sắc mặt an lành, thân thể mềm mại, đỉnh đầu ấm, xin hỏi người đó có chắc chắn là vãng sanh không?

Đáp: Nếu như thực sự họ có tướng điềm lành, và xác định ngay nơi sự việc họ nói rõ ràng lúc lâm chung – thấy Phật, đi theo Phật – điều này chắc chắn là họ vãng sanh. Còn nếu như

họ không nói thấy Phật, thấy Tây Phương Tam Thánh, thì dù có hiện tượng điềm lạnh, thân thể mềm mại cho đến đỉnh đầu nóng đi nữa, không nhất định là vãng sanh, vì sanh Thiên cũng có hiện tượng này. Có thể nói là sau khi đi rồi toàn thân vẫn mềm mại, tức lúc ra đi họ không có sợ hãi, rất là an lành thì nhất định không bị đọa vào ba đường ác, cái này có thể khẳng định.

Hỏi: Thưa, niệm Phật trong trạng thái hôn trầm nhưng tâm gửi nơi Phật, trong lòng có thể niệm thầm danh hiệu Phật theo tiếng máy niệm Phật phát ra rõ ràng, cách niệm này có được vãng sanh Tịnh Độ không?

Đáp: Bạn hỏi câu này thì thấy có vấn đề rồi. Tại sao vậy? Vì nếu niệm trong trạng thái hôn trầm tức tâm bạn bị mê rồi, thì làm sao bạn có thể gửi tâm duyên vào Đức Phật được! Làm sao mà bạn có thể niệm Phật theo máy được! Nếu niệm Phật theo máy được tức trong lòng còn có Phật, thì bạn không bị hôn trầm.

Trong lòng của bạn phải rất rõ ràng, rất sáng suốt, như vậy mới có thể vãng sanh. Hoặc có thể nói, thân thể hay hơi thở của bạn tuy rất yếu ớt suy yếu, nhưng đầu óc vẫn còn sáng suốt.

Nếu bị mê mờ lúc lâm chung, ngay cả người nhà mà bạn cũng không nhận biết được thì đó là hôn trầm. Trong lòng vẫn còn hiện hữu phiền não thì dù có người trợ niệm bạn cũng không nghe thấy, đó mới gọi là hôn trầm, *cho nên bị hôn trầm thì không thể vãng sanh.*

Xá lợi thật và giả.

Hỏi: Xá lợi là gì? Sau khi hỏa táng có được xá lợi, điều này có thể chứng minh người đó vãng sanh Cực Lạc không?

Đáp: Xá lợi là tiếng Phạn. Đó là những tinh thể đủ màu sắc, long lanh như ngọc, cứng như hạt kim cương, búa đập cũng không vỡ, lửa thiêu cũng không cháy, được tìm thấy trong tro hài cốt (sau khi hỏa táng) của một số nhà tu hành.

Chương Gia đại sư nói với chúng ta là xá lợi liên quan đến tâm thanh tịnh, nghĩa là liên quan đến sự định công. Tâm địa tán loạn nhất quyết sẽ không có xá lợi; tâm địa thanh tịnh, thiền định công phu thì có thể có xá lợi.

Xá lợi nhiều hay ít, màu sắc không nhất định vì tùy thuộc vào công phu sâu hay cạn. Lưu xá lợi hoặc lưu lại nhục thân cũng không thể chứng minh đó là “*sự thành tựu*” của sự tu hành, chỉ có thể nói là “*có công phu*” tu hành. Xá lợi cũng liên quan đến nguyện lực – có rất nhiều người tu hành chân chánh thành công, họ không muốn lưu lại xá lợi, cũng không muốn lưu lại nhục thân. Nên lưu hay không lưu lại xá lợi có sự liên quan mật thiết với nguyện lực. Phần đông người lưu lại xá lợi cũng vì muốn lưu lại kỷ niệm cho đời sau và cũng muốn có tác dụng khuyến khích niềm tin cho người học Phật hậu thế.

Dẫu sau khi hỏa táng có xá lợi cũng không thể chứng minh là đã vãng sanh. Người thật sự Vãng Sanh, nếu dựa trên những hiện tượng bạn nhìn thấy thì chưa đáng tin, thường phải chính

bản thân người lâm chung nói ra là thấy Phật A Di Đà, thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn ... như vậy mới thật đáng tin cậy. Hơn nữa phải kết hợp với sức tu hành trong đời: sức tu niệm Phật và Tín-Hạnh-Nguyện thường ngày của họ nữa, nếu thấy tương hợp với điều này mới được.

Xá lợi nhục thân để lại thực sự mà nói, thời mạt pháp cũng có nhiều chuyện kỳ lạ là điều gì cũng có thể bắt chước, giả mạo được! Xá lợi họ cũng bắt chước giả mạo, ngay cả nhục thân cũng giả mạo, không phải thật! Bạn thấy xá lợi giả rất đẹp, nhưng nếu bạn lấy tay dùng sức ấn xuống một cái là vỡ rồi, xá lợi đó là giả. Xá lợi thật thì cho dù bạn có dùng búa đập cũng không thể bể, đó mới là thật. Hiện nay chúng ta thấy có rất nhiều xá lợi, nhưng nếu kiểm nghiệm lại thì giả quá nhiều, thật lại rất ít.

Tại sao lại có hiện tượng như vậy? – Vì quá nhiều người vọng tưởng si mê mong cầu nên ma đến quấy rối! Nên ma mới thừa dịp dùng phương tiện này biến ra nhiều thứ như vậy để mê hoặc; đối với vấn đề này chúng ta phải nhìn nhận bằng lý trí, đừng làm việc theo lối tình cảm. Thực sự mà nói xá lợi dù có hay không cũng không thành vấn đề, có rất nhiều người không chịu để lại xá lợi, cũng có người muốn để lại nhục thân để người ta làm kỷ niệm.

Hỏi: Thưa, người mạng chung được đưa vào nhà tâm liệt ướp xác, sau đó được trợ niệm một ngày một đêm, sau khi hỏa táng có hơn 60 viên xá lợi. Người vãng sanh này xưa nay chưa từng biết đến Phật Pháp mà sao lại có được sự thù thắng như vậy?

Đáp: Vấn đề này có hai yếu tố:

* Nếu xá lợi là thật, thì tuy họ cả đời chưa biết đến Phật Pháp nhưng trong quá khứ họ có nền tảng rất sâu dày tu Tịnh Độ, giống như Kim Thường Nhật, người Hàn Quốc mà chúng tôi đã nói ở trước. Trong đời quá khứ họ có nền tảng tu học rất sâu dày, nên ngay trong đời này họ có được sự lợi ích, nay gặp được duyên thù thắng (dù cho cả đời họ chưa từng biết đến Phật Pháp, chưa biết đến niệm Phật) nên khi lâm chung người nhà của họ mời được những vị trợ niệm, đây là lúc duyên đã chín mùi.

* Nếu xá lợi là giả, việc bạn hỏi đây rất có khả năng. Nếu là giả thì bạn có thể tự biết, hãy cầm xá lợi đó đặt trên bàn tay bóp mạnh, nếu nó bẻ thì đó là giả, nếu là thật thì bạn có dùng búa sắt đập nó cũng không thể bẻ.

Bạn biết chuyện Pháp sư Đàm Hư vắng sanh ở Hồng Kông không? Lúc đó người ngoại quốc nhìn thấy rất hiếu kỳ, đã lấy xá lợi của Ngài để kiểm nghiệm, họ dùng búa nện vào quả nhiên vẫn không bẻ, đập xong thì búa lõm vào còn xá lợi thì vẫn cứng chắc, khi ấy người ngoại quốc mới cả tin và bội phục. Cho nên muốn biết xá lợi thật hay giả, chỉ cần dùng sức bóp mạnh (không cần dùng búa) cũng đã bẻ rồi!

Hỏi: Tại sao sau khi người bệnh mất, khoảng 2 đến 3 giờ thì toàn thân đã lạnh cứng, nhưng riêng người tu niệm Phật thì nhiều ngày sau khi mất, vẫn có thể giữ cơ thể mềm mại?

Đáp: Thông thường khi đã tắt thở thì khoảng 2 đến 3 giờ sau thân thể đã lạnh cứng. Nhưng Phật tử tu tập niệm Phật thực sự, sau khi mất đi, thì bảy ngày thậm chí đến hai tuần 14 ngày sau, thân thể của họ vẫn còn mềm mại. Điều này cũng thật dễ hiểu, khi sắp lâm chung con người thường có sự sợ hãi, chúng ta thường nói đó là “tham sống, sợ chết”, do sự khiếp sợ cái chết khiến cho toàn thân họ lạnh cứng, cái lý chính là vậy. Phạm người vãng sanh, sau khi mất toàn thân vẫn mềm mại vì họ ra đi rất an lành, rất tự tại, không khiếp sợ cái chết, không bị đọa vào ba đường ác. Nên khi lâm chung mà hoảng loạn, kinh sợ thì phiền rồi, vì lúc này là thời điểm để quyết định sẽ siêu thăng hay đọa lạc.

Chúng tôi cũng đã gặp qua nhiều người, vừa mất sau mấy giờ thì thân thể đã lạnh cứng, phần nhiều họ thường có gương mặt rất đau khổ, rất khó coi. Nếu họ gặp duyên thù thắng, được mấy vị bạn đạo tốt, niệm Phật cho 7-8 đến mười mấy giờ, sau đó xem lại thì thấy người họ mềm mại, gương mặt cũng thay đổi rất đẹp. Những chuyện như vậy có không ít, tôi cũng tin rằng các bạn thường đi trợ niệm cũng đã đích thân nhìn thấy, nên mới nói sự trợ niệm là rất thù thắng!

Hỏi: Người mạng chung lúc còn sanh tiền không hẳn là người tu niệm Phật. Sau khi mất rồi mới trợ niệm giúp họ, và sau khi trợ niệm thì cơ thể mềm mại. Vậy có thể phán đoán là họ vãng sanh Tây phương hay là sanh Thiên?

Đáp: Người lúc còn sống không niệm Phật, nhưng khi lâm chung được khuyên nhắc niệm Phật, họ thành kính chịu niệm

và nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, nếu có thoát tướng hay điềm lành rất tốt, họ có thể được vãng sanh.

Và nếu như người lúc sanh tiền biết niệm Phật, đến khi lâm chung không chịu niệm Phật thì họ không thể vãng sanh Tây Phương được, nhưng khi vừa mãn phần, họ được trợ niệm mười mấy tiếng đồng hồ, cơ thể họ mềm mại ra là do họ được tiêu trừ nghiệp chướng, chắc chắn họ không bị đọa đường ác. Rất khó cho chúng ta xác quyết là họ có được vãng sanh hay không, nhưng nhất định họ sẽ không bị đọa vào đường ác.

Hỏi: Một người xưa nay chưa từng biết đến Phật Pháp, không tin Phật, thậm chí còn phản đối Phật pháp nữa. Nhưng sau khi trợ niệm, sắc mặt lại trở nên đẹp và thân thể mềm mại, xin cho chúng con biết cái lý ở chỗ nào?

Đáp: Khi trong cơn trọng bệnh, tuy là họ không thể nói chuyện được, nhưng họ vẫn nghe được tiếng niệm Phật và nhờ Phật lực gia trì nên đã chuyển hóa được toàn bộ cơ thể của họ. Hoặc tuy đã tắt thở rồi, nhưng sau khi niệm Phật 2-3 tiếng đồng hồ, gương mặt của họ vốn từ rất khó coi chuyển qua thoát tướng, sắc mặt đẹp lại như lúc còn sống, cơ thể họ trở nên mềm mại. Do bởi cơ thể là vật chất, mà vật chất thì có linh tri nên có thể chuyển hoá, gặp thiện ý chiêu cảm sẽ biến mỗi tế bào kết tinh đẹp lại (cũng giống như thí nghiệm nước vậ), cái lý là ở chỗ này. Bạn tụng kinh cho họ nghe, họ chuyển hóa cho bạn thấy sự thực nghiệm đó. Các vị Lạt Ma Tây Tạng tụng kinh đem cho nước nghe, khoảng 2-3 giờ sau coi lại thì thấy sự kết

ting của nước rất đẹp, đây chính nhờ vào sự cảm ứng của việc tụng kinh.

Sự việc trên không có chút gì là mê tín, cái nhục thể của bạn nó là vật chất, mà đối với vật chất, mỗi tế bào, mỗi phân tử, mỗi một nguyên tử, điện tử, lap tử... đều có linh tri. Cũng giống như nước và cơm mà nhà khoa học Nhật Bản đã nói đến, chúng biết nghe, biết nhìn, và có thể cảm nhận được ý của con người.

Cho nên việc chúng ta niệm Phật là việc chiêu cảm rất có thiện ý. Họ có đáp lại, đáp lại bằng cách kết tinh rất đẹp, điều này có lý, cái lý này ngày nay đã được các nhà khoa học chứng minh, khiến cho niềm tin của chúng ta cũng trọn vẹn hơn, không có chút gì nghi ngờ cả. Do đó có thể biết, việc trợ niệm lúc lâm chung rất là quan trọng! Rất quan trọng!

Hỏi: Đệ tử đã từng trợ niệm cho súc sanh như bọ cạp, chim non, sau khi trợ niệm khoảng một thời gian, đệ tử phát hiện thấy thân thể, tứ chi của chúng mềm mại như bong, đây có phải là tướng điềm lành vãng sanh không?

Đáp: Có được vãng sanh hay không chúng ta cũng không thể xác quyết được, nhưng có tướng điềm lành như vậy thì khẳng định là chúng đã thoát khỏi kiếp súc sanh. Việc này thì có thể khẳng định! Ngay cả loài động vật mà còn như vậy, sau khi mất rồi niệm Phật cho chúng thì cơ thể vẫn còn mềm mại, đây là tướng điềm lành, là tướng tốt.

Hỏi: Thưa, có người trước khi mất, chỉ có tiếp xúc với Phật Pháp vài ngày mà đã được vãng sanh, nguyên nhân vì sao?

Đáp: Thậm chí có rất nhiều người thiện căn, phước đức rất sâu, nhưng suốt đời (lúc sanh tiền) thì họ mê man trong ngũ dục lục trần, phải đến khi lâm chung thì thiện căn và phước đức mới hiển lộ. Giống như khi xưa chúng tôi ở Washington DC, Hoa Kỳ, tiên sinh Châu Quảng Đại, cả một đời ông chẳng tin vào bất cứ một tôn giáo nào, khi ấy đầu có dạy ông ta cũng không tin, nhưng tâm tánh ông thì hết sức trung hậu, lương thiện; đầu ông làm thương mại, nhưng lại rất nhiệt tâm làm việc công ích, phước thiện xã hội, giúp đỡ người khác. Ba ngày trước khi lâm chung, bác sĩ từ chối vì đã hết cách chữa trị, người nhà không biết phải làm sao, “*bệnh ngặt vái tứ phương*”, bà vợ ông quen biết những đồng học thuộc Tịnh Tông Học Hội chúng ta. Khi ấy bà nghĩ đến những vị đồng học ấy, hỏi họ học Phật có cách gì cứu ông ta hay không?

Tịnh Tông Học Hội bèn phái một vài vị đồng học đến khuyên ông ta niệm Phật, ông ta vừa nghe xong liền hoan hỷ tín thọ. Khi ấy, cư sĩ Cung Chân Hoa khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thế giới này rất khổ, có gì đáng lưu luyến cơ chứ? Ông vừa nghe bèn giác ngộ, gọi cả nhà: “Tất cả vợ con đừng bi ai, đừng bận lòng vì ta, ai nấy hãy niệm Phật, hãy giúp ta niệm Phật!” Ba ngày sau, Phật đến tiếp dẫn, ra đi hiện tướng lành hy hữu, có người thấy Phật đứng trên nóc nhà tiếp dẫn ông ta vãng sanh! Bạn coi đó, lúc lâm chung nhân duyên của ông ta chín muồi, đúng là “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*”

(trong nhà Phật chẳng bỏ sót một ai), mỗi người mỗi nhân duyên khác biệt!

Tin tức tiên sinh Châu Quảng Đại vãng sanh truyền đến chỗ tôi, khiến cho tôi vui mừng vô hạn, vì ông đã chứng minh cho mọi người thấy, những điều Phật dạy trong kinh A Di Đà đều là sự thật.

Do vậy, chúng ta chớ khinh thường người không học Phật và người không niệm Phật. Chớ nên coi thường! Vì sao? Vì chúng ta là phàm phu, không biết nhân duyên của người ấy khi nào sẽ chín muồi, cũng chẳng biết thiện căn đời quá khứ của người ấy nông sâu ra sao; biết đâu một vài ngày, trước khi lâm chung, nhân duyên của người ấy thành thực thì phẩm vị vãng sanh tất sẽ còn cao hơn chúng ta, chúng ta có thể không sánh bằng họ, chuyện này đâu phải là không có!

Vì thế, người học Phật, thời thời khắc khắc, phải biết tôn trọng, quan hoài đến hết thầy chúng sanh, chẳng dám khinh thị một chúng sanh nào, vậy mới là chính xác! Phải nên nhìn họ giống như chư Phật Như Lai, dùng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng mà đối đãi với hết thầy vạn vật và các chúng sanh. Vì hết thầy chúng sanh hữu tình đều có Phật tánh, hết thầy vạn vật vô tình đều có Pháp tánh – giữa Phật tánh và Pháp tánh, danh từ tuy khác, nhưng Thể không hai, nên nói hữu tình và vô tình tề thành Phật đạo – trong Hoa Nghiêm kinh dạy rất diệu: **“Tinh dữ vô tình đồng viên chứng trí”**. Nếu quý vị biết tôn trọng hết thầy chúng sanh, thấy chúng sanh có Phật tánh, vạn vật có Pháp tánh thì xin chúc mừng bạn, bạn chẳng là

phàm phu nữa, bạn đã minh tâm kiến tánh, bạn đã là Pháp Thân Bồ Tát rồi.

Vì sao chỉ tiếp xúc với Phật pháp trong thời gian quá ngắn mà ông vẫn được thành công? Bởi vì ông có thiện căn, ông vừa nghe đến liền tiếp nhận chẳng mảy may có hoài nghi, do trong quá khứ ông đã tu pháp môn này nhưng chưa viên mãn, nên đời này khi lâm chung được nghe lại – khiến cho thiện căn của đời trước trỗi dậy; nên ông dũng mãnh tinh tấn, chẳng mảy may lưu luyến, vạn duyên đều buông bỏ, nhờ vậy mà ông thành tựu rất viên mãn. Hơn nữa, người nhà thân quyến của ông đều là những người có thiện căn nên ông gặp nhiều thuận lợi.

“Một lời qua tai, Bồ Đề muôn thuở,” khi lâm chung nếu gặp người thiện tri thức dạy niệm danh hiệu Bồ Tát, danh hiệu Bích Chi Phật, cho dù nếu họ không vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì nhất định sẽ được phước báo ở cõi trời, cõi người – giải thoát khỏi ba cõi ác, sanh đến ba cõi thiện, đây là lời dạy trong nhà Phật. Nếu họ có thể hiểu sự tiêu biểu pháp, ý nghĩa của danh hiệu Phật, Bồ Tát, thì công đức lợi ích họ đạt được sẽ càng thù thắng hơn, họ đích thật có thể khế nhập vào cảnh giới ấy.

Do đó chúng ta phải ghi nhớ kỹ việc này, khi tiễn đưa người sắp lâm chung nhất định phải khuyên họ niệm Phật, và nếu người nhà thân quyến đều cùng trợ niệm thì sẽ thù thắng vô cùng.

Hỏi: Thưa, nếu một người không theo một tôn giáo tín ngưỡng nào, nhưng tâm tánh rất là lương thiện, xin hỏi họ có thể vãng sanh Tây phương Cực Lạc không?

Đáp: Tâm tánh tuy hiền lương vô cùng đi mấy, nhưng không tin có thế giới Tây Phương Cực Lạc, không phát nguyện vãng sanh về thế giới Cực Lạc thì không thể vãng sanh.

Trừ khi lúc lâm chung, lúc chưa tắt thở, được nghe danh hiệu A Di Đà Phật và cõi Cực Lạc mà sanh tâm hoan hỷ, tín thọ niệm Phật và phát nguyện vãng sanh thì nhất định sẽ được sanh. Học Phật một ngày cũng có thể vãng sanh, hơn nữa tâm tánh rất hiền lương đã là tiền vốn của người này.

Hỏi: Thưa, đầu óc không sáng suốt hoặc khi lâm chung bị bất tỉnh nhân sự, có được vãng sanh không?

Đáp: Lúc lâm chung, chúng ta gọi là trạng thái hấp hối, đoạn thời gian này rất ngắn. Nếu họ hôn mê chẳng hay chẳng biết, họ chẳng nhận biết được người nhà, sức trí nhớ hoàn toàn tiêu mất, đây là trạng thái rất nguy hiểm. Chỉ có người đầu óc còn tỉnh táo mới dễ giúp đỡ được, một khi đầu óc không tỉnh táo thì sự việc sẽ rất phiền phức! Khi người lâm chung gặp phải trường hợp này, cho dù gặp được thiện tri thức cũng chẳng giúp được gì, đây là do nghiệp chướng rất nặng, (lời dạy trong kinh Địa Tạng), họ hoàn toàn nương nhờ vào sự giúp đỡ của người khác.

Hiện nay có một số người mạng sống còn chưa hết, phước báo còn chưa hưởng hết (chứng người già mất trí nhớ), chưa

đến lúc lâm chung mà thân thức đã hôn mê, “bất biện thiện ác, nãi chí nhĩ nhĩ cánh vô kiến văn,” đây là chứng người già mất trí nhớ. Phải nương vào phước báo của người ấy, nếu phước báo lớn thì có thể kéo dài thời gian này suốt tám, mười năm; tuy họ còn thở, vẫn còn hô hấp, nhưng mê man chẳng tỉnh táo, người thân nhất trong nhà, người mình thương mến nhất cũng chẳng nhận ra, mỗi ngày hai mươi bốn giờ đều ở trong trạng thái hôn mê. Những người này thiệt đáng thương, cầu sống không được cầu chết cũng không xong, sau khi chết đi nhất định sẽ bị nghiệp lực lôi kéo, sẽ chẳng sanh vào cõi thiện, chắc chắn sẽ đọa vào nẻo ác.

Bạn thấy xã hội hiện nay, bạn thấy những người ra đi có mấy ai có được tinh thần tỉnh táo, bản thân chúng tôi tận mắt chứng kiến, tận tai nghe qua đã có rất nhiều, dường như hơn phân nửa là mắc chứng đờ đẫn, coi như gặp khó khăn rồi, nhất định sẽ theo nghiệp mà lưu chuyển. Theo báo cáo của y học thì do rất nhiều nhân tố (họ nói cũng rất có lý), mà trong Phật giáo thì thực sự đó là tạo nghiệp ác quá nhiều. Ác nghiệp quá nhiều thì trong lòng sẽ không được bình thường, họ bị u khuất trầm cảm bởi do có mối bận tâm nên trong lòng, họ luôn bị bất an, lo sợ, những thứ này tạo thành nhân tố thúc đẩy vây bủa khiến tinh thần họ bị suy sụp đờ đẫn. Có trợ niệm đi nữa thì cũng không có tác dụng gì, bạn thử nghĩ xem thật là đáng sợ biết bao nhiêu!

Chúng ta có dám khẳng định là tương lai chính mình sẽ không bị rơi vào tình trạng này hay không? Chẳng ai khẳng định được! Ngày nay chúng ta nhìn thấy những tình trạng như

vậy, tự mình phải nên có tâm khẩn thiết tỉnh giác, đức Phật đã dạy cho chúng ta phương pháp cứu chữa, chúng ta phải lo cứu lấy mình bằng chính trí tuệ giác ngộ của mình, chỉ như thế mới có thể thoát ra khỏi vòng sanh tử, chấm hết mọi khổ đau!

Hỏi: Thưa, hiện nay có rất nhiều người bị chứng lẫn hoặc là bị đời sống thực vật. Xin hỏi khi lâm chung mình trợ niệm cho họ, họ có vãng sanh không?

Đáp: Trường hợp này không thể vãng sanh, các vị phải hiểu là trong kinh đức Phật nói tám nạn, tám nạn thì không được vãng sanh, bất đắc kỳ tử cũng không được vãng sanh, điều này quý vị phải biết, nhất định phải hiểu cho rõ.

Người vãng sanh điều kiện quan trọng nhất là khi lâm chung thần trí phải sáng suốt, còn trường hợp này điều kiện thứ nhất thần trí không sáng suốt thì phải theo nghiệp mà luân chuyển. Nếu như người thần trí không sáng suốt mà có thể vãng sanh, thì chúng ta không cần phải huân tập niệm Phật rồi. Đức Phật A Di Đà đại từ đại bi sẽ đến tiếp rước hết thầy tất cả chúng ta đi thôi.

Riêng với người sống đời sống thực vật, đây là loại bệnh nghiệp chướng rất nặng, muốn cứu giúp họ thì giúp ngay khi bệnh họ còn nhẹ, đừng chờ khi đã quá nặng sẽ rất khó khăn. Lúc bệnh họ còn nhẹ nên khuyên họ thật tâm giác tỉnh sám hối, đoạn ác, tu thiện; còn chờ khi bệnh quá nặng, bị đờ đẫn rồi, bạn có khuyên nhắc cũng không có tác dụng gì. Người khác có

muốn tu công đức cho họ cũng rất là khó khăn, trừ khi bạn thật tu giống như bà La Môn Nữ, hay Quang Mục Nữ cứu mẹ vậy.

Bạn muốn cứu họ ư? Tự thân bạn tu hành phải chứng quả, nếu bạn tu hành không chứng quả thì bạn không thể cứu họ được!

Tại sao tu chứng quả mới có thể cứu họ? Vì bạn tu cho họ, bạn thật sự vì họ mà tu hành, với sự tu chứng quả thì sẽ được nhiều lợi ích thiết thực, mới có thể giúp được họ. Giả như họ không bị bệnh, không bị đọa lạc thì bạn không vãng vàng tu hành được, bạn sẽ làm không nổi vì bạn không có động lực – nay bạn vì họ, muốn cứu họ, nên bạn mới có cố gắng quyết tâm rồi thực sự nỗ lực tu hành.

Bản thân của chúng ta nếu không có động lực sẽ không có can đảm, thì không thể nhận ra cái giá trị thật của sự tu hành; nếu chỉ tụng vài bài kinh, niệm mấy câu Phật hiệu thì chẳng có tác dụng gì, chỉ có chút an ủi mình mà thôi, riêng đối với họ không thể giúp họ giải thoát an vui gì cả.

Hỏi: Có vị lão cư sĩ niệm Phật cầu vãng sanh, 21 ngày không ăn, được mười mấy người trợ niệm. Ông thấy có hoa sen lớn nhưng rễ lại bám xuống đất, nên hoa sen không thể bay lên cao. Tuy lão cư sĩ chưa vãng sanh nhưng bây giờ sức khỏe lại mạnh mẽ rất nhiều so với trước kia, xin hỏi có phải ông được thay đổi thân không, cái lý đó nằm ở chỗ nào?

Đáp: Chúng tôi nghĩ, sức niệm Phật của ông ấy nhất định rất mạnh, nên mới có cảm ứng tốt như vậy, nhưng vì sao ông không được vãng sanh ư? Nhất định ông còn điều gì chưa buông bỏ được, còn căn số, hoặc chưa có thể xa lìa cái duyên trần gian này. Nhưng ông có được sức tu mạnh như vậy, chúng tôi khẳng định nếu ông không được vãng sanh đời này thì cũng không bị đọa ác đạo – trên đất mọc hoa sen chắc chắn sẽ không bị đọa vào ác đạo! Còn hoa không rời khỏi mặt đất được vì ông vẫn chưa rời khỏi được sáu đường!

Kinh Phật dạy, trong A Lại Da Thức tuy có nghiệp gánh, nhưng nếu buông bỏ hết tất cả là coi như đoạn hết các duyên trần, *khi đã đoạn rồi thì các nghiệp cũ đó sẽ không khởi được*, thì mới có thể vãng sanh. Ông lão này nhất định phải còn điều gì nắm níu đeo mang, nên mới có hiện tượng này! Hãy khuyên ông buông bỏ vạn sự, cho dù chỉ còn một chút nắm níu ràng buộc cũng không thể vãng sanh!

Phải hiểu, vì chủng tử của A Lại Da Thức trong quá khứ là nghiệp chướng, nên muốn đời nghiệp chỉ được mang theo nghiệp cũ đi chứ không phải mang theo cái nghiệp hiện tại, chúng ta phải hiểu kỹ điều này.

Tướng tùy tâm chuyển.

Hết thấy vạn sự vạn vật được nó biến hiện to như thế giới, nhỏ như vi trần, đều do *Tâm mà thành Thể*. Chúng đều hay biết, trong Phật pháp gọi (sự hay biết ấy) là linh tri, không gọi là tri giác mà gọi là linh tri! Giống như tiến sĩ Giang Bồn Thắng

(Masaru Emoto) của Nhật Bản làm thí nghiệm sự kết tinh thủy, nếu chúng ta dùng thiện tâm để cảm, quý vị sẽ thấy nước đáp ứng kết tinh rất đẹp. Nếu chúng ta dùng ác niệm để cảm, nó đáp ứng bằng hình thái méo mó rất khó coi. Qua thí nghiệm này, đã chứng thực hết thấy vạn vật quả nhiên đều có thể nghe, thấy; đều có thể tiếp nhận năng lượng, tư tưởng của con người. Nên mỗi người chúng ta đều có thể dùng thiện tâm để tự biến đổi cơ thể của mình. Nếu bạn lấy trí huệ quán chiếu, thấy thân này tạm bợ, hư giả, mà dùng tâm từ bi đối đãi với mọi sự vật sự việc chung quanh, thanh thoi buông xả, không cố chấp. Thân khẩu ý luôn luôn nghĩ điều lành, làm điều lành, nói điều lành thì mỗi một tế bào trong cơ thể sẽ tăng trưởng rất tốt đẹp. Một khi đã không còn bị trói buộc bởi mê lầm về thân, mê lầm về tâm, ta sẽ sống cuộc đời an vui tự tại. Mà càng tăng trưởng sự an lạc, tăng trưởng niềm vui thì càng khỏe mạnh trường thọ, tướng tùy tâm chuyển mà – người gặp việc vui trong lòng thoi thới – rõ điều này rồi thì bạn sẽ hiểu cái lý của nó nằm ở nơi đâu.

Hỏi: Thưa, khi trợ niệm không thấy xuất hiện tướng điềm lành, như vậy có phải Đức Phật không nhiếp thọ hương linh này phải không?

Đáp: Đức Phật có nhiếp thọ, hay không có nhiếp thọ ư? Nếu nói Đức Phật còn nhiếp thọ hay không nhiếp thọ thì Đức Phật này vẫn còn là phàm phu. Vì sao vậy? Vì Ngài còn có phân biệt, có chấp trước, không bình đẳng, như vậy là không thông! Chúng sanh và chư Phật chỉ nói là cảm ứng, ‘chúng sanh có cảm thì chư Phật có ứng,’ nói nhiếp thọ đây cũng có thể nói là cảm ứng.

Vậy Phật hiện hình tướng gì đến tiếp dẫn chúng sanh, đều hoàn toàn do tự nguyện lực của chúng sanh mà thành tựu, chứ không phải ngoài tâm có Đức Phật đến tiếp dẫn. Nghĩ vậy là sai rồi!

Cho nên Đức Phật A Di Đà đến là tự tánh A Di Đà, Quán Thế Âm đến là tự tánh Quán Thế Âm. Sự vãng sanh của bạn là “duy tâm Tịnh độ” đây mới là chính xác, ngoài chân tánh ra mà còn có một Tịnh Độ là sai lầm, không có cái chuyện này!

— () —

CHƯƠNG 13

TRỢ NIỆM VÀ NHỮNG TRĂN TRỞ CẦN LÝ GIẢI

---oOo---

Hỏi: Thưa, trợ niệm có làm chướng ngại sự tu tập của chính mình hoặc có làm trái với luật nhân quả không? Hay có thể tạo ra vấn đề kết ác duyên giữa oán gia trái chủ của người vãng sanh với người trợ niệm hay không?

Đáp: Không có vấn đề này!

Bạn trợ niệm giúp họ vãng sanh, công đức nhất định rất là thù thắng, là việc tốt cần làm. Việc làm này nhất định là điều tốt, nên ác nhân, ác quả của họ tuyệt đối sẽ không bám theo bạn

đâu, không thể có cái lý này! Bạn có thể giúp người khác vãng sanh, theo Bồ tát Đại Từ nói: “Nếu thật sự giúp được 2 người vãng sanh, thì sẽ tinh tấn hơn so với tự thân tu hành”. Đức Phật nói những lời này tức là khuyên nhắc chúng ta nhất định phải nên giúp đỡ người khác! Giúp người vãng sanh là công đức thù thắng bậc nhất, đó chính là trong lúc họ lâm chung, trợ niệm giúp cho họ được vãng sanh. Họ vãng sanh rồi sẽ thành Phật, bạn giúp một người đi làm Phật thật là thù thắng! Nếu chúng ta vui vẻ, thường chịu đi giúp người khác, thì khi chúng ta lâm chung cũng sẽ có nhiều người tới giúp chúng ta; còn nếu chúng ta không chịu giúp người khác, chê bỏ người khác thì khi mình lâm chung cũng sẽ không có ai đến giúp mình, đây còn gọi là nghiệp nhân quả báo.

Đối với người lâm chung, trợ niệm là làm công đức cho họ, là cảnh tỉnh họ đừng quên niệm Phật cầu vãng sanh – giai đoạn này là lúc khẩn yếu nhất trong cuộc đời của họ. Đối với người lâm chung, điều đáng sợ là họ không chịu buông xả việc chấp đắm duyên đời, còn nhiều tham tiếc trói buộc chuyện thế gian ... nên lúc này phải giúp họ, nhắc nhở họ buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Riêng đối với người trợ niệm, chắc chắn họ sẽ được chư Phật, Bồ tát gia trì, sẽ không thể xảy ra những chuyện kết oán thù như vậy. Trừ phi người trợ niệm có tâm tà, tâm bất chánh thì sẽ bị Quỷ thần quấy rối; nếu như tâm họ thanh tịnh, quang minh thì khi Quỷ thần nhìn thấy cũng sẽ tôn kính, sẽ không tìm cách gây phiền phức.

Hỏi: Thưa, chúng con tin có thể giới Cực Lạc, nhưng lại không biết nó ở chỗ nào?

Đáp: Vậy rốt cuộc là thế giới Tây Phương Cực Lạc là ở đâu? Trong kinh A Di Đà có dạy rất rõ, từ thế giới chúng ta đây “qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật”, không phải là đã quá rõ rồi đó sao? Tôi còn có thể nói cái gì khác, ngoài nơi cõi này nữa!

Trong kinh đã nói rõ, nhưng có người vẫn còn nghi ngờ, “Tây phương từ địa cầu của chúng ta đi về hướng Tây, quả địa cầu xoay tròn, ta đi rồi cũng quay trở ngược lại vậy phải làm sao đây?” – Phải biết, Tây Phương mà trong kinh Đức Phật nói đến là Tây Phương của thế giới Ta bà.

Thế nào gọi là thế giới Ta bà? Là báo độ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là Tây Phương của một đại thiên thế giới – nó không phải là Tây phương của địa cầu, mà là Tây Phương của một đại thiên thế giới. Hiện nay các nhà khoa học vẫn chưa thể khám phá ra nơi này, nhưng nói như vậy thì e cũng chẳng thể làm cho bạn đoạn hết nghi ngờ... Nhưng mà không sao, bất luận là nó ở nơi đâu, chúng ta vẫn có một tín hiệu, tín hiệu này có thể liên lạc được với Đức Phật A Di Đà – tín hiệu này như là sợi dây truyền dẫn – tín hiệu đây chính là câu “**A Di Đà Phật**”! Chúng ta niệm câu Phật hiệu này cũng như gọi điện thoại vậy, điện thoại bên đó sẽ nhận bắt sóng được ngay, đường truyền của chúng ta sẽ không có gì xung nhiễu ngăn trở được, bất luận là ta đang ở nơi nào, đường truyền đây nhất định cũng sẽ thông, nhất định sẽ không có vấn đề gì! Huống hồ chi nếu bạn có tín

tâm cùng tốt, thấu đáo chân thành niệm Phật, không để cho nghiệp tham sân si làm chủ mình, đến khi lâm chung bạn không cần phải phân vân đi tìm hay xác định tọa độ phương hướng của thế giới Tây phương Cực Lạc ở nơi đâu, Đức Phật A Di Đà sẽ lai nghinh đến tiếp dẫn bạn.

Quý vị phải nhớ kỹ, đây là Tây Phương của thế giới Ta Bà, chứ không phải là Tây Phương của địa cầu. Địa cầu của chúng ta không có Tây Phương vì nó xoay chuyển, quý vị nói Tây Phương thì hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau nó lại trở thành Đông Phương mất rồi. Ở đây là nói tới Tây Phương của thế giới Ta Bà. Thế giới Ta Bà là động hay bất động? Cũng động, nhưng vì thế giới quá lớn, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này mãi cho đến hiện thời là ba ngàn năm, trong đại vũ trụ, thế giới chỉ chuyển động đôi chút, phương vị không thay đổi. Ta Bà là một đại thế giới, là một hệ Ngân Hà. Một đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức hệ Ngân Hà. Hệ Ngân Hà của chúng ta cũng lưu động, phạm vi của hệ Ngân Hà quá lớn, suốt ba ngàn năm, góc độ của nó chỉ chuyển dịch một vài độ mà thôi, phương hướng chung vẫn chẳng thay đổi. Do vậy cho đến hiện thời, nói thế giới Cực Lạc ở Tây Phương vẫn chính xác.

Hỏi: Thưa, con rất muốn tham gia trợ niệm nhưng lại phân vân là công phu niệm Phật chưa đủ chắc, vả lại cũng sợ bị vong linh nhập vào, con phải làm thế nào đây?

Đáp: Chỉ cần bạn dứt sạch mọi lo nghi, sợ hãi này. Việc tham gia trợ niệm lâm chung là một việc rất tốt. Đây là đưa tiền

người vãng sanh, nếu bạn thường đưa tiền người vãng sanh thì sau này khi bạn lâm chung cũng sẽ có rất nhiều người đến đưa tiễn bạn vãng sanh. Quả báo là như vậy! Lại thường tiễn người vãng sanh, thấy được tướng điềm lành của việc vãng sanh hiển bày, sẽ khiến bạn tăng thêm sự tín tâm, ham cầu và tương lai khi đi vãng sanh cũng không còn sợ hãi cái chết nữa, nên nếu có cơ duyên thì nên tham gia, không nên đắn đo. Còn việc người chết hay linh hồn nhập vào, không phải tùy tiện mà nhập, họ muốn nhập vào thân của ai là họ phải có duyên với người đó, hơn nữa phải được Quý vương phê chuẩn; nếu Quý vương không phê chuẩn mà làm là họ bị phạm tội, vì họ làm vậy coi như họ hại mình tất sẽ bị quả báo, bị trừng phạt, nên họ không thể tùy tiện được. Chúng ta hiểu cái lý này, không nên sợ hãi, cho dù có nhập cũng không lo sợ vì họ sẽ không có hại người đâu!

Hỏi: Thưa, có một vị xuất gia người Ha Nhĩ Tân nói, “các vị đi trợ niệm cho người lâm chung, sau khi họ vãng sanh rồi, oán thân trái chủ của họ sẽ quay qua oán hận bạn, tương lai khi bạn lâm chung họ sẽ đến tính sổ với bạn đó,” cho nên có người không dám đi trợ niệm vì điều này, xin lão pháp sư khai thị rõ cho?

Đáp: Cái lý này rất đơn giản, bạn giúp trợ niệm cho họ, khi họ sang thế giới Tây Phương thành “Phật” rồi, sau này khi bạn lâm chung những oán thân trái chủ của họ mà tìm đến gây phiền phức cho bạn, thì “Đức Phật này” sẽ đến giúp bạn. Thế thì bạn bận tâm đến chuyện này để làm gì?

Bồ tát Đại Từ có dạy rất hay: “Độ hai người vãng sanh thì tinh tấn hơn bản thân mình tu tập”. Nếu bạn có thể giúp được mười mấy người vãng sanh thì phước báu của bạn thật là vô biên. Còn có thể trợ giúp mấy trăm người vãng sanh thì bạn chính là Bồ tát thật sự rồi! Trợ niệm chính là giúp người khác vãng sanh thành Phật, là công đức bậc nhất của thế gian đó, không có công đức nào thù thắng hơn công đức này nữa đâu!

Cho nên nếu khi nghe những lời nói này, bạn hãy hỏi lại họ, “hỏi oán thân trái chủ của họ hãy đến đây tìm tôi, hoặc làm ơn hãy đem chứng cứ cho tôi xem đi!” Học Phật thì tất cả bạn phải nên y cứ vào Phật pháp, trong kinh Đức Phật có dạy chúng ta tứ y rất là chính xác, “*Y Trí Bất Y Thức*”, trí là trí huệ, lý trí; thức là cảm tình, học Phật phải y theo lý trí không thể nương theo cảm tình.

Hỏi: Con tổ chức niệm Phật đã được mấy năm, nhưng hiện giờ có bạn tu khuyến con hãy tự tu trước rồi mới đi giúp người khác trợ niệm; nhưng thỉnh thoảng có một vài bạn tu hay bạn bè gọi con đi trợ niệm, con không biết phải làm thế nào mới đúng đây?

Đáp: Trợ niệm là tự lợi, lợi tha; trợ niệm tức là bạn niệm Phật, tự mình niệm Phật, đồng thời lại giúp cho người khác. Thế gian và xuất thế gian không có công đức nào lớn hơn công đức này. Nếu bạn giúp trợ niệm mười mấy người được vãng sanh thì phước báu của bạn lớn không biết là bao nhiêu. Giúp cho mười mấy người vãng sanh thế giới Cực Lạc thì khi lâm chung nhất định bạn sẽ được vãng sanh.

Hỏi: Có một tổ trợ niệm nhỏ, gần đây vì tổ pháp khí và nhân sự không đủ nên không thể trợ niệm như trước, xin hỏi con nên ở nhà nhất tâm niệm Phật hay ai cần thì vẫn đi, làm thế nào mới viên dung?

Đáp: Đức Phật dạy chúng ta phải tùy duyên chứ không nên phan duyên. Nếu có người mời thì bạn nên đi, đây là dịp tốt, vì tiền người vãng sanh là công đức chân thật.

Hỏi: Mỗi lần con phát tâm đi trợ niệm, sau khi về thì chồng con lại phát bệnh. Nhưng một ngày kia, khi bà cụ 103 tuổi sắp vãng sanh có mời một vị pháp sư đến sám tịnh trước, rồi khai thị và quy y; sau đó bà ra đi, chúng con tiếp tục trợ niệm thêm, nhưng lần này về nhà thì chồng con lại không có vấn đề gì. Xin hỏi có phải hiệu quả trợ niệm của chúng con không bằng sự khai thị của vị Pháp sư phải không?

Đáp: Việc này không có liên quan gì đến sự việc khai thị của vị Pháp sư. Đi trợ niệm nên có thành ý, có tâm yêu thương thật sự, vì người vãng sanh mà trợ niệm, đưa người sang thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu như khi trợ niệm mà trong lòng còn có xen tạp, có vọng tưởng, không thanh tịnh tất sẽ không có hiệu quả; chưa kể sẽ làm hỏng từ trường của việc trợ niệm tiền người vãng sanh.

Hỏi: Thưa, khi đi trợ niệm cho người vãng sanh xong, về nhà có cần tắm rửa hay thay quần áo không?

Đáp: Theo bạn nghĩ thì có cần không? Nếu như trở về nhà mà bạn còn cần phải tắm rửa, còn cần phải thay y phục tức là bạn còn nghi ngờ đối với người mạng chung rồi. Nếu khi bạn trở về nhà mà không lần cần vấn vương gì ở trong lòng, nghĩa là bạn có ý cung kính đối với người chết; theo chúng tôi nghĩ là như vậy, tôi chắc ai ai cũng vậy, ý họ cũng phải vậy mà thôi.

Bạn hỏi tôi, riêng tôi thì cho rằng: khi mình giúp người khác bằng tâm chân thành thì tất họ sẽ cảm kích, cho dù giả như họ không có được vãng sanh đi nữa, họ cũng vẫn cảm ơn bạn; vì khi lâm chung nghe được lời kinh, nghe tiếng niệm Phật thì nhất định cũng làm cho họ bớt đau khổ, chắc chắn là vậy.

Hỏi: Đoàn trợ niệm do hai vị cư sĩ dẫn dắt, trong lúc cư sĩ A dẫn dắt thì ít xảy tình trạng người vô hình dựa vào, nhưng đến khi cư sĩ B dẫn dắt thì thường xảy ra hiện tượng này. Có một số thành viên trợ niệm sợ hãi, có người còn cho rằng cư sĩ B dẫn dắt “có duyên sâu với ngài Địa Tạng”. Xin lão pháp sư khai thị?

Đáp: Nếu như nói có duyên sâu với ngài Địa Tạng Bồ Tát thì phải được Ngài Địa Tạng Bồ Tát gia trì, sẽ không thể có chuyện này xảy ra!

Có thể nói là vị cư sĩ này có duyên với những chúng sanh dựa vào đây, cho nên khi ông ấy xuất hiện, chúng liền tìm đến, việc này cũng giống như tình trạng nhập hồn thông thường. Nếu người tinh thần khỏe mạnh, có chánh tri chánh kiến thì Quỷ thần sẽ không dám dựa vào.

Phàm những người hay bị oán thân trái chủ dựa vào, (bạn nhìn thấy đó) cơ thể của họ nhất định rất suy yếu, yếu đến nổi gió thổi cũng ngã. Thông thường những người này tinh thần ý chí yếu đuối, không thể tập trung, nên rất dễ bị oán thân trái chủ nhập vào, bạn quan sát cho kỹ sẽ nhận ra ngay. Và suy nghĩ sâu hơn bạn sẽ thấy, Niệm Phật dường có hai vị dẫn chúng mà tình trạng của họ lại không hề giống nhau, hãy nhìn thử vị cư sĩ A & cư sĩ B (đã nói ở trước) bạn có nhận thấy là vị cư sĩ A tinh thần sung mãn, thân thể khỏe mạnh phải không, nên những Quỷ thần nhập thân đó tất không dám bám vào ông; còn vị cư sĩ B kia, khả năng sức khỏe sẽ phải kém hơn vị A này.

Hỏi: Thưa, một cư sĩ cơ thể nhiều bệnh, đã suy yếu lại còn rất nhút nhát, vậy người này có thể đi trợ niệm cho người lâm chung khi vãng sanh hay lúc hỏa táng không?

Đáp: Có thể, giúp trợ niệm cho người vãng sanh đó là việc làm công đức, rất thù thắng. Khi trợ niệm thì cần phải chân thành tin Phật, tin sâu vào oai thần của Tam Bảo gia trì; và Quỷ thần thấy bạn là người tu niệm Phật, chúng sẽ tôn kính bạn, tuyệt đối sẽ không làm hại bạn. Bạn phải giữ được tín tâm này thì chúng sẽ không làm hại bạn và dần dần bạn cũng sẽ gan dạ hơn thêm.

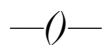
Hỏi: Thưa, người làm ác thì sẽ bị đọa địa ngục A Tỳ vĩnh viễn không có ngày ra khỏi, như vậy chúng sanh trong thế giới ngày nay có phải càng ngày sẽ càng ít đi không?

Đáp: Vấn đề có bao nhiêu chúng sanh ở trên thế giới, nó lệ thuộc vào ảnh hưởng của sự cộng nghiệp. Nếu không có chung

cộng nghiệp với nhau thì chúng ta nhất quyết sẽ không đến thế gian này.

Nhiều chúng sanh như vậy là từ đâu đến? Là từ thế giới khác di dân đến! Chúng ta niệm Phật vãng sanh, cũng không phải là di dân từ thế giới Ta Bà của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đến Cực Lạc thế giới của đức Phật A Di Đà đó sao? Phạm vi của sáu nẻo luân hồi rất lớn, “sáu nẻo” là chỉ tam thiên đại thiên thế giới trong nhà Phật. Tinh cầu trong tam thiên đại thiên thế giới quá nhiều, người ta giao thiệp qua lại lẫn nhau, không gian sinh hoạt rất lớn, không phải chỉ nhỏ bé như vậy.

Vả lại đọa địa ngục A Tỳ không phải là vĩnh viễn không có ngày ra khỏi, chỉ là thời gian quá sức dài mà thôi, họ phải trải qua trăm ngàn muôn kiếp, đến khi tội báo hết mới có thể ra khỏi, nên rồi họ cũng có ngày sẽ thoát khỏi (địa ngục) nơi đó.



CHƯƠNG 14

LÂM CHUNG TỰ TẠI VÃNG SANH VÀ PHƯƠNG CÁCH LOẠI TRỪ CHƯỚNG NGẠI

Hỏi: Thưa, khi lâm chung, sợ không gặp được thiện duyên thì làm thế nào để giữ được chánh niệm?

Đáp: Khi lâm chung có gặp được thiện duyên, được thiện tri thức đến trợ niệm giúp hay không, vẫn luôn là một ẩn số. Đại đa số khi lâm chung nếu không gặp được thiện duyên này thì thường hay đánh mất cơ duyên vãng sanh. Thật là đáng tiếc!

* Lúc còn khỏe mạnh, chúng ta phải biết học chuyển biến: chuyển mê thành ngộ, chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển sanh tử thành Niết Bàn. Phải tự mình nuôi dưỡng huân tập, **buông xả** dần hết thảy mọi chuyện thế gian.

* Lúc vừa lâm trọng bệnh, liền tưởng đến sự vô thường của cuộc đời, một lòng niệm Phật chờ chết. Thiện Đạo đại sư¹⁶ nói: **“Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh độ, thì điểm căn yếu là đừng sợ chết.”**

* Để lâm chung giữ được chánh niệm, bạn nên thường phải **tu phước**, đoạn sạch các điều ác; không nên hưởng phước, chờ đến lúc lâm chung mới hưởng. Phước báu ấy là tâm không điên đảo, chánh niệm hiện tiền, đó là phước báu to lớn của người lúc lâm chung! Mỗi đêm lên giường trước khi ngủ, nên nghĩ tưởng A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn mình. Chớ nên tham sống sợ chết!

Muôn được vậy, ngay trong đời sống hàng ngày bạn phải biết huân tập niệm Phật như là luyện pháp, luyện binh; khi lâm

¹⁶ **Thiện Đạo Đại Sư:** Tổ thứ hai của Liên Tông và cũng là hóa thân của Phật A Di Đà.

chung là lúc bạn đi đánh giặc. Với cuộc chiến đấu này, thành hay bại chỉ do ở một niệm sau cùng lúc lâm chung!

— () —

Quyết tâm cầu sanh Tịnh độ

Hỏi: Nếu như thật rất muốn vãng sanh, nhưng khi vãng sanh lại không có thiện duyên, tức không có người trợ niệm bên cạnh thì phải làm sao?

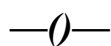
Đáp: Có thể dùng mấy niệm Phật ngày đêm không gián đoạn, để tự cảnh tỉnh lấy mình nếu không có người trợ niệm.

Thực ra mà nói, nếu như bạn thật muốn vãng sanh thì không cần phải hội đủ quá nhiều điều kiện. *Chính mình chỉ cần đầy đủ “Tín, Nguyện, Hạnh”, thâm tín thiết nguyện, lão thật niệm Phật*, bốn mươi tám nguyện A Di Đà Phật sẽ gia trì chúng ta, đó là tha lực giúp chúng ta sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc với phẩm vị cao, thành tựu thù thắng.

Chân tín, nguyện thiết chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề! Muốn vãng sanh phải có tín tâm thanh tịnh, nguyện tâm kiên định, vì không có tín nên cũng không có nguyện hạnh, làm sao có thể vãng sanh? Nói tín mà không có nguyện, hạnh, vậy tín đó là giả. Cũng vậy, nói có nguyện, nhưng không có tín, hạnh thì cái nguyện này cũng là giả. Mỗi ngày niệm Phật A Di Đà nhưng nếu không có tín, nguyện thì việc niệm A Di Đà Phật này cũng là giả. Trong tín nhất định phải có nguyện-hạnh, trong

nguyện nhất định có tín-hạnh, trong hạnh nhất định phải có tín-nguyện. Như cái đánh ba chân, thiếu một cái thì sẽ ngã đổ.

Bên cạnh đó, tuy đã có chân tín, thiết nguyện nhưng nếu bạn còn vướng víu – dù mây may – chuyện thế gian, nếu bạn vẫn chưa thể buông xả hết được thì chính nó sẽ là sợi dây quấn trói lôi bạn về lại 6 đường, bạn sẽ không thể vãng sanh. Việc con người không nở phân ly nơi thế gian này chẳng ngoài hai thứ: một là tình thân, hai là tài sản, nên hai thứ này bạn cần phải buông xả sạch. *Buông xả ra, tức là tiến thêm một bước đến gần Đức Phật A Di Đà!*



Nhìn thấu, buông xả

“Nhìn thấu, buông xả”, phải nghĩ đến lúc lâm chung có ai mang theo được thứ gì không, đều phải bỏ lại sau lưng hết thảy mà thôi; tài sản, tình thân, công danh oanh oanh liệt liệt cùng tốt một thời... thảy tất đều như màn sương sớm, như hư huyền bóng bọt, chẳng có gì vĩnh viễn. **“Mọi thứ đều không thể đem theo, chỉ có nghiệp là đi theo mình,”** vậy thì hiện tại tại sao không buông xả hết có phải là tốt đẹp hơn không? Nhà Phật nói tu hành là để giải thoát, tức phải gỡ bỏ những sự trói buộc để tâm thanh tịnh, khi lâm chung tâm có thanh tịnh mới không có chướng ngại. Tâm thanh tịnh trống rỗng rồi thì các nghiệp đều dứt sạch, đã hết nghiệp rồi thì đâu còn bị nghiệp dẫn đi trong sanh tử luân hồi nữa, tất bạn sẽ được vãng sanh! Vậy khi nào bạn mới chịu buông bỏ? Ngay tại bây giờ, đừng có hẹn đợi đến

lúc lâm chung! Hiện tại bạn còn không buông bỏ nổi, đợi lúc đứng bên bờ mép cửa ải tử sinh – thời khắc của chia ly – bạn buông bỏ nổi sao!

... Thế gian này bao gồm cõi trời và nhân gian đều loạn! Nhân gian không dễ ở, cõi trời không dễ đi, tốt nhất chỉ còn thế giới Cực Lạc.

Thế giới Cực Lạc vẫn có thể đến được, vạn người tu vạn người đến được. Không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật mà mười phương ba đời chư Phật thấy đều khuyên bảo chúng ta cầu sanh Tịnh độ, nếu không tin tưởng, còn hoài nghi, thì đó gọi là ngu si tột đỉnh – Nhất Xiển Đề – là người không có thiện căn như kinh đã nói. Do đó nếu chúng ta tiếp nhận lời khuyên bảo của tất cả chư Phật, thì ngay trong đời này nhất định phải cầu sanh Tịnh độ. ***Đã quyết tâm cầu sanh Tịnh độ thì còn có thứ gì mà không thể xả bỏ?***

— () —

Đốc lòng trì danh Niệm Phật

Hỏi: Thưa, có được vãng sanh hay không hoàn toàn là do phải có Tín-Nguyện, còn được phẩm vị cao hay thấp là do sự trì danh niệm Phật cạn hay sâu?

Đáp: Đúng vậy!

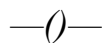
Có được vãng sanh hay không là do Tín-Nguyện quyết định, Tín-Nguyện có ý nghĩa rất sâu. Nếu mình thật sự tin tưởng, phát nguyện vãng sanh, tự nhiên sẽ lãnh đạm đối với thế gian này, nhìn cuộc đời này chỉ như một cuộc lữ du, chốn này như một lữ điểm. Tốt cũng được, không tốt cũng xong, ở đời ba ngày rồi sẽ đi thôi. Đối với hết thảy vạn sự vạn vật trong thế gian này cũng chẳng nên mấy may lưu luyến.

Chỉ dốc lòng trì danh niệm Phật, quyết định vãng sanh bất thoái thành Phật! Trong thế gian này thọ mạng dài - ngắn không cần bĩ thử đến, hết thảy đều tùy duyên. *Buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, tự độ, độ người.* Chuyên tu và chuyên hoằng chỉ là một việc, chẳng phải hai; chuyên tu là chuyên hoằng, chuyên hoằng chính là chuyên tu. Bạn phải nhớ kỹ, phải hiểu rõ cương lĩnh này.

Có rất nhiều người trong cõi đời này niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, suốt đời niệm Phật nhưng rốt cuộc cũng chẳng thể vãng sanh, là vì nguyên nhân nào? Bạn nói họ chẳng tin ư? – Không, họ rất tin tưởng, tin rất kiên thành. Bạn nói họ chẳng có nguyện ư? – Không, suốt ngày miệng niệm cầu sanh Cực Lạc thế giới. Vậy vì sao lại chẳng đến được? Vì xen tạp! Xen tạp duyên cõi đời, chẳng thể buông xuống được! Trong tâm kẻ ấy có nhiều vướng mắc, đến lúc lâm chung vướng mắc chẳng dứt nên bị chúng lôi lại. Vẫn chẳng thể buông xuống muôn duyên, đấy chẳng phải là nghiệp chướng sâu nặng thì là gì vậy? Duyên do là như vậy.

Chúng ta phải hiểu nguyên nhân vì sao chẳng được vãng sanh, đó là vì do tâm có vướng mắc. Vì sao tâm họ có vướng mắc? Do tin chẳng hết lòng, nguyện chẳng chân thành, hành chẳng hết sức, nên luống uổng một đời; chỉ giúp tăng trưởng được *chủng tử tịnh nghiệp* trong A Lại Da Thức mà thôi! Nếu bạn hỏi, đến khi nào thì họ lại gặp được duyên phận để tiếp nhận tu tập? Thật rất khó nói! Chắc chắn là vẫn có lần sau, nhưng thời gian để có cái lần sau ấy dài hay ngắn? Không thể biết được! Có kẻ lui sụt, bèn lui sụt mấy đời; thậm chí có kẻ lui sụt bèn lui sụt cả mấy kiếp, thật đáng sợ lắm! Nếu bạn hỏi vì do nguyên nhân gì ư? Ngài Thiện Đạo đại sư đã nói rất rõ: “**Gặp duyên bất đồng!**”

Nên phải biết: Được làm thân người, được nghe Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, đúng là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, *nghĩa là một lần khó gặp gỡ kể từ vô lượng kiếp đến nay.*



Y giáo phụng hành

Hỏi: Thưa, làm thế nào để có thể tự tại vãng sanh?

Đáp: Nửa thế kỷ trở lại đây, tuy chúng ta không thể đích thân nhìn thấy người ta vãng sanh, nhưng tôi tin những chuyện nghe đến thật cũng không ít. Tại sao người ta lại có thể tự tại vãng sanh? Đây là việc mà mọi người đều muốn biết, đặc biệt là những người đang sống trong một thời đại có quá nhiều tai họa,

thì việc tự tại vãng sanh đối với chúng ta thật vô cùng quan trọng, là một việc quan trọng nhất trong đời người. Thật ra chỉ cần y theo kinh luận, tu học đúng như lý như pháp, thì có thể làm được.

Đặc biệt là kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ, cổ đức nói kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ là Đại kinh, là cương yếu của Tịnh Tông. Các bậc đại đức trong Tịnh tông thường gọi kinh này là kinh Tịnh Độ bậc nhất. Vì kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ giới thiệu toàn cảnh Tây phương Cực Lạc thế giới đầy đủ nhất, giải thích phương pháp tu học tường tận nhất, nói về quả báo sau khi vãng sanh viên mãn nhất. Nếu chúng ta chân chánh muốn tự tại vãng sanh, hãy tu học theo kinh này từ ba tháng đến sáu tháng sẽ có thể thành công.

Thiện Đạo đại sư nói: “Những gì đức Phật dạy thì chúng ta phải làm được hoàn toàn, những gì đức Phật dạy chúng ta không được làm thì tuyệt đối đừng làm”. Ngài Thiện Đạo chính là hóa thân của Đức A Di Đà Phật, những điều ngài nói chính là đích thân Đức A Di Đà Phật tuyên dương: “Muôn người tu muôn người vãng sanh”. Pháp môn Tịnh Độ rất thù thắng, được hết thầy chư Phật tán thán, tuyên dương. Ngày nay chúng ta được thân người, gặp được Phật pháp, lại nghe được pháp môn Tịnh Độ; chỉ cần chúng ta tin tưởng điều mà như tôi đã nói, nếu có thể chuyên tâm, có thể thủ nhất thì ngay trong đời này bạn nhất định sẽ thành tựu.

Thân người khó được, Phật pháp khó nghe! Nếu thiết hết lòng hành trì theo những lời dạy trong kinh Đại thừa Vô Lượng

Thọ, huân tập hằng ngày, một ngày cũng không vi phạm, những công đức này tích lũy trong ba tháng thì bạn sẽ là thượng thiện nhân, sẽ nắm chắc sự vãng sanh tự tại. Nếu có thể làm hết sáu tháng thì càng chắc chắn hơn, cứ tiếp tục như vậy, bạn muốn chừng nào vãng sanh thì lúc đó vãng sanh, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, tự tại tùy theo ý muốn.

Có một số người vãng sanh không được tự tại, lúc lâm chung còn bị bệnh khổ, nguyên nhân là vì những gì đức Phật dạy, họ đều không thể làm hết hoàn toàn; những gì đức Phật dạy không được làm thì họ lại vi phạm không ít, đây là nghiệp chướng. Nhưng nhờ đời trước hay đời này cũng còn chút ít thiện căn, lúc lâm chung gặp được bạn tốt nhắc nhở, trợ niệm, thì cũng có thể vãng sanh.

“Đến cũng từ hư không đến, đi cũng từ hư không đi,” không những trước lúc chúng ta đến cõi này đã không không, đi rồi cũng lại không không, hiện tại cũng chẳng phải là không không đó sao? Đức Phật nói rõ chân tướng sự thật là như “mộng, huyễn, bọt, bong”. Người ta sống trên đời này chỉ mấy chục năm ngắn ngủi, lúc đến mang hai bàn tay trắng rồi lúc ra đi cũng mang theo hai bàn tay không! Cổ đức nói: “Muôn thứ không đem theo được, duy chỉ có nghiệp là theo thân” (Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân). Tất cả mọi vật trên thế gian này không một vật gì có thể đem theo được, cái có thể đem theo được chỉ là những nghiệp do mình đã tạo ra, việc này thật đáng sợ! Tôi đọc đến việc này mà rợn da gà, có nhiều người đọc đến nhưng chẳng hề có cảm giác, như vậy đúng là

nội tâm họ đã chai đá hạ liệt rồi! Vì nếu thiệt có còn tri giác, đọc đến thiệt sợ hãi thì làm sao còn dám tạo nghiệp?

Chư Phật, Bồ Tát từ bi có lòng yêu thương chân thành, chúng ta không muốn thân cận học hỏi mà còn xa lìa họ, đi kết thân giao với những bạn xấu trong thế gian, đó là sai lầm quá đỗi! Bạn xấu tức là những người tạo ngũ nghịch thập ác, không chịu nghe theo lời dạy của thánh hiền, không y giáo phụng hành. Đây là một sự mất mát uổng phí rất lớn đối với đời sống tu học của chúng ta, chúng ta cần phải nhận thức cho thật rõ ràng. Nhất định phải hết lòng nỗ lực tu học, nắm chắc sanh mạng ngàn người nhưng quý báu trong đời này để hoàn thành nhân duyên hiem hoi có được từ vô lượng kiếp đến nay.

“**Niệm Phật thành Phật**”, người như vậy mới đáng gọi là người có chí khí, đáng là đại anh hùng, đại trượng phu. Hy vọng chúng ta ngay trong đời này cùng nhau ứng dụng tu đúng pháp Phật dạy, khuyến khích lẫn nhau, gắng sức làm cho xong công việc to lớn này, để không cô phụ đức Phật cũng như cô phụ chính bản thân mình!

—0—

***Khi tai kiếp đến, người tu niệm Phật,
ở ngay trong tai kiếp mà vãng sanh.***

Khi tai kiếp đến người đáng ở sẽ được ở, người đáng đi thì phải đi. Sống chết đều có số, phú quý mạng đã định, tránh

không được, thoát không khỏi. Người số không bị nạn, dù đại tai kiếp đến vẫn được sống sót bình an.

Hãy diệt trừ vọng niệm. Tất cả đều tùy duyên là tốt. Điều duy nhất ở hiện tại có thể tự cứu và độ tha chính là nghe đại kinh giải, y giáo phụng hành, lão thật niệm Phật, buông xả vạn duyên, cầu sanh Tịnh Độ. Công đức niệm Phật bất khả tư nghì. ***Chỉ có niệm Phật, sửa lỗi mới giảm bớt tai kiếp. Những phương pháp khác không còn kịp nữa!***

Nếu bạn mỗi ngày có thể nghe kinh được tám giờ, sáng sớm niệm Phật được hai giờ, buổi tối niệm Phật được hai giờ, một ngày 12 giờ, suốt cả năm không hề gián đoạn, theo tôi nghĩ hai ba năm thì bạn được Niệm Phật Tam Muội.

Niệm Phật Tam Muội là gì? Công phu thành khối, điều kiện vãng sanh liền đầy đủ. Nếu như cách tu không phải như vậy thì không thể nắm phần vãng sanh. Trên thế giới này động loạn thì mặc cho nó loạn, Phật cũng còn không có cách gì cứu, chúng ta có năng lực gì để giúp chứ? Cho nên ở trong những năm tai họa này, cứu chính mình là quan trọng.

Lão cư sĩ Lý Bình Nam ngày đầu vãng sanh, lúc đó tôi đang giảng kinh ở Cảnh Mỹ, hơn 5 giờ sáng thì thầy vãng sanh. Đồng tu Đài Trung gọi điện cho tôi nói lão sư vãng sanh, buổi chiều hôm trước một ngày thầy vãng sanh, thầy nói với mấy đồng tu ở bên cạnh mấy câu, di giáo sau cùng là “*thế giới này động loạn, Phật Bồ Tát thần tiên hạ phàm cũng không cứu được, chúng ta chỉ có một đường sanh lộ, chính là niệm Phật*”

cầu sanh Tịnh Độ!” Di ngôn sau cùng của lão sư, chúng ta phải ghi nhớ, chúng ta phải tin tưởng, y giáo phụng hành.

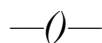
Thế giới này dù có loạn như thế nào, chúng ta cũng không loạn. Tai kiếp đến thì không thể tránh được, tai kiếp đến thì chúng ta – người tu niệm Phật – ở ngay trong tai kiếp mà vãng sanh, cũng là việc tốt không phải việc xấu. Người chết ngay trong tai kiếp, có người đi đến thế giới Cực Lạc, có người đi đến cõi trời, có người đổi cái thân này lại trở lại, họ lại đầu thai, lại trở lại, có một số người đi đến ba đường ác... Cũng đồng là chết ngay trong tai kiếp, nhưng chỗ đi hoàn toàn không có giống như nhau! Cho nên chúng ta không cần lo lắng, không có khiếp sợ, tâm luôn là an định thì không bị cảnh giới xoay chuyển, đã biết nơi chốn (Cực Lạc) sẽ đi đến thì tốt rồi. Nếu như tai kiếp đến, kinh hoàng lo lắng, khiếp sợ; vậy khẳng định sẽ đến ba đường ác, vì chính mình không làm chủ được mình, nên sẽ bị cảnh giới xoay chuyển.

Cho nên hiện tại chúng ta ở thế gian này, sống một ngày tính một ngày, không nên nghĩ còn có năm tới, tôi ngay đến ngày mai cũng không nghĩ tới, như vậy chúng ta mới tự tại! Nghĩ đến ngày mai để làm gì? Chúng ta bình lặng mà tư duy, ngày mai thì chưa đến, hôm nay có được thời gian của một ngày thì cố gắng niệm Phật một ngày, tụng kinh một ngày, bạn nghĩ xem: thật nhiều tự tại! Đó chính là người đại phước đức, đó chính là người đại tự tại.

Vạn duyên phải buông bỏ, người khác tranh danh đoạt lợi, còn chúng ta danh vọng lợi dưỡng thấy đều buông bỏ. Vì

sao vậy? Vì đó đều là chuyện của sáu cõi ba đường, đó là việc của họ, chúng ta buông bỏ rồi không nghĩ tới việc đó nữa, chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc để làm Bồ Tát, để làm Phật. Phải có nhận biết như vậy thì tốt, vạn nhất không nên để lỡ cơ duyên tốt đẹp như vậy.

Nghĩ tai kiếp đến cũng là cơ duyên tốt, vì sao vậy? Nó thúc ép chúng ta không dụng công không được, nếu không dụng công thì chỉ đi vào ba đường; từ góc độ này mà nhìn ra sẽ thấy đó là việc tốt, chẳng phải việc xấu! Không có tai nạn thì người ta giải đãi, không cần lo, vì nghĩ còn có năm tới, còn có năm tới nữa..., vĩnh viễn giải đãi lười biếng, công phu không thể đắc lực! Hiện tại tai nạn thúc ép bạn, không làm không được, cũng phải liều mạng mà làm, vậy mới sớm có thành tựu. Trên kinh, Phật có câu nói: “*Nhật nhật thị hảo nhật, thời thời thị hảo thời.*” Hai câu này rất đúng, một chút cũng không sai!



Tự tại Vãng Sanh

Hỏi: Trong nhà chỉ có một mình con là người tu hành, xin hỏi chúng con phải tu nhân như thế nào để đến khi lâm chung không phải chịu cảnh sắp đặt trợ niệm vãng sanh?

Đáp: Câu hỏi này rất hay, người tu hành phải nên có chí hướng như vậy. Ngay trong đời này, chính bạn đây, nếu bạn có thể “chuyên tâm”, có thể “thủ nhất”, thì nhất định bạn cũng sẽ thành tựu.

Trong quá khứ chúng tôi thấy cũng có rất nhiều người tu tập thành tựu, khi sắp ra đi không bị bệnh, đứng mà ra đi, ngồi mà ra đi, đó là chân thật tự tại, không cần phải nhờ người khác giúp đỡ. Những người này vãng sanh đều không cần người trợ niệm, không cầu người giúp đỡ; chỉ có những người, chính mình công phu làm chưa đủ lực mới mong cầu người khác giúp đỡ. Thời cận đại cũng có nhiều trường hợp vãng sanh như thế, nên việc này là thật chứ không phải giả, nhìn cách thức mà họ tu hành rất là đáng để chúng ta suy nghĩ và giác tỉnh. Trong ký ức của chúng tôi có mấy vị sau đã để lại những ấn tượng sâu sắc nhất:

* Người thứ nhất, ***Đệ tử của pháp sư Đệ Nhàn niệm Phật.***

Trước khi xuất gia ông làm nghề vá nôi, bạn cũng biết rồi đó, ông ấy chỉ niệm Phật có 3 năm – Đứng mà ra đi! Ra đi rồi ông còn đứng thêm 3 ngày nữa để mà đợi sư phụ mình đến lo hậu sự cho. Quả thật là ông thật có công phu tu tập!

Ông cả đời chỉ sinh sống bằng nghề lao động, không biết chữ, chưa từng đọc sách; vì đời sống quá khổ... nên ông tìm đến người bạn đã chơi với ông từ thuở nhỏ – Pháp sư Đệ Nhàn – là bạn của ông ấy lúc nhỏ đã cùng chơi chung với nhau, đều sinh trưởng tại miền quê. Nay Ngài xuất gia đã là một vị lão Hòa Thượng, nên cũng không dễ gì tìm gặp Ngài xin theo Ngài mà xuất gia, nhưng ông biết được nhân gian này quá khổ rồi, ông đi tìm Ngài.

Lão Hòa thượng thấy ông ấy không có biết chữ lại rất đần độn, chỉ hai thời công phu sớm tối học cũng không thuộc nữa! Cho nên ông ấy không thể ở lại chốn chùa chiền đạo tràng, vì ở lại sẽ gây phiền phức cho đại chúng. Ngài cạo tóc cho ông ấy, bảo ông không cần phải thọ giới, cũng không cần phải học kinh, và cũng chẳng cần phải học cách sám pháp. Về miền quê Ninh Ba tìm một ngôi chùa nhỏ không có ai ở, Ngài bảo ông ấy hãy đến đó ở, hãy trụ ở nơi đó. Rồi Ngài dạy cho ông chỉ có một câu “Nam Mô A Di Đà Phật”, chỉ dạy ông có mỗi một câu này! Ngài dạy ông hãy niệm cho chân thành, niệm mệt rồi thì đi nghỉ, nghỉ khỏe rồi thì ông dậy niệm tiếp, tương lai nhất định sẽ có lợi ích! – *Ông thật cũng không biết là sẽ có lợi ích gì, nhưng vì ông chân thật nghe lời, nên ông vẫn có thể thành tựu.*

Sau khi ở lại ngôi chùa nhỏ này, (vì lão pháp sư Đê Nhàn có thanh danh và cũng có đạo hạnh nên có nhiều tín đồ) ông tìm một tín đồ ở gần đó đến chăm sóc hộ trì cho ông ấy, đem giúp gạo muối dầu ăn chăm lo đời sống cho ông ấy. Ông lão vá nôi suốt ngày từ sáng đến tối chỉ chuyên sâu niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp. Niệm đến 3 năm thì ông đã thành công, ông ấy biết trước ngày giờ ra đi!

Trong ngôi chùa nhỏ đó có một vị hộ pháp, đó là một bà cụ già nấu cơm cho ông ăn, ngày nấu hai bữa trưa và chiều, còn buổi sáng thì ông tự nấu lấy. Một bữa nọ ông rời ngôi chùa nhỏ vào thành, đi thăm họ hàng bạn bè của mình.

Sau khi về chùa, ông nói với bà lão hộ pháp rằng:
- Ngày mai bà không cần nấu cơm cho tôi ăn nữa.

Bà lão này trong lòng nghĩ rằng, “Thông thường sư phụ không có ra khỏi cửa, hôm qua vừa mới ra khỏi cửa chắc có lẽ ông được bạn mời ăn cơm rồi, nên ngày mai không cần mình nấu cơm nữa!”

Sang ngày thứ hai lúc sắp đến giờ Ngọ, bà lão không yên tâm nên muốn lên chùa xem thử, kết quả là bà thấy sư phụ đang đứng tại nơi đó. Bà gọi cũng không thấy trả lời, bà đến trước mặt nhìn kỹ thì thấy ông chết rồi. Ông đứng mà chết! Bà vội đi tìm vị cư sĩ khác để bàn bạc, nhờ bẩm báo lại cho pháp sư Đê Nhân ở chùa Quán Tông hay, thời đó không có phương tiện giao thông như bây giờ, chỉ đi bộ mà thôi, đi bộ qua và đi bộ về mất hết 3 ngày. Ông chết rồi mà ông vẫn đứng đợi suốt ba ngày, chờ pháp sư Đê Nhân về lo hậu sự cho ông!

Tại sao ông tu hành lại thành công như vậy? ***Vì ông không có vọng tưởng, không có tạp niệm, nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật***, ba năm thì thành công, nghiệp chướng tiêu trừ. Đây quả thực là có bản lãnh! Quả thực là có công phu!

Nguyên nhân chẳng có chi khác, chỉ là ***buông bỏ vạn duyên***, nếu còn có chút vẩn vương trong lòng, còn có chút cuu mang thì coi như thất bại vì tâm sẽ không được thanh tịnh, tự tại. Cái lý thì đơn giản như vậy, nhưng xem thử chúng ta có làm được hay không?

* Người thứ hai, *pháp sư Tu Vô* ở chùa Cực Lạc Cáp Nhĩ Tân, bạn xem trong “*Cảnh trần hồi ức lục*” của pháp sư Đàm Hư đều có ghi lại.

Trước khi xuất gia ông là một người thợ nề, cũng là thành phần xuất thân từ lao động khổ cực, cũng mù chữ. Sau khi xuất gia ông làm công việc ở thường trụ hậu đãi chúng (tức phát tâm hành khổ hạnh), bình thường ông cũng chỉ niệm một câu A Di Đà Phật.

Pháp sư Đàm Hư có xây mấy ngôi chùa ở miền Bắc, chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân cũng là do Ngài xây dựng lên, và sau khi ngôi chùa được xây dựng hoàn thành, Ngài mở ra một pháp hội truyền giới. Đây là lần truyền giới lớn nhất trong Phật giáo, cũng có thỉnh lão Hòa thượng Đế Nhàn làm Hòa Thượng chủ đàn.

Khi truyền giới tất cần nhiều người trợ giúp, nên có nhiều người ở khắp nơi đến giúp. Pháp sư Tu Vô từ Quán Vi cũng tìm đến gặp pháp sư Đàm Hư, khi ấy còn có Hòa thượng Giáng Diệm, và sư trụ trì là pháp sư Định Tây.

Pháp sư Định Tây hỏi:

- Ông có thể giúp được việc gì?

Pháp sư Tu Vô trả lời:

- Tôi muốn phát tâm chăm sóc người bệnh trong thời gian thọ giới

Công việc này cũng rất là cần thiết, vì trong thời gian thọ giới nếu bị những bệnh lặt vặt như trúng gió, cảm mạo... cũng cần có người chăm sóc, thế là ông đến để hầu hạ.

Nhưng mới được hai tuần thì ông tìm gặp pháp sư Đàm Hư, lúc ấy pháp sư Định Tây cũng đang có mặt ở nơi đó, ông xin phép pháp sư Đàm Hư cho ông được nghỉ. Ông nói:

- Thưa, tôi sắp phải đi!

Pháp sư Đàm là người rất có đạo hạnh từ bi, Ngài nói:

- Nếu ông có việc phải đi, thì ông cũng không quở trách.

Nhưng Pháp sư Định Tây đang ở bên cạnh nghe vậy, không nén nổi cơn giận, bèn trách móc ông ấy:

- Ông phát tâm đến đây để chăm sóc người bệnh, mới đến được có hai tuần, mà việc truyền giới (đại khái) mất khoảng hai tháng, thì ít nhất cũng phải chờ đến kỳ thọ giới ông hẳn đi. Tại sao ông lại không có lòng kiên nhẫn như vậy chứ?

Pháp sư Tu Vô trả lời:

- Thưa, không phải tôi đi xứ nào cả, mà tôi sắp vãng sanh đến thế giới Cực Lạc rồi!

Hai vị Hòa thượng này nghe vậy, nghĩ việc này quan trọng không phải việc bình thường đâu, bèn hỏi ông ấy:

- Bao giờ thì ông đi?

Pháp sư Tu Vô trả lời:

- Thưa, khoảng nửa tháng, tôi định đến từ biệt trước, chắc cũng không quá nửa tháng đâu!

Ông lại còn thỉnh cầu pháp sư Định Tây chuẩn bị giúp cho ông hai trăm cân củi chẻ – tức là củi lửa để chuẩn bị cho việc hỏa táng sau khi vãng sanh, vị pháp sư thường trụ này nhận lời hết.

Sang ngày thứ hai ông đã đến tìm gặp lão Hòa thượng, lão Hòa thượng Hỏi: - Có chuyện gì vậy?

Pháp sư Tu Vô trả lời: - Thưa lão Pháp sư, ngày mai tôi phải ra đi rồi!

Lão Hòa thượng vội tìm cho ông một gian phòng phía sau chùa, tạm thời kê một cái giường, ông ngồi kiết già trên đó và nói với pháp sư Định Tây:

- Xin Pháp sư có thể giúp tôi, thỉnh vài vị Pháp sư trợ giúp niệm tiền tôi đi được không?

Đương nhiên là có rất nhiều người hoan hỷ, có rất nhiều người trợ niệm giúp ông, trong khi trợ niệm thì có người nói với ông ấy:

- Xưa kia những người vãng sanh thường làm mấy bài thi, hay mấy bài kệ để lưu lại đời sau làm kỷ niệm, ông cũng làm vài bài cho chúng tôi làm kỷ niệm đi Pháp sư Tu Vô.

Pháp sư Tu Vô trả lời:

- Tôi đâu có đi học, tôi đâu có biết chữ, tôi không biết làm thơ, cũng không biết làm kệ.

Nhưng sau cùng ông nói một câu rất thành thật, ý của ông nói chính là, “***việc tu hành nhất định phải nỗ lực chí thành, nhất định không được vọng giả!***”

Mấy câu khai thị này tuy là rất đơn giản, nhưng khi mọi người nghe rồi cảm thấy thật có hữu dụng. Thế là liền niệm Phật cho ông, niệm chưa đầy 15 phút thì ông ra đi, đây là câu chuyện vào năm Dân Quốc thứ 50.

* Cận đại hơn là lúc xưa còn ở Đài Loan, chúng tôi cũng nghe về mấy vị cư sĩ tại gia niệm Phật biết trước giờ khắc mà tự tại vãng sanh. Đại khái là khoảng 30 năm trước, có lần tôi ở Phật Quang Sơn, Phật Quang Sơn cử hành buổi tọa đàm chuyên về Phật học, tôi có tham gia. Buổi tối ánh trăng rất đẹp, tôi đứng trên bờ hồ Phóng Sanh ngắm trăng, cũng có một số bạn học, khoảng mười mấy vị bạn học cùng đi với tôi, chúng tôi ở đó để thảo luận về Phật pháp. Thảo luận chưa được lâu thì có một anh công nhân đi đến gặp nhóm của chúng tôi, vì công trình của Phật Quang Sơn khá nhiều, nên anh ấy có nhiều năm thâm niên làm công nhân tại đây. Lúc bấy giờ, anh công nhân này kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện vừa mới xảy ra (thời gian gần đây) thôi ở miền quê của anh, anh ấy sống ở làng Tương Quân.

Ở miền quê đó có một bà lão, bà lão này có tấm lòng rất lương thiện, rất từ bi và thích giúp đỡ người khác. Thuở còn sanh tiền, bà không phân biệt được thế nào là Phật, thế nào là thần; cứ ở bất cứ nơi nào có chùa đền thì bà đều đến lễ, dâng hương lễ Phật bái thần.

Ba năm trước đó, con trai bà lấy vợ, cô con dâu này rất hiểu biết về Phật pháp nên khuyên mẹ chồng không nên đi lễ lung tung. Cô lập bàn thờ ở nhà và khuyên bà chân thành niệm “A Di Đà Phật” và cầu sanh Tịnh độ. Bà lão này rất là có thiện căn, nghe cô con dâu nói vậy nên không đi lễ lung tung nữa, nhất tâm niệm Phật suốt ba năm trời.

Con trai và con dâu của bà cũng rất là hiếu thảo, hôm đó đến giờ cơm tối, bà nói với con trai và con dâu:

- Hai con ăn cơm trước đi, đừng có đợi mẹ, để mẹ đi tắm.

Tất cả mọi người trong nhà vẫn đợi bà ra ăn cơm. Họ đợi rất lâu, họ lấy làm lạ tại sao bà lại tắm lâu như vậy; họ đi xem thử, quả thật bà đã tắm xong, trong phòng tắm cũng không có bà, trong phòng ngủ cũng không có bà. Sau cùng họ thấy bà đang ở phòng niệm Phật, mặc chiếc áo tràng ngay ngắn chỉnh tề, tay cầm râu chuỗi đứng trước tượng Phật, đứng yên nơi đó không nhúc nhích, gọi bà thì bà cũng không trả lời, đến khi nhìn kỹ lại thì bà đã vãng sanh rồi, bà đi rồi, đứng mà vãng sanh đó!

Một bà lão niệm Phật tại gia, niệm ba năm thì đứng mà vãng sanh! Anh ấy đã kể câu chuyện này cho chúng tôi nghe, anh nói đây là câu chuyện có thật chứ không phải giả. Buổi tối hôm đó, chúng tôi gác lại chuyện Phật pháp để nghe anh ấy kể chuyện, câu chuyện khiến cho chúng tôi có ấn tượng rất sâu sắc.

Những chuyện như vậy là chúng tôi tận mắt thấy, tận tai nghe đã có mười mấy vị, còn chuyện mà nghe kể thì càng nhiều hơn. Và những chuyện này đều xảy ra thời gian gần đây, chúng tôi đã chứng kiến trong vòng ba mươi năm qua, gần đây thôi, nên những chuyện này là thật, không có chút gì là giả dối.

* Tôi nhớ lại lần đầu sang Hồng Kông giảng kinh là năm 1977, lúc đó dường như là mẹ của tiến sĩ Hà Đông tại Hồng Kông vãng sanh chưa được bao lâu, đại khái là không quá 5 năm. Thầy Lý kể cho chúng tôi biết việc mẹ của tiến sĩ Hà Đông, trước khi đi vãng sanh bà đã mở đại hội vãng sanh để chiêu đãi ký giả, và bà biết trước giờ đi!

Cả nhà họ đều là tín đồ Cơ Đốc Giáo kiên thành, nhưng tiến sĩ Hà Đông lại rất là có hiếu với mẹ, nên trong nhà cũng lập bàn thờ Phật cho mẹ; cả nhà họ là đa nguyên văn hóa, người nào có tín ngưỡng của người ấy, không ai can thiệp vào ai, sống rất là hoà thuận vui vẻ, phải nói gia đình này rất là hiếm có.

Khi lão phu nhân sắp lâm chung, bà dặn dò con trai và con dâu rằng:

- Suốt cuộc đời của mẹ, tuy cả nhà của chúng ta tôn trọng tự do tôn giáo, không có ai trở ngại gì với nhau, rất là hoan hỷ! Nhưng hôm nay mẹ sẽ Vãng Sanh, mẹ chỉ có một yêu cầu cuối cùng, xin các con giúp mẹ, “hãy niệm mấy câu Phật hiệu để đưa tiền mẹ đi!”

Con trai và con dâu của bà tất nhiên đồng ý, rồi họ thấy bà ngồi kiết già ra đi, ngay ngày đó bà đã Vãng Sanh. Sau này cả nhà đều quy y theo Phật, sau này Đông Liên Giác viện chính là nhà của tiến sỹ Hà Đông hiến tặng để cúng dường Tam Bảo. Đây là câu chuyện cuộc đời của lão Thái Thái, bạn thấy đó, bà không hề xung đột tôn giáo với ai cả, đợi đến khi lâm chung bà biểu diễn như vậy để cho mọi người khâm phục, bà đã hóa độ cho rất nhiều người! Đây là sự thật chứ không phải giả. Không cần người trợ niệm, mà tại sao bà ấy làm được như vậy? Chỉ do bà biết buông bỏ mà thôi, vì người niệm “A Di Đà Phật” tất cả mọi việc đều phải tùy duyên. Nhất định phải nhớ kỹ điều này!

Vạn duyên buông bỏ, nhất tâm hướng Phật!

Vậy tu hành như thế nào để có thể biết trước ngày giờ vãng sanh, đứng ra đi, ngồi mà ra đi? – Không có gì khác, “*vạn duyên buông bỏ, nhất tâm hướng Phật*”, thì công phu tu hành không uổng phí một đời. Nếu còn vương vís (dù chỉ là mây may) không buông bỏ được, điều đó sẽ làm chướng ngại bạn niệm Phật, thậm chí là ma chướng làm chướng ngại bạn vãng sanh!

Do đó cần tu tâm thanh tịnh. Tu hành nhất định phải học thanh tịnh, tu đến chỗ tự tại mới gọi là giải thoát sanh tử. Phải chân thật biết chân tướng của vũ trụ nhân sanh, biết con người chắc chắn không phải chỉ có một đời này, mà còn có cả quá khứ và vị lai; Phải hiểu mọi sự vật bên ngoài đều là do tướng duyên hợp sinh diệt, nên là huyễn hoặc giả dối, còn tâm chân thật mới là cái cứu cánh của người tu – nên phải hiểu không tu từ ngoài

tâm mà được! Không nên đem những việc thế gian, những việc vụn vặt xen tạp rồi chất chứa trong lòng, đối cảnh phải vô tâm, nếu tâm còn dính thì còn cột, cho dù đem tâm đó cột với pháp tu thì vẫn còn sanh tử. Cho nên ở thế gian này, cho dù việc gì mắt thấy tai nghe cũng đều không nên để ở trong lòng, thấy như không thấy, nghe như không nghe, mỗi giờ mỗi phút cần gìn giữ tâm thanh tịnh. Người khác tu thành công, chúng ta cũng có thể thành công, tâm giữ sự thanh tịnh, tất cả phải buông bỏ, buông bỏ ngay bây giờ, không có dính mắc, như vậy mới có thể vắng sanh Cực Lạc.

Lâm chung khoảnh khắc tối thắng hơn sức tu cả đời.

Hỏi: Thưa, trong khoảng thời gian rất ngắn trước khi vắng sanh, nhiều người huân tập thế nào lại cầm chắc được tự tại vắng sanh mà không cần có sự trợ duyên?

Đáp: Trong Đại Trí Độ Luận, quyển thứ 28, có một đoạn khai thị như vậy: – Vì sao, khi người sắp chết, cái tâm trong giờ phút rất ngắn đó niệm Phật, sao cho hơn đặng trọn một đời gắng sức tu hành?

Đáp: Tuy trong thời gian chốc lát, nhưng tâm lực nó mạnh mẽ, tâm rốt ráo sau cùng đó gọi là “đại tâm”. Phải biết tâm ấy tức là nhất tâm bất loạn! Nên mới nói: “***Lâm chung khoảnh khắc tối thắng hơn sức tu cả đời***”.

Nghĩa là ngay trong đời này, tu hành không thực sự có nhiều dụng công, đến khi lâm chung tuy thời gian là rất ngắn;

nhưng nếu Tâm không quanh co, quyết liệt trực chỉ cầu về Tịnh Độ – tâm này tức tâm không hư ảo giả dối nên tánh giác liền hiển lộ, nhân thành Phật liền hiển hiện – nên sự thành công hữu dụng còn hơn tu cả một đời.

Khi lâm chung, cái duyên “nhớ Phật niệm Phật” quan trọng hơn bất cứ thứ gì, nhưng cái duyên này rất hiếm hoi, không dễ dàng gặp được. Chúng ta, người biết tu niệm Phật, nếu thấy được cái tốt cùng chân tướng của sự thật này thì phải biết quay trở về tìm cái cứu cánh chân thật. Khi lâm chung, tâm chân thật hiện bày thì Phật sẽ đến đón, muốn vậy niệm Phật thì phải niệm cho tới nhất tâm là vậy.

Bạn thấy anh thợ vá nồi mà Hòa thượng Đệ Nhàn kể đó, đâu có cần trợ niệm đâu, tự mình ra đi, đứng mà ra đi! Và những người học Phật như chúng ta đều biết pháp sư Tu Vô, khi ra đi có được mấy người trợ niệm đâu, Ngài đã thành công và biết trước thời khắc, lúc ấy ngài tìm mấy người đến trợ niệm chỉ để thị hiện cho họ thấy công phu của Ngài đã thành tựu rồi, những gì mà tôi nói với quý vị đều là sự thật. Bà lão đứng vãng sanh ở làng Tương Quân đó, chân thành niệm Phật ba năm cũng không có người trợ niệm. Một người bạn già, là bà Cam ở Cự Kim Sơn, cũng là một bà lão, buổi tối ngồi vãng sanh mà không ai biết, cũng không có người trợ niệm. Trước mắt đây, có cư sĩ Hoàng Trung Sương ở Thẩm Quyến, cũng không có người trợ niệm... có rất nhiều thí dụ như vậy xảy ra ngay trước mắt chúng ta, chứ không phải xa xôi gì, không phải chỉ bấy nhiêu thôi. Chuyện vãng sanh của ông Trần Quang Biệt, trưởng Cư sĩ Lâm của Singapore, lúc đó tôi còn ở Singapore. Tôi đã tận mắt

chứng kiến, người trợ niệm đó là bạn học lớp bồi dưỡng của chúng tôi, mọi người phát tâm luân phiên trợ niệm, cứ một ban có bốn người thay phiên. Ông ấy đã biết trước giờ khắc, ba tháng trước đó ông ấy đã viết trước trên giấy ngày tháng, hình như là ngày 7 tháng 8 tôi vãng sanh; viết ra mười mấy cái ngày 7 tháng 8, người nhà không biết đó là ý gì và cũng không dám hỏi ông, đến ngày 7 tháng 8 ông vãng sanh họ mới hiểu ra. Đây là “dự tri thời chí” (biết trước ngày giờ vãng sanh), ông đã viết trước đó ba tháng!

Lão cư sĩ Trần Quang Biệt tuy học Phật nhưng do công việc rất là bận rộn, nên cũng không có thời gian nghe kinh, chỉ có dịp lễ Tết hay pháp hội gì thỉnh thoảng ông mới đến chùa thắp một nén nhang. Đến lúc ông ấy phát bệnh, ông không thể lên lớp học được mà ở nhà dưỡng bệnh, lúc rảnh rỗi thì ông nghe Kinh; mỗi ngày ông nghe 8 tiếng đồng hồ, nghe suốt 4 năm, những phần giảng bằng video của tôi ông ấy cũng đều mang về nghe hết. Trong khoảng thời gian 4 năm đó đã đủ bù đắp cho cuộc đời của ông, ông thành công rồi, ông thật sự đã tường tận rồi: **“tất cả vạn duyên buông xuống, một câu niệm Phật, niệm cho xuyên suốt”**, đây là điều mà chúng ta cần phải biết.

Cho nên bạn phải hiểu là tuy thời gian lâm chung ngắn, nhưng nhờ họ cố gắng dũng mãnh, **nhờ dũng mãnh tinh tấn mà họ liễu thoát luân hồi.**

Hỏi: Lão pháp sư có nói, ở Đài Loan có vị cư sĩ đã từng giữ chức Duy Na ở Niệm Phật đường, nhưng khi lâm chung lại

không thích nghe niệm Phật, đuổi những người trợ niệm đi hết, vậy chúng ta phải làm thế nào để đề phòng xảy ra chương ngại này?

Đáp: Đây là một vấn đề hết sức nghiêm chỉnh đó, tuy là họ cả đời niệm Phật nhưng mà họ vẫn còn luyến tiếc thế gian này, không nỡ rời bỏ gia đình quyến thuộc, không thể buông bỏ tài sản của mình. Cho nên khi lâm chung họ có biểu hiện sự tham sống sợ chết, nhưng dù có tham sống sợ chết đi nữa thì cũng vẫn phải chết! Nếu họ không khỏe mạnh sống lâu thì cũng phải chết thôi, chúng ta nhất định phải cẩn thận đề phòng điều này.

Thường ngày chúng ta phải phát tâm quyết liệt cầu quả Phật, xem nhẹ việc sanh tử, lạnh nhạt với duyên đời, nhất định không được lưu luyến nó, với thế gian này xem tất cả mọi thứ đều là huyền hóa. Con người đến khi già rồi thì phải nghĩ đến việc sắp ra đi, phải giải quyết hậu sự như thế nào, sau khi lo việc hậu sự xong rồi thì hãy buông xuống hết tất cả. Hãy khéo ứng dụng để tự cứu mình, khi ra đi cũng rất tự tại, ráng nhớ niệm Phật chẳng quên và nhất định nguyện đi theo Phật không nghi ngờ.

Điều đáng sợ nhất là gì? Là chấp trước, không buông bỏ được. Ngay cả việc hoằng pháp lợi sanh cũng không nên chấp thật, không nên cho đó là việc quan trọng lắm, nên cố gắng tập tu hạnh hỷ xả, đừng cố chấp đắm vào bất cứ việc gì. Cho nên trong kinh Phật nói "Vô sở đắc", nghĩa là không có chỗ được, nhờ tập buông xả thì tâm mới được nhẹ bớt phiền não, sự niệm Phật của bạn cũng sẽ dễ được an định hơn.

Cho nên Đức Phật dạy chúng ta, phạm làm việc gì cũng phải “tùy duyên,” hai chữ này rất hay, tuyệt đối không được phan duyên. Tùy duyên là gì? Là hằng thuận chúng sanh, nếu có cơ hội thì chúng ta nghiêm chỉnh quyết tâm mà thực hiện, còn nếu không có duyên thì vẫn tùy hỷ, không được khởi niệm. Được như vậy thì bạn tự tại biết bao nhiêu! Hiện nay có một số người, nếu không có cơ hội lại tìm mọi cách tạo điều kiện, tạo cơ hội, thế là phan duyên rồi! Phật dạy chúng ta việc gì cũng tùy duyên, nghĩa là tùy thuận theo cái có sẵn, tuyệt đối không thêm tình chấp ý mình vào đó, thế mới thực sự gọi là tùy duyên.

Hỏi: Cả cuộc đời này tu theo pháp môn niệm Phật rất là tốt, nhưng lâm chung lại bị nghiệp chướng, đó là không cần người khác trợ niệm. Xin hỏi lúc này chúng con phải làm sao?

Đáp: Chỉ đành theo ý của họ thôi chứ còn làm được gì nữa. Có, tôi có thấy qua chuyện này! Bình thường họ niệm Phật rất là giỏi, nhưng đến khi lâm chung lại ham sống sợ chết, không chịu cho người khác trợ niệm, nghe nhắc đến câu A Di Đà Phật thì họ cảm thấy chán ghét, quả thật là có, nhưng họ vẫn phải chết thôi! Hạng người này sau khi chết rồi, chúng ta biết là họ vẫn bị trôi vào 6 nẻo luân hồi như xưa thôi; nhìn những sự việc như vậy, chúng ta phải giải tỉnh ngay trong đời sống thường ngày, nếu đợi đến lúc lâm chung, e là sẽ không kịp!

Cho nên người niệm Phật không thể không thông đạt lý này, đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh thì con người chắc chắn không phải chỉ có một đời này, mà còn có cả quá khứ

và vị lai. Sống hay chết chỉ là một sự biến chuyển tự nhiên, ngày nay chúng ta gọi đó là hiện tượng trao đổi vật chất của tự nhiên. Người thông hiểu chân tướng này thì sống cũng không là quá vui mừng, chết cũng không có gì là quá sợ hãi. Nếu thông hiểu chân tướng thật sự, thì hãy coi cái thể xác này chỉ như bộ y phục của con người mà thôi, coi sự chết chỉ như sự cởi bỏ một cái áo cũ đi vậy! Bỏ thân hay thọ thân cũng giống như thay đổi y phục khác mà thôi, đó không phải là sự hoàn toàn chấm dứt! Nếu tự tại được như vậy, thì tâm sẽ khinh an, không còn một chút nào sợ hãi!

Hỏi: Bên cạnh nhà con có một lão cư sĩ 70 tuổi, rất chân thật, thời gian bà đi quy y chưa lâu. Hiện giờ bộ não bà teo lại, ăn uống phải nhờ người khác giúp. Lúc chưa phát bệnh bà nói là khi lâm chung nhờ con trợ niệm, con vội vã nhận lời. Bây giờ bà bệnh nặng, con đã đem tượng Phật, máy niệm Phật đến, sắp đặt xong bà cũng rất vui, nhưng khoảng một thời gian sau bệnh tình cũng không mấy tiến triển và bà cũng không chịu niệm Phật. Con đến thăm bà nghe nhắc niệm Phật thì thấy bà không vui, không thích nghe, con sợ bà sanh tâm sân nên sau đó con không đến thăm bà nữa. Xin hỏi con phải làm thế nào để giúp bà ấy đây?

Đáp: Bạn không đi thăm cũng được, ở bên ngoài thăm dò xem thử tình trạng hiện tại của bà như thế nào, những hiện tượng của bà ấy là biểu hiện của nghiệp chướng hiện tiền. Xưa kia lúc còn ở Đài Loan, tôi cũng đã có gặp qua trường hợp này, khi giảng kinh hình như là tôi cũng đã đề cập đến vấn đề này mấy lần.

Xưa kia cư sĩ Lâm Đạo Kỳ, phó hội trưởng hội niệm Phật, chùa Lâm Tế - Viên Sơn, là một người rất kiên thành và ông cũng đều rành hết các pháp khí. Họ tu niệm Phật, mỗi một tuần tập trung lại niệm Phật, và ông làm Duy na dẫn chúng niệm Phật. Ông qua đời vì mang chứng bệnh ung thư, khi ông lâm chung tình trạng cũng giống như bà lão này vậy, nghe niệm Phật thì ông thấy phiền ghét, không chịu cho người ta niệm Phật trợ niệm cho mình. ***Gặp trường hợp này quyền thuộc hãy đến trước bàn thờ Phật, thành khẩn vì họ mà cầu xin sám hối.***

Đây là nghiệp chướng hiện tiền, cho nên khi chúng tôi nghe thấy hay nhìn thấy hiện tượng này thì chúng tôi cũng nghĩ họ như là chư Phật, Bồ Tát thị hiện vậy.

Nhưng qua những tấm gương này, nhắc nhở chúng ta ngay trong đời sống hàng ngày, nhất định phải nghiêm chỉnh thành tâm hóa giải, tiêu trừ nghiệp chướng. Nếu không đến lúc lâm chung, nghiệp chướng hiện tiền thì lại không biết làm sao để giải quyết, lúc này cho dù thật sự có thần tiên đến, cũng sẽ chẳng giúp được gì!

Vậy căn bản của việc tiêu trừ nghiệp chướng là gì? Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường đưa ra vấn đề này ra để cùng khuyến răn nhau, những cái căn duyên của nghiệp chướng – tự tư, tự lợi, thị phi, nhân ngã, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn – nếu không đoạn hết thủy, không nhổ sạch hết được, thì chúng ta dù có niệm Phật cũng không thể vãng sanh!

Cho dù khi lâm chung, không có ma chướng hiện tiền thì cũng chỉ có thể được sanh vào ba đường lành, nếu có muốn thoát ly tam giới để vãng sanh Tịnh độ thì rất là khó. Chúng ta nhất định phải hiểu cái lý này!

Hỏi: Trong tình trạng nếu không có người trợ niệm, vậy thường ngày chúng ta phải làm như thế nào để nắm chắc được phần vãng sanh?

Đáp:

Ngài Hoàng Niệm Tổ giảng: “Phàm phu sau khi nghe danh hiệu Phật liền phát tâm. Do tín nguyện có sâu - cạn nên phát tâm có lớn hay nhỏ, trì tụng nhiều hay ít, tu tập có siêng, lười nhiều nổi sai khác. Túc căn của chúng sanh có vô lượng sai biệt; phước đức, nhân duyên lại càng sai khác hơn nữa. Người người khác nhau, kẻ kẻ bất đồng. Do đó, đã có vô lượng chúng sanh trong mười phương vãng sanh thì phẩm loại của họ cũng phải vô lượng... Mỗi bậc lại tách ra làm ba loại nhỏ nên thành ra chín loại; Quán kinh gọi là “chín phẩm”. Mỗi phẩm trong chín phẩm đó lại có chín phẩm, thành ra tám mươi một phẩm. Cứ lần lượt khai triển như thế đến vô lượng phẩm”.

Các chư Cổ đức xưa thường nói tới ba bậc, chín phẩm, và vô lượng phẩm Vãng Sanh, nhưng khi giảng bộ kinh này, tôi có nói khác một vài lời so với các chư Cổ đức. Tôi cho rằng:

- nếu như chúng ta làm được 100% những gì trong kinh Vô Lượng Thọ đã chỉ dạy, những lý hạnh mà trong kinh nói đó, thì chắc chắn vãng sanh hàng Thượng Thượng phẩm.

- nếu như chúng ta không có năng lực làm được, chỉ có thể làm chín phần, còn một phần chưa làm được (nghĩa là bạn làm được 90%, vẫn còn 10% chưa làm được) thì bạn vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc hàng Thượng Trung phẩm.

- nếu như bạn chỉ làm được 80%, còn 20% chưa làm được, thì sẽ giảm xuống vãng sanh Thượng phẩm Hạ sanh.

Cứ như vậy giảm xuống từng cấp từng cấp, giảm đến sau cùng là Hạ phẩm Hạ sanh. Vậy chí ít bạn cũng phải làm được 20% (tuy 80% kia chưa làm được), nhưng có được 20% thì cũng vào được Hạ Hạ phẩm vãng sanh.

Còn nếu như 20% mà bạn cũng không thể làm được nữa, thì việc vãng sanh rất là khó thành!

Nếu không chắc chắn có được người trợ niệm khi lâm chung thì phải làm sao ư? – Khi lâm chung, có gặp được thiện duyên hay không hoàn toàn nhờ dựa vào nghiệp số của bạn, nếu nghiệp số bạn tốt thì sẽ gặp thiện trí thức, giúp trợ niệm cảnh tỉnh bạn, bạn sẽ có cơ hội được vãng sanh; còn như gặp duyên không tốt thì khó có thể nắm chắc phần vãng sanh.

— () —

Chân thật niệm Phật

“*Diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm*¹⁷” nhất tâm xưng niệm là Diệu Nhân, nhất tâm bất loạn là Diệu Quả. Muốn đạt được nhất tâm, quý vị nhất định phải buông xuống vạn duyên.

Trong Niệm Phật Đường, vị chủ thất thường treo Khẩu Đầu Thiên nơi miền, “*Người chân thật niệm Phật, buông bỏ cả thân tâm thế giới là đại bố thí,*” câu nói này chúng ta không nên khinh dễ coi thường, lời nói này rất trọng yếu, nếu bạn thật muốn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ thì phải ghi nhớ cho chắc.

Không buông thân tâm thế giới xuống, chẳng thể đạt nhất tâm! Quý vị không có cái nhân nhất tâm xưng niệm, đương nhiên chẳng đạt được cái quả nhất tâm bất loạn! Do vậy, nhân và quả đều diệu. Nhất tâm rất trọng yếu; người biết tu ắt hiểu rõ đạo lý này, liễu giải sự thật chân tướng, trong tâm quả thật không vương mắc mảy may, một chút vương vấn cũng không có. Trong cuộc sống thường ngày phải tùy duyên, tùy duyên mà sống, đối xử hòa thuận với hết thầy chúng sanh, đối đãi bình đẳng, mảy may “*quái ngại*” cũng không có. Đều buông xuống hết, nhân quả đều tương ứng.

Nên hôm nay điều chúng tôi muốn khuyến tấn bạn, chính mình lúc bình nhật cũng phải nên cố gắng tinh tấn tu trì, tự bản thân phải có sự huân tập niệm Phật chắc chắn, để trong hoàn

¹⁷ *Diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm: Diệu tâm, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm.*

cảnh không có người trợ niệm, bạn vẫn chắc chắn tự tại vãng sanh. Hành nhân nếu thật sự sửa đổi hành vi, nỗ lực tiến tu, phát tâm chân thật “*thường niệm bất tuyệt,*” niệm Phật chuyên ròng, luôn giữ câu Phật hiệu này liên tục trong mọi niệm. Thì lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn từ bi gia hựu, khiến tâm chẳng loạn, thì quyết được vãng sanh.

Hỏi: Trong kinh Địa Tạng nói: Ngay thiện nam tử, thiện nữ nhân, khi lâm chung vẫn bị vô số quỷ thần đến gây chướng ngại; hà huống gì là chúng sanh thân tổng báo (tức thân có đủ các quả báo lành dữ, thiện ác), khởi tâm động niệm thấy đều là tội, thấy đều là nghiệp. Bạn không nên xem thường tội nhỏ, nghiệp nhỏ, vì nó vẫn làm thâm trọng nghiệp tội của bạn; Lại nói: “Nếu có người mỗi ngày đều niệm danh hiệu Đức Địa Tạng 1.000 tiếng, niệm đúng 1.000 ngày thì sẽ được Quỷ thần ủng hộ, khi lâm chung sẽ không bị chướng ngại”. Người tu pháp môn niệm Phật, để khi được lâm chung không bị Quỷ thần gây chướng ngại, mỗi ngày cũng phải niệm danh hiệu Đức Địa Tạng, ngày nào cũng phải niệm 1.000 tiếng và niệm đủ 1.000 ngày. Xin hỏi niệm như vậy có được không? Có phải là tạp tu không?

Đáp: Có thể không là tạp tu, mà gọi là trợ tu. Vì bạn tu có kỳ hạn 1.000 ngày, mỗi ngày niệm 1.000 tiếng, niệm đủ 1.000 ngày, 1.000 ngày là ba năm. Khi bạn mới học, dùng pháp này để trợ tu, dùng niệm Phật làm chánh tu. Chánh tu là tu cho đến chết, là suốt cả cuộc đời chúng ta công phu không được thiếu ngày nào! Trợ tu trong ba năm (có giới hạn thời gian), phương

pháp này không thể coi là tạp tu, cũng tương đối là chuyên tu. Được!

Vậy không niệm có được không? – Không niệm cũng được!

Vì sao? – Vì bạn đã chuyên niệm Phật A Di Đà, các quỷ thần đều tôn kính Đức Phật A Di Đà. Nếu bạn chuyên niệm Phật A Di Đà, khi lâm chung quỷ thần cũng không dám đến nhiễu loạn.

Ở ngay Cư sĩ Lâm của chúng ta đây, lão Lâm trưởng cư sĩ Trần Quang Biệt vãng sanh, các oán thân trái chủ của ông ấy đã đến nơi này xin Quy y, có nói rất rõ ràng, mà lại có rất đông người xin nữa. Tất cả đều là oán thân trái chủ của lão cư sĩ Trần, họ nhìn thấy lão cư sĩ niệm Phật vãng sanh, trong lòng họ rất là vui, rất là ngưỡng mộ, không có gây một chút chướng ngại nào.

Những oán thân trái chủ này đã theo cư sĩ đến Cư sĩ Lâm, vì họ không có ác ý nên thân hộ pháp của Cư sĩ Lâm không có ngăn cản họ, để cho họ vào. Họ đến đây với hai mục đích: xin được quy y và nghe kinh. Cư sĩ Trần Quang Biệt không có niệm danh hiệu Đức Địa Tạng, chỉ chuyên niệm A Di Đà Phật. Đây cũng là tấm gương rất tốt, đáng cho chúng ta noi theo.

CHƯƠNG 15

THÀNH LẬP ĐOÀN TRỢ NIỆM NHƯ LÝ NHƯ PHÁP

---oOo---

Hỏi: Tại sao thông thường thì đạo tràng của ngôi chùa nào cũng thường đều có đoàn trợ niệm?

Đáp: “*Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật. An bày tượng Phật để chiêm ngưỡng*”, bài kệ trong phẩm Hiền Thủ này, nói riêng cho việc trợ niệm khi lâm chung. Tôi đã nói với quý vị ở phần trước, trong phần chú giải của đại sư Thanh Lương có nói: “Trợ niệm khi lâm chung thì công đức không gì bằng, ai cũng có thể phát tâm này.” Cho nên xưa kia thông thường trong một đạo tràng của Phật giáo hay các tự viện đều có đoàn trợ niệm hoặc đoàn niệm Phật, hay trong cư sĩ đạo tràng cũng có.

Năm xưa khi tôi còn ở Đài Trung, nơi Liên xã Phật giáo Đài Trung do thầy Lý thành lập, trong Liên xã đó cũng có đoàn chuyên môn lo trợ niệm, còn gọi là “*Hộ niệm người lâm chung*”. Các cư sĩ nhiệt tâm đều ghi tên tham gia, tham gia vào đoàn này nếu nửa đêm họ có gọi đến bạn, thì bạn cũng phải đi, lúc nào cần đến thì bạn phải đi.

Hỏi: Xin hỏi làm thế nào để thành lập đoàn trợ niệm thực sự đúng như pháp?

Đáp: Đoàn trợ niệm mà người xưa đặt ra là có quy củ, chúng ta có thể xem trong Linh Nham Sơn Chí hoặc là quyển khóa tụng của Linh Nham Sơn do lão pháp sư Ấn Quang chế định. Còn ở Liên xã Đài Trung, ở Đài Loan do lão cư sĩ Lý Bình Nam sáng lập, hoàn toàn là y chiếu theo quy củ của lão pháp sư Ấn Quang mà làm, làm rất đúng kinh đúng pháp. Về cách thức trợ niệm, bạn có thể tham khảo trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sớ Sao.

Linh Nham Sơn chí, bản khóa tụng của Linh Nham Sơn, loại bản khóa tụng xưa; nếu như bạn muốn xem thử coi các Ngài đã làm như thế nào thì có thể đến liên xã Phật giáo Đài Trung. Liên xã Phật giáo Đài Trung hiện giờ vẫn còn Niệm Phật đường, chúng ta có thể đến đó xem thử thao tác trên thực tế của họ.

Hỏi: Làm thế nào mới có thể thành lập một đoàn trợ niệm như lý như pháp, thực sự khiến cho người chết được lợi ích chân thật?

Đáp: Nếu bạn tu hành thành tâm, thành ý niệm Phật, đồng thời hiểu rõ quy luật và nguyên tắc đầy đủ của việc trợ niệm, thì người chết sẽ được lợi ích! Trong đoàn trợ niệm của bạn cần có các vị như vậy, các vị chỉ cần xem qua ‘*Cảnh Trần Hồi Úc Lục*’ của pháp sư Đàm Hư, Ngài có nhắc đến cư sĩ Lưu là một trong những người bạn đồng nghiệp của Pháp sư. Vào thời gian đó, Đàm lão chưa xuất gia, ông xuất gia rất muộn lúc hơn 40 tuổi, trước khi xuất gia, ông đã học Phật và rất kiên thành.

Trước lúc xuất gia ở Thiên Tân, pháp sư Đàm cùng mấy vị đồng đạo hợp nhóm cùng nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm suốt tám năm. Trong số các bạn ông, có một vị họ Lưu mở tiệm thuốc Bắc cũng rất tâm đắc và lĩnh ngộ đối với kinh Lăng Nghiêm. Ông ấy chuyên đọc kinh Lăng Nghiêm – ông chuyên sâu một môn, đọc hết 8 năm.

Có một hôm vào giờ Ngọ, việc buôn bán rất ế-ảm, không có ai đến cửa hiệu, ông ấy gật-gù trên quầy bán hàng làm một giấc ngủ trưa. Trong lúc ngủ gật ông nằm mộng thấy có hai người đến, thoạt nhìn thì ông biết hai người này là oán thân trái chủ của mình, họ chỉ vì đánh cắp tài sản mà bị kiện tụng. Vụ kiện tụng này cư sĩ Lưu là người thắng tố tụng, hai vị đó bị thất bại liền treo cổ tự sát; sau đó ông ấy cảm thấy rất hối hận, chỉ vì một chút tiền tài mà hại chết hai mạng người, nên khi vừa nhìn thấy hai người này đến ông cảm thấy rất lo sợ: Hai người này là ma chứ không phải là người, ông sợ họ đến để gây phiền phức cho ông, nhưng trái ngược điều ông nghĩ, thái độ của họ có vẻ rất là hiền lương. Họ đi đến trước mặt ông rồi quỳ xuống.

- Ông liền hỏi họ, “các ông đến đây có việc gì vậy?”

- Họ trả lời, “để xin được cầu siêu độ!”

Nghe như vậy ông mới yên tâm, vậy là họ đến đây không phải gây phiền hà, mà đến để xin ông cầu siêu độ!

- Ông hỏi, “vậy tôi phải làm thế nào để siêu độ cho các ông đây?”

- “Chỉ cần ông nhận lời là được rồi,” họ nói

- Ông trả lời, “được, tôi sẽ nhận lời, tôi sẽ siêu độ cho ông.”

Ông nhìn thấy 2 người này bước lên đầu gối ông, leo lên vai, rồi thăng thiên luôn.

Bạn thấy không, chỉ cần một người có sức tu kiên cố như vậy là được rồi. Sau khi hai người này đi rồi, cũng không lâu sau ông lại nằm mộng thấy bà vợ quá cố của ông đi với một đứa trẻ – là con trai của ông, đã qua đời khi còn nhỏ.

- Ông hỏi, “bà đến đây để làm gì?”

- Bà trả lời, “tôi cũng đến để xin ông siêu độ cho, cách thức cũng giống như trước.”

- Ông hỏi, “vậy phải siêu độ cho bà bằng cách nào đây?”

- Bà trả lời, “miễn ông nhận lời là được rồi!”

- “Được! Tôi nhận lời.”

Ông cũng thấy họ bước lên vai ông, rồi thăng thiên...

Tu như vậy mới có sự hữu dụng thực sự, cho nên trong đoàn trợ niệm cần có người tu hành niệm Phật chân chánh, người có công phu như vậy mới có cảm ứng thật sự, nếu được họ tham gia tất sẽ có hiệu quả tuyệt đối. Còn như những người chỉ có miệng mà không có tâm, “*miệng niệm Di Đà tâm tán loạn*”, thì đối với người chết cũng có ích lợi, nhưng lợi ích chẳng có được nhiều, chỉ có thể làm giảm bớt đau khổ cho người chết mà thôi!

CHƯƠNG 16

NHỮNG ĐIỀU QUAN TRỌNG CẦN THỰC HÀNH TRONG ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

---oOo---

Hóa giải với Oan Gia Trái Chủ

Hỏi: Thưa, người sắp lâm chung, tại sao nghiệp lực thường lại hiện ra, tại sao oán thân trái chủ thường tìm đến và lại còn chọn khoảng sát na này để đối đầu?

Đáp: Nghiệp lực là sức mạnh của các thói quen xuất phát từ thân, khẩu và ý. Theo Phật pháp, mỗi người đời đời kiếp kiếp đều có các chủng tử oán hận trong A Lại Da thức. Tất cả đều do từ cái tình chấp, cái cảm tình chấp trước, của chúng ta mà sinh ra oán hận. Nếu chúng ta không hóa giải những oán thù này thì thật phiền phức, đời đời kiếp kiếp oan gia đối đầu, không hề ngừng dứt, đôi bên đều thống khổ. Khi sắp vãng sinh, oan gia trái chủ tìm đến bên thân chúng ta để báo thù, không để chúng ta vãng sinh, đó chính là ma chướng. Cho nên sống ở đời, chúng ta nên “hàng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức,” chúng sinh muốn thứ gì, tất cả đều tùy thuận, thì khi lâm chung chúng ta mới đi dễ dàng được!

Về tình lý cả hai pháp thế và xuất thế gian đều giống nhau. Nếu bạn có rất nhiều oán thân trái chủ, hiện giờ bạn đang sống ở đây họ lại không đến gây chuyện với bạn. Vì sao vậy? – Vì họ còn chờ đợi cơ hội! Giống như hiện giờ bạn chưa có

khâm khá, có tìm bạn cũng không có ích lợi gì; đợi khi nào bạn giàu có thì họ sẽ tìm đến bạn mà đòi nợ.

Hoặc nếu bạn sắp xuất ngoại di dân thì tất họ sẽ tới ngay. Vì sao vậy? – Vì bạn đi mất rồi, họ muốn tìm bạn cũng không dễ dàng. Bạn muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, thế không phải là bạn muốn di dân đó sao? Như vậy là phiền phức lớn rồi, sau này họ muốn tìm bạn cũng không được nữa, cho nên trước khi bạn lên đường là họ kéo nhau đến hết để đòi nợ, để ngăn cản, cái lý giống như vậy đó!

Bạn hiểu được lý này, thì hàng ngày nên kết ít oán thù với tất cả mọi người, mọi loại động vật, ngay những loại động vật nhỏ như một con muỗi, một con kiến... bạn cũng đừng cho rằng không đáng coi ra gì, nên nhớ nó cũng là một sinh mạng. Bạn giết hại nó, khi bạn muốn vãng sanh nó cũng sẽ đến tìm bạn, bạn vẫn phải trả mạng cho nó! Thiếu tiền thì trả tiền, thiếu mạng thì trả mạng, vậy cả cái núi nợ bạn còn thiếu đây chưa có trả hết, mà bạn muốn đi rồi thì làm sao mà họ tha cho bạn được, nhất định họ sẽ không tha cho bạn đâu!

Có nhiều người khi vãng sanh ra đi một cách bình an, oán thân trái chủ dường như cũng không tìm đến gây phiền phức cho họ một cách quá mức. Lão Lâm trưởng Cư sĩ Lâm của chúng ta đây là một ví dụ, khi lão cư sĩ Trần Quang Biệt vãng sanh, không phải là không có oán thân trái chủ, mà là có rất nhiều, những người này không phải người còn sống, đều là quỷ. Nhưng tại sao những oán thân trái chủ này không hề gây chướng ngại cho ông ấy? – Số oan gia trái chủ này vốn ở nhà

ông Trần, nhưng ngày nào ông ấy cũng tụng kinh, cũng lạy Phật, cũng đem công đức đó hồi hướng cho oán thân trái chủ, xoa dịu họ, nên họ không dám quấy phá ông.

Hơn nữa nghe kinh niệm Phật thì có thần Hộ Pháp, cho nên họ chẳng dám làm hại ông. Nhìn thấy ông Trần vắng sanh họ đều cảm động, họ cảm thấy được an ủi, “ông sang thế giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật, khi thành Phật rồi nhớ trở về độ cho chúng tôi,” nên không có gây phiền phức quá đáng. Sau khi ông Trần vắng sanh, họ đồng đi đến Cư sĩ Lâm, rất hoan hỷ để xin quy y và nghe kinh; họ thích nghe kinh Địa Tạng và kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Họ thích nghe hai bộ kinh này nhất, sau khi nghe xong thì họ ra về. Đây là chuyện kỳ lạ đã xảy ra. Nên nếu như bạn không có cái thiện ý như ông Trần, thì những oán thân trái chủ của bạn sẽ chẳng tha bạn đâu!

Hỏi: Thưa, có phải khi niệm Phật có công phu thì nghiệp chướng thường sẽ hiện ra để khảo nghiệm?

Đáp: Không nhất định là như vậy. Nhưng phần nhiều khi công phu bạn đặc lực thì nghiệp chướng có thể hiện ra để khảo nghiệm bạn! Ai đến để khảo nghiệm? Là những oan gia chủ nợ đời quá khứ, họ lo sợ bạn sẽ đi mất nên đến phá rối mong cản trở được bạn, vì thường khi nghiệp chướng hiện tiền đều làm chướng ngại cho sự tu hành của bạn.

Nên thường khi gặp những trắc trở, chúng ta phải biết thương lượng với oan gia chủ nợ, hy vọng họ đừng gây chướng ngại! Và một khi nhìn thấy chúng ta tu hành thật sự, sẽ có kết

quả vãng sanh để trở lại độ họ thì thông thường họ đều đồng ý tiếp nhận; vì họ cũng muốn bạn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ có đủ năng lực, để sau này còn phổ độ chúng sanh và cũng phổ độ cho họ.

Sống ở đời một khi gặp nghiệp chướng, cái nghiệp chướng này Phật, Bồ Tát, cũng không có cách nào tiêu giải giúp cho bạn được, vì nghiệp chướng phải do chính bạn tiêu giải. Cách tiêu giải nghiệp chướng như thế nào vậy? Bên cạnh việc tu hành niệm Phật tinh tấn, thì hoàn cảnh sống dẫu ở trong cảnh thuận duyên hay nghịch duyên chính mình phải tự cảnh tỉnh, không để bị cảnh lay chuyển, thì mới tiêu giải được nghiệp chướng. Ở trong cảnh mà bạn tiếp tục khởi tâm động niệm, thì nghiệp chướng của bạn mỗi ngày sẽ tăng trưởng thêm lên. Đây cũng là công phu tu hành, dứt khoát không khởi tâm, không động niệm thì nghiệp chướng mới có thể tiêu trừ được! Nếu khi gặp nghịch duyên, phải tự nghĩ biết người này là người giúp mình tiêu nghiệp chướng mà sanh tâm cảm ân, đó cũng là cách bạn tích lũy công đức, và cái tâm cảm ân không phải chỉ nói suông, mà tương lai phải lo mà báo đáp.

Niệm Phật để giải trừ nghiệp chướng với Oan Gia Trái Chủ.

Chúng ta đời đời kiếp kiếp học Phật tu hành không được thành tựu, không có biện pháp thoát ra khỏi luân hồi là vì có oan gia trái chủ đến gây phiền phức, làm ma chướng!

- Người không học Phật, không biết cách hóa giải oán thù. Vì vậy, oan oan tương báo khổ khổ không kham nổi.

- Người học Phật, đối với tất cả chúng sanh bất luận họ đến đòi nợ hoặc trả nợ đều *khuyến họ niệm Phật*, như vậy mới có thể chuyển tất cả thiện, ác, oán, thành pháp duyên; nhân tình thế gian cũng có thể chuyển thành pháp quyền thuộc thì việc tu hành mới được thành tựu.

Mọi người ai ai cũng đều có nghiệp chướng, nếu không có nghiệp chướng sẽ không phải sanh đến thế gian này!

Nhưng làm thế nào để tiêu trừ nghiệp chướng? – Chư Cổ đức khai thị rằng phương pháp tốt nhất là niệm “A Di Đà Phật”. Vì ***một câu danh hiệu Phật có thể tiêu trừ được 80 ức kiếp sanh tử trọng tội!*** Nên công đức niệm Phật thù thắng cùng tột, không gì sánh bằng.

Phật dạy chúng ta rằng: “Năng lực quan trọng nhất để giải trừ nghiệp chướng là trong lúc niệm Phật không được hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn.” Với ba yếu tố này năng lực của *không xen tạp mạnh nhất*, nếu quý vị giữ được liên tục không gián đoạn trong ba năm, cho dù nghiệp chướng sâu dày bao nhiêu của vô lượng kiếp đều có thể giải trừ hết.

Ngài Từ Vân Quán Đảnh Pháp Sư trong lời chú giải của bộ Kinh Vô Lượng Thọ dạy: “Chúng sanh nào từ vô lượng kiếp tạo tội, tạo nghiệp cực ác, cực sâu dày. Bao nhiêu Kinh luận, tất cả các sám pháp đều không thể sám trừ được. Cuối cùng vẫn còn một phương pháp có thể cứu vãn được, đó là phương pháp niệm Phật.” Cho nên phải biết niệm danh hiệu Phật công đức

thật là to lớn, thù thắng vô cùng; cũng là cách giải trừ nghiệp chướng bất khả tư nghì!

Chọn pháp giới nào để Vãng Sanh?

Hỏi: Phật pháp nói đến 10 pháp giới, 10 pháp giới chính là 10 con đường. Vậy khi mạng chung thì bạn sẽ chọn đi vào con đường nào?

Đáp: Nghiệp lực là động lực chính, dẫn dắt con người đi tái sanh vào các cảnh giới luân hồi. Tùy theo nghiệp lực sai biệt của con người gây tạo trong quá khứ, mà khi lâm chung, người hấp hối, có những biểu hiện lâm chung khác nhau, và do ở một niệm sau cùng sẽ quyết định con người tái sanh vào là cảnh giới gì.

Vậy sau khi con người chết rồi, họ đi vào đường nào? Không ai có thể xác quyết được! Khi con người lâm chung, nếu bạn không bị *Cực trọng nghiệp*¹⁸ hay *Tập quán nghiệp*¹⁹ dẫn dắt, thì *Cận tử nghiệp*²⁰ sẽ làm động cơ thúc đẩy, lôi kéo con người đi thọ sanh. Nếu bạn không bị ba loại nghiệp (kể trên) thì

¹⁸ **Cực trọng nghiệp:** Nghiệp thiện hoặc nghiệp ác, năng lực rất mạnh; có khả năng lấn át các nghiệp khác.

¹⁹ **Tập quán nghiệp:** Nghiệp được hình thành do những tập quán hành động, suy nghĩ khi còn sanh tiền. Khi lâm chung, nghiệp này có thể chuyển thành cận tử nghiệp để tái sanh.

²⁰ **Cận tử nghiệp:** Sức mạnh tâm lý của con người trước khi tắt thở.

*Tích lũy nghiệp*²¹ sẽ là nghiệp dẫn dắt bạn đi tái sanh. Thế nên mới biết, lâm chung là việc trọng đại nhất của đời người.

Đức Phật dạy chúng ta, ngay trong đời này phải biết tu thiện tu phước, phải biết tích công lũy đức, để dành phước báu cho lúc lâm chung. Phước báu này chính là để cầu khi lâm chung: thần trí được sáng suốt, không bị mê hoặc điên đảo, có được thiện tri thức giúp đỡ. Đây chính là đại phước báu!

Nếu như người mà không có phước báu, khi lâm chung mê hoặc điên đảo, thần trí mịt mờ, như vậy rất là phiền phức, dù có gặp thiện tri thức cũng không hữu dụng. Thần trí bị mê mê mờ mờ, điên đảo, nhất định sẽ bị đọa vào 3 đường ác! Nếu như đời này tích chứa công đức thù thắng, khi chuyển kiếp – hoàn cảnh sống đời sau – nhất định sẽ tốt hơn đời này, thù thắng hơn nhiều, nên gọi đó là có phước báu!

Nếu như bạn tạo ra quá nhiều nghiệp tội, thì tất hoàn cảnh sống đời sau của bạn nhất định sẽ kém hơn hoàn cảnh hiện tại đây, bạn sẽ phải sống vất vả hơn. Nên việc thọ thân vào đường nào, hay sẽ chuyển kiếp vào đường nào, việc này quyết chắc là do nơi bạn – do ở ngay ý niệm cuối cùng của bạn!

Đức Khổng Tử có nói: “***Vật dĩ loại tỵ, nhân dĩ quân phân,***” Ngài cũng có nói rõ cái lý này. Pháp giới vô lượng vô biên, bạn tương ứng với pháp giới nào? Ngạn ngữ chúng ta có

²¹ *Tích lũy nghiệp*: Nghiệp từ vô thủy.

câu: “*Nguru tâm Nguru, Mã tâm Mã,*” bạn tâm đầu ý hợp với pháp giới nào thì bạn sẽ sanh vào pháp giới đó, tương hợp với sở thích của các bạn. Người thích niệm Phật thì sẽ đi đến Niệm Phật đường, người thích cờ bạc thì đi đến sòng bài, người thích nhảy thì đi đến phòng trà. Việc này cũng giống như bạn đi thọ thân, đi chuyển thế vậy.

Bạn sẽ chuyển thế đi đến nơi đâu? Chuyển sang nơi nào bạn thích ứng hợp đó mà chuyển đến, ai cũng như nhau lý đều như vậy!

Mỗi một người đều có sự hỷ lạc khác nhau, chúng ta phải quan sát kỹ thế gian này, quả thật là có rất nhiều hạng:

- Người thích của cải, thích tài, sắc, danh, thực, thùỳ – thích những thứ này, Đức Phật nói đó là *sự tham ái*. Nếu tâm tham ái nặng thì sẽ đọa vào đường Ngạ Quỷ. Vì tất cả loài quỷ đều có tâm tham, nên người có tâm tham ái thì tất nhiên sẽ hợp với loài quỷ, sẽ thọ sanh sang đường đó.

- Người có tâm *ganh ghét, sân hận* nặng thì sẽ ứng hợp với địa ngục.

- Còn *ngu si* ư? Nghĩa là không có khả năng nhận rõ phải, quấy, chánh, tà, thiện, ác... Thậm chí họ còn nhận thức điên đảo, chẳng biết lợi hại, hạng người này đâu đâu cũng có, họ thích hợp với đường súc sanh.

- Như vậy mới hiểu cái lý muốn giữ được thân người, tức là phải giữ vững được cái đức hạnh cơ bản của việc làm người; tức giữ gìn ngũ giới cấm, có lòng nhân từ giúp đỡ yêu thương kẻ nghèo khó, biết phát tâm bố thí ... thì sau khi chết sẽ

được tái sinh vào cảnh giới người. Có được vậy mới không bị mất thân người, đời sau vẫn được chuyển kiếp sang cõi người.

- Nếu như người có ý niệm về đạo đức cao hơn, giữ vững được “ngũ giới và thập thiện,” thì sẽ được chuyển kiếp lên cõi trời.

- Nếu người có tâm nguyện khẩn thiết, hết lòng cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc và thường trì niệm A Di Đà Phật, khi lâm chung được Phật A Di Đà lai nghinh tiếp dẫn, vãng sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Đây là sự chuyển thế thù thắng bậc nhất, không có gì có thể sánh bằng, được hết thầy các chư Phật đồng tán thán.

- Nếu như bày ra trước mắt bạn 10 con đường, Phật pháp gọi là 10 pháp giới, vậy sau khi chết thì bạn sẽ chọn pháp giới nào? – Cái này bạn cần phải có trí tuệ, phải có sự quán xét, vì trong mỗi một pháp giới cũng rất là phức tạp, bởi nó có vô lượng vô biên cõi ở trong.
- Giả như bạn nói là bạn chọn pháp giới Phật. Tốt! Tốt thôi. Nhưng Phật lại có vô lượng các vị Phật, tức có vô lượng vô biên cõi nước Phật, vậy bạn sẽ thọ sanh vào cõi Phật nào đây? – Có phải Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã bao lần khuyên bảo chúng ta hãy chọn cõi “**Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà**” đó ư! Con đường mà chúng tôi đang đi hôm nay là do sư Tổ chọn cho, nên chúng tôi cứ y theo kinh luận Phật dạy mà “y giáo mà phụng hành”.
- Vậy người tu Niệm Phật như chúng ta đây còn sợ hãi điều gì nữa! Dù cho có tai nạn lớn gì xảy ra, thậm chí có người nói

thế giới này sẽ bùng phát chiến tranh hạt nhân, đạn hạt nhân sẽ bùng nổ trên không trung giống như chúng ta xem bắn pháo bông vậy, xem rất là vui! Còn chúng ta đây, khi đó sẽ đi sang đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chẳng còn sợ bất cứ điều gì.

Trong kinh thường nhắc nhở chúng ta “*xa lìa sợ hãi, vọng tưởng*”, nên dù cho tai nạn có xảy đến trước mắt cũng không kinh sợ, vì *chỉ chính mình mới có thể làm chủ tế của mình*. Nếu như tai nạn có xảy đến mà bạn kinh hoàng sợ hãi thì coi như phiền phức, bạn sẽ đi vào tam ác đạo.

Muốn vậy thì từ hôm nay chúng ta phải cố gắng tinh tấn tu trì, để khi bất cứ tai nạn nào có xảy ra, cũng đều không sợ hãi. *Hễ tâm định thì có chủ tế, chắc chắn là sẽ đi vào nơi tốt lành!*

Khuyến tấn Cha Mẹ cầu sanh Tịnh Độ.

Hỏi: Làm thế nào để giúp cha mẹ già khởi tín tâm đối với Phật pháp, để khi lâm chung gặp được duyên lành niệm Phật vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc?

Đáp: Câu hỏi này rất hay! Có đưa ra câu hỏi này chúng tôi mới thấy được lòng hiếu thảo của quý vị đối với cha mẹ mình, có thể đưa cha mẹ sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây mới là đại hiếu đó! Không có gì thù thắng hơn việc hiếu thuận đối với cha mẹ đây, biết khuyến tấn cha mẹ sanh sang Tây Phương làm Phật, rồi không chỉ là vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi mà họ còn vĩnh viễn thoát khỏi mười pháp giới.

Thật sự mà nói mỗi một bạn đạo niệm Phật đây, đối với người già nên có cái tâm này, đây là tâm đại hiếu đấy. Bạn thật tình nỗ lực tu hành y theo lời dạy của Phật, thường đem công đức của bạn hồi hướng cho cha mẹ thì bạn là một đứa con hiếu thảo.

Vậy làm thế nào để có thể ảnh hưởng họ? – Tự mình đích thực phải có nỗ lực tu hành, từ chính ngay nơi thân mình, tâm mình biểu hiện sự hiếu thảo, được thế mới làm họ cảm động, để họ có cảm tưởng tốt đối với Phật pháp, sau đó mới từ từ khuyên họ niệm Phật. Vì nếu họ đều không vui vẻ, không hài lòng những gì bạn làm thì bạn khuyên họ niệm Phật rất khó. Nên lựa những cơ hội, cơ duyên như lúc cha mẹ đang vui vẻ, lúc ăn cơm hay lúc họ rảnh rỗi..., bạn phải nên thường kể cho họ nghe những sự thù thắng của Tịnh Độ, công đức và lợi ích của sự niệm Phật, và các câu chuyện về những người vãng sanh (thời cận đại) mà bạn biết được, như Tịnh độ Thánh Hiền Lục Vãng Sanh chuyện vậy... Giảng kinh họ chưa chắc đã hiểu, chưa chắc có hứng thú, kể chuyện người vãng sanh họ sẽ thích hơn. Nên tùy thuận cha mẹ bạn, không cần đến chùa, ở nhà niệm Phật cũng được. Nếu niệm ra tiếng họ không thích thì bạn nên niệm thầm, tất cả đều phải thuận theo cha mẹ. Dùng cách này để giúp đỡ, khuyến khích họ, như vậy mới tốt, khi hiểu rồi họ mới dễ có thể buông bỏ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật.

Hỏi: Cha mẹ trong nhà tuổi tác đã lớn lại có chứng bệnh lẫn như những người già, vậy thưa phải làm sao để khuyến giải họ đây?

Đáp: Việc này thật phiền phức lắm đó! Bản thân bạn phải đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức để hồi hướng cho họ.

Bình thường chúng ta hay nói “hồi hướng”, nếu như việc hồi hướng đó không có công đức gì cụ thể, thì việc hồi hướng đó cũng không có tác dụng gì! Bạn thấy “nguyện đem công đức này”, nhưng công đức gì đây? Không có công đức gì thì không được, việc hồi hướng coi như chẳng có hữu dụng!

Vậy công đức tốt nhất là gì đây? Là tự mình phải ‘y giáo phụng hành’!

Trong kinh Địa Tạng có những tấm gương mẫu như Bà La Môn nữ, hay Ngài Quang Mục. Tự thân bà chân thật tu hành, kiên thành như thế nên bà mới thật có công đức, rồi bà mới đem công đức đó mà hồi hướng. Còn chúng ta đây chỉ niệm có vài câu Phật hiệu, mấy câu Kinh thì không có lợi ích chi cả!

* Bạn thấy Bà La Môn nữ ở trong định, thấy Quỷ vương nói với bà rằng, “Mẹ của bà đã sanh lên trời rồi!” Nghĩa là sao? Chúng ta đọc trong kinh thấy, tuy thời gian bà niệm Phật chỉ có một ngày một đêm, nhưng một ngày một đêm đó bà đã niệm đến *nhất tâm bất loạn*, cho nên Quỷ vương mới gọi bà là “Bồ Tát”. Nếu như bà không đạt đến cảnh giới đó thì bà không thể nhìn thấy địa ngục – vì chỉ Phật và Bồ Tát mới có thể nhìn thấy được cảnh giới này!

Qua việc này bạn mới hiểu được sự lợi ích của cái tâm chân thành, chính do tâm chân thành – trong Kinh A Di Đà dạy “hoặc 1 ngày, hoặc 2 ngày, hoặc 3 ngày... sẽ thành tựu,” nên chỉ

trong một ngày một đêm mà bà đã đạt đến mức *siêu phàm nhập Thánh*, rồi đem công đức này mà hồi hướng cho mẹ mình, khiến cho bà mẹ được sanh thiên.

* Còn chuyện của Ngài Quang Mục là ở trong cảnh giới mộng – sức tu tập ở trong cảnh giới mộng có hơi kém một chút – thông thường chúng ta gọi công phu tu tập của bà là công phu thành phiến, bà vẫn chưa đạt đến sự nhất tâm, đạt được nhất tâm mới thật sự là Bồ Tát. Chính vì công phu của bà mới là thành phiến nên mẹ của bà vẫn còn phải thọ sanh lại nhân gian, sanh vào trong một gia đình hạ tiện, thọ mạng chỉ đến 13 tuổi rồi lại phải chuyển kiếp. Bà không có được sự thù thắng giống như Bà La Môn nữ, bởi vì công phu của bà chưa có đạt đến sự nhất tâm.

Qua đây mới biết, nếu như bạn muốn hồi hướng thì bạn cũng phải có công đức chân thật, nếu không có công đức chân thật thì bạn lấy cái gì để hồi hướng đây? Điều này rất là quan trọng!

Chúng ta học được từ nơi Phật, Bồ Tát là ở ngay trong cuộc sống thường ngày, nhất định phải dùng tâm chân thành – chân thì không giả, thành thì không hư vọng – nếu là hư tình giả ý thì thật là đáng lo lắng. Nhất định không được mảy may giả dối, nếu chuyển ý niệm được như vậy thì công đức của bạn rất lớn, còn nếu như bạn vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn tham sân si mạn thì không được; cho dù bạn có làm đến thế nào đi nữa thì đừng nói chi đến công đức, ngay cả phước đức cũng chỉ có được mảy may thôi.

Nói về phước đức trong Lục Tổ Đàn Kinh cũng đã dạy rõ: “phước đức không có cứu nổi chuyện này”. Có nghĩa việc này phước đức không thể cứu! “*Sanh tử là việc lớn, phước đức không giải quyết được mà phải là công đức,*” mà muốn có công đức thì nghĩa là bạn phải thuần thiện, tâm bình hành trực được như trên.

Nên từ nay về sau, vì muốn cho chánh pháp trường tồn, vì muốn phổ độ chúng sanh khổ nạn, vì muốn phục vụ cho chúng sanh, phạm làm việc gì cũng phải nên có *tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng*, tuyệt đối không nên vì bản thân mình thì công đức này rất là lớn đó. Việc này rất quan trọng, rất then chốt, quyết định không nên sợ thiệt thòi, phải có lòng tin vững chắc như vậy mới thật sự là có công đức vô lượng, mới là chân tâm.

Hỏi: Xin hỏi con có thể bỏ giấy Quy y chôn theo người chết được không?

Đáp: Nếu như trên giấy Quy y đây không có in hình Phật thì được, còn nếu như có in hình Phật thì không được. Thật sự mà nói, giấy Quy y của Tiên nhân con cháu cất giữ lại cũng là một kỷ niệm tốt, nếu như con cháu có biết Phật pháp thì có thể cúng dường giấy này đặt ở bên cạnh tượng Phật. Đây là hiếu tâm, hiếu tự, thương thương nghĩ đến cha mẹ đã qua đời, đem công đức tu tạo tích chứa của mình mà hồi hướng cho họ và cũng thương tự cảnh tình mình đoạn ác tu thiện.

Hỏi: Thêm vào quan tài người chết một vài tháp hương, trầm hương, hoa tươi hoặc là thêm vào một vài giấy tiền vàng bạc, cách nào là đúng lý, đúng pháp?

Đáp: Trong quan tài có thể không cần phải thêm giấy tiền, thêm những thứ như củi khô, trầm hương... thì được, thêm vào những cái này thì tốt thôi.

Người xuất gia, khi pháp sư qua đời người ta thường bỏ những thứ này vào quan tài, không cần bỏ giấy tiền.

Hỏi: Trong khu nghĩa địa của người Nội Mông Cổ, khi đưa người chết đến nơi hỏa táng thường thấy có giăng tràng phan bảo cái, bên trên thì có danh hiệu chư Phật, Bồ Tát. Xin hỏi làm như vậy có đúng pháp không, và phải làm như thế nào để giúp người thân thích của người chết sanh tín tâm?

Đáp: Phong tục tập quán của mỗi nơi đều có khác nhau, vì vậy nên nương theo các bạn bè thân thích và phong tục tập quán của mọi người ở nơi đó. Chúng ta phải hành lễ theo phong tục tập quán của họ, có được vậy thì mọi người sẽ rất vui vẻ. Còn nếu như muốn áp dụng nghi lễ của nơi khác, thì cũng phải báo trước cho họ biết, vì nếu không có nói rõ trước thì người ta sẽ trách mình, về điểm này chúng ta cũng cần phải hiểu.

Còn muốn cho bạn bè thân thích có thể phát khởi tín tâm, việc này có liên quan rất lớn đối với người mạng chung. Nếu như người mạng chung có tu hành đúng pháp, thì lúc ra đi sẽ hiển hiện ra tướng lành hiếm có, để cho mọi người nhìn thấy khiến sẽ hoan hỷ, sanh tín tâm, ham cầu; hoặc nhìn thấy có một

số cảm ứng, thấy được những điều này cũng đủ để khiến cho người ta sanh tâm chánh tín hơn.

Hỏi: Một phạm nhân (chắc chắn sẽ bị xử tội chết) trước khi lâm chung họ muốn dùng những bộ phận trong cơ thể có giá trị của họ đem bán, rồi lấy số tiền đó hiến tặng cho người nhà của họ. Có một vị cư sĩ niệm Phật, cũng muốn hiến tặng những bộ phận trong cơ thể để có thể giúp cho những người cần thay thế để sống. Xin hỏi những việc làm trên có nên hay không, và mối quan hệ nhân quả cũng như sự vãng sanh sẽ ảnh hưởng như thế nào?

Đáp: Người phạm nhân này, trước khi chết, bằng tâm yêu thương của mình, định đem bán bộ phận trong thi thể của mình để giúp cho người nhà, thì cái tâm này là tâm thiện rất đáng được tán thán.

Vị cư sĩ này cũng vậy, phát khởi được cái tâm tích cực, muốn đem lợi lạc cho người khác thì đó quả là tâm từ bi chân thật, là tâm thiện.

Nhưng việc hiến tặng các bộ phận trong thi thể, thật sự mà nói, điều này có ảnh hưởng đến việc tái sinh của đời sau – đời sau mình sẽ đi vào đường nào, điều này mới rất là quan trọng! Quan điểm của người thế gian thường hời hợt vậy thôi, không được rồi, nhất định phải thận trọng! Trong kinh Đức Phật có dạy, con người sau khi chết rồi, thần thức đại khái ước tính là khoảng 8 tiếng đồng hồ sau mới rời khỏi thân xác. Chỉ khi thần thức rời khỏi hãn thân xác rồi, thì cái thân xác đó mới

thuần túy thuộc về vật chất, bởi khi ấy nó không còn nhận biết sự đau khổ.

Còn nếu như thần thức chưa có rời khỏi, thậm chí tuy đã tắt thở rồi, hoặc máy ghi nhận tín hiệu sóng âm của thần kinh óc não cũng đã tắt, nên có thể tuyên bố là hoạt động của các giác quan thần kinh đã chết. Sóng âm não đã ngưng rồi, nhịp mạch tim cũng ngừng đập và hơi thở cũng đã ngưng – *nhưng thần thức vẫn chưa chắc đã rời khỏi thân xác* – nên khi thân bị đau đớn, tâm vẫn sanh khởi phiền đau!

Phật tử tu niệm Phật, lúc lâm chung còn phải chịu sự giải phẫu để cắt lọc các bộ phận trong cơ thể, nếu tâm bạn không có một chút sân giận gì cả thì bạn có thể làm chuyện này. Nếu lúc đó bạn lại cảm thấy đau đớn, lại hối hận, thì bạn không thể vãng sanh đến Cực Lạc thế giới, đây là một chuyện rất mạo hiểm.

Khi bạn hiến tặng bộ phận trong cơ thể bạn, bất quá chỉ giúp cho một người kéo dài sanh mạng thêm được vài năm mà thôi; nếu bạn có thể thành Phật, thì những ***chúng sanh trong hư không pháp giới*** sẽ được bạn độ không biết nhiều đến mức nào. *Bài toán này chúng ta cần phải biết tính!*

Nhiều Người Vãng Sanh Cùng Lúc thì Làm Sao Phật A Di Đà Đến Tiếp Dẫn Hết Được?

Trích trong Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam

Án Quang đại sư

---oOo---

Có người hỏi: Đức Phật A Di Đà ở yên nơi Cực Lạc. Thế giới ở mười phương thì vô lượng vô biên. Chúng sanh niệm Phật trong một thế giới cũng vô lượng vô biên. Đức Phật A Di Đà làm sao có thể dùng một thân cùng một lúc tiếp dẫn tất cả chúng sanh niệm Phật trong vô lượng vô biên thế giới ở mười phương?

Đáp: Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu mà suy lường cảnh Phật. Hãy dùng một thí dụ để thuyết minh khiến mê lầm của ông được dứt trừ. Một vầng trăng sáng trên bầu trời trong, muôn sông đều hiện bóng. Mặt trăng nào có ý chiếu khắp! Trên trời chỉ có một vầng trăng mà biển cả, sông lớn, dòng to, khe nhỏ thủy đều hiện đủ toàn thể mặt trăng. Dù nhỏ như nước trong một cái chén hay một giọt cũng đều hiện đầy đủ toàn thể mặt trăng.

Vả lại, mặt trăng nơi sông hồ, một người nhìn xem thì có một mặt trăng hiện trước người đó, trăm ngàn muôn ức người ở trăm ngàn muôn ức chỗ nhìn xem thì đều riêng có mặt trăng hiện ra trước. Nếu trăm ngàn muôn ức người đều riêng hướng về Đông, Tây, Nam, Bắc mà đi thì mặt trăng cũng đi theo và thường hiện nơi những người đó. Dù đi đến đâu cũng không

thấy xa gần. Nếu trăm ngàn muôn ức người đứng yên chẳng động thì mặt trăng cũng đứng yên chẳng động mà vẫn thường hiện nơi những người đó. Chỉ khi nước trong yên lặng thì mặt trăng hiện, nước đục hoặc xao động thì mặt trăng ẩn. Mặt trăng vốn không có tâm lấy bỏ. Nó không hiện là do nước đục và xao động. Vì thế, mặt trăng không do đâu mà hiện bóng được.

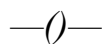
Tâm chúng sanh như nước. Phật A Di Đà như mặt trăng. Chúng sanh có tín nguyện đầy đủ chí thành cảm Phật, đức Phật sẽ ứng hiện, như nước trong thì trăng hiện vậy.

Nếu tâm chẳng thanh tịnh chẳng chí thành, tương ưng với tham, sân, si ắt cùng Phật trái nhau. Như nước đục và xao động, dù trăng chiếu chẳng sót chỗ nào nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng. Mặt trăng là sắc pháp thế gian mà còn có sự vi diệu như thế, huống là đức Phật A Di Đà đã sạch hết phiền não, phước huệ đầy đủ, tâm trùm thái hư, lượng khắp pháp giới đó ư? Cho nên, kinh Hoa Nghiêm nói:

*“Phật thân sung mãn đầy pháp giới
Khắp hiện tất cả trước quần sanh
Tùy duyên cảm ứng đều cùng khắp
Mà luôn ở tại tòa Bồ đề.”*

Cho nên biết, khắp pháp giới cảm thì khắp pháp giới ứng. Phật chưa từng khởi tâm động niệm, không có tướng đến đi – mà có thể làm cho chúng sanh duyên đã thành thực thấy đức Phật đến tiếp dẫn mình về Tây Phương. Người ôm mối nghi này vốn

chẳng phải là ít, nhân đây trình bày đại ý khiến cho họ sanh lòng tin chân chánh vậy.



Tri Ân Báo Ân

*Hòa Thượng Tịnh Không giảng
cư sĩ Vọng Tây cẩn dịch*

---oOo---

Hôm nay có vị đồng tu đưa ra câu hỏi: “Làm cách nào để siêu độ thân bằng quyến thuộc của mình?” Cho thấy đây là một vấn đề quan trọng, được nhiều người quan tâm đến. Những người đã chết, niềm mong mỏi tha thiết duy nhất của họ là trông nhờ vào sự giúp đỡ của con cháu. Do đó con cháu cần phải tu học Phật Pháp, theo đúng phương pháp của Phật đã dạy để tu hành, đây là cách thức giúp đỡ có hiệu quả nhất.

Nhưng trong Phật Pháp có 8 vạn 4 ngàn pháp môn, mà pháp môn trì danh niệm Phật là phương pháp dễ tu và mau chóng đạt được kết quả nhất. Nếu chúng ta thật sự phát tâm muốn cứu thân bằng quyến thuộc vĩnh viễn xa lìa ác đạo, thì chúng ta phải mạnh dạn bước vào niệm Phật đường, chân thật niệm Phật, đồng thời phải có tâm kiên cố.

Trong cuộc sống dầu có nhiều bận rộn, một tuần chúng ta phải đến niệm Phật đường một ngày. Niệm Phật vì ai? Vì giúp đỡ thân bằng quyến thuộc hiện kiếp, cũng như thân nhân nhiều

đời kiếp đã qua. Công đức này thật to lớn vô cùng. Hiện nay trong niệm Phật đường của chúng ta, mỗi tuần niệm Phật một lần 24 giờ. Một ngày như vậy, chúng ta hãy buông xả thân tâm vạn duyên thế giới bên ngoài, dùng tâm lòng chân thành thanh tịnh từ bi, đồng thời với tâm niệm báo ân để đến niệm Phật. Được như thế, việc niệm Phật của chúng ta mới mong kết quả tốt, và nhất là đối với ông bà, tổ tiên, cha mẹ đã quá cố của chúng ta sẽ được vô cùng lợi lạc, và công đức của chúng ta cũng thật là to lớn.

Trong đây có người thắc mắc: “Làm sao biết được thân bằng quyến thuộc lúc nào thoát khỏi ác đạo?”

Xin thưa rằng: “Ngay lúc quý vị phát tâm chân thành niệm Phật, họ lập tức thoát khỏi ác đạo!” Bởi vì việc làm của quý vị chân thật không giả dối, thì liền được cảm ứng, chứ không phải chờ đến khi quý vị niệm Phật đến lúc công phu của quý vị thành khối họ mới được siêu thoát. Tuy nhiên nếu công phu của quý vị thành khối, nghĩa là tâm không xen tạp, không gián đoạn, có thể gọi là chứng tiểu quả, thì phước báo của họ sẽ được sanh lên Thượng thiên đạo, tức là Trời, Người, A tu la.

Trường hợp công phu niệm Phật của quý vị không ngừng nâng cao, thì thân bằng quyến thuộc của quý vị sẽ không bao giờ trở lại ác đạo. Đến đây quý vị đủ hiểu rõ hai mặt lý và sự của công đức niệm Phật, rồi từ đây quý vị sẽ tự biết mình nên làm thế nào.

Khi phát tâm đền công ơn sâu dày đối với cứu huyền thất tổ, thân bằng quyến thuộc, thì pháp môn niệm Phật là điều rất tốt, tuy nhiên nếu không có ngoại duyên hỗ trợ, và vì nghiệp chướng tập khí của mình, thì công phu không được đắc lực. Một niệm Phật đường chân chính là một tặng thượng duyên giúp chúng ta tu hành. Duyên này rất thù thắng!

Hôm qua có một vị đồng tu người Mỹ đến nói với tôi rằng: “Tôi vào niệm Phật đường thấy chung quanh đều có hình Phật, tôi có cảm giác như chính mình cũng là Phật”. Cảm giác này thật không sai! Điểm thù thắng khác nữa là ở niệm Phật đường là được mỗi ngày nghe giảng kinh thuyết pháp, sau khi nghe và hiểu được nghĩa lý trong kinh, rồi siêng năng tu hành, đây gọi là giải hành tương ưng. Nếu một niệm Phật đường hằng ngày không được giảng kinh thuyết pháp, người tu niệm Phật không thể nào giải hành tương ưng được thì đa số dễ lạc vào hình thức niệm Phật. Như vậy hiệu quả sẽ khác nhau lắm.

Hiện nay có một số đạo tràng ở những nơi khác đến tham dự Phật Thất và áp dụng phương thức niệm Phật ở đây vào đạo tràng của họ, thật là quý hoá vô cùng. Tôi hy vọng mỗi đạo tràng ở những nơi khác đều có thể xây Niệm Phật đường, hầu giúp mọi người cùng nhau niệm Phật. Tuy nhiên một nhân tố cần thiết không thể thiếu, đó là phải hiểu rõ lý lẽ. Muốn hiểu rõ lý phải có người giảng kinh thuyết pháp không gián đoạn. Nếu quý vị không tìm được người giảng pháp, có thể đến đạo tràng của chúng tôi lấy băng về nghe. Mỗi ngày nên mở băng nghe hai giờ đồng hồ, như vậy Niệm Phật đường của quý vị đối với chúng tôi không có sai khác. Công phu niệm Phật của chúng ta

một khi đã thành khối, không những thân bằng quyến thuộc của kiếp này, thậm chí đến nhiều đời nhiều kiếp trước của chúng ta mà chúng ta không biết hoặc không thể nhớ, họ vẫn được siêu độ.

Nghĩ đến việc này, nếu chúng ta không siêng năng nỗ lực tu hành, chúng ta thật có lỗi với ông bà tổ tiên, thân bằng quyến thuộc vậy.

Do đó khi vào niệm Phật đường, chúng ta phải mang tâm “tri ân báo ân” để niệm Phật. Chính cái tâm này là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy chúng ta tinh tấn không ngừng.

Hôm nay những chúng sanh này vẫn còn kẹt trong ác đạo, không có khả năng giải thoát, nên họ hoàn toàn trông cậy ở chúng ta. Những người hiểu Phật Pháp, hiểu giáo lý chân thật nên y giáo phụng hành. Không những giúp họ ra khỏi cảnh khổ, mà mọi tai kiếp hiện nay trên thế giới đều có thể hóa giải, có thể đạt đến chỗ quốc thái dân an như lời Phật nói.

Cho nên, niệm Phật không phải chỉ vì mình mà thôi mà còn vì thân bằng quyến thuộc và vì tất cả chúng sanh!



TÂM THƯ

--oOo--

Kính thưa quý vị liên hữu đồng tu.

Tôi là một Phật tử tại gia, tuổi đã ngoài 70 mươi, thân già, mắt kém, trí nhớ sút giảm – nhớ trước quên sau. Sức khoẻ cũng theo lẽ vô thường mà suy yếu. Tuy rằng tôi đã chuyên tu pháp niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc đã nhiều năm, nhưng vẫn còn ở hạng hạ căn, sơ cơ. Trong quá trình học Phật, tôi đã sưu tầm được một số tài liệu quý báu về “Pháp Môn Tịnh Độ” của chư Phật, Tổ, đại đức và các cư sĩ, và tự nghĩ rằng nó đã mang lại cho bản thân tôi rất nhiều lợi ích. Nay tôi có tâm nguyện kết tập những tài liệu này lại thành một tập sách, gọi là “Tuyển Tập Khuyến Tu Tịnh Độ”, để cúng dường chư Phật tử bốn phương cốt hầu cùng nhau kết duyên Tịnh Độ.

Hiện nay, tôi vẫn thường xuyên cộng tu tại Pháp Viện Minh Đăng Quang, Tampa, Florida, USA, chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Tuy rằng thân đã già yếu, nhưng lòng vẫn luôn mong muốn góp chút ít công sức trong giáo pháp của Như Lai để đền ơn Phật và chúng sanh. Vì biết mạng sống là vô thường, nên tôi luôn một lòng tinh tấn niệm Phật, với niềm tin chân thật và son sắt là lúc lâm chung tôi được Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, đơi nghiệp vãng sanh, một đời này liễu sanh thoát tử. Hôm nay, tôi mạo muội biên soạn tập sách này, mong được tích lũy chút ít thiện căn phước đức để hồi hướng trang nghiêm Phật Tịnh Độ, trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường. Nếu có những thiếu sót và sai lầm gì, không hợp với ý của Chư Phật, Chư Bồ tát, Chư Tỳ Kheo Tăng Ni, chư vị cư sĩ và Phật tử... Tôi xin ở tận đáy lòng thành tâm sám

hồi.

Nếu công việc này có chút ít công đức nào, tôi xin nguyện đem tất cả hồi hướng về cho ông bà, cha mẹ, những người thân thương trong gia tộc đã quá cố, mong cầu chư vị hương linh quá vãng này dù ở trong bất cứ cảnh giới nào, đều phát lòng Tín-Nguyện-Hạnh niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc và đều được thành tựu, tự cứu mình, rồi cứu người... Tôi cũng nguyện xin hồi hướng công đức này cho tất cả chúng sanh trong mười phương: âm siêu dương thối, pháp giới chúng sanh, tinh dữ vô tình đều được an trụ trong hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật” và đồng vãng sanh Cực Lạc, viên thành Phật đạo.

Nội dung của tập sách này là gồm những lời dạy bảo quý báu của chư Tổ Tịnh tông, ước mong những lời dạy vô giá này sẽ đem lại cho những ai – hăm mộ tu hành tịnh nghiệp, mong được giải thoát – được muôn phần lợi lạc.

Kính xin chư vị Phật tử hoan hỷ dành thời giờ đọc những bài tuyển tập trong tập sách này, và tùy theo sở đắc mà Hiểu, Nhớ, Tín, Nguyện và Hành pháp môn niệm Phật cho được đúng như lý như pháp, để cùng nhau phát Bồ Đề tâm, nhất tâm niệm Phật, tinh tấn tu thành Phật cứu độ chúng sanh.

Thành kính tri ân.

Phật tử Nguyễn Long, Pháp danh Minh Tâm

---oOo---

Tác giả không giữ bản quyền

và rất hoan nghinh mọi phiên dịch và tái ấn tống. Nếu cần, xin liên lạc tác giả, để được cung cấp bản văn đánh máy trong Microsoft Word/Acrobat file.

Chân thành cảm ân.

*Long Nguyễn,
2804 Ravendale,
Ln Holiday, FL 34691
USA.*

Email address: longn060@gmail.com



LỜI CẢM TẠ VÀ HỒI HƯỚNG



Chúng tôi chân thành tri ân quý Phật tử cùng chung đóng góp tịnh tài để ấn tống tập sách này. Nguyên đem công đức này cầu hồi hướng cho Phật nhật tăng huy, Pháp luân luôn chuyển, thiên hạ thái bình, mưa thuận gió hoà, tai dịch chẳng khởi, binh đao chẳng động, quốc gia hưng thịnh, chúng sanh an lạc.

Nguyên đem công đức này
Hướng bốn ân ba cõi
Khắp pháp giới chúng sanh
Đồng vãng sanh Cực Lạc
Thành Phật độ chúng sanh

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma Ha Tát
Nam Mô A Di Đà Phật

Danh Sách Phật Tử Ấn Tống

Albert Zou	Euro \$ 50.0
Ấn danh	US \$ 18.0
Ấn danh	US \$ 300.0
Ấn Viên	Euro \$ 60.0
Cao Ngọc Lan	US \$ 100.0
Chơn Đoan	US \$ 100.0
Diệu An Dung	US \$ 20.0
Diệu An Nho	US \$ 20.0
Diệu Minh	Euro \$ 50.0
Diệu Ngộ	US \$ 100.0
Diệu Pháp	US \$ 20.0
Diệu Thơm	US \$ 10.0
Diệu Thực	Euro \$ 50.0
Hàng Anh	Euro \$ 100.0
Hưu Trạch Đô	US \$ 100.0
Khánh Ngọc	US \$ 100.0
Khoa	US \$ 400.0
La Thành	US \$ 100.0
Laura Trịnh	US \$ 200.0
Lê Thị Bích	US \$ 20.0
Lưu Thanh Nhân	US \$ 200.0
Mai Bentz	CND \$ 100.0
Minh Giác	CND \$ 100.0
Minh Hưng	Euro \$ 50.00
Minh Tâm	US \$ 100.0
Ngọc Tường	US \$ 50.0
Nguyễn Diễm và Lê Hoa	US \$ 40.0

Nguyễn Hồ	CND \$ 100.0
Nguyễn Hoa	US \$ 20.0
Nguyễn Lộc	US \$ 50.0
Nguyễn Phương	US \$ 200.0
Nguyễn Thanh Loan	US \$ 200.0
Nguyễn Thị Hồng Điệp	Euro \$ 50.0
Như Liên	Euro \$ 300.0
Như Phụng	Euro \$ 100.0
Pháp Chi	Euro \$ 100.0
Pháp Tuệ	Euro \$ 50.0
Quý Ngọc	US \$ 50.0
Tâm Thành & Kim Sa	US \$ 100.0
Thủy Ngọc	US \$ 100.0
Trần Hương Nga	US \$ 100.0
Trần Thị Tài	US \$ 200.0
Trần Tỉ Hằng	CND \$ 100.0
Trương Mỹ Hạnh	CND \$ 50.0
Văn, Võ Quốc Cường	Euro \$ 50.0